

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG HỌC SINH GIỎI

NGŨ VĂN 8

CHUYÊN SÂU

CHUYÊN ĐỀ 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN THƯỜNG GẶP TRONG KỲ THI HỌC SINH GIỎI NGŨ VĂN

I. TÁC PHẨM VĂN HỌC

1. Khái niệm

Tác phẩm văn học là một công trình nghệ thuật ngôn từ, đó là kết quả của một quá trình sáng tạo, lao động trí óc miệt mài của tác giả. Một tác phẩm văn học có thể là sản phẩm của một cá nhân hoặc một tập thể cùng nhau sáng tạo ra. Những người sáng tác tác phẩm văn học sẽ được gọi là nhà văn.

Nội dung của các tác phẩm văn học thông thường sẽ mô phỏng về hiện thực cuộc sống đời thường. Cũng có khi đó là sản phẩm của sự sáng tạo, trí tưởng tượng về một thế giới không thực mà do chính tác giả muốn tạo nên. Những nhân vật trong tác phẩm văn học có thể lấy cảm hứng từ nhân vật có thật, hoặc chỉ là nhân vật hư cấu của tác giả.

2. Nội dung và hình thức của tác phẩm văn học

Nội dung tác phẩm là hiện thực cuộc sống được phản ánh trong sự cảm nhận, suy ngẫm và đánh giá của nhà văn. Đó là một hệ thống gồm nhiều yếu tố khách quan và chủ quan xuyên thấm vào nhau. Trước hết, tác phẩm văn học cung cấp cho người đọc những biểu hiện phong phú, nhiều vẻ và độc đáo của đời sống mà tính loại hình của chúng tạo thành đề tài của tác phẩm. Vấn đề quan trọng nhất nổi lên từ đề tài, buộc tác giả phải bày tỏ thái độ, có ý kiến đánh giá là chủ đề. Ý kiến của tác giả trước vấn đề được nêu ra trong tác phẩm là tư tưởng. Thái độ đánh giá, nhiệt tình bảo vệ tư tưởng tạo nên cảm hứng chủ đạo hay cảm hứng tư tưởng. Quan niệm về thế giới và con người được dùng làm hệ quy chiếu để tác giả xác định đề tài, chủ đề, lý giải thế

giới của tác phẩm có cội nguồn sâu xa trong thế giới quan. Cuối cùng, tương quan giữa sự biểu hiện của đời sống và sự cảm thụ chủ quan tạo nên nội dung thẩm mỹ của hình tượng. Nội dung tác phẩm là kết quả khám phá, phát hiện khái quát của nhà văn. Sự lược quy nội dung này vào các phạm trù xã hội học sẽ làm nghèo nàn nội dung tác phẩm.

a. Các khái niệm về nội dung của tác phẩm văn học

- Đề tài là lãnh vực đời sống được nhà văn nhận thức, lựa chọn, khái quát, bình giá và thể hiện trong văn bản. Việc lựa chọn đề tài bước đầu bộc lộ khuynh hướng và ý đồ sáng tác của tác giả.

- Chủ đề là vấn đề cơ bản được nêu ra trong văn bản.

+ Chủ đề thể hiện điều quan tâm cũng như chiều sâu nhận thức của nhà văn đối với cuộc sống.

+ Tầm quan trọng của chủ đề không phụ thuộc vào khuôn khổ văn bản, cũng không phụ thuộc vào việc chọn đề tài. Có những văn bản rất ngắn nhưng chủ đề đặt ra lại lớn lao (ví dụ bài Sông núi nước Nam của Lí Thường Kiệt chỉ có 28 chữ nhưng là bản tuyên ngôn khẳng định chủ quyền).

+ Mỗi văn bản có thể có một hoặc nhiều chủ đề tùy quy mô, ý định của tác giả.

- Tư tưởng của văn bản là sự lí giải đối với chủ đề đã nêu lên, là nhận thức của tác giả muốn trao đổi, nhắn gửi, đối thoại với người đọc. Tư tưởng là linh hồn của văn bản văn học.

- Cảm hứng nghệ thuật là nội dung tình cảm chủ đạo của văn bản. Những trạng thái tâm hồn, những cảm xúc được thể hiện đậm đà, nhuần nhuyễn trong văn bản sẽ truyền cảm và hấp dẫn người đọc. Qua cảm hứng nghệ thuật, người đọc cảm nhận được tư tưởng, tình cảm của tác giả nêu trong văn bản.

b. Các khái niệm thuộc về hình thức của tác phẩm văn học

- Ngôn từ là yếu tố đầu tiên, là vật liệu, công cụ, lớp vỏ đầu tiên của tác phẩm văn học. Ngôn từ hiện diện trong từ ngữ, câu đoạn, hình ảnh, giọng điệu của văn bản được nhà văn chọn lọc hàm súc, đa nghĩa... mang dấu ấn của tác giả.

- Kết cấu là sự sắp xếp tổ chức các thành tố của văn bản thành một đơn vị thống nhất chặt chẽ, hoàn chỉnh, có ý nghĩa.
- + Kết cấu hàm chứa dụng ý của tác giả sao cho phù hợp với nội dung văn bản.
- + Có nhiều cách kết cấu như kết cấu hoành tráng của sử thi, đầy yếu tố bất ngờ của truyện trinh thám, kết cấu mở theo dòng suy nghĩ của tùy bút, tạp văn...
- Thể loại là những quy tắc tổ chức hình thức văn bản phù hợp với nội dung văn bản, hoặc có chất thơ, tiểu thuyết, kịch... thể loại có cải biến, đổi mới theo thời đại và mang sắc thái riêng của tác giả.
- Cần lưu ý, không có hình thức nào là "hình thức thuần túy" mà hình thức bao giờ cũng "mang tính nội dung". Vì vậy, trong quá trình tìm hiểu và phân tích tác phẩm, cần chú ý mối quan hệ hữu cơ, logic giữa hai mặt nội dung và hình thức của một tác phẩm một cách thống nhất, toàn vẹn.

3. Ý nghĩa quan trọng của nội dung và hình thức của tác phẩm văn học

- Nội dung có giá trị là nội dung mang tư tưởng nhân văn sâu sắc, hướng con người tới chân - thiện - mỹ và tự do dân chủ.
- Hình thức có giá trị là hình thức phù hợp với nội dung, hình thức cần mới mẻ, hấp dẫn, có giá trị cao.
- Nội dung và hình thức không thể tách rời mà thống nhất chặt chẽ trong tác phẩm văn học, nội dung tư tưởng cao đẹp biểu hiện trong hình thức hoàn mỹ.

II. BẢN CHẤT CỦA VĂN HỌC

1. Văn chương bao giờ cũng phải bắt nguồn từ cuộc sống.

Grandi từng khẳng định: “Không có nghệ thuật nào là không hiện thực”. Cuộc sống là nơi bắt đầu và là nơi đi tới của văn chương. Hơn bất cứ một loại hình nghệ thuật nào, văn học gắn chặt với hiện thực cuộc sống và hút mật ngọt từ nguồn sống dồi dào đó. Ai đó đã từng ví văn học và cuộc sống như thần Ăng-Tê và Đất Mẹ. Thần trở nên vô địch khi đặt hai chân lên Đất Mẹ cũng như văn học chỉ cường tráng và dũng mãnh

khi gắn liền với hiện thực đời sống. Đầu tiên và trên hết, văn chương đòi hỏi tác phẩm nghệ thuật chất hiện thực.

Hiện thực xã hội là mảnh đất sống của văn chương, là chất mật làm nên tính chân thực, tính tự nhiên, tính đúng đắn, tính thực tế của tác phẩm văn học. Một tác phẩm có giá trị hiện thực bao giờ cũng giúp người ta nhận thức được tính quy luật của hiện thực và chân lý đời sống.

Những tác phẩm kinh điển bao giờ chờ đi được những tư tưởng lớn của thời đại trên đôi cánh của hiện thực cuộc sống. Cánh điều văn học dù bay cao bay xa đến đâu vẫn gắn với mảnh đất cuộc sống bằng sợi dây hiện thực mỏng manh mà vô cùng bền chắc. “Nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia, thoát ra từ những kiếp người lầm than”, “Nó ca ngợi tình thương, lòng bác ái, sự công bình, nó làm người gần người hơn” (Nam Cao)

Văn chương của người nghệ sĩ sẽ có gì nếu nó không mang dáng dấp cuộc đời? Có chăng chỉ là những dòng chữ rời rạc bị bẻ vụn mà thôi. Song có phải người nghệ sĩ phản ánh toàn bộ những biến đổi, những sự việc của nhân tình thế thái vào tác phẩm thì tác phẩm sẽ trở thành kiệt tác? Thành tác phẩm chân chính giữa cuộc đời? “Tác phẩm nghệ thuật sẽ chết nếu nó miêu tả cuộc sống chỉ để miêu tả, nếu nó không phải là tiếng thét khổ đau hay lời ca tụng hân hoan, nếu nó không đặt ra những câu hỏi hoặc trả lời những câu hỏi đó” (Belinxky).

2. Văn chương cần phải có sự sáng tạo.

Sáng tạo là quy luật đặc thù của văn học, là điều kiện tiên quyết của văn học. Theo Tê Bạch Thạch: “Nghệ thuật vừa giống vừa không giống với cuộc đời. Nếu hoàn toàn giống cuộc đời thì đó là nghệ thuật mị đời. Còn nếu hoàn toàn không giống cuộc đời thì đó là nghệ thuật dối đời”. “Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo, vì vậy nó đòi hỏi người sáng tác phải có phong cách nổi bật, tức là có nét gì đó rất riêng, mới lạ thể hiện trong tác phẩm của mình” (Nam Cao)

Nghệ thuật thường vừa hư vừa thực, vừa hiện thực vừa lãng mạn, vừa bình thường vừa phi thường. Mỗi tác phẩm văn học, mỗi nhân vật, mỗi câu chữ trong tác phẩm phải tạo được sự bất ngờ, lý thú đối với người đọc.

Tác phẩm văn học là tấm gương soi chiếu hiện thực cuộc sống nhưng phải qua lăng kính chủ quan của nhà văn. Chính vì vậy, hiện thực trong tác phẩm còn thực hơn hiện thực ngoài đời sống vì nó đã được nhào nặn qua bàn tay nghệ thuật của người nghệ sĩ, được thổi vào đó không chỉ hơi thở của thời đại mà cả sức sống tư tưởng và tâm hồn người viết. Hiện thực đời sống không phải chỉ là những hiện tượng, những sự kiện nằm thẳng đơ trên trang giấy mà phải hòa tan vào trong câu chữ, trở thành máu thịt của tác phẩm. Chất hiện thực làm nên sức sống cho tác phẩm và chính tài năng người nghệ sĩ đã bắt tử hóa sức sống ấy.

Ví dụ: Cùng viết về số phận, cảnh người nông dân trước cách mạng tháng Tám nhưng Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Kim Lân, Nam Cao,, đều có những cách nhìn, cách khám phá khác nhau:

- Ngô Tất Tố đi sâu vào phản ánh nỗi thống khổ của những người nông dân nghèo trước nạn sưu thuế.
- Nguyễn Công Hoan khai thác nạn cướp ruộng đất.
- Vũ Trọng Phụng nhìn thấy nỗi khổ của người dân bởi nạn vỡ đê.
- Kim Lân đau đớn trước thảm cảnh nạn đói 1945 – hậu quả của chế độ thực dân phát xít.
- Nam Cao – sâu sắc và lạnh lùng khi khám phá ra con đường tha hóa về nhân hình In nhân tính của người nông dân. Tác phẩm của Nam Cao là tiếng chuông: hãy cứu lấy con người. Nam Cao là nhà văn có cái nhìn sắc bén về hiện thực xã hội.

Trong sáng tạo văn học, nhà văn luôn giữ vai trò đặc biệt quan trọng bởi văn học không chỉ phản ánh đời sống mà còn biểu hiện thế giới quan của nhà văn: “Văn học là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan. Tất cả những gì hiện diện trong sáng tác của nhà văn dường như đều được lọc qua lăng kính chủ quan của họ”.

III. CHỨC NĂNG CỦA VĂN HỌC

Có rất nhiều tiêu chí phân biệt sự khác nhau giữa văn học và các môn khoa học khác. Nhưng có lẽ M. Gorki đã từng nói rất đúng đặc thù của bộ môn: “Văn học là nhân

học”. Văn học là khoa học, khám phá thế giới tâm hồn, tính cách con người, văn học có chức năng riêng, biểu hiện trên ba mặt chính : nhận thức – giáo dục – thẩm mỹ

1. Chức năng nhận thức

Văn học có chức năng khám phá những quy luật khách quan của đời sống xã hội và đời sống tâm hồn của con người. Nó có khả năng đáp ứng nhu cầu của con người muốn hiểu biết về thế giới xung quanh và chính bản thân mình. Không phải ngẫu nhiên đã có người cho rằng: “Văn học là cuốn sách giáo khoa của đời sống”. Chính cuốn sách ấy đã thể hiện một cách tinh tế và sắc sảo từng đổi thay, từng bước vận động của xã hội. Nó tựa như “chiếc chìa khoá vàng mở ra muôn cánh cửa bí ẩn, đưa con người tới ngưỡng cửa mới của sự hiểu biết thế giới xung quanh.

Văn học giúp phản ánh hiện thực để đem lại những kiến thức mệnh mông về đời sống vật chất lẫn tinh thần của con người. Bởi thế mà có người cho rằng văn học chẳng khác gì bách khoa toàn thư của cuộc sống. Ta từng thấy Ăng-ghe-nh nhận xét khi đọc về tiểu thuyết của Ban-zắc – đó là giúp người đọc hiểu hơn về xã hội của nước Pháp.

Bên cạnh đó, chức năng nhận thức của văn học còn thể hiện ở việc giúp người đọc hiểu được bản chất của con người nói chung và tự nhận thức về bản thân mình. Những câu hỏi về sự tự nhận thức bản thân cũng được văn học giải đáp một cách chi tiết nhất.

2. Chức năng giáo dục

Nghệ thuật là hình thái đặc trưng, hình thành từ những tìm tòi, khám phá của người nghệ sĩ về hiện thực đời sống. Nghệ thuật mang đến cái nhìn toàn diện và đầy đủ hơn về xã hội, thể hiện những quan điểm của người nghệ sĩ, từ đó tác động mạnh mẽ đến nhận thức, tình cảm, cảm xúc của người tiếp nhận.

Chính vì vậy, nghệ thuật luôn ẩn chứa sứ mệnh cao cả và thiêng liêng, góp phần làm đẹp cho cuộc đời. Tố Hữu đã từng phát biểu: “Nghệ thuật là câu trả lời đầy thẩm mỹ cho con người; thay đổi, cải thiện thế giới tinh thần của con người, nâng con người lên”. Còn Nguyên Ngọc thì khẳng định: “Nghệ thuật là sự vươn tới, sự hướng về, sự níu giữ mãi mãi tính người cho con người”. VH giáo dục con người bằng con đường từ cảm xúc đến nhận thức bằng cái thật, cái đúng, cái đẹp của những hình tượng sinh

động. Văn học giúp con người rèn luyện bản thân mình ngày một tốt đẹp hơn, có thái độ và lẽ sống đúng đắn.

3. Chức năng thẩm mỹ

Văn học đem đến cho con người những cảm nhận chân thực, sâu sắc và tinh tế nhất. Nghệ thuật sáng tạo trên nguyên tắc cái đẹp, vì thế không thể thoát khỏi quy luật của cái đẹp. Cụ thể:

- Văn học mang đến cho con người vẻ đẹp muôn màu của cuộc đời (vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước, con người...)
- Miêu tả, thể hiện cái đẹp của con người từ ngoại hình đến thế giới nội tâm phong phú tinh tế bên trong.
- Cái đẹp trong văn học không chỉ thể hiện ở nội dung mà còn ở hình thức nghệ thuật tác phẩm : kết cấu, ngôn từ chặt chẽ, mới mẻ, độc đáo.

4. Mối quan hệ giữa các chức năng văn học

Bên cạnh việc chuyển tải nội dung thẩm mỹ, tác phẩm nghệ thuật còn tác động đến nhận thức của con người, đánh thức những tình cảm, cảm xúc, bản năng của con người, khơi dậy sức sống và niềm tin yêu, hi vọng vào thế giới ấy.

Một tác phẩm dù lớn hay nhỏ đều ẩn chứa những giá trị nhận thức riêng biệt. Một Xuân Diệu nồng nàn, tươi trẻ với những bước chân vội vàng, cuồng quýt, vồ vập trong tình yêu; một Huy Cận mang mang thiên cổ sầu; một Hàn Mặc Tử yêu đời, yêu cuộc sống đến tha thiết nhưng đành “bó tay nhìn thể phách và linh hồn tan rã”... Những nhà thơ Mới mỗi người một vẻ, một sắc thái nhưng đã hòa cùng dòng chảy của văn học, mang đến những cảm nhận mới lạ, tinh tế, tác động mạnh mẽ tới tri giác, đánh thức những bản năng khát yêu, khát sống trong mỗi con người.

Còn dòng văn học hiện thực lại tác động vào con người theo những hình tượng nhân vật. Một chị Dậu giàu đức hi sinh đã kiên cường đấu tranh với kẻ thống trị để bảo vệ gia đình; một Chí Phèo bước ra từ những trang văn lạnh lùng nhưng ẩn chứa nhiều đớn đau của Nam Cao; một Xuân Tóc Đỏ với bộ mặt “chó đũa” của xã hội... Tất cả đã tác động lên người đọc nhận thức đầy đủ, phong phú về xã hội. Từ đó khơi dậy ý

thức đấu tranh giai cấp để giành lại quyền sống, ý thức cải tạo xã hội và ý thức về giá trị con người.

Trên hành trình kiếm tìm, vươn tới nghệ thuật, mỗi người nghệ sĩ lại tìm cho mình một định nghĩa, một chuẩn mực để đánh giá văn chương, nghệ thuật. Có người cho rằng giá trị cao nhất của văn chương là vì con người. Có người lại quý văn chương ở sự đồng điệu tri âm: “Thơ ca giúp ta đi từ chân trời một người đến với chân trời triệu người”. Còn có người lại coi văn chương nghệ thuật là “một thứ khí giới thanh cao và đặc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một thế giới giả dối và tàn ác, vừa làm cho lòng người trong sạch và phong phú thêm” (Thạch Lam). Nguyên Ngọc cũng từng khẳng định: “nghệ thuật là phương thức tồn tại của con người”...

Tất cả những quan điểm các nhà nghệ sĩ đã giúp cho chúng ta nhận ra văn học là một yêu cầu thiết yếu, một nhu cầu không thể thiếu của con người. Ta tự hỏi con người sẽ sống như thế nào nếu mai kia chẳng còn văn chương? Có lẽ tâm hồn con người sẽ khô cạn, chai sạn lắm bởi văn chương cho ta được là CON NGƯỜI với hai chữ viết hoa, với đầy đủ những ý nghĩa cao đẹp.

“Văn chương giữ cho con người mãi mãi là con người, không sa xuống thành con vật”. Văn chương nâng con người lớn dậy, thanh lọc tâm hồn con người. Bởi vậy, hành trình đến với văn chương là hành trình kiếm tìm, vươn tới. “Nghệ thuật là sự vươn tới, sự hướng về, sự níu giữ mãi mãi tính người cho con người”. Xét đến cùng, hành trình của một tác phẩm văn chương là hướng con người đến con đường CHÂN – THIÊN – MĨ.

Một tác phẩm văn chương đích thực bao giờ cũng là sự hòa quyện của chức năng. Chức năng thẩm mĩ là đặc trưng của nghệ thuật. Chức năng giáo dục là nhiệm vụ của nghệ thuật. Chức năng nhận thức là bản chất của văn chương.

Ba chức năng của văn chương có quan hệ khăng khít và xuyên thấu vào nhau để cùng tác động vào con người. Chức năng này đồng thời biểu hiện chức năng kia và ngược lại.

IV. CON NGƯỜI TRONG VĂN HỌC

Đối tượng phản ánh của văn học chính là con người. Gorki nói: “Văn học là nhân học”. Nguyễn Minh Châu thì cho rằng: “Văn học và hiện thực là hai vòng tròn đồng tâm và tâm điểm là con người”.

Tuy vậy, cái mà văn học quan tâm, không phải chỉ đơn thuần là con người xét về phương cái văn học quan tâm chính là tư cách xã hội của con người. Marx từng nói: “Con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội”. Nếu ngành sinh học nghiên cứu về giải phẫu con người, nghiên cứu về tế bào con người, nói chung là nghiên cứu mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên, thì văn học nghiên cứu con người trên phương diện xã hội, qua việc đặt con người trong một bối cảnh xã hội, thông qua những mối quan hệ để khám phá bản chất tâm hồn con người cũng như phát hiện ra những vấn đề mang tính khái quát, cấp thiết về con người, về cuộc đời.

Vậy đâu là điểm khác biệt giữa văn học với lịch sử, triết học, xã hội học, những ngành khoa học khác cũng nghiên cứu con người trên phương diện xã hội? Thời xưa từng có quan điểm “văn, sử, triết” bất phân, đúng như vậy, trong một vài thời kì, sự phân biệt giữa văn học, lịch sử, và triết học rất khó phân định. Văn học phải thể hiện đời sống, tức văn học phải gắn với lịch sử. Đỉnh của một tác phẩm văn học chính là tính tư tưởng, là bức thông điệp của nhà văn với các vấn đề về con người, cuộc đời, vậy văn học gắn với triết học.

Nhưng văn học vẫn có một đặc điểm riêng biệt: Văn học phản ánh con người trên phương diện thẩm mỹ. Một nhà phê bình từng nhận định: “Tác phẩm nghệ thuật chân chính là tác phẩm tôn vinh con người”. Dostoievski từng nói: “Cái đẹp cứu chuộc thế giới”. Sự khu biệt rõ ràng nhất giữa văn học và lịch sử, triết học chính là cái nhìn con người trên phương diện của cái đẹp.

Lịch sử loại trừ cái nhìn chủ quan, triết học chỉ quan tâm đến những vấn đề cốt lõi, còn văn học, sự phản ánh nhất thiết phải gắn với cái đẹp. Ngay cả khi miêu tả một tên trộm, một cái gì đó xấu xa, giả dối, thì văn học vẫn đi theo cây kim của la bàn mang tên cái đẹp, mục đích cuối cùng, mục đích cốt lõi của văn học vẫn là hướng con người đến cái đẹp, đến những giá trị chân thiện, mỹ. Văn học không thể không phản ánh cái xấu xa, cái giả dối, cái bất nhân, nhưng mục đích vẫn phải là để tôn vinh cái đẹp, ca

ngợi cái đẹp; phê phán, tố cáo, lên án cái xấu, cái ác để người đọc thêm trân trọng cái tốt, cái đẹp.

1. Con người- đối tượng phản ánh của văn học

Thứ nhất, văn học nhận thức toàn bộ quan hệ của thế giới con người, đã đặt con người vào vị trí trung tâm của các mối quan hệ. “Văn học và hiện thực là hai vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm là con người” (Nguyễn Minh Châu) – tính hiện thực là thuộc tính tất yếu của văn học, chính vì vậy vòng tròn văn học và vòng tròn hiện thực phải chồng lên nhau, phải có những vùng giao nhau, và cái trục vận động của hai vòng tròn ấy, cái tâm, không gì khác chính là con người. Lấy con người làm điểm tựa miêu tả thế giới, văn nghệ có một điểm tựa để nhìn ra toàn thế giới. Văn nghệ bao giờ cũng nhìn hiện thực qua cái nhìn của con người. Con người trong đời sống văn nghệ là trung tâm của các giá trị, trung tâm đánh giá, trung tâm kinh nghiệm của các mối quan hệ. Như vậy, miêu tả con người là phương thức miêu tả toàn thế giới. Việc biểu hiện hiện thực sâu sắc hay hời hợt, phụ thuộc vào việc nhận thức con người, am hiểu cái nhìn về con người.

Thứ hai, văn học nhận thức con người như những hiện thực tiêu biểu cho các quan hệ xã hội nhất định. Về mặt này, văn học nhận thức con người như những tính cách. Đó là những con người sống, cá thể, cảm tính, nhưng lại thể hiện rõ nét những phẩm chất có ý nghĩa xã hội, những “kiểu quan hệ xã hội”.

Thứ ba, con người mà văn học nhận thức bao giờ cũng mang một nội dung đạo đức nhất định. Cái nhìn con người ở đây của văn học, cũng khác cái nhìn của đạo đức học. Đạo đức nhận thức con người trên các quy tắc, các chuẩn mực. Văn học nhận thức con người trọn vẹn hơn. Tính cách mà văn học nắm bắt không trừu tượng như các khái niệm đạo đức, mà các phẩm chất đạo đức ấy được thể hiện cụ thể trong ý nghĩ, trong việc làm, trong lời nói, trong hành động. Các kiểu quan hệ cũng không đồng nhất với chuẩn mực, nguyên tắc xử thế của đạo đức mà hình thành từ các tình huống cụ thể trong đời sống. Văn học khám phá ý nghĩa đạo đức của các tính cách trong các tình huống éo le, phức tạp nhất trong các trường hợp không thể nhìn tính cách một cách giản đơn, bề ngoài.

Thứ tư, văn học cũng miêu tả con người trong đời sống chính trị, nhưng đó không phải là con người mang bản chất giai cấp trừu tượng. Văn học tái hiện những bản chất chính trị như là những cá tính, những tính cách. Chính ở đây, văn nghệ có thể làm sống lại cuộc sống chính trị của con người cũng như số phận con người trong cơn bão táp chính trị.

Thứ năm, cái đặc sắc nhất của văn học là sự quan tâm tới cá thể, tính cá nhân, quan tâm tới tính cách và số phận con người. Gắn liền với sự miêu tả thế giới bên trong con người; miêu tả thế giới văn hóa: văn hóa cộng đồng, văn hóa ứng xử, văn hóa sáng tạo. Trong các hình thái ý thức xã hội duy nhất có văn học là quan tâm đến sinh mệnh cá thể giữa biển đời mênh mông. Chỉ có văn học là quan tâm các lí giải các giá trị cá thể về sắc đẹp, tư chất, cá tính số phận. Con người tìm thấy ở văn học những tiền lệ về ý thức cá tính, về ý nghĩa cuộc đời, về khả năng chiến thắng số phận, về khả năng được cảm thông trong từng trường hợp.

Thứ sáu, bản chất nhân học của con người được thể hiện ở việc biểu hiện con người tự nhiên: các quy luật sinh lão bệnh tử, những vấn đề có tính chất bản năng, bản chất của con người...

Nội dung phản ánh của văn học là toàn bộ hiện thực cuộc sống đặt trong mối quan hệ với con người. Cái nghệ thuật quan tâm là mối quan hệ người kết tinh trong sự vật. Miêu tả thiên nhiên, đồ vật... đều đặt trong mối quan hệ với con người, để bộc lộ bản chất của con người. Sự phản ánh của văn học bao giờ cũng bày tỏ một quan niệm nhân sinh.

Đối tượng phản ánh không đồng nhất với nội dung phản ánh. Nội dung phản ánh là đối tượng phản ánh được gạn lọc, soi chiếu dưới lý tưởng thẩm mỹ.

2. Vấn đề về hình tượng nhân vật trong văn học

Nhà văn người Đức W. Goethe có nói: “Con người là điều thú vị nhất đối với con người, và con người cũng chủ hứng thú với con người”. Con người là nội dung quan trọng nhất của văn học. Nhân vật văn học là khái niệm dùng để chỉ hình tượng các cá thể con người trong tác phẩm văn học – cái đã được nhà văn nhận thức, tái tạo, thể hiện bằng các phương tiện riêng của nghệ thuật ngôn từ.

a. Khái niệm Nhân vật văn học.

Đối tượng chung của văn học là cuộc đời nhưng trong đó con người luôn giữ vị trí trung tâm. Những sự kiện kinh tế, chính trị, xã hội, những bức tranh thiên nhiên, những lời bình luận...đều góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng cho tác phẩm nhưng cái quyết định chất lượng tác phẩm văn học chính là việc xây dựng nhân vật. Đọc một tác phẩm, cái đọng lại sâu sắc nhất trong tâm hồn người đọc thường là số phận, tình cảm, cảm xúc, suy tư của những con người được nhà văn thể hiện. Vì vậy, Tô Hoài đã có lí khi cho rằng “Nhân vật là nơi duy nhất tập trung hết thảy, giải quyết hết thảy trong một sáng tác”

“Văn học là nhân học” (M. Gorki). Văn học bao giờ cũng thể hiện cuộc sống của con người. Nói đến nhân vật văn học là nói đến con người được nhà văn miêu tả thể hiện trong tác phẩm, bằng phương tiện văn học. Nhân vật văn học có khi là những con người có họ tên như: Từ Hải, Thúy Kiều, Lục Vân Tiên, Chị Dậu, anh Pha, ... Khi là những người không họ không tên như: tên lính lệ, người hầu gái, một số nhân vật xưng “tôi” trong các truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại, như mình – ta trong ca dao. Khái niệm con người này cũng cần được hiểu một cách rộng rãi trên hai phương diện: số lượng và chất lượng. Về số lượng, hầu hết các tác phẩm từ văn học dân gian đến văn học hiện đại đều tập trung miêu tả số phận của con người. Về chất lượng, dù nhà văn miêu tả thần linh, ma quỷ, đồ vật, ... nhưng lại gán cho nó những phẩm chất của con người. Nhân vật trong văn học có khi là một loài vật, một đồ vật hoặc một hiện tượng nào đó của thế giới tự nhiên, mang ý nghĩa biểu trưng cho số phận, cho tư tưởng, tình cảm của con người. Có thể nói nhân vật là phương tiện để phản ánh đời sống, khái quát hiện thực.

Miêu tả con người, chính là việc xây dựng nhân vật của nhà văn. Ở đây, cần chú ý rằng nhân vật văn học là một hiện tượng nghệ thuật mang tính ước lệ, đó không là sự sao chép đầy mọi chi tiết biểu hiện của con người mà chỉ là sự thể hiện con người qua những đặc điểm điển hình về tiểu sử, nghề nghiệp, tính cách. Nói đến văn học thì không thể thiếu nhân vật, vì đó chính là phương tiện cơ bản để nhà văn khái quát hiện thực một cách hình tượng.

Nhà văn sáng tạo nhân vật để thể hiện nhận thức của mình về một cá nhân nào đó, về một loại người nào đó, về một vấn đề nào đó của hiện thực. Những con người này có thể được miêu tả kỹ hay sơ lược, sinh động hay không rõ nét, xuất hiện một hay nhiều lần, thường xuyên hay từng lúc, giữ vai trò quan trọng nhiều, ít hoặc không ảnh hưởng nhiều lắm đối với tác phẩm.

Có thể nói, “nhân vật là phương tiện để phản ánh đời sống, khái quát hiện thực. Chức năng của nhân vật là khái quát những quy luật của cuộc sống và của con người, thể hiện những hiểu biết, những ước mơ, kì vọng về đời sống”. Các vị thần như thần Trụ trời, thần Gió, thần Mưa thể hiện nhận thức của người nguyên thủy về sức mạnh của tự nhiên mà con người chưa giải thích được. Truyền thuyết về Lạc Long Quân và Âu Cơ thể hiện niềm tự hào về nòi giống dân tộc Việt. Nhân vật lí tưởng của văn học cổ Hi – La là những anh hùng chưa có ý thức về đời sống cá nhân, tìm lẽ sống trong việc phục vụ quyền lợi bộ tộc, thành bang, quốc gia, đó là những Asin, Héc-tô trong Iliát, Uylít-xơ trong Ôđixê, Prômê-tê trong Prômê-tê bị xiềng. Nhà văn sáng tạo nên nhân vật là để thể hiện những cá nhân xã hội nhất định và quan niệm về các cá nhân đó.

Nhân vật văn học được tạo nên bởi nhiều thành tố gồm hạt nhân tinh thần của cá nhân như: ý chí, khát vọng, lí tưởng, các biểu hiện của thế giới cảm xúc, các lợi ích đời sống, các hình thái ý thức, các hành động trong quá trình sống. Nhân vật văn học là một hiện tượng nghệ thuật có những dấu hiệu để nhận biết như tên gọi, tiểu sử, nghề nghiệp, những đặc điểm riêng, ... Những dấu hiệu đó thường được giới thiệu ngay từ đầu và thông thường, sự phát triển về sau của nhân vật gắn bó mật thiết với những giới thiệu ban đầu đó. Gắn liền với những suy nghĩ, nói năng, hành động trong quá trình phát triển về sau của nhân vật. Nhân vật văn học không giống với các nhân vật thuộc các loại hình nghệ thuật khác. Ở đây, nhân vật văn học được thể hiện bằng chất liệu riêng là ngôn từ. Vì vậy, nhân vật văn học đòi hỏi người đọc phải vận dụng trí tưởng tượng, liên tưởng để dựng lại một con người hoàn chỉnh trong tất cả các mối quan hệ của nó.

b. Vai trò - Chức năng:

- Nhân vật văn học có chức năng khái quát những tính cách, hiện thực cuộc sống và thể hiện quan niệm của nhà văn về cuộc đời. Khi xây dựng nhân vật, nhà văn có

mục đích gắn liền nó với những vấn đề mà nhà văn muốn đề cập đến trong tác phẩm. Vì vậy, tìm hiểu nhân vật trong tác phẩm, bên cạnh việc xác định những nét tính cách của nó, cần nhận ra những vấn đề của hiện thực và quan niệm của nhà văn mà nhân vật muốn thể hiện. Chẳng hạn, khi nhắc đến một nhân vật, nhất là các nhân vật chính, người ta thường nghĩ đến các vấn đề gắn liền với nhân vật đó. Gắn liền với Kiều là thân phận của người phụ nữ có tài sắc trong xã hội cũ. Gắn liền với Kim Trọng là vấn đề tình yêu và ước mơ vươn tới hạnh phúc. Gắn liền với Từ Hải là vấn đề đấu tranh để thực hiện khát vọng tự do, công lí... Trong Chí Phèo của Nam Cao, nhân vật Chí Phèo thể hiện quá trình lưu manh hóa của một bộ phận nông dân trong xã hội thực dân nửa phong kiến. Đằng sau nhiều nhân vật trong truyện cổ tích là vấn đề đấu tranh giữa thiện và ác, tốt và xấu, giàu và nghèo, những ước mơ tốt đẹp của con người...

- Do nhân vật có chức năng khái quát những tính cách, hiện thực cuộc sống và thể hiện quan niệm của nhà văn về cuộc đời cho nên **trong quá trình mô tả nhân vật, nhà văn có quyền lựa chọn những chi tiết, yếu tố mà họ cho là cần thiết bộc lộ được quan niệm của mình về con người và cuộc sống**. Chính vì vậy, không nên đồng nhất nhân vật văn học với con người trong cuộc đời. Khi phân tích, nghiên cứu nhân vật, việc đối chiếu, so sánh có thể cần thiết để hiểu rõ thêm về nhân vật, nhất là những nhân vật có nguyên mẫu ngoài cuộc đời (anh hùng Núp trong Đất nước đứng lên; Chị Sứ trong Hòn Đất...) nhưng cũng cần luôn luôn nhớ rằng nhân vật văn học là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo gắn liền với ý đồ tư tưởng của nhà văn trong việc nêu lên những vấn đề của hiện thực cuộc sống. Betông Brecht cho rằng: "Các nhân vật của tác phẩm nghệ thuật không phải giản đơn là những bản dập của những con người sống mà là những hình tượng được khắc họa phù hợp với ý đồ tư tưởng của tác giả"

- **Nhân vật văn học là một đơn vị nghệ thuật, nó mang tính ước lệ**, không thể bị đồng nhất với con người có thật, ngay khi tác giả xây dựng nhân vật với những nét rất gần với nguyên mẫu có thật. Nhân vật văn học là sự thể hiện quan niệm nghệ thuật của nhà văn về con người, nó có thể được xây dựng chỉ dựa trên cơ sở quan niệm ấy. Ý nghĩa của nhân vật văn học chỉ có được trong hệ thống một tác phẩm cụ thể. Vai trò và đặc trưng của nhân vật văn học bộc lộ rõ nhất trong phạm vi vấn đề "nhân vật và tác giả". Theo Bakhtin, tương quan "nhân vật - tác giả" tùy thuộc hai nhân tố: 1. lập trường (công nhiên hoặc che giấu) của tác giả trong quan hệ với nhân vật (lập trường

đó có thể là: anh hùng hoá, mĩ mai, chế nhạo, đồng cảm, v.v...); 2. bản chất thể loại của tác phẩm (ví dụ trong văn trào phúng sẽ có kiểu quan hệ của tác giả đối với nhân vật khác với trong văn xuôi tâm lí). Tùy thuộc hệ thống nghệ thuật của nhà văn, có những mức độ tự do khác nhau của nhân vật với tác giả: mức tối đa - nhân vật đối lập và đối thoại với tác giả, tính "tự trị" của nó là đáng kể (đây là cơ sở để nói đến "lôgic nội tại" của nhân vật); mức tối thiểu - nhân vật và tác giả mang các nét chung về tư tưởng, tác phẩm trở thành tấm gương soi những tìm tòi về tinh thần của nhân vật, cũng là những bước đường tư tưởng của nhà văn.

V. NHỮNG YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHỆ SĨ TRONG SÁNG TẠO NGHỆ THUẬT

1. Người nghệ sĩ phải luôn luôn sáng tạo, tìm tòi những đề tài mới, hình thức mới

Nam Cao đã từng khẳng định: “Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp được những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những cái gì chưa có”. Shê- khốp cũng cho rằng: “Nếu nhà văn không có một lối đi riêng của mình thì người đó chẳng bao giờ là nhà văn”.

“Khi ta gọi là một bậc thầy của nghệ thuật ngôn từ ta không hề thấy ngại miệng, một nhà văn độc đáo vô song mà mỗi dòng, mỗi chữ tuôn ra đầu ngọn bút đều như có đóng một dấu triện riêng”. (Anh Đức). Người nghệ sĩ trong hành trình sáng tạo phải là người trinh sát, với chiếc cần ăng ten nhanh nhạy để nhận mọi tín hiệu, mọi làn sóng; phải biết tổng hợp, đánh giá, phân tích để phát đi một tiếng nói duy nhất, đúng đắn, sâu sắc. Mỗi bài thơ, câu văn đều là kết quả quá trình sáng tạo độc đáo của người nghệ sĩ sau khi đã công phu chọn lựa và nhào nặn chất liệu hiện thực. Do vậy, khi một nhà văn mới xuất hiện, câu hỏi của chúng ta về anh ta là: Anh ta là thế nào? Tác phẩm của anh ta có gì mới mẻ?

Những câu hỏi, sự kì vọng ấy chứng tỏ: Sáng tạo là yếu tố then chốt quyết định sự sống còn của nhà văn trong quy luật phát triển chung của văn học.

2. Người nghệ sĩ phải biết rung cảm trước cuộc đời

Tâm hồn nhạy cảm là sự thể hiện trái tim giàu tình cảm của nhà văn. Đó là lúc nhà văn thâm nhập vào đối tượng với một con tim nóng hổi, chuyển hóa cái đối tượng khách quan thành cái chủ quan đến mức “tưởng như chính mình sinh ra cái khách quan ấy”. Để từ đó, khi viết, họ dùng cái vốn bản thân sống sâu nhất để cảm nhận cuộc đời.

Tình cảm là yếu tố quyết định sự sinh thành, giá trị và tầm cỡ của tác phẩm nghệ thuật. Khi Lê Quý Đôn khẳng định: “Thơ khởi phát từ trong lòng người” là có ý nói tình cảm quyết định đến sự sinh thành của thơ. Ngô Thì Nhậm thì nhấn mạnh: “Hãy xúc động hồn thơ cho ngọn bút có thần”. Nghĩa là tình cảm quyết định đến chất lượng thơ. Còn Nguyễn Đình Thi lại đúc kết: “Hình ảnh trong thơ phải là hình ảnh thực, nảy sinh trong tâm hồn ta khi ta đứng trước trước cảnh huống, một trạng thái nào đó”.

Cái gốc của văn chương nói chung, tác phẩm nói riêng là tình cảm, nghĩa là người nghệ sĩ phải biết rung cảm trước hiện thực của đời sống thì mới sáng tạo nên nghệ thuật.

3. Mỗi nhà văn phải có phong cách riêng

Bởi đặc trưng của văn học là hoạt động sáng tạo có tính cá thể. Nếu cá tính nhà văn mờ nhạt, không tạo được tiếng nói riêng, giọng điệu riêng thì đó là sự tự sát trong văn chương.

Phong cách chính là nhà văn phải đem lại một tiếng nói mới cho văn học, đó là sự độc đáo mà đa dạng, bền vững mà luôn đổi mới. Đặc biệt, nó phải có tính chất thẩm mỹ, nghĩa là đem lại cho người đọc sự hưởng thụ thẩm mỹ dồi dào. Phong cách không chỉ là dấu hiệu trưởng thành của một nhà văn mà khi đã nở rộ thì nó còn là bằng chứng của một nền văn học đã trưởng thành.

Phong cách nghệ thuật có cội nguồn từ cá tính sáng tạo của nhà văn. Cá tính sáng tạo là sự hợp thành của những yếu tố như thế giới quan, tâm lí, khí chất, cá tính sinh hoạt... Phong cách của nhà văn cũng mang dấu ấn của dân tộc và thời đại. Có thể nhận ra phong cách của nhà văn trong tác phẩm. Có bao nhiêu yếu tố trong tác phẩm thì có bấy nhiêu chỗ cho phong cách nhà văn thể hiện.

VI. PHONG CÁCH SÁNG TÁC

1. Khái niệm

“Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo, vì vậy nó đòi hỏi người sáng tác phải có phong cách nổi bật, tức là có nét gì đó rất riêng, mới lạ thể hiện trong tác phẩm của mình”(Văn học 12, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1994, trang 136). Nhận định trên đã nêu ra yêu cầu rất đặc trưng của văn chương nghệ thuật, đó là sự độc đáo. Chính sự độc đáo ấy tạo nên phong cách nghệ thuật. Một khi tác giả sáng tác văn học tạo được dấu ấn riêng biệt, độc đáo trong quá trình nhận thức và phản ánh cuộc sống, biểu hiện rõ cái độc đáo qua các phương diện nội dung và hình thức của từng tác phẩm, nhà văn đó được gọi là nhà văn có phong cách nghệ thuật.

Có một nữ văn sĩ từng nói đại ý rằng: **“Sẽ không bao giờ chúng ta gặp lại mình như chiều nay”**. Nguyễn Tuân cũng từng nói: “Tôi quan niệm đã viết văn phải cố viết cho hay và viết đúng cái tạng riêng của mình. Văn chương cần có sự độc đáo hơn trong bất kì lĩnh vực nào khác”. “Không ai tắm hai lần trên cùng một dòng sông”. Mỗi khoảnh khắc trôi đi không bao giờ trở lại. Sẽ chẳng bao giờ ta gặp lại một Nam Cao, một Nguyễn Tuân, Xuân Diệu hay Thạch Lam,... thứ hai trên cõi đời này nữa. Bởi lẽ văn chương không bao giờ là sự lặp lại và mỗi nhà văn có một tạng riêng, một phong, cách riêng. “Mỗi công dân có một dạng vân tay. Mỗi nghệ sĩ thứ thiệt đều có một dạng vân chữ không trộn lẫn” (Lê Đạt)

Vấn đề phong cách còn được biểu hiện qua “cái nhìn” của mỗi người nghệ sĩ trước cuộc đời. “Đừng cho tôi đề tài, hãy cho tôi đôi mắt”. Đôi mắt nhìn đời khác nhau sẽ đem lại những trang văn khác nhau và mang đậm cá tính sáng tạo. Đây không chỉ đơn thuần là vấn đề về cái nhìn, mà rộng hơn là vấn đề về phong cách nghệ thuật nhà văn.

“Phong cách nghệ thuật nhà văn là sự độc đáo, giàu tính khám phá, phát hiện về con người và cuộc đời thể hiện qua hình nghệ thuật độc đáo và những phương thức, phương tiện nghệ thuật mang đậm dấu ấn sáng tạo của cá nhân người nghệ sĩ được thể hiện trong tác phẩm.”

Phong cách chính là vấn đề cái nhìn. Mỗi nhà văn phải có cách nhìn mới mẻ, độc đáo, cách cảm thụ giàu tính khám phá và phát hiện đối với cuộc đời. Cuộc sống này

có gì khác biệt đâu? Từ xưa đến nay, vẫn bốn mùa không thay đổi, vẫn là những vấn đề bức thiết mang tính quy luật về cuộc sống và con người. Thế nhưng, mỗi nhà văn lại tìm thấy trong cái cũ kĩ, quen thuộc ấy những khía cạnh, những góc khuất chưa ai nhìn thấy, hoặc có thấy nhưng không để ý và giả lơ đi.

Cuộc đời qua con mắt của nhà văn lúc nào cũng chứa nhiều điều bí ẩn mãi mãi không khám phá hết. Đó chính là ý thức nghệ thuật của nhà văn chân chính. Họ không bao giờ cho phép bản thân sống lặp lại, sống nhạt nhòa, viết hời hợt và nhìn đời thờ ơ, hờ hững. Những người cầm bút chân chính mang đến cho người đọc mỗi lần đọc tác phẩm của họ là mỗi lần mở ra trước mắt thêm những điều khác lạ hơn, mới mẻ hơn.

Thế nhưng, không phải ai cũng có con mắt nhìn đời mới mẻ và không phải đôi mắt mới nào cũng tạo nên phong cách nghệ thuật. Bất cứ điều gì, việc gì cũng phải đạt đến một độ “chín”, một độ “trưởng thành” nhất định. Giai đoạn 1930-1945, chúng ta chứng kiến sự xuất hiện của hàng loạt những tên tuổi với những tác phẩm thực sự có giá trị. Với thơ, nói như Hoài Thanh đó là “một thời đại trong thi ca”, một thời mà mỗi vần thơ vang lên chứa đựng những nỗi niềm khắc khoải riêng, những thanh âm không thể nào xóa nhòa. “Chưa bao giờ ta thấy xuất hiện cũng một lần một hồn thơ rộng mở như Thế Lữ, mơ màng như Lưu Trọng Lư, hùng tráng như Huy Thông, trong sáng như Nguyễn Nhược Pháp, ảo não như Huy Cận, quê mùa như Nguyễn Bính, kì dị như Chế Lan Viên và thiết tha, rạo rực, băn khoăn như Xuân Diệu ” (Hoài Thanh).

Mỗi nhà thơ góp một phần “rất riêng dù rất nhỏ” vào nền văn học dân tộc, tạo nên những thi phẩm thăng hoa về cảm xúc và in dấu ấn sâu đậm vào lòng người. Điều đặc biệt chính là mỗi người mang trong mình một cái nhìn mới mẻ về con người và cuộc đời. Không còn nhiều khuôn phép hay ước lệ, thơ Mới đạt đến đỉnh cao trong việc phá vỡ mọi nguyên tắc lâu đời của thơ xưa. Họ nhìn và cảm nhận mọi thứ khác hẳn với người xưa, họ mang đôi mắt đầy khám phá quan sát xung quanh.

Lưu Trọng Lư đã từng nhận xét: “Các cụ ta ưa những màu đỏ choét, ta lại ưa những màu xanh nhạt. Các cụ băng khuâng vì tiếng trùng đêm khuya, ta nao nao vì tiếng gà lúc đúng Ngọ. Nhìn một cô gái xinh xắn, ngây thơ, các cụ coi như đã làm một điều tội lỗi, ta thì ta cho là mát mẻ như đứng trước một cánh đồng xanh. Cái ái tình của các cụ thì chỉ là sự hôn nhân nhưng đối với ta thì trăm hình muôn trạng: cái tình say đắm,

cái tình thoáng qua, cái tình gần gũi, cái tình xa xôi, cái tình trong giây phút, cái tình ngàn thu”.

Đó không phải là thay đổi cách nhìn sẽ thay đổi cách viết, cách sử dụng ngôn ngữ và biểu lộ cảm xúc hay sao? Mà tất cả những điều đó góp phần tạo nên phong cách, tạo nên sự khác biệt trong sáng tạo nghệ thuật.

Trong dòng văn học hiện thực phê phán 1930 – 1945, Nguyễn Công Hoan, Thạch Lam, Nam Cao đều là những gương mặt nhà văn xuất sắc khi hướng ngòi bút về phía cuộc sống của những người dân nghèo. Nhưng nếu như Nguyễn Công Hoan xem đời là những mảnh ghép của những nghịch cảnh, Thạch Lam xem đời là miếng vải có lỗ thủng, những vết ố, nhưng vẫn nguyên vẹn thì với Nam Cao, cuộc đời là tấm áo cũ bị xé rách tả tơi.

Những cách nhìn ấy trong mắt mỗi nhà văn đã tạo nên sự khác biệt trong phong cách. Một người trào phúng, một người hơi hướng lãng mạn, một người tả thực với ngôn ngữ trần thuật không thể lẫn lộn; cuộc đời của cả ba nhà văn tạo nên một cuộc đời lớn của văn học: dài rộng và phong phú khôn cùng.

2. Biểu hiện

– Cách nhìn nhận, khám phá cuộc sống độc đáo:

Ví dụ như cùng là nhà văn hiện thực nhưng Ngô Tất Tố quan tâm đến số phận người phụ nữ trong xã hội, Nguyễn Công Hoan vạch trần bản chất những trò lố nực cười, còn Nam Cao lại miêu tả nỗi bi kịch của người trí thức. Cùng một chủ đề nhưng cách tiếp cận và khai thác của mỗi nhà văn lại không giống nhau.

– Nội dung, chủ đề độc đáo:

Chọn lựa đề tài, triển khai cốt truyện, xác định chủ đề,... mỗi nhà văn đều sáng tạo ra cái “đất diễn” riêng của mình. Nếu Thạch Lam viết về cuộc sống mòn mỏi “một ngày như mọi ngày” của những đứa trẻ phố huyện, thì Ngô Tất Tố lại hướng ngòi bút vào miêu tả “vùng trời tối đen như mực” của người nông dân trước Cách mạng tháng Tám. Chính những mảng nội dung độc đáo này sẽ góp phần định hình nên phong cách nghệ thuật của mỗi nhà văn.

– Giọng điệu độc đáo:

Nhắc đến Nam Cao là nhắc đến giọng điệu triết lý, nhắc đến Vũ Trọng Phụng là nhắc đến giọng điệu trào phúng, nhắc đến Nguyễn Tuân là nhắc đến giọng điệu ngông và tài tử rất đặc trưng. Giọng văn là thứ dễ ngấm và dễ thấm nhất đối với độc giả, giúp nhà văn ghi dấu ấn trong lòng người đọc.

Nghệ thuật sử dụng ngôn từ, xây dựng kết cấu, nghệ thuật xây dựng và phân tích tâm lý nhân vật... thể hiện sự tài hoa của tác giả. Không phải ngẫu nhiên mà Nguyễn Tuân được ca ngợi như bậc thầy của ngôn từ, Hoài Thanh được nhắc đến như là nhà phê bình văn học chính xác và sâu sắc nhất.

Phong cách nghệ thuật ở một nhà văn được định hình từ nhiều yếu tố, trong đó có cả những yếu tố khách quan của thời đại và tầm nhìn dân tộc. Hiểu được phong cách nghệ thuật của từng nhà văn sẽ giúp bạn có cách tiếp cận tốt hơn với những tác phẩm của họ.

VII. MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ VĂN - TÁC PHẨM - BẠN ĐỌC

1. Nhà văn và tác phẩm

Tác phẩm văn học lấy ngôn từ nghệ thuật làm chất liệu và hình tượng nghệ thuật làm phương tiện phản ánh thế giới. Thông qua đó, nhà văn thể hiện tư tưởng, tình cảm và những triết lý nhân sinh của mình. “Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. Nhưng nghệ sĩ không những ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ.” (Nguyễn Đình Thi)

Thước đo giá trị của một tác phẩm văn học là ở sự chân thực, sâu sắc trong phản ánh đời sống với những quy luật khách quan và thế giới nội tâm của con người.

Tác phẩm là phương tiện để nhà văn thực hiện thiên chức của mình, hoàn thành chức năng cao đẹp: phản ánh hiện thực cuộc sống. Không có tác phẩm thì không có cái gọi là nhà văn, nhà thơ. Không có tác phẩm thì nhà văn không khác gì người họa sĩ không có bút, nhà quay phim hành nghề không có máy quay...

Tác phẩm chính là cái cuối cùng, là cái túi chứa đựng mọi cảm xúc, khát khao, suy cảm của nhà văn trước hiện thực cuộc sống. Có những đêm mất không ngủ và

lòng rực sáng, tâm hồn nhà nghệ sĩ dồn chứa những rung cảm mãnh liệt dẫn tới một nhu cầu: viết, viết và phải viết. Thậm chí có nhà nghệ sĩ cảm thấy nếu không được viết thì có thể phát điên, có thể chết hay tồn tại mà như đã chết nếu không được viết, không được thai nghén những tác phẩm.

Cái làm nên tên tuổi, thể hiện cái Tôi phong phú, làm cho những nhà văn nhà thơ cảm thấy sự sống của mình thực sự có ý nghĩa, chứ không phải một sự tồn tại mờ nhạt- đó chính là thai nghén ra được các tác phẩm có giá trị. **Qua những đứa con tinh thần này, người nghệ sĩ khẳng định được cá tính riêng của mình cũng là để khẳng định sự tồn tại của cá nhân.**

Có những tác phẩm đã thật sự giúp người nghệ sĩ – con người vượt lên khỏi ranh giới của sự lãng quên, của cái chết mà hướng tới một sự tồn tại vĩnh hằng. Đó là khi người nghệ sĩ sáng tác được những tác phẩm có giá trị cao.

“Giá trị của một tác phẩm nghệ thuật trước hết là ở giá trị tư tưởng của nó. Nhưng là tư tưởng đã được rung lên ở các cung bậc của tình cảm, chứ không phải tư tưởng nằm thẳng đơ trên trang giấy. Có thể nói, tình cảm của người viết là khâu đầu tiên và là khâu sau cùng trong quá trình xây dựng một tác phẩm nghệ thuật”. (Nguyễn Khải)

2. Tác phẩm và người đọc

Bạn đọc là người đánh giá tác phẩm và đồng sáng tạo với tác giả. Nếu tác giả tồn tại nhờ tác phẩm thì người đọc chính là người cấp “chứng minh thư” cho tác phẩm để tác phẩm và tác giả trở nên bất tử với cuộc đời.

Bởi vậy, khi tiếp nhận một tác phẩm, người đọc chỉ hứng thú khi tác phẩm đó thể hiện được cách nhìn mới, tô đậm được nét tính cách độc đáo của nhà văn trong đó. Những cái nhìn giống nhau, cách cảm nhận tương tự nhau sẽ bị người đọc quên lãng, đào thải.

Như vậy, để có được những tác phẩm có giá trị lay động được tới trái tim bạn đọc thì cần có một trái tim nóng bỏng, một tâm hồn nhạy cảm tinh tế; những gì viết ra cần phải xuất phát từ tình cảm chân thật sâu sắc. **Muốn vậy trái tim người nghệ sĩ phải để ở giữa cuộc đời và vì cuộc đời.**

Độc giả khi thâm bình và hưởng thụ cái Đẹp của một tác phẩm văn học nói chung không nên nhìn vào kết cấu đồ sộ, dung lượng hoành tráng của câu từ để vội vàng đánh giá mà **phải đi sâu tìm ra được cái mạch nguồn cảm xúc dạt dào mà sâu kín của thi nhân, nắm được cái hạt ngọc mà người nghệ sĩ thai nghén gửi gắm**. Có như thế mới có thể bước vào địa hạt của cái Đẹp.

VIII. THƠ VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÔN NGỮ THƠ

1. Khái niệm

Thơ là một hình thức sáng tác văn học đầu tiên của loài người. Chính vì vậy mà có một thời gian rất dài, thuật ngữ thơ được dùng chỉ chung cho văn học. Theo nhóm tác giả Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi trong cuốn Từ điển thuật ngữ văn học có thể xem là chung nhất: **"Thơ là hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống, thể hiện tâm trạng, những cảm xúc mạnh mẽ bằng ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh và nhất là có nhịp điệu"**. Định nghĩa này đã định danh một cách đầy đủ về thơ ở cả nội dung và hình thức nghệ thuật. Đặc biệt, đã khu biệt được đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ thơ với ngôn ngữ trong những thể loại văn học khác.

2. Đặc trưng của thơ ca

- **Thơ là một thể loại văn học thuộc phương thức biểu hiện trữ tình**. Thơ tác động đến người đọc bằng sự nhận thức cuộc sống, những liên tưởng, tưởng tượng phong phú; thơ được phân chia thành nhiều loại hình khác nhau, nhưng dù thuộc loại hình nào thì yếu tố trữ tình vẫn giữ vai trò cốt lõi trong tác phẩm.

Nhân vật trữ tình (cũng gọi là chủ thể trữ tình, cái tôi trữ tình) là người trực tiếp cảm nhận và bày tỏ niềm rung động trong thơ trước sự kiện. Nhân vật trữ tình là cái tôi thứ hai của nhà thơ, gắn bó máu thịt với tư tưởng, tình cảm của nhà thơ. Tuy vậy, không thể đồng nhất nhân vật trữ tình với tác giả.

- **Thơ là tiếng nói của tình cảm con người, những rung động của trái tim trước cuộc đời**. Lê Quý Đôn từng khẳng định: “Thơ phát khởi từ lòng người ta”, hay như nhà thơ Tố Hữu đã viết: “Thơ chỉ tràn ra khi trong tim ta cuộc sống đã thật đầy”. Nhà thơ Pháp Alfret de Mussé chia sẻ: “Hãy biết rằng chính quả tim ta đang nói và thở than lúc bàn tay đang viết”, “nhà thơ không viết một chữ nào nếu cả toàn thân không

rung động” (dẫn theo PGS.TS Nguyễn Thị Thanh Hương, Tạp chí Nghiên cứu văn học số 01/2009).

- **Nhưng tình cảm trong thơ không tự nhiên mà có.** Nói về điều này, nhà văn M. Gorki cũng cho rằng: “Thơ trước hết phải mang tính chất tình cảm”. Tình cảm trong thơ gắn trực tiếp với chủ thể sáng tạo nhưng không phải là một yếu tố đơn độc, tự nó nảy sinh và phát triển.

- **Thơ tuy biểu hiện những cảm xúc, tâm sự riêng tư, nhưng những tác phẩm thơ chân chính bao giờ cũng mang ý nghĩa khái quát về con người, về cuộc đời, về nhân loại, đó là cầu nối dẫn đến sự đồng cảm giữa người với người trên khắp thế gian này.**

- **Thơ thường không trực tiếp kể về sự kiện, nhưng bao giờ cũng có ít nhất một sự kiện làm nảy sinh rung động thẩm mỹ mãnh liệt trong tâm hồn nhà thơ** mà văn bản thơ là sự thể hiện của niềm rung động ấy. Một miếng trầu đem mời, một cái bánh trôi nước, một tiếng gà gáy canh khuya có thể là những sự kiện gây cảm xúc cho Hồ Xuân Hương; sự kiện Dương Khuê qua đời trong “Khóc Dương Khuê” (Nguyễn Khuyến); cuộc đời tài hoa mệnh bạc của nàng Tiểu Thanh trong “Độc Tiểu Thanh kí” (Nguyễn Du),...

- **Thơ chú trọng đến cái đẹp, phần thi vị của tâm hồn con người và cuộc sống khách quan.** Về đẹp và tính chất gợi cảm, truyền cảm của thơ có được còn do ngôn ngữ thơ cô đọng, hàm súc, giàu hình ảnh và nhạc điệu. Sự phân dòng, và hiệp vần của lời thơ, cách ngắt nhịp, sử dụng thanh điệu... làm tăng sức âm vang và lan tỏa, thấm sâu của ý thơ. Bàn về đặc điểm này, nhà thơ Sóng Hồng viết: “Thơ là một hình thái nghệ thuật cao quý, tinh vi. Người làm thơ phải có tình cảm mãnh liệt thể hiện sự nồng cháy trong lòng. Nhưng thơ là có tình cảm, lí trí kết hợp một cách nhuần nhuyễn và có nghệ thuật. Tình cảm và lí trí ấy được diễn đạt bằng những hình tượng đẹp đẽ qua những lời thơ trong sáng vang lên nhạc điệu khác thường “.

- **Về cấu trúc, mỗi bài thơ là một cấu trúc ngôn ngữ đặc biệt. Sự sắp xếp các dòng (câu) thơ, khổ thơ, đoạn thơ làm nên một hình thức có tính tạo hình.** Đồng thời, sự hiệp vần, xen phối bằng trắc, cách ngắt nhịp vừa thống nhất vừa biến hóa tạo nên tính nhạc điệu. Hình thức ấy làm nên vẻ đẹp nhịp nhàng, trầm bổng, duyên lý của văn

bản thơ. Ngôn ngữ thơ chủ yếu là ngôn ngữ của nhân vật trữ tình, là ngôn ngữ hình ảnh, biểu tượng. Ý nghĩa mà văn bản thơ muốn biểu đạt thường không được thông báo trực tiếp, đầy đủ qua lời thơ, mà do tứ thơ, giọng điệu, hình ảnh, biểu tượng thơ gợi lên. Do đó ngôn ngữ thơ thiên về khơi gợi, giữa các câu thơ có nhiều khoảng trống, những chỗ không liên tục gợi ra nhiều nghĩa, đòi hỏi người đọc phải chủ động liên tưởng, tưởng tượng, thể nghiệm thì mới hiểu hết sự phong phú của ý thơ bên trong.

Thơ thường có dung lượng câu chữ ngắn hơn các thể loại khác (tự sự, kịch). Hệ quả là nhà thơ biểu hiện cảm xúc của mình một cách tập trung hơn thông qua hình tượng thơ, đặc biệt thông qua ngôn ngữ nghệ thuật, qua dòng thơ, qua vần điệu, tiết tấu... Nhiều khi, cảm xúc vượt ra ngoài cái vỏ chật hẹp của ngôn từ, cho nên mới có chuyện “ý tại ngôn ngoại”.

- Ngôn ngữ thơ cô đọng, hàm súc, giàu hình ảnh và nhạc điệu. Sự phân dòng, và hiệp vần của lời thơ, cách ngắt nhịp, sử dụng thanh điệu... làm tăng sức âm vang và lan tỏa, thấm sâu của ý thơ. Bàn về đặc điểm này, nhà thơ Sóng Hồng viết: “Thơ là một hình thái nghệ thuật cao quý, tinh vi. Người làm thơ phải có tình cảm mãnh liệt thể hiện sự nồng cháy trong lòng. Nhưng thơ là có tình cảm, lí trí kết hợp một cách nhuần nhuyễn và có nghệ thuật. Tình cảm và lí trí ấy được diễn đạt bằng những hình tượng đẹp đẽ qua những lời thơ trong sáng vang lên nhạc điệu khác thường”.

3. Đặc điểm ngôn ngữ của thơ

a. Ngôn ngữ thơ giàu nhạc tính

Thơ trữ tình phản ánh cuộc sống qua những rung động của tình cảm. Thế giới nội tâm của nhà thơ không chỉ biểu hiện bằng ý nghĩa của từ ngữ mà còn bằng cả âm thanh, nhịp điệu của từ ngữ ấy. Nếu như trong văn xuôi, các đặc tính thanh học của ngôn ngữ (như cao độ, cường độ, trường độ...) không được tổ chức thì trong thơ, trái lại, những đặc tính ấy lại được tổ chức một cách chặt chẽ, có dụng ý, nhằm tăng hàm nghĩa cho từ ngữ, gợi ra những điều mà từ ngữ không nói hết. Bởi thế, đặc trưng tính nhạc được coi là đặc trưng chủ yếu mang tính loại biệt rõ nét của ngôn ngữ thơ ca.

Theo các nhà nghiên cứu, nhạc tính trong thơ được thể hiện ra ở ba mặt cơ bản. Đó là: sự cân đối, sự trầm bổng và sự trùng điệp:

- **Sự cân đối là sự tương xứng hài hoà giữa các dòng thơ.** Sự hài hoà đó có thể là hình ảnh, là âm thanh, chẳng hạn:

"Còn bạc, còn tiền, còn đệ tử

Hết cơm, hết rượu, hết ông tôi"

(Nguyễn Bình Khiêm).

Cũng có thể là cách sắp xếp tổ chức mà chúng ta dễ dàng nhận thấy ở cặp câu thực, câu luận trong bài thơ Đường luật thất ngôn bát cú. Đối với thơ hiện đại, yêu cầu này không khắt khe. Tuy vậy, nhà thơ vẫn hết sức chú ý đến hiệu quả nghệ thuật của phép đối xứng trong thơ của mình.

- **Sự trầm bổng của ngôn ngữ thơ thể hiện ở cách hoà âm, ở sự thay đổi độ cao giữa hai nhóm thanh điệu.** Xuân Diệu với hai dòng thơ toàn vận dụng vần bằng đã biểu hiện được cảm xúc lâng lâng, bay bổng theo tiếng đàn du dương, nhẹ êm:

"Sương nương theo trăng ngừng lưng trời

Tương tư nâng lòng lên chơi vơi"

Chính Tố Hữu đã có lần nói đến giá trị ngữ âm của từ "xôn xao" trong câu thơ "Gió lộng xôn xao, sóng biển đu đưa" (Mẹ Tom). Đó đâu chỉ là âm vang của tự nhiên mà là âm vang của tâm hồn. Cái làm nên âm vang đó chính là âm thanh, âm thanh của từ "xôn xao" đã cùng với nghĩa của nó làm nên điều kỳ diệu ấy. Sự trầm bổng của ngôn ngữ còn thể hiện ở nhịp điệu:

"Sen tàn/ cúc lại nở hoa

Sầu dài/ ngày ngắn/ đông đã sang xuân".

Dòng thơ cất theo nhịp 2/4 và 2/2/4 đều đặn như nhịp chuyển vần đều đặn của tháng năm bốn mùa... Nhịp thơ ở đây là nhịp của cảm xúc, cảm nhận. Như vậy, âm thanh, nhịp điệu trong thơ không đơn thuần là hình thức mà là những yếu tố góp phần biểu hiện những khía cạnh tinh vi của đời sống tình cảm con người.

- Sự trùng điệp của ngôn ngữ thơ thể hiện ở sự dùng vần, điệp từ, ngữ và điệp cú...Chúng có tác dụng như một phương tiện kết dính các dòng thơ lại với nhau thành một đơn vị thống nhất, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho trí nhớ vừa tạo nên vẻ đẹp trùng điệp cho ngôn ngữ thơ:

"Lầu mưa xuống, thêm lan mưa xuống

Mưa xuống lầu, mưa xuống thêm lan

Mưa rơi ngoài nẻo dặm ngàn

Nước non rả rích giọt đàn mưa xuân"

(Tiếng đàn mưa- Bích Khê).

Lối điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc ở đây vừa diễn tả được hình ảnh cơn mưa của đất trời vừa tạo nên một ấn tượng vương vấn không dứt trong lòng người.

Như vậy, nhạc điệu trong thơ là một đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ thơ. Ngày nay, nhu cầu của thơ có phần đổi khác. một số người có xu hướng bỏ vần để tạo cho câu thơ sự tự do hoá triệt để. Nhưng nếu không có một nhạc điệu nội tại nào đó như sự đối xứng giữa các dòng, các đoạn thơ, tiết tấu, nhịp điệu của câu thơ thì không còn là ngôn ngữ thơ nữa.

b. Ngôn ngữ thơ có tính hàm súc

Nếu ngôn ngữ văn xuôi tự sự là ngôn ngữ của cuộc sống đời thường, nó chấp nhận mọi lớp từ, mọi biến thái, mọi chiều kích, thậm chí cả sự xô bồ, phồn tạp đến cực độ để tái hiện bộ mặt cuộc sống, tâm lý con người trong sự sâu rộng, đa chiều vốn có của nó thì ngôn ngữ thơ lại mang nặng tính "đặc tuyển". **Là thể loại có một dung lượng ngôn ngữ hạn chế nhất trong các loại tác phẩm văn học, nhưng thơ lại có tham vọng chiếm lĩnh thế giới.** Nói như Ôgiêrốp: "Bài thơ là một lượng thông tin lớn nhất trong một diện tích ngôn ngữ nhỏ nhất". Chính sự hạn định số tiếng trong câu thơ, bài thơ buộc người nghệ sỹ phải "thôi xao", nghĩa là phải phát huy sự tư duy ngôn ngữ để lựa chọn từ ngữ cho tác phẩm.

Như vậy, tính hàm súc được hiểu là khả năng của ngôn ngữ có thể miêu tả mọi hiện tượng của cuộc sống một cách cô đọng, ít lời mà nói được nhiều ý, ý tại ngôn

ngoại. Đây chính là cách dùng từ sao cho đắt nhất, có giá trị biểu hiện cao nhất kiểu như Nguyễn Du đã "giết chết" các nhân vật Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Hồ Tôn Hiến, mỗi tên chỉ bằng một từ: cái vô học của Mã Giám Sinh: Ghế trên ngai tốt sổ sàng; cái gian manh của Sở Khanh: Rẽ song đã thấy Sở Khanh lên vào; cái tầm thường ti tiện của Hồ Tôn Hiến: Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình.

Tính hàm súc của ngôn ngữ thơ, vì vậy, chứa đựng các thuộc tính khác. Hàm súc cũng có nghĩa là phải chính xác, giàu hình tượng, có tính truyền cảm và thể hiện cá tính của người nghệ sĩ. Chẳng hạn, từ "khô" trong câu thơ của Tản Đà: "Suối khô dòng lệ chờ mong tháng ngày" là một từ có tính hàm súc cao mà những yếu tố tương đương với nó (như "tuôn") không thể thay thế. Nó không chỉ diễn tả được chiều sâu của tình cảm mà còn gọi lên cả chiều dài của những tháng năm chờ đợi. Nó vừa đảm bảo được tính chính xác, tính hình tượng, vừa có tính truyền cảm.

c. Ngôn ngữ thơ có tính truyền cảm

Tính truyền cảm cũng là đặc trưng chung của ngôn ngữ trong tác phẩm văn chương, bởi tác phẩm văn học là sản phẩm của cảm xúc của người nghệ sĩ trước cảnh đời, cảnh người, trước thiên nhiên. **Cho nên, ngôn ngữ trong tác phẩm văn chương phải biểu hiện được cảm xúc của tác giả và phải truyền được cảm xúc của tác giả đến người đọc, khơi dậy trong lòng người đọc những cảm xúc thẩm mỹ.** Tuy nhiên, do đặc trưng của thơ là tiếng nói trực tiếp của tình cảm, trái tim nên ngôn ngữ thơ ca có tác dụng gợi cảm đặc biệt.

Ngôn ngữ thơ không bao giờ là ngôn ngữ chú trọng miêu tả cái khách quan như ngôn ngữ trong tác phẩm tự sự. Nếu nhà văn dùng ngôn ngữ để thuyết minh, miêu tả, nhấn nhủ, giải thích... thì nhà thơ dùng ngôn ngữ để truyền cảm. Tính truyền cảm của ngôn ngữ thơ không chỉ biểu hiện qua cách lựa chọn từ ngữ, các phương thức tu từ mà còn biểu hiện qua nhạc điệu thơ. Chẳng hạn:

"Em ơi Ba Lan mùa tuyết tan

Đường bạch dương sương trắng nắng tràn"

(Tố Hữu).

Sự tập trung dày đặc các nguyên âm có độ mở rộng và phụ âm mũi vang khiến câu thơ nghe giàu tính nhạc, kéo dài như âm vang của sóng biển vỗ bờ. Nhạc tính đó không đơn thuần là sự ngân nga của ngôn ngữ mà còn là khúc nhạc hát lên trong lòng người.

Tóm lại, thơ là một hình thái nghệ thuật cao quý, tinh vi của sáng tạo văn học nghệ thuật. Vì vậy, ngôn ngữ thơ là ngôn ngữ mang tính nghệ thuật; ngôn ngữ thơ trước hết mang đầy đủ những thuộc tính của ngôn ngữ văn học, đó là: tính chính xác, tính hàm súc, tính đa nghĩa, tính tạo hình, tính biểu cảm... Tuy nhiên, ở mỗi loại tác phẩm khác nhau, những đặc điểm ấy lại biểu hiện dưới những sắc thái và mức độ khác nhau. Đồng thời, mỗi loại tác phẩm lại có những đặc trưng ngôn ngữ riêng.

4. Tính nhạc, hội họa, điện ảnh và nghệ thuật điêu khắc trong thơ ca

a. Tính nhạc trong thơ (Thi trung hữu nhạc).

Văn là họa, bởi vậy đi vào thế giới văn chương cũng là đặt chân vào một thế giới tràn đầy đường nét, rực rỡ sắc màu, đẹp và sinh động như chính cuộc đời thực tại. Nhưng làm nên thơ văn không chỉ có họa mà còn là nhạc. Âm nhạc với những thanh âm, giai điệu, tiết tấu,... luôn có khả năng cuốn hút, gọi dậy những cảm xúc trong lòng người. Nhưng nhạc tính không chỉ thuộc quyền sở hữu của âm thanh mà còn ở trong thơ văn như một phần đặc biệt. Đọc thơ, ta luôn cảm nhận được một sự réo rắt gọi lên từ câu chữ âm vang.

Từ xưa đến nay, các nghệ sĩ đã khai thác các đặc tính này góp phần không nhỏ vào việc chuyển tải nhịp điệu của cảm xúc và ảnh hưởng trực tiếp đến thính giác độc giả. Thế giới âm thanh vì thế mà thả sức ulla vào khuôn khổ của câu từ chật hẹp. Thế giới âm thanh cũng là sự biểu đạt khá rõ nét thế giới tâm hồn và nhịp cảm xúc của chính người nghệ sĩ. “Thơ ca là nhạc của tâm hồn” (Vôn – te). Vậy thì tiếp cận thế giới tràn đầy âm thanh, khuôn nhạc trong mỗi tác phẩm văn chương cũng là một cách tiếp cận, nắm bắt những cảm xúc mà nhà thơ, nhà văn mang lại. Bên cạnh hội họa, âm nhạc vì thế mà đem một sức gợi, một linh hồn cho các tác phẩm văn chương. Văn có họa nhưng trong văn cũng đầy nét nhạc. “Thi trung hữu nhạc”.

b. Tính họa trong thơ (Thi trung hữu họa).

Người xưa thường nói “thi trung hữu họa”. Đó chính là khẳng định mối quan hệ giữa văn chương và hội họa. Hội họa lấy những đường nét thô sơ hay uyển chuyển, những gam màu đậm nhạt, sáng tối khác nhau để mô tả hiện thực đời sống. Bởi thế, nó có khả năng tác động mạnh mẽ đến thị giác người xem, mở được cửa sổ tâm hồn con người. Hội họa có ưu thế trong việc đem lại những cảm xúc thẩm mỹ mới mẻ, tinh tế.

Văn học phản ánh cuộc sống bằng hình tượng, nó đòi hỏi phải tái hiện được bức tranh đời sống giàu có và sinh động. Nhưng ngôn ngữ văn chương lại mang tính phi vật thể. **Vì vậy, muốn tác động trực quan đến người đọc, ngôn ngữ ấy phải giàu có về hình ảnh, phong phú về màu sắc, đường nét.** Và những yếu tố trên đã tạo ra chất hội họa trong văn, làm hiển hiện trước mắt người đọc bức tranh tươi đẹp về cuộc sống. Những lúc ấy, nhà văn giống như người nghệ sĩ tài ba đem ngôn ngữ, những đường nét và gam màu tinh tế để vẽ nên những tuyệt tác bằng ngôn từ.

Sự kết hợp giữa họa và văn đã làm thỏa mãn cả con mắt và cái tâm của người thưởng thức. Mới hay sự kết hợp ấy đôi khi nâng cả họa cả văn lên đến đỉnh cao. Chất họa đi vào văn chương qua bàn tay sáng tạo của người nghệ sĩ được thể hiện bằng những bút pháp riêng như chấm phá, phát họa, điểm nhãn, tả cảnh ngụ tình,... tạo nên sự sống động cho tác phẩm.

c. Điện ảnh.

Người ta hay ví những nhà thơ, nhà văn như những nhà quay phim tài ba. Khéo léo nhất đó là khi họ chớp được những pha thần tình trong cảm xúc, hành động của nhân vật, ghi lại những sự kiện, cảnh huống nóng bỏng nhất của thời đại xã hội, những vấn đề đáng được đưa lên phim ảnh.

Khi Nguyễn Đình Thi viết những câu kết lại bài “Đất nước”:

“Súng nổ rung trời giận dữ

Người lên như nước vỡ

Nước Việt từ máu lửa

Rũ bùn đứng dậy sáng lòa”

Có thể thấy ông đã ghi lại những thước phim tư liệu chân thực về một thời oanh liệt đã qua. Bốn câu thơ có thể được coi là những cảnh quay hoành tráng, mang tầm vóc, quy mô lớn. Nó dựng lại được không khí ác liệt, hào hùng của cả một thời đại. Những cảnh quay lúc ra xa, lúc đưa về gần đã tái hiện lại bức tranh chiến trận khá toàn diện và sinh động. Giữa khung cảnh rộng lớn, có âm thanh tiếng súng, có hình ảnh người lên, có ánh sáng rực rỡ của lửa cháy,... Tất cả đều ở trong thế vận động đi lên từ bóng tối ra ánh sáng, từ nỗi buồn tới niềm vui, từ nô lệ đến tự do, hạnh phúc. Có thể xem đó như cuộn phim ghi lại cả một quá trình chiến đấu và chiến thắng của dân tộc.

d. Điều khắc.

Văn học tái hiện đời sống bằng hình tượng nhưng đó không phải là những hình tượng thực có khả năng tác động trực tiếp đến giác quan của người đọc. **Do vậy, ngôn ngữ văn học phải có khả năng khắc tạc những hình tượng đậm nét, cụ thể để người đọc có thể hình dung, tưởng tượng ra nó một cách rõ nét.** Nghệ thuật điêu khắc với những đặc trưng về mảng, hình khối dễ dàng kích thích trí tưởng tượng, óc sáng tạo của độc giả.

5. Mối quan hệ giữa thơ ca và hiện thực đời sống

a. Thơ sinh ra từ tình cảm

Cũng như văn học, thơ ca phản ánh cuộc sống bằng hình tượng. Nhưng hình tượng trong thơ không phải được xây nên từ óc quan sát, chiều sâu nhận thức, tư duy logic của lý trí, mà nó gắn với cảm xúc, với tâm hồn.

“Thơ là người thư kí trung thành của những trái tim” (Đuybray). Đến với thơ, tâm hồn ta phải được chan hòa trong thế giới cảm xúc. Thơ là cơn gió. Tâm hồn ta là mặt nước phẳng lặng và bình yên. Cơn gió thơ có đủ mạnh để làm mặt nước tâm hồn ta xao động, đó mới thực sự là thơ.

Nhưng thơ đâu phải chỉ có thế. Hơn 2000 năm trước, Trang Tử đã có một triết lý rất hay về biển cả: “Biển cả là nơi mà tất cả các nguồn nước trên thế gian này đều đi ra từ đó nhưng nó không voi, và nó cũng là nơi đón nhận tất cả các nguồn nước nhưng nó không đầy”. Văn học cũng như những nguồn nước, đều đi ra từ biển cả cuộc đời. Hàng ngày, tiếng sóng thủy triều vẫn âm vang chuyên chở sóng biển đời thường đến

với trang thơ. Những sự chuyên chở ấy có bao giờ ngừng nghỉ, cũng như mảnh đất hiện thực có bao giờ vơi đi, khi người nghệ sĩ đến đó để chở nắng gió cuộc đời tưới mát muôn cây. Thơ ca phải gắn mình vào nguồn mạch cuộc sống và nhịp nối giữa thơ với cuộc đời chính là tâm hồn, trí tuệ nhà thơ.

Người, làm thơ, bình thơ xưa và nay đã bộc lộ rất nhiều quan niệm về thơ. Có người cho thơ là “thần hứng” (Platông), là “ngọn lửa thần”, là “con điên loạn thần thánh”, “thơ là sự tuôn trào bộc phá những tình cảm mãnh liệt”. Thơ ca không phải thuộc về một cõi huyền nhiệm, mông lung, diệu vợi; thơ ca lại càng không phải là “một thứ nghề chơi”, là trò đùa cảm hứng. **Thơ gần gũi và thân thiết biết bao, thơ gắn với cuộc đời ta đang sống, thơ phản ánh cuộc đời theo quy luật văn chương.**

b. Cuộc sống bao giờ cũng là nguồn cảm hứng mênh mông bất tận của tâm hồn người nghệ sĩ:

Thơ ca nói riêng và nghệ thuật nói chung bao giờ cũng đi ra từ cuộc đời, cũng lớn lên từ hiện thực và rồi từ đó cánh diều nghệ thuật sẽ nhờ gió đời mà cất cánh bay cao. Sẽ “chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép” (Chế Lan Viên); “sẽ chẳng có thơ khi người làm thơ không tìm được sợi dây giao cảm đối với cuộc đời, không tìm đến những cánh đồng phì nhiêu để từ đấy hạt giống thơ ca được ươm trồng, nảy nở.” Lục Du đời Tống người đã viết hàng trăm câu thơ, lúc sắp mất đã tâm sự với con, lời tâm sự của một hồn thơ đi trọn cuộc đời mới hiểu cái lẽ “công phu của thơ là ở ngoài thơ”.

Sức nặng của những trang thơ chính từ cuộc đời đầy nắng gió ngoài kia. Nhà thơ phải đến đó để viết lên từ thứ mực được chưng cất từ chính cuộc sống. Gắn với cuộc sống, đây là đặc trưng thâm mĩ của văn học, của tác phẩm văn chương mà nhịp nối là nhà văn.

Cuộc sống với những hiện tượng phong phú, phức tạp vừa là đối tượng hướng tới, vừa là nguồn mạch nuôi dưỡng văn học. Quay lưng lại với cuộc sống, mãi mê với chuyện đúc chữ, luyện câu, mọi giá trị văn chương chỉ còn là kỹ xảo.

c. Cuộc sống mênh mông vô tận sẽ là nơi cung cấp chất liệu cho Thơ:

“Thơ trước hết là cuộc đời, sau đó mới là nghệ thuật” (Belinxki). Cuộc sống với hơi thở ấm nóng sẽ tô điểm cho những câu thơ, cho nghệ thuật: “Hãy nhặt lấy chữ đời mà góp nên trang” (Chế Lan Viên). Thơ ca khơi nguồn từ cuộc sống nên thơ bao giờ cũng chứa đựng bóng hình cuộc đời, bóng dáng con người. Thơ mang trong mình những buồn vui đau khổ, rạo rực đắm say. Thơ nói riêng và văn chương nói chung sẽ làm nên nhịp cầu nối trái tim trở về với trái tim, đưa tâm hồn đi tìm những tâm hồn đồng điệu. Thơ ca là cuộc đời nhưng thơ ca không phải là những trang giấy in nguyên vẹn bóng hình cuộc sống. Hay nói như Tố Hữu: “Cuộc đời là nơi xuất phát, cũng là nơi đi tới của văn học”

6. Những yếu tố làm nên tác phẩm thơ hay

a. Thơ hay là khi có nội dung trữ tình giàu tính nhân bản và mới lạ

Những gì xuất phát từ trái tim mới đến được với trái tim. Các thời đại đi qua nhưng trái tim con người có những hằng số, trong đó có sự xúc động trước tình người.

Đức lớn của trời đất là lòng hiếu sinh. Niềm hạnh phúc, tình yêu của con người với con người, của con người với thiên nhiên tất yếu là nội dung trữ tình của thơ ca. Nhưng đó mới là một nửa sự thật đời sống. Nhìn một phía khác thì chiến tranh, nghèo khổ, bệnh tật, tai ương, tử biệt sinh ly...luôn rình rập, vây bủa kiếp người. Không phải ngẫu nhiên mà người ta nói đời là bể khổ. Con người xứng đáng là đối tượng ngợi ca đồng thời cũng là đối tượng để cảm thông, thương xót, nâng đỡ. Thi hào Pháp Alfred De Musset đã viết:

Không gì làm ta lớn lên bằng những nỗi đau

Văn thơ đau thương là văn thơ đẹp nhất

Những tác phẩm như Truyện Kiều, Văn tế thập loại chúng sinh của Nguyễn Du là những tiếng kêu đứt ruột thương xót cho những kiếp người “trong trường dạ tối tăm trời đất”. Có những hiện tượng thơ nhất thời được đề cao, tán tụng nhưng về lâu dài không tác phẩm nào được gọi là lớn, là hay mà lại xa rời tính nhân bản.

Thơ hay được sáng tạo theo quy luật của cái đẹp, nhưng đó là cái đẹp mới. Chế Lan Viên đã viết: “Phân chia bờ cõi thơ bằng hai chữ mới, cũ chẳng có ý nghĩa gì”.

Nhà thơ Nga A.Voznesensky cũng cho rằng: “Không có mới và cũ, chỉ có tài và bất tài mà thôi. Ai có tài thì người đó mới”. Nhà thơ là người không chịu nhìn cuộc sống theo “lẽ phải thông thường” đã trở nên quen thuộc, sáo mòn. Đối tượng công phá thường trực của thơ là sự rập khuôn, máy móc của tư duy, của cách cảm, cách nghĩ, cách viết mà người ta sa vào một cách tự động, nhiều khi không tự biết. Thơ phải gây được hiệu ứng tâm lý ngạc nhiên, thú vị và khâm phục ở người tiếp nhận: Ngạc nhiên ở khả năng nhìn ra cái mới nơi thế giới quen thuộc, ngạc nhiên ở khả năng nói rộng tính nhân bản của con người. Bài thơ Tôi yêu em của A.Pushkine là một ví dụ. Vượt lên sự thường tình, câu thơ “Cầu cho em được người tình như anh đã yêu em” của Thi hào sẽ mãi mãi được ghi nhớ. Ấn tượng mới lạ cũng thật đậm nét với bài thơ Ngập ngừng của Hồ Dzếnh: “Em cứ hẹn nhưng em đừng đến nhé”. Mùa Xuân là mùa mở đầu một năm nhưng với Xuân Diệu thì “Xuân không mùa”...Chế Lan Viên đã bàn về thơ đầy ý vị tuyên ngôn: “Làm thơ là làm sự phi thường”.

Làm thơ là vừa tự nói với mình, vừa gửi đến người nghe, người đọc một thông điệp. Thông điệp ấy có thể là một cảm xúc, một tâm trạng, một suy nghĩ có tính minh triết, một kinh nghiệm thâm mỹ về cuộc sống, con người và về bản thân ngôn ngữ. Vấn đề là những thông điệp ấy phải thực sự mới mẻ.

b. Bài thơ hay là khi có cấu trúc tứ thơ độc đáo

Về tầm quan trọng của tứ thơ, Xuân Diệu đã viết: “Ngôn từ, lời chữ, vần rất quan trọng, bởi thơ là nghệ thuật của ngôn ngữ. Tuy nhiên, đó là cái quan trọng thứ hai. Mà cái quan trọng thứ nhất làm rường cột cho tất cả là cái tứ thơ, nó chủ đạo cả bài. Làm thơ khó nhất là tìm tứ”.

Cấu trúc tứ thơ là kết quả của tư duy sáng tạo, là mô hình nghệ thuật tổng quát làm cho mọi thành phần, yếu tố đều tập trung cho ý đồ nghệ thuật, cho chủ đề của bài thơ. Nhà thơ Anh S.Koleridgơ cho rằng: “Một bài thơ hay là những ngôn từ sáng giá trong một cấu trúc hoàn hảo”. Tứ thơ cho thấy rất rõ tài năng sáng tạo của nhà thơ. Yêu cầu lý tưởng là mỗi bài thơ phải có một cấu trúc tứ thơ độc đáo, không lặp lại. Tuy nhiên trong thực tiễn sáng tạo thơ ta thường gặp một số kiểu cấu trúc tứ thơ như:

- Cấu trúc tứ thơ quy nạp

Ở những bài thơ có mục đích thuyết phục người đọc một ý tưởng nào đó, cấu trúc tứ thơ thường có dạng vận động từ cụ thể đến khái quát. Bài thơ “Tiếng bom ở Seng Phan” (Phạm Tiến Duật) là một thí dụ tiêu biểu.

- Cấu trúc tứ thơ diễn dịch

Nhà thơ đưa ra một nhận định khái quát về cuộc sống, con người rồi diễn dịch bằng nhiều ý thơ như những luận điểm nhằm thuyết phục người đọc. Tiêu biểu là bài thơ “Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?” của Chế Lan Viên.

- Cấu trúc tứ thơ đối lập

Tứ thơ dạng đối lập có tác dụng làm nổi bật tư tưởng chủ đề của bài thơ. Theo quan sát của chúng tôi, tứ thơ dạng đối lập được rất nhiều nhà thơ sử dụng làm nên những bài thơ hay. Ví dụ bài “Hai câu hỏi” (Chế Lan Viên):

Ta là ai ? Như ngọn gió siêu hình

Câu hỏi hư vô thổi nghìn nền tắt.

Ta vì ai? Sẽ xoay chiều ngọn bắc

Bàn tay người thấp lại triệu chồi xanh.

- Cấu trúc tứ thơ tương đồng

So sánh tương đồng là một thao tác tư duy thường xuyên của con người nhằm làm nổi rõ đối tượng nhận thức. Cấu trúc tứ thơ tương đồng đưa đến hiệu quả là làm nổi bật chủ đề trữ tình. Bài thơ “Không đề” (Khuyết danh-Triều Tiên) là một ví dụ:

Khi trên khung cử chỉ đứt

Cần mẫn em ngồi

Dùng răng dùng môi

Hai đầu nối lại.

Khi đứt chỉ tình yêu, ời cô gái

Em cũng nên làm như thế đừng quên.

- Cấu trúc tứ thơ ý tại ngôn ngoại

Đây là loại cấu trúc tứ thơ đặc biệt tinh tế khiến ta đọc ra cái “văng mắt” trong văn bản. Các nhà thơ Việt Nam và Trung Quốc xưa thường sử dụng loại tứ thơ này làm nên nét đặc trưng thơ Á Đông. Bài “Bánh trôi nước” của Hồ Xuân Hương có cấu trúc tứ thơ dạng này.

- Cấu trúc tứ thơ song song

Ở cấu trúc tứ thơ song song, các khổ thơ trong bài đều có một thành phần điệp cú hoặc điệp ngữ. Tính lặp lại như vậy làm nên cấu trúc độc đáo của bài thơ. Ví dụ bài “Tự nhủ” của Bế Kiến Quốc:

Bàn chân ơi, ta đưa người đi
 Mọi nẻo đường dù có khi người vấp
 Có khi dẫm vào gai và biết đâu có khi...
 Ta phải đi vì ta yêu mục đích.
 Vành tai ơi, ta đưa người đi
 Đến miệng đời dù nghe lời đắng chát
 Lời thô鄙 và biết đâu có khi...
 Ta phải nghe vì ta yêu tiếng hát.

Tất nhiên, trong thực tiễn sáng tạo, còn rất nhiều kiểu tứ thơ độc đáo, giàu tính sáng tạo khác cần phải được tiếp tục tìm hiểu.

c. Bài thơ hay là khi có nhạc tính độc đáo

Quan niệm thơ đã thay đổi rất nhiều theo thời gian, trường phái, cá tính sáng tạo của nhà thơ... nhưng có một nguyên lý bất di bất dịch: Thơ phải có tính nhạc. Tính nhạc không chỉ phân biệt thơ với các loại hình nghệ thuật ngôn từ khác mà còn làm cho mỗi bài thơ là một sinh thể nghệ thuật. Có thể thấy mỗi bài thơ hay thật sự có một cấu trúc nhạc tính riêng.

Bàn về thơ, Mallarmé cho rằng: “Nhạc phải đi trước mọi sự”. Có thể dẫn ra rất nhiều bài thơ hay có nhạc tính độc đáo như: Say (Vũ Hoàng Chương), Mầu thời gian (Đoàn Phú Tứ), Nguyệt cầm (Xuân Diệu)... Các bài thơ của Bích Khê như Hoàng hoa, Tỳ bà có một chất nhạc rất lạ và rất hấp dẫn.

Trong thơ cổ, tính nhạc có tính chất khuôn mẫu và đã được đúc kết trong các thể thơ. Lao động sáng tác của nhà thơ gọi người ta nghĩ đến công việc soạn lời cho các làn điệu dân ca. Trong thơ hiện đại, mỗi bài thơ phải có tính nhạc độc đáo. Ở mỗi bài thơ hay ta thấy lời thơ được linh cảm về nhạc của thi sĩ dẫn dắt, nhịp điệu vừa tự do, vừa liên hệ với kết cấu nhạc tính toàn bài, cuốn hút người đọc. Thậm chí nhạc có thể đi trước ngữ nghĩa, ta chưa kịp hiểu đã cảm thấy hay, như trong thơ tượng trưng.

d. Bài thơ hay là khi có ngôn ngữ thơ mới lạ

Thơ là nghệ thuật ngôn từ. Nhà thơ là nghệ sĩ ngôn từ. Một nguyên lí của thơ là ngôn ngữ phải mới lạ. Thơ không chấp nhận thứ ngôn ngữ quen thuộc đến sờn mòn. Tuổi trẻ hôm nay không ai tỏ tình bằng ca dao: “Đến đây mạn mới hỏi đào/ Vườn hồng có lối ai vào hay chưa”. Để diễn tả cảm xúc yêu đương thơ hôm nay sẽ có cách nói khác, phù hợp với tâm lý cảm nhận của người đọc hiện đại.

Mới lạ là yếu tính của ngôn ngữ thơ. Đã có hàng triệu câu thơ về tình yêu, Maiacovsky vẫn tìm được cách nói mới:

Anh yêu em

Như người thương binh yêu cái chân còn lại của mình.

Nhiều câu thơ găm vào trí nhớ của ta do sự sáng tạo, mới lạ:

Từ trời xanh rơi vài giọt tháp Chàm

(Văn Cao)

Ngôn ngữ thơ đối lập với ngôn ngữ văn xuôi, ngôn ngữ hàng ngày và ít khi là lời nói thẳng. Có vô vàn thủ pháp nghệ thuật để lạ hóa ngôn ngữ như nhân hóa, ẩn dụ, so sánh, cường điệu, nói giảm, nói vòng, động từ hóa tính từ... Lạ hoá trong thơ hiện đại được đẩy lên một nấc mới khi tự do, táo bạo trong việc kết hợp từ. Nhiều trường hợp dẫn đến phi giao tiếp nhưng cũng không ít khi có những sáng tạo mới lạ như:

“Biển pha lê”, “đêm thủy tinh”, “lệ ngân”...(Xuân Diệu). “Nắng thủy tinh” trong thơ Thanh Tâm Tuyền, trong ca từ Trịnh Công Sơn ánh lên một vẻ đẹp mới lạ.

e. Bài thơ hay là khi có sáng tạo về nghệ thuật

Bài thơ là một giá trị tổng hợp, nhưng trước hết là nghệ thuật ngôn từ. Vì vậy các thủ pháp nghệ thuật có một vai trò quan trọng. Chất thơ thể hiện không chỉ ở nội dung trữ tình (nói điều gì?) mà còn ở chỗ nhà nghệ sĩ ngôn từ đã sáng tạo bằng các thủ pháp nào.

Trên hành trình phát triển thơ vừa tích lũy các thủ pháp nghệ thuật truyền thống, vừa không ngừng sáng tạo các thủ pháp mới. Nhận diện những bài thơ hay trong thơ hiện đại là không đơn giản do sự sáng tạo đã nói rộng đường biên lãnh địa thơ. Sáng tạo của nhà thơ thường vượt lên trước tầm đón nhận của công chúng bạn đọc. Nghĩ về Bích Khê, Chế Lan Viên đã viết: “Có những người làm thơ. Lại có những người vừa làm thơ vừa đẩy thơ về phía trước. Khê thuộc loại thứ hai”. Với phong trào Thơ mới, ngoài những thủ pháp nghệ thuật như nhân hóa, so sánh, ẩn dụ..., thơ Việt Nam đã giàu có thêm các thủ pháp mới như: miêu tả khách thể thẩm mỹ một cách cụ thể, cảm tính (thơ “tả chân”), tương hợp cảm giác, đặt cạnh nhau những từ xa nhau về ngữ nghĩa, kết cấu bài thơ bằng nhạc tính...

Tất cả kinh nghiệm sáng tạo thi ca cổ, kim, đông, tây... đều có ích, nhưng điều quan trọng là nhà thơ phải sáng tạo nên những thủ pháp nghệ thuật mới mẻ, mang dấu ấn phong cách riêng. Tư duy thơ tương hợp gắn với tên tuổi của nhà thơ tượng trưng Pháp Ch.Baudelaire. Hình thức thơ bậc thang gắn với Nhà thơ Nga V.Mayacovsky...

Như vậy, mỗi tác phẩm thơ hay “là một phát minh về nội dung đồng thời là một phát minh về hình thức” (Leonid Leonov).

IX. TRUYỆN

- Truyện là thể loại văn học xuất hiện từ lâu, sau thơ ca trữ tình. Truyện là loại văn tự sự, kể chuyện, trình bày sự việc. Truyện có cốt truyện, có nhân vật. Qui mô truyện thường lớn hơn thơ. **Truyện phần lớn được viết bằng văn xuôi, bên cạnh đó cũng có loại văn vần. Khác với thơ thiên về cái đẹp, xúc cảm và sự cô đọng, truyện có**

khả năng đi sâu vào từng khía góc ngách phức tạp của cuộc sống và của tâm hồn.

1. Đặc trưng của truyện

- Khác với thơ ca in đậm dấu ấn chủ quan, truyện phản ánh đời sống trong tính khách quan của nó, qua con người, hành vi, sự kiện được miêu tả và được kể lại bởi người kể chuyện (trần thuật) nào đó.
- Ở đây, cốt truyện với một chuỗi các tình tiết, sự kiện, biến cố xảy ra liên tiếp tạo nên sự vận động của hiện thực được phản ánh, góp phần khắc họa tính cách nhân vật, số phận từng cá nhân.
- Nhân vật được miêu tả chi tiết và sinh động trong mối quan hệ với hoàn cảnh, với môi trường xung quanh. Truyện không bị gò bó về không gian, thời gian, có thể đi sâu vào tâm trạng con người, những cảnh đời cụ thể.
- Truyện sử dụng nhiều hình thức ngôn ngữ khác nhau. Ngoài ngôn ngữ người kể chuyện còn có ngôn ngữ nhân vật. Bên cạnh lời đối đáp còn có lời độc thoại nội tâm. Lời kể khi thì ở bên ngoài khi thì nhập tâm vào nhân vật. Ngôn ngữ kể chuyện gắn với ngôn ngữ đời sống.

2. Các kiểu loại truyện

- Trong văn học dân gian truyện có nhiều thể loại: thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn.
- Văn học trung đại có truyện bằng chữ Hán và truyện thơ Nôm.

Trong văn học hiện đại, theo quy mô văn bản và dung lượng hiện thực người ta phân ra thành truyện ngắn, truyện dài, truyện vừa.

- + Truyện ngắn thường ít nhân vật, sự kiện, nó hướng tới mảnh nhỏ cuộc sống, có thể kể cả cuộc đời hay một đoạn đời, một chốc lát của nhân vật nhưng vẫn đặt ra được những vấn đề lớn lao, thể hiện những tư tưởng nhân sinh sâu sắc.
- + Truyện vừa là thể loại văn xuôi cỡ trung bình. Không có sự phân biệt rạch ròi giữa truyện dài và truyện vừa.

Truyện ngắn là thể loại gần gũi với đời sống hằng ngày, súc tích, dễ đọc, lại thường gắn liền với hoạt động báo chí, do đó có tác dụng, ảnh hưởng kịp thời trong đời sống. Nhiều nhà văn lớn trên thế giới và nước ta đã đạt tới đỉnh cao của sự nghiệp sáng tạo nghệ thuật chủ yếu bằng những truyện ngắn xuất sắc của mình. Truyện ngắn xuất hiện trên một tạp chí xuất bản đầu thế kỉ XIX, phát triển lên đến đỉnh cao nhờ những sáng tác xuất sắc của văn hào Nga Chekhov và trở thành một hình thức nghệ thuật lớn của văn học thế kỉ XX.

Theo các sách giáo khoa chính thống hiện nay, Truyện ngắn được định nghĩa là tác phẩm tự sự cỡ nhỏ. Nội dung thể loại của Truyện ngắn bao trùm hầu hết các phương diện của đời sống: đời tư, thể sự hay sử thi, nhưng cái độc đáo của nó là ngắn gọn. Bởi Truyện ngắn được viết ra để đọc liền một mạch. Tuy nhiên, mức độ dài ngắn chưa phải là đặc điểm chủ yếu phân biệt truyện ngắn với các tác phẩm tự sự loại khác (các loại truyện kể dân gian cũng có độ dài tương đương với truyện ngắn). Hình hài của truyện ngắn hiện đại như ta thấy hiện nay là một kiểu tư duy mới, một cách nhìn cuộc đời, một cách nắm bắt cuộc sống rất riêng, mang tính chất thể loại. Trong truyện ngắn thường có ít nhân vật, ít sự kiện phức tạp.

X. CHI TIẾT NGHỆ THUẬT TRONG TÁC PHẨM VĂN CHƯƠNG

1. Khái niệm

Không phải ngẫu nhiên mà văn hào vĩ đại người Nga Macxim Gorki từng phát biểu: “Chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn”. Hơn ai hết, tác giả những thiên truyện viết ra từ trường đại học cuộc sống, người được coi là “cánh chim báo bão của cách mạng Nga”, “nhà văn của những người chân đất” là người hiểu rõ tầm quan trọng của những chi tiết nghệ thuật trong tác phẩm văn chương. Tương quan đối lập trong câu nói trên đã khẳng định: Cái làm nên tầm vóc của nhà văn không hẳn là quy mô tác phẩm mà chính là “chi tiết” – yếu tố đôi khi được coi là nhỏ, là vật vụn... Chi tiết nghệ thuật không chỉ là yếu tố cấu thành tác phẩm mà còn là nơi gửi gắm những quan niệm nghệ thuật về con người, về cuộc đời... của nhà văn, nơi kí thác niềm ưu tư, trăn trở của nhà văn trước cuộc đời. Nhà văn chỉ thực sự là “người thư kí trung thành của thời đại” (H.Balzac) khi anh ta có khả năng làm sống dậy cuộc đời trên trang sách bắt đầu từ những chi tiết nhỏ. Lựa chọn chi tiết để xây dựng nên tác phẩm nghệ thuật không chỉ

thể hiện bản chất sáng tạo của người nghệ sĩ mà còn bộc lộ tài năng, tầm vóc tư tưởng của người cầm bút.

Chi tiết không phải là một khái niệm xa lạ với đời sống.

Theo Từ điển Tiếng Việt (Nxb Khoa học xã hội Hà Nội 1988) thì chi tiết là: “Phần rất nhỏ, điểm nhỏ trong nội dung sự việc hoặc hiện tượng” (Ví dụ: Kể rành rọt từng chi tiết). “Là thành phần riêng rẽ hoặc tổ hợp đơn giản nhất của chúng có thể tháo lắp được” (Ví dụ: Chi tiết máy). Như vậy, trong đời sống hàng ngày, từ “chi tiết” được hiểu và dùng như là một thành tố, một bộ phận nhỏ của một sự việc, tổng thể. Chi tiết được hiểu như là một thành phần thuộc về cấu tạo.

Trong văn học, “chi tiết” theo định nghĩa của nhóm tác giả Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (Từ điển thuật ngữ văn học, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 1997) là: **“Các tiểu tiết của tác phẩm mang sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng” và họ gọi chung là chi tiết nghệ thuật.** Cũng theo nhóm tác giả này thì: “Tuỳ theo sự thể hiện cụ thể, chi tiết nghệ thuật có khả năng thể hiện, giải thích, làm minh xác cấu tứ nghệ thuật của nhà văn, trở thành tiêu điểm, điểm hội tụ của tư tưởng tác giả trong tác phẩm. Chi tiết nghệ thuật gắn với “quan niệm nghệ thuật” về thế giới con người, với truyền thống văn hoá nghệ thuật nhất định”

Như vậy, chi tiết nghệ thuật được xem như linh hồn của một văn bản nghệ thuật. Muốn hiểu, nắm chắc văn bản, phải hiểu rõ chi tiết nghệ thuật. Khái niệm chi tiết được đặt ra nhằm phân biệt với tổng thể nhưng nó không tách rời tổng thể. Sự hòa hợp giữa chi tiết và tổng thể sẽ tạo thành chỉnh thể. Chi tiết nghệ thuật được xem là thành tố nhỏ nhất trong một chỉnh thể nghệ thuật.

2. Tầm quan trọng của chi tiết nghệ thuật trong tác phẩm văn chương

- **Trong truyện, nhờ chi tiết mà cốt truyện được triển khai và phát triển**, thông qua chi tiết mà cảnh trí, tình huống, tính cách, tâm trạng, hình dáng, số phận của nhân vật được khắc họa và bộc lộ đầy đủ. Nhiều chi tiết trở thành những điểm sáng thẩm mỹ của tác phẩm, có vị trí không thể thiếu trong sự phát triển của cốt truyện, gắn liền với những bước ngoặt trong cuộc đời, số phận nhân vật. Thiếu chi tiết là thiếu sự đặc tả, thiếu tính cụ thể, truyện sẽ trở nên nhạt nhẽo, hời hợt, thiếu sức hấp dẫn. Tuy

nhiên, nếu ôm đồm nhiều chi tiết thì rối rắm, rườm rà, giảm giá trị thẩm mỹ của tác phẩm.

- Trong thơ, nhờ chi tiết mà cảm xúc của nhà thơ có nơi nương náu. Đặc thù của thơ là cảm xúc và hình ảnh. Hình ảnh chính là chi tiết trong thơ. Một cánh chim, một làn mây, một chiếc lá, một nhành hoa hay tia nắng...đi vào thơ không còn là sự vật vô tri nữa. Nó là hình ảnh phản chiếu tâm trạng, cảm xúc của nhà thơ. Từ một cảnh huống, một tâm trạng mà thấy được nỗi niềm không chỉ của cá nhân thi sĩ mà của cả một lớp người, một thời đại. Cao hơn là phản ánh số phận con người của một quốc gia, dân tộc ở những chặng đường lịch sử nhất định. Đỗ Phủ, Puskin, Nguyễn Du...đều là những thi hào mà tên tuổi đã gắn liền với dân tộc và thời đại.

Như vậy, chi tiết nghệ thuật dù chỉ là yếu tố nhỏ lẻ của tác phẩm nhưng mang sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng. Thiếu chi tiết, nhà văn không thể đúc nên tác phẩm. Chi tiết càng có sức biểu hiện, sức khơi gợi và ám ảnh càng lớn, càng góp phần nâng cao giá trị tác phẩm. Và không có một tác phẩm lớn nào mà chi tiết lại nhạt nhẽo, nông cạn, thiếu sức sống. Trong tiếp nhận văn học, càng không được xem nhẹ chi tiết. Đọc hiểu và cảm nhận tác phẩm văn chương từ cấp độ chi tiết là yêu cầu quan trọng và cần thiết, đặc biệt đối với việc dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông.

3. Cảm nhận chi tiết nghệ thuật trong tác phẩm văn chương

Căn cứ vào văn bản, người ta chia làm hai loại: Chi tiết trong văn xuôi và chi tiết trong thơ.

a. Chi tiết trong văn xuôi

Chi tiết trong văn xuôi thường là chi tiết sự vật và chi tiết sự việc. Chi tiết sự vật thường gắn với 3 đối tượng: cảnh vật, đồ vật, nhân vật.

Cảm nhận chi tiết trong văn xuôi khi học Ngữ văn ở trường phổ thông có thể không phân loại nhưng nhất thiết phải hiểu rõ chi tiết đó đóng vai trò gì trong mạch truyện, trong diễn biến tính cách, số phận nhân vật. Nói cách khác là luôn gắn chi tiết với tổng thể để thấy được tính thống nhất của một chỉnh thể nghệ thuật. Quan trọng hơn là qua đó, hiểu được ý đồ nghệ thuật, đọc được tư tưởng, tình cảm nhà văn muốn gửi gắm. Đồng thời, thấy được tài năng sáng tạo của người cầm bút.

b. Chi tiết trong thơ

Khác với văn xuôi, thơ được xem là vương miện của nền văn học, là tinh chất của ngôn ngữ văn học. Một ngôn ngữ chưa có thơ là một ngôn ngữ chưa phát triển. Một sự đổi mới văn học mà chưa có sự đổi mới về thơ là sự đổi mới chưa hoàn thiện. Chi tiết vốn là lẽ sống của nghệ thuật, với thơ, chi tiết là hồn cốt. **Bài thơ sống được hay không là nhờ chi tiết. Chi tiết trong thơ thu hẹp lại trong một giới hạn nhỏ trong thi ảnh và ngôn từ.** Đối với một bài thơ, nếu nắm được thi ảnh và ngôn từ đặc sắc xem như đã nắm được linh hồn bài thơ, gọi là nắm được nhân tự, kết tinh được thần thái linh hồn tác phẩm. Quy mô chi tiết trong thơ thường nhỏ hơn rất nhiều trong tác phẩm văn xuôi.

Trong bài thơ “Đò Lèn” (Nguyễn Duy) gồm 6 khổ, tác giả viết về một tuổi thơ nghèo khó bên cạnh người bà tần tảo. Hệ thống chi tiết cảnh vật được nhà thơ liệt kê gồm: cổng Na, đồng Quan, ga Lèn, chợ Bình Lâm, chùa Trần, đền cây Thị, đền Sông..., giúp người đọc hình dung về diện mạo một miền quê với những cảnh trí rất dân dã, gần gũi, quen thuộc. Quan trọng hơn, nó giúp Nguyễn Duy thể hiện sâu sắc thân phận người bà: Đó là thân phận con sâu cái kiến, thân phận thảo dân, mang sắc thái dân đen, đối lập với Tiên Phật, Thánh thần... Bài thơ nói về sự ân hận, sự trưởng thành muộn màng của người cháu. Sống bên bà nhưng vô tâm với nỗi khổ của bà, sống bằng sự chăm sóc, yêu thương vất vả của bà mà cháu không hề biết.

Tôi trong suốt giữa hai bờ hư thực

Giữa bà tôi và Tiên Phật thánh thần

Người cháu đã sống rất thực với cái hư và sống rất hư với cái thực. Chữ hư mang hai nghĩa: hư ảo và hư đốn. Nó chi phối quyết định đến mạch tâm sự mang màu sắc triết luận, thể hiện quá trình giải thiêng, giải ảo. Nhìn ở góc độ tình cảm, đó là quá trình rời khỏi niềm tin ngây thơ dành cho thánh thần để đến với tình thương dành cho người bà, từ đối tượng mơ hồ đến đối tượng thực. Đôi khi người ta phải trả giá cho những bài học vô cùng đắt. Khi biết yêu thương thì bà đã mất rồi. Nhìn từ góc độ đời sống, đó là cuộc rời bỏ những đối tượng không xứng đáng để đến với đối tượng xứng đáng hơn. Chính người dân kia mới làm nên hiện thực đời sống. Chỉ hai chi tiết “hư” –

“thực” đã nói lên sự sụp đổ niềm tin của tác giả, rồi bỏ thế giới của đức tin đơn thuần để đến với hiện thực cuộc đời gần gũi, đáng tin hơn.

Chi tiết trong thơ nhiều khi là một mật mã. Giải mã chi tiết tức nắm được ý đồ nghệ thuật, ý đồ tư tưởng của nhà thơ. Chỉ qua một vài con chữ trong Truyện Kiều, như chữ “tót” (Ghế trên ngai tót sỗ sàng), chữ “cò kè” (Cò kè bớt một thêm hai) mà thi hào Nguyễn Du đã lật tẩy cả một chân dung kẻ con buôn, vô học, thô lỗ của nhân vật Mã Giám Sinh, hay một chữ “lén” làm lộ ra một tính cách mờ ám, lén lút, tráo trở... của Sở Khanh, hay hai chữ “mặt sắt” đã gọi ra một chân dung tính cách lạnh lùng, hiểm độc, tàn nhẫn và bỉ ổi của Hồ Tôn Hiến... Các chữ “tót”, “cò kè”, “mặt sắt” được gọi là những chi tiết đắt giá làm nổi lên hồn cốt nhân vật.

Cảm nhận chi tiết trong thơ không chỉ là đi tìm nhãn tự, giải mã từ ngữ, cắt nghĩa hình ảnh mà cần đặt nó trong tương quan với các biện pháp tu từ, cách sử dụng ngôn ngữ, âm, vần, nhịp điệu... để khám phá cái hay, cái đẹp của câu thơ. Đặc biệt, cần chú ý đến tứ thơ, vì mọi chi tiết trong thơ thường xoay quanh tứ thơ. Tách rời chi tiết khỏi tứ thơ là tách rời nó khỏi chính thể nghệ thuật, mọi sự khám phá sẽ thiếu tính toàn vẹn. Chi tiết có thể giống nhau nhưng tứ thơ là sáng tạo đơn nhất, không lặp lại. Gắn chi tiết với tứ thơ mới thấy được tài năng sáng tạo của thi sĩ.

Ngoài những yếu tố nêu trên, cảm nhận chi tiết trong thơ còn đòi hỏi người đọc có một năng lực thẩm thấu nhất định. Cảm thụ thơ xưa nay chưa bao giờ là điều dễ dàng, bởi đó là sự cảm thụ cái hay, cái đẹp. Để hiểu về cái hay, cái đẹp cần có sự kết hợp giữa một tâm hồn nhạy cảm biết rung động với một con mắt tinh tế biết phát hiện và một khả năng sử dụng ngôn từ chọn lọc. Cần một sự bồi đắp, trau dồi, rèn giũa lâu dài mới đạt được.

Tóm lại, khó thể phủ nhận vai trò và tầm quan trọng của chi tiết trong tác phẩm nghệ thuật. **Với nhà văn, quá trình sáng tạo gắn liền với ý thức làm nên những chi tiết đặc sắc, góp phần thể hiện nội dung, chủ đề của tác phẩm. Chi tiết gánh trọng trách chuyển tải đến người đọc những thông điệp mà nhà văn gửi gắm, những cách nhìn và quan niệm sâu xa về con người và cuộc đời của người nghệ sĩ.** Với người đọc, cảm nhận chi tiết nghệ thuật là mở những cánh cửa đầu tiên để đi vào thế giới nghệ thuật của một tác phẩm văn học. Nhà văn sẽ không thể làm nên tên tuổi nếu

tác phẩm của anh ta không bắt đầu từ những chi tiết. Người đọc sẽ không nổi được nhịp cầu tri âm với tác giả nếu không thông qua tác phẩm từ những chi tiết nghệ thuật nhỏ nhất bởi chân lí trong sáng tạo nghệ thuật luôn là: “Chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn”.

XI. TÌNH HUỐNG TRUYỆN

1. Khái niệm

Tình huống truyện là cái tình thế xảy ra truyện, là khoảnh khắc được tạo nên bởi một sự kiện đặc biệt khiến cho tại đó, cuộc sống hiện lên đậm đặc nhất và ý đồ tư tưởng của tác giả cũng được bộc lộ sắc nét nhất.

2. Phân loại

Cách phân chia các loại tình huống truyện không phải bao giờ cũng rõ ràng. Có truyện thiên về loại tình huống truyện này nhưng có loại thiên về loại tình huống truyện khác. Có 3 loại tình huống truyện thường được các tác giả chú tâm xây dựng.

a. Tình huống hành động:

Chủ yếu xoay quanh hành động có tính bước ngoặt của nhân vật. Hành động này có chức năng làm thay đổi cảnh ngộ, trạng huống hoặc một đoạn đời của nhân vật.

b. Tình huống tâm trạng:

Chủ yếu xoay quanh tâm trạng, cảm xúc có tính phát khởi, gây biến đổi của nhân vật khi đối diện với tình thế đặc biệt diễn ra trong cảnh huống có liên quan đến bản thân (được đặt ra trong truyện). Loại tình huống này thường gặp trong những kiểu truyện trữ tình, không có cốt truyện, đậm yếu tố lãng mạn mà dòng diễn biến tâm lí nhân vật là hạt nhân cốt lõi làm nên cấu trúc của truyện (loại truyện ít diễn biến, nghèo về hành động, đối tượng chủ yếu mà nhà văn khám phá là thế giới nội tâm tinh tế, là trạng thái cảm xúc mơ hồ của nhân vật trước cuộc sống). So với tình huống hành động, loại tình huống tâm trạng khó nhận ra hơn.

c. Tình huống nhận thức:

Chủ yếu xoay quanh tình thế chứa đựng giây phút “giác ngộ” chân lí của nhân vật (sự nhận thức lại về ý nghĩa thật sự của một vấn đề, một lĩnh vực nào đó trong quan niệm hoặc trong đời sống). Nhà văn đặt nhân vật vào một tình huống đầy bất ngờ, nghịch lí để từ đó nhân vật hiểu ra, vỡ lẽ ra và nhận thức được những vấn đề mà trước đó họ hiểu chưa đầy đủ hoặc chưa hiểu hay thậm chí đã ngộ nhận về nó.

XII. GIÁ TRỊ HIỆN THỰC VÀ GIÁ TRỊ NHÂN ĐẠO TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC

Văn học là một hình thái ý thức xã hội đặc thù. Nó cùng với các bộ môn nghệ thuật khác tạo nên diện mạo tinh thần của một dân tộc. Nếu như phương thức phản ánh của hội họa là màu sắc, của âm nhạc là giai điệu, của kiến trúc là hình khối,... thì của văn học chính là ngôn từ nghệ thuật. Vì thế cho nên, bản thân văn học gắn bó chặt chẽ với ngôn ngữ dân tộc và là một trong những kênh quan trọng để nuôi dưỡng và phát triển hệ thống vốn từ tiếng Việt cùng với các quy tắc sử dụng nó.

Mặt khác, văn chương cũng như tất cả các loại hình nghệ thuật khác đều hướng tới việc phản ánh hiện thực, tái tạo hiện thực hoặc xây dựng một hiện thực viễn tưởng. Như thế, đối tượng phản ánh của nó chính là con người, cuộc đời và mục đích hướng tới cũng chính là cải tạo xã hội, hướng con người đến những giá trị tốt đẹp của cuộc sống. Bởi vậy cho nên, trong các giá trị căn bản của văn học, người ta không thể không nói đến hai giá trị cốt lõi - giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo.

1. Giá trị hiện thực

Giá trị hiện thực của tác phẩm văn học là toàn bộ hiện thực được nhà văn phản ánh trong tác phẩm văn học, tùy vào ý đồ sáng tạo mà hiện tượng đó có thể đồng nhất với thực tại cuộc sống hoặc có sự khúc xạ ở những mức độ khác nhau. Tuy nhiên, hầu hết hiện thực trong các tác phẩm văn chương đều là hiện thực được hư cấu. Nó có ý nghĩa phản ánh hiện thực của một thời kỳ trên nhiều góc diện khác nhau hơn là các hiện thực cụ thể.

Khi làm các bài tập làm văn có dạng: Anh/ chị hãy trình bày giá trị hiện thực trong tác phẩm....? Học sinh cần xác định rõ thế nào là giá trị hiện thực, nói cách khác, cần nêu cách hiểu hay khái niệm về giá trị hiện thực. Việc nhận thức đúng, đủ sẽ giúp cho

người học xác định chính xác các đặc điểm căn bản của nó, từ đó hoàn thiện được bài viết một cách tốt nhất.

Về căn bản, giá trị hiện thực gồm 2 đặc điểm chủ yếu sau:

- Đặc điểm thứ nhất: làm rõ các hiện thực được nhà văn đưa vào trong tác phẩm. Nói cách khác, tác phẩm đó phản ánh hiện thực gì? trong giai đoạn nào? Hiện thực đó được thể hiện qua những nét tiêu biểu nào? Ý nghĩa của việc phản ánh hiện thực ấy là gì?

- Đặc điểm thứ hai: Con người điển hình. Đây là nét đặc trưng của tác phẩm hiện thực. Lẽ đương nhiên gắn với mỗi thời kỳ, mỗi xã hội nhất định, bao giờ cũng có mẫu người đại diện cho toàn xã hội. Mẫu người ấy được nhà văn khái quát và xây dựng lại thành cách hình tượng điển hình trong tác phẩm của mình. Do vậy, muốn làm rõ giá trị nhân đạo của một tác phẩm nào đó, cần phân tích được hình tượng nhân vật điển hình trên các phương diện: khắc họa ngoại hình, tính cách, hành động, lời nói,... nhân vật đó đại diện cho tầng lớp, giai cấp hay lớp người nào trong xã hội? Nó có thể hiện tiếng nói chung cho lớp người nào không? Bằng việc xây dựng hình tượng nhân vật điển hình trong tác phẩm, tác giả mong muốn đạt được điều gì? Hay nhân vật điển hình giúp tác giả thể hiện hiện thực được phản ánh như thế nào?

Luôn nhớ là bất kỳ chi tiết nghệ thuật nào của tác phẩm đều có ý nghĩa của nó, ý nghĩa đó độc lập tương đối song phải luôn được đặt trong chỉnh thể để có được cái nhìn, cách đánh giá đúng đắn nhất.

2. Giá trị nhân đạo

Là một giá trị cơ bản của những tác phẩm văn học chân chính được tạo nên bởi niềm cảm thông sâu sắc của nhà văn với nỗi đau của những con người, những cảnh đời bất hạnh trong cuộc sống. Đồng thời, nhà văn còn thể hiện sự nâng niu, trân trọng với những nét đẹp trong tâm hồn và niềm tin khả năng vươn dậy của con người dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào của cuộc đời.

Để làm rõ giá trị nhân đạo của một tác phẩm, cần phân tích được các khía cạnh sau:

- Tổ cáo xã hội: đây chính là cái hoàn cảnh chung mà ở đó nhân vật bị đẩy vào các hoàn cảnh bi đát, đau khổ. Thông thường ở phương diện tổ cáo, các nhà văn thường thể hiện quan điểm lên án, phê phán với các tầng lớp thống trị, những kẻ ăn trên ngồi trốc, ỷ mạnh hiếp yếu, trà đạp cuộc sống con người và làm băng hoại các giá trị đạo lý.

- Ca ngợi: có thể ca ngợi một truyền thống tốt đẹp nào đó hoặc ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của một con người hoặc một lớp người trong xã hội. Đây chính là những vẻ đẹp bị lấp vùi bởi sự thống trị, đàn áp.

- Thương cảm, bênh vực: xuất phát từ việc phát hiện, khám phá được những nét đẹp ẩn tàng của nhân vật, hoặc nhận thức được hoàn cảnh đã đẩy những người tốt đẹp, lương thiện vào đường cùng, hoặc đẩy họ vào con đường tội lỗi nên các nhà văn bày tỏ niềm thương cảm với họ, tạo ra những tình huống, hoặc xây dựng những nhân vật phụ để làm chỗ dựa, bênh vực, che chở cho họ, giúp họ vượt qua những khó khăn, thách thức và vươn lên khẳng định bản thân, khẳng định niềm tin, ước mơ và khát vọng trong cuộc sống.

- Chỉ ra con đường, lối thoát cho nhân vật: Đặc điểm này không hoàn toàn có trong tất cả các tác phẩm. Nó phụ thuộc vào nhận thức và khả năng dự đoán trước hiện thực của nhà văn, nhờ đó nhà văn chỉ ra được con đường giải quyết những bế tắc của số phận nhân vật, hoặc tạo ra những chi tiết viễn tưởng, kỳ ảo như một lối thoát cho nhân vật khi mà mọi nẻo đường ở thực tại hay ở chốn nhân gian đều không có khả năng thay đổi được hoàn cảnh.

XIII. KHUYNH HƯỚNG HIỆN THỰC VÀ LÃNG MẠN TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM

1. Văn học hiện thực phê phán Việt Nam 1930 - 1945.

a. Những tiền đề chính trị xã hội, văn hoá tạo nên cơ sở cho sự xuất hiện văn học hiện thực phê phán Việt Nam 1930 - 1945.

Sau khi xâm lược thực dân Pháp ra sức củng cố địa vị thống trị, chúng bắt tay khai thác thuộc địa đẩy dân ta lún sâu hơn cảnh bần cùng. Tiếp đó, chúng ra sức bóc lột dân ta để bù lại những thiệt hại to lớn do cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 gây ra

đẩy nền kinh tế Việt Nam vào tới chỗ điêu đứng: sản xuất bị đình đốn, ngân hàng rút bớt giấy bạc đẩy nông dân và công thương đến chỗ phá sản, vỡ nợ thất nghiệp ngày càng tăng, hạn hán lụt lội liên tiếp xảy ra, thuế khoá nặng nề, đói trầm trọng, nhân dân bị bóc lột đến tận xương tuỷ trong khi đó những ông chủ bà chủ sống xa hoa, mâu thuẫn dân tộc và thực dân Pháp, nông dân và địa chủ ngày càng sâu sắc. Xã hội Việt Nam có sự biến đổi: đô thị mở rộng, thị trấn mọc lên, quan hệ xstb hình thành, cá nhân trở thành một thực thể, văn học Việt Nam dần dần thoát khỏi ảnh hưởng của văn học Trung Quốc, bắt đầu tiếp xúc với nền văn học phương Tây.

Xã hội Việt Nam lúc ấy chịu ảnh hưởng của rất nhiều luồng tư tưởng. Tư tưởng phong kiến được thực dân Pháp ra sức khuyến khích: suy tôn Khổng giáo, bảo tồn quốc hồn quốc túy, kêu gọi trở về với nền văn học cũ với mục đích triệt tiêu tinh thần đấu tranh của nhân dân ta. Tư tưởng tư sản với hai chiều hướng tích cực và tiêu cực: tiêu cực ở chỗ chịu ảnh hưởng của khuynh hướng duy tâm tư sản trong triết học của Frot, Nisơ; tích cực là chịu ảnh hưởng của khuynh hướng dân chủ tư sản qua một số tác phẩm của các nhà văn hiện thực của Pháp, của thế giới và tiếp thu triết học duy vật biện chứng Rút-xô, Đidơ-rô... Tư tưởng Mác-xít và tinh thần nhân văn nhân đạo: hạt nhân là cái nhìn biện chứng khoa học góp phần hình thành thế giới quan tiến bộ thôi thúc các nhà văn tìm hướng giải phóng cho con người mở ra cách nhìn mới, cảm thông, bênh vực, ca ngợi con người.

Chủ nghĩa hiện thực Việt Nam nảy sinh từ hoàn cảnh xã hội, lịch sử văn hóa đó. Nó tiếp thu thành tựu vĩ đại của trào lưu hiện thực phê phán thế giới song nó đi theo con đường riêng.

b. Quá trình phát triển của văn học hiện thực phê phán Việt Nam 1930 - 1945

*** Chặng thứ nhất 1930 - 1935**

Xuất hiện một số cây bút thu hút được sự chú ý của độc giả. Nguyễn Công Hoan với tập truyện “Người ngựa ngựa người” (1934), Kép Tư Bền (1935), Vũ Trọng Phụng với hai phóng sự “Cạm bẫy người” (1933), “Kĩ nghệ lấy Tây” (1934); Tam Lang với phóng sự “Tôi kéo xe” (1935), truyện ngắn “Một đêm trước”; Ngô Tất Tố với “Giao cầu thuyền tán”; Tú Mỡ với tập thơ trào phúng “Dòng nước ngược”. Nguyễn Công Hoan là đại biểu xuất sắc nhất.

Các tác phẩm của chủ nghĩa hiện thực phê phán thời kì này đã toát lên tinh thần phê phán: phê phán tính chất bất công, vô nhân đạo của xã hội; bộc lộ sự cảm thông, thương xót đối với các nạn nhân của xã hội.

Hạn chế: nội dung phản ánh hiện thực của các tác phẩm thời kì này còn hạn hẹp, chưa sâu sắc, chỉ mới phản ánh hiện tượng nổi lên trên bề mặt của xã hội chưa tập trung vào mâu thuẫn cơ bản của xã hội, tính chất chiến đấu chưa cao, mục đích phê phán chưa thật chính xác, thế giới nhân vật mới tập trung vào dân nghèo, lưu manh thành phố. Nhiều tác phẩm chỉ mới có tính chất ghi chép, tình cảm của các nhà văn đối với người nghèo chưa được sâu sắc, cái nhìn còn có vẻ khinh bạc, một vài phóng sự chịu ảnh hưởng nặng nề của chủ nghĩa tự nhiên...

* Chặng thứ hai 1936 - 1939

Phong trào dân tộc dân chủ phát triển mạnh, các tác giả được tự do trên văn đàn, có điều kiện tiếp xúc với sách báo cách mạng công khai; lưới kéo kiểm duyệt của thực dân Pháp đỡ gắt gao hơn, không khí của thời đại phát huy cao độ sở trường của nhà văn nên văn học hiện thực phê phán phát triển rực rỡ hơn bao giờ hết. Lực lượng sáng tác ngày càng đông, bên cạnh những nhà văn của giai đoạn trước có thêm Mạnh Phú Tứ, Đồ Phồn, Nguyên Hồng, Trần Tiêu... Các tác phẩm phong phú, xuất hiện nhiều tiểu thuyết, tiểu phẩm, truyện ngắn phát huy được sức mạnh như một vũ khí sắc nhọn: Ngô Tất Tố với “Tắt đèn”, “Lều chõng”; Vũ Trọng Phụng với “Số đỏ”, “Giông tố”, “Vỡ đê”, “Cơm thầy cơm cô”; Nguyên Hồng có “Bỉ vỏ”, “Những ngày thơ ấu”, Nguyễn Công Hoan có “Bước đường cùng”, “Cái thủ lợn”...

Các nhà văn hiện thực phê phán thời kì này bắt đầu đi sâu phản ánh bản chất đích thực và những vấn đề nổi cộm trong lòng xã hội: mâu thuẫn giai cấp, những thủ đoạn của quan lại phong kiến, chính sách thâm độc của thực dân; nói lên thật thống thiết nỗi khổ của nông dân, cổ vũ, biểu dương tinh thần đấu tranh, phản kháng, xây dựng thành công nhân vật điển hình trong hoàn cảnh điển hình. Nhiều cuốn tiểu thuyết khái quát được những mảng lớn của đời sống xã hội. Ngọn cờ của chặng này là Ngô Tất Tố, Nguyên Hồng, Vũ Trọng Phụng.

Cuối 1939 khi chiến tranh thế giới xảy ra dưới ách của hai đế quốc thực dân Nhật, Pháp, văn học lại bị kiểm soát gắt gao.

* Chặng thứ ba: 1940 - 1945

Trào lưu văn học hiện thực phê phán đi đến chỗ tàn lụi, Ngô Tất Tố không còn viết văn mà quay sang lĩnh vực khảo cứu, Nguyễn Công Hoan bị thực dân Pháp treo giò, rơi vào tư tưởng sai lầm thoái hoá (tiểu thuyết Thanh đàm ca ngợi quan lại), Vũ Trọng Phụng mất năm 1939. Xuất hiện trên văn đàn lúc bấy giờ là Tô Hoài, Bùi Hiển, Kim Lân, Nam Cao....

Các nhà văn thời kì này lánh tránh những vấn đề nóng bỏng. Truyện của Tô Hoài phản ánh phong tục tập quán sinh hoạt của vùng nông thôn ngoại ô, đằng sau đó cho thấy hình ảnh xã hội đang đói khổ, cùng quẫn, cái xã hội của những người nông dân nghèo, thợ dệt vải bị phá sản, cảnh bỏ làng đi làm thuê, những mối tình dang dở (Xóm giếng ngày xưa, Quê người, Giăng thề...), Bùi Hiển đi vào phản ánh cuộc sống làm ăn của người dân chài lưới Quảng Nam: mê tín, nóng nảy cục cằn nhưng có tinh thần nhân hậu (Năm vạ). Đáng chú ý nhất là Nam Cao. Nam Cao là cây bút có chiều sâu của chủ nghĩa hiện thực. Tác phẩm của ông đã đặt ra những vấn đề lớn lao có tính chất triết lí, khái quát xã hội sâu sắc và đã có những kiệt tác đề đời.

2. Văn học lãng mạn Việt Nam

Những mầm mống của chủ nghĩa lãng mạn đã xuất hiện ở nước ta từ cuối thế kỷ XIX với thơ văn, từ khúc của Chu Mạnh Trinh, Dương Khuê, Dương Lâm, Đào Tấn... Đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa lãng mạn thể hiện khá đầy đủ những đặc trưng của nó trong thơ Tản Đà và trong văn của Hoàng Ngọc Phách (tiểu thuyết Tố Tâm). Đến giai đoạn 1930-1945, với lớp nhà văn Tây học trẻ tuổi, cái tôi cá nhân mới thực sự được thể hiện sâu sắc. Chủ nghĩa lãng mạn do đó phát triển thành trào lưu rầm rộ với đầy đủ đặc trưng của nó trên các thể loại: thơ, truyện ngắn, bút ký, tùy bút

a. Thơ Mới lãng mạn

* Hoàn cảnh lịch sử xuất hiện phong trào thơ Mới

Thơ Mới là thơ lãng mạn, là tiếng nói của giai cấp tiểu tư sản. Sự xuất hiện của giai cấp tư sản và tiểu tư sản thành thị với những tư tưởng tình cảm mới, những thị hiếu thẩm mỹ mới cùng với sự giao lưu văn hóa Đông Tây là nguyên nhân sâu xa dẫn đến phong trào thơ Mới ra đời.

Năm 1919 chấm dứt chế độ thi cử Hán học, thơ Đường mất dần vị trí độc tôn. Các tác phẩm cổ điển của Coocnây, Mòlie và những tác phẩm văn học lãng mạn Pháp thế kỷ XIX của Lamactin, Bôđơle xuất hiện và được giới thiệu rộng rãi trên văn đàn, trong nhà trường...Chính những đổi mới trong sinh hoạt tư tưởng và sự tiếp xúc với văn học lãng mạn Pháp đã dần dần đem đến cho thanh niên tiểu tư sản thành thị những năm 30 của thế kỷ này những tình cảm mới, những rung động mới. Họ yêu đương mơ mộng, vui buồn khác các nhà thơ xưa. Trong buổi diễn thuyết ở nhà hội Quy Nhơn tháng 6-1934, Lưu Trọng Lư đã nói : “Các cụ ta ưa những màu đỏ choét, ta lại ưa màu xanh nhạt, Các cụ băng khuâng vì tiếng trùng đêm khuya, ta lại nao nao vì tiếng gà đung ngo. Nhìn thấy một cô gái xinh xắn ngây thơ, các cụ coi như đã làm một điều tội lỗi, ta thì cho là mát mẻ như đứng trước một cánh đồng xanh... Cái ái tình của các cụ là sự hôn nhân nhưng đối với ta thì trăm hình muôn trạng: cái tình say đắm, cái tình thoáng qua, cái tình gần gũi, cái tình xa xôi, cái tình trong giây phút, cái tình ngàn thu...”. Chính vì sự khác nhau sâu xa đó giữa hai thế hệ mà những câu thơ ngâm hoa vịnh nguyệt sáo mòn và cũ rích trên Nam Phong , Văn học tạp chí, Tiếng dân không còn hợp với tình cảm mới của họ. Phong trào Thơ mới lãng mạn Việt Nam ra đời năm 1932 chính là để đáp ứng nhu cầu tình cảm của một tầng lớp thanh niên mới. Một phong trào văn học ra đời bao giờ cũng phản ánh những đòi hỏi nhất định của xã hội. Nó là tiếng nói của một tầng lớp người, của một giai cấp vừa mới ra đời, đang lớn lên hoặc già cỗi trong xã hội. Văn học lãng mạn 1932 trở đi là tiếng nói của tư sản và tiểu tư sản thành thị. Thơ mới chủ yếu là tiếng nói của giai cấp tư sản và tiểu tư sản thành thị là nguyên nhân chính cho phong trào Thơ mới ra đời.

b. Văn xuôi lãng mạn với nhóm Tự lực văn đoàn

*** Hoàn cảnh ra đời**

Người sáng lập Tự lực văn đoàn là Nguyễn Tường Tam, bút danh Nhất Linh. “Tự lực” là có ý tự sức mình gây nên một cơ sở chứ không cậy nhờ chính phủ hay một thế lực tài chính nào và cũng không tuân theo một chỉ thị nào, đường lối do chính họ đặt ra. Nhóm gồm có 7 thành viên: Nhất Linh, Khái Hưng, Thế Lữ, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Tú Mỡ, Nguyễn Gia Trí.

Quan điểm xã hội và nhân sinh chủ trương duy tân và cấp tiến, họ muốn phá bỏ xã hội nho phong với những tập tục lễ giáo, đả phá những hủ tục dân quê, đả phá phong thái đạo học, thành kiến chán đời của lớp người đứng tuổi trong xã hội. Họ đưa ra quan niệm sống ôn hòa, họ muốn cải cách dân chúng, nhất là dân quê. Họ đề cao tự do cá nhân, hạnh phúc vật chất và chủ nghĩa yêu đời của lớp người trẻ tuổi. Quan niệm nhân sinh này dần dần ngả theo mục tiêu chính trị, đả đảo chế độ quan liêu phong kiến, tẩy chay chế độ dân bản bù nhìn và đòi tự do dân chủ. Năm 1940, nhóm ngừng hoạt động, chuyển sang hoạt động chính trị.

* **Đóng góp của Tự lực văn đoàn**

- **Về nội dung:** chống lễ giáo phong kiến, đấu tranh cho tự do yêu đương và đòi quyền sống cho con người, đòi giải phóng cá nhân, cá thể. Còn ở giai đoạn này họ đề cao cuộc sống cá nhân; các nhà văn đã theo tư tưởng đứng về phía cái mới, cổ vũ cho văn minh phương Tây.

- **Về nghệ thuật:** Lối văn giản dị, ít chữ Nho, đi sâu khám phá đời sống nội tâm, tâm lý nhân vật. Các tác giả có ý thức đổi mới về cốt truyện, kết cấu trong thể loại văn xuôi. Trong văn trung đại, kết cấu thường theo thời gian, kết cấu biên niên, theo mô típ gặp gỡ – chia ly – đoàn tụ. Trong tiểu thuyết tự lực văn đoàn, kết cấu đa dạng, linh hoạt, đòi hỏi nhà văn phải xử lý tuyến sự kiện và tuyến nhân vật. Tự sự xen lẫn miêu tả, với đối thoại, độc thoại nội tâm, với những lời bình luận trữ tình ngoại đề, chi phối cách bố trí hình thức kết cấu. Tác phẩm của nhóm Tự lực văn đoàn đã xóa bỏ cách kết cấu đơn tuyến thay bằng kết cấu đa tuyến, sử dụng hình thức đối lập để tạo tình huống căng thẳng. Có thể nói: “Với Tự lực văn đoàn, tiếng Việt trong sáng hơn, chấm dứt những câu văn biền ngẫu chông chênh cổ Hán-Việt. Với Tự lực văn đoàn cũng không còn những câu lai căng cộc lốc như văn của Hoàng Tích Chu mà là những lời ăn tiếng nói của nhân dân được chọn lọc, gọt giũa, trau chuốt đưa vào tác phẩm. Có thể nói, Tự lực văn đoàn đã góp phần hiện đại hóa văn chương Việt Nam”.

3. Một số điểm khác biệt trong phương thức phản ánh giữa chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa lãng mạn.

a. Nguyên tắc phản ánh hiện thực

- **Chủ nghĩa hiện thực coi trọng nguyên tắc lịch sử cụ thể.** Đây là một trong những nguyên tắc phản ánh đời sống của chủ nghĩa hiện thực, là nét khu biệt giữa chủ nghĩa lãng mạn và chủ nghĩa hiện thực. Cách tiếp cận chủ quan với sự mô tả hiện thực là đặc điểm của chủ nghĩa lãng mạn, còn chủ nghĩa hiện thực lại chú ý đến sự mô tả khách quan đời sống. Các nhà văn hiện thực nhìn nhận sự vật theo một quá trình nào đó và họ có tham vọng biết chính xác lịch sử xã hội. Banzăc – đại biểu xuất sắc của trào lưu hiện thực phê phán nói “Chính xã hội Pháp mới là sử gia còn tôi chỉ là người thư kí”.

- **Chủ nghĩa lãng mạn coi trọng nguyên tắc biểu hiện.** Văn học lãng mạn sáng tạo nhân vật, hình ảnh, tình huống nhằm thỏa mãn việc biểu hiện lý tưởng và tình cảm mãnh liệt của nhà văn. Nhân vật hành động theo ý muốn chủ quan của tác giả, thể hiện một cách trực tiếp tư tưởng của nhà văn.

b. Đề tài, cảm hứng, lý tưởng thẩm mỹ

- Chủ nghĩa hiện thực:

Cảm hứng chủ đạo là phê phán, bóc trần, phê phán thực tại xã hội. Lý tưởng thẩm mỹ của chủ nghĩa hiện thực có tính nhân đạo. Nếu chủ nghĩa lãng mạn hướng vào cái phi thường thì chủ nghĩa hiện thực hướng tới cái bình thường. Với các nhà văn hiện thực, cái đẹp gắn với cái thực “Chúng tôi không đòi hỏi lí tưởng cuộc sống mà đòi hỏi chính bản thân cuộc sống như nó vốn có, tốt hoặc xấu mà ta không muốn tô điểm” (Biêlinxki). Với các nhà văn, phụng sự cái đẹp chính là thái độ phủ nhận hiện thực, cái hiện thực xấu xa, tàn ác. Vì vậy trong một số tác phẩm hiện thực, nhà văn không xây dựng hình tượng nhân vật chính diện, mang vẻ đẹp lý tưởng (Tấn trò đời của Ban đăc, Số đỏ của Vũ Trọng Phụng...) Trả lời chất vấn của giới phê bình, Banzăc cho rằng: Người ta đòi hỏi chúng ta xây dựng những nhân vật đức hạnh nhưng tìm đâu ra nguyên mẫu của những nhân vật đó. Vũ Trọng Phụng cũng chỉ ra trong tác phẩm của mình, rằng xã hội tư sản thành thị đương thời về bản chất là chó đê và vô nghĩa lý. Trong cuộc bút chiến với Nhất Chi Mai, ông khẳng định: Các ông muốn tiểu thuyết cứ là tiểu thuyết, tôi và các nhà văn cùng chí hướng như tôi muốn tiểu thuyết phải là sự thực ở đời.

- Chủ nghĩa lãng mạn

Nhà văn lãng mạn thường hướng tới những cái phi thường có tính biệt lệ. Chẳng hạn, truyện ngắn Chữ người tử tù xây dựng một không khí thiêng liêng khác thường, con người cũng tài hoa, dũng liệt một cách rất đổi nghệ sĩ như Huân Cao. Văn học lãng mạn còn xây dựng những hình tượng con người vượt lên thực tại của đời sống của hoàn cảnh, hướng tới một cái gì tốt đẹp và thánh thiện hơn hiện thực. Có khi đó chỉ là những khát vọng đầu mơ hồ nhưng cũng đủ để niềm tin của con người có điểm tựa.

Khát vọng chờ chuyến tàu đêm qua phố huyện nghèo (Hai đứa trẻ – Thạch Lam) chính là được viết theo cảm hứng lãng mạn bay bổng ấy. Hai chị em Liên đợi tàu không xuất phát từ nhu cầu vật chất. Hai đứa trẻ chờ tàu bởi nhu cầu tinh thần, chuyến tàu đêm là cả một niềm vui lớn. Con tàu mang đến phố huyện một luồng ánh sáng rực rỡ và những âm thanh sôi động xua đi không khí tĩnh lặng của phố huyện nghèo. Bên cạnh đó, con tàu khiến chị em Liên như trở về với quá khứ tươi đẹp, con tàu chạy tới từ Hà Nội, chạy tới từ tuổi thơ đã qua. Hai chị em đã có thời sống ở Hà Nội xa xăm, tươi đẹp, huyền ảo, hai chị em từng được đi chơi bờ hồ, được ăn những thức quà ngon, uống những cốc nước lạnh xanh đỏ. Con tàu đã đánh thức dậy một miền kí ức tuổi thơ tươi đẹp để cân bằng lại cuộc đời không mấy niềm vui, hạnh phúc nơi phố huyện nghèo. Vì vậy khi tàu đến, Liên và An đứng cả dậy hướng về phía con tàu và khi con tàu đi rồi Liên vẫn lặng theo mơ tưởng.

Chất lãng mạn được kết hợp nhuần nhuyễn với chất hiện thực tạo nên vẻ đẹp riêng của văn xuôi lãng mạn. Cảnh cho chữ trong Chữ người tử tù được miêu tả một cách chân thực, cụ thể, chi tiết: Thời gian: lúc nửa đêm; không gian: trại giam tỉnh Sơn; sự việc: diễn ra giữa ba nhân vật Huân Cao, viên quản ngục, thầy thơ lại. Tuy nhiên cảnh hiện thực mà lại lãng mạn gợi liên tưởng tới sự bất tử của cái đẹp. Ngọn đuốc rừng rực trong bóng đêm gợi liên tưởng tới tài năng khí phách, thiên lương; mùi thơm của chầu mực và màu trắng tinh của tấm lụa bạch là biểu tượng cho vẻ đẹp của tấm lòng và tài năng...

Đề tài trong văn học hiện thực là những vấn đề nóng bỏng trong xã hội, những xung đột và mâu thuẫn giai cấp.

Đề tài trong văn học lãng mạn lại là tình yêu, thiên nhiên, quá khứ, văn hóa..., những vấn đề có tính muôn thuở, vững bền.

c . Hệ thống hình tượng

- **Chủ nghĩa hiện thực miêu tả cuộc sống bằng hình tượng tương ứng với bản chất những hiện tượng của chính cuộc sống**, bằng điển hình hoá những hiện tượng của chính cuộc sống. Nguyên tắc này xuất phát từ tham vọng của các nhà văn hiện thực muốn mô tả hiện thực đúng như nó vốn có. Vì vậy, có nhà nghiên cứu phát biểu rằng “Chủ nghĩa hiện thực bắt đầu từ nơi nào tương quan với thực tại, nơi mà tái tạo chân lí của đời sống”. Do vậy, chủ nghĩa hiện thực hay dùng nguyên mẫu, rất ghét hư cấu bịa đặt ngay cả trong việc lựa chọn một cái tên, cái tên đôi với họ cũng rất gần gũi đôi với đời sống. Văn học hiện thực miêu tả các cá thể, các hiện tượng ngẫu nhiên có tính quy luật chứ không phải cái ngẫu nhiên biệt lệ; những hình tượng nhà văn mô tả phải nói lên được bản chất của đời sống.

Văn học hiện thực thường khắc họa hình tượng thông qua thủ pháp nghệ thuật điển hình hóa. Điển hình hoá là biện pháp nghệ thuật nhằm làm cho hình tượng nghệ thuật trở thành điển hình là con đường đưa sáng tạo nghệ thuật đạt đến chất lượng cao. Điển hình hoá là hình thức khái quát hoá – đặc trưng của phương pháp hiện thực hình thành trên cơ sở quan sát tình hình lặp đi lặp lại tương đối ổn định của các hiện tượng tính cách và quá trình cuộc sống cùng loại trong thực tại. “Cần phải quan sát những người cùng loại để sáng tác lên một điển hình nhất định” Leptônxtôi. Chính vì lẽ đó, chủ nghĩa hiện thực rất chú trọng mối quan hệ biện chứng giữa tính cách điển hình và hoàn cảnh điển hình.

- **Chủ nghĩa lãng mạn xây dựng những tính cách phi thường trong những hoàn cảnh phi thường**, tính cách không tồn tại trong những hoàn cảnh không tồn tại. Các nhà văn lãng mạn thường tìm kiếm những giá trị cao đẹp trong những cảnh đời tăm tối, tầm thường; khám phá cái cao cả trong những số phận bị ruồng bỏ, chà đạp. Trong Hai đứa trẻ, Thạch Lam xúc động, trân trọng cái khát vọng được đổi đời, được sống hạnh phúc hơn của những con người bé nhỏ bị lãng quên nơi phố huyện nghèo xưa. Nguyễn Tuân trong Chữ người tử tù tìm thấy sự tỏa sáng của nhân cách người tử tù nơi ngục thất tăm tối; sự vươn lên cái đẹp, cái thiên lương của một ngục quan, trong một nhà tù xã hội phong kiến xấu xa, suy tàn.

Nhân vật của văn xuôi lãng mạn hành động theo sự tưởng tượng chủ quan của nhà văn và trực tiếp thể hiện tư tưởng của tác giả. Liên và An tuy còn nhỏ nhưng phải thay mẹ trông coi một quán tạp hóa nhỏ để kiếm sống. Hàng đêm các em lại cố thức để đón chuyến tàu đêm đi qua phố huyện. Con tàu với những toa sang trọng, đèn sáng trưng chiếu sáng xuống mặt đường và tiếng còi rít lên rầm rộ như mang theo cả một thế giới khác đối lập với cái phố huyện tăm tối, tĩnh lặng. Nó như thắp lên trong tâm hồn của các em một niềm khát vọng dẫu mơ hồ nhưng thật xúc động, đáng trân trọng. Nhà văn muốn qua đó thể hiện khát vọng của những con người bé nhỏ bị lãng quên trong xã hội cũ...

Văn học lãng mạn là tự do biểu hiện tình cảm của cái tôi cá nhân, các nhà văn lãng mạn thường tuyệt đối hóa vai trò của cái tôi cá nhân, đặt chúng cao hơn thực tế khách đời sống để thể hiện tư tưởng của mình. Nhân vật trong Chữ người tử tù thể hiện quan điểm thẩm mỹ riêng của Nguyễn Tuân: Cái đẹp gắn với văn hóa dân tộc, gắn với cái thiện, có sức cảm hóa cái xấu, cái ác và cái đẹp luôn bất tử với đời.

d. Nghệ thuật biểu hiện

- Văn học hiện thực coi trọng sự chân thực của các chi tiết.

+ Chi tiết là đơn vị nhỏ nhất của sáng tác, là chất liệu xây dựng lên hình tượng văn học. Chi tiết có thể là một lời nói, một nét tính cách ngoại hình, một khâu trong quan hệ... Chi tiết chân thực là chi tiết có thật hoặc có thể có tính thống nhất với hiện thực cuộc sống.

+ Vai trò của các chi tiết chân thực: mọi chi tiết đều có ý độc lập góp phần đan dệt nên những hình tượng sinh động, những tính cách điển hình trong hoàn cảnh điển hình.

- Văn học lãng mạn thường sử dụng thủ pháp tương phản, đối lập, thích khoa trương, phóng đại, sử dụng ngôn ngữ giàu sức biểu hiện cảm xúc. Cảnh tượng cho chữ trong Chữ người tử tù là một đoạn văn giàu kịch tính, sử dụng thành công nghệ thuật đối lập, tương phản. Trước hết đó là sự đối lập tương phản về cảnh. Chơi chữ là một thú chơi tao nhã thường được diễn ra ở các thư phòng, lại được diễn ra tại phòng giam “chật hẹp, ẩm ướt, tường đầy mạng nhện, đất bừa bãi phân chuột, phân gián”.

Về thời gian: Cảnh cho chữ không diễn ra lúc thanh thiên bạch nhật mà được diễn ra lúc nửa đêm khi lính canh đã ngủ, đêm cuối cùng của tử tù Huấn Cao. Cả không gian và thời gian đều tăm tối. Tương phản với cái tăm tối, bản thiêu ấy là ánh sáng: ánh sáng đỏ rực của bó đuốc tẩm dầu, là màu trắng tinh của tấm lụa bạch còn nguyên vẹn lần hồ, là mùi thơm của chậu mực bốc lên. Tuyệt vời hơn tương phản với cái tăm tối ấy của ngục thất là sự sáng tạo ra cái đẹp: cái đẹp của nghệ thuật, cái đẹp của tài năng, của dũng khí và nhân cách. Đó còn là sự tương phản về nhân vật: Vị thế và tư thế của các nhân vật trong cảnh cho chữ cũng có sự thay bậc, đổi ngôi. Huấn Cao là một người tù, “cổ đeo gông, chân vướng xiềng đang đậm tô nét chữ trên tấm lụa bạch trắng tinh” nhưng phong thái ung dung, đỉnh đặc của một người tự do nhất, uy quyền nhất vì ông là người sáng tạo ra cái đẹp, tượng trưng cho cái đẹp và phẩm giá của con người. Huấn Cao đang viết những con chữ cuối cùng cho đời nhưng không phải đi vào cõi chết mà đi vào cõi bất tử bởi cái tài, khí phách và nhân cách của ông đang được người tôn kính, giữ gìn bằng tất cả thiên lương. Trái lại, viên quản ngục là người có uy quyền nhất đang “khúm núm” nhặt những đồng tiền kẽm đánh dấu ô cho Huấn Cao viết chữ. Đây không phải là cử chỉ sợ sệt luồn cúi mà là sự ngưỡng mộ, trân trọng những dòng chữ cuối cùng của Huấn Cao. Nhưng nét chữ vuông, tươi tắn nó nói nên cái hoài bão tung hoành của một đời con người, những nét chữ đó kết tinh tài năng, tâm huyết, vẻ đẹp của một con người mà ông từng ngưỡng mộ. Người nghệ sĩ tài hoa có thể bị hãm hại nhưng cái đẹp phi thường thì bất tử khi ở đời vẫn có thiên lương. Ánh sáng bó đuốc phải chăng là ánh sáng thiên lương mà người tử tù đang chiếu lên để lay tỉnh ngục quan. Chi tiết ngục quan khúm núm và ngục quan vái tử tù trong nước mắt nghẹn ngào “kẻ mê muội này xin bái lĩnh”, đây là cái vái lạy trước một nhân cách hiếm có cùng với lời thề danh dự. Có thể khi Huấn Cao bị giải vào kinh chịu án chém cũng là lúc viên quản ngục trả áo mũ để về quê để giữ thiên lương cho lành vững bởi con người chỉ xứng đáng được thưởng thức cái đẹp khi giữ được thiên lương. Bên cạnh đó, những từ ngữ Hán-Việt cổ kính như thiên lương, bức chằm, bái lĩnh được sử dụng nhuần nhuyễn vừa phù hợp với không khí, cảnh tượng vừa góp phần tạo nên sự thiêng hóa nhân vật theo bút pháp lãng mạn.

XIV. TÁC PHẨM VĂN HỌC CHÂN CHÍNH

1. Khái niệm

Tác phẩm văn học chân chính là những tác phẩm có giá trị lớn lao, đích thực, thể hiện được những chức năng và sứ mệnh của văn chương với cuộc đời (nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ...). Nói cách khác, văn học chân chính là thứ văn học đặt con người ở vị trí trung tâm để khai thác, phải đề cao phẩm giá của con người, đi sâu vào đời sống nhân loại, lấy chủ nghĩa nhân đạo làm gốc. ... Nó làm cho người gần người hơn

Mọi dòng sông đều đổ về biển rộng, cũng như mọi khám phá sáng tạo đều có đích hướng về, những vấn đề thuộc về con người, nhân sinh, nhân bản. Bởi lẽ, con người là một trung tâm khám phá của văn học nghệ thuật. Văn học có thể viết về mọi vấn đề của đời sống, mọi hình thức sáng tạo, nhưng đều hướng tới để đặt ra và cắt nghĩa những vấn đề của nhân sinh. Văn học chân chính phải là thứ văn chương vị đời, nhà văn chân chính phải là nhà văn vì con người, phẩm mới đạt tới tầm nhân bản

2. Yêu cầu của một tác phẩm văn học chân chính

- Xuất phát từ phía nhà văn:

Nhà văn phải có tấm lòng chan chứa tình yêu thương, phải biết đồng cảm, xót thương, sẻ chia với những nỗi khổ đau, bi kịch của con người. Nhà văn phải là người “cho máu”. Văn chương xuất phát từ tư tưởng, tình cảm của con người. Vì thế, tư tưởng tình cảm càng chân thực, sâu sắc, mãnh liệt thì tác phẩm càng có giá trị. Trong nỗi đau, cảm xúc của con người thường dâng lên tận cùng của sự chân thực, sâu sắc, mãnh liệt. Vì thế, có thấu hiểu được những nỗi đau ấy, nhà văn mới tạo nên những sáng tác giá trị.

L.Tonxtoi khẳng định “một tác phẩm nghệ thuật là kết quả của tình yêu”. “Nhà văn tồn tại ở đời trước hết để làm công việc giống như kẻ nâng giắc cho những con người cùng đường tuyệt lộ, bị cái ác hoặc số phận đen đui , dồn đến chân tường(...) Nhà văn tồn tại ở đời để bênh vực cho những con người không có ai để bênh vực” (Nguyễn Minh Châu)

- Xuất phát từ bản chất của văn chương:

“Văn chương không phải đem đến cho người đọc sự thoát ly hay sự quên; trái lại văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đặc lực mà chúng ta có thể có, để

vừa tố cáo và thay đổi một cái thế giới giả dối, tàn ác, vừa làm cho lòng người thêm trong sạch và phong phú thêm” (Thạch Lam).

XV. VAI TRÒ CỦA VĂN HỌC ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI

Văn học là một thành phần không thể thiếu trong cuộc sống của con người. Từ xa xưa văn học đã mang dấu ấn đậm nét từ những câu ca dao, tục ngữ và dần dần nó phát triển mạnh mẽ hơn không chỉ còn là truyền miệng mà nó còn là trên sách vở, có nghiên cứu khoa học và trở thành một lĩnh vực riêng biệt. Sức ảnh hưởng của văn học đối với đời sống con người vô cùng to lớn.

1. Văn học làm cho cuộc sống của con người thi vị hơn

Cuộc sống chúng ta sẽ thật nhàm chán, tẻ nhạt khi mà mọi người nói chuyện với nhau khô khan, cộc cằn. Văn học cũng thể hiện rõ nét ngay trong cách bạn ứng xử, đối đáp với người khác. Khi có màu sắc của văn học vào sinh hoạt cách con người ta nói chuyện, giao tiếp với nhau cũng trở nên thật dễ chịu, tình cảm, thân thiết.

Chắc chắn rằng văn học là thứ làm cho cuộc sống của chúng ta trở nên thi vị hơn. Các tác phẩm văn học kinh điển nuôi dưỡng tâm hồn con người, nuôi dưỡng tình cảm và biến thế giới này trở nên màu sắc, hấp dẫn, đa dạng biết bao.

2. Văn học cung cấp những tri thức cần thiết

Từ văn học bạn dường như được khám phá tất cả các phong tục tập quán, văn hóa của từng địa phương, dân tộc. Đây là phương tiện tuyệt vời để chúng ta sống lại với từng giai đoạn lịch sử, các tác phẩm như tam quốc diễn nghĩa, Hoàng Lê nhất thống chí tái hiện lại một thời kỳ lịch sử hoành tráng của dân tộc, Lão Hạc cho bạn thấy được cuộc sống cùng cực của con người Việt Nam trong thời chiến, những bài thơ của Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Chiểu, Hồ Chí Minh cho ta thấy được sức mạnh cũng như ý chí hào hùng của dân tộc.

Văn học cũng miêu tả các hiện tượng đời sống tự nhiên một cách chân thực, khách quan và sinh động nhất. Từ đó con người có thể hình dung ra một thế giới đầy đủ, khách quan và đa chiều. Có thể thấy rằng, văn học có vai trò rất to lớn trong việc mang đến kiến thức cho con người.

3. Tâm tư, tình cảm con người được khơi dậy từ văn học

Người ta vẫn nói văn học là một cái gì đó rất trừu tượng, nó không phải một bàn tay nhưng lại có sức mạnh vô hình kéo con người ta lại gần nhau hơn. Đó chính là tâm tư, tình cảm của con người, là ý thức xã hội hình thành trong não chúng ta. Văn học mang đến cảm xúc khác biệt cho từng người, làm cho tình cảm yêu thương, kiêu hãnh, bao dung đến với chúng ta.

Từ những bài thơ, câu ca dao, tục ngữ cho đến các tác phẩm văn học trong và ngoài nước đều chứa đựng rất nhiều thông điệp, tấm lòng và cả bài học nhân văn sâu sắc cho người đọc. Tiếp cận với văn học là bạn đang tự làm cho cảm xúc của mình giàu hơn, mãnh liệt hơn. Theo như nhiều nghiên cứu khoa học cũng như là khảo sát thực tế thì người đọc văn nhiều, quan tâm tới những giá trị văn học thường có lối sống nội tâm, thiên về tình cảm và sâu sắc hơn rất nhiều.

4. Văn học tô màu cho các lĩnh vực khác

Phải thừa nhận với nhau rằng văn học góp mặt trong hầu hết các lĩnh vực của đời sống. Ngay như trong giải trí, văn học mang lại tiếng cười, niềm vui. Ứng dụng văn học vào trong miêu tả, tường thuật các trận đấu trên link [sopcast](#) xem bóng đá khiến cho chương trình trở nên cuốn hút hơn, chân thực hơn.

Tương tự như vậy với việc bạn học toán chẳng hạn, sẽ thực sự hiệu quả nếu như biến các công thức toán học thành bài thơ sinh động. Chắc chắn bạn sẽ thấy công thức toán học chẳng còn khô khan, nhạt nhẽo như mình vẫn tưởng nữa.

5. Văn học là nơi lưu giữ giá trị văn hóa dân tộc

Không sai khi khẳng định rằng văn học chính là nơi lưu trữ giá trị văn hóa dân tộc. Bằng những tác phẩm văn học mà lịch sử dân tộc, nét đẹp trong văn hóa, ẩm thực, truyền thống được tái hiện, truyền tải từ đời này qua đời khác. Chính vì thế mà giá trị văn hóa của đất nước chúng ta không bị mai một, quên lãng.

CHUYÊN ĐỀ 2: CÁCH LÀM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN TRONG ĐỀ THI HSG**PHẦN I: CÁCH LÀM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**

- **Nghị luận xã hội gồm ba dạng đề cơ bản:** Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí; nghị luận về một hiện tượng đời sống; nghị luận về một vấn đề xã hội đặt ra trong một tác phẩm văn học.

+ **Dạng đề nghị luận về một tư tưởng, đạo lí** thường mượn một câu danh ngôn, một nhận định, đánh giá nào đó để yêu cầu người viết bàn luận và thể hiện tư tưởng, quan điểm, thái độ của mình.

+ **Dạng đề nghị luận về một hiện tượng đời sống** thường nêu lên một hiện tượng, một vấn đề có tính thời sự, được dư luận xã hội trong nước cũng như cộng đồng quốc tế quan tâm.

+ **Dạng đề nghị luận về một vấn đề xã hội đặt ra trong một tác phẩm văn học** kết hợp kiểm tra được cả về năng lực đọc – hiểu tác phẩm văn học, cả về kiến thức thức xã hội của học sinh.

I. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÍ

Nghị luận về 1 tư tưởng, đạo lý có 2 dạng đề:

Đề nổi, học sinh dễ dàng nhận ra và gạch dưới luận đề trong đề bài.

Đề chìm, học sinh cần đọc kĩ đề bài, dựa và ý nghĩa câu nói, câu chuyện, văn bản được trích dẫn mà xác định luận đề.

1. Dạng đề trong đó tư tưởng, đạo lí được nói đến một cách trực tiếp.

Đề bài: “ Sứ mạng của người mẹ không phải là làm chỗ dựa cho con cái mà là làm cho chỗ dựa ấy trở nên không cần thiết” (B.Babbles)

Hãy trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến trên.

HƯỚNG DẪN

- Hướng dẫn phân tích đề : Ý kiến trên có các từ khoá trọng tâm cần giải thích :

+ “Sứ mạng” : Vai trò lớn lao, cao cả của cha mẹ trong việc nuôi dạy con cái.

+ “Người mẹ”: Người sinh ra con cái, rộng hơn đó chính là mái ấm gia đình.

+ “ Chỗ dựa cho con cái”: nơi che chở, yêu thương, là nơi con cái có thể nương tựa.

Câu nói đã đưa ra quan điểm giáo dục của cha mẹ với con cái hết sức thuyết phục :

Vai trò của cha mẹ không chỉ nằm trong việc dạy dỗ con mà quan trọng hơn là làm sao để con cái biết sống chủ động, tích cực, không dựa dẫm. Đây chính là vấn đề nghị luận.

Cách làm bài Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí được nói đến một cách trực tiếp.

a. Mở bài

- Dẫn dắt, giới thiệu tư tưởng, đạo lí cần bàn luận.
- Mở ra hướng giải quyết vấn đề.

b. Thân bài

*** Giải thích tư tưởng, đạo lí cần bàn luận: (khoảng 10 dòng)**

- Khi giải thích cần lưu ý:
 - + Bám sát tư tưởng đạo lí mà đề yêu cầu, tránh suy diễn chủ quan, tùy tiện.
 - + Chỉ giải thích những từ ngữ, hình ảnh còn ẩn ý hoặc chưa rõ nghĩa.
 - + Phải đi từ yếu tố nhỏ đến yếu tố lớn: giải thích từ ngữ, hình ảnh trước, rồi mới khái quát ý nghĩa của toàn bộ tư tưởng đạo lí mà đề yêu cầu.

*** Bàn luận tư tưởng đạo lí mà đề yêu cầu: (khoảng 1,5 đến 2 mặt giấy thi)**

- Bàn luận về mức độ đúng đắn, chính xác, sâu sắc của tư tưởng đạo lí mà đề yêu cầu. Khi bàn luận nội dung này, cần lưu ý:

- + Phân tích, chia tách tư tưởng đạo lí thành các khía cạnh để xem xét, đánh giá.
- + Dùng lí lẽ, lập luận và dẫn chứng để chứng minh tính đúng đắn, đồng thời bác bỏ những biểu hiện sai lệch có liên quan đến vấn đề tư tưởng, đạo lí được bàn luận.
- + Khi bàn luận, đánh giá cần thận trọng, khách quan, có căn cứ vững chắc.

Bàn luận về mức độ đầy đủ, toàn diện của tư tưởng đạo lí mà đề yêu cầu. Khi bàn luận nội dung này, cần lưu ý:

- + Mở rộng bằng cách giải thích và chứng minh.
 - Mở rộng bằng cách đào sâu thêm vấn đề. Người viết nên tự đặt ra và trả lời các câu hỏi: Tư tưởng đạo lí ấy đã đầy đủ, toàn diện chưa? Có thể bổ sung thêm điều gì?
- + Người viết cần lật đi lật lại vấn đề, xem xét từ nhiều góc độ, nhiều quan hệ để đánh giá và bổ sung cho hợp lí, chính xác. Người tham gia nghị luận đưa ra mặt trái của vấn đề, phủ nhận nó là công nhận cái đúng, ngược lại, nếu vấn đề bình luận là sai hãy lật ngược bằng cách đưa ra vấn đề đúng, bảo vệ cái đúng cũng có nghĩa là phủ định cái sai.

- + Người viết cần có bản lĩnh, lập trường tư tưởng vững vàng, cần có suy nghĩ riêng, dám đưa ra chính kiến riêng, miễn là có lí, có tình thần xây dựng và phù hợp đạo lí.

*** Rút ra bài học nhận thức và hành động trong cuộc sống: (khoảng 10 dòng)**

- Khi đưa ra bài học nhận thức và hành động, cần lưu ý:

- + Bài học phải được rút ra từ chính tư tưởng đạo lí mà đề yêu cầu, phải hướng tới tuổi trẻ, phù hợp và thiết thực với tuổi trẻ, tránh chung chung, trừu tượng.
- + Nên rút ra hai bài học, một về nhận thức, một về hành động.
- + Bài học cần được nêu chân thành, giản dị, tránh hô khẩu hiệu, tránh hứa suông hứa hão.

c. Kết bài

- Đánh giá ngắn gọn, khái quát về tư tưởng, đạo lí đã bàn luận.
- Liên hệ mở rộng, nâng cao vấn đề (trích dẫn câu thơ, câu hát, câu nói... hay, phù hợp)

2. Dạng đề trong đó tư tưởng, đạo lí được nói đến một cách gián tiếp(thường gặp trong đề thi)

Cách làm bài

a. Mở bài

- Dẫn dắt vấn đề, giới thiệu câu chuyện trong đề bài
- Nêu vấn đề cần nghị luận

b. Thân bài

* **Bước 1:** Phân tích, hoặc nêu vắn tắt nội dung câu chuyện để rút ra ý nghĩa vấn đề

- Nhấn mạnh, khẳng định ý nghĩa nội dung từ văn bản văn học đó.
- Từ đó, khái quát chính xác vấn đề xã hội cần nghị luận.

* **Bước 2: Bàn về nội dung của thông điệp rút ra từ câu chuyện đó**

- Giải thích vấn đề (nếu cần thiết)

– Phân tích – chứng minh:

+ Đối với vấn đề xã hội là vấn đề tư tưởng, đạo lí : Làm rõ các biểu hiện của tư tưởng, đạo lí ở những phương diện khác nhau trong đời sống...; dùng thực tế xã hội để chứng minh. Đặt câu hỏi để xác định ý: Như thế nào? Ở đâu? Bao giờ? Người thật việc thật nào?....

+ Đối với vấn đề xã hội là một hiện tượng đời sống: Xác định đó là hiện tượng tích cực hay tiêu cực, mô tả những biểu hiện của hiện tượng đó....

– Bình luận: Bình luận, chỉ ra tầm quan trọng của vấn đề xã hội hiện nay

+ Đánh giá: Quan niệm, tư tưởng ấy đúng đắn, sâu sắc như thế nào? Ý nghĩa đối với tâm hồn, nhân cách con người? (tư tưởng, đạo lí) Hiện tượng ấy có ảnh hưởng như thế nào đối với cuộc sống con người ?

(Cần thể hiện thái độ đồng tình, biểu dương, trân trọng trước vấn đề xã hội có ý nghĩa tích cực; phê phán những biểu hiện sai trái, suy nghĩ, quan niệm lệch lạc so với quan niệm, tư tưởng, hiện tượng được nghị luận)

+ Mở rộng: Xem xét vấn đề ở những phương diện, góc độ khác nhau (phương pháp, góc nhìn, tính hai mặt của vấn đề nghị luận...)

* **Bước 3: Rút ra bài học cho bản thân**

– Về nhận thức: Vấn đề xã hội đó giúp ta hiểu sâu sắc về điều gì? Rút ra được điều gì có ý nghĩa?

– Về hành động: Xác định hành động bản thân phải làm gì? Việc làm cụ thể, thiết thực.

c. Kết bài

- Khẳng định ý nghĩa của thông điệp từ câu chuyện.

- Liên hệ mở rộng.

- Liên hệ mở rộng.

Đề tham khảo 1: Đọc câu truyện sau

NGƯỜI CHA ĐƯỢC TẠO RA NHƯ THẾ NÀO?

Khi ông Trời bắt đầu tạo ra người cha đầu tiên trên thế gian, ngài chuẩn bị sẵn một cái khung thật cao. Một nữ thần đi ngang qua ghé mắt coi và thắc mắc: “Thưa ngài, tại sao người cha lại cao đến như vậy? Nếu ông ta đi chơi bi với trẻ con thì phải quỳ gối, nếu ông ấy muốn hôn những đứa con mình lại phải cúi người. Thật bất tiện!”. Trời trầm ngâm một chút rồi gật gù: “Người nói có lý. Thế nhưng nếu ta để cho người cha chỉ cao bằng những đứa con, thì lũ trẻ sẽ biết lấy ai làm tầm cao mà vươn tới?”. Thấy Trời nặn đôi bàn tay người cha to và thô ráp, vị nữ thần lại lắc đầu buồn rầu: “Ngài có biết đang làm gì không? Những bàn tay to lớn thường vụng về. Với đôi bàn tay ấy, người cha chặt vật lắm mới có thể găm kim băng đóng tã, cài nút áo cho con trai, thắt chiếc nơ hồng cho con gái. Bàn tay ấy không đủ khéo léo để lấy những mảnh dằm nằm sâu trong da thịt mềm mại của trẻ”. Ông Trời mỉm cười đáp: “Nhưng đôi bàn tay to lớn vững chãi đó sẽ dìu dắt bọn trẻ qua mọi sóng gió, cho tới lúc chúng trưởng thành”.

Vị nữ thần đứng bên cạnh nhìn Trời nặn người cha với một đôi vai rộng, lực lưỡng. “Tại sao ngài phí thế?”, nữ thần thắc mắc. “Thế người cha sẽ đặt con ngồi đâu khi

phải đưa nó đi xa? Lấy chỗ đâu cho đứa con ngủ gật gối đầu, khi đi xem xiếc về khuya?”. “Quan trọng hơn, đôi vai đó sẽ gánh vác cả gia đình”, ông Trời đáp.

Ông Trời thức trắng đêm để nặn cho xong người cha đầu tiên. Ngài cho tạo vật mới ít nói, nhưng mỗi lời phát ra là một lời quyết đoán. Tuy đôi mắt của người cha nhìn thấu mọi việc trên đời, nhưng lại bình tĩnh và bao dung. Cuối cùng khi đã gần như hoàn tất công việc, Trời thêm vào khóe mắt người cha vài giọt nước mắt. Nhưng sau một thoáng tư lự, Ngài lại chùi chúng đi. Thành ra người đời sau không mấy khi thấy được những giọt lệ hiếm hoi của người cha, mà chỉ có thể cảm và đoán được rằng ông ta đang khóc.

Xong việc, ông Trời quay lại nói với nữ thần: “Người thấy đó, người cha cũng đáng yêu như người mẹ mà ta đã dồn bao công sức để tạo ra”

Viết bài văn nói lên suy nghĩ của anh/chị về vai trò của người cha trong gia đình.

Dàn bài

a. Mở bài:

- Vai trò người cha trong gia đình, giới thiệu câu chuyện trong đề bài

b. Thân bài

* Tóm tắt câu chuyện: thí sinh tự tóm tắt khoảng 5 dòng.

* Bàn luận về vai trò của người cha dựa trên câu truyện đã cho:

+ Người cha gánh vác mọi trọng trách của gia đình (dạy con, làm việc nặng, lao động tạo ra của cải vật chất nuôi sống gia đình...)

+ Người cha chỗ dựa lớn lao về mặt tinh thần (vì người cao lớn, đôi tay cứng cỏi, tâm hồn cao thượng, không yếu mềm...)

+ Cùng với người mẹ, người cha tạo ra một mái ấm hạnh phúc mang đến thuận hòa trong gia đình.

+ Phê phán những người cha thiếu trách nhiệm với gia đình, con cái và trở thành gánh nặng của gia đình, của xã hội. Lên án thói vũ phu, bạo hành của người cha, người chồng trong gia đình. Nhưng cũng cần thiết phải lên án hành động ngược đãi của con cái đối với cha mẹ mình.

*** Bài học rút ra từ câu chuyện:**

- + Trân trọng và yêu thương người cha, người mẹ trong gia đình.
- + Bảo vệ người cha và lên án thói ngược đãi của con cái trong gia đình.

c. Kết bài

Suy nghĩ của bản thân.

Đề tham khảo 2: Trình bày suy nghĩ của anh/chị về thông điệp từ câu chuyện sau:

Một cậu bé nhìn thấy cái kén của con bướm. Một hôm cái kén hở ra một cái khe nhỏ, cậu bé ngồi và lặng lẽ quan sát con bướm trong vòng vài giờ khi nó gắng sức để chui qua khe hở ấy. Nhưng có vẻ nó không đạt được gì cả.

Do đó cậu bé quyết định giúp con bướm bằng cách cắt khe hở cho to hẳn ra. Con bướm chui ra được ngay nhưng cơ thể nó bị phồng rộp và bé xiu, cánh của nó co lại. Cậu bé tiếp tục quan sát con bướm, hi vọng rồi cái cánh sẽ đủ lớn để đỡ được cơ thể nó. Những chẳng có chuyện gì xảy ra cả.

Thực tế, con bướm đó sẽ phải bỏ ra suốt cả cuộc đời nó chỉ để bò trườn với cơ thể sưng phồng. Nó không bao giờ bay được.

Cậu bé không hiểu được rằng chính cái kén bó buộc làm cho con bướm phải cố gắng thoát ra là điều kiện tự nhiên để chất lưu trong cơ thể nó chuyển vào cánh, để nó có thể bay được khi nó thoát ra ngoài kén.

(Hạt giống tâm hồn, First New, NXB TP HCM, Tr 123)

Dàn bài**a. Mở bài**

- Giới thiệu câu chuyện.

b. Thân bài

* Tóm tắt câu chuyện

* Phân tích: Câu chuyện đặt ra hai vấn đề:

- Những khó khăn thử thách trong cuộc sống chính là cơ hội cho con người tự rèn luyện, phấn đấu vươn lên để khẳng định bản thân và tự hoàn thiện mình (ý chính).
- Lòng tốt nếu không thể hiện đúng cách, đúng chỗ có thể gây ra những hậu quả, những hệ lụy nghiêm trọng (ý phụ).

*** Bàn luận:**

- Tại sao những khó khăn thử thách trong cuộc sống là những cơ hội cho con người vươn lên?
 - + Khó khăn thử thách buộc con người phải phấn đấu không ngừng; khó khăn thử thách rèn cho con người bản lĩnh, ý chí; khó khăn nhiều khi là động lực kích lệ con người hành động... Khi vượt qua thử thách, con người sẽ trưởng thành hơn (dẫn chứng).
 - + Nếu không có khó khăn thử thách, con người sẽ ỷ lại, không có môi trường để rèn luyện, phấn đấu, không có động lực để vươn lên... (dẫn chứng).
- Tại sao lòng tốt không thể hiện đúng cách, đúng chỗ có thể gây ra những hậu quả, những hệ lụy nghiêm trọng?
 - + Lòng tốt rất cần trong cuộc sống...
 - + Những lòng tốt phải thể hiện đúng cách, đúng chỗ, đúng lúc, hợp hoàn cảnh thì mới có tác dụng... (dẫn chứng).

*** Bài học nhận thức và hành động:**

- Mối quan hệ giữa khó khăn và sự trợ giúp...
- Liên hệ bản thân.

c. Kết bài

Khẳng định ý nghĩa của vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm.

II. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG

1. Nhận biết.

Nghị luận về một hiện tượng đời sống và nghị luận về một tư tưởng đạo lí, bên cạnh những nét khác biệt còn rất nhiều điểm tương đồng. Vì vậy học sinh cần nhận diện rõ đề thuộc kiểu bài nào để có cách làm bài phù hợp.

Kiểu bài nghị luận về hiện tượng đời sống thường đề cập đến những hiện tượng nổi bật, tạo được sự chú ý và có tác động đến đời sống xã hội như:

- + Ô nhiễm môi trường, sự nóng lên của trái đất, nạn phá rừng, thiên tai lũ lụt...
- + Bạo hành gia đình, Bạo lực học đường, tai nạn giao thông...
- + Tiêu cực trong thi cử, bệnh thành tích trong giáo dục, hiện tượng chảy máu chất xám...
- + Phong trào tiếp sức mùa thi, giúp đỡ đồng bào lũ lụt, tấm gương người tốt, việc tốt, nếp sống đẹp...

2. Dàn bài Nghị luận về một hiện tượng đời sống

a. Mở bài

- Giới thiệu sự việc, hiện tượng cần bàn luận
- Mở ra hướng giải quyết vấn đề: Thường là trình bày suy nghĩ

b. Thân bài

*** Giải thích hiện tượng đời sống: (khoảng 10 -15 dòng)**

- Khi giải thích cần lưu ý:
- + Bám sát hiện tượng đời sống mà đề yêu cầu, tránh suy diễn chủ quan, tùy tiện.
- + Làm nổi bật được vấn đề cần bàn bạc trong bài.

*** Bàn luận về hiện tượng đời sống: (khoảng 1,5 đến 2 mặt giấy thi)**

- Phân tích các mặt, các biểu hiện của sự việc, hiện tượng đời sống cần bàn luận
- Nêu đánh giá, nhận định về mặt đúng – sai, lợi – hại, lí giải mặt tích cực cũng như hạn chế của sự việc, hiện tượng ấy, bày tỏ thái độ đồng tình, biểu dương hay lên án, phê phán.
- Chỉ ra nguyên nhân của sự việc, hiện tượng ấy, nêu phương hướng(biện pháp) khắc phục mặt tiêu cực, phát huy mặt tích cực của sự việc, hiện tượng.

***Rút ra bài học nhận thức và hành động trong cuộc sống: (khoảng 10 dòng)**

- Liên hệ với bản thân và thực tế đời sống, rút ra bài học nhận thức và hành động.
- Đề xuất bài học về cách sống, cách ứng xử nói chung và đối với bản thân nói riêng.

c. Kết bài

- Đánh giá chung về sự việc, hiện tượng đời sống đã bàn luận.
- Phát triển, mở rộng, nâng cao vấn đề.

2. Đề bài tham khảo: Viết bài văn nghị luận từ trình bày suy nghĩ của anh/chị về hiện tượng sau:

"Mới đây, dư luận lại xôn xao về một cô thiếu nữ có "khuôn mặt ưa nhìn" đã phô ra trên Facebook cả một loạt ảnh ngồi ghéch chân trên bia mộ liệt sĩ..." (Theo Nỗi sợ hãi không muốn "học làm người" - Mục Góc nhìn của nhà thơ Trần Đăng Khoa-Tuổi trẻ và đời sống, số 152 ngày 14/1/2013)

HƯỚNG DẪN

Phân tích đề

- Yêu cầu về nội dung: Bàn về hiện tượng một thiếu nữ...cho cả thế giới "chiêm ngưỡng" -> Hiện tượng thể hiện hành vi phản cảm, thiếu văn hóa, đi ngược lại truyền thống đạo lý "Uống nước nhớ nguồn" của dân tộc,...
- Yêu cầu về thao tác lập luận: giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận.
- Yêu cầu về phạm vi tư liệu: đời sống xã hội.

Lập dàn ý

a. Mở bài: Giới thiệu hiện tượng cần bàn.

b. Thân bài:

- * Nêu bản chất của hiện tượng - giải thích hiện tượng
- Hiện tượng thể hiện hành vi phản cảm, thiếu văn hóa, đi ngược lại truyền thống đạo lý "Uống nước nhớ nguồn" của dân tộc,...
- * Bàn luận thực trạng, nguyên nhân của hiện tượng bằng các thao tác phân tích, chứng minh

- Thực trạng: Hiện nay tình trạng một bộ phận thanh, thiếu niên có suy nghĩ và hành động lệch lạc, có hành vi phản cảm, thiếu văn hóa, đi ngược lại truyền thống đạo lý... không ít (dẫn chứng cụ thể từ đời sống, lấy thông tin trên các phương tiện truyền thông).

- Nguyên nhân:

+ Khách quan: thiếu vắng mối quan tâm, sự giáo dục của gia đình và nhà trường. Những ảnh hưởng của phim ảnh, internet, sự tràn lan của lối sống cá nhân thích làm nổi, thích gây sốc để nhiều người biết đến,...

+ Chủ quan: Nhiều thanh thiếu niên tuy được sinh ra và lớn lên ở môi trường giáo dục tốt nhưng lại có suy nghĩ và hành động lệch lạc, bởi họ không có ý thức hoàn thiện mình cũng như tự bồi đắp tâm hồn mình bằng những cách cư xử có văn hóa.

- Hậu quả của hiện tượng:

+ Gây xôn xao, bất bình trong dư luận, làm tổn thương, xúc phạm đến những giá trị đạo đức, đi ngược lại truyền thống đạo lý tốt đẹp "Uống nước nhớ nguồn"..., tác động không tốt đến giới trẻ

+ Bản thân người trong cuộc phải gánh chịu những lên án, bất bình của dư luận xã hội...

* Giải pháp khắc phục:

+ Nâng cao nhận thức ở giới trẻ: nhà trường và đoàn thanh niên cần thường xuyên tổ chức các diễn đàn để tuyên truyền, giáo dục thanh niên về lối sống đẹp và giữ gìn truyền thống "Uống nước nhớ nguồn".

+ Những hình ảnh phản cảm trên cần được dư luận phê phán quyết liệt, gia đình và nhà trường phải nghiêm khắc, nhắc nhở,...

(Lưu ý cần đưa dẫn chứng thực tế để chứng minh)

c. Kết bài:

- Bày tỏ ý kiến riêng về hiện tượng xã hội vừa nghị luận.

+ Thấy rõ sự cần thiết phải tích cực trau dồi nhân cách, bồi đắp những giá trị đạo đức, văn hóa, đặc biệt là đạo lý "Uống nước nhớ nguồn".

+ Kiên quyết lên án và ngăn chặn những biểu hiện của lối sống vô cảm, thiếu văn hóa để xã hội lành mạnh, tiến bộ hơn.

III. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI ĐƯỢC ĐẶT RA TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC (thơ, văn xuôi)

Lưu ý:

- Dạng bài nghị luận về một vấn đề trong tác phẩm văn học là một dạng đề tích hợp giữa làm văn và đọc văn.
- Cần thấy rõ đây là kiểu bài nghị luận xã hội chứ không phải là nghị luận văn học. Tác phẩm văn học chỉ là “ cái cớ” khởi đầu.Mục đích chính của kiểu bài này là yêu cầu người viết bàn bạc nghị luận về một vấn đề xã hội ,tư tưởng,nhân sinh đặt ra trong tác phẩm đó mà bàn luận ,kiến giải.

1. Dàn bài Nghị luận về một vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học (thơ, văn xuôi)

a. Mở bài

- Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề xã hội đặt ra trong các tác phẩm văn học cần bàn luận.
- Mở ra hướng giải quyết vấn đề.

b. Thân bài

- * Vài nét về tác giả và tác phẩm: (ngắn gọn)
- Giới thiệu ngắn gọn tác giả, tác phẩm có vấn đề nghị luận.
- * Bàn luận vấn đề xã hội đặt ra trong các tác phẩm văn học mà đề yêu cầu: (khoảng 1,5 đến 2 mặt giấy thi)
- Nêu vấn đề được đặt ra trong tác phẩm văn học:
- + Người viết phải vận dụng kĩ năng đọc – hiểu văn bản để trả lời các câu hỏi: Vấn đề đó là gì? Được thể hiện như thế nào trong tác phẩm?
- + Cần nhớ, tác phẩm văn học chỉ là cái cớ để nêu vấn đề đó mà bàn bạc, nghị luận về vấn đề xã hội, vì thế không nên đi quá sâu vào việc phân tích tác phẩm mà chủ yếu rút ra vấn đề có ý nghĩa xã hội để bàn bạc.

- Từ vấn đề xã hội được rút ra, người viết tiến hành làm bài nghị luận xã hội, nêu những suy nghĩ của bản thân mình về vấn đề xã hội ấy:
- + Vấn đề được yêu cầu bàn luận ở đây (cũng là vấn đề xã hội mà nhà văn đặt ra trong tác phẩm văn học) có thể là 1 tư tưởng đạo lí, có thể là một hiện tượng đời sống.
- + Vì vậy người viết chỉ cần nắm vững cách thức làm các kiểu bài nghị luận xã hội (về tư tưởng đạo lí, về một hiện tượng của đời sống) để làm tốt phần này.
- + Khẳng định ý nghĩa của vấn đề trong việc tạo nên giá trị của tác phẩm.
- * Rút ra bài học nhận thức và hành động trong cuộc sống: (khoảng 10 dòng).
- Khi đưa ra bài học nhận thức và hành động, cần lưu ý:
 - + Bài học phải được rút ra từ chính vấn đề xã hội (tư tưởng đạo lí hoặc hiện tượng đời sống) được đặt ra trong tác phẩm mà đề yêu cầu, phải hướng tới tuổi trẻ, phù hợp và thiết thực với tuổi trẻ, tránh chung chung, trừu tượng.
 - + Nên rút ra hai bài học, một về nhận thức, một về hành động.
 - + Bài học cần được nêu chân thành, giản dị, tránh hô khẩu hiệu, tránh hứa suông hứa hão.

c. Kết bài

- Đánh giá ngắn gọn, khái quát về vấn đề xã hội đã bàn luận.
- Phát triển, liên tưởng, mở rộng, nâng cao vấn đề.

2. Đề bài tham khảo: Bài thơ Dặn con của tác giả Trần Nhuận Minh dưới đây gọi cho anh (chị) suy nghĩ gì về cách ứng xử với những người bất hạnh?

...Lòng tốt gửi vào thiên hạ

Biết đâu nuôi bố sau này...

Dàn bài

a. Mở bài

- Con người trong cuộc đời sống phải có nhau, quý là ở cái tình. Nó có thể khiến người ta cảm thông được cho nhau, có thể giúp người ta cùng nhau chia sẻ để vui bớt buồn đau, nhân đôi niềm hạnh phúc.
- Tuy nhiên, không phải cứ có tình cảm chân thành là đã đủ. Đôi khi, cách cư xử cụ thể cũng quan trọng không kém so với động cơ tình cảm ở bên trong. Bài thơ Dặn con của nhà thơ Trần Nhuận Minh là một bài thơ thấm thía bởi đề cập đến một cách ứng xử rất mực nhân tình với những người bất hạnh quanh ta.

b. Thân bài

*** .Khái quát về lời dặn con của người cha**

- Cách đối xử với người bất hạnh (người ăn mày)
 - + Đồng cảm và sẻ chia: Hiểu được nguyên nhân của tình cảnh hiện tại mà người khác phải chịu đựng “tội trời đày” là bất hạnh do số phận, do không may, không phải do không nỗ lực, cũng không phải ai muốn lâm vào tình cảnh ấy). Đặt mình vào tình cảnh của họ để cảm thông với họ (cần quan tâm song sự quan tâm ấy phải tế nhị, đúng lúc. Với người hành khất, hỏi gốc gác, quê hương là điều cần tránh vì sẽ tạo cảm giác chạnh lòng, xót xa). Chia sẻ với họ một phần trong những gì mình có - và sự sẻ chia ấy nên là hành động tự nguyện, tự nhiên cũng như tự nhiên họ đến với mình (Nhà mình sát đường họ đến/Có cho thì có là bao). Tuyệt đối tránh thái độ kỳ thị, khinh miệt, thậm chí tránh cả biểu hiện của thái độ thương hại vì trong trường hợp này lòng thương hại cũng sẽ gây tổn thương không kém gì sự coi thường, khinh miệt.
 - + Bảo vệ và tránh những rào cản, ngăn cách: Tình thế của người hành khất là tình thế của con người yếu đuối, cô độc, dễ mất tự tin, sự cản trở dù nhỏ nhất cũng sẽ gây tổn thương, đau đớn. Phá bỏ rào cản mới là trọn vẹn cái tình, trọn vẹn tấm lòng mà con người có thể dành cho nhau (Con chó nhà mình rất hư/Hễ thấy ăn mày là cắn /Con phải răn dạy nó đi/Nếu không thì con đem bán).
- Ý nghĩa của cách đối xử ấy:
 - + Giảm bớt khó khăn về vật chất, cũng giảm bớt cả những thương tổn tinh thần cho những người vốn đã bất hạnh, đau khổ. Đó là biểu hiện của tình thương, tình người - điều rất cần thiết để là người.

+ Thương người cũng chính là cách để thương mình. Cái sâu sắc của người cha khi dạy con là tạo cho con một cách sống nhân ái, góp phần tạo nên một môi trường xã hội đầy nhân ái để những bất trắc, đảo lộn, đổi thay của thời thế cũng không đẩy con người đến chỗ cùng đường tuyệt lộ (Minh tạm gọi là no ấm/Biết đâu cơ trời vẫn xoay/Lòng tốt gửi vào thiên hạ/Biết đâu nuôi bổ sau này...).

*** Bàn luận về thông điệp gợi ra từ bài thơ: Đánh giá quan điểm dạy con và cách sống của người cha trong bài thơ:**

- Người cha hiểu thấu lẽ đời và rất giàu tình người. Hiểu thấu được những bất trắc trong cuộc xoay vần của “cơ trời” và giàu tình người để có thể “thương người như thể thương thân”.
- Người cha yêu thương con theo một cách thức đặc biệt - một tình yêu thương rất sâu và rất lớn lao khi rất chú ý đến việc hoàn thiện nhân cách và vun đắp tình người cho tâm hồn người con từ một câu chuyện rất thông thường của đời sống.
- Trong bài thơ tuy không có sự hiện diện của người con song có thể hình dung tới cái dáng người con cúi đầu đón nhận lời răn dạy của người cha nhân từ.
- Nếu những bậc làm cha, làm mẹ bên cạnh việc chăm sóc nuôi dưỡng phần xác còn biết nuôi dưỡng, hoàn thiện phần hồn như người cha trong bài thơ, xã hội sẽ có những thế hệ con trẻ biết nghĩ và sống một cách khoan dung nhân ái

*** Liên hệ - rút ra bài học**

- Tự nhìn nhận, đánh giá lại bản thân mình qua hành vi ứng xử với người bất hạnh xung quanh.
- Bài học: cần biết điều chỉnh cách sống, cách ứng xử để không chỉ thể hiện được lòng thương mà còn thể hiện được sự tế nhị - đó mới là cách sống, cách ứng xử của người có văn hoá.

c. Kết bài

- Trong xã hội hiện đại, cuộc sống với quá nhiều áp lực và với nhịp độ gấp gáp có thể cuốn ta đi, khiến ta sống theo tốc độ mà khó sống với các mối liên hệ rộng lớn, phong phú và thâm sâu của đời sống. Cách sống tốc độ có thể làm ta sống có hiệu quả hơn về

mặt công việc và sự phát triển bản thân song cũng khiến khoảng cách giữa con người bị nói rộng.

- Sống chậm lại, dành ra những phút để nhìn lại mình là điều cần thiết. Bài thơ Dặn con của Trần Nhuận Minh trở nên thấm thía bởi nó giúp mỗi người làm được điều đó.

PHẦN II: CÁCH LÀM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT Ý KIẾN BÀN VỀ VĂN HỌC

I. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT Ý KIẾN, QUAN ĐIỂM TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC

1. Khái niệm:

- **Nghị luận về một ý kiến, quan điểm trong tác phẩm văn học là việc thể hiện quan điểm, chính kiến của mình bằng việc sử dụng kết hợp và linh hoạt các thao tác nghị luận: giải thích, bình luận, chứng minh, so sánh, bình luận, bác bỏ.**—

- Đề bài văn nghị luận về một ý kiến, quan điểm trong tác phẩm văn học là những quan điểm, nhận xét của một nhà văn, một nhà nghiên cứu hay chính bạn đọc về tác phẩm văn học.

2. Những lưu ý khi làm bài văn nghị luận về một ý kiến, quan điểm trong tác phẩm văn học

– Cần xác định rõ ý kiến bàn về phương diện nào của tác phẩm văn học: nội dung hay nghệ thuật, tình huống truyện hay chi tiết truyện, nhân vật hay nghệ thuật xây dựng nhân vật,...

– Ý kiến được đưa ra bàn luận là đúng hay sai? Quan điểm cá nhân đối với ý kiến đó.

– Bám sát vào tác phẩm để tìm những chi tiết nổi bật và làm rõ ý kiến nhận định. Tránh việc xa rời tác phẩm, dẫn đến việc nghị luận lan man và không chính xác.

– Vận dụng thành thạo và linh hoạt các thao tác lập luận.

3. Dàn ý của bài văn nghị luận về một ý kiến, quan điểm trong tác phẩm văn học

a. Mở bài

- Giới thiệu về tác giả, tác phẩm xuất hiện trong ý kiến nghị luận.

- Dẫn dắt nội dung cần nghị luận vào bài.

- Trích dẫn nguyên văn ý kiến, quan điểm.

b. Thân bài

- **Giải thích và làm rõ ý kiến, quan điểm.**

- **Bàn luận** các khía cạnh của vấn đề cần nghị luận qua việc:

+ Đưa ra ý kiến của bản thân: Đồng tình hay bác bỏ.

+ Phân tích, chứng minh ý kiến, nhận định bằng những lí lẽ và dẫn chứng để làm sáng rõ ý kiến, quan điểm bàn về vấn đề gì trong tác phẩm văn học.

- **Đánh giá ý kiến:** Đúng- sai, cần ỏ sung gì?

c. Kết bài

- Khẳng định thái độ của người viết về ý kiến, quan điểm trong đề.

4. Đề bài tham khảo:

Đề bài : Nhận xét về bài thơ “Rằm tháng giêng” của Hồ Chí Minh, có ý kiến cho rằng: “Bài thơ Rằm tháng giêng “là cả một sự hài hòa tuyệt đẹp”.

Bằng những cảm nhận về bài thơ, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

II. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT Ý KIẾN BÀN VỀ VĂN HỌC MANG TÍNH LÍ LUẬN

1. Khái niệm

- **Lí luận văn học, hiểu một cách đơn giản là bộ môn nghiên cứu văn học ở bình diện khái quát, nhằm** tìm ra những quy luật chung nhất về văn học. Kiến thức lí luận văn học sẽ giúp chúng ta trả lời các câu hỏi khái quát ví dụ như: Văn học bắt nguồn từ đâu? Một tác phẩm văn học do những yếu tố nào tạo thành? Văn học được sáng tác và được tiếp nhận như thế nào? Văn học sinh ra để làm gì?...

2. Các đề NLVH thường gặp hiện nay (ba cấp độ) :

a. Cấp độ 1(ít gặp trong đề thi HSG): Phân tích các yếu tố cơ bản trong một tác phẩm văn học.

- Phân tích nhân vật “ ông Hai’ trong tác phẩm “Làng” của nhà văn Kim Lân.

b. Cấp độ 2 (ít gặp trong đề thi HSG): Phân tích các yếu tố trong tác phẩm văn học để làm rõ một yêu cầu nào đó.

- Phân tích giá trị nhân đạo trong tác phẩm “ Lão Hạc” của nhà văn Nam Cao
- Phân tích chất thơ trong truyện ngắn “Lặng lẽ Sa pa” của Nguyễn Thành Long.
- c. Cấp độ 3 (thường xuyên xuất hiện trong đề thi HSG): Giải quyết một nhận định lí luận văn học.
- Bình luận về ý kiến của nhà thơ Tố Hữu: “Thơ chỉ bật ra trong tim ta khi cuộc sống đã tràn đầy”.
- Tác phẩm nghệ thuật chân chính là sự tôn vinh con người bằng cách hình thức nghệ thuật độc đáo.
- “Chỉ cần hình ảnh đẹp, giàu sức gợi là đã đủ để làm nên một bài thơ hay”.

3. Dàn bài NL về một vấn đề lí luận văn học

Kiểu bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học mang tính lí luận là kiểu bài phổ biến trong các đề thi HSG Ngữ văn. Tuy nhiên nhiều em học sinh chưa biết cách làm kiểu bài này, đôi khi các em sa đà vào phân tích lan man hoặc không biết bắt đầu từ đâu. Để làm tốt kiểu bài này các em cần có những kĩ năng nhất định. Từ những kiến thức vừa nêu, tôi đề xuất dàn ý chung để giải quyết các bài giải quyết một vấn đề LLVH như sau:

a. Mở bài

- Giới thiệu, dẫn dắt vào vấn đề nghị luận
- Trích dẫn ý kiến và định hướng triển khai.

b. Thân bài

*** Giải thích**

- Giải thích các thuật ngữ, các từ ngữ, hình ảnh khó (từ khóa) trong nhận định.
- Chốt vấn đề nghị luận: Như vậy, vấn đề cần bàn ở đây là gì?

*** Phân tích, bình luận, chứng minh:**

- Sử dụng các kiến thức lí luận văn học để lí giải vấn đề nghị luận. Trả lời cho câu hỏi “vì sao?”
- Chọn 1 hoặc vài tác phẩm(tùy theo yêu cầu của đề), phân tích kĩ tác phẩm cả về nội dung lẫn nghệ thuật để làm sáng tỏ vấn đề qua ý kiến, nhận định.

*** Đánh giá chung:**

- Đánh giá ngắn gọn về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm phân tích
- Đánh giá đúng đắn của vấn đề nghị luận.
- Bổ sung, phản biện lại vấn đề (Nếu có)
- Liên hệ so sánh, mở rộng

c. Kết bài

- Trở lại vấn đề để khẳng định ý kiến
- Liên hệ và rút ra bài học cho nhà văn trong quá trình sáng tác và bạn đọc trong quá trình tiếp nhận.

CHUYÊN ĐỀ 3 : KIẾN THỨC CƠ BẢN CỦA MỘT SỐ TÁC PHẨM TRONG CHƯƠNG TRÌNH

CHỦ ĐỀ 1: TÔI ĐI HỌC- THANH TỊNH

I. Vài nét về tác giả:

- Thanh Tịnh (1911 - 1988), tên khai sinh là Trần Văn Ninh
- Quê quán: xóm Gia Lạc, ven sông Hương, ngoại ô thành phố Huế
- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác:
 - + Năm 1936, Thanh Tịnh cho xuất bản tập thơ Hận chiến trường
 - + Năm 1941, hai bài thơ ông sáng tác "Mòn mỏi" và "Tơ trời với tơ lòng" được Hoài Thanh - Hoài Chân giới thiệu trong Thi nhân Việt Nam (1942)
 - + Năm 1945, ông tham gia phụ trách rồi làm Chủ nhiệm tạp chí Văn nghệ quân đội.
 - + Ông được tặng giải thưởng nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2007
 - + Những tác phẩm tiêu biểu: Quê mẹ, Ngậm ngải tìm trầm, Những giọt nước biển...

- Phong cách sáng tác:

+ Những sáng tác của Thanh Tịnh toát lên vẻ đằm thắm, tình cảm trong trẻo, êm dịu

II. Đôi nét về tác phẩm: Tôi đi học

1. Hoàn cảnh sáng tác tác phẩm

- “Tôi đi học” là truyện ngắn in trong tập Quê mẹ, xuất bản năm 1941

2. Giá trị nội dung

- Trong cuộc đời mỗi chúng ta, kỉ niệm trong sáng của tuổi học trò, nhất là buổi tựu trường đầu tiên thường được ghi nhớ mãi. Thanh Tịnh đã diễn tả tinh tế cảm xúc này qua dòng cảm nghĩ trong trẻo của nhân vật “tôi” về những kỉ niệm ngày đầu tiên đi học

3. Giá trị nghệ thuật

- Miêu tả tinh tế, chân thật diễn biến tâm trạng của ngày đầu tiên đi học.

- Sử dụng ngôn ngữ giàu yếu tố biểu cảm, hình ảnh so sánh độc đáo ghi lại dòng liên tưởng, hồi tưởng của nhân vật tôi.

- Giọng điệu trữ tình, trong sáng.

4. Phân tích tác phẩm “ Tôi đi học” của nhà văn Thanh Tịnh.

a. Mở bài:

Người ta thường nói, thời thơ ấu chính là khoảng thời gian đẹp nhất trong cuộc đời mỗi người bởi lúc đó, cuộc sống như một trang giấy trắng, chưa bị pha tạp với những lo âu bộn bề của cuộc sống, những xáo trá lừa lọc của đời người. Và hơn hết, ở đó có những kỷ niệm trong trẻo đáng nhớ thời học sinh, đặc biệt là những kí ức về ngày đầu tiên tới trường. Thanh Tịnh bằng giọng văn kể chuyện nhẹ nhàng, thủ thỉ đã tái hiện rõ nét, chân thực mà tinh tế những cảm xúc ấy qua dòng hồi tưởng của nhân vật tôi trong truyện ngắn “Tôi đi học”.

b. Thân bài:

****.Luận điểm 1: Cảm nhận về nội dung: Diễn biến tâm trạng nhân vật “tôi” trong ngày đầu tiên đến trường***

*** .1. Tâm trạng nhân vật tôi trên con đường tới trường**

- Thiên nhiên: Những kỉ niệm của buổi tựu trường đầu tiên trong đời được nhân vật “tôi” nhớ lại là thời điểm cuối thu, cây cối đang mùa thay lá. Những chiếc lá khô xào xạc trên đường tưởng như vô tri vô giác ấy đã trở thành những màu sắc thông điệp, thanh âm riêng hổi gọi lòng người nhớ về ngày khai trường đầu tiên.

- Con người: Hình ảnh trực tiếp tác động đến tác giả để tác giả nhớ tới buổi khai trường của chính mình đó là hình ảnh mấy em nhỏ rụt rè trong lần đầu tiên tới trường

- Tâm trạng nhân vật:

+ Nhớ về những kỉ niệm mơn man thuở bé của mình

+ Vui sướng, háo hức như buổi khai giảng của chính mình

- Những kỉ niệm của nhân vật tôi:

+ Tác giả nhớ rất rõ từng chi tiết trong khung cảnh trên con đường đến trường, sương thu và gió lạnh với con đường dài và hẹp dường như trở nên khác lạ trong đôi mắt trẻ thơ bởi một điều vô cùng đơn giản: “Hôm nay tôi đi học”.

+ Những suy nghĩ, hành động, từng cảm nhận về chính bản thân mình, từ bộ quần áo đến những hành trang mang theo đều cho thấy sự thay đổi, khôn lớn trong cậu bé nhưng đâu đó vẫn còn nét hồn nhiên, ngây thơ của một đứa trẻ lên 5.

*** Tâm trạng nhân vật “tôi” khi tập trung ở sân trường**

- Cảm nhận của cậu học trò về ngôi trường đã có sự thay đổi rõ rệt, cậu vừa ngỡ ngàng, vừa cảm thấy nhỏ bé, lo sợ trước một ngôi trường đầy uy nghi, trang trọng trước mắt.

- Cả cậu bé và những người bạn xung quanh đều “như con chim con đứng bên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ”. Hình ảnh so sánh thể hiện sự hồn nhiên, ngây thơ trong tâm hồn cậu bé và tâm trạng lo sợ, hoang mang trong bước đi đầu tiên của cuộc đời.

- Những suy nghĩ, cảm nhận của cậu bé trước tất cả sự thay đổi, trước bạn bè, trước thầy cô vừa thể hiện sự hồn nhiên, ngây thơ, vừa bộc lộ tâm trạng bối rối, cảm xúc vừa háo hức vừa có chút bơ vơ, lạc lõng bởi đây là lần đầu tiên cậu xa mẹ.

***.2. Tâm trạng nhân vật khi vào lớp và học bài học đầu tiên**

- Lớp học là một thế giới khác biệt, cách biệt với thế giới ở bên ngoài khung cửa. Ngồi trong lớp, cậu bé thấy xốn xang những cảm giác lạ và quen đan xen, trái ngược nhau bởi đó là giây phút sang trang của một tâm hồn trẻ đại, tạm biệt thế giới ấu thơ chỉ biết nô đùa, nghịch ngợm để bước vào thế giới tuổi học trò nghiêm chỉnh đầy khó khăn mà biết bao hấp dẫn.

⇒ Diễn biến tâm trạng nhân vật “tôi” để lại nhiều cảm xúc trong lòng người đọc, không chỉ bởi sự hồn nhiên, ngây thơ mà còn bởi nó khiến mỗi chúng ta nhớ về tuổi thơ của chính bản thân mình.

*** *Cảm nhận về nghệ thuật***

- Nghệ thuật khắc họa tâm ký nhân vật vô cùng tinh tế

- Sự kết hợp giữa phương thức tả và kể giúp cho cảm xúc, tâm trạng nhân vật được thể hiện một cách tự nhiên hợp lý.

c. Kết bài:

“Tôi đi học” là trang văn đầy chất thơ, chất thơ của kỷ niệm thời thơ ấu ngày tựu trường. Chất thơ ở giọng văn nhẹ nhàng, truyền cảm. Chất thơ ở sự lắng đọng và khơi gợi tâm hồn kí ức thời cấp sách trong mỗi chúng ta. Tôi đi học là một tiếng lòng man mác, băng khuâng của một thời để nhớ, một thời để yêu. Kỷ niệm ấy rất đẹp và sâu sắc, vì thế sau này Hằng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều

và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm mơn man của buổi tựu trường.

CHỦ ĐỀ 2: TRONG LÒNG MẸ(TRÍCH “ NHỮNG NGÀY THƠ ẤU”)- NGUYỄN HỒNG.

I. Đôi nét về tác giả Nguyễn Hồng

- Nguyễn Hồng (1918- 1982), tên khai sinh là Nguyễn Nguyên Hồng
- Quê quán: Nam Định
- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác
 - + Nguyễn Hồng bắt đầu viết văn từ năm 1936 với truyện ngắn "Linh Hồn" đăng trên Tiểu thuyết thứ 7
 - + Năm 1937, ông thực sự gây được tiếng vang trên văn đàn với tiểu thuyết "Bỉ Vỏ"
 - + Ông là hội viên sáng lập Hội nhà văn Việt Nam năm 1957
 - + Năm 1980 cuốn tiểu thuyết cuối cùng của ông là "Núi rừng Yên Thế"
 - + Những tác phẩm tiêu biểu: Bỉ vỏ, Trời xanh, Sóng ngầm, Khi đưa con ra đời,...
- Phong cách sáng tác: Ông được mệnh danh là nhà văn của những người cùng khổ.

II. Đôi nét về tác phẩm “Trong lòng mẹ”

1. Hoàn cảnh sáng tác

- Trong lòng mẹ là chương thứ IV của tác phẩm Những ngày thơ ấu (gồm 9 chương), tập hồi kí về tuổi thơ ít niềm vui, nhiều cay đắng của tác giả.

2. Tóm tắt

Bé Hồng sinh ra là kết quả của cuộc hôn nhân miễn cưỡng giữa người bố nghiện ngập và người mẹ trẻ trung luôn khao khát có được tình yêu thương nhưng đành ngậm ngùi chôn vùi tuổi xuân bên người chồng nghiện ngập. Khi bố Hồng mất,

người mẹ bỏ hai anh em Hồng lại để đi tha hương cầu thực, anh em Hồng luôn sống trong sự ghẻ lạnh của nhà nội. Nhất là bà cô, luôn gieo rắc vào đầu Hồng những rắp tâm tanh bần để Hồng ghét bỏ mẹ của mình. Nhưng Hồng không những không ghét mẹ mà còn thông cảm và yêu mẹ nhiều hơn, em căm thù những hủ tục đã dày vò mẹ mình. Chiều hôm đó khi vừa tán học, em thoáng thấy bóng dáng mẹ, em liền gọi theo với hi vọng và giọng bối rối. Khi mẹ em quay đầu lại, Hồng sà vào lòng mẹ, trong lòng mẹ, Hồng chẳng còn mảy may đến những lời nói thâm độc của bà cô mà chỉ cảm nhận được tình mẫu tử thiêng liêng, chan chứa.

3. Giá trị nội dung

- Đoạn văn “Trong lòng mẹ” trích hồi kí “ Những ngày thơ ấu” của Nguyên Hồng đã kể lại một cách chân thực và cảm động những cay đắng và tủi cực cùng tình yêu thương cháy bỏng của nhà văn thời thơ ấu đối với người mẹ bất hạnh, đáng thương của mình

4. Giá trị nghệ thuật

- Lời văn nhẹ nhàng, tình cảm, giàu hình ảnh và chan chứa cảm xúc
- Mạch truyện, mạch cảm xúc tự nhiên, chân thực
- Kết hợp lời văn kể chuyện với miêu tả, biểu cảm
- Khắc họa thành công hình tượng nhân vật bé Hồng thông qua lời nói, hành động, tâm trạng sinh động chân thật.

5. Phân tích đoạn trích “Trong lòng mẹ”(Những ngày thơ ấu) – Nguyên Hồng.

a. Mở bài

Mỗi lần ngồi lật dở và đọc từng trang “Những ngày thơ ấu” của Nguyên Hồng, tôi không đọc bằng mắt nữa mà để cho trái tim tự đọc, tự cảm nhận và tự rung động. Văn của ông rất sâu, rất sắc bởi nó cửa vào lòng người niềm thương cảm chân thành nhất. Đoạn “Trong lòng mẹ” trích trong “Những ngày thơ ấu” có lẽ là trích đoạn có sức lay động và ám ảnh người đọc nhất về tình mẫu tử thiêng liêng bất diệt. Bằng

ngòi bút tinh tế và tình cảm sâu đậm Nguyên Hồng đã dẫn người đọc khám phá văn chương của mình bằng trái tim.

b. Thân bài

***. Nhân vật bé Hồng**

***.1. Cảnh ngộ đáng thương và nỗi buồn của bé Hồng**

- Bố mới mất, mẹ tha hương cầu thực
- Sống giữa sự ghẻ lạnh, cay nghiệt của người cô, một người luôn tìm cách gieo vào đầu Hồng những suy nghĩ không tốt để Hồng từ bỏ, ruồng rẫy người mẹ của mình
- Sống trong nỗi cô đơn và niềm khát khao tình mẹ

***.2. Tình thương yêu mãnh liệt đối với mẹ**

- Lúc nào cũng nghĩ đến mẹ và thông cảm với mẹ: khi cô hỏi ngọt nhạt ⇒ cúi đầu không đáp; từ chối cô, luôn nghĩ đến mẹ.
- Không dao động, không suy giảm tình cảm kính yêu dành cho mẹ.
- Vô cùng đau đớn, phẫn uất khi nghe lời dèm pha, nhục mạ mẹ: khi cô mỉa mai mẹ ⇒ nghe như sát muối vào lòng, đau đớn, tủi nhục, xúc động vì thương mẹ
- Ghét những hủ tục phong kiến: khi nghe cô kể về mẹ ⇒ dòn dập oán hờn, kìm nén nỗi xót xa, căm ghét cổ tục phong kiến.

***.3. Cảm giác của bé Hồng khi được ở trong lòng mẹ**

- Chạy đuổi theo xe với cử chỉ vội vã, lập cập; bối rối gọi “Mợ ơi!”.
- Chân ríu lại, lên xe ngồi cạnh mẹ, nhận được sự âu yếm vỗ về của người mẹ thì òa lên khóc nức nở ⇒ niềm dỗi hờn mà hạnh phúc, tức tưởi mà mãn nguyện
- Gặp mẹ, với Hồng “khắc nào ảo ảnh dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa sa mạc”

⇒ Niềm xúc động mạnh mẽ của Hồng khi đột ngột gặp lại mẹ

- Cảm nhận mẹ vẫn tươi như ngày nào, giấc ầm ập mơn man khắp da thịt, niềm ngây ngất sung sướng khi ở trong lòng mẹ và ước ao mình nhỏ lại

⇒ **Cảm nhận của bé Hồng về tình mẫu tử thiêng liêng, sâu nặng khi gặp mẹ**

***. Nhân vật người cô**

- Đối xử với BH không thật lòng:

+ Bên ngoài tỏ ra dịu dàng, thân mật: “cười”, nói giọng ngọt ngào, xưng hô “mày tao”

+ Lời nói mỉa mai mẹ BH, làm tổn thương tình cảm mẹ con nhằm gieo rắc hoài nghi để BH khinh miệt, ruồng rẫy mẹ

- Là người cay nghiệt thâm độc, luôn gây ra nỗi đau cho người khác.

*** Khái quát lại những nét đặc sắc về nghệ thuật làm nên thành công về nội dung của văn bản:** Lời văn nhẹ nhàng, tình cảm, mạch cảm xúc tự nhiên, chân thực, kết hợp tự sự với miêu tả, biểu cảm, khắc họa thành công hình tượng nhân vật bé Hồng ...

c. Kết bài

Có thể nói, chỉ với một đoạn trích ngắn, ta có thể cảm nhận tình mẫu tử thiêng liêng của cậu bé Hồng và người mẹ tội nghiệp. Còn gì cao quý, thiêng liêng hơn nỗi xúc động nghẹn ngào ấy và người đọc dường như đã rót nước mắt trên trang sách của Nguyên Hồng. Để qua đây, nhà văn muốn nói với chúng ta rằng: ai hạnh phúc khi đang còn mẹ, được mẹ bảo bọc yêu thương hãy trân trọng và giữ gìn nó. Đó chính là hạnh phúc lớn lao mà cũng bình dị, gần gũi ngay trong cuộc sống của mỗi người.

CHỦ ĐỀ 3: TỨC NƯỚC VỠ BỜ (TRÍCH “TẮT ĐÈN”) – NGÔ TẮT TỐ

I. Đôi nét về tác giả Ngô Tất Tố

- Ngô Tất Tố (1893- 1954)

- Quê quán: làng Lộc Hà, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc Đông Anh, Hà Nội)
- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác
 - + Năm 1926, Ngô Tất Tố ra Hà Nội làm báo và viết cho tờ An Nam tạp chí.
 - + Sau gần ba năm ở Sài Gòn, Ngô Tất Tố trở ra Hà Nội. Ông tiếp tục sinh sống bằng cách viết bài cho các báo: An Nam tạp chí, Thần chung, Phổ thông, Đông Dương, Hải Phòng tuần báo...
 - + Những tác phẩm tiêu biểu: Lều chõng, Việc làng, Đề Thám...
- Phong cách sáng tác: Ông là nhà văn xuất sắc của trào lưu văn học trước Cách mạng, thơ ông mang đậm dấu ấn hiện thực, ông thường viết cuộc sống người nông dân trong xã hội phong kiến, ở đó luôn có sự bế tắc không lối thoát

II. Đôi nét về đoạn trích “Tức nước vỡ bờ”

1. Hoàn cảnh sáng tác

- Đoạn trích Tức nước vỡ bờ trích từ chương XVIII của tiểu thuyết Tắt đèn- tác phẩm tiêu biểu nhất của Ngô Tất Tố

2. Tóm tắt

Chỉ vì đóng thiếu một suất sưu cho người em trai đã mất mà anh Dậu bị bọn cai lệ bắt trói, bị đánh đập đến ngất đi như một xác chết rồi được khiêng về nhà. Sáng sớm hôm sau, khi anh Dậu còn đang cố húp bát cháo thì tên cai lệ và người nhà lí trưởng sấn sổ định bắt trói anh. Chị Dậu đã hết lời van xin nhưng bọn chúng nhất quyết không buông tha, còn chửi mắng và bịch và ngực chị. Tức nước vỡ bờ, chị vùng lên đánh ngã tên cai lệ và người nhà lí trưởng.

3. Giá trị nội dung

- Bằng ngòi bút hiện thực sinh động, đoạn trích “Tức nước vỡ bờ” đã vạch rõ bộ mặt xấu xa, tàn bạo của xã hội thực dân phong kiến đương thời đẩy người nông dân vào tình cảnh vô cùng khốn khổ, bế tắc, khiến họ phải liều mạng cự lại. Đoạn trích còn

cho thấy vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ nông dân, vừa giàu tình yêu thương vừa có sức sống tiềm tàng, mạnh mẽ

4. Giá trị nghệ thuật

- Nghệ thuật tạo tình huống truyện có tính kịch
- Nghệ thuật xây dựng nhân vật: miêu tả nhân vật chân thật, sinh động về ngoại hình, ngôn ngữ, hành động, tâm lí.
- Đoạn trích tiêu biểu cho ngòi bút hiện thực, ngôn ngữ kể chuyện vô cùng linh hoạt.

5. Phân tích đoạn trích “ Tức nước vỡ bờ” (Tắt đèn)- Ngô Tất Tố.

a. Mở bài

Ngô Tất Tố là một trong những nhà văn hiện thực phê phán nổi tiếng nhất thời kì cách mạng. Các tác phẩm của ông luôn đi liền với hình ảnh những người nông dân khốn khổ, luôn bị bóc lột, bị áp bức mà không thể tìm ra được lối thoát. Và nhắc tới ông, có lẽ chúng ta sẽ được nghe đầu tiên là tác phẩm “Tắt đèn”. Trong tác phẩm, đoạn trích “Tức nước vỡ bờ” là một trong những đoạn văn gây nhiều xúc động và để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc.

b. Thân bài

*. Tình thế gia đình chị Dậu

- Nguy ngập, khốn cùng:
 - + Thiếu sưu, nhà không còn của cải đáng giá.
 - + Đã bán 1 đứa con gái, 1 ổ chó, 2 gánh khoai để nộp suất sưu cho em chồng. Nhà không còn gì, con đói
 - + Anh Dậu bị bệnh, bị đánh trói đến ngất ⇒ khi chúng trả về, anh mới tỉnh
 - + Bọn tay sai đến đốc thúc nộp sưu

⇒ sự thấu hiểu, cảm thông sâu sắc của nhà văn với tình cảnh cơ cực, bế tắc của người nông dân

***. Nhân vật cai lệ**

- Thái độ: hống hách.

- Ngôn ngữ: hách dịch, kém văn hoá

- Hành động: đi thúc sưu nhưng luôn đem theo “roi song, tay thước, dây thừng”, đánh trói người vô tội vạ. Đánh cả phụ nữ.

⇒ Nghệ thuật khắc họa nhân vật thông qua ngôn ngữ, hành động: Tên cai lệ nổi bật là tên côn đồ, vũ phu

⇒ Qua việc miêu tả lối hành xử của cai lệ, nhà văn tố cáo bộ mặt tàn ác, bất nhân của xã hội thực dân nửa phong kiến đương thời

***. Nhân vật chị Dậu**

- Là người vợ luôn yêu thương chăm sóc chồng chu đáo: chăm sóc anh Dậu khi anh Dậu bị đánh ngất

- Vì sự an toàn của chồng, chị đã nhẫn nhục van xin tên cai lệ và người nhà lý trưởng

- Khi chúng đánh chị và sắp tới để trói anh Dậu, chị đã vùng lên đấu tranh, đánh ngã bọn này.

- Chị Dậu là một phụ nữ lao động giàu lòng yêu thương, nhường nhịn mà cũng tiềm tàng tinh thần phản kháng mạnh mẽ.

⇒ Qua đây, ta thấy sự phát hiện của tác giả về tâm hồn yêu thương, tinh thần phản kháng mãnh liệt của người nông dân vốn hiền lành, chất phác.

*** Đánh giá chung:**

- Khái quát những nét nghệ thuật đặc sắc của đoạn trích: Nghệ thuật tạo tình huống truyện có tính kịch, xây dựng nhân vật thông qua miêu tả chân thật, sinh động về ngoại hình, ngôn ngữ, hành động, tâm lí...
- Đây là một đoạn trích mang giá trị hiện thực sâu sắc

c. Kết bài

Ngòi bút Ngô Tất Tố đã đạt đến một trình độ điêu luyện trong đoạn trích “Tức nước vỡ bờ”- từ sự khéo léo trong khắc họa nhân vật cho đến việc lựa chọn sử dụng từ ngữ để lột tả chính xác, sinh động những diễn biến đầy kịch tính. Ông đã dựng lên một cảnh tượng cực kì sống động, một cảnh tượng đẹp, tươi sáng trong cái khung cảnh u ám, đen tối của Tất đên. Những gì chúng ta được chứng kiến trong đoạn trích dự báo một khả năng, một sức mạnh lớn của người nông dân nói chung, phụ nữ nông dân nói riêng mà sau này, sức mạnh ấy được tập hợp thành vũ bão quét đổ thực dân, phong kiến trong Cách mạng tháng Tám.

CHỦ ĐỀ 4: LÃO HAC- NAM CAO

1. Đôi nét về tác giả Nam Cao

- Nam Cao (1917- 1951) tên khai sinh là Trần Hữu Tri
- Quê quán: làng Đại Hoàng, phủ Lí Nhân (nay là xã Hòa Hậu, huyện Lí Nhân), tỉnh Hà Nam.
- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác:
 - + Năm 1941, ông có tập truyện đầu tay là Đôi lứa xứng đôi, tên trong bản thảo là Cái lò gạch cũ rất được đón nhận, sau đó đã được đổi tên là Chí Phèo.
 - + Tháng 4 năm 1943, Nam Cao gia nhập Hội Văn hóa cứu quốc và là một trong số những thành viên đầu tiên
 - + Đến năm 1946, ông ra Hà Nội hoạt động trong Hội Văn hóa Cứu quốc
 - + Năm 1950 Nam Cao làm việc ở Hội Văn nghệ Việt Nam và làm việc trong toà soạn tạp chí Văn nghệ.
 - + Ông được nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật vào năm 1996.
 - + Những tác phẩm tiêu biểu: Chí Phèo, Cái chết của con Mực, Con mèo...
- Phong cách sáng tác:
 - + Ông là một nhà văn hiện thực xuất sắc viết về người nông dân nghèo đói bị vùi dập và những người trí thức nghèo sống mòn mỏi, bế tắc trong xã hội cũ

II. Đôi nét về tác phẩm Lão Hạc

1. Hoàn cảnh sáng tác

- Lão Hạc là một truyện ngắn xuất sắc của Nam Cao viết về người nông dân ở xã hội phong kiến cũ, đăng báo lần đầu năm 1943

2. Tóm tắt

Lão Hạc là một người nông dân nghèo, sống cùng một con chó gọi là cậu Vàng. Lão có một người con trai nhưng vì nghèo không có tiền lấy vợ nên đã bỏ đi làm đồn điền cao su. Một mình lão phải tự lo liệu mưu sinh. Sau trận ốm thập tử nhất sinh, nhà lão không còn gì nữa, lão đành phải bán cậu Vàng - con chó mà lão hết mực thương yêu như con trai mình. Lão mang hết số tiền bán chó và dành dụm được từ việc bán mảnh vườn gửi nhờ ông giáo. Một hôm sau lão kiếm được gì ăn nấy. Một hôm lão xin Binh Tư ít bả chó và nói dối là đánh bả con chó hay sang vườn để giết thịt ăn nhưng thực ra là để tự tử. Cái chết của lão Hạc dữ dội, vật vã, chẳng ai hiểu vì sao lão chết ngoại trừ ông giáo và Binh Tư.

3. Giá trị nội dung

- Qua đoạn trích tác giả đã thể hiện sự chân thực và cảm động về số phận đau thương của người nông dân trong xã hội phong kiến cũ và ca ngợi những phẩm chất cao quý của họ. Đồng thời cũng cho thấy sự yêu thương trân trọng của Nam Cao đối với những người nông dân như thế

4. Giá trị nghệ thuật

- Nam Cao đã thể hiện tài năng nghệ thuật của mình trong việc miêu tả tâm lí nhân vật, cách kể chuyện giản dị, tự nhiên chân thực, giọng điệu linh hoạt và tình huống độc đáo.

5. Phân tích tác phẩm “Lão Hạc” của nhà văn Nam Cao.

a. Mở bài

“Chao ôi ! Nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật có thể chỉ là những tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than” (Giăng sáng). Quan niệm nghệ thuật vị nhân sinh đó đã chi phối sáng tác cả đời của nhà văn Nam Cao. Những trang văn của ông được viết lên bởi tấm lòng nhân đạo cao cả, bởi trái tim không thôi trăn trở về số kiếp khổ đau của con người. Những Chí Phèo, Lão Hạc, Lang Rận, những Thứ, Điền, Hộ,... đang ngụp lặn trong dòng đời nhiều cay đắng. Họ ám ảnh ta bằng chính cuộc đời của họ. Trong đó hình ảnh

Lão Hạc trong tác phẩm cùng tên của Nam Cao cứ mãi chập chờn, khiến cho ta rung rung xúc động, thương yêu.

b. Thân bài

***. Nhân vật lão Hạc**

***.1. Tình cảnh Lão Hạc**

- Một lão nông già yếu, cô đơn $\Rightarrow$ tình cảnh bi đát
- Vì nghèo, lão dự định bán đi cậu Vàng – kỉ vật của anh con trai, người bạn thân thiết của bản thân mình - và chọn con đường kết thúc cho mình.

***.2. Diễn biến tâm trạng lão Hạc quanh việc bán cậu Vàng**

- Cậu Vàng là con chó của lão Hạc rất yêu quý :
 - + Cho ăn trong một bát lớn như của nhà giàu ; ăn gì cũng gấp cho nó cùng ăn
 - + Rồi rãi thì đem nó ra ao tắm, bắt rận cho nó
 - + Mỗi khi uống rượu lão nhắm vài miếng thì lại gấp cho nó một miếng như người ta gấp thức ăn cho cháu
 - + Thường xuyên tâm sự với nó về bố nó, rồi thủ thi, âu yếm
- Quyết định bán đi con chó Vàng là một việc làm rất khó khăn, một việc hệ trọng $\Rightarrow$ đắn đo, do dự, suy tính mãi
- Tâm trạng, biểu hiện khi bán chó :
 - + Lão cười như mếu, đôi mắt ầng ậng nước
 - + Mặt lão đột nhiên co rúm lại, vết nhăn xô lại với nhau ép cho nước mắt chảy ra,
 - + Đầu ngoẹo về một bên, miệng móm mém mếu như con nít
 - + Lão hu hu khóc.

⇒ Sử dụng từ tượng hình, từ tượng thanh dày đặc, liên tiếp ⇒ vô cùng đau khổ đang hồi hận, xót xa, thương tiếc dâng trào.

⇒ Lão Hạc là một người nông dân sống có tình có nghĩa, thủy chung, rất mực trung thực, cho thấy tấm lòng thương yêu con của một người cha nghèo khổ.

***.3. Cái chết của lão Hạc**

- Lão nhờ ông giáo 2 việc:

+ Trông nom hộ mảnh vườn, khi nào con trai lão về thì giao lại cho nó

+ Mang hết tiền giành dụm nhờ ông giáo và bà con chòm xóm làm ma cho nếu lão chết đi.

- Nguyên nhân: Ý thức sâu sắc, rõ ràng hoàn cảnh cùng đường, không có lối thoát của mình.

- Mục đích: Bảo toàn tài sản cho con và không muốn phiền hà đến bà con hàng xóm.

- Vật vã trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, mắt long sòng sọc, lão tru tréo, bọt mép sùi ra.... người lão chốc chốc lại giật mạnh....vật vã đến hai giờ đồng hồ mới chết> Sử dụng dày đặc và liên tiếp các từ tượng hình, tượng thanh ⇒ Làm nổi bật cái chết dữ dội, thê thảm đầy bất ngờ của lão Hạc

⇒ Là người có ý thức cao về lẽ sống, trọng danh dự làm người hơn cả sự sống; một người cha hết lòng thương con, một người nông dân trung thực, thật thà, giàu lòng tự trọng.

***. Nhân vật ông giáo**

- Có cùng nỗi khổ của sự nghèo túng; có cùng nỗi đau phải bán đi những thứ mà mình yêu quý nhất

- Thông cảm, thương xót cho hoàn cảnh của lão Hạc, tìm mọi cách an ủi, giúp đỡ lão.

- Ông là người hiểu đời hiểu người, có tấm lòng vị tha cao cả

⇒ Ông giáo là người trí thức chân chính, trọng nhân cách, không mất đi lòng tin vào những điều tốt đẹp ở con người.

*** Đánh giá chung:**

- Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật tác phẩm

c. Kết bài:

Có thể nói, với tác phẩm “Lão Hạc”, nhà văn Nam Cao thể hiện lòng thương yêu, thái độ trân trọng đối với những con người bất hạnh mà biết sống cao thượng. Tác phẩm này cho thấy tài năng của nhà văn qua nghệ thuật xây dựng tình huống truyện; kể các sự việc, khắc hoạ nhân vật sinh động, có chiều sâu tâm lí, cách kể linh hoạt, hấp dẫn, ngôn ngữ giản dị, tự nhiên mà trĩu nặng những cảm xúc và suy nghĩ lắng sâu.

CHỦ ĐỀ 5: CÔ BÉ BÁN DIÊM- AN- DEC- XEN

I. Đôi nét về tác giả An - dec - xen

- An- dec- xen(1805- 1875) tên đầy đủ là Christian Andersen
- Quê quán: nhà văn người Đan Mạch
- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác:
 - + Ông là nhà văn nổi tiếng với thể loại truyện dành cho trẻ em, nhiều truyện ông biên soạn lại từ truyện cổ tích nhưng có nhiều truyện là của ông.
 - + Năm 1835, ông bắt đầu sáng tác truyện kể nhan đề Chuyện kể cho trẻ em tại Ý
 - + Từ đó ông thường xuyên cho ra đời các âu truyện như Nàng tiên cá, Bộ quần áo mới của Hoàng đế, Chú vịt con xấu xí...
- Phong cách sáng tác:
 - + Phong cách giản dị đan xen giữa mộng tưởng và hiện thực, những câu truyện ông viết hầu hết dành cho trẻ em.

II. Đôi nét về tác phẩm “Cô bé bán diêm”

1. Hoàn cảnh sáng tác

- Văn bản được viết vào năm 1845, khi tên tuổi của tác giả lừng danh thế giới với trên 20 năm cầm bút

2. Giá trị nội dung

- Qua câu truyện nhà văn đã đưa đến chúng ta một thông điệp ý nghĩa: Lòng thương cảm trước số phận của trẻ thơ bất hạnh, hãy phấn đấu vì một tương lai cho tuổi thơ tốt đẹp tràn đầy hạnh phúc.

3. Giá trị nghệ thuật

- Với cách kể chuyện hấp dẫn chân thực, diễn biến tâm lí nhân vật sâu sắc, tác giả còn sử dụng thành công biện pháp tương phản nhằm tạo điểm nhấn về một số phần bất hạnh nhưng em luôn cháy lên khát vọng sống tốt đẹp và những ước mơ tươi sáng.

4. Phân tích tác phẩm “Cô bé bán diêm”- An-đéc-xen.

a. Mở bài

An-đéc-xen nhà văn nổi tiếng với những câu chuyện dành cho thiếu nhi. Các tác phẩm của ông luôn để lại những ấn tượng sâu đậm, những bài học sâu sắc cho các bạn nhỏ. Khi nhắc đến kho tàng truyện của ông ta không thể không nhắc đến truyện **Cô bé bán diêm**, một câu chuyện giàu giá trị nhân văn, nhân bản.

b. Thân bài

***. Hình ảnh cô bé bán diêm trong đêm giao thừa giá rét**

- Mẹ mất, bà nội cũng qua đời nên cô bé phải sống với bố
- Nhà em rất nghèo phải sống chui rúc tại một xó tối trên gác sát mái nhà
- Bố em khó tính, em luôn phải nghe những lời mắng nhiếc, chửi rủa và phải đi bán diêm để kiếm sống

⇒ Em có hoàn cảnh rất đáng thương, nghèo khổ, cô đơn và đói rét

- Thời gian bán diêm: Đêm giao thừa giá rét

- Không gian : Nơi đường phố, tuyết rơi rét buốt

+ Trời rét , tuyết rơi, giá lạnh thấu xương nhưng em chỉ mặc phong phanh với đôi chân trần

+ Những ngôi nhà xinh xắn có dây thường xuân bao quanh ở trên phố còn nhà em thì trong một xó tối tăm

⇒ Những hình ảnh tương phản làm nổi bật lên sự thiếu thốn khổ cực của em cả về mặt vật chất lẫn tinh thần. Qua đó lay động sự cảm thương nơi người đọc

*. Các lần quẹt diêm, mộng tưởng và thực tại

- Cô bé bán diêm có năm lần quẹt diêm trong đó có 4 lần quẹt một que và lần cuối cùng là quẹt hết những que diêm còn lại.

- Thực tế của em ở trong hoàn cảnh đau khổ nhưng mộng tưởng thì lại vô cùng tươi đẹp

+ Lần 1 quẹt diêm: Em mộng tưởng ra ngôi nhà có lò sưởi ⇒ thể hiện mong ước được sưởi ấm

+ Lần 2 quẹt diêm: Em mộng tưởng thấy căn phòng với bàn ăn, có ngỗng quay ⇒ mong ước được ăn trong ngôi nhà thân thuộc với đầy đủ mọi thứ

+ Lần 3 quẹt diêm: Em mộng tưởng thấy cây thông Nô-en và nến sáng lung linh ⇒ Mong ước được vui đón tết trong ngôi nhà của mình

+ Lần 4 quẹt diêm: Em thấy bà nội mỉm cười với em ⇒ mong được ở mãi bên bà

+ Lần 5: Em quẹt hết những que diêm còn lại vì em muốn níu bà em lại, bà cầm tay em rồi hai bà cháu vụt bay- họ về châu thượng đế

⇒ Thực tại và mộng tưởng xen kẽ nối tiếp nhau lặp lại và có những biến đổi thể hiện sự mong ước nhưng vô vọng của cô bé. Nhưng ngay cả cái chết cũng được miêu tả một cách thật bay bổng và nhân văn.

*. Cái chết thương tâm của cô bé bán diêm

- Cô bé chết giữa đường phố, mọi người đi qua không một ai giúp đỡ em

⇒ Một xã hội lạnh lùng vô cảm, thờ ơ với nỗi bất hạnh của người nghèo

⇒ Tác giả đã dành cho em tất cả niềm cảm thương sâu sắc nhất thể hiện tính nhân văn của tác phẩm.

* Khái quát chung:

- Khái quát lại vài nét nội dung nghệ thuật và nội dung: Bằng ngòi bút đậm chất hiện thực và nhân văn tác giả đã đưa người đọc đến sự rung cảm nhất định là niềm cảm

thông trước số phận bất hạnh của cô bé bán diêm cũng như thấy được sự thờ ơ của xã hội trước những số phận khó khăn.

c. Kết bài

Truyện ngắn “Cô bé bán diêm” đã mở ra cho chúng ta một bài học sâu sắc về tầm quan trọng của gia đình đối với trẻ em, mỗi đứa trẻ trên thế giới đều xứng đáng có một gia đình đầy đủ, được hưởng những nền giáo dục tốt đẹp nhất, được thỏa mãn cả nhu cầu vật chất và tinh thần để phát triển và trưởng thành trong xã hội. Đồng thời tác phẩm cũng thể hiện tấm lòng nhân ái, đồng cảm với những số phận bất hạnh, đặc biệt là với những trẻ em có cuộc sống không may mắn của tác giả, bộc lộ mong muốn rằng tất cả trẻ em trên thế này này đều được hưởng một cuộc sống hạnh phúc, đủ đầy.

CHỦ ĐỀ 6: CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG- Ô HEN-RI

I. Đôi nét về tác giả Ô Hen-ri

- Ô Hen-ri sinh năm 1862, mất năm 1910, tên thật của ông là William Sydney Porter
- Quê quán: là nhà văn người Mỹ
- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác:
 - + Ông sinh ra trong một gia đình có cha là thầy thuốc, mẹ ông qua đời khi ông mới lên ba tuổi
 - + Ông bỏ dở việc học tập năm 15 tuổi do gia cảnh nghèo khó. Ông đi nhiều nơi và làm nhiều nghề khác nhau: nhân viên, kế toán, thủ quỹ ngân hàng...
 - + Sau này, khi bắt đầu với sự nghiệp văn chương, ông trở thành một nhà văn chuyên viết truyện ngắn
 - + Nhiều truyện của ông đã để lại dư âm trong lòng bạn đọc như: Căn gác xép, Tên cảnh sát và gã lang thang, Quà tặng của các đạo sĩ...
- Phong cách sáng tác:
 - + Những sáng tác của ông nhẹ nhàng nhưng toát lên tinh thần nhân đạo cao cả

II. Đôi nét về tác phẩm Chiếc lá cuối cùng

1. Hoàn cảnh sáng tác

- Chiếc lá cuối cùng là một trong số 600 truyện ngắn của nhà văn Ô Hen-ri. Đoạn trích này nằm ở phần cuối truyện

2 Giá trị nội dung

- Truyện ngắn chứa đựng giá trị nhân văn sâu sắc, câu chuyện nói về tình bạn, tình yêu thương giữa những con người với nhau. Qua đó nhà văn mang tới một bức thông điệp: Hãy luôn thắp sáng ngọn lửa của khát khao hi vọng hãy luôn yêu thương, mang nghệ thuật phục vụ con người, nghệ thuật chà

n chính lâu bền nhất là nghệ thuật hướng tới con người và vì con người.

3. Giá trị nghệ thuật

- Truyện với nhiều tình huống hấp dẫn, cách sắp xếp chặt chẽ, đặc biệt là đảo ngược tình huống lần lần tạo sự hứng thú cho người đọc.

4. Phân tích tác phẩm “Chiếc lá cuối cùng” của nhà văn Ô Hen-ri.

a. Mở bài

Cách đây 112 năm, trên bầu trời văn học nước Mỹ, một ngôi sao sáng đã lặn. Ngôi sao ấy là O - Hen-ri. Sự ra đi của ông quả thật, đã để lại cho nhân dân nước Mỹ nhiều tiếc nuối. Thế nhưng, đúng như có người đã nói: "Văn học nằm ngoài những định luật của băng hoại, chỉ mình nó không thừa nhận cái chết". Mặc dù ngôi sao sáng ấy lặn khá lâu rồi song dư quang của nó vẫn lấp lánh tỏa sáng trên những trang văn mà ông O. Hen-ri để lại cho đời. Sự nghiệp sáng tác của ông không đồ sộ như M.Gordki, L.Tônxlôi nhưng hầu hết các tác phẩm mà nhà văn viết ra đều có giá trị lớn lao. "Chiếc lá cuối cùng" của ông là một trong những tác phẩm như thế.

b. Thân bài

*. Nhân vật Giôn-xi

- Giôn-xi là một họa sĩ nghèo mắc bệnh sung phổi

- Khi bị bệnh, cô đã vô cùng tuyệt vọng:

+ Mở to cặp mắt thần thờ và thều thào ra lệnh => Những từ láy tượng hình tượng thanh thể hiện sự yếu ớt, cạn kiệt của Giôn-xi

+ Suy nghĩ rằng khi chiếc lá cuối cùng rụng thì cô sẽ chết

=> Tinh thần suy sụp, mất hết niềm tin, nghị lực, tâm trạng buông xuôi, tuyệt vọng

- Thái độ của Giôn-xi khi nhìn thấy chiếc lá cuối cùng không rụng:

+ Tự thấy mình là hư

+ Muốn ăn cháo, uống nước, muốn soi gương và muốn vẽ

> **Tâm trạng hoàn toàn thay đổi, cô thoát khỏi cái chết, có tình yêu cuộc sống, yêu nghệ thuật.** Sự dai dẳng của chiếc lá chính là nguồn gốc hồi sinh tâm trạng của Giôn-xi

⇒ **Con người cần phải có niềm tin, nghị lực để chiến thắng bệnh tật và vượt lên chính mình**

* Nhân vật Xiu

- Xiu là một cô gái có tấm lòng nhân hậu, đức hi sinh, có sự đồng cảm sâu sắc và yêu thương bạn như người thân ruột thịt:

+ Khi Giôn-xi bị bệnh: Lo lắng, luôn động viên, chăm sóc Giôn-xi => Tình cảm chân thành của Xiu với cô bạn yếu đuối trợ cùng

+ Xiu sợ khi chỉ còn 1 chiếc lá thường xuân cuối cùng còn bám lại trên tường. Khi Giôn-xi bảo kéo màn,” cô làm theo cô làm theo một cách chán nản”

- Xiu kể về cái chết của cụ Bơ-men bằng một giọng cảm động và chân thành còn có cả sự biết ơn khôn xiết

⇒ **Thể hiện sự kính trọng, thương nhớ, khâm phục cụ Bơ-men**

*. Nhân vật cụ Bơ-men

- Là một họa sĩ già, nghèo, chưa có thành đạt trên con đường nghệ thuật, mơ ước vẽ được kiệt tác

- Quan tâm, yêu quý các đồng nghiệp trẻ

- Là người có đức hi sinh thầm lặng cao cả, quên mình vì người khác

- Tạo ra kiệt tác chiếc lá cuối cùng để cứu lấy Giôn-xi: Khi biết tâm trạng chán nản của Giôn-xi, cụ lặng lẽ vẽ clixcc trên tường trong đêm gió tuyết để nhen lên niềm tin, niềm hi vọng và nghị lực sống cho Giôn-xi

⇒ Chiếc lá cuối cùng mà cụ Bơ men được tạo ra từ nghệ thuật chân chính, hướng đến con người và vì con người.

* Khái quát những giá trị tiêu biểu về nội dung và nghệ thuật làm nên thành công của tác phẩm:

- Lời nói kết lại tác phẩm là sự khẳng định cho ý nghĩa cao cả của sự sống. Là ca ngợi và kính trọng trước nhân cách cao đẹp của người nghệ sĩ dám hy sinh vì đồng loại.
- Nghệ thuật dựng truyện đặc sắc, cách tạo tình huống bất ngờ giúp người đọc cảm nhận sâu sắc hơn ý nghĩa câu chuyện.

c. Kết bài

“Chiếc lá cuối cùng” là câu chuyện đời thường giản dị mà xiết bao cảm động. Tình thương yêu giữa người với người đã đem lại giá trị lâu dài cho tác phẩm và vinh quang cho tôn tuổi nhà văn O.Hen-ri. Ngoài ra, tác phẩm còn chứa đựng một quan điểm đúng đắn về mục đích của sáng tạo nghệ thuật: Nghệ thuật đích thực trước hết phải phục vụ con người và cuộc sống.

CHỦ ĐỀ 7: HAI CÂY PHONG (TRÍCH NGƯỜI THẦY ĐẦU TIÊN)- AI-MA-TÓP

I. Đôi nét về tác giả Ai-ma-tốp

- Ai-ma-tốp (1928- 2008) tên đầy đủ là Chyngyz Torekulovich Aytmatov
- Quê quán: Là nhà văn Cu-rơ-gu-xtan- một nước cộng hòa ở vùng Trung Á, thuộc Liên Xô trước đây
- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác:
 - + Ông rất nổi tiếng với nhiều tác phẩm về quê hương ông
 - + Ông bắt đầu hoạt động văn học vào năm 1952
 - + Tác phẩm nổi tiếng đầu tiên là tập truyện Núi đồi và thảo nguyên đã được tặng giải thưởng Lê-nin về văn học vào năm 1963
 - + Nhiều tác phẩm của ông trở nên rất quen thuộc với bạn đọc Việt Nam như: Con tàu trắng, Cây phong non trùn khăn đỏ...
- Phong cách sáng tác:
 - + Các truyện ngắn của Ai-ma-tốp chủ yếu viết về cuộc sống khắc nghiệt nhưng cũng đầy chất lãng mạn của người dân vùng đồi núi Cu-rơ-gu-xtan, tình yêu, tình bạn, tinh thần dũng cảm vượt qua những thử thách hi sinh thời chiến tranh

II. Đôi nét về đoạn trích” Hai cây phong”

1. Hoàn cảnh sáng tác

- Văn bản là phần đầu của truyện Người thầy đầu tiên, được sáng tác năm 1957

2. Giá trị nội dung

- Đoạn trích miêu tả hai cây phong với ngòi bút sắc bén đậm chất hội họa đọng đầy cảm xúc. Qua đó truyền cho chúng ta tình yêu quê hương da diết và niềm xúc động

đặc biệt vì hai cây phong gắn với câu chuyện về người thầy- người đã vun trồng những ước mơ cho những đứa học trò của mình

3. Giá trị nghệ thuật

- Lựa chọn ngôi kể, người kể tạo nên hai mạch kể lồng ghép độc đáo
- Sự kết hợp giữa miêu tả, biểu cảm với ngôi bút đậm chất hội họa, truyền sự rung cảm đến người đọc
- Nghệ thuật nhân hóa với những liên tưởng tác bạo đầy chất thơ tại nên sức hấp dẫn cho văn bản

4. Phân tích đoạn trích “ Hai cây phong”

a. Mở bài

Trong số các nhà văn của đất nước Liên Xô cũ, có lẽ Tsin-ghi-dơ Ai-má-tốp là người gần gũi với người đọc Việt Nam nhất. Truyện của ông, từ Ja-mi-li-a,..., Vĩnh biệt Gưn-xa-rư, đến Ngày dài hơn thế kỷ đều có bóng dáng của quê hương Cư-rơ-gư-xtan, đều phản ánh phong tục tập quán, đấu tranh cho cuộc sống tiến bộ, đạo đức và tình cảm tốt đẹp của con người... Một trong những tình cảm khiến truyện của Ai-ma-tốp gần gũi với người đọc Việt Nam có lẽ là tình cảm thầy trò mà truyện ngắn Người thầy đầu tiên là truyện tiêu biểu. Đoạn trích “Hai cây phong” là phần đầu của truyện, đây là đoạn trích ca ngợi tình cảm thiêng liêng, đó là tình yêu quê hương xứ sở, đồng thời là bài ca về người thầy chân chính.

b. Thân bài

*. Hình ảnh hai cây phong

- Hai cây phong nằm ở trên đồi như ngon hải đăng trên núi
 - Ai đến làng cũng đều thấy chúng trước tiên , là dấu hiệu để nhận ra làng
- ⇒ Phép so sánh chỉ giá trị tín nhiệm của hai cây phong. Khẳng định giá trị không thể thiếu đối với những người đi xa, thể hiện niềm tự hào về hai cây phong.

- Hai cây phong ấy cũng có tiếng nói riêng, tâm hồn riêng: tiếng rì rào nhiều cung bậc khác nhau
 - Hai cây phong gắn bó với sự sống, với con người: nơi giúp bọn trẻ thấy một “ thế giới đẹp đẽ vô ngần của không gian bao la và ánh sáng”, nhìn ra vẻ đẹp mới và khơi gợi khát vọng khám phá miền đất lạ.
 - Hai cây phong là nhân chứng cho hành động và tình cảm của thầy Đuy-sen.
 - Cảnh trào lên hai cây phong cho ta thấy đây là nơi hội tụ niềm vui, mở rộng chân trời hiểu biết, nơi khắc ghi những biến cố của làng
- ⇒ Bằng cách kể, miêu tả, nhân hóa so sánh cho thấy sức sống mãnh liệt của hai cây phong, biểu tượng cho con người thảo nguyên.**

*** Hình ảnh con người**

- **Nhân vật “tôi” có tình cảm đặc biệt, yêu mến hai cây phong**
 - Có một nỗi nhớ mãnh liệt với hai cây phong
 - Có trí tưởng tượng rất phong phú, tâm hồn nhạy cảm, yêu thiên nhiên và làng quê
- ⇒ Con người đã khắc họa lên một bức tranh thiên nhiên đậm chất hội họa được khám phá từ điểm nhìn trên hai cây phong- là những kỉ niệm tuổi thơ cho tình yêu yêu quê hương của những đứa trẻ**
- **Hai cây phong gắn với câu chuyện về thầy Đuy-sen đã vun trồng ước mơ hi vọng cho những người học trò nghèo: Thầy đã trồng 2 cây phong với hi vọng các thế hệ trẻ được học hành, có khát vọng lớn và trở thành người hữu ích.**

*** Đánh giá chung:**

- Khái quát giá trị nội dung- nghệ thuật làm nên thành công của đoạn trích: Cách lựa chọn ngôi kể tạo nên hai mạch kể lồng ghép độc đáo, sự kết hợp giữa miêu tả, biểu cảm với ngôi bút đậm chất hội họa, truyền sự rung cảm đến người đọc, những liên tưởng tác bạo đầy chất thơ

c. Kết bài

Bằng lời văn thâm trầm chất trữ tình, miêu tả đậm chất hội họa, tác phẩm đã cho thấy sự gắn bó sâu nặng, tình yêu quê hương tha thiết của nhân vật tôi với quê hương, đặc biệt là với hai cây phong. Đồng thời văn bản còn thể hiện lòng biết ơn với thầy Duy-sen người đã vun đắp, mơ ước, hi vọng cho trẻ em nơi đây.

CHỦ ĐỀ 8: NHỚ RỪNG- THẾ LỮ

I. Đôi nét về tác giả Thế Lữ

- Thế Lữ (1907- 1989), tên khai sinh là Nguyễn Thử Lễ
- Quê quán: Bắc Ninh (nay thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội)
- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác:
 - + Ông là nhà thơ tiêu biểu trong thơ mới hiện đại (1932 - 1945)
 - + Ngoài viết thơ, Thế Lữ còn viết truyện với nhiều thể loại như trinh thám, truyện kinh dị...
 - + Ông cũng hoạt động trên lĩnh vực sân khấu, có công trong xây dựng ngành kịch nói ở nước ta
 - + Được nhà nước trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 2000
 - + Tác phẩm tiêu biểu: Bên đường Thiên lôi, Mấy vần thơ...
- Phong cách sáng tác: Thơ ông dồi dào, đầy lãng mạn, qua đó thể hiện những ẩn ý sâu sắc vô cùng.

II. Đôi nét về bài thơ “Nhớ rừng”

1. Hoàn cảnh sáng tác

- Bài thơ được sáng tác vào năm 1934, sau được in trong tập Mấy vần thơ- 1935

2. Nội dung

- Bài thơ mượn lời con hổ nhớ rừng để thể hiện sự u uất của lớp những người thanh niên trí thức yêu nước, đồng thời thức tỉnh ý thức cá nhân. Hình tượng con hổ cảm thấy bất hòa sâu sắc với cảnh ngọt ngào tù túng, khao khát tự do cũng đồng thời là tâm trạng chung của người dân Việt Nam mất nước bấy giờ.

3. Nghệ thuật

- Hình ảnh mang tính chất biểu tượng, giàu chất tạo hình
- Ngôn ngữ và nhạc điệu phong phú, giàu tính biểu cảm.

4. Phân tích bài thơ Nhớ rừng- Thế Lữ

a. Mở bài

Thế Lữ là một trong các cây bút tiên phong, mở đường cho thơ ca hiện đại Việt Nam phát triển. Có thể nói ông là người cầm ngọn cờ chiến thắng cho thơ mới, dựng lên nền thơ mới cho thi ca dân tộc ở ngay chặng đầu (1930-1935). Thơ ông mang nặng tâm sự thời thế, đất nước nhưng không bế tắc, u buồn mà là tiếng thơ tha thiết, bi tráng. "Nhớ rừng" là một trong những bài thơ được sáng tác theo bút pháp lãng mạn, có vị trí quan trọng trong sự nghiệp sáng tác Thế Lữ và cũng là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất của phong trào thơ mới. Thi phẩm được sáng tác năm 1934, in trong tập "Mây vẩn thơ" (1935), tác giả đã mượn lời con hổ bị nhốt ở vườn bách thú để diễn tả sâu sắc nỗi chán ghét thực tại tầm thường, tù túng và niềm khát vọng tự do mãnh liệt của chàng thanh niên mất nước. Bộc lộ niềm khát vọng được khẳng định cái tôi của chính mình và được phát triển trong một cuộc sống rộng lớn, đất nước tự do. Đó cũng là lời tâm sự chung của những chàng thanh niên trí thức sống trong hoàn cảnh mất nước thời kì đó.

b. Thân bài:

* Tâm trạng uất hận của con hổ khi bị giam cầm

- Sử dụng một loạt các từ ngữ gợi cảm thể hiện tâm trạng chán nản, uất ức: “cắm hờn”, “nằm dài”, “chịu ngang hàng”, “bị làm trò”, “bị nhục nhằn”. Sự đau đớn, nhục nhã, bất bình của con hổ như bắt đầu trỗi dậy mãnh liệt khi nhìn thực tại tầm thường trước mắt.

*: Quá khứ vàng son trong nỗi nhớ của con hổ

- Nằm trong cũi sắt, con hổ nhớ về chốn sơn lâm – nơi nó từng ngự trị, đó là nơi có hàng ngàn cây đại thụ, có tiếng gió rít qua từng kẽ lá, tiếng của rừng già ngàn năm. Tất cả gợi ra một khu rừng hoang dã, hùng vĩ như vô cùng bí ẩn.

- Hình ảnh con hổ giữa chốn rừng xanh bạt ngàn được miêu tả qua một loạt từ ngữ miêu tả, gọi hình: “dõng dạc”, “đường hoàng”, “lượn tấm thân”, “vờn bóng”, “mắt... quắc”..., thể hiện sự uy nghi, ngang tàng, lẫm liệt của loài chúa tể rừng xanh.
- Hình ảnh con hổ khi còn làm vua chốn rừng xanh được miêu tả qua nỗi nhớ về quá khứ: Một loạt những hình ảnh sóng đôi giữa rừng già và loài chúa tể sơn lâm: “Đêm vàng bên bờ suối” – “ta say mồi...uống ánh trăng”, “ngày mưa” – “ta lặng ngắm giang sơn”, “bình minh...nắng gội” – “giấc ngủ ta tung bừng”, “chiều...sau rừng” – “ta đợi chết...”.
 - Việc sử dụng 1 loạt câu hỏi tu từ, đặc biệt là câu cuối đoạn đã thể hiện tâm trạng nuối tiếc, nhớ nhung một quá khứ vàng son, một thời kì oanh liệt, tự do, ngạo nghễ làm chủ thiên nhiên núi rừng.

***: Nỗi uất hận khi nghĩ về thực tại tầm thường, giả dối**

- Quay trở về với hiện thực, con hổ với nỗi “uất hận ngàn thâu” đã vạch trần toàn bộ sự giả dối, tầm thường, lố bịch của cuộc sống trước mắt: Ấy là những “cảnh sửa sang tầm thường, giả dối”, cái bất chước đầy lố bịch của thiên nhiên giả tạo, cố cho ra cái “vẻ hoang vu” nơi rừng thiêng sâu thẳm.

*** Khao khát tự do sục sôi trong lòng con hổ**

- Giọng điệu bi tráng, gào thét với núi rừng (“hỡi...”), lời nói bộc lộ trực tiếp nỗi nhớ, sự nuối tiếc về quá khứ và khao khát tự do, dù trong giấc mộng, con hổ cũng muốn được quay về nơi rừng già linh thiêng.

⇒ Mượn lời của con hổ, tác giả đã thay cho tiếng lòng của con dân Việt Nam trong thời kì mất nước, ấy là tiếng than nuối tiếc cho một thời vàng son của dân tộc, là tiếng khao khát tự do cháy bỏng, sục sôi trong từng người dân yêu nước.

*** Nghệ thuật**

- Thể thơ tự do hiện đại, phóng khoáng, dễ dàng bộc lộ cảm xúc
- Ngôn ngữ độc đáo, có tính gọi hình, gợi cảm cao
- Các biện pháp nghệ thuật được sử dụng thành công: nhân hóa, so sánh, điệp cấu trúc, câu hỏi tu từ, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác...
- Giọng điệu, nhịp thơ linh hoạt, khi thì buồn thảm, khi hào hùng, lẫm liệt, theo trình tự logic hiện thực – quá khứ - hiện thực – quá khứ...

c. Kết bài:

Với một hồn thơ giàu cảm hứng lãng mạn và cảm xúc mãnh liệt, kết hợp với sự sáng tạo điêu luyện, linh hoạt trong cách sử dụng các hình ảnh, câu từ, nhịp điệu đặc trưng của Thơ mới, tất cả đã tạo nên sức hấp dẫn độc đáo cho “Nhớ rừng”. Hình tượng chúa tể bị cầm tù cũng nổi khao khát tự do là tiếng nói của tác giả, thể hiện lòng yêu nước kín đáo mà da diết, xót xa, vang vọng mãi trong lòng người đọc.

CHỦ ĐỀ 9: ÔNG ĐỒ- VŨ ĐÌNH LIÊN

I. Đôi nét về tác giả Vũ Đình Liên

- Vũ Đình Liên (1913 – 1996)
- Quê quán: Quê gốc là ở Hải Dương nhưng sống chủ yếu ở Hà Nội
- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác:
 - + Là một trong những nhà thơ lớp đầu tiên của phong trào thơ mới.
 - + Ngoài sáng tác thơ, ông còn nghiên cứu, dịch thuật, giảng dạy văn học.
- Phong cách sáng tác: Thơ ông mang nặng nỗi niềm xưa, nỗi niềm hoài cổ, hoài vọng.
- Tác phẩm tiêu biểu: Lũy tre xanh, Mùa xuân cộng sản, Hạnh phúc...

II. Đôi nét về bài thơ Ông đồ

1. Hoàn cảnh sáng tác

- Từ đầu thế kỉ XX, nền văn Hán học và chữ Nho ngày càng suy vi trong đời sống văn hóa Việt Nam, khi mà Tây học du nhập vào Việt Nam, có lẽ vì đó mà hình ảnh những ông đồ đã bị xã hội bỏ quên và dần vắng bóng. Vũ Đình Liên đã viết bài thơ Ông đồ thể hiện niềm ngậm ngùi, day dứt về cảnh cũ, người xưa.

2. Giá trị nội dung

- Tác phẩm khắc họa thành công hình cảnh đáng thương của ông đồ thời vắng bóng, đồng thời gửi gắm niềm thương cảm chân thành của nhà thơ trước một lớp người dần đi vào quá khứ, khơi gợi được niềm xúc động tự vấn của nhiều độc giả.

3. Giá trị nghệ thuật

- Bài thơ được viết theo thể thơ ngũ ngôn gồm nhiều khổ
- Kết cấu đối lập đầu cuối tương ứng, chặt chẽ.

- Ngôn từ trong sáng bình dị, truyền cảm.

4. Phân tích bài thơ Ông đồ của nhà thơ Vũ Đình Liên.

a. Mở bài

Nếu thơ Xuân Diệu có giọng điệu say đắm, rạo rực, thơ Hàn Mặc Tử có chút điên loạn, thơ Huy Cận có nỗi buồn ảo não thì thơ Vũ Đình Liên lại mang một giọng điệu hoài cổ. Mỗi người nghệ sĩ có phong cách thơ khác nhau, đây là nét riêng biệt để họ được phân biệt với các tác giả khác và cũng là ấn tượng riêng để bạn đọc nhớ đến họ. Tuy sáng tác không nhiều nhưng Vũ Đình Liên đã để lại cho văn học Việt Nam những tác phẩm giá trị, tiêu biểu là bài thơ “Ông đồ”.

b. Thân bài

*. Hình ảnh ông đồ thời Nho học thịnh hành

- Thời gian: Mùa xuân với hoa đào nở.

- Hành động: Bày mực tàu, giấy đỏ – công cụ chủ yếu của các nhà nho.

- Địa điểm: Bên phố đông người ⇒ Sự đông vui, náo nhiệt lúc xuân về.

⇒ Hình ảnh gần gũi, quen thuộc trong mỗi dịp tết đến xuân về thưở xưa.

- **Bao nhiêu người thuê viết....khen tài:** Sự thịnh thế của Hán học, các nhà Nho khẳng định vị trí của mình trong lòng người, đó là những con người được ngưỡng mộ vì tài năng, học vấn.

⇒ Góp phần không nhỏ trong việc gợi không khí náo nhiệt truyền thống, nét văn hóa không thể bỏ qua của mùa xuân trong tâm thức cổ truyền của dân tộc.

⇒ Nhịp thơ nhanh: Giữa không khí náo nức, ông đồ như một người nghệ sĩ, mang hết tài năng của mình hiến cho cuộc đời.

*. Hình ảnh ông đồ khi Nho học lụi tàn

- **Nhưng mỗi năm mỗi vắng:** từ **nhưng** tạo bước ngoặt trong cảm xúc người đọc, sự suy vi ngày càng rõ nét, người ta có thể cảm nhận một cách rõ ràng, day dứt nhất.

- **Người thuê viết nay đâu?**: câu hỏi thời thế, cũng là câu hỏi tự vấn.

⇒ Sự đối lập của khung cảnh với 2 khổ đầu: Nỗi niềm day dứt, vẫn ông đồ xưa, vẫn tài năng ấy xuất hiện nhưng không cần ai thuê viết, ngợi khen.

- **Giấy đỏ ...nghiên sầu**: Hình ảnh nhân hoá, giấy bẽ bàng sầu tủi, mực buồn đọng trong nghiên hay chính tâm tình của người nghệ sĩ buồn đọng, không thể tan biến được.

- **Lá bàng...mưa bị bay**: Tả cảnh ngụ tình – nỗi lòng của ông đồ. Đây là hai câu thơ đặc sắc nhất của bài thơ. Lá vàng rơi gợi sự cô đơn, tàn tạ, buồn bã, mưa bụi bay gợi sự ảm đạm, lạnh lẽo ⇒ Tâm trạng con người u buồn, cô đơn, tủi phận.

*. **Tình cảm của nhà thơ:**

- Thời gian: Mùa xuân với hoa đào nở (**lại**: sự lặp lại tuần hoàn của cảnh thiên nhiên).

- Hình ảnh: **Không thấy** – phủ nhận sự có mặt của một người đã từng trở thành niềm ngưỡng vọng.

⇒ Kết cấu đầu cuối tương ứng làm nổi bật chủ đề bài thơ.

- **Những người muôn năm cũ...bây giờ?**: Câu hỏi đặt ra dường như không phải để tìm một câu trả lời, đó như một niềm than thân, thương phận mình.

⇒ Câu hỏi tu từ nhằm bộc lộ niềm tiếc thương, day dứt hết sức chân thành của tác giả trước sự suy vi của Nho học đương thời.

c. **Đánh giá chung về nội dung- nghệ thuật.**

c. **Kết bài**

Với thể thơ ngũ ngôn gieo vần chân, lời thơ bình dị nhưng sâu lắng, cô đọng, lời thơ giống như một lời kể chuyện thuật lại nét đẹp truyền thống xưa của dân tộc, kết cấu đầu cuối tương ứng chặt chẽ, bài thơ chứa đựng đủ những yếu tố nghệ thuật đặc sắc nhất. Qua những nét nghệ thuật tiêu biểu đó, tác giả thể hiện nỗi niềm xót thương đối với ông đồ cũng như niềm tiếc nuối cho sự mất đi của một nền văn hóa dân tộc.

CHỦ ĐỀ 10: QUÊ HƯƠNG- TẾ HANH

I. Đôi nét về tác giả Tế Hanh

- Tế Hanh (1921- 2009), tên khai sinh là Trần Tế Hanh
- Quê quán: sinh ra tại một làng chài ven biển tỉnh Quảng Ngãi
- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác
 - + Ông có mặt trong phong trào thơ Mới ở chặng cuối với những bài thơ mang nỗi buồn và tình yêu quê hương
 - + Sau năm 1945, Tế Hanh sáng tác phục vụ cách mạng và kháng chiến
 - + Ông được nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật
- Phong cách sáng tác: thơ ông chân thực với cách diễn đạt bằng ngôn ngữ giản dị, tự nhiên và rất giàu hình ảnh, bình dị mà tha thiết

II. Đôi nét về bài thơ Quê hương

1. Hoàn cảnh sáng tác

- Bài thơ viết năm 1939, khi Tế Hanh đang học tại Huế trong nỗi nhớ quê hương- một làng chài ven biển tha thiết. Bài thơ được rút trong tập Nghẹn ngào (1939) và sau đó được in trong tập Hoa niên (1945)

2. Nội dung

- Bài thơ đã vẽ ra một bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê miền biển. Trong đó nổi bật lên hình ảnh khỏe khoắn, đầy sức sống của người dân chài và cảnh

sinh hoạt lao động chài lưới. Qua đó cho thấy thấy tình cảm quê hương trong sáng, tha thiết của nhà thơ.

3. Nghệ thuật

- Ngôn ngữ bình dị mà gợi cảm, giọng thơ khỏe khoắn hào hùng
- Hình ảnh thơ phong phú, giàu ý nghĩa
- Nhiều phép tu từ được sử dụng đạt hiệu quả nghệ thuật

4. Phân tích bài thơ “Quê hương” của nhà thơ Tế Hanh.

a. Mở bài

“Có một đề tài, trở đi trở lại như một lời khẩn khứa, càng viết nhiều, càng hay”. Có lẽ nào, đây là quê hương. Trong dòng chảy văn học, ta từng nghe một quê hương với ánh trăng, chùm khế, với cảnh điều ngậy đại mà thiêng liêng trong thơ Đỗ Trung Quân, từng lặn mình với quê hương của Hoàng Cầm trong “Bên kia sông Đuống” trong những năm kháng chiến máu lửa, đau thương, từng khắc khoải với tấm lòng của người nông dân mộc mạc, chân chất trong “Làng” của Kim Lân. Và nay, giữa đề tài đã được đào xới nhiều lần, thiên hạ đã đi mòn lối cỏ. Ta vẫn thấy một dòng ánh sáng yêu thương, rất riêng trong bài thơ “Quê hương” của Tế Hanh- một tác phẩm giản dị, ngắn gọn nhưng để lại ấn tượng vô cùng sâu sắc trong lòng người đọc.

b. Thân bài

*. Hình ảnh quê hương trong nỗi nhớ của tác giả

- “Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới”: Cách gọi giản dị mà đầy thương yêu, giới thiệu về một miền quê ven biển với nghề chính là chài lưới
 - Vị trí của làng chài: cách biển nửa ngày sông
- ⇒ Cách giới thiệu tự nhiên nhưng cụ thể về một làng chài ven biển

*. Bức tranh lao động của làng chài

*.1. Cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi

- Thời gian bắt đầu: Sớm mai hồng => gợi niềm tin, hi vọng

- Không gian “trời xanh”, “gió nhẹ”

=> Người dân chài đi đánh cá trong buổi sáng đẹp trời, hứa hẹn một chuyến ra khơi đầy thắng lợi

- Hình ảnh chiếc thuyền “hăng như con tuấn mã”: phép so sánh thể hiện sự dũng mãnh của con thuyền khi lướt sóng ra khơi, sự hồ hởi, tư thế tráng sĩ của trai làng biển

- “Cánh buồm như mảnh hồn làng”: hồn quê hương cụ thể gần gũi, đó là biểu tượng của làng chài quê hương

- Phép nhân hóa “rướn thân trắng” kết hợp với các động từ mạnh: con thuyền từ tư thế bị động thành chủ động

-> Nghệ thuật ẩn dụ: cánh buồm chính là linh hồn của làng chài.

=>Cảnh tượng lao động hăng say, hứng khởi tràn đầy sức sống

***.2. Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về**

- Không khí trở về:

+ Trên biển ồn ào

+ Dân làng tập nập

> Thể hiện không khí tung bừng rộn rã vì đánh được nhiều cá

=> Lòng biết ơn đối với biển cả cho người dân chài nhiều cá tôm

- Hình ảnh người dân chài:

+ “Da ngăm rám nắng”, “nồng thớ vị xa xăm”: phép tả thực kết hợp với lãng mạn

=> vẻ đẹp khỏe khoắn vạm vỡ trong từng làn da thớ thịt của người dân chài

- Hình ảnh “con thuyền” được nhân hóa “im bến mỗi trở về nằm” kết hợp với nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác => Con thuyền trở nên có hồn, có sức sống như con người cơ thể cũng nuộm vị nắng gió xa xăm

=> Bức tranh sinh động về một làng chài đầy ắp niềm vui, gợi tả một cuộc sống bình yên, no ấm

***. Nỗi nhớ quê hương da diết**

- Nỗi nhớ quê hương thiết tha của tác giả được bộc lộ rõ nét:

- + Màu xanh của nước
- + Màu bạc của cá
- + Màu vôi của cánh buồm
- + Hình ảnh con thuyền
- + Mùi mặn mòi của biển

> Những hình ảnh, màu sắc bình dị, thân thuộc và đặc trưng

=> Nỗi nhớ quê hương chân thành da diết và sự gắn bó sâu nặng với quê hương.

*** Khái quát chung về nội dung- nghệ thuật.**

c. Kết bài

“Quê hương” là tác phẩm được sáng tác trong giai đoạn đầu khi tác giả mới bước vào làng thơ, thể nhưng khác với cái vẻ ngoài rụt rè, nhút nhát của mình, khi viết về quê hương Tế Hanh đã viết thật nồng nàn, thật cảm xúc, sẽ chẳng ai nghĩ rằng một bài thơ đầy yêu thương, tha thiết sâu nặng tựa như nỗi lòng của một người xa xứ lâu năm ấy lại đến từ ngòi bút của thanh niên chưa chạm ngưỡng đôi mươi. Có lẽ làm được điều ấy là bởi Tế Hanh bẩm sinh đã là người tinh tế, có đôi mắt nồng nàn đặc biệt, có tấm lòng thiết tha sâu nặng với những gì thuộc về quê hương, về đất nước, những thứ giản dị và mộc mạc như chính tâm hồn ông vậy.

CHỦ ĐỀ 11: KHI CON TU HÚ- TỔ HỮU**I. Đôi nét về tác giả Tổ Hữu**

- Tổ Hữu (1906 - 2002) tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành
- Quê quán: Thừa Thiên Huế
- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác:
 - + Ông giác ngộ lí tưởng cách mạng khi còn đang học ở Huế
 - + Sau cách mạng tháng 8 năm 1945 ông được giữ nhiều chức vụ trong bộ máy lãnh đạo của Đảng, về mặt trận Văn hóa nghệ thuật.
 - + Ông được tặng giải thưởng HCM về văn học nghệ thuật năm 1996
- Phong cách sáng tác: Thơ ông mang tính chất trữ tình chính trị có cảm hứng lãng mạn ngọt ngào

II. Đôi nét về bài thơ Khi con tu hú**1. Hoàn cảnh sáng tác**

- Sáng tác vào tháng 7 năm 1939 tại nhà lao Thừa Phủ, khi tác giả bị bắt giam.

2. Giá trị nội dung

- Bài thơ thể hiện niềm tin yêu cuộc sống thiết tha và sự khao khát tự do mãnh liệt của người chiến sĩ trong cảnh tù đầy

3. Giá trị nghệ thuật

- Thể thơ lục bát sử dụng uyển chuyển
- Giọng điệu linh hoạt
- Từ ngữ tự nhiên và gần gũi với đời thường

4. Phân tích bài thơ Khi con tu hú- Tổ Hữu.**a. Mở bài**

Tổ Hữu là một tác giả có vị trí đặc biệt quan trọng là một nhà thơ tiêu biểu của dòng thơ cách mạng Việt Nam. Ông đã để lại một khối lượng tác phẩm đồ sộ và có tầm ảnh hưởng lớn. Tác phẩm "khi con tu hú" là một trong những sáng tác được đánh giá cao. Tác phẩm được ông sáng tác khi đang bị địch giam trong nhà lao Thừa Phủ. Tác phẩm diễn tả nỗi khổ của người cách mạng, càng khao khát được phục vụ cách mạng được chiến đấu người chiến sĩ càng cảm thấy bức bối uất ức khi bị giam hãm giữa bốn bức tường ngột ngạt chứng kiến thời gian cứ đằng đằng trôi qua khi ở bên ngoài tinh thần kháng chiến đang sôi sục.

b.Thân bài

- Nhan đề được mang tên một loài chim: chim tu hú. Đây là loài chim đặc trưng của mùa hè, thường cất tiếng kêu trong ngày hè.

***. Sáu câu thơ đầu: Bức tranh ngày hè sôi động, vui tươi:**

- Bức tranh ngày hè với những thanh âm thật rộn rã:

+ Tiếng chim tu hú: gọi nhau "gọi bầy"

+ Tiếng ve râm rả trong vườn cây

+ Tiếng sáo diều vi vu trên không

=> Những âm thanh thật sống động, tươi vui báo hiệu ngày hè đang tới (một bản nhạc rộn ràng âm sắc).

- Màu sắc trong khung cảnh cũng thật tươi tắn và rực rỡ:

+ Lúa chiêm đang vào vụ chín vàng rực

+ Những hạt bắp vàng ươm

+ Cả sân nhà đều bao trùm bởi màu nắng hồng "đào"

+ Bầu trời trong xanh

=> Chúng đều là những gam màu thật tươi tắn, đẹp đẽ.

- Hình ảnh cũng mang đậm sắc thái của ngày hè sôi động:

+ Cánh đồng lúa chiêm vàng chín

+ Vườn trái cây đang "ngọt dân":

=> Đó là sự vận động của thời gian, đầy tươi vui, ngọt ngào và sức sống.

- Không gian trong bức tranh:

+ Được mở rộng, cao, thoáng đạt với điểm nhấn là hình ảnh của "đôi con diều sáo lộn nhào từng không"

=> Cảnh ngày hè được dựng lên thật sống động với đầy âm thanh, sắc màu, không gian, hình ảnh rực rỡ. Tất cả chúng đều chân thực, hết sức đẹp đẽ, tươi mới.

=> Thể hiện tình yêu cuộc sống tha thiết của nhà thơ và cái nhìn tinh tế khi nhận ra sự chuyển mình của thời gian.

***. Bốn câu thơ cuối là tâm trạng, cảm xúc của người tù Cách mạng**

- Khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp nhưng chỉ là trong trí tưởng tượng của nhà thơ khi đang trong nhà tù Thừa Phủ

- Cảm xúc ngọt ngào, khao khát được tự do, đến với thiên nhiên, bầu trời:

+ Thể hiện qua cách nhà thơ sử dụng 1 loạt những động từ mạnh: "đập tan", "chết uất" và các từ ngữ cảm thán "ôi, thôi, làm sao"

+ Nhịp thơ ngắt quãng nhanh 6/2, 3/3

=> Truyền đến cho người đọc cảm giác ngọt ngào tới cao độ của nhà thơ và khát khao cháy bỏng được trở về với tự do, với đồng đội.

- Bài thơ mở đầu bằng tiếng tu hú, kết thúc cũng bằng tiếng tu hú:

+ Đầu bài thơ: Tiếng chim là tiếng gọi của tự do, của bầu trời bao la, đầy sức sống

+ Kết bài thơ: Tiếng chim lại khiến người tù cảm thấy đau khổ, bức bối hơn bao giờ hết vì bị giam cầm trong bốn bức tường nhà giam.

=> Cả hai tiếng chim đều gọi lên sự tự do, biểu tượng cho sự sống, khiến người tù phải bồn chồn, mong mỏi được thoát ra ngoài chốn lao tù để hòa mình vào tự do.

*** Đánh giá chung về nội dung- nghệ thuật....**

c. Kết bài

Bài thơ "Khi con tu hú" đã khép lại nhưng tiếng chim tu hú vẫn vang vọng mãi trong tâm hồn nhà thơ. Qua bức tranh thiên nhiên tràn đầy hương sắc được cảm nhận bằng nhiều giác quan đã giúp Tố Hữu giải bày được những uất ức trong lòng mình. Với cách sử dụng ngôn từ giản dị nhưng có tính tạo hình cao đã khẳng định tài năng nghệ thuật của nhà thơ. Người nghệ sĩ không chỉ cầm bút để đánh giặc mà còn có thể cầm súng ra chiến trường. Họ có một niềm khao khát tự do đến cháy bỏng, khát khao được đứng trong hàng ngũ của Đảng để mang sức mình phục vụ cách mạng.

CHỦ ĐỀ 12: TỨC CẢNH PÁC BÓ- HỒ CHÍ MINH

I. Đôi nét về tác giả Hồ Chí Minh

- Hồ Chí Minh (1890- 1969), tên khai sinh là Nguyễn Sinh Cung
- Quê quán: làng Kim Liên (làng Sen), xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.
- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác
 - + Là vị lãnh tụ kính yêu của nước Việt Nam
 - + Sau 30 năm bôn ba nước ngoài, Bác trở về trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng trong nước
 - + Không chỉ có sự nghiệp cách mạng, Người còn để lại một số di sản văn học quý giá, xứng đáng là một nhà văn, nhà thơ lớn của dân tộc.
- Phong cách sáng tác: Thơ Bác hay viết về thiên nhiên đất nước với tình yêu tha thiết, niềm tự hào, lời thơ nhẹ nhàng, bay bổng lãng mạn.

II. Đôi nét về bài thơ Tức cảnh Pác Bó

1. Hoàn cảnh sáng tác

- Sau ba mươi năm hoạt động cách mạng ở nước ngoài, tháng 2-1941 Bác Hồ trở về Tổ quốc, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng ở trong nước. Khi đó, Người sống và làm việc trong một điều kiện hết sức gian khổ nhưng Bác vẫn vui vẻ lạc quan. Bài thơ Tức cảnh Pác Bó là một trong những tác phẩm Người sáng tác trong thời gian này.

2. Thể thơ

- Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

3. Giá trị nội dung

- Bài thơ thể hiện tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của Bác trong cuộc sống cách mạng gian khổ

4. Giá trị nghệ thuật

- Sử dụng thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật
- Giọng thơ trong sáng, sâu sắc, thể hiện sự lạc quan trong hoàn cảnh khó khăn
- Ngôn từ sử dụng giản dị, đời thường.

5. Phân tích bài thơ “Tức cảnh Pác Bó”- Hồ Chí Minh

a. Mở bài

“Bác Hồ, Người là niềm tin thiết tha nhất trong lòng dân và trong trái tim nhân loại.” Có một câu hát như thế đã đi qua biết bao những tháng năm. Hồ Chí Minh- vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam, con người “chỉ biết quên mình cho hết thảy” không phải ngẫu nhiên được thế giới tôn vinh là danh nhân văn hóa. Người không chỉ là một nhà lãnh đạo tài ba, một nhà văn hóa lớn, một nhà tư tưởng lớn mà còn là một nhà văn, một thi sĩ. Trong cuốn “Nhật kí trong tù” được viết trong khoảng thời gian Bác bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam, nhà thi sĩ ấy đã từng bộc bạch:

“Ngâm thơ ta vốn không ham”

Con người ấy chưa một lần nhận mình là thi sĩ. Bác chỉ khẳng định tình yêu đối với văn nghệ nói chung và văn chương nói riêng. Nhưng Người cha già dân tộc chưa một lần nhận mình là thi sĩ ấy đã để lại cho nền Văn học Việt Nam cả một gia tài quý báu. Một trong số đó, bài thơ “Tức cảnh Pác Bó” để lại trong lòng người đọc những ấn tượng sâu sắc.

b. Thân bài

* Cuộc sống sinh hoạt và làm việc của Bác ở núi rừng Pác Bó

- Phép đối chỉnh: sáng - tối, ra - vào thể hiện cuộc sống đều đặn, nhịp nhàng, ngày nào cũng như ngày nào của Bác khi ở Pác Bó. “Suối” và “hang” là 2 địa điểm làm việc, sinh hoạt chính của Bác, đây đều là những nơi hoang dã ẩn chứa nhiều nguy hiểm, khó khăn.

- Thức ăn của Bác thì đơn sơ, giản dị: cháo ngô với rau măng. Đây đều là những thức ăn trong rừng, luôn có sẵn. Cụm từ “vẫn sẵn sàng” không chỉ muốn nói về sự sẵn có, tự nhiên của thức ăn, mà đó dường như còn là tâm thế luôn sẵn sàng đương đầu với thử thách, khó khăn của người chiến sĩ cách mạng.

- Điều kiện làm việc thiếu thốn: bàn làm việc của Bác là những tảng đá chông chênh. Trên chiếc bàn ấy, Bác đang làm những công việc vô cùng quan trọng, liên quan đến vận mệnh của cách mạng Việt Nam.

⇒ **Cuộc sống sinh hoạt khó khăn, thiếu thốn, rình rập hiểm nguy nơi núi rừng hoang dã.**

* Phong thái ung dung, tinh thần lạc quan, sống hòa hợp với thiên nhiên của Bác

- Dù cuộc sống vô cùng khó khăn, thiếu thốn về mọi thứ nhưng Bác vẫn luôn giữ tinh thần lạc quan, giọng điệu hóm hỉnh, vui đùa khi kể về cuộc sống của mình, bởi đối với Bác, một cuộc sống giữa chốn thiên nhiên hoang dã là điều mà Bác luôn mong ước. Điều đó xuất phát từ tình yêu thiên nhiên đất nước, khao khát muốn sống hòa mình với thiên nhiên để cảm nhận những gì tinh túy nhất của đất trời.

- Câu thơ cuối cùng như một lời thốt ra từ chính trái tim của Bác: “Cuộc đời cách mạng thật là sang”. Cái sang của Bác không phải là sang trọng về vật chất, mà cái sang ấy là cái sang khi được sống giữa thiên nhiên, dưới bầu trời tổ quốc để cống hiến sức mình cho độc lập dân tộc. Đó là cái sang của người làm cách mạng.

⇒ **Người có một phong thái ung dung, hiên ngang, chủ động, lạc quan và luôn yêu cuộc sống. Đây chính là nhãn tự của bài thơ (từ quan trọng thể hiện, nổi bật chủ đề cả bài) và cũng chính là của cuộc đời Bác.**

* Nghệ thuật

- Thể thơ tứ tuyệt ngắn gọn, hàm súc

- Ngôn ngữ giản dị, chân thật, mộc mạc cùng giọng điệu vui đùa, hóm hỉnh thể hiện tinh thần lạc quan của Bác

- Phép đối chỉnh mang lại hiệu quả nghệ thuật cao.

c. Kết bài

Bài thơ tứ tuyệt ngắn gọn nhưng đã giúp chúng ta hiểu thêm về một quãng đời hoạt động của Bác Hồ. Vượt lên mọi khó khăn, gian khổ, Bác vẫn sống ung dung, thanh thản và tin tưởng tuyệt đối vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Bên cạnh đó, bài thơ còn là bài học thấm thía về thái độ sống và quan điểm sống đúng đắn, tích cực của một chiến sĩ cộng sản chân chính.

CHỦ ĐỀ 13: NGẮM TRĂNG (VỌNG NGUYỆT)- HỒ CHÍ MINH

1. Hoàn cảnh sáng tác

- Ngắm trăng là bài thơ số 20 trong tập thơ Nhật kí trong tù của Bác, sáng tác lúc Bác đang bị giam trong nhà tù Tưởng Giới Thạch, Trung Quốc

2. Bố cục

- Phần 1: 2 câu đầu: Hoàn cảnh ngắm trăng của Bác
- Phần 2: 2 câu sau: Sự giao hòa đặc biệt giữa người tù thi sĩ và trăng

3. Giá trị nội dung

- Bài thơ thể hiện tình yêu thiên nhiên say mê và phong thái ung dung của Bác ngay cả trong cảnh tù đầy.

4. Giá trị nghệ thuật

- Sử dụng thể thơ thất ngôn tứ tuyệt giản dị
- Hình ảnh thơ trong sáng, đẹp đẽ
- Ngôn ngữ lãng mạn
- Màu sắc cổ điển và hiện đại song hành

5. Phân tích bài thơ “Ngắm trăng”- HCM.

a. Mở bài

Thân thể ở trong lao

Tinh thần ở ngoài lao.

Đó là tinh thần của người tù Hồ Chí Minh. Dẫu bị giam cầm xiềng xích, thân thể bị đọa đầy nhưng không ai có thể giam hãm được tinh thần của Người. Không những thế, trong nhà ngục, Hồ Chí Minh vẫn để cho tâm hồn thi sĩ của mình bay bổng, vượt ra ngoài nhà lao đến với thiên nhiên, với người bạn trăng tri kỷ. Mở Nhật kí trong tù mấy ai không cảm thấy thích thú và xúc động bồi hồi khi đọc đến bài thơ Ngắm trăng.

b. Thân bài

*** Hai câu thơ đầu: Hoàn cảnh ngắm trăng của thi sĩ**

- Đây là hai câu thơ thất ngôn trong bài thơ tứ tuyệt

- Cách ngắt nhịp: 4/3

- Luật: bằng (chữ thứ 2 của câu thứ nhất)

- “Trong tù không rượu cũng không hoa” : Bác ngắm trăng trong hoàn cảnh đặc biệt: trong tù

+ Điệp từ “không” thể hiện sự thiếu thốn

⇒ Việc kể ra hoàn cảnh ngay trong câu thơ đầu không phải nhằm mục đích kêu than hay kể khổ mà để lí giải cho tâm trạng băn khoăn “nại nhược hà?” sau đó của người thi sĩ

- Trước sự khó khăn thiếu thốn ấy Bác vẫn hướng tới trăng bởi Người yêu trăng và có sự lạc quan hướng đến điểm sáng trong tâm hồn để vượt qua cảnh ngộ ngặt nghèo

- “Khó hững hờ” – trước cảnh đẹp dễ trong lòng không thể nào hững hờ, không thể bỏ lỡ

⇒ Người luôn vượt qua khó khăn hướng tới ánh sáng, vẫn luôn xôn xang trước cái đẹp dù cho trong hoàn cảnh nào

* Hai câu thơ cuối: Sự giao hòa giữa người nghệ sĩ và trăng

- “Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt”: Người và trăng đối nhau qua khung cửa nhà tù ⇒ bộc lộ chất thép trong tâm hồn, vẫn bất chấp song sắt trước mặt để ngắm trăng

- Nhân hóa “Nguyệt tòng song khích khán thi gia”- thể hiện trăng cũng giống như con người, cũng vượt qua song sắt nhà tù để tìm ngắm nhà thơ ⇒ Một sự hóa thân kì diệu, là giây phút thăng hoa tỏa sáng của tâm hồn nhà thơ, cho thấy sự giao thoa giữa người và trăng cũng như sức mạnh tinh thần kì diệu, phong thái ung dung của người chiến sĩ Cách mạng

⇒ Đặc điểm thơ Đường là chọn miêu tả những khoảnh khắc dồn nén của đời sống, đó thường sẽ là những khoảnh khắc đặc biệt trong cả tâm trạng và bên ngoài hiện thực. Thông qua một khoảnh khắc ngắm trăng của thi sĩ, thể hiện cốt cách thanh cao vượt khỏi tù đầy hướng về tương lai tốt đẹp.

c. Kết bài

Bài thơ được viết theo thể tứ tuyệt, chỉ có 28 chữ cái rất ngắn gọn, cô đúc nhưng đã khắc họa thành công một bức chân dung tâm hồn của người chiến sĩ cộng sản: yêu thiên nhiên với tinh thần lạc quan, mạnh mẽ, vượt lên trên hoàn cảnh tù đầy khắc nghiệt. Đó là chất thép trong bài thơ hay chính là chất thép trong bản lĩnh nghị lực phi thường của người chiến sĩ vĩ đại – Hồ Chí Minh.

CHUYÊN ĐỀ 4: THAM KHẢO MỘT SỐ ĐỀ- ĐÁP ÁN TRONG CÁC KÌ THI HỌC SINH GIỎI

ĐỀ SỐ 1:

I. ĐỌC - HIỂU (6,0 điểm):

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Một cậu phụ hồ nghèo rót nuôi giấc mơ vào Nhạc viện! Nhiều người khuyên cậu nên theo một ước mơ khác, thực tế hơn. Nhưng cậu tin vào bản thân và không có mục tiêu nào có thể làm cậu xao lãng. Tôi nghe tim mình nhói lên, vì một điều đã cũ, “người nghèo nhất không phải là người không có một xu dính túi, mà là người không có lấy một ước mơ”.

...Năm tháng qua đi, bạn sẽ nhận ra rằng ước mơ không bao giờ biến mất. Kể cả những ước mơ rồ dại nhất trong lứa tuổi học trò - lứa tuổi bất ổn định nhất. Nếu bạn không theo đuổi nó, chắc chắn nó sẽ trở lại một lúc nào đó, day dứt trong bạn, thậm chí dần vật bạn mỗi ngày.

Nếu vậy, sao ta không nghĩ đến điều này ngay từ bây giờ?

Sống một cuộc đời cũng giống như vẽ một bức tranh vậy. Nếu bạn nghĩ thật lâu về điều mình muốn vẽ, nếu bạn dự tính được càng nhiều màu sắc mà bạn muốn thể hiện, nếu bạn càng chắc chắn về chất liệu mà bạn sử dụng, thì bức tranh trong thực tế càng giống với hình dung của bạn. Bằng không, có thể nó sẽ là những màu sắc mà người khác thích, là bức tranh mà người khác ưng ý, chứ không phải bạn. Dan Zadra viết rằng: “Đừng để ai đánh cắp ước mơ của bạn”. Vậy thì hãy tìm ra ước mơ cháy bỏng nhất của mình, nó đang nằm ở nơi sâu thẳm trong tim ta đó, như một ngọn núi lửa đợi chờ được đánh thức...

(Theo, Phạm Lữ Ân, Nếu biết trăm năm là hữu hạn, NXB Hội nhà văn, 2012)

Câu 1(1,0 điểm): Xác định phương thức biểu đạt của đoạn trích? Theo tác giả, thế nào là người nghèo nhất?

Câu 2(1,0 điểm): Nêu nội dung đoạn trích?

Câu 3(2,0 điểm): Em hiểu như thế nào về câu: *Sống một cuộc đời cũng giống như vẽ một bức tranh vậy?*

Câu 4(2,0 điểm): Thông điệp nào trong đoạn trích có ý nghĩa nhất đối với em? Vì sao?

II. TẠO LẬP VĂN BẢN (14,0 điểm)

Câu 1(4,0 điểm): *Hạnh phúc giữ trong tay chỉ là hạt, hạnh phúc mang ra san sẻ mới trở hoa.*

Hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ), trình bày suy nghĩ của em về quan điểm trên.

Câu 2(10,0 điểm):

Trong cuốn Sổ tay viết văn, nhà văn Tô Hoài tâm sự: *Tôi cho rằng ngay trong văn xuôi, cần phải được hồn thơ, có như thế văn xuôi mới trong sáng cất cao.*

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua truyện ngắn *Tôi đi học* của Thanh Tịnh, liên hệ đến văn bản *Trong lòng mẹ* (Trích *Những ngày thơ ấu*, Nguyên Hồng), em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

.....**HẾT**.....

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
I. ĐỌC- HIỂU	6,0
Câu 1: - Phương thức biểu đạt của văn bản: Nghị luận - Theo tác giả: <i>người nghèo nhất không phải là người không có một xu dính túi, mà là người không có lấy một ước mơ.</i>	1,0
Câu 2: Nội dung chính của đoạn trích: - Sự khâm phục của tác giả về niềm tin vào bản thân và ý chí, lòng quyết tâm thực hiện ước mơ của cậu bé phụ hồ nghèo. - Lời khuyên của tác giả đối với mọi người đặc biệt là thế hệ trẻ: cần phải có ước mơ và luôn theo đuổi ước mơ để không bao giờ phải nuối tiếc. Đặc	1,0

biệt là hãy tìm ra và đánh thức ước mơ cháy bỏng nhất ẩn sâu trong trái tim mình.	
<p>Câu 3: HS có thể giải thích theo những ý sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chúng ta là người hoàn toàn chủ động tạo dựng, vẽ lên cuộc sống của chính mình, sống cuộc đời mà mình mong muốn cũng giống như người họa sĩ chủ động sáng tạo suy ngẫm về điều mình muốn vẽ, màu sắc, chất liệu... - Cuộc đời của mỗi người chính là bức tranh đa sắc màu mà ta vẽ lên trong suốt cả một hành trình. Vì vậy, để bức tranh ấy trở nên đẹp đẽ, có giá trị ta cần phải biết đánh thức những ước mơ trong trái tim mình. 	2,0
<p>Câu 4: HS có thể dựa vào những gợi ý dưới đây để hoàn thành đoạn văn của mình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông điệp có ý nghĩa nhất: + Niềm tin vào bản thân để thực hiện ước mơ. + Luôn biết nuôi dưỡng và không ngừng theo đuổi ước mơ. - HS nêu rõ vì sao thông điệp đó có ý nghĩa nhất đối với bản thân một cách thuyết phục. 	2,0
II. TẠO LẬP VĂN BẢN	14,0
<p>Câu 1: “<i>Hạnh phúc giữ trong tay chỉ là hạt, hạnh phúc mang ra san sẻ mới trở hoa</i>”. Hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ), trình bày suy nghĩ của em về quan điểm trên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ, có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn; lập luận thuyết phục, có lí lẽ và dẫn chứng cụ thể. - Xác định đúng vấn đề nghị luận. <i>Triển khai vấn đề nghị luận</i> 	4,0
<p>* .Giải thích vấn đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Hạnh phúc</i>: là niềm vui khi con người đạt được những điều mong ước trong cuộc sống (tình yêu thương, học vấn, sự nghiệp, gia đình...). - <i>Hạnh phúc giữ trong tay chỉ là hạt</i>: Niềm vui sướng của con người chưa thực sự có ý nghĩa, có giá trị khi mỗi người giữ nó cho riêng mình. - <i>Hạnh phúc mang ra san sẻ mới trở hoa</i>: Niềm vui sướng của con người chỉ thực sự có ý nghĩa, có giá trị và làm đẹp cho đời khi mỗi người biết san 	

sẻ.

-> **Đề cao lối sống đồng cảm, chia sẻ của con người trong xã hội.**

***. Phân tích, bàn luận:**

- Khi chưa được chia sẻ, những giá trị mà mình có được chỉ thỏa mãn cho cá nhân nên hạnh phúc ấy nhỏ nhoi, hạn hẹp, chưa mang lại nhiều ý nghĩa lớn lao cho cuộc đời. *(HS lấy dẫn chứng trong đời sống: người cá nhiều may mắn, thành công nhưng sống ích kỉ; thờ ơ, vô cảm với những người kém may mắn hơn mình).*

- Khi được sẻ chia, hạnh phúc của cá nhân sẽ đem đến cho mọi người niềm vui và những giá trị có ý nghĩa. Người chia sẻ niềm vui, hạnh phúc cũng nhận được tình cảm yêu thương, quý trọng của mọi người. Từ đó mà niềm vui được nhân lên. Cuộc sống sẽ ngày càng đẹp hơn. *(HS lấy dẫn chứng trong đời sống).*

- Biết chủ động sẻ chia niềm vui, quan tâm đến những người xung quanh không có nghĩa là để cho lòng tốt của bản thân bị lợi dụng.

- Phê phán lối sống ích kỉ, chỉ biết đến quyền lợi và hạnh phúc của riêng mình.

***. Bài học nhận thức và hành động:**

- Rèn luyện cho mình lối sống: biết đồng cảm, thấu hiểu, sẻ chia.

- Luôn có ý thức tu dưỡng, rèn luyện lối sống vì người khác.

Câu 2: Tôi cho rằng ngay trong văn xuôi, cần phải đượm hồn thơ, có như thế văn xuôi mới trong sáng cất cao.

10,0

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua truyện ngắn Tôi đi học của Thanh Tịnh, liên hệ đến văn bản Trong lòng mẹ (Trích Những ngày thơ ấu, Nguyên Hồng), em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

- Đảm bảo cấu trúc một bài văn nghị luận:

- Có đầy đủ mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu được vấn đề; Thân bài triển khai được vấn đề; Kết bài khái quát được vấn đề.

- Đảm bảo đúng quy tắc về chuẩn chính tả, dùng từ, đặt câu.

- Xác định đúng vấn đề nghị luận: chất thơ trong truyện ngắn “Tôi đi học”

- Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận

sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận, có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Học sinh có thể giải quyết vấn đề theo hướng sau:

***. Giải thích:**

- Giải thích khái niệm, từ ngữ:

+ Khái niệm *văn xuôi* ở đây chỉ tác phẩm tự sự, thể loại văn học phản ánh đời sống trong toàn bộ tính khách quan của nó, qua hệ thống các sự kiện, biến cố, với các tình tiết, chi tiết, các nhân vật cụ thể sống trong không gian và thời gian nhất định.

+ *Thơ* là thể loại trữ tình, phản ánh thế giới nội tâm con người bằng thứ ngôn ngữ tinh luyện, hàm súc, giàu hình ảnh và nhịp điệu.

+ *Hồn thơ* hay *chất thơ* được hiểu là tính chất trữ tình - tính chất được tạo nên từ sự hoà quyện giữa những khám phá về vẻ đẹp cuộc sống, vẻ đẹp của cảm xúc, tâm trạng với vẻ đẹp của hình thức nghệ thuật.

=> Ý kiến của Tô Hoài đã khẳng định vai trò quan trọng của *hồn thơ*, *chất thơ* trong văn xuôi. Theo nhà văn, văn xuôi thấm đượm *hồn thơ* mới *trong sáng cất cao*, mới thực sự là văn xuôi nghệ thuật, có sức mạnh thúc gọi, dẫn dắt, bồi đắp những tư tưởng, tình cảm nhân văn cho tâm hồn bạn đọc.

***. Làm sáng tỏ ý kiến qua tác phẩm *Tôi đi học* của Thanh Tịnh**

*.1. HS giới thiệu đôi nét về tác giả Thanh Tịnh và truyện ngắn *Tôi đi học*

***.2. *Tôi đi học* là áng văn xuôi đượm *hồn thơ*:**

***.2.1. Đề tài đậm chất thơ:**

- Truyện viết về đề tài mái trường, cụ thể là kỉ niệm ngày đầu tiên đi học thường để lại ấn tượng sâu đậm, khó quên.

- Đề tài gắn liền mái trường, với tuổi thơ là những gì vô tư, trong sáng, đẹp đẽ nhất khác với các loại đề tài: chiến tranh, thế sự...

=> Đề tài giúp tác giả có điều kiện phát triển mạch trữ tình và chất thơ trong tác phẩm.

***.2.2. *Chất thơ* tỏa ra từ dòng hồi tưởng của nhân vật tôi trong ngày tựu trường đầu tiên.**

-Trên đường tới trường.

- Đến sân trường.

- Vào lớp học

->*Tôi đi học* êm dịu như một bài thơ mà ở đó mỗi dòng văn là một tâm tình, một kí ức ngọt ngào cùng với những tình cảm trong sáng làm nên chất thơ cho tác phẩm.

***.3. Chất thơ tỏa ra từ vẻ đẹp nghệ thuật của tác phẩm:**

- Cốt truyện:

+Tác phẩm gần như không có cốt truyện, không có những xung đột kịch tính không gây sự hồi hộp, căng thẳng cho người đọc.

+Không xuất hiện nhiều nhân vật, không có nhiều lời thoại.

- Giọng điệu:

Không xuất hiện các giọng điệu thường gặp trong truyện ngắn như: chế giễu; đau buồn; bất bình; triết lí...Chủ yếu *Tôi đi học* là giọng điệu tâm tình, êm ái

- Hình ảnh: đều mang đặc điểm chung: đẹp, lãng mạn và thi vị

+ Các hình ảnh giàu chất thơ thường xuyên xuất hiện.

+ Nhiều hình ảnh so sánh đẹp, gợi cảm.

- Từ ngữ và câu văn:

+ Từ ngữ: số lượng từ láy lớn, sử dụng nhiều tính từ, lời văn dung dị.

+ Câu văn: với những câu văn dài tạo nên nhịp điệu êm ái.

Lưu ý: Thí sinh cần lựa chọn dẫn chứng tiêu biểu để phân tích.

***.3. Chất thơ đã góp phần làm cho *Tôi đi học* trong sáng cất cao:**

- Chất thơ giúp cho chủ đề truyện được thể hiện rõ nét và sâu sắc; truyền thấm vào lòng người đọc kỉ niệm trong sáng của tuổi học trò, nhất là buổi tựu trường đầu tiên thường được ghi nhớ mãi. Thanh Tịnh đã diễn tả tinh tế cảm xúc này qua dòng cảm nghĩ trong trẻo của nhân vật “tôi” về những kỉ niệm ngày đầu tiên đi học.

- Chất thơ làm nên sự đặc sắc trong văn phong và khẳng định sự tìm tòi, sáng tạo trong nghệ thuật của tác giả. Từ đó, hình thành nên một nét phong cách nghệ thuật độc đáo của Thanh Tịnh.

*** Liên hệ:** Chất thơ trong đoạn trích *Trong lòng mẹ* được thể hiện ở các yếu tố sau:

- Câu chuyện được kể qua sự hồi tưởng, dòng cảm xúc với nhiều cung bậc tình cảm đan xen. Đặc biệt, xuyên suốt đoạn trích là tình yêu thương mãnh

liệt của chú bé đối với người mẹ bất hạnh của mình. (Phân tích dẫn chứng)
 - Chất trữ tình còn được thể hiện ở những hình ảnh so sánh đặc sắc (dẫn chứng), ở lời văn nhiều khi mê say, dào dạt khác thường (Đoạn cuối: *Phải bé lại....ôm dịu vô cùng*)

=> Chất thơ trong đoạn trích xuất phát từ một trái tim nhạy cảm, dễ bị tổn thương, dễ rung động đến cực điểm về nỗi đau và niềm hạnh phúc.

***. Đánh giá:**

Hai văn bản cùng là dòng hoài niệm về những kỉ niệm ấu thơ, đều có sự kết hợp hài hòa giữa tự sự và trữ tình. *Tôi đi học* bố cục theo dòng hồi tưởng, đan xen giữa hiện tại và quá khứ; ngôn ngữ diễn tả tinh tế, giàu nhạc điệu, đượm chất thơ. Còn *Trong lòng mẹ* (Trích *Những ngày thơ ấu*) thể hiện phong cách viết của Nguyên Hồng trong thể loại hồi kí, lời văn tự truyện chân thành giàu sức truyền cảm

ĐỀ SỐ 2:**Câu 1 (8,0 điểm)**

Nhà thơ Xuân Diệu từng bày tỏ quan niệm của mình như sau:

Thà một phút huy hoàng rồi chợt tắt

Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm

Suy nghĩ của em về quan niệm sống này.

Câu 2 (12,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: *Nguyễn Hồng là nhà văn của phụ nữ và nhi đồng.*

Bằng hiểu biết của em, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

-----Hết-----

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
<p>Câu 1: <i>Thà một phút huy hoàng rồi chợt tắt</i></p> <p><i>Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm</i></p> <p>Suy nghĩ của em về quan niệm sống này.</p> <p>a. Yêu cầu về kĩ năng: (0.5 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh biết viết một bài văn nghị luận xã hội về vấn đề tư tưởng, đạo lí, lối sống; có luận điểm rõ ràng, luận cứ xác thực, lập luận chặt chẽ. - Trình bày khoa học, có tính thẩm mĩ, diễn đạt trôi chảy có yếu tố biểu cảm. - Bài viết không mắc các lỗi dùng từ, diễn đạt, viết câu, chính tả; chữ viết rõ ràng, sạch đẹp. <p>b. Yêu cầu về kiến thức: (3,5 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài làm đảm bảo các ý sau: 	8,0
<p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn dắt giới thiệu vấn đề cần nghị luận 	

- Trích dẫn được quan niệm của Xuân Diệu

b. Thân bài:

*** Giải thích:**

- Hai câu thơ trên đã thể hiện quan niệm sống của nhà thơ Xuân Diệu đó là *sống cần khẳng định bản thân mình, khẳng định vai trò và vị trí của mình* trước cuộc đời.

- Sẵn sàng chấp nhận đổi lấy giây phút rực rỡ huy hoàng cho dù đó chỉ là giây phút ngắn ngủi. Nhà thơ không chấp nhận cuộc sống mờ nhạt, âm thầm như những chiếc bóng.

*** Bàn luận:**

- Đây là một quan niệm sống tích cực, thể hiện ý thức về cái tôi cá nhân trước cộng đồng, vì:

+ Sống khẳng định mình thể hiện ý chí, nghị lực và khát vọng vươn lên của mỗi người.

+ Sống khẳng định mình sẽ đem lại ý nghĩa cho đời sống cá nhân mỗi người.

+ Sống khẳng định mình là hành vi góp phần thúc đẩy sự tiến bộ và phát triển xã hội.

+ Nếu cuộc sống này không có ước mơ, không có hoài bão và lí tưởng, con người chỉ tồn tại qua ngày thì cuộc sống ấy không còn ý nghĩa. Họ đang sống mòn, một cuộc đời thừa.

*** Chứng minh:**

- Hs có thể lấy dẫn chứng tiêu biểu trong đời sống, trong văn học để làm sáng tỏ quan điểm sống nêu trên.

*** Mở rộng vấn đề:**

- Tuy nhiên chúng ta cũng nên hiểu rằng sống khẳng định mình không có nghĩa là sống tự đề cao mình quá mức sẽ trở thành kiêu căng, ngạo mạn. Cũng không có nghĩa là làm những hành động kì quặc, điên rồ để được nổi

<p>tiếng....</p> <p>* Bài học liên hệ bản thân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là hs em xác định quan điểm sống đúng đắn, cao đẹp: tích cực học tập và rèn luyện để mang lại vẻ vang cho gia đình, nhà trường, mai sau xây dựng quê hương đất nước... <p>c. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định ý nghĩa của quan niệm sống. - Đưa ra định hướng nhận thức và lời khuyên cho mọi người. 	
<p>Câu 2: Có ý kiến cho rằng: <i>Nguyễn Hồng là nhà văn của phụ nữ và nhi đồng.</i></p> <p>Bằng hiểu biết của em, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.</p> <p>. Yêu cầu về kĩ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu đúng yêu cầu của đề bài; biết cách làm bài nghị luận văn học dạng giải thích chứng minh ý kiến, nhận định. - Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ. - Bài viết không mắc các lỗi dùng từ, diễn đạt, viết câu, chính tả; chữ viết rõ ràng, sạch đẹp. <p>. Yêu cầu về nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh có thể trình bày theo những cách khác nhau nhưng phải làm sáng tỏ vấn đề nghị luận. Dù triển khai theo trình tự nào cũng cần đạt được các ý sau 	12,0
<p>1. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả tác phẩm. - Dẫn lời nhận định. <p>2. Thân bài:</p> <p>a. Giải thích nội dung nhận định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phụ nữ và trẻ em là những đối tượng chủ yếu trong các sáng tác của nhà 	

văn Nguyên Hồng (hồi kí *Những ngày thơ ấu*, tiểu thuyết *Bỉ vỏ*, *Khi đứa con ra đời...*)

- Nhưng điều quan trọng là ông viết về họ bằng tất cả tấm lòng, tài năng và tâm huyết của một nhà văn chân chính. Mỗi trang viết của ông về phụ nữ và nhi đồng là sự đồng cảm mãnh liệt của người nghệ sĩ, dường như nghệ sĩ đã hòa nhập vào nhân vật mà thương cảm xót xa, đau đớn, hay sung sướng, hả hê cùng họ.

b. Chứng minh. (qua đoạn trích "Trong lòng mẹ")

b.1. Nguyên Hồng là nhà văn của phụ nữ.

*** Nhà văn đã thấu hiểu và đồng cảm sâu sắc cho nỗi bất hạnh của người phụ nữ:**

- *Thấu hiểu nỗi khổ về vật chất của người phụ nữ:* Sau khi chồng chết vì nợ nần cùng túng quá, mẹ Hồng phải bỏ đi tha hương cầu thực buôn bán ngược xuôi để kiếm sống.

- *Thấu hiểu nỗi đau đớn về tinh thần của người phụ nữ:* Dù khao khát yêu thương nhưng mẹ Hồng phải chấp nhận cuộc hôn nhân không tình yêu với một người đàn ông gấp đôi tuổi mình. Vì sự yên ấm của gia đình, người phụ nữ này phải sống âm thầm như một cái bóng bên người chồng nghiện ngập. Những thành kiến xã hội và gia đình khiến mẹ Hồng phải bỏ đi tha hương cầu thực, sinh nở vùng trộm dẫu giếm.

*** Nhà văn còn ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn, đức tính cao quý của người phụ nữ:**

- *Người phụ nữ giàu tình yêu thương con:* Gặp lại con sau bao ngày xa cách, mẹ Hồng xúc động nghẹn ngào. Trong tiếng khóc sục sùi của người mẹ, người đọc như cảm nhận được nỗi xót xa ân hận cũng như niềm vui sướng vô hạn vì được gặp con. Bằng cử chỉ dịu dàng âu yếm xoa đầu, vuốt ve, gãi rôm... mẹ đã bù đắp cho Hồng những tình cảm thiếu vắng sau bao ngày xa cách.

- *Là người phụ nữ trọng tình nghĩa:* Dẫu chẳng mặn mà với người chồng đã mất nhưng gần đến ngày giỗ đầu của cha Hồng, không ai viết thư mẹ Hồng

vẫn về để tưởng nhớ người đã khuất, làm tròn đạo làm vợ.

*** Nhà văn còn bênh vực, bảo vệ phụ nữ:** Bảo vệ quyền bình đẳng, tự do, thông cảm với mẹ Hồng khi chưa đoạn tang chồng đã tìm hạnh phúc riêng.

b.2. Nguyên Hồng là nhà văn của nhi đồng.

*** Nhà văn thấu hiểu và đồng cảm sâu sắc cho nỗi khổ, nỗi bất hạnh của trẻ thơ:**

- *Nhà văn thấu hiểu nỗi thống khổ cả về vật chất lẫn tinh thần:* Cả thời thơ ấu của Hồng được hưởng những dư vị ngọt ngào thì ít mà khổ đau thì không sao kể xiết: Mồ côi cha, thiếu bàn tay chăm sóc của mẹ, phải ăn nhờ ở đậu người thân. Gia đình và xã hội không cho em được sống cuộc sống thực sự của trẻ thơ...(nghĩa là được sống trong tình yêu thương đùm bọc của cha mẹ, người thân). Nhà văn còn thấu hiểu cả những tâm sự đau đớn của chú bé khi bị bà cô xúc phạm...

*** Nhà văn trân trọng, ngợi ca phẩm chất cao quý của trẻ thơ:**

- *Tình yêu thương mẹ sâu sắc mãnh liệt:* Hồng luôn nhớ về mẹ. Chỉ mới nghe bà cô hỏi "Hồng, mày có muốn vào Thanh Hóa chơi với mợ mày không?" lập tức trong kí ức của Hồng trỗi dậy hình ảnh của người mẹ.

- *Hồng luôn tin tưởng, khẳng định tình cảm của mẹ dành cho mình:* Dẫu xa cách mẹ cả về thời gian và không gian, dù bà cô có độc địa đến đâu thì Hồng cũng quyết bảo vệ đến cùng tình cảm của mình dành cho mẹ. Hồng luôn luôn hiểu và cảm thông sâu sắc cho tình cảnh cũng như nỗi đau của mẹ. Trong khi xã hội và người thân hùa nhau tìm cách trừng phạt mẹ thì bé Hồng với trái tim bao dung và nhân hậu yêu thương mẹ sâu nặng đã nhận thấy mẹ chỉ là nạn nhân đáng thương của những cô tục phong kiến kia. Em đã khóc cho nỗi đau của người phụ nữ khát khao yêu thương mà không được trọn vẹn. Hồng căm thù những cô tục đó "Giá những cô tục kia... thôi".

- *Hồng luôn khát khao được gặp mẹ:* Nỗi niềm thương nhớ mẹ nung nấu tích tụ qua bao ngày tháng đã khiến tình cảm của đứa con dành cho mẹ như một niềm tín ngưỡng thiêng liêng thành kính. Trái tim Hồng như đang róm

máu, rạn nứt vì nhớ mẹ. Vì thế thoáng thấy người ngồi trên xe, em đã nhận ra mẹ, em vui mừng cất tiếng gọi mẹ mà bấy lâu em đã cất giấu ở trong lòng.

- *Sung sướng khi trở về trong lòng mẹ*: Lòng vui sướng được toát lên từ những cử chỉ vội vã bối rối từ giọt nước mắt giận hờn, hạnh phúc, tức tưởi, mãn nguyện (HS phân tích một số dẫn chứng)

*** Nhà văn thấu hiểu những khao khát muôn đời của trẻ thơ:**

- Khao khát được sống trong tình yêu thương che chở của mẹ, được sống trong tình mẫu tử thiêng liêng cao đẹp.

c. Đánh giá, khái quát:

- Qua những trang viết của Nguyên Hồng, đặc biệt là qua đoạn trích "Trong lòng mẹ" người đọc cảm nhận được "*Nguyên Hồng là nhà văn của phụ nữ và nhi đồng*".

3. Kết bài:

- Khẳng định lại vấn đề vừa chứng minh.

- Phát biểu cảm nghĩ: Trân trọng tấm lòng yêu thương, nhân hậu của nhà văn, trân trọng vẻ đẹp của người phụ nữ và trẻ em trong những trang văn của Nguyên Hồng...

ĐỀ SỐ 3:

Câu 1: (8,0 điểm)

LỖI LÀM VÀ SỰ BIẾT ƠN

Hai người bạn cùng đi qua sa mạc. Trong chuyến đi, giữa hai người xảy ra cuộc tranh luận, một người nổi nóng không kiềm chế được mình đã nặng lời miệt thị người kia. Cảm thấy bị xúc phạm, anh không nói gì chỉ viết lên cát: "Hôm nay người bạn tốt nhất của tôi đã làm khác đi điều tôi suy nghĩ."

Họ đi tiếp và tìm thấy một ốc đảo và quyết định đi bơi. Người bị miệt thị lúc này bị đuối sức và chìm dần xuống. Người kia tìm cách cứu anh. Thoát khỏi vũng lầy, anh

lấy một miếng kim loại khắc lên đá: "Hôm nay người bạn tốt nhất của tôi đã cứu sống tôi."

Người kia hỏi: "Tại sao khi tôi xúc phạm anh, anh lại viết lên cát, còn giờ anh lại khắc lên đá."

Anh ta trả lời: "Những điều viết lên cát sẽ mau chóng xóa nhòa theo thời gian, nhưng không ai có thể xóa những điều tốt đẹp đã được ghi tạc trên đá và lòng người."

Vậy mỗi chúng ta hãy học cách viết những nỗi đau buồn, thù hận lên cát và khắc ghi những ân nghĩa lên đá.

(Hạt giống tâm hồn, tập 4, NXB Tổng hợp các tác phẩm Hồ Chí Minh, 2004)

Em hãy trình bày suy nghĩ của mình về ý nghĩa của câu chuyện trên.

Câu 2: (12 điểm)

“**Những ngày thơ ấu** là dòng hồi ức đan xen cay đắng và ngọt ngào của chính nhà văn Nguyên Hồng”.

Bằng hiểu biết của mình về tác phẩm và đặc biệt là đoạn trích “Trong lòng mẹ” của Nguyên Hồng, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
Câu 1: Em hãy trình bày suy nghĩ của mình về ý nghĩa của câu chuyện trên.	8,0
a. Mở bài - Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận chính xác, hấp dẫn. - Vấn đề nghị luận: hãy học cách tha thứ và biết trân trọng, khắc sâu mãi mãi lòng biết ơn. b. Thân bài: * Giải thích ý nghĩa câu chuyện	

-“Học cách viết nỗi đau buồn, thù hận trên cát” nghĩa là học cách tha thứ cho những ai đó đã gây ra cho ta những đau buồn, tai họa, bất hạnh trong cuộc đời.

-“Học cách khắc ghi những ân nghĩa trên đá” nghĩa là luôn biết trân trọng là khắc sâu mãi mãi lòng biết ơn đối với những ai đã giúp đỡ ta, nhất là trong những hoàn cảnh éo le.

***. Bàn luận**

- Đau buồn, thù hận là những điều không may, nỗi bất hạnh xảy ra không ai muốn. Đối với mỗi con người, trong cuộc đời ít nhiều cũng trải qua đau buồn, gặp những xung đột, mâu thuẫn có khi dẫn đến thù hận.

- Không tha thứ, bỏ qua, quên đi những chuyện đau buồn, oán hận, lỗi lầm người khác gây ra cho mình thì sẽ mãi gây ra mâu thuẫn, luôn sống trong thù hận, và gây thù hận cho nhau không chỉ ở thế hệ này mà còn ở cả các thế hệ sau.

- Ân nghĩa là những điều tốt, những điều luôn cần có trong mỗi con người. Ghi nhớ, không quên ân nghĩa là truyền thống đạo lí của dân tộc, góp phần xây dựng xã hội tốt đẹp.

- Dân tộc ta sống vốn trọng tình nghĩa, có lòng vị tha (“Đánh kẻ chạy đi không ai đánh người chạy lại”, “mình vì mọi người”)

***. Đánh giá - mở rộng**

- Lời khuyên trên đúng với mỗi con người và luôn phù hợp với mỗi thời đại. Đây là một lời khuyên mang ý nghĩa nhân sinh sâu sắc.

- Phê phán lối sống vô ơn, cũng như những kẻ nuôi dưỡng mầm mống của thù hận.

- Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, đối với cái xấu, cái ác lộ hành, chúng ta không nên bàng quan, xem thường mà cần phải đấu tranh không khoan nhượng, có thể mới góp phần cái thiện tồn tại để phát triển và mới tạo điều kiện tốt cho những điều tốt đẹp, cho ân nghĩa trường tồn.

***. Bài học nhận thức và hành động**

<p>- Sống ân nghĩa và biết tha thứ là cách tốt nhất để nuôi dưỡng tâm hồn và làm cho cuộc sống của ta trở nên đẹp đẽ, thực sự có ý nghĩa.</p> <p>- Bản thân mỗi người cần nỗ lực vượt lên lòng thù hận, sống nhân ái, vị tha, biết trọng ân nghĩa,</p> <p>- Đó là nét đẹp trong nhân cách làm người là cách ứng xử cao thượng trong cuộc sống thường ngày, từ những điều nhỏ nhất.</p> <p>c. Kết bài:</p> <p>- Khẳng định chung về ý nghĩa mà câu chuyện đã nêu ra: Hãy học cách tha thứ và biết trân trọng, khắc sâu mãi mãi lòng biết ơn.</p> <p>- Lời nhắn nhủ tới tất cả mọi người.</p>	
<p>Câu 2:</p> <p><i>“Những ngày thơ ấu là dòng hồi ức đan xen cay đắng và ngọt ngào của chính nhà văn Nguyên Hồng”.</i></p> <p>Bằng hiểu biết của mình về tác phẩm và đặc biệt là đoạn trích “Trong lòng mẹ” của Nguyên Hồng, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.</p> <p>* Yêu cầu về kiến thức</p> <p>- Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo ý cơ bản sau:</p>	12,0
<p>a. Mở bài:</p> <p>- Giới thiệu chung về tác giả, tác phẩm</p> <p>- Dẫn dắt vấn đề Nghị luận</p> <p>- Trích dẫn ý kiến.</p> <p>b. Thân bài:</p> <p>* Giới thiệu khái quát về hoàn cảnh sáng tác, vị trí đoạn trích.</p>	

*. Giải thích ý kiến

- Dòng hồi ức: kí ức tuổi thơ.
- Dòng hồi ức đan xen cay đắng và ngọt ngào: kí ức tuổi thơ cay đắng thiếu tình thương, khát khao tình mẹ của chính nhà văn Nguyễn Hồng và niềm hạnh phúc ngọt ngào khi được cảm nhận tình mẫu tử thiêng liêng.
- Ý kiến ngắn gọn nhưng đã nêu bật được giá trị nội dung của tác phẩm cũng như đoạn trích; cho thấy được những lời tâm sự, thiết tha, thầm kín, những hồi ức của một cái tôi đau khổ tự trình bày cuộc đời riêng tư của mình trên trang giấy một cách chân thành, tin cậy.
- Qua đây người đọc có thể cảm nhận được một hồn văn nhân ái.

*. Phân tích, chứng minh ý kiến

*.1. Dòng hồi ức cay đắng:

- Hoàn cảnh nghiệt ngã chia lìa bé Hồng và người mẹ kính yêu:
- + Cổ tục, định kiến nghiệt ngã khắt khe của xã hội, người đời.
- + Nỗi khổ tâm của người mẹ: chồng chết rục bên bàn đèn thuốc phiện, con nhỏ, nợ nần cùng túng, chôn chạy cổ tục, định kiến để đi tha hương kiếm sống.
- Hoàn cảnh đáng thương của chú bé Hồng:
- + Phải sống trong sự ghẻ lạnh đến cay nghiệt của chính những người họ hàng, thiếu thốn tình thương, khao khát tình mẹ.
- + Tâm hồn trẻ thơ phải chịu những vết thương lòng đau nhói.
- + D/c: về những lời nói cay nghiệt của bà cô; tâm trạng nhẫn nhục, cam chịu, xót xa cay đắng, tủi nhục của bé Hồng khi phải chịu đựng những tra tấn về tinh thần; cảm giác tủi thân khi không được sống trong vòng tay yêu thương của mẹ ...
- Từng câu chữ, hình ảnh trong đoạn trích chan chứa nỗi đau, tình cảm chân thành thống thiết.

***.2. Dòng hồi ức ngọt ngào:**

- Giây phút gặp lại mẹ: tiếng gọi mẹ thống thiết và nỗi sợ hãi mơ hồ diễn giải đầy đủ khao khát cháy bỏng trong tâm hồn đứa trẻ thiếu thốn tình thương.

- Niềm hạnh phúc trong lòng mẹ:

+ Hình ảnh người mẹ hiện lên đẹp giản dị bằng tất cả cảm xúc ngọt ngào nhất và tấm lòng yêu kính mẹ vô bờ.

+ Cảm nhận niềm hỷ trong vòng tay mẹ: được bảo bọc ôm ấp, được cảm thấy bé bỏng, yếu đuối cần chở che; thỏa niềm khao khát, nhớ mong mẹ bao ngày. (D/c: những cảm xúc tinh tế...)

- Cảm xúc được đẩy lên cao trào - một nét phong cách “văn nóng” sở trường của Nguyên Hồng, không che đậy được tình cảm thực.

***. Bình luận, mở rộng**

- Khẳng định ý kiến là đúng đắn.

- Ý kiến đã cho thấy giá trị nhân đạo của tác phẩm...

- Thái độ đối với tác phẩm và nhà văn (với tư cách là bạn đọc).

c. Kết bài:

- Khẳng định lại vẻ đẹp mang tính nhân văn sâu sắc của tp qua đoạn trích *“Những ngày thơ ấu là dòng hồi ức đan xen cay đắng và ngọt ngào của chính nhà văn Nguyên Hồng”*.

- Thông điệp gửi tới người đọc.

ĐỀ SỐ 4:**PHẦN I: ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)****Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

“Có một truyền thuyết về con chim chỉ hót một lần trong đời, nhưng nó hót hay nhất thế gian. Có lần nó rời tổ bay đi tìm bụi mận gai và tìm ra bằng được mới thôi. Giữa đám cành gai góc, nó cất tiếng hát bài ca của mình và lao ngực vào chiếc gai dài nhất, nhọn nhất. Vượt lên trên nỗi đau khôn tả, nó vừa hót vừa lịm dần đi và tiếng ca hân hoan ấy đáng cho cả sơn ca và họa mi phải ghen tị. Bài ca duy nhất có một không hai, bài ca phải đổi bằng tính mạng mới có được. Nhưng cả thế gian lặng đi khi lắng nghe, và chính Thượng Đế trên Thiên Đình cũng mỉm cười. Bởi vì tất cả những gì tốt đẹp nhất chỉ có thể có được khi ta chịu trả giá bằng nỗi đau khổ vĩ đại nhất.”

(Trích *Tiếng chim hót trong bụi mận gai*, Collen M. Cullough)

Câu 1(1,0 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên

Câu 2(1,0 điểm) Nêu nội dung của đoạn trích.

Câu 3(2,0 điểm) Hình ảnh “chiếc gai nhọn” và “bài ca duy nhất, có một không hai” trong đoạn trích tượng trưng cho những điều gì trong cuộc sống?

Câu 4(2,0 điểm) Trong đoạn trích trên, tác giả muốn gửi đến người đọc điều gì?

PHẦN II: TẠO LẬP VĂN BẢN (14,0 điểm)

Câu 1(4,0 điểm)

Nhà văn Nga Lép Tôn-xtôi cho rằng: “Bạn đừng nên chờ đợi những quà tặng bất ngờ của cuộc sống mà hãy tự mình làm nên cuộc sống.”

Em hãy viết một đoạn văn(khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về ý kiến trên.

Câu 2(10,0 điểm)

Theo em, *hình tượng nước mắt* trong văn chương có thể hiểu như thế nào?

Hãy trình bày cảm nhận của em về hình tượng ấy qua đoạn trích “Trong lòng mẹ” (Nhưng ngày thơ ấu- Nguyên Hồng).

NỘI DUNG	Điểm
I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)	
1. Phương thức biểu đạt chính: tự sự	1,0
2. Nội dung của đoạn trích: Để dành được những điều tốt đẹp nhất, quý giá nhất, con người phải trả giá bằng công sức thậm chí cả sinh mệnh của mình.	1,0
3. Hình ảnh <i>chiếc gai nhọn</i> và bài ca duy nhất có một không hai trong đoạn trích tượng trưng cho: - <i>Chiếc gai nhọn</i> : Tượng trưng cho những khó khăn, thử thách mà mỗi người phải vượt qua trong cuộc sống. - <i>Bài ca duy nhất có một không hai</i> : Tượng trưng cho những điều tốt đẹp, có giá trị nhất trong cuộc sống mà con người có được nhờ vượt qua khó khăn, thử thách	2,0
4. HS có thể trình bày một trong các ý sau: - Những gì tốt đẹp trong cuộc sống chỉ có thể có được khi ta trải qua những khó khăn, gian khổ thậm chí phải trả giá bằng chính nỗi đau, bằng cả sự sống và sinh mạng của mình. - Mỗi người hãy biết vượt lên trên những gian khổ, bất hạnh để khẳng định bản thân mình.	2,0
TẠO LẬP VĂN BẢN (14,0 điểm)	
Câu 1: Viết một đoạn văn(khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về ý kiến: <i>Bạn đừng nên chờ đợi những quà tặng bất ngờ của cuộc sống mà hãy tự mình làm nên cuộc sống.</i>	4,0
a. Đảm bảo thể thức của một đoạn văn b. Xác định đúng vấn đề nghị luận. c. Triển khai hợp lí nội dung đoạn văn: vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn theo hướng sau: - <i>Quà tặng bất ngờ của cuộc sống</i> : là những giá trị vật chất, tinh thần mà người khác cho mình những cơ hội, may mắn bất ngờ do khách quan đem lại.	

<p>- <i>Tự mình làm nên cuộc sống</i>: Là do chính bản thân mình tự tạo nên.</p> <p>=> Nội dung của câu nói khuyên con người cần có thái độ sống chủ động, không nên trông chờ vào người khác. Cuộc sống của mỗi người do chính chúng ta tạo nên.</p> <p>- Trong cuộc sống mỗi người đôi khi sẽ nhận được quà tặng bất ngờ từ cuộc sống, Khi đó, ta sẽ có may mắn được hưởng niềm vui, hạnh phúc trong cuộc đời. Không thể phủ nhận ý nghĩa và giá trị của quà tặng bất ngờ mà cuộc sống đem lại cho con người, vấn đề là phải biết tận dụng, trân trọng những quà tặng đó như thế nào. Tuy nhiên, cuộc sống không phải lúc nào cũng trải đầy hoa hồng, cuộc sống luôn tiềm ẩn những khó khăn, phức tạp. Muốn cuộc sống của chính mình tốt đẹp thì hãy tự mình làm nên cuộc sống (<i>dẫn chứng</i>).</p> <p>- Nhiều người khi nhận được quà tặng bất ngờ thì có tâm lý chờ đợi, ỷ lại, thậm chí vung phí những quà tặng ấy. Phê phán một số người thụ động, thiếu ý chí vươn lên, chỉ chờ đợi vào những quà tặng bất ngờ mà không tự mình làm nên cuộc sống.</p> <p>- Phải chủ động trang bị, rèn luyện cách sống bản lĩnh, có lí tưởng, có ước mơ để làm nên những điều kì diệu của cuộc sống của chính mình.</p>	
<p>Câu 2: Theo em, hình tượng nước mắt trong văn chương có thể hiểu như thế nào?</p> <p>Hãy trình bày cảm nhận của em về hình tượng ấy qua đoạn trích “Trong lòng mẹ” (Nhưng ngày thơ ấu- Nguyên Hồng).</p>	10,0
<p>a. <i>Đảm bảo thể thức của một bài văn nghị luận có bố cục ba phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài.</i></p> <p>b. <i>Đảm bảo kiến thức về lí luận văn học, tác phẩm văn học, kĩ năng tạo lập văn bản, khả năng cảm nhận văn chương để làm bài.</i></p> <p>c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm phù hợp. Các luận điểm được triển khai theo trình tự hợp lý, có liên kết chặt chẽ, sử dụng tốt các thao tác lập luận để triển khai luận điểm.</i></p> <p>*. Giải thích nhận định:</p> <p>- Hình tượng giọt nước mắt trong văn chương từ xưa đến nay có rất nhiều cung bậc, nó bộc lộ tâm trạng, cảm xúc góp phần làm sâu sắc hơn tính</p>	

cách nhân vật.

- Giọt nước mắt ấy có khi cụ thể bật lên từ khổ đau hay vui sướng, từ những khát vọng hay đam mê.
- Giọt nước mắt ấy có khi là sự rò rỉ sâu thẳm lặng bởi chính nỗi đau khổ, niềm thương cảm ghen ngào của người cầm bút.

***. Chứng minh vấn đề**

*** .1. Vài nét về tác giả Nguyễn Hồng và tác phẩm “Những ngày thơ ấu”.**

***.2. Hình tượng giọt nước mắt trong đoạn trích “Trong lòng mẹ” vừa mang ý nghĩa thực vừa mang nghĩa biểu tượng.**

- Hình tượng giọt nước mắt trong đoạn trích mang ý nghĩa thực đó là nỗi niềm, tâm trạng của bé Hồng qua những lần bật khóc.

+ *Lần thứ nhất là giọt nước mắt của sự đau đớn, tủ hờn.*

Từ đầu đoạn trích người cô cố tình châm chọc, miệt thị mỉa mai hình ảnh người mẹ. “*Cô tôi vẫn cứ tươi cười kể chuyện cho tôi nghe*”. Tình cảnh túng quẫn, vẻ gầy guộc, rách rưới của mẹ... Sau lời hỏi thứ hai của bà cô, lòng chú bé thất lại, khóe mắt cay cay. Đến lời nói thứ ba của bà cô thì “*nước mắt tôi rùng rùng rớt xuống hai bên mép chan hòa đầm đìa ở đầu và ở cổ*”.

-> Khi nhắc đến mẹ, nỗi nhớ trào dâng, nhưng những giọt nước mắt sớm được bé Hồng kìm nén. Trong cuộc đối thoại với bà cô, từ sâu thẳm trái tim, những giọt nước mắt của bé Hồng là giọt nước mắt của lòng thương và nỗi hận, thương mẹ bao nhiêu thì hận những cô tục đã đầy đọa mẹ bấy nhiêu.

+ *Lần thứ hai là những giọt nước mắt của hạnh phúc của mãn nguyện.*

Gặp lại mẹ, những giọt nước mắt cứ vỡ òa tuôn trào không phải kìm nén trông chừng, không ghen ngào uất ức. Nước mắt ấy được thoát mái được bật ra thành tiếng nức, nức nở trong tiếng dỗ dành ấm áp, thân quen của mẹ. Nước mắt tuôn trào từ niềm hạnh phúc, hân hoan, rạo rực trong tình mẫu tử thiêng liêng.

-> **Vẻ đẹp của tâm hồn trẻ thơ.**

***.3. Hình tượng nước mắt trong đoạn trích mang ý nghĩa biểu tượng.**

- Qua hình tượng giọt nước mắt thể hiện cách nhìn đời, nhìn người bằng tình yêu thương và lòng nhân ái, sự cảm thông và lòng bao dung.
- Chương IV được nhà văn đặt tên “Trong lòng mẹ” Nguyên Hồng đã muốn bất tử hóa cái khoảnh khắc quý giá được ở trong lòng mẹ mà bé Hồng khao khát.

***. Đánh giá khái quát:**

- Ngôi bút tinh tế của Nguyên Hồng lách sâu vào nội tâm nhân vật, để giọt nước mắt của nhân vật làm hiện lên trong đoạn trích một bức tranh cuộc sống chân thực và cảm động: đầy cay đắng, tủi cực nhưng cũng ngập tràn khao khát yêu thương, luôn hướng về tình người bao dung ấm áp. Sức hấp dẫn của đoạn trích “Trong lòng mẹ” cũng như văn chương của Nguyên Hồng bắt rễ từ những cảm thông.
- Hình tượng nước mắt là hình tượng đẹp, có sức chứa lớn về tư tưởng, cảm xúc. Nó còn cho ta hiểu sâu hơn tài năng và tấm lòng nặng trĩu nhân tình thế thái, nỗi thương đời của nhà văn.

ĐỀ SỐ 5:**Câu 1 (3,0 điểm)**

Xác định và nêu tác dụng của các biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng trong khổ thơ sau:

*“Nhưng mỗi năm mỗi vắng
 Người thuê viết nay đâu?
 Giấy đỏ buồn không thắm;
 Mực đọng trong nghiên sầu...”*

(Ông đồ - Vũ Đình Liên)

Câu 2 (5,0 điểm)

Viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về ý kiến sau:

"Tự học là chìa khóa của thành công"

Câu 3 (12,0 điểm)

“Trong văn học hiện đại nước ta, có không ít các nhà văn đã thể hiện thành công việc miêu tả tình mẫu tử, nhưng có lẽ chưa có nhà văn nào diễn tả tình mẹ con một cách chân thật và sâu sắc thấm thía như dưới ngòi bút Nguyên Hồng. Đằng sau những dòng chữ, những câu văn là những rung động cực điểm của một linh hồn trẻ dại”

(Thạch Lam)

Qua trích đoạn “ Trong lòng mẹ” (Trích Những ngày thơ ấu của Nguyên Hồng) hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
Câu 1: * Các biện pháp nghệ thuật tu từ được sử dụng trong đoạn thơ: điệp từ (mỗi); Câu hỏi tu từ (người thuê viết nay đâu); nhân hóa (giấy buồn, mực	1,0

<p>sầu)</p> <p>* Phân tích tác dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điệp từ: thể hiện sự sửng sốt trước sự thay đổi quá bất ngờ. Hình ảnh ông đồ tiêu tụy, lặng lẽ bên góc phố đông người qua nhưng không người thuê viết - Câu hỏi tu từ: không có lời giải đáp, hồi âm tan loãng vào không gian hun hút thể hiện tâm trạng xót xa, đau đớn... - Nhân hóa: cái sầu, cái buồn như ngấm vào cả sự vật (giấy, nghiên), những vật vô tri cũng buồn cùng ông đồ, cũng cảm thấy cô đơn, lạc lõng. <p>-> Gọi không gian cảnh buồn vắng, tình cảnh ông đồ dần dần trở nên buồn chán. Người buồn nên những vật dụng đã từng gắn bó thân thiết với cuộc đời ông đồ cũng sầu thảm theo. Thể hiện thái độ của tác giả: xót thương, đồng cảm, sẻ chia...</p>	2,0
<p>Câu 2: Viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về ý kiến sau:</p> <p><i>"Tự học là chìa khóa của thành công"</i></p> <p>. Yêu cầu về kĩ năng và hình thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định đúng kiểu bài nghị luận xã hội. - Bài viết có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, lời văn sáng rõ, dẫn chứng linh hoạt. <p>. Yêu cầu về nội dung:</p> <p>a. Mở đoạn: Giới thiệu và trích dẫn vấn đề: Vai trò, giá trị tầm quan trọng, sự cần thiết của việc tự học để mang đến sự thành công trong cuộc sống</p> <p>b. Thân đoạn:</p> <p>* Giải thích vấn đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự học là việc con người phát huy những kiến thức, kĩ năng đã được truyền lại bằng chính sức lực, khả năng của riêng mình, những kiến thức do mình tự 	5,0

ngiên cứu, lĩnh hội.

- Thành công là những thành quả mà con người đạt được sau những nỗ lực phấn đấu của mình.

=> Câu nói khẳng định vai trò của việc tự học trên bước đường thành công của mỗi người.

*** Bàn luận:**

- Tự học giúp con người chủ động suy nghĩ, tìm tòi, khám phá...giúp ta tiếp thu được kiến thức từ nhiều nguồn khác nhau.

- Tự học giúp chúng ta tiếp thu một lượng kiến thức lớn mà vẫn hiểu và nắm chắc bài, giúp ta nhanh chóng hình thành các kĩ năng.

- Lấy dẫn chứng chứng minh (dẫn chứng linh hoạt): Lương Thế Vinh nhờ tự học...sau này sáng tạo ra bảng cửu chương. Mạc Đĩnh Chi- tấm gương tự học sáng ngời được vinh danh”Lưỡng Quốc Trạng Nguyên”. Bác Hồ- Vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc ta....

*** Mở rộng và lật lại vấn đề.**

- Thực tế ngày nay đa số các bạn học sinh còn quá phụ thuộc vào những kiến thức mà thầy cô cung cấp, việc học thêm tràn lan lại thêm quá nhiều sách tham khảo nên dẫn đến tiếp thu tri thức một cách thụ động, thiếu sáng tạo, hiệu quả công việc thấp.

- Tuy nhiên, ngoài việc tự học thì chúng ta không phủ nhận vai trò của việc tiếp thu kiến thức được truyền thụ trên lớp, hoặc những tri thức sẵn có trong sách vở. Phê phán thái độ ỷ nại dựa dẫm.....

c. Kết đoạn:

- Khẳng định vai trò của tự học.

- Suy nghĩ của bản thân.

Câu 3: “Trong văn học hiện đại nước ta, có không ít các nhà văn đã thể

12,0

hiện thành công việc miêu tả tình mẫu tử, nhưng có lẽ chưa có nhà văn nào diễn tả tình mẹ con một cách chân thật và sâu sắc thấm thía như dưới ngòi bút Nguyên Hồng. Đằng sau những dòng chữ, những câu văn là những rung động cực điểm của một linh hồn trẻ đại”

(Thạch Lam)

Qua trích đoạn Trong lòng mẹ (Trích Những ngày thơ ấu của Nguyên Hồng) hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

- *Về mặt hình thức:* Bài văn có bố cục rõ ràng; triển khai các luận điểm chặt chẽ; diễn đạt trôi chảy, văn phong trong sáng có tính thuyết phục.
- *Về mặt nội dung:* thể hiện rõ ràng, chính xác nội dung nhận định của nhà văn Thạch Lam: Lòng yêu thương vô hạn của chú bé Hồng đối với mẹ. Thí sinh có thể viết, tiếp cận bằng nhiều cách khác nhau song cần làm nổi bật:

a. Mở bài:

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận.
- Trích dẫn ý kiến.

b. Thân bài:

*** Khẳng định ý kiến:**

- Có nhiều nhà văn viết về tình mẫu tử nhưng có lẽ chưa có nhà văn nào diễn tả tình mẹ con một cách chân thật, sâu sắc và thấm thía như Nguyên Hồng bởi nhà văn đã viết bằng trái tim, chính cuộc đời và sự trải nghiệm của bản thân...

*** Chứng minh ý kiến:**

- Chứng minh tình cảm của cậu bé Hồng dành cho mẹ kết hợp với làm rõ ý của Thạch Lam: Những rung động cực điểm của một linh hồn trẻ đại.

+ Trong lòng chú bé Hồng luôn mang hình ảnh của người mẹ có “vẻ mặt rầu

rầu và hiền từ”. Mặc dù mẹ chú đó bỏ nhà đi giữa sự khinh miệt của đám họ hàng cay nghiệt, mặc dù non một năm mẹ không gửi cho chú một lá thư hay đồng quà tấm bánh, chú vẫn đầy lòng yêu thương và kính trọng mẹ. Với Hồng, mẹ hoàn toàn vô tội.

+ Trước những lời lẽ cay nghiệt, thâm độc của bà cô, Hồng không mảy may dao động”Không đòi nào tình thương yêu và lòng kính mến mẹ tôi lại bị những rắp tâm tanh bần xâm phạm đến..”. Khi bà cô đưa ra hai tiếng em bé để chú thật đau đớn nhục nhố vỡ mẹ, thõ chú bé đầm đìa nước mắt, nhưng không phải chú đau đớn vì mẹ làm điều xấu xa mà vì”tôi thương mẹ tôi và cảm tức sao mẹ tôi lại vì sợ những thành kiến tàn ác mà xa lìa anh em tôi để sinh nở một cách giấu giếm ...”.Hồng chẳng những không kết án mẹ, không hề xấu hổ trước việc mẹ làm mà trái lại Hồng thương mẹ sao lại tự đọa đày mình như thế!

+ Tình yêu thương mẹ của Hồng đó vượt qua những thành kiến cổ hủ. Ngay từ tuổi thơ, bằng trải nghiệm cay đắng của bản thân, Nguyên Hồng đó thấm thía tính chất vụ lợi tàn ô của những thành kiến hủ lậu đó “ Giá những cổ tục đó đày đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi...”Thật là hồn nhiên trẻ thơ mà cũng thật mãnh liệt lớn lao! Sự căm ghét dữ dội ấy chính là biểu hiện đầy đủ của lòng yêu thương dào dạt đối với mẹ của Hồng.

+ Cảnh chú bé Hồng gặp lại mẹ và cảm giác vui sướng thấm thía tốt cùng của chú khi lại được trở về trong lòng mẹ: ở đoạn văn này tình yêu thương mẹ của chú bé không phải chỉ là những ý nghĩ tinh tảo mà là một cảm xúc lớn lao, mãnh liệt dâng trào, một cảm giác hạnh phúc tuyệt vời đó xâm chiếm toàn bộ cơ thể và tâm hồn chú bé.

. Thoáng thấy bóng người ngồi trên xe kéo giống mẹ mình, Hồng cuống quýt đuổi theo gọi bối rối: “Mợ ơi! ...”. Nếu người quay lại không phải là mẹ thì thật là một điều tủi cực cho chú bé”. Nỗi khắc khoải mong mẹ tới cháy ruột của chú bé đó được thể hiện thật thấm thía xúc động bằng hình ảnh so sánh

đó.

. Chú bé “thở hồng hộc, trán đầm mồ hôi”, và khi trèo lên xe, chú”rú cả chân lại”. Biết bao hồi hộp sung sướng và đau khổ toát lên từ những cử chỉ cuồng quýt ấy. Và khi được mẹ kéo tay, xoa đầu hỏi thì chú lại “cứ thể nức nở”. Đường như bao nhiêu đau khổ dồn nén không được giải tỏa suốt thời gian xa mẹ đằng đẳng, lúc này bỗng vỡ òa...

. Dưới cái nhìn vô vàn yêu thương của đứa con mong mẹ, mẹ chú hiện ra xiết bao thân yêu, đẹp tươi “với đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của hai gũ mỏ”. Chú cảm thấy ngây ngất sung sướng tận hưởng khi được sà vào lòng mẹ, cảm giác mà chú đã mất từ lâu “Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những cảm giác ấm áp đó bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt”. Chú cảm nhận thấm thía hơi mẹ vô cùng thân thiết với chú “Hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ thường”

. Từ cảm giác mê mê sung sướng của chú bé khi nằm trong lòng mẹ, nhà văn nêu lên một nhận xét khái quát đầy xúc động về sự êm dịu vô cùng của người mẹ trên đời: “Phải bé lại và lặn vào lưng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm và gò rúm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng”. Đường như mọi giác quan của chú bé như thức dậy và mở ra để cảm nhận tận cùng những cảm giác rạo rực, êm dịu khi ở trong lưng mẹ. Chú không nhớ mẹ đã hỏi gì và chú đã trả lời những gì. Câu nói ác ý của bà cô hôm nào đó hoàn toàn bị chìm đi

- **Tình cảm của mẹ dành cho Hồng:** người mẹ phải xa quê không phải vì không yêu con. Vượt qua mọi đắng cay, ngang trái của đời bà vẫn mong nhớ, vẫn về bên con...

* **Đánh giá chung:** Ý kiến hoàn toàn xác đáng.

- **Về nội dung:**

+ Sự bất diệt của tình mẫu tử.

- | | |
|---|--|
| <p>+ Giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo của đoạn trích.</p> <p>- Về nghệ thuật: xây dựng tình huống, miêu tả diễn biến tâm lý nhân vật, nghệ thuật đối lập, xây dựng lời thoại...</p> <p>c. Kết bài:</p> <p>- Khẳng định sức sống của tác phẩm.</p> <p>- Liên hệ bản thân, biết trân trọng giá trị gia đình, tình mẫu tử, cảm thông sẻ chia.....</p> | |
|---|--|

ĐỀ SỐ 6:**Câu 1 (8,0 điểm):****CÁ CHÉP VÀ CON CUA**

Cá chép con dạo chơi trong hồ nước. Lúc đi ngang nhà cua, thấy cua đang nằm, vẻ mặt rất đau đớn, cá chép con bèn bơi lại gần và hỏi:

– Bạn cua ơi, bạn làm sao thế?

Cua trả lời:

– Tôi đang lột xác bạn à.

– Ôi, chắc là bạn đau lắm. Nhưng tại sao bạn lại phải làm như thế?

– Họ hàng nhà tôi ai cũng phải lột xác thì mới lớn lên và trưởng thành được, dù rất đau đớn cá chép con ạ.

– À, bây giờ thì tôi đã hiểu.

(Những mẩu chuyện thiếu nhi chọn lọc – NXB Kim Đồng, 2009)

Suy nghĩ của em bài học rút ra từ câu chuyện trên.

Câu 2 (12,0 điểm):

Phân tích chất trữ tình thấm đượm qua đoạn trích " Trong lòng mẹ" (trích Những ngày thơ ấu) của nhà văn Nguyên Hồng.

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
<p>Câu 1: Suy nghĩ của em bài học rút ra từ câu chuyện <i>Cá chép và con cua</i>.</p> <p>Yêu cầu về kĩ năng và hình thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định đúng kiểu bài nghị luận xã hội. - Bài viết có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, lời văn sáng rõ, dẫn chứng linh hoạt. 	8,0

<p>. Yêu cầu về nội dung:</p>	
<p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn dắt và giới thiệu câu chuyện. - Giới thiệu vấn đề nghị luận: Để đi đến thành công con người cần phải qua quá trình “lột xác” đau đớn... <p>b. Thân bài:</p> <p>* Tóm tắt, phân tích ý nghĩa câu chuyện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu chuyện nhấn mạnh đến cách thức mà cua con “lớn lên và trưởng thành” – đó là “lột xác”. “Lột xác” là trút bỏ lớp vỏ cũ, hình thành và phát triển một lớp vỏ hoàn toàn mới, vừa vận hơn với cơ thể. Mỗi lần lột xác là loài cua lại lớn hơn. Song quá trình “lột xác” lại rất đau đớn và thường gặp nguy hiểm nữa. Tuy nhiên, loài cua không thể lớn lên mà không lột xác. - Điều quan trọng là cách chấp nhận rất tự nhiên của cua con với quá trình “lột xác” của họ hàng nhà mình, coi như đó là cách duy nhất để lớn lên và trưởng thành. <p>*. Giải thích và chứng minh ý nghĩa câu chuyện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu chuyện đã gợi cho ta bài học nhân sinh sâu sắc về quá trình lớn lên và trưởng thành của muôn loài và con người: muốn lớn lên và trưởng thành, muốn đạt đến thành công thì tất cả muôn loài và con người cần phải trải qua chông gai thử thách, qua những quá trình “lột xác” đau đớn. <p>* Lí giải vì sao?</p> <ul style="list-style-type: none"> – Cuộc đời con người là một hành trình dài, trong đó có những dấu mốc thành công không thể phai mờ, nó đánh dấu sự trưởng thành của mỗi chúng ta trên đường đời. Nhưng để đi đến những thành công ấy, con người đã phải qua quá trình “lột xác” đau đớn. Quá trình này là tự thân, không ai thay thế được chính bản thân ta. Do đó, để “lớn lên và trưởng thành”, con người phải tự thân vận động vượt qua khó khăn, thử thách, chông gai cũng như loài cua, cua con cũng phải tự “lột xác” mới lớn lên được. – Thái độ chấp nhận thử thách, khó khăn như một điều tất yếu trong cuộc sống là thái độ cần thiết để con người có thể “lớn lên và trưởng thành” và đạt tới thành công. Vượt qua thử thách cũng là một cách để thể hiện bản lĩnh, ý 	

<p>chí, nghị lực sống của con người, khẳng định ý nghĩa sự sống của mỗi con người.</p> <p>– Từ quá trình “lột xác” của cua con, câu chuyện cũng đưa ra một quy luật của sự sống: sự sống là một sự phát triển liên tục mà ở đó cái mới thay thế cái cũ là điều tất yếu. Con người cần nhận thức được quy luật của sự phát triển ấy để thích ứng và làm chủ bản thân trong những thử thách và chông gai trên đường đời. Mỗi cá nhân đều cần lột xác để trưởng thành, từ đó thúc đẩy sự phát triển đi lên của xã hội.</p> <p>*(Lưu ý: Mỗi ý trên đều có phân tích dẫn chứng để làm sáng tỏ. Dẫn chứng phải tiêu biểu, toàn diện, xác đáng)</p> <p>*. Mở rộng vấn đề:</p> <p>– Phê phán lối sống nhu nhược, sợ hãi, không dám đương đầu với thử thách và chông gai, giam mình trong vỏ ốc, cả đời không đạt đến thành công.</p> <p>– Phê phán lối sống ỷ lại, không tự thân vận động, ngại thay đổi, phụ thuộc vào người khác.</p> <p>*. Bài học:</p> <p>– Con người cần biết dũng cảm đương đầu với khó khăn, trong phong ba bão táp, con người sẽ trưởng thành rất nhanh chóng và đạt đến những thành công trên đường đời.</p> <p>c. Kết bài:</p> <p>- Đánh giá ý nghĩa vấn đề nghị luận.</p> <p>- Liên hệ bản thân.</p>	
<p>Câu 2: Phân tích chất trữ tình thấm đượm qua đoạn trích " Trong lòng mẹ" (trích Những ngày thơ ấu) của nhà văn Nguyên Hồng.</p> <p>a. Mở bài:</p> <p>-Giới thiệu vấn đề nghị luận: Chất trữ tình trong văn bản “ <i>Trong lòng mẹ</i>”</p> <p>- Dẫn ý kiến.</p>	12,0

b. Thân bài:***.Giải thích**

- Chất trữ tình (hay còn gọi là chất thơ) trong tác phẩm văn học được thể hiện khá đa dạng ở nhiều yếu tố. Trong tác phẩm, thơ chất trữ tình là những cảm xúc, rung động của tác giả trước cái đẹp của tạo vật, con người. Trong văn xuôi, chất trữ tình được thể hiện chủ yếu trong lời kể (cách thể hiện), cách sử dụng ngôn ngữ chọn lọc, trau chuốt, giàu cảm xúc và nhạc tính...

=> Văn bản “Trong lòng mẹ” là một văn bản hồi kí thấm đẫm chất trữ tình. Chất trữ tình ấy được thể hiện ở nội dung câu chuyện được kể; trong dòng cảm xúc, tâm trạng của nhân vật và ở cách thể hiện của nhà văn.

. Chứng minh**.1. Luận điểm 1: Chất trữ tình thấm đẫm trong nội dung câu chuyện được kể.**

Nội dung câu chuyện đó là hoàn cảnh đáng thương của mẹ con bé Hồng.

- Mẹ bé Hồng phải âm thầm chịu đựng những cay đắng, những thành kiến tàn ác, rồi nợ nần, cùng túng phải tha hương, cầu thực.

- Chú bé Hồng ra đời là kết quả của một cuộc hôn nhân không có tình yêu . Cha cờ bạc, nghiện ngập rồi mất sớm. Mẹ vì những thành kiến tàn ác, nợ nần cùng túng phải tha hương, cầu thực. Bé Hồng phải sống trong sự ghẻ lạnh của họ hàng bên nội, thiếu thốn tình yêu thương, luôn khao khát gặp mẹ mà luôn bị bà cô tìm mọi cách chia cắt tình mẹ con.

=> Cuộc sống đầy bi kịch của một người phụ nữ; tuổi thơ cay đắng, tủi cực, của một đứa trẻ đã được nhà văn Nguyên Hồng thể hiện cảm động trong trang văn đã gây ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc.

***.2. Luận điểm 2: Chất trữ tình thấm đẫm trong dòng cảm xúc, tâm trạng phong phú của chú bé Hồng.**

Qua những dòng hồi kí, người đọc như cảm thấu được mọi cung bậc cảm

xúc: đau đớn, tủi hận, xót xa, căm giận, yêu thương, hạnh phúc, sung sướng...của bé Hồng đều đến cao độ, thống thiết.

***.2.1. Trước hết, những cảm xúc ấy ở bé Hồng được thể hiện trong cuộc trò chuyện với bà cô:** Cuộc trò chuyện là màn đối thoại đầy kịch tính thúc đẩy tâm trạng nhân vật đến những diễn biến phức tạp, căng thẳng cao độ.

- Khi người cô hỏi Hồng có muốn vào Thanh Hóa chơi với mẹ không, với lòng mong mỏi được gặp mẹ, Hồng toan trả lời có nhưng nhận ra những ý nghĩ cay độc trong giọng nói và nét mặt rất kịch của bà cô, Hồng cúi đầu không đáp rồi lại cười đáp

“ không”. Khi bà cô vẫn ngọt ngào “ Mày đại quá...thăm em bé chứ”, lòng bé thất lại, khóe mắt cay cay, nước mắt rùng rùng ...rồi chan hòa đầm đìa ở cằm, ở cổ...cười dài trong tiếng khóc. Các từ *rớt, rùng rùng, chan hòa, đầm đìa* cùng một trường nghĩa , miêu tả giọt nước mắt đau đớn của bé Hồng vì thương mẹ đến vô hạn. Nỗi đau bé âm thầm cố kìm nén đã vỡ ra thành nước mắt.

- Từ nỗi đau vì thương mẹ, Hồng căm giận những cô tục đã dày dạn mẹ qua hình ảnh so sánh dữ dội: *Giá những cô tục đã dày dạn mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi.*

Nhà văn đã sử dụng những động từ chỉ hành động mạnh: Vồ, cắn, nhai, nghiến với sắc thái biểu cảm ngày càng tăng khiến lời văn dường như sôi sục, tuôn trào đặc tả tâm trạng phẫn uất, căm giận cao độ của bé Hồng với những thành kiến vô hình đã làm khổ mẹ Hồng. Qua đó, ta càng thấu hiểu tình yêu thương mẽ mãnh liệt của Hồng.

***.2.2.Đặc biệt, những cảm xúc của bé Hồng được thể hiện khi gặp mẹ:** Có thể nói những cảm xúc, tâm trạng và những rung động về mẹ của Hồng đã đến độ cực điểm qua ngòi bút miêu tả của nhà văn.

- Khi thoáng thấy bóng người ngồi trên xe kéo giống mẹ : Cảm giác bối rối, hồi hộp đến nghẹn ngào của Hồng khi vừa tan trường ra nhìn thấy người

ngồi trên xe kéo giống mẹ, Hồng đuổi theo gọi bối rối: *Mợ ơi! Mợ ơi!*

Mợ ơi!. Khi đuổi kịp xe, bé thở hồng hộc, trán đầm mồ hôi, ríu cả chân lại vì mừng, sung sướng, vội vã đến cuống quýt .

-Khi được gặp mẹ, Hồng thấy như quá đột ngột, niềm hạnh phúc được gặp mẹ khiến em bất ngờ không dám tin để nghĩ rằng: *Nếu người quay lại ấy là người khác....Và cái làm đó không những làm cho tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, chẳng khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành già gục giữa sa mạc.*

Cách nói so sánh chính xác đã cực tả tâm lí của bé Hồng: hoặc là sung sướng tột đỉnh nếu người ngồi trên xe kéo là mẹ, hoặc thất vọng, đau đớn đến tột cùng nếu em nhìn lầm. Qua đó, thể hiện tình yêu mẹ tha thiết trong lòng chú bé.

- Khi được ngồi trên xe cùng mẹ, Hồng òa khóc nức nở. Nhưng đó không phải là những giọt nước mắt đau đớn mà là những giọt nước mắt của niềm vui, sung sướng tột cùng khi được gặp mẹ.

- Khi được nằm trong lòng mẹ, được tận mắt nhìn thấy mẹ, Hồng có cảm nhận về mẹ *guongmặt mẹ tôi vẫn tươi sáng đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của hai gò má.* Tức là, Hồng thấy mẹ vẫn đẹp chứ không còm cõi, xơ xác như lời người cô.

Không chỉ vậy, Hồng còn có những cảm giác: *Tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt, hơi quần áo của mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra thơm tho lạ thường.*

Ngôn ngữ của Nguyên Hồng đã diễn tả chính xác, tinh tế những cảm xúc, những rung động cực điểm của một người con xa mẹ, nhớ mẹ, bao ngày mong ngóng nay được gặp mẹ. Được sống trong tình yêu thương của mẹ, Hồng lại khao khát: *Phải bé lại lặn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay của người mẹ vuốt ve, gỡ rối ở sống*

lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng.

thiên nhiên. Đó chính là những rung động chỉ có được ở người con thiết tha yêu kính mẹ. Đó cũng chính là cộng hưởng của cảm xúc, của nỗi khao khát bao ngày được sống trong lòng mẹ.

Lưu ý: Ở luận điểm này học sinh có thể chia nhỏ ý để phân tích miễn là làm nổi bật được các cung bậc cảm xúc của bé Hồng.

***.3. Luận điểm 3: Chất trữ tình thấm đẫm trong lời kể của nhà văn(-**
Kết hợp hài hòa giữa kể, bình luận và bộc lộ cảm xúc.

“Phải bé lại lặn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay của người mẹ vuốt ve, gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng”

- Xây dựng những hình ảnh so sánh độc đáo:

+ Hình ảnh so sánh viết về tâm trạng phần uất, căm giận cao độ của bé Hồng với những thành kiến vô hình đã làm khổ mẹ.

Giá những cổ tục đã đày đoạ mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi.

+ Hình ảnh so sánh viết về sự khát khao được gặp mẹ của Hồng khi vừa ở trường ra:

Nếu người quay lại ấy là người khác....Và cái làm đó không những làm cho tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, chẳng khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành già gục giữa sa mạc....

-Lời văn nhiều khi say mê khác thường như được viết trong dòng cảm xúc mon man, dạt dào, đặc biệt là đoạn cuối văn bản:

“Tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mon man khắp da thịt, hơi quần áo của mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn

nhai trầu phả ra thơm tho lạ thường.”

“Phải bé lại lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay của người mẹ vuốt ve, gỡ rối ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng”

***.Đánh giá:**

- Khẳng định chất trữ tình trong văn bản Trong lòng mẹ thấm đượm ở nội dung truyện, ở nghệ thuật kể chuyện của nhà văn.

- Chất trữ tình ấy không chỉ thể hiện tài năng, phong cách sáng tác của Nguyên Hồng, tấm lòng nhân đạo thống thiết xuất phát từ cuộc đời đầy cay đắng của nhà văn mà còn khẳng định giá trị của tác phẩm.

c. Kết bài

-Khẳng định lại giá trị của văn bản: Trang hồi kí thực sự là tiếng lòng của nhà văn vọng về từ một thời thơ ấu nên nó sẽ còn lay động mãi tới tất cả trái tim bạn đọc.

- Bài tỏ suy nghĩ.

ĐỀ SỐ 7:**I. Đọc – hiểu văn bản(4,0 đ)****Đọc ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi:***“Thời gian nhẹ bước mỗi mòn**Xin đừng bước lại để còn mẹ đây**Bao nhiêu gian khổ tháng ngày**Xin cho con lãnh, kéo gầy mẹ thêm**Mẹ ơi, xin bớt muộn phiền**Con xin sống đẹp như niềm mẹ mong**Tình mẹ hơn cả biển đông**Dài, sâu hơn cả con sông Hồng Hà”**(Tình mẹ -Tử Nhi)***Câu 1:** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên**Câu 2.** Chỉ ra và phân tích các biện pháp tu từ có trong đoạn thơ trên?**Câu 3.** Cảm nhận của em về tình cảm của tác giả đối với mẹ trong đoạn thơ?**Câu 4.** Từ câu thơ “ *Con xin sống đẹp như niềm mẹ mong*”, em có suy nghĩ gì về lẽ *sống đẹp* của bản thân?**II. Tập làm văn****Câu 1(6,0 đ):**

Từ đoạn thơ trên, viết một văn bản nghị luận khoảng 02 trang, bàn về ý kiến sau: *Sứ mạng của người mẹ không phải là làm chỗ dựa cho con cái mà là làm cho chỗ dựa ấy trở nên không cần thiết*(B. Babbles).

Câu 2: (10,0điểm)

“Tiểu thuyết Tắt đèn của nhà văn Ngô Tất Tố có nhiều nhân vật, nhưng chị Dậu là một hình tượng trung tâm, là linh hồn của tác phẩm có giá trị hiện thực. Bởi chị Dậu là hình ảnh chân thực, đẹp đẽ của người phụ nữ nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng tám năm 1945”.

Bằng những hiểu biết của em về tác phẩm “ Tắt đèn”của Ngô Tất Tố, hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
I. ĐỌC- HIỂU	4,0
<p>1. Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản là: biểu cảm</p> <p>2. - Các biện pháp tu từ: nhân hoá thời gian (nhẹ, bước); phép ẩn dụ chuyển đổi cảm giác (thời gian nhẹ bước mỗi mòn); phép so sánh (Tình mẹ hơn cả biển đông/ Dài, sâu hơn cả con sông Hồng Hà); Điệp từ (hơn cả, xin)</p> <p>- Phân tích tác dụng:</p> <p>+ Phép nhân hoá kết hợp phép ẩn dụ chuyển đổi cảm giác diễn tả chân thực bước đi của thời gian cùng cảm giác thương yêu lẫn xót xa của con khi chứng kiến sự già nua, yếu gầy của mẹ trước bao thăng trầm, gian khổ nhọc nhằn cùng năm tháng trôi qua.</p> <p>+ Phép so sánh nhấn mạnh tình yêu và công ơn trời bể của mẹ đối với con sánh ngang tầm vũ trụ.</p> <p>+ Điệp từ:nhấn mạnh tình yêu, niềm kính trọng con dành cho mẹ</p> <p>-> Qua các biện pháp tu từ trên, tác giả đã thể hiện sự thấu hiểu, kính trọng, biết ơn sâu nặng của mình đối với người mẹ kính yêu. Từ đó, nhà thơ muốn nhắn nhủ bạn đọc thông điệp về tình cảm, ý thức, trách nhiệm của bản thân đối với cha mẹ.</p>	
<p>3. - Trân trọng những lời tâm sự tha thiết của Tử Nhi đối với thời gian, cũng chính là đối với người mẹ kính yêu của mình – mong thời gian đừng ‘ bước lại’để mẹ mãi trẻ trung, khoẻ mạnh, sống mãi.</p> <p>- Xúc động trước niềm mong mỏi được hi sinh vì mẹ của nhà thơ” Bao nhiêu gian khổ tháng ngày/ Xin cho con lãnh, kéo gầy mẹ thêm”. Tử Nhi thật vị tha</p>	

<p><i>khi sẵn sàng đón nhận gian khổ để mang lại bình yên cho mẹ.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm phục trước lời tự hứa chân thành của nhân vật trữ tình đối với mẹ “<i>Mẹ ơi, xin bớt muộn phiền/ Con xin sống đẹp như niềm mẹ mong</i>”. Cụm từ “sống đẹp” thể hiện quan niệm đúng đắn, phù hợp chuẩn mực đạo đức dân tộc, trọn vẹn chữ Hiếu của nhà thơ đối với mẹ. - Thấu hiểu tình mẹ qua cách so sánh độc đáo của nhà thơ về tình mẹ “<i>Tình mẹ hơn cả biển đông/ Dài, sâu hơn cả con sông Hồng Hà</i>” từ đó nghĩ suy về đạo làm con đối với cha mẹ. <p>4. - Sống đẹp là sống có mục đích, có ước mơ, lí tưởng. Sống đẹp là sống có chí cầu tiến, biết đứng dậy bằng chính đôi chân của mình khi vấp ngã, biết bền lòng và dũng cảm vượt qua những thử thách, khó khăn để vươn lên, chấp cánh cho ước mơ của mình được bay cao, bay xa. Sống đẹp còn là một lối sống có văn hóa, biết lịch sự; là một cuộc sống có tri thức, có tình người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - “Sống đẹp” trước hết phải xuất phát từ lòng nhân ái, từ chính tình yêu trong trái tim để từ đó mà sống hết mình vì người khác, để bao dung, thứ tha... - Sống đẹp là sống có ích cho bản thân, gia đình và xã hội... - Phê phán những con người sống tiêu cực: thờ ơ, vô cảm, ích kỉ, thụ động, lười nhác... - Cần phải nhận thức đúng và rèn luyện thường xuyên để có lẽ sống đẹp. Biết trau dồi kiến thức, sinh hoạt, vui chơi lành mạnh, tham gia các hoạt động xã hội như giúp đỡ người nghèo, các em bé mồ côi, các cụ già ốm đau, không nơi nương tựa, hiếu thuận với cha mẹ..... 	
II.TẬP LÀM VĂN	
<p>Câu 1: Từ đoạn thơ trên, viết một văn bản nghị luận khoảng 02 trang, bàn về ý kiến sau: <i>Sứ mạng của người mẹ không phải là làm chỗ dựa cho con cái mà là làm cho chỗ dựa ấy trở nên không cần thiết (B. Babbles).</i></p>	6,0
<p>. <i>Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận:</i> thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích, song hành.</p> <p>. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> <i>Sứ mạng của người mẹ.</i></p> <p>. <i>Triển khai vấn đề nghị luận:</i> thí sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận theo nhiều cách nhưng có thể theo hướng sau:</p> <p>Đảm bảo các yêu cầu trên; có thể trình bày theo định hướng sau:</p>	

*. Giải thích câu nói

-“Sứ mệnh”: Vai trò lớn lao, cao cả của cha mẹ trong việc nuôi dạy con cái.

-“Người mẹ”: Người sinh ra con cái, rộng hơn đó chính là mái ấm gia đình.

- “Chỗ dựa cho con cái”: nơi che chở, yêu thương, là nơi con cái có thể nương tựa.

-> Ý nghĩa cả câu: Câu nói đã đưa ra quan điểm giáo dục của cha mẹ với con cái hết sức thuyết phục: **Vai trò của cha mẹ không chỉ nằm trong việc dạy dỗ con mà quan trọng hơn là làm sao để con cái biết sống chủ động, tích cực, không dựa dẫm...**

*. Bình luận

- **Tại sao đó là quan điểm đúng đắn:** Cuộc sống không phải lúc nào cũng êm đềm như mặt biển mênh mông mà luôn chực chờ nhiều bão tố dữ dội. Vì vậy, chúng ta cần biết tìm cách để vượt qua, và sẽ càng ý nghĩa hơn nếu chinh phục thử thách bằng chính nghị lực bản thân. (dẫn chứng) **Nếu con người chưa từng được rèn luyện, không phải đối mặt với bất kì trong gai nào thì rất dễ gục ngã.**

- Việc hình thành lối sống chủ động, tích cực là cả quá trình dài và đòi hỏi nhiều thời gian. Cho nên, ngay từ lúc nhỏ, những đứa trẻ cần được giáo dục cách sống tự lập. (dẫn chứng). Dạy từ việc nhỏ nhất như chăm sóc bản thân đến việc học tập, đến những vấn đề phức tạp hơn. theo thời gian con cái sẽ được tôi luyện, tích lũy kinh nghiệm, vững vàng hơn, trưởng thành hơn.

. Dẫn chứng cách dạy con của người Nhật.

- Nhân cách một cá nhân được chi phối bởi nhiều yếu tố, đặc biệt là gia đình. Vì vậy, cha mẹ vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục con cái trở thành công dân “tự lập”. Nghĩa là cha mẹ sẽ “gợi mở”, hướng dẫn con đường tốt để đi, còn chuyện “bước” qua từng chướng ngại như thế nào thì phải do đứa trẻ tự làm lấy. (dẫn chứng)

*. Mở rộng

- Cha mẹ cần luôn ở bên cạnh con nhưng cũng cần tạo cho con những “khoảng lặng” Cần thiết cho đứa trẻ tự suy ngẫm, tự quyết định việc mình đang làm.

- Dạy con biết tự lập nhưng không có nghĩa là phó mặc con hoặc quá khắt

<p>khe, yêu cầu cao đối với con.</p> <p>- Phê phán.</p> <p>+ Nhiều phụ huynh nuông chiều con quá mức khiến con cái mất đi ý thức tự lập.</p> <p>* Hậu quả: Trước khó khăn của cuộc sống thường mất phương hướng, lúng túng, bi quan, vô dụng, hành động nông nổi thiếu suy nghĩ.</p> <p>+ Hoặc phó mặc con cái một cách tự nhiên theo kiểu “trời sinh tính”, không quan tâm uốn nắn con cái.</p> <p>*. Bài học nhận thức, hành động.</p> <p>+ Bản thân luôn phải cố gắng không dựa dẫm vào sự giúp sức của bất kỳ ai. Tình thương của cha mẹ là nguồn động viên chứ không phải là vỏ bọc để lẩn tránh mọi trở ngại trên đường.</p> <p>+ Cần tạo được sự yên tâm của cha mẹ với mình, cần khẳng định được bản thân.</p> <p>- Ý kiến vừa là bài học cho nhiều bậc phụ huynh, vừa thể hiện cách sống đúng đắn nên được phát huy ở mọi lứa tuổi.</p> <p>- Hành động: các bậc cha mẹ cần có tình yêu, phương pháp dạy con đúng đắn, dạy con biết tự lập, tự bước đi trên chính đôi chân của mình từ những việc nhỏ nhất.</p> <p>- Bản thân mỗi người con cần biết trân trọng tình cảm cha mẹ, nỗ lực cố gắng vươn lên bằng chính khả năng, sức mạnh của mình để trở thành chỗ dựa vững chắc cho cha mẹ.</p>	
<p>Câu 2:</p> <p><i>“Tiểu thuyết Tắt đèn của nhà văn Ngô Tất Tố có nhiều nhân vật, nhưng chị Dậu là một hình tượng trung tâm, là linh hồn của tác phẩm có giá trị hiện thực. Bởi chị Dậu là hình ảnh chân thực, đẹp đẽ của người phụ nữ nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng tám năm 1945”.</i></p> <p>Bằng những hiểu biết của em về tác phẩm “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố, hãy làm sáng tỏ nhận định trên.</p> <p>.Yêu cầu về hình thức: Viết đúng thể loại chứng minh về một nhận định văn</p>	10,0

học.

- Bố cục đảm bảo rõ ràng mạch lạc, lập luận chặt chẽ.
- Trình bày sạch sẽ, chữ viết rõ ràng, đúng chính tả, ngữ pháp.

Yêu cầu về nội dung :

Chứng minh làm rõ những phẩm chất của nhân vật chị Dậu, người phụ nữ nông dân Việt Nam dưới chế độ phong kiến trước năm 1945.

a. Mở bài :

- Giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm.
- Tiểu thuyết Tắt đèn có nhiều nhân vật nhưng chị Dậu là một hình tượng trung tâm, là linh hồn của tác phẩm Tắt đèn. Bởi chị Dậu là hình ảnh chân thực đẹp đẽ về người phụ nữ nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng tám 1945.

b. Thân bài :

*** Làm rõ những phẩm chất đáng quý của chị Dậu.**

- Chị Dậu là một người có tinh thần vị tha, yêu thương chồng con tha thiết.

+ Khi anh Dậu bị bọn cai lệ và người nhà lí trưởng đánh đập hành hạ chết đi sống lại chị đã chăm sóc chồng chu đáo.

+ Chị đã tìm mọi cách để bảo vệ chồng.

+ Chị đau đớn đến từng khúc ruột khi phải bán con để có tiền nộp sưu.

- Chị Dậu là một người đảm đang tháo vát: đứng trước khó khăn tưởng chừng như không thể vượt qua, phải nộp một lúc hai suất sưu, anh Dậu thì ốm đau, đàn con bé dại... tất cả đều trông vào sự chèo chống của chị.

- Chị Dậu là người phụ nữ thông minh sắc sảo:

+ Khi bọn cai lệ định xông vào trói chồng – Chị đã cố van xin chúng tha cho chồng nhưng không được. => chị đã đấu lý với chúng: “Chồng tôi đau ốm, các ông không được phép hành hạ”.

- Chị Dậu là người phụ nữ có tinh thần quật khởi, ý thức sâu sắc về nhân phẩm.

+ Khi cai lệ và người nhà Lí trưởng có hành động thô bạo với chị, với chồng chị, chị đã vùng lên quật ngã chúng.

+ Mặc dù điêu đứng với số tiền sưu nhưng chị vẫn sẵn sàng ném năm giấy

bạc và mặt tên tri phủ Tri Ân. Hai lần bị cưỡng hiếp chị vẫn thoát ra được.

Đây chính là biểu hiện đẹp đẽ về nhân phẩm của tinh thần tự trọng.

c. **Kết bài:**

Khái quát khẳng định về phần chất nhân vật:

- Yêu thương chồng con, thông minh sắc sảo, đảm đang tháo vát, có tinh thần quật khởi, ý thức sâu sắc về nhân phẩm...
- Nhân vật chị Dậu toát lên vẻ đẹp mộc mạc của người phụ nữ nông dân đẹp người, đẹp nết.
- Hình tượng nhân vật chị Dậu là hình tượng điển hình của phụ nữ Việt Nam trước cách mạng tháng 8 năm 1945.
- Tác phẩm “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố không chỉ là tác phẩm có giá trị hiện thực mà còn có giá trị nhân đạo sâu sắc, là tác phẩm tiêu biểu của văn học hiện thực phê phán.

ĐỀ SỐ 8:

Câu 1 (8,0 điểm): Hãy trình bày suy nghĩ của em sau khi đọc câu chuyện sau:

Ổ khóa và chìa khóa - Cái nào quan trọng hơn?

Một đêm nọ, ổ khóa thức chìa khóa dậy rồi trách móc: "Ngày nào tôi cũng vất vả giữ nhà cho chủ nhân, thế mà chủ nhân lại thích anh, lúc nào cũng mang theo anh bên mình, thật ghen tỵ với anh quá!" Còn chìa khóa cũng không phục: "Ngày nào anh cũng ở nhà, chơi bời thoải mái, thật là nhàn hạ chứ không như tôi cứ lặn lội gió mưa vô cùng cực khổ, tôi càng ghen tỵ với anh hơn đấy!"

Có một lần, chìa khóa cũng muốn được hưởng thụ cảm giác nhàn hạ của ổ khóa nên tự mình giấu mình đi. Sau khi chủ nhân về không tìm thấy chìa khóa nên tức giận đập ổ khóa rồi vứt nó vào thùng rác. Sau khi vào phòng, chủ nhân lại tìm thấy chìa, ông ta lại tức giận nói rằng: "Ổ khóa vứt rồi giờ giữ lại nhà người còn có ích gì nữa". Nói xong, chủ nhân liền vứt chìa vào thùng rác.

Trong thùng rác, ổ khóa và chìa khóa gặp lại nhau, cả hai cùng than thở: "Hôm nay cả hai chúng ta đều rơi vào hoàn cảnh như thế này là vì chúng ta đều không nhận ra giá trị cũng như công sức của đối phương mà lại đứng núi này trông núi nọ, lúc nào cũng tính toán chi li, đổ kị lẫn nhau, nghi ngờ lẫn nhau".

Câu 2 (12,0 điểm). Nhà văn Nguyễn Tuân viết: “*Trên cái tối giờ tối đất của đồng lúa ngày xưa, hiện lên một cái nhân dung lạc quan của chị Dậu*”.

Qua đoạn trích “*Tức nước vỡ bờ*” và những hiểu biết của em về tác phẩm “*Tắt đèn*” em hãy chứng minh ý kiến trên của nhà văn Nguyễn Tuân.

----- Hết-----

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
<p>Câu 1: Trình bày suy nghĩ của em sau khi đọc câu chuyện <i>Ổ khóa và chìa khóa - Cái nào quan trọng hơn?</i></p> <p>. Về kĩ năng: Học sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội: lập luận chặt chẽ, có sức thuyết phục; văn viết mạch lạc, trong sáng; không mắc lỗi chính tả, dùng từ hoặc đặt câu.</p> <p>. Về kiến thức: Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các nội dung cơ bản sau:</p> <p>a. Mở bài:</p> <p>- Giới thiệu được câu chuyện và vấn đề nghị luận: Sự ghen ghét đố kỵ là tính xấu của con người.</p> <p>b. Thân bài:</p> <p>* Giới thiệu khái quát về câu chuyện....</p> <p>b. Phân tích, bàn luận mở rộng vấn đề:</p> <p>- Câu chuyện ngắn gọn nhưng hàm chứa bao ý nghĩa lớn lao về cuộc sống thông qua hình ảnh cái khóa và chìa khóa: Sự ghen ghét đố kỵ là tính xấu của con người.</p> <p>* Biểu hiện của ghen ghét, đố kỵ.</p> <p>- Những người có lòng đố kỵ thường tỏ ra khó chịu khi người khác hơn mình. Biểu hiện là cảm giác bực bội tức tối khi thấy người khác hơn mình, ghen ghét khi thấy người khác giỏi hơn mình (dẫn chứng) “<i>Ổ khóa thức chìa khóa dậy rồi trách móc: “Ngày nào tôi cũng vất vả giữ nhà cho chủ nhân, thế mà</i></p>	8,0

chủ nhân lại thích anh, lúc nào cũng mang theo anh bên mình, thật ghen tỵ với anh quá”. Còn chìa khóa cũng không phục: ”Ngày nào anh cũng ở nhà, chơi bời thoải mái, thật là nhàn hạ chứ không như tôi cứ lặn lội gió mưa vô cùng cực khổ, tôi càng ghen tỵ với anh hơn đấy!”.

- Thậm chí người đố kỵ còn đặt điều nói xấu, bôi nhọ thanh danh và luôn tìm cách hãm hại người tốt hơn, giỏi hơn mình....

*** Nguyên nhân của ghen ghét, đố kỵ**

- Nguyên nhân xuất phát từ sự thiếu tự tin, mặc cảm, tự ti nhưng lại tự cao, tự đại. Xuất phát từ những người luôn bất mãn với cuộc sống của bản thân và ghen tỵ với người khác (dẫn chứng).....

*** Hậu quả của ghen ghét, đố kỵ**

- Sự ganh ghét, đố kỵ sẽ có ít thời gian để nhận ra và hưởng thụ những điều tốt đẹp trong cuộc sống của chính mình, người ghen ghét đố kỵ sống không thoải mái. Sự ganh ghét, đố kỵ sẽ phá hoại mối quan hệ giữa người với người. Vì ganh ghét, đố kỵ mà hòa khí bị rạn nứt, đổ vỡ gây hậu quả, sức mạnh đoàn kết và sự hợp tác của tập thể bị tổn thương. (dẫn chứng)”*Có một lần, chìa khóa cũng muốn được hưởng thụ cảm giác nhàn hạ của ổ khóa nên tự mình giấu mình đi. Sau khi chủ nhân về không tìm thấy chìa khóa nên tức giận đập ổ khóa rồi vứt nó vào thùng rác. Sau khi vào phòng, chủ nhân lại tìm thấy chìa, ông ta lại tức giận nói rằng:”Ổ khóa vứt rồi giờ giữ lại nhà người còn có ích gì nữa”. Nói xong, chủ nhân liền vứt chìa vào thùng rác.”*

- Trong xã hội hiện nay, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, mối quan hệ giữa người với người ngày càng phức tạp, tâm lý ganh ghét, đố kỵ càng trở nên phổ biến. Nó xuất hiện ở nhiều nơi, khắp mọi lĩnh vực...

- Lòng ganh ghét, đố kỵ còn cản trở con người phát triển tài năng. Trong một tập thể chỉ cần nảy sinh một chút lòng ganh ghét, đố kỵ là nội bộ lung củng, mất đoàn kết, mọi người không sao sống thân thiện, thoải mái, chân tình với nhau, nhân tài sẽ không có môi trường thuận lợi để phát huy tác dụng.

-Trong cuộc sống còn có rất nhiều người sống nhân ái, rộng lượng, giàu tình

<p>yêu thương (<i>dẫn chứng</i>).</p> <p>-Con người phải biết sống nhân ái, giàu lòng yêu thương, biết vui với niềm vui, thành quả của người khác. Hãy cố gắng nỗ lực, có động lực, mục tiêu vươn lên trong cuộc sống....</p> <p>*Bài học cho bản thân.</p> <p>c. Kết bài:</p> <p>- Khẳng định ý nghĩa của câu chuyện.</p> <p>- Đề cao lối sống nhân ái, bao dung.</p>	
<p>Câu 2: Nhà văn Nguyễn Tuân viết: “ Trên cái tôi giờ tôi đất của đồng lúa ngày xưa, hiện lên một cái nhân dung lạc quan của chị Dậu”.</p> <p>Qua đoạn trích “Tức nước vỡ bờ” và những hiểu biết của em về tác phẩm “ Tắt đèn”em hãy chứng minh ý kiến trên của nhà văn Nguyễn Tuân.</p> <p>. Về kĩ năng: Học sinh biết cách làm bài văn nghị luận: lập luận chặt chẽ, có sức thuyết phục; văn viết mạch lạc, trong sáng; không mắc lỗi chính tả, dùng từ hoặc đặt câu</p> <p>. Về kiến thức: Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các nội dung cơ bản sau:</p> <p>a. Mở bài:</p> <p>. Giới thiệu được nhà văn Ngô Tất Tố, tiểu thuyết “Tắt đèn”, nhân vật chị Dậu.</p> <p>- Nhận định về nhận xét của Nguyễn Tuân.</p> <p>b. Thân bài:</p> <p>2. Giải thích, chứng minh, phân tích, bàn luận vấn đề:</p> <p>* Giải thích “cái tôi giờ tôi đất của đồng lúa ngày xưa”:</p> <p>- Làng Đông Xá giữa mùa sưu thuế (tiếng trống, tiếng tù và, tiếng mõ đốc sưu nổi lên suốt đêm ngày. Cổng làng bị bọn cường hào đóng chặt để tróc sưu. Bọn cai lệ, bọn tay chân người nhà lý trưởng với roi mây, tay thước, dây thừng nghênh ngang đi lại bắt trói kẻ thiếu sưu. Lý trưởng ra lệnh”<i>tha hồ</i></p>	<p>12,0</p>

đánh, tha hồ trói. Thằng nào bướng bỉnh đánh chết vô tội vạ.”

- Nhà chị Dậu (nghèo nhất nhì hạng cùng đinh. Anh Dậu vì tội thiếu sưu mà bị “*như trời chó để giết thịt*”. Em trai anh Dậu chết từ năm ngoái nhưng vẫn phải nộp sưu vì “*Chết cũng không trốn được sưu nhà nước*”. Chị Dậu phải bán khoai, bán ổ chó, bán cả đứa con gái, chị phải đi ở vú... để kiếm đủ số tiền trả 2 suất sưu cho anh Dậu và em trai chồng đã chết.

-> Đây là bức tranh chân thực về cuộc sống của người nông dân Việt Nam trước cách mạng, một cuộc sống đen tối hãi hùng. Biết bao gia đình nông dân nghèo khổ bị điêu đứng, bị bắt trói dã man chỉ vì sưu cao thuế nặng, vì những thứ sưu vô cùng vô lý của bọn phong kiến cường quyền....

***Chứng minh**, phân tích, bàn luận vấn đề: “*hiện lên một cái chân dung lạc quan của chị Dậu*”.

- Chị Dậu cần cù chịu khó làm ăn, “*đầu tắt mặt tối*” mà “*com không đủ ăn, áo không đủ mặc*”. Tai họa dồn dập hai cái tang chồng chất: mẹ chồng và em chồng. Anh Dậu bị ốm mấy tháng trời, gia đình chị trở thành “cùng đinh”.

- Thiếu sưu, chồng bị bắt trói, bị đánh dã man, một nách ba đứa con thơ, nhà không có lấy một hạt gạo chị tất tả ngược xuôi tìm mọi cách để cứu chồng. Chị phải bán khoai, bán ổ chó, bán cả đứa con gái mới 7 tuổi mới đủ suất sưu cho chồng. Chị phải đi ở vú để “*trang trải món nợ nhà nước*” cho em chồng đã chết. Trước mọi tai họa chị vẫn vững vàng chống đỡ. Trong cảnh “*tức nước vỡ bờ*”, chân dung chị đã tỏa sáng

- Dù trong mọi hoàn cảnh, chị Dậu vẫn luôn dành trọn tình cảm đối với chồng, con mà không hề nghĩ đến bản thân mình, không nghĩ đến những khó khăn vất vả mà mình chịu đựng. Sau khi nấu được nồi cháo, chưa nghĩ đến con cái chị múc ngay cháo ra một bát lớn, quạt cho chóng nguội rồi ân cần mời chồng: “*Thầy em hãy cố ngồi dậy húp ít 1 cháo cho đỡ xót ruột*”. “*Rồi chị đón lấy cái Tũn và ngồi xuống đó như có ý chờ xem chồng chị ăn có ngon miệng hay không?*”

- Khi bọn tay sai, người nhà lí trưởng “sầm sập” tiến vào với tay thước, roi song, dây thừng thét trói kẻ thiếu sưu, chị Dậu đã nhẫn nhục chịu đựng, cố van xin tha thiết bằng giọng run run cầu khẩn “Hai ông làm phúc bói với ông

lí cho cháu khát". Cách xử sự và xưng hô của chị thể hiện thái độ chịu đựng. Chị có thái độ như vậy là vì chị biết thân phận bé mọn của mình, biết cái tình thế ngặt nghèo của gia đình mình. Trong hoàn cảnh này, chị chỉ mong chúng tha cho anh Dậu, không đánh trời, hành hạ anh. Nhưng tên cai lệ không những không động lòng thương mà lại còn chửi mắng chị thậm tệ. Tên cai lệ chạy sầm sập đến trời anh Dậu, tính mạng người chồng đang bị đe dọa, chị Dậu "xám mặt" vội vàng đỡ lấy tay hắn nhưng vẫn cố van xin thảm thiết "Cháu van ông! Nhà cháu mới tỉnh được một lúc, ông tha cho". Nhưng cây muốn lặng mà gió chẳng dừng, chị Dậu càng nhẫn nhịn, tên cai lệ càng lấn tới. Hắn mỗi lúc lại lồng lên như một con chó điên "bịch luôn vào nhưng chị mấy bịch" rồi "tát vào mặt chị một cái đánh bốp" và nhảy vào trời anh Dậu... Tức là hắn hành động một cách dã man thì mọi sự nhẫn nhục đều có giới hạn. Chị Dậu đã kiên quyết cự lại. Sự cự lại của chị Dậu cũng có một quá trình gồm hai bước. Thoạt đầu, chị cự lại bằng lí lẽ "chồng tôi đâu ốm, các ông không được phép hành hạ". Lời nói đanh thép của chị như một lời cảnh cáo. Thực ra chị không chỉ viện đến pháp luật mà chỉ nói cái lí đương nhiên, cái đạo lí tối thiểu của con người. Lúc này chị đã thay đổi cách xưng hô ngang hàng, nhìn vào mặt đối thủ với thái độ quyết liệt ấy, một chị Dậu dịu dàng đã trở nên mạnh mẽ đáo dể. Đến khi tên cai lệ đã thú ấy vẫn không thêm trả lời còn tát vào mặt chị một cái đánh bốp rồi cứ nhảy vào cạnh anh Dậu thì chị đã vội đứng dậy với niềm căm giận ngùn ngụt :chị nghiêng hai hàm răng "mày trời ngay chồng bà đi, bà cho mày xem". Một cách xưng hô hết sức đanh đá của người phụ nữ bình dân thể hiện một tư thế "đứng trên đối thủ, sẵn sàng đè bẹp đối phương". Rồi chị "túm cổ tên cai lệ, ấn dúi ra cửa... lẳng người nhà lí trưởng ngã nhào ra thềm". Chị vẫn chưa nguôi giận. Với chị, nhà tù thực dân cũng chẳng có thể làm cho chị run sợ nên trước sự can ngăn của chồng chị vẫn chưa nguôi giận "Thà ngồi tù. Để chúng nó làm tình, làm tội mãi thế, tôi không chịu được".

- Phẩm chất trong sạch của chị Dậu. Chị đã vứt toẹt năm bạc vào mặt tên Tri phủ tư ân khi hắn giở trò có má với chị. Chị đã đẩy cụ cố thượng ra khi lão già ôm lấy chị. Bạo lực tù đầy chị không hề run sợ. Tiền bạc không mua

chuộc được chị. Trong cái đêm tối giờ tối đất, hiện lên một cái chân dung lạc quan của chị Dậu”.

*** Đánh giá chung:**

- Ý kiến của nhà văn NT hoàn toàn xác đáng.
- “ Trên cái tối giờ tối đất của đồng lúa ngày xưa, hiện lên một cái nhân dung lạc quan của chị Dậu”.
- Liên hệ với cuộc sống người nông dân ngày nay.

c. Kết bài:

- Khẳng định giá trị của tác phẩm.
- Liên hệ mở rộng.

ĐỀ SỐ 9:

I. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN(6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

*Cánh cò còng nẳng qua sông
Chở luôn nước mắt cay nồng của cha
Cha là một dải ngân hà
Con là giọt nước sinh ra từ nguồn.*

*Quê nghèo mưa nắng trào tuôn
Câu thơ cha dệt từ muôn thăng trầm
Thương con cha ráng sức ngâm
Khổ đau, hạnh phúc nảy mầm từ hoa.*

*Lúa xanh, xanh mướt đồng xa
Dáng quê hòa với dáng cha hao gầy
Cánh diều con lướt trời mây
Chở câu lục bát hao gầy tình cha.*

(“Lục bát về cha”- Thích Nhuận Hạnh)

1. (1đ) Liệt kê những từ ngữ/ hình ảnh khắc họa người cha trong văn bản trên?

2. (1đ) Em hiểu gì về ý nghĩa của từ « hao gầy » trong bài thơ?

3. (2đ) Tác dụng của phép tu từ nổi bật trong 2 câu thơ:

Cha là một dải ngân hà

Con là giọt nước sinh ra từ nguồn.

4. (2đ) Thông điệp của bài thơ là gì? (Trình bày bằng một đoạn văn không quá 10 dòng).

II. TẬP LÀM VĂN (14,0 điểm)

Câu 1. (4,0 điểm)

Từ nội dung bài thơ ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về vai trò của người cha trong gia đình.

Câu 2. (10,0 điểm)

“Trên trang sách cuộc sống tuyệt vời biết bao nhưng cũng bí hiểm biết bao. Cái đẹp còn trộn lẫn nỗi niềm sâu muợn. Cái nên thơ còn lóng lánh giọt nước mắt ở đời”.

(Nguyễn Văn Thạc – Mãi mãi tuổi 20)

Anh/chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua hai văn bản “*Trong lòng mẹ*” của Nguyên Hồng và “*Lão Hạc*” của Nam Cao. (Ngữ văn 8, tập 1)

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
I. ĐỌC HIỂU	6.0
1. Từ ngữ, hình ảnh: nước mắt cay nồng, là dải Ngân Hà, dẹt thơ, ráng sức ngâm, hao gầy...	1,0
2. “Hao gầy”: miêu tả hình ảnh cha vóc dáng gầy gò, sụp đi -> đức hi sinh, tất cả vì con của cha....	1,0
3. Phép tu từ so sánh đặc sắc: <i>cha - dải ngân hà; con - giọt nước sinh ra từ nguồn.</i>	2,0
- Tác dụng: + Ca ngợi tình cha đẹp đẽ, tinh túy, bao la, vĩ đại. Con là giọt nước nhỏ bé mà tinh khiết sinh ra từ nguồn cội sáng đẹp ấy.	

+ Niềm tự hào, hạnh phúc vì là con của cha.	
<p>4. - Học sinh có thể nêu các ý sau: (7 đến 10 dòng)</p> <p>+ Những vần thơ đẹp viết theo thể thơ dân tộc, thể hiện niềm xúc động, sự thấu hiểu, yêu kính, biết ơn cha sâu nặng.</p> <p>+ Đó cũng là truyền thống đạo lí của dân tộc Việt Nam về đạo làm con đối với đấng sinh thành.</p> <p>+ Tình phụ tử thiêng liêng cao quý, đáng trân trọng.</p>	2,0
II. TẬP LÀM VĂN (14,0 điểm)	
<p>Câu 1 :</p> <p><i>Từ nội dung bài thơ ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về vai trò của người cha trong gia đình.</i></p> <p>. Đảm bảo thể thức của một đoạn văn hoàn chỉnh, trọn vẹn</p> <p>. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Vai trò của người cha trong gia đình.</p> <p>. Triển khai hợp lí nội dung của đoạn văn: Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Có thể viết bài theo nhiều cách, dưới đây là một số gợi ý về nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người cha là trụ cột gánh vác mọi trọng trách của gia đình (làm việc nặng, lao động tạo ra của cải vật chất nuôi sống gia đình...) - Người cha chỗ dựa vững chắc lớn lao về mặt tinh thần (cứng cỏi, tâm hồn cao thượng, không yếu mềm...) - Cùng với người mẹ, người cha tạo ra một mái ấm hạnh phúc mang đến thuận hòa trong gia đình. - Phê phán những người cha thiếu trách nhiệm có thói vũ phu, bạo hành. ... - Người cha có vai trò rất quan trọng trong gia đình. Con cái cần phải yêu kính và hiếu thuận với cha mẹ. 	4,0

<p>. Sáng tạo: cách diễn đạt độc đáo có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận,</p> <p>. Chính tả, dùng từ đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.</p>	
<p>Câu 2.</p> <p><i>“Trên trang sách cuộc sống tuyệt vời biết bao nhưng cũng bi thảm biết bao. Cái đẹp còn trộn lẫn nỗi niềm sầu muộn. Cái nên thơ còn lóng lánh giọt nước mắt ở đời”.</i></p> <p>(Nguyễn Văn Thạc – Mãi mãi tuổi 20)</p> <p>Anh/chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua hai văn bản “Trong lòng mẹ” của Nguyên Hồng và “Lão Hạc” của Nam Cao. (Ngữ văn 8, tập 1).</p> <p>. Đảm bảo thể thức của một bài văn nghị luận có đầy đủ bộ cục</p> <p>. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận.</p> <p>. Triển khai hợp lí nội dung của bài văn: Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Trình bày theo nhiều cách. Có thể viết bài theo định hướng sau:</p>	10,0
<p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu vấn đề nghị luận. - Trích dẫn ý kiến. <p>b. Thân bài:</p> <p>* Giải thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cuộc sống được đề cập trong văn học luôn có 2 mặt: vừa có những hạnh phúc tuyệt vời vừa có những đau khổ bất tận; vừa có nụ cười trong sáng vừa có giọt nước mắt cay đắng. - Văn học là tấm gương phản ánh cuộc sống với nhiều chiều kích của nó. - Cái nên thơ: Cái đẹp hình thành từ chính những đau đớn, nhọc nhằn trong cuộc sống. 	

-> Ý kiến đề cập đến mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống, vai trò của nhà văn trong hành trình phản ánh và phát hiện những vẻ đẹp của cuộc đời.

*** HS phân tích tác phẩm để chứng minh.**

- Giới thiệu khái quát về tác giả, xuất xứ, hoàn cảnh ra đời của 2 văn bản. Hiện thực cuộc sống phản ánh trong tác phẩm là giai đoạn 1930 – 1945, dưới chế độ thực dân nửa phong kiến.

- Cuộc sống tuyệt vời với cái đẹp, cái nên thơ chính là những giá trị tốt đẹp của cuộc sống: lòng yêu thương, đồng cảm, sẻ chia, sự tự trọng, sự rung động trước cái đẹp...

+ Vẻ đẹp của người phụ nữ khát khao tình yêu hạnh phúc, yêu thương con, ... (mẹ bé Hồng).

+ Tình yêu thương mẹ sâu nặng của bé Hồng; Tình yêu thương con, yêu thương cậu Vàng và lòng tự trọng cao quý của Lão Hạc.

+ Sự đồng cảm, sẻ chia, thấu hiểu của ông Giáo.

- Cuộc sống bi thảm với niềm sầu muộn và giọt nước mắt chính là những mặt hạn chế, tiêu cực. Đó là nỗi khổ, cái ác, cái xấu, những mặt trái của con người, ...

+ Hoàn cảnh bi thảm của mẹ con bé Hồng, của cha con Lão Hạc; sự nghèo túng của ông Giáo...

+ Bà cô cay nghiệt, ích kỉ, tàn độc, là hiện thân của lễ giáo phong kiến hẹp hòi.

+ Thói xấu của Binh Tư, sự ích kỉ của vợ ông Giáo...nảy sinh do áp lực cuộc sống trong xã hội thực dân nửa phong kiến thối nát đẩy con người tới sự cùng cực.

*** Đánh giá chung:**

- Văn học không phản ánh cuộc sống một cách đơn điệu, một chiều mà ở góc

nhìn đa chiều. Trong mặt tốt, tích cực có cái tiêu cực, hạn chế.

- Cái đẹp mà văn học đem lại là cái đẹp của sự thật đời sống được khám phá một cách nghệ thuật.

- Nhận xét về tài năng, tâm hồn tác giả, giá trị nội dung, nghệ thuật của các tác phẩm, liên hệ mở rộng...

c. Kết bài:

- Khẳng định ý kiến.

- Liên hệ mở rộng.

ĐỀ SỐ 10:

PHẦN I: ĐỌC- HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“Phép dạy nhất định theo Chu Tử. Tuần tự tiến lên học đến tứ thư, ngũ kinh, chư sử. Học rộng rồi tóm lược cho gọn, theo điều học mà làm. Họa may kẻ nhân tài mới lập được công, nhà nước nhờ thế mới vững yên. Đó mới thực sự là cái đạo ngày nay có quan hệ tới lòng người. Xin chớ bỏ qua.”

(Trích *Bàn luận về phép học*, Nguyễn Thiếp)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên

Câu 2: Câu văn: *“Họa may kẻ nhân tài mới lập được công, nhà nước nhờ thế mới vững yên.”* Xét về cấu trúc ngữ pháp thuộc loại câu gì? Vì sao?

Câu 3: Em rút ra được bài học gì về phương pháp học qua đoạn trích trên?

PHẦN II: LÀM VĂN (16 điểm)

CÂU 1: (6,0 điểm)

Viết đoạn văn trả lời câu hỏi: Vì sao chúng ta cần bảo vệ hòa bình?

CÂU 2: (10,0 điểm)

“Những điều kì diệu và cảnh huy hoàng cuối cùng không khóa lấp được lòng thương xót đối với số phận cô bé. Cô bé đã chết rồi, nhưng cái chết của em vẫn nhắc lại nhiều điều

đối với những ai đang sống”. (Theo Trần Đình Sử, *Độc văn, học văn*, NXBGD Hà Nội, 1999).

Qua “ Cô bé bán diêm” của An-đéc-xen (SGK Ngữ văn 8, tập 1), em hãy làm rõ những điều nhấn lại từ tác phẩm đó mà ý kiến trên đã đề cập.

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
ĐỌC HIỂU	
1. Phương thức biểu đạt chính: nghị luận	0,5
2. - Câu văn:”Họa may kẻ nhân tài mới lập được công, nhà nước nhờ thế mới vững yên.” Là câu ghép - Giải thích: + Vì câu đó có 2 vế câu, ý giữa 2 vế câu không bao hàm nhau + Xác định 2 vế:....kẻ nhân tài/ mới lập được công, CN1 VN1 nhà nước/ nhờ thế mới vững yên CN2 VN2	0,5 0.5 0.5
3. Nêu được một số bài học về phương pháp học qua đoạn trích: Cần học chắc; học rộng rồi mới học sâu; học cơ bản từ dưới lên lớp học, bậc học cao hơn; học đi đôi với hành; học vì mục đích để nắm rõ”đạo”, góp phần xây dựng đất nước....	2
II. LÀM VĂN	
Câu 1: Viết đoạn văn trả lời câu hỏi: Vì sao chúng ta cần bảo vệ hòa bình?	6
. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận . Xác định đúng vấn đề nghị luận: Giải thích nguyên nhân vì sao cần bảo vệ hòa bình. . Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn. Sau đây là một hướng triển khai:	

<p>*. Câu mở đoạn: Nêu vấn đề nghị luận</p> <p>*. Các câu tiếp theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm hòa bình: Là tình trạng không có chiến tranh hay xung đột vũ trang, là tôn trọng bình đẳng giữa các quốc gia, dân tộc, giữa con người với con người - Nguyên nhân: <ul style="list-style-type: none"> + Hòa bình là điều tốt đẹp mà ai cũng mong muốn + Hòa bình là để giữ cuộc sống bình yên, các nước sống trong mối quan hệ bình đẳng, tôn trọng, thân thiện, hữu nghị..., mọi người được sống yên bình, hạnh phúc, ấm no, có điều kiện để học hành, phát triển... + Để có được hòa bình, nhiều nước phải đấu tranh, phải đối lấy không biết bao nhiêu gian khổ, hy sinh... + Nếu không giữ được hòa bình, chiến tranh xảy ra sẽ kéo theo vô vàn hậu quả nặng nề <p>*. Câu cuối đoạn: Khẳng định lại vấn đề, liên hệ, rút ra bài học</p>	
<p>Câu 2: “Những điều kì diệu và cảnh huy hoàng cuối cùng không khóa lấp được lòng thương xót đối với số phận cô bé. Cô bé đã chết rồi, nhưng cái chết của em vẫn nhấn lại nhiều điều đối với những ai đang sống”. (Theo Trần Đình Sử, Đọc văn, học văn, NXBGD Hà Nội, 1999).</p> <p>Qua “Cô bé bán diêm” của An-đéc-xen (SGK Ngữ văn 8, tập 1), em hãy làm rõ những điều nhấn lại từ tác phẩm đó mà ý kiến trên đã đề cập.</p>	10.0
<p>. Triển khai hợp lí nội dung bài văn. Sau đây là một hướng triển khai:</p> <p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu vấn đề cần nghị luận, nêu ý kiến của Trần Đình Sử, chốt vấn đề và tác phẩm liên quan. <p>b. Thân bài:</p> <p>* Giải thích ý kiến</p>	1

*** Sơ lược về tác phẩm “Cô bé bán diêm”**

*** Chứng minh chỉ rõ những điều nhấn lại từ tác phẩm với một số ý cơ bản:**

+ Gửi lại bức tranh hiện thực cuộc sống xã hội; cuộc đời, số phận của cô bé bán diêm. Lên án, phê phán xã hội; thái độ bàng quan, thiếu hơi ấm tình thương của người đời

+ Nhấn gửi những mong muốn, khát vọng của tuổi thơ: Với trẻ thơ, các em ước mơ được sống cuộc sống vật chất đầy đủ, được hưởng thú vui tinh thần, và cần nhất là sự yêu thương, quan tâm, chia sẻ của mọi người. Đó cũng là khát vọng muôn đời của con người nói chung.

+ Nhấn lại cho mọi người những thông điệp, bài học: Suy nghĩ về trách nhiệm đối với gia đình, người thân; Nhắc ai đó đang may mắn được sống trong tình yêu thương của người thân hãy nên biết trân trọng; hãy thấu hiểu trẻ thơ cần gì; hãy biết yêu thương, cảm thông với những cảnh đời bất hạnh; không nên thờ ơ, vô cảm trước nỗi đau của người khác...

=> Nhấn gửi cộng đồng, xã hội, gia đình, mọi người, bản thân... những suy nghĩ về trách nhiệm của mình với trẻ thơ và những người xung quanh...

+ Những giá trị nội dung (hiện thực, nhân đạo) và nghệ thuật mà tác phẩm để lại; ý nghĩa giáo dục mà tác phẩm đem đến cho người đọc

*** Khái quát, đánh giá chung về tác phẩm “Cô bé bán diêm”, về những điều nhấn lại từ tác phẩm; về tài năng, thái độ, tấm lòng của tác giả; về ý kiến của Trần Đình Sử; bài học về cách viết và cách tiếp nhận tác phẩm liên quan đến vấn đề...**

c. Kết bài:

- Khẳng định giá trị của tác phẩm.

- Liên hệ mở rộng.

ĐỀ SỐ 11:**Câu 1: (2.0 điểm)**

Hai câu thơ dưới đây, tác giả đều sử dụng biện pháp so sánh:

- *Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã.*
- *Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng.*

Em thấy hai cách so sánh trên có gì khác nhau? Mỗi cách có hiệu quả nghệ thuật riêng như thế nào?

Câu 2:(3.0 điểm)

Trình bày cảm nhận của em về khổ thơ sau (bằng một đoạn văn ngắn):

*Ông đồ vẫn ngồi đấy
Qua đường không ai hay,
Lá vàng rơi trên giấy;
Ngoài trời mưa bụi bay.”*

(Ông đồ, Vũ Đình Liên - Sách giáo khoa Ngữ văn 8-Tập II)

Câu 3: (5.0 điểm)

Vào trong phòng triển lãm ở Vườn Quốc gia Cúc Phương (huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình), em sẽ thấy trên tường có một ô cửa bằng gỗ gắn tấm biển ghi dòng chữ “*Kẻ thù của rừng xanh*”, mở cánh cửa ra là một tấm gương soi chính hình ảnh của con người.

Từ thông điệp trên, em hãy viết một bài văn nghị luận ngắn bàn về việc bảo vệ rừng hiện nay.

Câu 4: (10,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: “ *Chị Dậu và Lão Hạc là những hình tượng tiêu biểu cho phẩm chất và số phận của người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám.*”

Qua đoạn trích *Tức nước vỡ bờ* (Ngô Tất Tố) và *Lão Hạc* (Nam Cao) em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

----- Hết -----

NỘI DUNG	Điểm
<p>Câu 1: Hai câu thơ trên tác giả đều dùng biện pháp so sánh. Tuy nhiên mỗi câu lại có hiệu quả nghệ thuật riêng:</p> <ul style="list-style-type: none">- So sánh con thuyền ra khơi “ <i>hăng như con tuấn mã</i>” tức là con thuyền chạy nhanh như con ngựa đẹp và khỏe (tuấn mã) đang phi, tác giả so sánh cái cụ thể, hữu hình này với cái cụ thể hữu hình khác. Sự so sánh này làm nổi bật vẻ đẹp, sự mạnh mẽ của con thuyền ra khơi.- So sánh “<i>Cánh buồm với mảnh hồn làng</i>” tức là so sánh một vật cụ thể hữu hình, quen thuộc với một cái trừu tượng vô hình có ý nghĩa thiêng liêng. Cách so sánh này làm cho hình ảnh cánh buồm chẳng những trở nên cụ thể sống động mà còn có vẻ đẹp lớn lao, trang trọng, thiêng liêng. Cánh buồm no gió ra khơi trở thành biểu tượng rất phù hợp và đầy ý nghĩa của làng chài.	2,0
<p>Câu 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Cảm nhận về khổ thơ:- Về kỹ năng: HS viết đúng dạng một đoạn văn ngắn, lập luận chặt chẽ, lời văn trong sáng, không mắc lỗi chính tả.- Về kiến thức: Nêu được các ý sau <p>+ Đoạn thơ trên trích trong bài thơ Ông đồ của Vũ Đình Liên miêu tả tâm trạng ông đồ thời suy tàn.</p> <p>+ Bằng các biện pháp nghệ thuật đối lập, tả cảnh ngụ tình để thể hiện niềm cảm thương trước hình ảnh ông đồ lạc lõng, trơ trọi “<i>vẫn ngồi đấy</i>” như bất động, lẻ loi và cô đơn khi người qua đường thờ ơ vô tình không ai nhận thấy hoặc đoái hoài tới sự tồn tại của ông.</p> <p>+ Qua hai câu thơ tả cảnh ngụ tình tuyệt bút, hiểu được nỗi buồn của con người thấm sâu vào cảnh vật. Hình ảnh “<i>lá vàng, mưa bụi</i>” giàu giá trị tạo hình vẽ nên một bức tranh xuân lạnh lẽ, âm trầm, tàn tạ với gam màu nhạt nhòa,</p>	2,0

<p>xám xịt.</p> <p>+ Khổ thơ cực tả cái cảnh thê lương của nghề viết và sự ám ảnh ngày tàn của nền nho học đồng thời thể hiện sự đồng cảm xót thương của nhà thơ trước số phận những nhà nho và một nền văn hóa bị lãng quên.</p>	
<p>Câu 3: Từ thông điệp trên, em hãy viết một bài văn nghị luận ngắn bàn về việc bảo vệ rừng hiện nay.</p> <p>Về kỹ năng: Đảm bảo một bài văn nghị luận xã hội ngắn. Biết vận dụng phối hợp nhiều thao tác, lập luận chặt chẽ, bố cục chặt chẽ có dẫn chứng thuyết phục</p> <p>Về kiến thức: Bài viết cần đảm bảo các ý sau:</p> <p>* Khái quát:</p> <p>- Từ lời giới thiệu hấp dẫn, người viết cần khẳng định “ <i>Kẻ thù của rừng xanh</i>”không ai khác chính là con người vì: con người kém hiểu biết, vô trách nhiệm đối với rừng hoặc do con người háms lợi, coi thường pháp luật mà chặt phá rừng. Từ đó khẳng định dù trực tiếp hay gián tiếp con người chính là kẻ thù trực tiếp gây ra tội ác cho rừng xanh.</p> <p>* Qua lời giới thiệu và tấm gương phản chiếu con người chúng ta nhận ra được bao nhiêu điều hệ lụy do nạn phá rừng gây nên.</p> <p>- Diện tích rừng bị thu hẹp, cây cối bị chặt phá, muông thú bị săn bắn ngày càng bị cạn kiệt đến mức báo động.(có dẫn chứng và số liệu kèm theo).</p> <p>- Môi trường bị tàn phá, lũ lụt thường xuyên bị đe dọa, khí hậu bị biến đổi đang hủy hoại môi trường và sự sống của chúng ta.(có dẫn chứng cụ thể).</p> <p>* Từ thực trạng trên đề ra được giải pháp để bảo vệ rừng - bảo vệ lá phổi xanh của Trái đất.</p> <p>- Tích cực trồng cây gây rừng.</p> <p>- Bên cạnh khai thác rừng có kế hoạch, cần phải trồng bổ sung, chăm sóc</p>	5,0

<p>rừng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền lợi ích, tác dụng của việc trồng cây gây rừng và tác hại của việc chặt phá rừng bừa bãi. - Nhà nước cần có chính sách khuyến khích nhân dân trồng và chăm sóc, bảo vệ rừng và có chế tài nghiêm khắc để ngăn chặn, trừng phạt những "kẻ thù của rừng xanh". <p>* Khẳng định sống hòa hợp với thiên nhiên là quy luật sống lành mạnh từ ngàn đời nay.</p>	
<p>Câu 4: Có ý kiến cho rằng: “Chị Dậu và Lão Hạc là những hình tượng tiêu biểu cho phẩm chất và số phận của người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám.”</p> <p>Qua đoạn trích <i>Tức nước vỡ bờ</i> (Ngô Tất Tố) và <i>Lão Hạc</i> (Nam Cao) em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.</p> <p>* Về kỹ năng: Đảm bảo một bài văn nghị luận văn học, có bố cục và lập luận chặt chẽ. Hệ thống luận điểm rõ ràng, có dẫn chứng linh hoạt, phù hợp. Lời văn trong sáng, mạch lạc, ít lỗi chính tả.</p> <p>* Về kiến thức: Cần đáp ứng được các ý sau</p> <p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn dắt và nêu được vấn đề nghị luận, trích dẫn ý kiến: Chị Dậu và Lão Hạc là những hình tượng tiêu biểu cho phẩm chất và số phận của người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám. <p>b. Thân bài:</p> <p>*. Chị Dậu và Lão Hạc là những hình tượng tiêu biểu cho phẩm chất tốt đẹp của những người nông dân Việt Nam trước cách mạng:</p> <p>*.1. Chị Dậu: Là một hình ảnh vừa gần gũi, vừa cao đẹp tượng trưng cho người phụ nữ nông thôn Việt nam thời kỳ trước cách mạng:</p>	10,0

- Là một người phụ nữ giàu tình yêu thương chồng con (dẫn chứng)

- Là người phụ nữ cứng cỏi, dũng cảm bảo vệ chồng.(dẫn chứng).

***.2. Lão Hạc là tiêu biểu cho phẩm chất của người nông dân:**

- Là một lão nông chất phác, hiền lành, nhân hậu.(dẫn chứng)

- Là một lão nông nghèo khổ giàu lòng tự trọng. có tình yêu thương con sâu sắc.(dẫn chứng)

***. Họ là những hình tượng tiêu biểu cho số phận đau khổ, bi thảm của người nông dân Việt nam trước cách mạng:**

***.1. Chị Dậu: Số phận điêu đứng, nghèo khổ, bị bóc lột đến tận xương tủy, chồng ốm, có thể bị bắt, bị đánh...**

*** .2. Lão Hạc: Số phận đau khổ, bi thảm: nhà nghèo, vợ mất sớm, con trai không cưới được vợ bỏ làng đi đồn điền cao su, lão sống thui thủi một mình cô đơn làm bạn với cậu Vàng.**

-> Tai họa dồn dập đổ xuống cuộc đời lão, phải bán cậu Vàng, sống trong đau khổ, cuối cùng chọn bả chó để tự tử- một cái chết vô cùng đau đớn và dữ dội.

***. Bức chân dung của chị Dậu và Lão Hạc đã tô đậm giá trị hiện thực và nhân đạo của hai tác phẩm:**

- Thể hiện cách nhìn về người nông dân của hai tác giả. Cả hai nhà văn đều có sự đồng cảm, xót thương đối với bi kịch của người nông dân; đau đớn phê phán xã hội bất công, tàn nhẫn. Chính xã hội ấy đã đẩy người nông dân vào hoàn cảnh bần cùng, bị kịch.

- Tuy vậy, mỗi nhà văn cũng có cách nhìn riêng: Ngô Tất Tố có thiên hướng nhìn người nông dân trên góc độ đấu tranh giai cấp còn Nam Cao chủ yếu đi sâu vào phản ánh sự thức tỉnh trong nhận thức về nhân cách một con người.

c. Kết bài:

- Khẳng định lại vấn đề.

- Liên hệ mở rộng.	
--------------------	--

ĐỀ SỐ 12:**Câu 1. (8,0 điểm)****Vich-to Huy –gô cho rằng:**

“Con người sống không có tình thương cũng giống như vườn hoa không có ánh nắng mặt trời: không có gì đẹp đẽ và hữu ích có thể nảy nở trong đó được”.

Suy nghĩ của em về ý kiến trên.**Câu 2. (12.0 điểm)****Nhận xét về người nông dân trong văn học Việt Nam trước Cách mạng tháng 8-1945 có ý kiến cho rằng:**

“Người nông dân tuy nghèo khổ, lam lũ, ít học nhưng không ít tâm lòng”.

Bằng hiểu biết của em về nhân vật Lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của nhà văn Nam Cao, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.**ĐÁP ÁN**

NỘI DUNG	Điểm
Câu 1: Vich-to Huy –gô cho rằng: <i>“Con người sống không có tình thương cũng giống như vườn hoa không có ánh nắng mặt trời: không có gì đẹp đẽ và hữu ích có thể nảy nở trong đó được”.</i> Suy nghĩ của em về ý kiến trên. Yêu cầu về kĩ năng: Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội. Bố cục và hệ thống ý sáng rõ. Biết vận dụng các thao tác giải thích, bình luận, chứng minh. Hành văn trôi chảy. Lập luận chặt chẽ. Dẫn chứng chọn lọc, thuyết phục. Không mắc các lỗi diễn đạt, dùng từ, ngữ pháp, chính tả. -Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý sau:	8,0
* Giải thích. + Tình thương: lòng nhân ái, cảm thông, chia sẻ, giúp đỡ người khác.	

+ Vườn hoa: nơi nảy sinh, nơi hình thành cái tốt đẹp.

+ Không ánh nắng mặt trời: không có ánh sáng, hơi âm, không có nguồn sống.

+ Không có gì: sự phủ định hoàn toàn và triệt để.

+ Đẹp dễ và hữu ích: cái đẹp và cái tốt, cái thiện, cái có ích.

+ Nảy nở: nảy sinh, tồn tại và phát triển

=> Tóm lại, nếu không có tình thương thì cuộc sống của con người sẽ không thể có được những điều tốt đẹp và có ích. Nói cách khác, tình thương chính là thứ sẽ làm nảy sinh tất cả những điều tốt đẹp cho cuộc sống.

***. Bình luận.**

***.1. Vai trò của tình thương trong cuộc sống**

- Trong cuộc sống, bên cạnh những người may mắn và hạnh phúc, còn có rất nhiều người gặp cảnh đau khổ, bất hạnh, luôn cần sự sẻ chia, giúp đỡ, cần tình thương yêu.

- Nếu thiếu tình thương, con người sẽ không thể làm được những điều tốt đẹp, hữu ích cho người khác: không biết quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ và đồng cảm với người khác lúc họ gặp khó khăn, hoạn nạn; thậm chí còn làm những điều xấu xa, tàn ác khiến người khác phải chịu mất mát, đau khổ.

- Khi thiếu tình thương, con người cũng không thể tạo ra và gìn giữ được điều tốt đẹp cho chính mình (biến thành người vô cảm, tàn nhẫn và ích kỉ, xấu xa) và cho người khác.

- Ngược lại, con người có tình thương tạo ra nhiều điều tốt đẹp: sự đồng cảm, chia sẻ; sự bao dung,... Nói khác đi, tình thương là nền tảng nuôi dưỡng cho những phẩm chất, tình cảm, suy nghĩ tốt đẹp khác của con người.

*** Đánh giá:**

Trong câu nói, Huy-gô có cái nhìn đầy tính nhân văn, vừa rất mực tin yêu cuộc sống vừa tỉnh táo, sâu sắc.

<p>+ Trong xã hội ngày nay, có nhiều người biết mở rộng vòng tay yêu thương và nhân ái làm sáng ngời truyền thống “tương thân tương ái”, “thương người như thể thương thân”, “lá lành đùm lá rách” của dân tộc... Những người như thế đáng được ngợi ca và tôn vinh.</p> <p>+ Song bên cạnh đó, vẫn còn có bao kẻ vô tâm, vô cảm, ích kỉ và xấu xa, độc ác để thỏa mãn những dục vọng tầm thường, đê hèn. Chúng phải bị lên án và trừng trị nghiêm khắc.</p> <p>*. Bài học.</p> <p>- Cuộc sống chỉ trở nên tốt đẹp và có ý nghĩa khi con người biết yêu thương, chia sẻ, cảm thông với những số phận bất hạnh</p> <p>- Hãy yêu thương người khác. Đó là cách chăm sóc khu vườn tâm hồn của mỗi người.</p>	
<p>Câu 2: “<i>Người nông dân tuy nghèo khổ, lam lũ, ít học nhưng không ít tấm lòng</i>”.</p> <p>Bằng hiểu biết của em về nhân vật Lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của nhà văn Nam Cao, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.</p> <p>* Về kĩ năng: Hiểu đúng yêu cầu của đề bài. Biết cách làm bài nghị luận văn học dạng giải thích chứng minh nhận định . Bố cục rõ ràng. Lập luận chặt chẽ. Không mắc lỗi diễn đạt, chính tả, dùng từ, ngữ pháp.</p> <p>* Về nội dung:</p> <p>- Học sinh có thể trình bày theo những cách khác nhau nhưng phải làm sáng tỏ vấn đề nghị luận. Dù triển khai theo trình tự nào cũng cần đạt được các ý sau.</p>	12,0
<p>a. Mở bài.</p> <p>- Dẫn dắt , nêu vấn đề nghị luận, trích dẫn ý kiến, nêu phạm vi dẫn chứng.</p> <p>b. Thân bài.</p> <p>* Giải thích.</p> <p>- Khái quát hình ảnh người nông dân trước cách mạng tháng 8: Họ có cuộc</p>	

sống nghèo khổ lam lũ, ít học, một cổ hai tròng: *Chị Dậu*- Tắt đèn- Ngô tất Tố, anh Pha trong *Bước đường cùng* – Nguyễn Công Hoan, *Lão Hạc*, *Chí Phèo*- Nam Cao nhưng họ **không ít tấm lòng**. Dù cuộc sống và số phận có đẩy họ vào bước đường cùng nhưng họ không ít tấm lòng- giàu tình yêu thương, lòng tự trọng, cứng cỏi mạnh mẽ, nhân hậu... Dù có phải chết, người nông dân vẫn giữ được phẩm tốt đẹp của mình.

- *Lão Hạc* là tác phẩm xuất sắc của Nam Cao viết về đề tài người nông dân. Từ cuộc đời của Lão Hạc, Nam Cao đã thể hiện chân thực cảm động về số phận đau thương, cuộc sống nghèo khổ lam lũ ít học nhưng vẫn sáng ngời phẩm chất lương thiện, tốt đẹp. Lão là *con người không chỉ khổ mà còn rất đẹp*. (Quê Hương)

* Chứng minh.

*.1. *Lão Hạc là người nông dân nghèo khổ lam lũ ít học.*

- Cảnh ngộ của Lão Hạc thật bi thảm: Nhà nghèo, vợ chết, hai cha con lão sống lay lắt rau cháo qua ngày.

- Vì nghèo nên lão cũng không đủ tiền cưới vợ cho con nên khiến con trai lão phải bỏ đi làm ở đồn điền cao su.

- Chính vì nghèo khổ nên ông không có điều kiện học hành vì thế mà lão không biết chữ, mỗi lần con trai viết thư về lão lại phải nhờ ông giáo đọc hộ và cả đến khi muốn giữ mảnh vườn cũng lại nhờ ông giáo viết văn tự hộ.

- Sự túng quẫn ngày càng đe dọa lão nên sau trận ốm kéo dài, không có việc, rồi bão ập đến phá sạch hoa màu...không lấy tiền đâu để nuôi con Vàng nên lão đã phải dằn lòng quyết định bán cậu Vàng – kỉ vật mà đứa con trai lão để lại.

- Lão sống đã khổ chết cũng khổ.

(Hs lấy dẫn chứng phân tích, chứng minh)

*.2. *Lão Hạc là người nông dân giàu có ở tấm lòng yêu con, giàu đức hi sinh và lòng nhân hậu, trung thực, giàu lòng tự trọng.*

- Lão Hạc cả đời yêu con một cách thầm lặng, chẳng thể mà từ ngày vợ chết lão ở vậy nuôi con đến khi trưởng thành. Lão chắt chiu dè sẻn để có tiền lo cưới vợ cho con ấy vậy mà cả đời dành dụm cũng không đủ vì thế mà khi chứng kiến nỗi buồn nỗi đau của con lão luôn day dứt đau khổ. ***(HS lấy dẫn chứng chứng minh)***

- Yêu và thương con nên khi xa con tình yêu con của lão được thể hiện gián tiếp qua việc chăm sóc con chó- kỉ vật mà đưa con để lại. Lão vô cùng đau đớn dần vật khi bán con chó vàng. Qua đó thấy được tấm lòng nhân hậu của lão, trung thực, giàu lòng tự trọng. ***(HS lấy dẫn chứng chứng minh)***

- Thương con lão chọn cho mình một cách hi sinh, đặc biệt là hi sinh cả mạng sống của mình cho con. Mọi hành động của lão đều hướng về con. Lão chọn cái chết để giữ tài sản cho con để trọn đạo làm cha. Lão đã lựa chọn đạo lí: chết trong còn hơn sống đục. ***(HS lấy dẫn chứng chứng minh)***

- Qua cuộc đời khốn khổ và phẩm chất cao quý của lão Hạc nhà văn đã thể hiện tấm lòng yêu thương trân trọng đối với người nông dân.

***. Nghệ thuật**

- Truyện được kể ở ngôi thứ nhất người kể chuyện là ông Giáo làm câu chuyện dẫn dắt tự nhiên sinh động hấp dẫn

- Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật qua ngôn ngữ độc thoại nội tâm.

*** Đánh giá.**

- Nhận xét trên hoàn toàn xác đáng . Lão Hạc có thể xem là nhân vật đẹp nhất đời Nam Cao. Bởi lão còm cõi xơ xác chịu nhiều đau thương, bất hạnh nhưng chưa bao giờ vì hoàn cảnh mà tha hoá thay đổi bản chất tốt đẹp lương thiện của mình.. Nam Cao đã phản ánh số phận bi thảm của người nông dân, ca ngợi phẩm chất , trân trọng yêu thương và tố cáo xã hội gây ra những bất hạnh cho họ. lão hạc tiêu biểu cho ***“Người nông dân tuy nghèo khổ, lam lũ, ít học nhưng không ít tấm lòng”.***

c. Kết bài:

- Khẳng định và nâng cao vấn đề nghị luận.

ĐỀ SỐ 13:**I. ĐỌC- HIỂU (6,0 điểm):**

Đọc đoạn trích sau đây và thực hiện các yêu cầu:

*“Mảnh hồn làng trong em
Là bà
Là cha, là mẹ
Là ngọt bùi củ sắn, mớ khoai
Là mùi mồ hôi ngai ngái trên vai cha
Là hương sữa lúa đọng trên tà áo mẹ
Là làn da ngăm đen vì nắng gió miền Trung
Là tiếng đặc trưng “mô, tê, răng, rứa...”
Và con luôn thầm hứa
Mãi giữ mảnh hồn làng huyền bí trong tim”*

(“Mảnh hồn làng” – Thanh Hoa)

Câu 1 (1điểm): Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của đoạn trích?

Câu 2 (1điểm): Mảnh hồn làng trong con là những gì?

Câu 3 (2điểm): Phân tích tác dụng của những biện pháp tu từ nổi bật được sử dụng trong đoạn thơ?

Câu 4 (2điểm): Thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm trong câu thơ cuối là gì? Em hãy trình bày bằng một đoạn văn khoảng 7 dòng!

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (14,0 điểm)

Câu 1 (4,0 điểm): Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về câu nói: *“Người ta có nhiều nơi để đến nhưng chỉ có một chốn để quay về: gia đình”*

Câu 2 (10 điểm):

Trong bài viết đôi điều về truyện ngắn, nhà văn Nguyễn Minh Châu cho rằng: *Cuối cùng truyện ngắn cũng như tiểu thuyết, điều chính yếu là qua nhân vật*

mà người viết đàm luận với người đọc về vai trò và số phận con người sống giữa xã hội và cuộc đời.

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua văn bản *Lão Hạc* của Nam Cao (Ngữ văn 8, Tập 1), liên hệ với văn bản *Chiếc lá cuối cùng* của O. Hen-ri (Ngữ văn 8, tập 1) em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
I. ĐỌC HIỂU	
Câu 1:	0,5
- Thể thơ: Tự do	0,5
- Phương thức biểu đạt: Biểu cảm	
Câu 2:	
- Mảnh hồn làng trong con là: bà, mẹ, cha, củ sắn, mớ khoai, mồ hôi cha, hương sữa lúa...	0,5
- Đó là những gì thân quen, gần gũi với mỗi con người.	0,5
Câu 3:	
- Biện pháp tu từ nổi bật được sử dụng trong đoạn thơ:	
+ Điệp từ “là”.	0.25
+ So sánh: So sánh cái trừu tượng với cái cụ thể (Mảnh hồn làng với bà, cha, mẹ...)	0.25
+ Liệt kê các hình ảnh thân thuộc, gần gũi, thiêng liêng...	0.25
- Phân tích tác dụng cần hướng tới các ý sau:	
+ Việc kết hợp các biện pháp nghệ thuật trên trong một đoạn thơ thể hiện những rung cảm tinh tế, chân thành, mãnh liệt của tác giả khi nghĩ về “mảnh hồn làng”; về quê hương, xứ sở, là nơi chôn rau cắt rốn của mỗi con người.	0.75
+ Vừa mang ý nghĩa khẳng định bởi các điệp từ trùng điệp, các hình ảnh liệt kê, so sánh bình dị, thân quen, giúp mỗi người nhận ra rằng cái hồn vía riêng của mỗi làng quê chính là những điều bình dị, mến thương đang hiện hữu quanh ta.	0.5

<p>Câu 4: <i>Thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm qua câu thơ cuối:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết lưu giữ “<i>mảnh hồn làng huyền bí trong tim</i>” là biết nâng niu, trân trọng những người thân ruột thịt, những con người yêu thương, gần gũi, hiểu được cả nỗi nhọc nhằn, vất vả của cha mẹ. - “<i>Mảnh hồn làng</i>” là nơi chấp cánh để ta đi xa, giúp ta “<i>chân cứng đá mềm</i>” trong hành trình dài rộng của cuộc đời nhưng cũng là nơi vẫy gọi ta về. - “<i>Mãi giữ mảnh hồn làng huyền bí trong tim</i>” là tình yêu, sự gắn bó máu thịt với quê hương, xứ sở, mà nói rộng ra là tình yêu Tổ Quốc dạt dào. - Phê phán những kẻ “<i>lai căng</i>” học đòi, tiếp thu văn hóa, tiếp thu cái mới không chọn lọc trong cuộc sống hiện nay. 	<p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p>
<p>II. TẬP LÀM VĂN</p>	
<p>Câu 1: Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về câu nói: “<i>Người ta có nhiều nơi để đến nhưng chỉ có một chốn để quay về: gia đình</i>”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận: Có câu mở đoạn, các câu phát triển ý và câu kết đoạn. Đảm bảo số lượng chữ phù hợp với yêu cầu (khoảng 200 chữ), không quá dài hoặc quá ngắn. - Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: “Người ta có nhiều nơi để đến nhưng chỉ có một chốn để quay về: gia đình” - Triển khai vấn đề nghị luận thành một đoạn văn hoàn chỉnh, logic; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra được bài học cho bản thân. Đoạn văn tập trung vào các nội dung sau: 	<p>4,0</p>
<p>* Trong cuộc sống, con người ta có nhiều nơi để đến bởi mỗi người luôn được đặt trong nhiều mối quan hệ, nhiều công việc cần phải giải quyết; mỗi người cũng có những ước mơ, những dự định... họ đi nhiều nơi, khám phá nhiều điều, có trải nghiệm, nhiều niềm vui, niềm hạnh phúc và cả những nỗi buồn.</p> <p>* Người ta có nhiều nơi để đến nhưng chỉ có một chốn để quay về: gia đình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những nơi ta đến chủ yếu để giải quyết những yêu cầu của công việc, 	

<p>cuộc sống, ta không thể ở mãi nơi đó nhưng gia đình là nơi ta gắn bó cả cuộc đời mình, từ lúc sinh ra, lớn lên và trưởng thành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiều nơi ta đến nhưng không phải nơi nào cũng đem lại cho ta niềm vui mà ngược lại, nhiều nơi còn tạo cho ta áp lực nhưng gia đình luôn đón đợi ta sau những bộn bề của cuộc sống; trở về với mái ấm gia đình, ta sẽ tìm thấy sự bình yên, sự động viên, san sẻ của các thành viên trong gia đình. - Nhiều nơi ta đến có thể đem đến cho ta sự thành công và cả những thất bại nhưng gia đình sẽ xoa dịu tất cả, chia sẻ niềm vui, vơi bớt nỗi buồn. - Những nơi ta đến, những người ta gặp có thể đối xử với ta không thật lòng nhưng trong gia đình, ta luôn được đón nhận tình cảm yêu thương chân thành, đó là động lực, là điểm tựa tinh thần để ta qua khó khăn, đạt được ước mơ của mình. - Nhiều nơi ta đến sẽ có nhiều cám dỗ nhưng điểm tựa gia đình sẽ giúp ta vượt qua những cám dỗ đó để sống mạnh mẽ hơn, bản lĩnh hơn. <p>* Bài học nhận thức và hành động: Gia đình có một vị trí quan trọng trong cuộc đời mỗi con người nhưng không phải ai cũng hiểu được điều đó mà nhiều người vẫn muốn đi nhiều nơi và ngại trở về, chưa biết trân trọng hạnh phúc gia đình và tình cảm gia đình.</p> <p>* Liên hệ bản thân: Trân quý gia đình, có những việc làm cụ thể góp phần xây dựng gia đình hạnh phúc...</p>	
<p>Câu 2: Trong bài viết đôi điều về truyện ngắn, nhà văn Nguyễn Minh Châu cho rằng: <i>Cuối cùng truyện ngắn cũng như tiểu thuyết, điều chính yếu là qua nhân vật mà người viết đàm luận với người đọc về vai trò và số phận con người sống giữa xã hội và cuộc đời.</i></p> <p>Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua văn bản <i>Lão Hạc</i> của Nam Cao (Ngữ văn 8, Tập 1), liên hệ với văn bản <i>Chiếc lá cuối cùng</i> của O. Hen-ri (Ngữ văn 8, tập 1) em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.</p> <p>Yêu cầu về kĩ năng: Học sinh hiểu đúng yêu cầu của đề bài, có kĩ năng làm bài văn nghị luận văn học. Bố cục bài viết chặt chẽ, luận điểm, luận cứ rõ ràng; diễn đạt sáng rõ, lưu loát, có cảm xúc; không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ và đặt câu...</p>	10,0

Yêu cầu về kiến thức: HS có thể trình bày nhiều cách khác nhau, có thể có những cảm nhận riêng, miễn là phù hợp với yêu cầu của đề và cần đảm bảo những nội dung cơ bản sau:

1. Mở bài: Nêu vấn đề nghị luận, trích dẫn ý kiến, Giới hạn phạm vi dẫn chứng: hai văn bản *Lão Hạc* và *Chiếc lá cuối cùng*.

2. Thân bài:

a. Giải thích ý kiến:

- *Truyện ngắn* là thể loại tự sự cỡ nhỏ cũng giống như tiểu thuyết (thể loại tự sự cỡ lớn), truyện ngắn có khả năng đề cập, khái quát những vấn đề lớn của xã hội. Rõ ràng truyện ngắn có dung lượng nhỏ nhưng sức chứa lớn.

- *Nhân vật* là hình tượng nghệ thuật được nhà văn xây dựng để phản ánh hiện thực và bộc lộ tư tưởng.

- *Người viết đàm luận với người đọc về vai trò và số phận con người sống giữa xã hội và cuộc đời*: qua hình tượng nghệ thuật nhà văn thể hiện cái nhìn, thái độ, gửi gắm tư tưởng, quan niệm, triết lí về con người và xã hội.

=> Nguyễn Minh Châu khẳng định nhân vật có vai trò quan trọng bậc nhất trong việc thể hiện nội dung, tư tưởng, quan điểm và tiếng nói đối thoại của nhà văn, đặc biệt là ở thể loại truyện ngắn.

b. Chứng minh qua truyện ngắn “Lão Hạc”.

*** Truyện ngắn *Lão Hạc* viết về cảnh ngộ của người nông dân qua nhân vật Lão Hạc:**

- Hoàn cảnh sống:

+ Sống mòn mỏi cơ cực (dẫn chứng...)

+ Chết đau đớn, dữ dội, thê thảm (dẫn chứng...)

- Phẩm chất: sống lương thiện, trung thực, có nhân cách cao quý (dẫn chứng...).

-> Sự cảm thông, thấu hiểu với cảnh ngộ và phát hiện, ngợi ca những phẩm chất tốt đẹp của người nông dân.

*** Qua nhân vật ông giáo, Nam Cao thể hiện bi kịch của người trí thức nghèo và bộc lộ cái nhìn về con người, cuộc đời:**

- Ông giáo là người có nhiều chữ nghĩa có nhân cách đáng trọng ... nhưng

phải sống trong cảnh nghèo túng: bán những cuốn sách...

- Cái nhìn về con người, cuộc đời: tấm lòng thấu hiểu, đồng cảm, trân trọng đối với người trí thức nghèo.

=> **Lão Hạc là một truyện ngắn có ý nghĩa tư tưởng sâu sắc, rộng lớn.**

Với lão Hạc và ông giáo, Nam Cao đã thể hiện cái nhìn tinh tế và trái tim yêu thương trân trọng con người của mình.

c. Liên hệ với truyện ngắn “Chiếc lá cuối cùng”.

* Truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng* viết về số phận của những người họa sĩ nghèo: họ phải trải qua cuộc sống nhàm chán, u tối, những lo toan vật chất đã vắt kiệt sức sáng tạo nghệ thuật. Họ cần phải sống trước khi có thể vẽ -> đó là quy luật nghiệt ngã.

*** Những con người nghèo khổ, song lại có tâm hồn đẹp tựa như viên ngọc trai bất chấp cái xấu xa của cuộc đời.**

=> Nói về cái chết nhưng lại khơi gợi sự sống, nói về những điều giản dị, nhẹ nhàng nhưng lại gợi về sự hi sinh cao cả. *Chiếc lá cuối cùng* là bản giao hưởng được dệt nên bởi niềm tin, khát vọng và tình người. Đó chính là thông điệp mà nhà văn muốn gửi tới người đọc.

d. Đánh giá chung

- Hai tác phẩm đều khắc họa những số phận bi kịch...-> giá trị hiện thực sâu sắc. Các nhà văn đồng cảm, chia sẻ, cất tiếng nói đòi quyền sống cho con người với tinh thần nhân đạo cao cả....truyền cho chúng ta sự cảm thông trân trọng...

- Tuy vậy, mỗi nhà văn có cách nhìn riêng: Nam Cao băn khoăn trăn trở về số phận của người nông dân, người trí thức nghèo trước cách mạng. O. Hen-ri lại băn khoăn trăn trở về số phận của những người họa sĩ nghèo.

3. Kết bài:

- Khẳng định lại vấn đề...

- Liên hệ...

ĐỀ SỐ 14:

I. Đọc - Hiểu (6.0 điểm):

Đọc phần trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“Tuổi thiếu niên là tuổi của ước mơ và hoài bão. Nó gắn liền với khát vọng chinh phục thử thách và giải được mật mã cuộc đời. Khát vọng luôn xanh và cuộc sống luôn đẹp, nhưng trong một thời khắc nào đó, có thể nhiều bạn trẻ đã thấy cuộc đời như một mớ bòng bong của những điều bỡ ngỡ với bao trăn trở không dễ tỏ bày. Đi qua tuổi thơ, cuộc đời mở ra trước mắt bạn một hành trình dài, nhiều hoa hồng nhưng cũng không ít chông gai. Cuộc sống, với tất cả sự khắc nghiệt vốn có của nó sẽ khiến cho bước chân bạn nhiều lần rớm máu. Và những giọt máu đó, hoặc sẽ thấm xuống con đường bạn đang đi và lưu lại đó dấu son của một vị anh hùng, hoặc sẽ trở thành dấu chấm hết cho những khát vọng đoản mệnh của một kẻ nhụt tâm, chùn bước. Nhưng dù thế nào đi chăng nữa, bạn hãy nhớ rằng: để trưởng thành, những thử thách và thất bại bao giờ cũng là điều cần thiết”.

(Theo Hạt giống tâm hồn dành cho tuổi teen, tập 2, NXB Tổng hợp TP HCM, 2012)

Câu 1. (0.5 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên?

Câu 2. (1.5 điểm): Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu: “Đi qua tuổi thơ, cuộc đời mở ra trước mắt bạn một hành trình dài, nhiều hoa hồng nhưng cũng không ít chông gai”.

Câu 3. (2.0 điểm): Tại sao có thể nói: “Cuộc sống, với tất cả sự khắc nghiệt vốn có của nó sẽ khiến cho bước chân bạn nhiều lần rớm máu”.

Câu 4. (2.0 điểm): Thông điệp mà em rút ra từ câu nói: “Và những giọt máu đó, hoặc sẽ thấm xuống con đường bạn đang đi và lưu lại đó dấu son của một vị anh hùng, hoặc sẽ trở thành dấu chấm hết cho những khát vọng đoản mệnh của một kẻ nhụt tâm, chùn bước”?

II: Làm văn (14.0 điểm)

Câu 1. (4.0 điểm):

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về câu nói trong phần đọc - hiểu: “Để trưởng thành, những thử thách và thất bại bao giờ cũng là điều cần thiết”.

Câu 2. (10 điểm):

Bàn về truyện ngắn, Nguyễn Minh Châu cho rằng: “*Dựng được một tình huống đặc sắc là vấn đề sống còn với người viết truyện ngắn*”.

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua truyện ngắn “Lão Hạc” của Nam Cao (Ngữ văn 8- tập 1), có liên hệ với truyện “Chiếc lá cuối cùng” của O Hen-ri (Ngữ văn 8- tập 1).

ĐÁP ÁN

<p>I: Đọc - hiểu (6.0 điểm):</p> <p>1. PTB Đ chính : Nghị luận</p>	0,5
<p>2. Câu văn: “ <i>Đi qua tuổi thơ, cuộc đời mở ra trước mắt bạn một hành trình dài, nhiều hoa hồng nhưng cũng không ít chông gai</i>”.</p> <p>- Biện pháp tu từ : Ẩn dụ :“ Đi qua” (sống , trải qua) ; “Hoa hồng” (niềm vui, niềm hạnh phúc, thuận lợi ,thành công...); Chông gai: (nỗi buồn, khó khăn, thất bại ...)</p> <p>-Tác dụng: Ẩn dụ giúp cho sự diễn đạt giàu hình ảnh, gợi cảm. Mượn hình ảnh cụ thể để diễn tả về giá trị cuộc đời: Để có được niềm vui , niềm hạnh phúc thành công trong tương lai, chúng ta phải trải qua, phải đối mặt với nhiều khó khăn thử thách...</p>	0,5
<p>3. Có thể nói: <i>Cuộc sống, với tất cả sự khắc nghiệt vốn có của nó sẽ khiến cho bước chân bạn nhiều lần rớm máu.</i></p> <p>- Bởi vì: <i>Cuộc sống luôn phong phú và đa dạng,vì vậy bản thân nó luôn chứa đựng những khó khăn ,thử thách .</i> Vượt qua được những thử thách đó chúng ta phải chấp nhận đau đớn,thậm chí phải trả giá bằng nhiều thứ, không phải chỉ một lần mà là nhiều lần. Mỗi lần như thế sẽ giúp ta trưởng thành hơn trong cuộc đời.</p> <p>- Điều quan trọng là mỗi người cần phải có dũng khí để đương đầu với nghịch cảnh, khó khăn và biết đứng lên sau vấp ngã.</p>	1,0
<p>4. Thể thức : viết đúng quy ước của đoạn văn</p> <p>- Nội dung: HS có thể viết theo gợi ý sau:</p> <p>+ Khó khăn thử thách là môi trường để con người rèn luyện ý chí và nghị</p>	2,0

<p>lực.</p> <p>+ Sự nỗ lực, cố gắng, sự trải nghiệm của bản thân mỗi người sẽ đem đến thành công, vinh quang cho bạn và ngược lại : nếu nhụt tâm, chùn bước bạn sẽ chỉ nhận thất bại...</p>	
<p>II: Làm văn (14.0 điểm)</p> <p>Câu 1. Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của em về câu nói trong phần đọc - hiểu: “Để trưởng thành, những thử thách và thất bại bao giờ cũng là điều cần thiết”.</p> <p>- Xác định đúng vấn đề nghị luận: Đảm bảo thể thức của một đoạn văn. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn; Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.</p> <p>- Có thể viết đoạn văn theo hướng sau :</p> <p>* Giải thích:</p> <p>- Thử thách là những yếu tố gây khó khăn, cản trở đến việc thực hiện một công việc , một kế hoạch, mục tiêu ...nào đó buộc con người phải vượt qua.</p> <p>- Thất bại là trạng thái không đáp ứng được mục tiêu, mong muốn hoặc dự định. Thất bại có thể để lại hậu quả không mong muốn, gây thiệt hại về vật chất và tinh thần từ nhỏ đến lớn.</p> <p>=> Trong cuộc sống , thử thách và thất bại luôn tồn tại như một quy luật tất yếu trong sự vận động và phát triển của mỗi cá nhân cũng như toàn xã hội .</p> <p>* Bàn luận vấn đề:</p> <p>- Con người luôn phải đối diện với những thử thách, thất bại trong cuộc sống, lao động , học tập và trong cả những mối quan hệ xã hội . Không có ai sống mà không phải đối diện với khó khăn, thử thách và không từng nếm trải một lần thất bại trong cuộc đời</p> <p>- Những thử thách, thất bại có thể do khách quan hoặc chủ quan đem lại, có thể hữu hình, cũng có thể vô hình. Thử thách và thất bại có mặt ở khắp mọi mặt đời sống, tồn tại dưới mọi hình thức</p>	<p>4,0</p>

<p>- Con người cần phải có những khó khăn, thử thách , thất bại để phát triển. Đây cũng là động lực để con người phấn đấu vươn lên trong cuộc sống. Chỉ có dũng cảm đương đầu với thách thức, thất bại, mới có thể có cơ hội tồn tại ,phát triển và thành công.</p> <p>(dẫn chứng)</p> <p>* Mở rộng:</p> <p>- Trong thực tế vẫn tồn tại số ít những con người đã đầu hàng trước thử thách (dù là thử thách nhỏ) và chấp nhận thất bại. Thậm chí còn ảnh hưởng xấu đến cộng đồng, xã hội.</p> <p>* Bài học nhận thức và hành động.</p> <p>- Thử thách, thất bại luôn là môi trường để rèn luyện con người. tuổi trẻ cần học tập, rèn luyện để vượt qua thử thách, không run sợ trước thất bại để vươn lên.</p>	
<p>Câu 2.</p> <p>Bàn về truyện ngắn, Nguyễn Minh Châu cho rằng: “<i>Dựng được một tình huống đặc sắc là vấn đề sống còn với người viết truyện ngắn</i>”.</p> <p>Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua truyện ngắn “Lão Hạc” của Nam Cao (Ngữ văn 8- tập 1), có liên hệ với truyện “Chiếc lá cuối cùng” của O Hen-ri (Ngữ văn 8- tập 1).</p> <p>. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận có đầy đủ 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu về vấn đề nghị luận; Thân bài triển khai các luận điểm làm rõ được nhận định; Kết bài khái quát được nội dung nghị luận.</p> <p>. Xác định đúng vấn đề nghị luận: <i>Triển khai vấn đề thành các luận điểm</i>, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng các thao tác lập luận, có sự kết hợp giữa các lí lẽ và dẫn chứng.</p> <p>Thí sinh có thể giải quyết vấn đề theo các hướng sau:</p> <p>a. Mở bài:</p> <p>- Giới thiệu vấn đề nghị luận.</p> <p>- Trích dẫn ý kiến.</p> <p>b. Thân bài:</p>	<p>10,0</p>

***. Giải thích ý kiến: “*Dựng được một tình huống đặc sắc là vấn đề sống còn với người viết truyện ngắn*”.**

- Tình huống truyện là sự kiện đặc biệt của đời sống được nhà văn xây dựng theo lối “lạ hóa”, là hoàn cảnh có vấn đề mà nhà văn đặt nhân vật vào để nhân vật được thử thách và bộc lộ tính cách, số phận...

- Vấn đề sống còn : là vấn đề có ý nghĩa quan trọng, cốt tử, quyết định nên sự thành công của truyện ngắn.

=>Đây là nhận định đúng đắn, sâu sắc, đặt ra yêu cầu tất yếu đối với một tác phẩm có giá trị và sức sống lâu dài. Giá trị và sức sống ấy chỉ có được khi tác phẩm có chất lượng nghệ thuật cao, đặc biệt là nghệ thuật xây dựng tình huống .

***.Lí giải quan điểm của NMC:**

- Tại sao NMC lại cho rằng: “*Dựng được một tình huống đặc sắc là vấn đề sống còn với người viết truyện ngắn*”.

Vì :

- Tình huống truyện là sự việc xảy ra trong bối cảnh đặc biệt; tình huống là "thứ nước rửa ảnh diệu kì" mà nhờ đó nhân vật nổi hình, nổi sắc, tư tưởng và tài năng của nhà văn được bộc lộ một cách rõ nét;

- Xây dựng được một tình huống truyện độc đáo là vấn đề sống còn của truyện ngắn, là chiếc chìa khoá để có thể mở được cánh cửa đi vào khám phá giá trị của một tác phẩm văn chương.

- Điều này đòi hỏi nhà văn phải có tài năng khám phá , phát hiện những khía cạnh nghịch lý của đời sống, có vốn sống, sự trải nghiệm sâu sắc để sáng tạo được những tình huống truyện độc đáo, hấp dẫn.

***. Chứng minh qua các tác phẩm:**

Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, song cần bám sát định hướng của đề, cần đạt được những yêu cầu cơ bản sau:

*** Truyện ngắn “ Lão Hạc” .**

. Giới thiệu tác giả Nam Cao.

- Giới thiệu truyện ngắn LH, nêu ý kiến của MNC.

. Chứng minh ý kiến:

- Truyện Lão Hạc của Nam Cao đã thực sự thành công khi nhà văn xây

dựng được các tình huống có giá trị:

+ Tình huống 1: Cuộc trò chuyện giữa ông giáo và lão Hạc về chuyện bán con chó Vàng :

- Phân tích, lí giải giá trị của tình huống (có dẫn chứng cụ thể)

Gợi ý :

***. 1. Tình huống 1: Nam Cao xây dựng một tình huống truyện bình thường (Ai nuôi chó mà chả giết thịt hay bán đi) nhưng làm nổi bật một nhân cách phi thường**

- Lão Hạc nhà nghèo, vợ chết ,con trai bỏ đi; sống tuổi già cô đơn cô cút, bệnh tật, lay lắt qua ngày...

- Lão nuôi con chó vàng để bầu bạn sớm tối (cho nó ăn trong bát..., tắm cho nó, trò chuyện, tâm sự ,mắng yêu....)

- Nhiều lần lão nói chuyện : Sẽ bán cậu Vàng với ông giáo, vì lão “ không nuôi nổi”, vì “ Cả tôi và cậu Vàng ngày ăn hết ba hào gạomà vẫn đói deo đói dặt...”

- Phải dứt ruột bán đi cậu Vàng, lão Hạc đau đớn, khổ tâm, dằn vặt, ân hận, tự trách móc bản thân: “ tôi già bằng ngần này tuổi còn đi lừa một con chó”

- Bán xong cậu Vàng, lão Hạc lấy tiền gửi ông giáo để lo hậu sự cho mình. Từ đó lão sống vật vờ, qua ngày và rơi vào bế tắc cùng quẫn...

=> Qua đó khái quát được ý: Lão Hạc, một người nông dân hiền lành, nhân hậu, tốt bụng, có lòng tự trọng. Cuộc đời dù gặp nhiều đau khổ ,bất hạnh nhưng nhân cách vẫn cao đẹp, đáng nể phục.

***.2.Tình huống 2: Lão Hạc xin bả chó và cái chết đầy bất ngờ, dữ dội.**

- Phân tích, lí giải giá trị của tình huống (có dẫn chứng cụ thể)

*** gợi ý:**

Nam Cao xây dựng một tình huống truyện bất thường (lão Hạc tự đánh bả chính mình) nhưng làm nổi bật một khát vọng phi thường. (quan niệm sống tự trọng, đói cho sạch, rách cho thơm ở lão Hạc).

- Lão Hạc nói dối Binh Tư xin bả để đánh bẫy con chó lạ , nhưng thực chất là lão “ đánh bẫy” chính mình. => Chi tiết lão Hạc xin Binh Tư ít bả chó đã khiến câu chuyện trở nên gay cấn, gợi sự tò mò cho người đọc và

sự hiểu nhầm nơi ông giáo.

- Lão Hạc chết một cách bất thường : Vật vã, đau đớn, khổ sở
(dẫn chứng) suốt hai giờ đồng hồ rồi mới nhắm mắt.

- Cái chết dữ dội, tủi nhục nhưng là sự giải thoát cho lão Hạc và có giá trị tố cáo hiện thực xã hội sâu sắc.

=> Qua đó khái quát được ý: Nhà văn Nam Cao đã đặt nhân vật vào những hoàn cảnh éo le nhằm giúp nhân vật tự bộc lộ tính cách bản thân. Cũng như làm nổi bật chủ đề của tác phẩm : Phản ánh hiện thực xã hội PK đen tối, bất công; Cảm thông sâu sắc với số phận bất hạnh của người nông dân trong xã hội cũ.

*** Liên hệ với truyện ngắn : Chiếc lá cuối cùng**

- Nhà văn O Hen-ri đã rất khéo léo khi xây dựng nghệ thuật đảo ngược tình huống hai lần.

+ Lần đảo ngược thứ nhất: Giôn-xi bị bệnh hiểm nghèo, cô tuyệt vọng nằm chờ cái chết , bỗng khỏe lại, yêu đời và chiến thắng bệnh tật.

+ Lần đảo ngược thứ hai: cụ Bơ-men từ một người khỏe mạnh đến cuối truyện mắc bệnh và qua đời.

=> Một con người đi từ sự sống đến cái chết, một con người người từ cái chết tìm lại sự sống.

HS : Lí giải giá trị của tình huống nêu trên trong việc làm nổi bật nhân vật và chủ đề tư tưởng của t/p (có dẫn chứng cụ thể ,phù hợp)

***. Đánh giá nét sáng tạo riêng trong việc xây dựng tình huống truyện của cả hai tác giả:**

- Vốn sống,vốn trải nghiệm của mỗi nhà văn:

+ Nam Cao am hiểu sâu sắc cuộc sống và tâm lí người nông dân , chọn được những tình huống độc đáo góp phần làm nổi bật số phận nhân vật và chủ đề tác phẩm.

+ Ô - Hen ri cảm thông sâu sắc trước cảnh ngộ éo le của hai cô họa sĩ nghèo, Đặt nhân vật vào tình huống gay cấn , làm nổi bật cảnh ngộ, tính cách nhân vật và chủ đề của tác phẩm.....

***. Bàn luận, khái quát vấn đề:**

Khẳng định giá trị, vẻ đẹp, sức sống của thể loại truyện ngắn.

- Truyện ngắn rất quan trọng tình huống. "Tình huống truyện như một lát cắt trên thân cây cổ thụ mà qua từng đường vân thớ gỗ, ta có thể thấy được trăm năm của một đời thảo mộc".

- Đối với người sáng tác: Phải có hiểu biết sâu sắc về đặc trưng thể loại, lao động nghệ thuật sáng tạo, đặc biệt chú trọng cách dựng tình huống truyện độc đáo để tác phẩm có ý nghĩa và sức sống lâu dài, vượt tầm thời đại.

- Đối với người đọc: trân trọng giá trị của những tác phẩm truyện ngắn; Cảm nhận về truyện qua phân tích tình huống truyện là một con đường tiếp cận tác phẩm đúng đắn.

c. Kết bài:

- Khẳng định ý kiến.

- Liên hệ mở rộng.

ĐỀ SỐ 15:**Câu 1 (8,0 điểm):****TIẾNG THÌ THẦM CỦA SA MẠC**

Một nhà thám hiểm đi tới vùng sa mạc, nhìn hết hướng này sang hướng khác nơi đâu cũng thấy toàn cát và cát, cát và gió, cát và nắng cháy. Lê gót trong tuyết vọng ông vấp ngã và nằm vùi trong cát. Không còn đủ sức đứng lên, không còn chút hi vọng sống. Áp tai vào cát ông cảm nhận sự tĩnh lặng đáng sợ của sa mạc. Nhưng trong tĩnh lặng tuyệt đối ông bỗng nghe như có tiếng thì thầm từ đâu vang lại- hình như tiếng róc rách của một dòng suối.

Ông cố gắng vươn dậy, trườn về phía những âm thanh mơ hồ đó. Và ông đã vượt qua sa mạc. Kì diệu hơn ông bắt gặp dòng suối trong mát! Sự sống đã hồi sinh!

(Những câu chuyện về lẽ sống - internet)

Viết một bài luận về bài học cuộc sống mà em rút ra từ câu chuyện trên.

Câu 2 (12,0 điểm):

Phân tích giá trị nhân đạo trong ngòi bút Nam Cao được thể hiện qua truyện ngắn *Lão Hạc*.

..... **HẾT**

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
<p>Câu 1: Viết một bài luận về bài học cuộc sống mà em rút ra từ câu chuyện <i>Tiếng thì thầm của sa mạc</i>.</p> <p>.Yêu cầu về kĩ năng: Thí sinh biết viết bài văn nghị luận xã hội; kết cấu chặt chẽ, diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ và ngữ pháp.</p> <p>. Yêu cầu về kiến thức: Bài viết cần đảm bảo được những kiến thức cơ bản sau:</p>	8,0
<p>a. Mở bài :</p> <p>- Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận: sức mạnh hay sự kì diệu của ước mơ, hi vọng trong cuộc sống.</p> <p>b. Thân bài :</p> <p>* Giải thích:</p> <p>-Tiếng thì thầm của sa mạc là câu chuyện về sức mạnh hay sự kì diệu của ước mơ, hi vọng.</p> <p>-Ước mơ, hi vọng là thứ ánh sáng trong tâm hồn được thắp lên trong những hoàn cảnh ngặt nghèo, khó khăn của cuộc sống và trở thành động lực, tạo nên sức mạnh tinh thần giúp con người vượt qua thử thách.</p> <p>* Bình luận – Bàn luận, mở rộng vấn đề:</p> <p>- Hi vọng điều tốt đẹp sẽ đến là biểu hiện của niềm lạc quan, yêu sống. Khi đó điều hi vọng chính là mục tiêu vươn tới của con người...</p> <p>- Ước mơ hi vọng tạo nên động lực, thôi thúc con người hành động, khơi thức lên trong tâm hồn ý chí và nghị lực, tạo nên nguồn sức mạnh phi</p>	

<p>thường để vượt qua tất cả những trở ngại trong cuộc sống.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cuộc sống không nên thiếu mơ ước, hi vọng nhưng không phải niềm hi vọng nào cũng mang ý nghĩa nhân sinh tích cực. Có những hi vọng hão huyền.... không bao giờ trở thành hiện thực, cần phê phán. -Lại cũng có những con người luôn nản chí trước khó khăn, nhìn cuộc đời bằng cái nhìn chán nản, chẳng bao giờ biết mơ ước, hi vọng=> cuộc sống sẽ u buồn và khó thành công... <p><i>(Học sinh cần dùng lí lẽ và dẫn chứng làm sáng rõ những ý trên)</i></p> <p>* Bài học nhận thức và hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luôn lạc quan trước cuộc sống. Trong bất kì hoàn cảnh nào cũng phải biết tự thấp lên ánh sáng của ước mơ, hi vọng. - Mơ ước phải phù hợp với hoàn cảnh thực tế, với năng lực bản thân.... và điều mơ ước phải gắn liền với những giá trị CHÂN, THIỀN, MỸ của cuộc sống. <p>c. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định ý nghĩa của câu chuyện. - Liên hệ mở rộng. 	
<p>Câu 2: Phân tích giá trị nhân đạo trong ngòi bút Nam Cao được thể hiện qua truyện ngắn <i>Lão Hạc</i>.</p> <p>Yêu cầu kĩ năng: HS có kĩ năng viết bài nghị luận về 1 vấn đề văn học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết xác định đúng vấn đề nghị luận: trị nhân đạo trong ngòi bút Nam Cao được thể hiện qua truyện ngắn <i>Lão Hạc</i>. - Có bố cục mạch lạc, chặt chẽ, luận điểm đúng đắn, sáng tỏ, luận cứ xác đáng, thuyết phục, diễn đạt tốt, có cảm xúc, không hoặc mắc rất ít lỗi chính tả, lỗi dùng từ và ngữ pháp, chữ viết cẩn thận... <p>Yêu cầu kiến thức:</p>	<p>12,0</p>

a. Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận:

Nam Cao, Lão Hạc và giá trị nhân đạo trong ngòi bút Nam Cao...

b. Thân bài:*** Giải thích:**

- Giá trị nhân đạo trong tác phẩm văn học hiểu một cách khái quát nhất là lòng yêu thương con người.

- Giá trị nhân đạo thường được thể hiện ở việc khẳng định, trân trọng, đề cao vẻ đẹp, vẻ sáng của con người; Sự đồng cảm, sẻ chia với những khổ đau, bi kịch và tiếng nói lên án, tố cáo những thế lực tàn bạo, xấu xa hay những bất công, ngang trái...

*** Giá trị nhân đạo trong ngòi bút Nam Cao được thể hiện qua truyện ngắn Lão Hạc.**

- *Thấu hiểu, thương cảm với cuộc sống đói khổ, bế tắc, khốn cùng của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng.*

+ Phân tích cuộc sống khốn khó của lão Hạc (vợ mất sớm, do không đủ tiền cưới vợ nên đưa con trai duy nhất bỏ đi đồn điền cao su, lão sống những tháng ngày cô đơn, mỏi mòn, đói nghèo, khốn khó, nhiều dằn vặt, giằng xé...cuối cùng phải tìm đến cái chết đau đớn và dữ dội...)

+ Mỗi trang văn thấm đẫm niềm thương cảm, sự xót thương với 1 kiếp người khốn cùng trong đói nghèo, bế tắc.

-*Khẳng định, trân trọng, đề cao vẻ đẹp, vẻ sáng của con người đặc biệt là người nông dân.*

+ Phân tích những phẩm chất tốt đẹp của Lão Hạc (Cần cù, chịu khó; thật thà, đôn hậu, lương thiện; hết lòng yêu thương con, giàu lòng tự trọng và nhân cách cao đẹp...).

+ Phân tích những nét đẹp của nhân vật ông Giáo (hiểu biết, sâu sắc, nhân hậu, thấu hiểu và trân trọng vẻ đẹp của con người...)

-*Gián tiếp lên án xã hội thực dân, phong kiến đương thời thiếu quan tâm, chăm lo đến đời sống người dân, đẩy họ vào cuộc sống đói nghèo, cơ cực,*

bế tắc...

+ Phân tích nguyên nhân sâu xa dẫn đến cuộc sống đói nghèo, cơ cực của lão Hạc và những người nông dân, chính cuộc sống khốn khó đã dồn đẩy họ vào con đường lưu manh (Binh Tư), vào sự ích kỉ, lạnh lùng (vợ ông giáo), vào cái chết (lão Hạc)...

***Đánh giá:**

- Truyện ngắn Lão Hạc đã thể hiện sâu sắc được giá trị nhân đạo trong ngòi bút Nam Cao. Bạn đọc tìm thấy trong mỗi trang truyện tấm lòng tha thiết của nhà văn trong tiếng nói yêu thương con người, vì con người.

- Giá trị nhân đạo là nội dung bao trùm trong hầu hết các sáng tác của Nam Cao. Điều này đã đưa ông trở thành một trong những cây bút xuất sắc nhất trong nền văn xuôi hiện đại Việt Nam...

c. Kết bài:

- Khái quát lại Giá trị nhân đạo trong ngòi bút Nam Cao được thể hiện qua truyện ngắn Lão Hạc.

- Suy nghĩ, đánh giá, liên hệ... - *Nếu thí sinh có những suy nghĩ riêng, hoặc trình bày theo cách khác mà hợp lí vẫn được chấp nhận.*

ĐỀ SỐ 16:

Câu 1 (8,0 điểm): Phát biểu suy nghĩ của em về câu nói "Bàn tay tặng hoa hồng bao giờ cũng phải phát hương thơm".

Câu 2(12.0 điểm):

"Mỗi tác phẩm văn học là một bức thông điệp của người nghệ sĩ gửi đến cho bạn đọc".

Em hiểu nhận định trên như thế nào?

Dựa vào những hiểu biết của em về truyện ngắn Lão Hạc của nhà văn Nam Cao, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
----------	------

Câu 1: Phát biểu suy nghĩ của em về câu nói "Bàn tay tặng hoa hồng bao giờ cũng phảng phất hương thơm".

Yêu cầu

Học sinh có thể trình bày theo những cách cảm nhận khác nhau, nhưng bài làm cần đạt được các ý cơ bản sau:

*** Về kỹ năng:**

- Có bố cục rõ ràng, tổ chức thành văn bản khá hoàn chỉnh.
- Diễn đạt rõ ràng, trong sáng, văn viết có cảm xúc.
- Không có lỗi về chính tả, dùng từ, đặt câu.

*** Về kiến thức:**

a. Mở bài

- Trong xã hội hiện đại, con người ngày càng thờ ơ với nhau, việc cho đi nhận lại trở nên xa xỉ hơn.
- Có một câu châm ngôn mà tôi thường vẫn rất tâm đắc: "**Bàn tay tặng hoa hồng bao giờ cũng phảng phất hương thơm**", mang một tầng nghĩa ẩn dụ rất sâu sắc về việc cho đi mà chưa cần hồi đáp.

b. Thân bài

*** Ý nghĩa câu châm ngôn:**

- Hoa hồng: Tượng trưng cho những gì tốt đẹp, trân quý, hạnh phúc nhất trong cuộc sống mà con người dành tặng cho nhau
- Bàn tay trao hoa hồng là một hình ảnh ẩn dụ về hành động cho đi những điều tốt đẹp nhất trong cuộc sống mà xuất phát là từ tấm lòng con người chân thành đối xử với nhau.
- Đơn thuần chỉ là cho đi, trao tặng niềm vui, niềm hạnh phúc cho người khác mà chưa cần đến sự hồi đáp, sự cho đi xuất phát từ lòng yêu thương, lòng nhân hậu, lòng yêu thương giữa người với người.
- Cái bạn nhận được là hương thơm - chính là niềm hạnh phúc từ tâm hồn bạn, đồng thời cũng là lòng biết ơn từ người được nhận.

*** Ý nghĩa của việc cho đi trong cuộc sống:**

<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi một con người là một cá thể độc lập, có tâm hồn, có suy nghĩ có tâm tư khác biệt làm nên sự đa dạng trong quần thể xã hội. Tuy nhiên, con người không thể sống tách biệt với thế giới bên ngoài mà phải tìm cách hòa nhập, chung sống hòa bình với những cá thể khác để cùng tồn tại và phát triển. - Việc cho đi là một trong những phương pháp hữu hiệu giúp con người gây dựng khối đoàn kết trong xã hội, bởi đơn thuần việc cho đi không chỉ giúp nuôi dưỡng tâm hồn, tạo niềm vui niềm hạnh phúc mà nó còn là một trong những cách hay và tinh tế gắn kết con người với nhau bằng tình cảm, bằng tấm lòng chân thành. - Những con người với tấm lòng ích kỷ, chỉ thích nhận nhưng lại ki bo chẳng muốn bỏ ra bất cứ một thứ gì thì sẽ khó có thể tồn tại lâu trong xã hội, nếu có cũng là một cá thể yếu đuối tách biệt, bị xã hội cô lập mà thôi. - Việc cho đi nuôi dưỡng tâm hồn, giúp con người trở nên hạnh phúc, thấy cuộc sống có ý nghĩa vì được cống hiến cho cuộc đời một phần công sức nhỏ nhoi. - Việc cho đi phải xuất phát từ lòng chân thành, không vụ lợi, là hoàn toàn tự nguyện thể thì mới thực sự có ý nghĩa. <p>c. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi chúng ta hãy cố gắng vun trồng cho mình một khóm hồng thật đẹp, thật thơm và cũng đừng ngại ngần ngắt những bông hoa ấy đem trao tặng cho những người xứng đáng. - Nhiệm vụ của hoa là tô điểm cho cuộc sống thêm màu sắc, nhiệm vụ của chúng ta là đưa những đóa hoa tươi đẹp ấy đến từng đôi tay đang mở rộng chào đón, đừng tiếc công vun trồng bạn nhé! 	
<p>Câu 2:</p> <p><i>"Mỗi tác phẩm văn học là một bức thông điệp của người nghệ sỹ gửi đến cho bạn đọc".</i></p> <p>Em hiểu nhận định trên như thế nào?</p> <p>Dựa vào những hiểu biết của em về truyện ngắn Lão Hạc của nhà văn Nam Cao, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.</p>	12,0

Yêu cầu chung:

. **Về kỹ năng:** Học sinh biết cách vận dụng kiến thức văn chương để làm bài văn nghị luận giải thích, chứng minh một nhận định về văn học; biết lựa chọn và phân tích những dẫn chứng tiêu biểu trong tác phẩm truyện để làm sáng tỏ nhận định. Bài viết có bố cục mạch lạc, diễn đạt lưu loát, có hình ảnh.

. **Về kiến thức:** Làm rõ nhận định: Lời gửi của tác giả đến với bạn đọc qua tác phẩm của mình. Cảm nhận cụ thể ý nghĩa của truyện ngắn Lão Hạc qua lời gửi của nhà văn Nam Cao.

Yêu cầu cụ thể:**a. Mở bài**

- Giới thiệu khái quát vấn đề cần nghị luận, trích dẫn nhận định.

b. Thân bài*** Giải thích ý kiến:**

- Khái niệm tác phẩm văn học: Là con đẻ tinh thần của nhà văn, nói cách khác nhà văn là người sáng tạo ra tác phẩm văn học.

- Nhà văn lấy chất liệu từ hiện thực cuộc sống, bằng tài năng sáng tác văn chương mà phản ánh cuộc sống đó trong tác phẩm của mình.

- Bức thông điệp nhà văn gửi đến cho bạn đọc: Nhưng sự phản ánh không phải là chụp ảnh, đồ lại hiện thực, đó là quá trình phản ánh có chọn lọc, có cảm xúc, suy ngẫm. Thông qua bức tranh về hiện thực cuộc sống được phản ánh trong tác phẩm, nhà văn thể hiện một cách nhìn một cách nghĩ, một lời nhắn nhủ đến cho bạn đọc.

→ Vì vậy ý kiến cho rằng mỗi tác phẩm văn học là bức thông điệp mà người nghệ sĩ gửi cho bạn đọc là đúng, thể hiện sự am hiểu sâu sắc về mối quan hệ giữa tác phẩm với bạn đọc.

*** Phân tích chứng minh bức thông điệp mà nhà văn Nam Cao gửi đến cho bạn đọc qua truyện ngắn Lão Hạc:**

- Giới thiệu khái quát về truyện ngắn: Là tác phẩm xuất sắc viết về tài người nông dân trước cách mạng. Nhân vật chính của truyện là lão Hạc, một người nông dân phải chịu nhiều thiếu thốn, khổ đau về cả vật chất lẫn tinh thần nhưng lại là con người có vẻ đẹp phẩm chất tâm hồn cao quý, đáng trọng.

*** Cuộc sống nghèo khổ, xót thương của Lão Hạc:**

- Tài sản: ba sào ruộng, một con chó, một túp lều nhỏ
- Cảnh ngộ: cô độc, vợ mất sớm, ở với cậu con trai, con trai bỏ nhà đi, sống một mình thui thủi với con chó.
- Tai họa ập đến:
 - + Trận đau kéo dài => sức khỏe yếu => thất nghiệp
 - + Bão phá hoại mảnh vườn tan hoang => không biết bám víu vào đâu.
 - + Bán cậu Vàng vì không có cái cho nó ăn-> cô đơn
 - + Ăn củ ráy, củ chuối qua ngày-> tự tử bằng bã chó.

*** Tính cách Lão Hạc:**

- Là người cha tốt và có trách nhiệm:
 - + Giữ lại ba sào vườn cho con
 - + Thương con, lo cho con
 - + Dù nghèo đói nhưng không bao giờ đụng đến phần tiền để dành cho con.
 - Là người hàng xóm tình nghĩa và giàu tự trọng:
 - Luôn từ chối sự giúp đỡ của ông Giáo
 - Là người chủ tốt bụng, nhân hậu:
 - + Đối với cậu Vàng yêu thương hết mực, xem như là bạn
 - + Khi bán đi: dẫn vật, đau khổ
- => Lão Hạc là người nghèo khổ nhưng chứa đựng những phẩm chất tốt đẹp, tiêu biểu cho người nông dân Việt Nam.

*** Nhận xét:**

- Qua truyện ngắn Lão Hạc nhà văn Nam Cao **muốn giúp chúng ta hiểu được tình cảnh khốn cùng và nhân cách cao quý của nhân vật Lão Hạc**, qua đó hiểu thêm về số phận đáng thương và vẻ đẹp tâm hồn đáng trọng của người nông dân Việt nam trước cách mạng tháng tám (D/c).
- **Nhà văn cũng muốn nhắc nhở chúng ta một thái độ sống một cách ứng xử mang tinh thần nhân đạo:** Cần phải quan sát, suy nghĩ đầy đủ về những con người hàng ngày sống quanh mình, cần phải nhìn nhận họ bằng lòng đồng cảm, bằng đôi mắt của tình thương, phải biết nhìn ra và trân trọng nâng niu những điều đáng thương và đáng quý ở họ (D/c).

Nam Cao cũng muốn gửi đến chúng ta lời nhắn nhủ khi đánh giá một con

người: Cần biết đặt mình vào cảnh ngộ của họ thì mới có thể hiểu đúng, cảm thông đúng (D/c).

c. Kết bài

- Khẳng định ý kiến
- Khẳng định giá trị, ý nghĩa, sự cần thiết phải đọc tác phẩm văn học.

ĐỀ SỐ 17:

Câu 1 (3,0 điểm): Cảm nhận của em về đoạn văn sau:

Trong làng tôi không thiếu gì các loại cây, nhưng hai cây phong này khác hẳn - chúng có tiếng nói riêng và hẳn phải có một tâm hồn riêng, chan chứa những lời ca êm dịu. Dù ta tới đây vào lúc nào, ban ngày hay ban đêm, chúng cũng vẫn nghiêng ngả thân cây, lay động lá cành, không ngớt tiếng rì rào theo nhiều cung bậc khác nhau. Có khi tưởng chừng như một làn sóng thủy triều dâng lên vỗ vào bãi cát, có khi lại nghe như một tiếng thì thầm thiết tha nồng thắm truyền qua lá cành như một đốm lửa vô hình, có khi hai cây phong bỗng im bặt một thoáng rồi khắp lá cành lại cất tiếng thở dài một lượt như thương tiếc người nào. Và khi mây đen kéo đến cùng với bão giông, xô gãy cành, tỉa trụi lá, hai cây phong nghiêng ngả tấm thân dẻo dai và reo vù vù như một ngọn lửa bốc cháy rừng rực.

Về sau, khi nhiều năm đã trôi qua, tôi mới hiểu được điều bí ẩn của hai cây phong. Chẳng qua chúng đứng trên đồi cao lồng gió nên đáp lại bất kì chuyển động khe khẽ nào của không khí, mỗi chiếc lá nhỏ đều nhạy bén đón lấy mọi làn gió nhẹ thoảng qua.

Nhưng việc khám phá ra chân lí đơn giản ấy vẫn không làm tôi vỡ mộng xưa, không làm tôi bỏ mất cách cảm thụ của tuổi thơ mà tôi còn giữ đến tận ngày nay. Và cho đến tận ngày nay tôi vẫn thấy hai cây phong trên đồi có một vẻ sinh động khác thường. Tuổi trẻ của tôi đã để lại nơi ấy, bên cạnh chúng như một mảnh vỡ của chiếc gương thần xanh...

(Trích “Người thầy đầu tiên” - Ai-ma-tốp)

Câu 2 (2,0 điểm):

Trình bày suy nghĩ của em về ý kiến sau:

“Ở trên đời, mọi chuyện đều không có gì khó khăn nếu ước mơ của mình đủ lớn”.

Câu 3 (5,0 điểm):

“Một nghệ sĩ chân chính phải là một nhà nhân đạo từ trong cốt tủy”

(T.Sêkhốp)

Qua truyện ngắn “Lão Hạc”- của Nam Cao, em hãy chứng minh.

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
<p><u>Câu 1:</u></p> <p>*Yêu cầu về kĩ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách cảm nhận về đẹp một đoạn văn. - Diễn đạt mạch lạc; không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp. <p>*Yêu cầu về nội dung:</p> <p>Học sinh có thể có những suy nghĩ và cách trình bày khác nhau, nhưng về cơ bản cần hướng đến những nội dung chủ yếu sau:</p>	3.0
<ul style="list-style-type: none"> - Đoạn trích kể lại dòng cảm xúc của nhân vật tôi khi nghĩ về hai cây phong trong làng Ku-ku-rêu:(0,25đ) + Hình ảnh hai cây phong được miêu tả hết sức độc đáo, sinh động, chúng như có “tâm hồn riêng”, “tiếng nói riêng”. Qua cách nhìn, cách cảm của nhân vật tôi, hai cây phong hiện lên có cử chỉ hoạt động, có tâm trạng, cảm xúc giống như một con người: lúc sôi nổi mạnh mẽ, lúc dịu dàng thiết tha, lúc im lặng thờ dài, lúc lại như “bốc cháy rừng rực” (Có khi tưởng chừng như một làn sóng...như thương tiếc người nào) . Đặc biệt trong giông bão, hai cây phong vẫn dẻo dai, bền bỉ, kiên cường và đầy sức sống. Bằng một vài nét phác họa cùng nghệ thuật liệt kê, so sánh, nhân hóa và trí tưởng tượng phong phú, nhân vật tôi đã gợi tả hai cây phong có vẻ đẹp tâm hồn, tính cách, phẩm chất riêng. Hai cây phong trở thành biểu tượng cho tâm hồn, ý chí, nghị lực của con người làng Ku- ku-rêu (như nhân vật An-tư-nai).(1,5đ) + Hai cây phong được miêu tả như những nhân vật của câu chuyện, tham gia, chứng kiến những kỷ niệm của con người. Hai cây phong là nhân vật lưu giữ, 	

<p>chúng kiến một quãng đời thơ ấu đẹp đẽ của nhân vật tôi ở ngôi làng mình (<i>Tuổi trẻ của tôi đã để lại nơi ấy, bên cạnh chúng như một mảnh vỡ của chiếc gương thần xanh</i>). Từ cảm xúc về hai cây phong nhân vật tôi bày tỏ tình cảm yêu mến, ngợi ca, trân trọng và tự hào về vẻ đẹp làng quê và những kỉ niệm đẹp tuổi thơ. (1đ)</p> <p>-Với ngòi bút miêu tả đậm chất hội họa và bằng tất cả trí tưởng tượng, tâm hồn của người nghệ sĩ, nhà văn Ai-ma-tốp đã khắc họa được vẻ đẹp của hai cây phong trở thành biểu tượng cho làng Ku-ku-rêu, cho ý chí nghị lực của con người nơi đây. Hai cây phong cũng chính là nhân chứng cho tình thầy trò của thầy giáo Đuy-sen và cô bé An-tư-nai. (0.25đ)</p>	
<p>Câu 2</p> <p>Trình bày suy nghĩ của em về ý kiến sau:</p> <p><i>“Ở trên đời, mọi chuyện đều không có gì khó khăn nếu ước mơ của mình đủ lớn”.</i></p>	2,0
<p>a. Mở bài:</p> <p>* Dẫn dắt, giới thiệu câu nói</p> <p>- Cuộc đời sẽ tẻ nhạt, vô nghĩa biết bao khi con người ta sống không có ước mơ, khát vọng.</p> <p>- Chính vì vậy có ý kiến cho rằng “Ở trên đời, mọi chuyện đều không có gì khó khăn nếu ước mơ của mình đủ lớn”.</p> <p>b. Thân bài:</p> <p>* Giải thích:</p> <p>- Ước mơ là những điều tốt đẹp mà con người mong muốn, khao khát đạt được.</p> <p>- Ước mơ đủ lớn là ước mơ được trải qua một quá trình nuôi dưỡng, phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn trở ngại để trở thành hiện thực.</p> <p>-> Ý nghĩa của câu nói: Trong cuộc sống con người cần có ước mơ; dám nuôi dưỡng, theo đuổi ước mơ bằng ý chí, nghị lực, niềm tin và hành động đúng đắn để biến ước mơ thành hiện thực thì mọi khó khăn đều sẽ vượt qua.</p> <p>* Phân tích, chứng minh, bình luận:</p> <p>- Cuộc sống sẽ thật tẻ nhạt, vô nghĩa khi cuộc đời không có những ước mơ. Có</p>	

<p>những ước mơ rất nhỏ bé, bình dị. Nhưng cũng có những ước mơ lớn lao, cao cả. (d/c) Có những ước mơ vụt đến rồi vụt đi, có những ước mơ đi theo cả cuộc đời con người. Nhưng để ước mơ đủ lớn thì không đơn giản, dễ dàng mà phải trải qua bao thăng trầm, khó khăn, thử thách, thậm chí cả những thất bại đắng cay mới có được . Nếu con người biết nuôi dưỡng ước mơ bằng niềm say mê, ý chí kiên trung, nghị lực và hành động mạnh mẽ sẵn sàng vượt qua những trở ngại đó thì ước mơ, khát vọng, lí tưởng đó sẽ trở thành hiện thực.(d/c: Hồ Chí Minh, các nhà khoa học lớn....)</p> <p>- Nhưng cũng có ước mơ nhỏ bé, bình dị thôi cũng khó có thể đạt được: những người kém may mắn, người khuyết tật, người bệnh hiểm nghèo... Song họ vẫn ấp ủ những ước mơ, hi vọng và họ không bao giờ để cho ước mơ của mình lụi tàn hay mất đi . Vì thế cuộc sống của họ trở lên thật ý nghĩa, và những ước mơ ấy trở thành động lực giúp họ vượt qua mọi khó khăn.</p> <p>- Tuy nhiên trong cuộc sống còn có những con người sống không lí tưởng, thiếu ý chí, hay có ước mơ nhưng không dám theo đuổi, không hành động thì ước mơ của họ cũng không trở thành hiện thực. Họ sẽ luôn ngại khó, ngại khổ, không dám đương đầu khó khăn và mọi việc sẽ không bao giờ thành công...(d/c)</p> <p>* Bài học liên hệ bản thân:</p> <p>-Mỗi con người cần phải có những ước mơ, hi vọng, lí tưởng, mục đích sống tốt đẹp trong cuộc đời.</p> <p>- Cần nỗ lực phấn đấu, học tập, rèn luyện, trau dồi kiến thức, kinh nghiệm, bản lĩnh để biến ước mơ thành hiện thực</p> <p>c. Kết bài:</p> <p>- Khẳng định ý nghĩa, giá trị của câu nói.</p> <p>- Liên hệ ước mơ, khát vọng của bản thân</p>	
<p>Câu 3:</p> <p><i>“Một nghệ sĩ chân chính phải là một nhà nhân đạo từ trong cốt tủy”</i></p> <p>(T.Sêkhốp)</p> <p>Qua truyện ngắn “Lão Hạc”- của Nam Cao, em hãy chứng minh.</p>	5,0

<p>. Yêu cầu về kĩ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu đúng yêu cầu của đề bài. Biết cách làm bài văn nghị luận văn học. Biết cách chọn lọc dẫn chứng để phân tích làm sáng tỏ vấn đề. Lập luận chặt chẽ, diễn đạt tốt (có suy nghĩ, đánh giá, cảm xúc...) - Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát; bố cục rõ ràng, mạch lạc, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp. <p>. Yêu cầu về kiến thức:</p> <p>Có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo những ý cơ bản sau:</p>	
<p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn dắt, nêu ý kiến <p>b. Thân bài:</p> <p>* Giải thích ý kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người nghệ sĩ chân chính: là người nghệ sĩ trong quá trình sáng tạo, tác phẩm của họ sinh ra là vì con người, hướng đến cuộc sống tốt đẹp của con người. - Là nhà nhân đạo từ trong cốt tủy: có nghĩa là người nghệ sĩ phải có lòng nhân ái, yêu thương con người. Tinh thần nhân đạo là phẩm chất bắt buộc phải có trong mỗi người cầm bút. Đó là tình cảm có chiều sâu từ trong cốt tủy chứ không chỉ là tình cảm nông cạn, hời hợt, mơ hồ. <p>-> Ý nghĩa của câu nói khẳng định: Nhà văn chân chính là nhà văn phải có cái nhìn, tấm lòng nhân ái, yêu thương đối với con người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong truyện ngắn “Lão Hạc”, tấm lòng nhân đạo sâu sắc của tác giả Nam Cao chính là sự đồng cảm, yêu thương, trân trọng, ngợi ca những con người lao động nghèo khổ trong xã hội phong kiến, thực dân đầu thế kỉ XX. <p>* Phân tích, chứng minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lòng nhân đạo của nhà văn trước hết thể hiện ở sự đồng cảm với những cuộc đời, số phận nghèo khổ qua các nhân vật trong truyện: <i>Lão Hạc một người nông dân có cuộc đời nghèo khổ, cô độc: vợ mất sớm ở vậy nuôi con, khi con lớn không đủ tiền lấy vợ nó phần chi đi phu đồn điền cao su bỏ lão một mình với con</i> 	

chó Vàng; đói kém, bệnh tật lão cùng đường không còn gì để sống và vì muốn giữ trọn mảnh vườn cho con lão phải ăn bả chó để tự vẫn. Cuộc đời lão Hạc thật bi thảm... Ông giáo- một trí thức nghèo cũng không khỏi cảnh nghèo khó, khổ cùng phải bán đi cả những quyển sách quý giá cuối cùng của cuộc đời vì con. Các nhân vật trong truyện được Nam Cao miêu tả không chỉ phản ánh chân thực số phận con người, mà trong mỗi lời văn còn thấm đẫm sự cảm thông, chia sẻ, thấu hiểu những nỗi cùng cực của người dân Việt Nam trước Cách mạng. Từ sự cảm thông sâu sắc ấy, nhà văn cũng tố cáo xã hội phong kiến, những hủ tục lạc hậu đã đẩy người dân đến bước đường cùng.

- Tấm lòng nhân đạo của Nam Cao còn là sự ngợi ca, trân trọng những vẻ đẹp của con người Việt Nam trong hoàn cảnh bần hàn, cơ cực nhất:

+ Tấm lòng nhân hậu của lão Hạc qua cách đối xử của lão với con chó Vàng đầy tình thương “lão gọi nó là cậu Vàng...”. Lão trăn trở, buồn đau, day dứt khi phải bán nó “Lão cười như mếu...” “A! Lão già tệ lắm...”.

+ Lòng tự trọng, sự lương thiện sáng ngời ngay cả khi nghèo đói, cơ cực nhất. Lão Hạc thà nhịn đói chứ nhất quyết không dựa vào lòng tốt của ông giáo “lão từ chối gần như hách dịch”; không muốn phiền lụy đến hàng xóm, gửi tiền lại “lo hậu sự”; thà chết chứ không chịu ăn cắp như Binh Tư, không tiêu vào tiền bòn vườn của con... Nam Cao không chỉ nhận thấy mà còn chỉ ra cho người đọc thấy trong cái hình hài gầy gò, già nua khắc khổ của lão nông ấy là một tâm hồn cao thượng biết bao nhiêu.

+ Trong cảnh đời nghèo khổ của những con người lao động, nhà văn cũng khắc họa được vẻ đẹp cao quý nhất của con người, đó là tình yêu thương:

. Đó là tình làng xóm sâu đậm. Ông giáo dù nghèo đến khánh kiệt vẫn muốn được sẻ chia, giúp đỡ, an ủi, động viên lão Hạc.

. Đó là tình thương yêu sâu nặng của người cha suốt đời hi sinh vì con của lão Hạc. Lão hi sinh cả tuổi thanh xuân, hạnh phúc riêng tư để nuôi con lớn khi vợ lão mất sớm. Lão thương con đến quặn lòng khi không lo được hạnh phúc cho con, Lão quyết không ăn vào tiền của con khi không còn gì sinh sống. Lão thà chết để giữ trọn mảnh vườn cho có kế sinh nhai sau này.

- Lòng nhân đạo của tác giả còn được thể hiện ở thái độ trân trọng những ước mơ, khát vọng của con người về một tương lai tốt đẹp. Mặc dù tác phẩm

có một cái kết đau thương: lão Hạc chết, hay như người ta vẫn nói “cao su đi dễ khó về...”, nhưng Nam Cao cùng nhân vật tin tưởng và hi vọng về những điều tốt đẹp. Đó là niềm hi vọng của lão Hạc về cuộc sống cho đứa con trai “đến lúc nó về...có chút vốn mà làm ăn”. Niềm khao khát, hi vọng ấy được gửi gắm cho ông giáo “lão đừng lo ...khi con trai lão về tôi sẽ trao cho hẳn..”

*** Đánh giá:**

- Bằng cách kể chuyện tự nhiên hấp dẫn trong cách chọn ngôi kể, kết hợp nhuần nhuyễn kể với miêu tả, biểu cảm và bình luận; cách xây dựng nhân vật đến mức điển hình, nhà văn Nam Cao đã thể hiện tấm lòng nhân đạo khi viết về con người Việt nam trong xã hội trước Cách mạng. Ông không chỉ nhìn, miêu tả họ bằng cái nhìn nhân ái. Mà ông còn khẳng định về một thái độ sống, một cách ứng xử nhân đạo.

- Qua đó, nhà văn cũng giúp cho người đọc biết đặt mình vào những cảnh ngộ cụ thể để cảm thông, thấu hiểu, trân trọng, nâng niu những điều đáng quý ở những con người quanh ta.

c. Kết bài:

-Khẳng định vai trò, ý nghĩa, trách nhiệm của người nghệ sĩ chân chính

-Liên hệ bản thân về cách nhìn, cách cảm, cách ứng xử với mọi người trong cuộc sống

ĐỀ SỐ 18:

Câu 1 (8,0 điểm):

Nhà giáo, nhà cách mạng Nguyễn Bá Học từng nói: *Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông.*

Hãy trình bày suy nghĩ của em.

Câu 2 (12,0 điểm):

*“Truyện ngắn **Lão Hạc** đã thể hiện một cách chân thực, cảm động số phận đau thương của người nông dân trong xã hội cũ và phẩm chất cao quý tiềm tàng của họ. Đồng thời, truyện còn cho thấy tấm lòng yêu thương, trân trọng đối với người nông*

dân và tài năng nghệ thuật xuất sắc của nhà văn Nam Cao...”. (SGK Ngữ văn 8, tập 1, NXB Giáo dục)

Bằng hiểu biết của em về tác phẩm, hãy phân tích để làm sáng tỏ ý kiến trên.

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
<p>Câu 1: Trình bày suy nghĩ của em về ý kiến sau: <i>Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông.</i></p> <p>Yêu cầu về kiến thức: Có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo các ý cơ bản sau:</p>	8,0
<p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới vấn đề cần nghị luận. -Trích dẫn câu nói. <p>b. Thân bài:</p> <p>* Giải thích ý kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường đi khó: trên con đường đi có muôn vàn khó khăn, thách thức (núi, sông...). - Không khó vì ngăn sông cách núi: núi, sông không phải là trở ngại không thể vượt qua. - Khó vì lòng người ngại núi e sông: không có ý chí, nghị lực; ngại khó, ngại khổ, ngại núi, e sông thì con người không thể vượt qua được. - Ngoài nghĩa tả thực, con đường còn là ẩn dụ chỉ con đường đời, con đường dẫn đến thành công, đến đích. <p>=> Câu nói khẳng định, đề cao vai trò của ý chí nghị lực bản thân mỗi con người trong cuộc sống và nhắn gửi mỗi người trau dồi ý chí, nghị lực cho bản thân nếu muốn thành công.</p>	

<p>* Bàn luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực tế cuộc sống có vô vàn khó khăn, thách thức luôn xuất hiện thử thách con người. - Nếu mỗi người có ý chí, nghị lực thì sẽ có động lực để vượt qua tất cả, đi tới thành công. - Nếu ỷ lại, dựa dẫm, ngại khó, nhụt chí... sẽ chỉ thất bại, không bao giờ vươn tới thành công... - Dẫn chứng trong học tập, lao động.... - Phê phán những kẻ lười biếng, thích hưởng thụ, không có ý chí, nghị lực. - Ngày nay, vai trò của ý chí, nghị lực càng quan trọng hơn bao giờ hết. <p>* Nhận thức và hành động: Mỗi con người chúng ta phải xác định đúng phương châm hành động: tự giác, nỗ lực, lời nói đi đôi với hành động, việc làm.</p> <p>c. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định ý nghĩa to lớn của ý chí, nghị lực. - HS có thể tự liên hệ bản thân rút ra bài học. - Liên hệ mở rộng. 	
<p>Câu 2:</p> <p><i>“Truyện ngắn Lão Hạc đã thể hiện một cách chân thực, cảm động số phận đau thương của người nông dân trong xã hội cũ và phẩm chất cao quý tiềm tàng của họ. Đồng thời, truyện còn cho thấy tấm lòng yêu thương, trân trọng đối với người nông dân và tài năng nghệ thuật xuất sắc của nhà văn Nam Cao...”. (SGK Ngữ văn 8, tập 1, NXB Giáo dục)</i></p> <p>Bằng hiểu biết của em về tác phẩm, hãy phân tích để làm sáng tỏ ý kiến trên.</p>	12,0

a. Mở bài:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.
- Dẫn dắt nhận định.

b. Thân bài:

* **Giải thích sơ lược nhận định:** Ý kiến đã khái quát được những đặc sắc của truyện ngắn Lão Hạc-nhất là đặc sắc về mặt nội dung.

- Truyện khắc họa thành công số phận, cuộc đời đầy bất hạnh, đau khổ của lão Hạc.
- Thể hiện được cụ thể những phẩm chất cao đẹp của nhân vật.
- Tấm lòng đồng cảm, yêu thương, trân trọng của nhà văn đối với người nông dân cùng khổ.
- Những nội dung đó được thể hiện qua tài năng nghệ thuật: xây dựng và miêu tả tâm lí nhân vật, nghệ thuật dựng truyện....

*** Phân tích:**

- *Truyện ngắn **Lão Hạc** đã thể hiện một cách chân thực, cảm động số phận đau thương của người nông dân trong xã hội cũ và phẩm chất cao quý tiềm tàng của họ.*

+ Cuộc đời và số phận đau thương của người nông dân qua nhân vật lão Hạc: vợ mất sớm, con trai duy nhất bỏ đi phu đồn điền cao su; tuổi già sống trong cô đơn, bệnh tật, cái chết thương tâm (ăn bả chó để kết thúc cuộc đời).....

+ Phẩm chất cao quý: giàu tình yêu thương (thương con, thương con chó vàng), sống lương thiện, giàu lòng tự trọng.....

- ***Đồng thời, truyện còn cho thấy tấm lòng yêu thương, trân trọng đối với người nông dân.***

+ Nhà văn đứng về phía người nông dân, miêu tả một cách chân thực cuộc sống, tâm tư, tình cảm của họ.

<p>+ Đồng cảm với số phận đau thương, xót xa cho họ.</p> <p>+ Trân trọng, ngợi ca những phẩm chất tốt đẹp của họ: trong sáng, lương thiện, giàu tình yêu thương.....</p> <p>+ Bênh vực, đòi quyền sống, quyền bình đẳng cho những kiếp người nghèo khổ.</p> <p>- Tài năng nghệ thuật xuất sắc của nhà văn Nam Cao</p> <p>+ Lựa chọn đề tài.</p> <p>+ Nghệ thuật dựng truyện, xây dựng và miêu tả tâm lí, tính cách nhân vật; cách thắt nút, mở nút câu chuyện; cách kết thúc tác phẩm....</p> <p>+ Sử dụng ngôi kể linh hoạt, kết hợp các hình thức ngôn ngữ.</p> <p>*. Đánh giá:</p> <p>- Khái quát chung về tác phẩm: (nghệ thuật, nội dung) =>nâng lên giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo cao cả.</p> <p>- Liên hệ, mở rộng: liên hệ một số tác phẩm khác cùng đề tài hoặc một số tác phẩm của nhà văn</p> <p>- Khẳng định lại nội dung nhận định.</p> <p>c. Kết bài:</p> <p>- Khẳng định cống hiến, đóng góp của tác giả, tác phẩm, sức sống của tác phẩm.</p> <p>- (Có thể) bộc lộ cảm nghĩ, ấn tượng của người viết về tác phẩm</p>	
--	--

ĐỀ SỐ 19:

Câu 1 (8,0 điểm): Suy nghĩ của em về câu chuyện sau:

CUỘC CHẠY ĐUA TRONG RỪNG

Ngày mai, muông thú trong rừng mở hội thi chạy để chọn con vật nhanh nhất.

Ngựa Con thích lắm. Chú tin chắc sẽ giành được vòng nguyệt quế. Chú sửa soạn không biết chán và mải mê soi bóng mình dưới dòng suối trong veo. Hình ảnh chú hiện lên với bộ đồ nâu tuyệt đẹp, với cái bờm dài được chải chuốt ra dáng một nhà vô địch...

Ngựa Cha thấy thế, bảo:

- Con trai à, con phải đến bác thợ rèn để xem lại bộ móng. Nó cần thiết cho cuộc đua hơn là bộ đồ đẹp.

Ngựa Con mắt không rời bóng mình dưới nước, ngúng nguẩy đáp:

- Cha yên tâm đi. Móng của con chắc chắn lắm! Con nhất định sẽ thắng mà!

Cuộc thi đã đến. Sáng sớm, bãi cỏ đông nghẹt. Chị em nhà Hươu sốt ruột gặm lá. Thỏ Trắng, Thỏ Xám thận trọng quan sát các đối thủ. Bác Quạ bay đi bay lại để giữ trật tự. Ngựa Con ung dung bước vào vạch xuất phát.

Tiếng hô “Bắt đầu!” vang lên. Các vận động viên hối hả bước vào cuộc đua. Vòng thứ nhất... Vòng thứ hai... Ngựa Con dẫn đầu bằng những bước sải dài khoẻ khoắn. Bỗng chú có cảm giác vướng vướng ở chân và giật mình thắng thót: một cái móng lung lay rồi rời hẳn ra. Gai nhọn đâm vào chân làm Ngựa Con đau điếng. Chú chạy tập tễnh và cuối cùng dừng hẳn lại. Nhìn bạn bè lướt qua mặt, Ngựa Con đỏ hoe mắt, ân hận vì đã không làm theo lời dặn của cha.

(Trích *Quà tặng cuộc sống*)

Câu 2: (12,0 điểm).

Có ý kiến cho rằng: *Tình cảm gia đình là mạch nguồn tình cảm không bao giờ vơi cạn trong tâm hồn mỗi con người.*

Em hãy chứng minh tình cảm ấy qua các văn bản “ Trong lòng mẹ”(Trích “Những ngày thơ ấu”– Nguyên Hồng), “ Tức nước vỡ bờ”(Trích “ Tắt đèn”– Ngô Tất Tố), “ Lão Hạc”(Nam Cao).

----- Hết -----

NỘI DUNG	Điểm
<p><i>Câu 1: Suy nghĩ về câu chuyện “ Cuộc chạy đua trong rừng”</i></p> <p>Yêu cầu về kĩ năng:</p> <ul style="list-style-type: none">- Học sinh viết hoàn thành bài văn có bố cục rõ ràng 3 phần.- Hệ thống ý (các luận điểm) rõ ràng và được triển khai mạch lạc.- Diễn đạt trôi chảy; hạn chế tối đa mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp. <p>Yêu cầu về nội dung:</p> <p><i>Học sinh có thể sắp xếp, trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo một số ý cơ bản mang tính định hướng dưới đây:</i></p>	8,0
<p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none">- Giới thiệu câu chuyện <i>Cuộc chạy đua trong rừng</i> và vấn đề gợi ra từ câu chuyện: Sự kiêu căng, tự mãn về khả năng của bản thân, tính chủ quan coi thường sự chuẩn bị, không rèn luyện thường xuyên... có thể khiến chúng ta đánh mất đi những cơ hội chiến thắng trong tầm tay, thậm chí còn phải chịu những thất bại nặng nề trong cuộc sống. <p>b. Thân bài</p> <p>* Suy nghĩ về nội dung câu chuyện</p> <ul style="list-style-type: none">- Ngựa Con có sức khỏe, tài năng và có nhiều cơ hội thể hiện mình để giành chiến thắng trong cuộc chạy đua nhưng vì quá kiêu căng, tự mãn về khả năng của bản thân, không chuẩn bị chu đáo, bỏ qua lời nhắc nhở của Ngựa Cha nên cuối cùng tự mình đánh mất cơ hội giành chiến thắng, phải chuốc lấy thất bại khiến chú cảm thấy tiếc nuối, hổ thẹn, vô cùng ân hận.- Câu chuyện ngắn gọn dị, gần gũi, sinh động nhưng chứa đựng bài học sâu sắc về hậu quả của sự chủ quan, tự mãn, coi thường lời góp ý chân thành của người khác.	

<p>* Bàn luận về bài học nhận thức mà câu chuyện đặt ra:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong cuộc sống sự tự tin là rất cần thiết, tự tin là khi con người nhận thức đầy đủ về khả năng, năng lực của mình. (<i>học sinh cần lấy dẫn chứng trong thực tế đời sống để chứng minh như trong lao động, trong học tập, trong thi đấu thể thao, thi đấu tài năng trí tuệ...</i>) - Cuộc sống luôn chứa đựng những bất ngờ vượt ra ngoài sự hiểu biết và toan tính của con người. Vì vậy muốn đạt được thành công, mỗi cá nhân cần phải có sự rèn luyện thường xuyên, chuẩn bị kỹ càng, chu đáo để phát huy tối đa năng lực hiện có.... - Trước những thử thách, những bước ngoặt của cuộc sống, chúng ta cần phải thận trọng, bình tĩnh và biết lắng nghe các ý kiến tham gia..... - Phê phán những người chủ quan, tự mãn không biết lắng nghe ý kiến đóng góp của người khác. <p>* Bài học liên hệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải trau dồi tích lũy kiến thức, thường xuyên rèn luyện kỹ năng, tính toán chuẩn bị chu đáo mọi việc, không được chủ quan, coi thường sự chuẩn bị cho dù là đối với những vấn đề nhỏ nhất, những công việc đơn giản nhất. <p>c. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định câu chuyện để lại bài học sâu sắc về hậu quả của sự chủ quan, tự mãn đối với mỗi người... - Liên hệ bản thân 	
<p>Câu 2: Có ý kiến cho rằng: <i>Tình cảm gia đình là mạch nguồn tình cảm không bao giờ vơi cạn trong tâm hồn mỗi con người.</i></p> <p>Em hãy chứng minh tình cảm ấy qua các văn bản “ Trong lòng mẹ”(Trích “ Những ngày thơ ấu”– Nguyên Hồng), “ Tức nước vỡ bờ”(Trích “ Tắt đèn”– Ngô Tất Tố), “ Lão Hạc”(Nam Cao).</p>	12,0

Yêu cầu về kỹ năng:

- Học sinh viết thành bài văn có bố cục 3 phần rõ ràng.
- Hệ thống luận điểm, luận cứ rõ ràng và được triển khai mạch lạc.
- Diễn đạt trôi chảy; hạn chế tối đa mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.

Yêu cầu về nội dung:

Học sinh có thể sắp xếp, trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo một số ý cơ bản mang tính định hướng dưới đây

a. Mở bài:

- Giới thiệu đề tài tình cảm gia đình được phản ánh trong văn học.
- Trích dẫn nhận định ở đề bài: *Tình cảm gia đình là mạch nguồn tình cảm không bao giờ vơi cạn trong tâm hồn mỗi con người.*
- Tình cảm gia đình cũng được phản ánh trong văn học hiện thực phê phán giai đoạn 1930-1945.
- Nêu phạm vi: Qua các văn bản "Trong lòng mẹ" (Trích "Những ngày thơ ấu" – Nguyên Hồng), "Tức nước vỡ bờ" (Trích "Tắt đèn" – Ngô Tất Tố), "Lão Hạc" (Nam Cao)

b. Thân bài:

- Khái quát: Các khía cạnh của tình cảm gia đình được thể hiện trong các văn bản trên: Tình mẫu tử, tình phụ tử, tình cảm vợ chồng.

***Giải thích:**

- Tình cảm gia đình là tình cảm thiêng liêng theo chúng ta trong suốt cuộc đời, là mạch nguồn tình cảm không bao giờ vơi cạn trong tâm hồn mỗi con người....

*** Chứng minh:** Các văn bản "Trong lòng mẹ", "Tức nước vỡ bờ", "Lão

Hạc” đều thể hiện sâu sắc, cảm động tình cảm gia đình ấm cúng, thiêng liêng, cao đẹp.

***.1.Văn bản “ Trong lòng mẹ”**

- Là chương hồi kí ghi lại những buồn tủi trong tuổi thơ nhiều bất hạnh của chú bé Hồng. Tác giả đã đặt ra những tình huống đặc biệt để nhân vật chính bộc lộ tình cảm gia đình sâu sắc

- Trong cuộc trò chuyện với bà cô, Hồng đã bộc lộ sâu sắc tình yêu thương kính trọng mẹ:

+ Tuổi thơ nhọc nhằn, cơ cực, bị hắt hủi....

+ Trước những lời lẽ cay độc của người cô, em khóc vì thương mẹ, vì thấy mẹ bị người thân ruột thịt xúc phạm, vì thấy tình cảm gia đình rạn nứt, vì không muốn tình thương yêu và quý mến mẹ bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến.

+ Tình mẫu tử là sợi dây tình cảm vô hình trở thành niềm tin sắt đá hòa trong nỗi nhớ da diết, mãnh liệt.

=> Tình cảm của bé Hồng với mẹ là thiêng liêng, niềm tin của bé Hồng với mẹ là bền chặt không gì có thể chia rẽ. Trong tận cùng của nỗi đau, Hồng vẫn là một đứa trẻ nhạy cảm, giàu tình yêu thương, kính trọng và tin tưởng tuyệt đối về mẹ.

(học sinh lấy dẫn chứng cụ thể và phân tích để làm rõ thái độ của Hồng trước lời nói của bà cô để bộc lộ tình cảm của bé Hồng với mẹ).

- Cảnh hai mẹ con bé Hồng gặp nhau chính là những giây phút xúc động nhất về tình mẫu tử:

+ Sự bối rối, lúng túng vụng về khi nhận ra mẹ

+ Sự hạnh phúc vô bờ khi gặp mẹ sau bao ngày xa cách: Cậu bé Hồng hạnh phúc khi được ngồi trong lòng mẹ, cảm nhận hơi ấm của vòng tay mẹ. Những buồn vui, hờn tủi biến thành giọt nước mắt. Nhưng khác với giọt

nước mắt lúc trò chuyện với bà cô, giờ đây là giọt nước mắt của hạnh phúc vô bờ và mãn nguyện.

+ Niềm vui khi được trò chuyện với mẹ

+ Tình mẫu tử đã khiến những lời lẽ cay độc của bà cô tan biến. Hình ảnh người mẹ hiện lên cụ thể sinh động, là người phụ nữ yêu thương con, đẹp đẽ, nhân hậu, vượt lên mọi sự mỉa mai, cay độc, tàn nhẫn.

=> Tình mẫu tử giúp bé Hồng quên đi mọi cay đắng, khổ đau, xoa dịu mọi vết thương tâm hồn.

(học sinh lấy dẫn chứng cụ thể và phân tích để làm rõ tình cảm của bé Hồng khi cảm nhận được tình mẫu tử lúc gặp mẹ).

***.2. Văn bản”tức nước vỡ bờ”**

Tình cảm gia đình được thể hiện qua tình yêu thương chồng tha thiết của chị Dậu *(Học sinh chỉ rõ dẫn chứng và phân tích)*

- Hoàn cảnh gia đình chị Dậu.

- Cảnh chị Dậu chăm sóc chồng:

+ Chị nấu cháo, múc cháo la liệt, quạt cho chóng nguội.

+ Rón rén bưng một bát lớn, mời chồng ăn bằng giọng ngọt ngào”Thầy em hãy cố ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột”.

+ Chị ngồi”chờ xem chồng chị ăn có ngon miệng hay không”.

=>Người phụ nữ nông dân, người vợ đảm đang, luôn quan tâm, lo lắng, hết lòng yêu thương chồng, con.

- Chị Dậu bảo vệ chồng trước bọn Cai lệ.

+ Khi bị bọn Cai lệ đàn áp, thúc sưu, vì anh Dậu, chị cố nài nỉ, van xin bằng những lời lẽ thiết tha, hạ mình, nhún nhường chị gọi chúng bằng”ông”, xưng”cháu”để cứu vãn tình thế nguy cấp.

+ Bọn tay sai không khoan nhượng, chị”xám mặt”cãi lý với chúng khi thấy

cai lệ và người nhà lí trưởng định xông đến đánh trói anh Dậu.

+ Khi anh Dậu sắp bị trói, chị sẵn sàng cự lại bằng hành động phản kháng mạnh mẽ “ tức nước vỡ bờ” để bảo vệ chồng.

=> Lòng căm giận chế độ và bọn tay sai, tình yêu thương chồng đã tạo nên sức mạnh để chị chiến thắng mọi cường quyền, bạo lực.

***.3.Truyện ngắn “Lão Hạc”**

Văn bản thể hiện tình cảm cha con thiêng liêng, sâu nặng (học sinh lấy dẫn chứng và phân tích)

- Lão Hạc, người nông dân nghèo, vợ mất sớm, không lấy vợ khác, sống cảnh gà trống nuôi con. Muốn bù đắp cho con sự thiếu thốn về tình cảm.

- Khi con trai lão không lấy được vợ vì nhà nghèo, lão khóc vì thương con, chỉ dám khuyên bảo con nhẹ nhàng chứ không dám xẵng.

- Lão đau đớn, xót xa khi con lão phần chí bỏ đi đồn điền cao su.

- Ở nhà, mọi việc làm, suy nghĩ của lão Hạc đều hướng đến con, sống cam chịu đói khổ, tần tảo dành dụm cho con, lão chưa bao giờ hết hi vọng con lão sẽ trở về.

- Lão chọn cái chết đau đớn vì muốn bảo vệ mảnh vườn cho con. Lão chết để cho con mình được sống.

=> Lão Hạc là người cha nghèo khổ nhưng hết lòng vì con, yêu con tha thiết. Cả đời hi sinh thầm lặng để dành hạnh phúc cho con.

*** Nghệ thuật**

- Thể loại: Các văn bản sử dụng nhiều thể loại khác nhau: hồi kí, tiểu thuyết, truyện ngắn song đều thể hiện tình cảm gia đình sâu sắc.

- Nghệ thuật miêu tả nhân vật

***Đánh giá:**

- Dù đều viết về tình cảm gia đình nhưng mỗi nhà văn lại có cách khai thác

đề tài riêng nhưng tất cả đều đọng lại trong lòng bạn đọc một tình cảm ấm cúng, thiêng liêng, cao đẹp....

c. Kết bài

- Tình cảm gia đình là một trong những nội dung lớn của văn học Việt Nam trong giai đoạn 1930 – 1945.

- Các văn bản: “Trong lòng mẹ”(Trích “Những ngày thơ ấu”– Nguyên Hồng), “ Túc nước vỡ bờ”(Trích “ Tắt đèn”– Ngô Tất Tố), “ Lão Hạc”(Nam Cao) thể hiện sâu sắc và thấm thía tình cảm gia đình ở nhiều khía cạnh khác nhau.

- Bài học liên hệ: Qua những trang văn ấy, em nghĩ gì về vai trò của tình cảm gia đình và việc giữ gìn, phát huy tình cảm gia đình trong cuộc sống hôm nay.

ĐỀ SỐ 20:**Câu 1 (8,0 điểm):**

Trong truyện ngắn “Chiếc lá cuối cùng” của O.Hen-ri, bệnh tật và nghèo túng khiến Giôn-xi tuyệt vọng không muốn sống nữa. Cô đếm từng chiếc lá còn lại trên cây thường xuân bám vào bức tường gạch đối diện với cửa sổ, chờ khi nào chiếc lá cuối cùng rụng nốt thì cô cũng buông xuôi, lìa đời...

Nhưng “chiếc lá cuối cùng vẫn còn” làm cho Giôn-xi tự thấy mình “thật là một con bé hư....muốn chết là một tội”. Cô lại hi vọng một ngày nào đó sẽ được về vịnh Na-plơ và như bác sĩ nói, cô đã thoát ‘khỏi nguy hiểm’ của bệnh tật.

Qua những thay đổi của Giôn-xi, em hãy viết một bài văn nghị luận thể hiện suy nghĩ về nghị lực sống của con người.

Câu 2 (12,0 điểm):

Có ý kiến cho rằng: *“Dù được sáng tác theo trào lưu lãng mạn hay hiện thực, những trang viết của nhà văn tài năng và tâm huyết đều thấm đượm tinh thần nhân đạo sâu sắc”*.

Qua các văn bản “Tức nước vỡ bờ” của Ngô Tất Tố và “Lão Hạc” của Nam Cao em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
<p>Câu 1: Qua những thay đổi của Giôn-xi, em hãy viết một bài văn nghị luận thể hiện suy nghĩ về nghị lực sống của con người.</p> <p>. Yêu cầu về kĩ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết đúng kiểu bài văn nghị luận xã hội. - Bố cục ba phần rõ ràng, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng xác thực. - Trình bày sạch sẽ, sáng sủa, diễn đạt lưu loát, hành văn trong sáng, không mắc lỗi câu, từ, chính tả. <p>. Yêu cầu về kiến thức: Trên cơ sở nắm được nội dung tác phẩm “Chiếc lá</p>	8,0

cuối cùng”, hình tượng nhân vật Giôn-xi và hiểu biết về kiến thức xã hội, học sinh cần đáp ứng các ý cơ bản sau:

a. Mở bài:

- Giới thiệu về vấn đề nghị luận: Nghị lực sống của con người.
- Câu chuyện về “ chiếc lá cuối cùng” đem đến cho người đọc những bài học sâu sắc.

b. Thân bài:

***.Vài nét về nhân vật Giôn-xi:**

- Hoàn cảnh sống: Nghèo khổ, bệnh tật.
- Trạng thái tinh thần: Từ yếu đuối, buông xuôi và đầu hàng số phận, mất hết nghị lực sống đến chỗ biết quý trọng sự sống của mình, khao khát sáng tạo và chiến thắng bệnh tật. Nghị lực sống, tình yêu cuộc sống đã trỗi dậy trong Giôn-xi.

***. Bàn luận vấn đề:**

- Nghị lực sống là năng lực tinh thần mạnh mẽ, không chịu lùi bước trước khó khăn, thử thách; luôn lạc quan, tin tưởng vào cuộc sống...
- Đây là một phẩm chất cao đẹp và cần thiết: tiếp sức cho ước mơ, hoài bão của con người; mở ra những hành động tích cực vượt lên những trắc trở, những cám dỗ trong cuộc sống; giúp con người gặt hái thành công.
- Thiếu nghị lực, dễ chán nản, bi quan... khiến con người thường gặp thất bại, bị mọi người xung quanh coi thường, thương hại.
- Nghị lực sống có được không chỉ dựa vào nội lực cá nhân mà còn được tiếp sức bởi sự sẻ chia, tình yêu thương của cộng đồng.

***. Liên hệ cuộc sống và rút ra bài học:**

- Ý thức vai trò quan trọng của nghị lực sống, biết cách rèn luyện và duy trì ý

<p>chí, tinh thần mạnh mẽ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết yêu thương, cảm thông và tiếp thêm niềm tin yêu cuộc đời, nghị lực sống cho những người xung quanh. - Biểu dương những tấm gương tiêu biểu cho nghị lực sống mạnh mẽ và phê phán những kẻ hèn nhát, không có ý chí, không có nghị lực. <p>c. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định ý nghĩa của câu chuyện . - Liên hệ bản thân 	
<p>Câu 2: Có ý kiến cho rằng: “Dù được sáng tác theo trào lưu lãng mạn hay hiện thực, những trang viết của nhà văn tài năng và tâm huyết đều thấm đượm tinh thần nhân đạo sâu sắc”.</p> <p>Qua các văn bản “Tức nước vỡ bờ” của Ngô Tất Tố và “Lão Hạc” của Nam Cao em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.</p> <p>.Yêu cầu về kĩ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết đúng kiểu bài văn nghị luận về một ý kiến bàn về tác phẩm văn học. - Bố cục ba phần rõ ràng, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng xác thực. - Trình bày sạch sẽ, sáng sủa, diễn đạt lưu loát, hành văn trong sáng, giàu chất văn, không mắc lỗi câu, từ, chính tả. <p>. Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, nhưng bài viết cần đảm bảo được các nội dung cơ bản dưới đây:</p>	12,0
<p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn dắt, giới thiệu khái quát vấn đề nghị luận. - Trích dẫn nhận định. - Giới hạn phạm vi dẫn chứng: văn bản “ Tức nước vỡ bờ” của Ngô Tất Tố và truyện ngắn “Lão Hạc” của Nam Cao. 	

***. Giải thích nhận định:**

- Tinh thần nhân văn, nhân đạo: là nói đến mối quan hệ tốt đẹp giữa con người với con người, những gì vì con người, cho con người, cho những điều tốt đẹp của bản thân mỗi người. Thường thể hiện ở tiếng nói yêu thương, trân trọng con người, ca ngợi vẻ đẹp của tình người, sự cảm thông với những số phận đau khổ, bất hạnh, đồng thời lên án, phê phán, tố cáo cái xấu, cái ác, ngọn nguồn của những khổ đau bất hạnh.

-> **Ý kiến muốn khẳng định:** Trong sáng tác văn học, các trào lưu lãng mạn và hiện thực có cách thức và nội dung phản ánh hiện thực khác nhau, nhưng trên những trang viết, các nhà văn tài năng đều thể hiện tinh thần nhân đạo sâu sắc.

***. Chứng minh qua văn bản “Tức nước vỡ bờ” của Ngô Tất Tố và văn bản “Lão Hạc” của Nam Cao.**

** Giới thiệu ngắn gọn chung về Nam Cao và Ngô Tất Tố cùng hai văn bản để thấy đây là hai nhà văn tài năng, tâm huyết và khẳng định: với những cách khác nhau hai văn bản đều tỏa sáng tinh thần nhân văn, nhân đạo.*

- Nam Cao và Ngô Tất Tố đều là những nhà văn tài năng và tâm huyết của văn học hiện thực Việt Nam giai đoạn 1930-1945.

+ Nam Cao được bạn đọc yêu mến bởi những trang viết chân thực và sâu sắc về người nông dân nghèo đói bị vùi dập và người tri thức nghèo phải sống mòn, bết tắc trong xã hội cũ... Truyện ngắn “Lão Hạc” là một trong những truyện ngắn tiêu biểu.

+ Ngô Tất Tố được coi là “nhà văn của nông dân”, là một nhà văn am hiểu trên nhiều lĩnh vực nghiên cứu, học thuật sáng tác. Văn bản “Tức nước vỡ bờ” là trang viết sinh động trong Tiểu thuyết “Tắt đèn” nổi tiếng của ông.

- Bằng hai cách viết khác nhau nhưng cùng theo trào lưu hiện thực văn bản “Lão Hạc” của Nam Cao và “Tức nước vỡ bờ” của Ngô Tất Tố đều là những trang viết thấm đẫm tinh thần nhân đạo của những nhà văn tài năng và tâm

huyết: Đó là tiếng nói đồng cảm với nỗi khổ đau của người nông dân trong xã hội cũ, trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp của người nông dân và lên án tố cáo các thế lực tàn bạo đẩy người nông dân vào bần cùng, khổ đau bất hạnh....

. *Phân tích, chứng minh tinh thần nhân đạo trong hai văn bản “Lão Hạc” và “Tức nước vỡ bờ”.

.1. *Thứ nhất tinh thần nhân đạo thể hiện tiếng nói cảm thông với những đau khổ bất hạnh của con người:

Truyện “Lão Hạc”:

- Nam Cao cảm thương cho lão Hạc, một lão nông dân nghèo khổ, bất hạnh, đáng thương sống trong thời kì thực dân phong kiến. (Dẫn chứng)
- Cảm thông với tấm lòng của người cha rất mực yêu thương con, luôn vun đắp dành dụm những gì có thể có để cho con có cuộc sống hạnh phúc...

Văn bản “Tức nước vỡ bờ”:

- Ngô Tất Tố đã thấu hiểu, cảm thông sâu sắc về tình cảnh cơ cực, bế tắc của người nông dân qua tình cảnh thê thảm đáng thương của gia đình chị Dậu trong buổi sáng, lúc bọn tay sai ập đến. (Dẫn chứng)

.2. *Tinh thần nhân đạo ấy còn thể hiện qua lời ngợi ca, trân trọng, tin tưởng những phẩm chất tốt đẹp của con người.

- + Với “Lão Hạc” Nam Cao đã trân trọng, ca ngợi lão Hạc, lão nông dân nghèo khổ nhưng có phẩm chất vô cùng cao đẹp: tấm lòng nhân hậu, trái tim giàu lòng yêu thương, lối sống tự trọng. (Dẫn chứng)
- + Trong “Tức nước vỡ bờ” Ngô Tất Tố với tinh thần nhân đạo của nhà văn đầy tâm huyết đã phát hiện và ngợi ca tâm hồn cao đẹp của chị Dậu, người phụ nữ nông dân Việt Nam hiền lành, chất phác nhưng giàu tình yêu thương chồng con và tinh thần phản kháng mãnh liệt. (Dẫn chứng)

.3. *Tinh thần nhân đạo ấy còn thể hiện qua tiếng nói lên án, phê phán cái xấu, cái ác, sự bất công, ngọn nguồn của những khổ đau bất hạnh đối

với con người.

- Văn bản “Lão Hạc” gián tiếp tố cáo xã hội phong kiến với hủ tục, chính sách thuế khóa nặng nề, khiến con trai lão Hạc vì nhà nghèo mà không lấy được vợ, phải phần chi bỏ đi làm đồn điền cao su để lão Hạc phải sống trong cảnh tuổi già cô đơn không người chăm sóc. (Dẫn chứng)

- Với “Tức nước vỡ bờ” Ngô Tất Tố đã lên án bộ mặt tàn ác, bất nhân của xã hội thực dân nửa phong kiến đương thời qua việc miêu tả lỗi hành xử của các nhân vật thuộc bộ máy chính quyền thực dân nửa phong kiến, đại diện cho giai cấp thống trị. (Dẫn chứng)

*** Nghệ thuật:**

- Truyện ngắn “Lão Hạc” của Nam Cao: nghệ thuật kể chuyện đặc sắc kết hợp tự sự, trữ tình, lập luận thể hiện nhân vật qua chiều sâu tâm lí với diễn biến tâm trạng phức tạp cùng việc lựa chọn ngôi kể hợp lí, sử dụng ngôn ngữ hiệu quả, lối kể chuyện khách quan.

- Đoạn trích “Tức nước vỡ bờ” của Ngô Tất Tố: xây dựng tình huống đầy kịch tính, sử dụng lối kể chuyện, miêu tả nhân vật chân thực, sinh động (từ ngoại hình, ngôn ngữ, hành động, tâm lí)

- Hai nhà văn tài năng, tâm huyết đã thể hiện tinh thần nhân đạo theo cách của riêng mình nhưng đều cho người đọc thấy được những phẩm chất cao đẹp của người dân trong xã hội thực dân phong kiến dù họ phải sống trong cảnh khốn cùng. Họ thực sự là những bông hoa sen thơm chốn “bùn lầy nước đọng”.

*** . Đánh giá chung:**

Ý kiến nhận định cho thấy tinh thần nhân đạo như sợi chỉ xuyên suốt trong những sáng tác của các nhà văn có tài năng và tâm huyết. Nó luôn chi phối các nhà văn cầm bút sáng tác để họ hướng ngòi bút của mình về con người, vì con người. Tinh thần nhân đạo trong các tác phẩm thơ ca chính là tiếng lòng của những nhà văn tài năng, tâm huyết góp phần tạo nên sức mạnh của

văn chương chân chính, của “nghệ thuật vị nhân sinh”.

c. Kết bài:

- Khẳng định ý kiến và giá trị của tác phẩm.
- Liên hệ mở rộng.

ĐỀ SỐ 21:

Câu 1(8,0 điểm):

Người chìa tay và xin con một đồng.

Lần thứ nhất con hãy tặng người ấy hai đồng.

Lần thứ hai hãy biếu họ một đồng.

Lần thứ ba con phải biết lắc đầu.

Và đến lần thứ tư con hãy im lặng, bước đi.

...

(Gửi con - Bùi Nguyễn Trường Kiên)

Suy nghĩ của anh (chị) về vấn đề đặt ra trong mẫu chuyện trên?

Câu 2: (12,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: “ Truyện “Chiếc lá cuối cùng” của O. Hen-ri là bức thông điệp màu xanh về tình thương và sự sống con người”. Hãy phân tích để làm sáng tỏ ý kiến trên.

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
Câu 1: <i>Suy nghĩ của anh (chị) về vấn đề đặt ra trong mẫu chuyện trên?</i>	8,0
<p>* Nêu vấn đề cần nghị luận: giới thiệu mẫu chuyện và cách ứng xử đúng đắn với những người gặp khó khăn và những người sống ý lại</p> <p>* Giải thích ý nghĩa mẫu chuyện</p> <p>– “Người chìa tay”- người ăn xin, người nghèo đói, khó khăn , túng thiếu, cần được giúp đỡ kịp thời để duy trì sự sống.</p>	

- Người chìa tay xin lần I, lần II: là người cần giúp đỡ
- Người chìa tay xin lần III, lần IV là những người ỷ lại vào sự giúp đỡ của người khác, là người thiếu tự trọng, thiếu ý thức vươn lên
- “tặng”, “biếu”- là cho đi với thái độ tôn trọng
- “lắc đầu”, “im lặng bước đi”: sự từ chối kiên quyết, dứt khoát

-> Ý nghĩa chung của mẩu chuyện: Thái độ ứng xử với những người đang gặp khó khăn, sẵn lòng chia sẻ giúp đỡ, nhưng cũng cần dứt khoát, kiên quyết từ chối nếu cảm nhận được sự ỷ lại trông chờ.

*** Lý giải**

***.1. Vì sao cần sẵn lòng chia sẻ giúp đỡ?**

- Đối với người đang gặp khó khăn: Tạm thời khắc phục, giải quyết được những khó khăn trước mắt, giúp họ có cuộc sống ổn định và tốt đẹp hơn
- Sự chia sẻ giúp đỡ kịp thời bằng thái độ chân thành, tôn trọng sẽ tạo ra mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người, tạo được môi trường sống đầy tính nhân văn...
- Người biết sẻ chia sẽ hoàn thiện hơn về nhân cách, tình yêu thương, lòng vị tha, làm đẹp thêm đạo lí sống: “ Thương người như thể thương thân”

***.2. Vì sao cần dứt khoát chối từ khi cảm nhận được người kia có tính ỷ lại?**

- Với những kẻ ỷ lại, trông chờ thì lòng tốt, sự giúp đỡ trở nên vô nghĩa
- Giúp đỡ những người như vậy là ta đã lãng phí lòng tốt, tạo điều kiện cho tính xấu ở con người phát triển, lười lao động... dẫn đến sự bất công trong xã hội
- Phải có thái độ cương quyết để cảnh tỉnh những người có thói quen sống

<p>nhờ, sống dựa</p> <p>* Bàn luận, mở rộng vấn đề</p> <ul style="list-style-type: none"> – Mẫu chuyện trên đề cập đến một vấn đề trong đời sống con người, trong xã hội nói chung, trong các mối quan hệ cá nhân nói riêng + Có không ít người đang gặp khó khăn, đang cần sự giúp đỡ để thay đổi số phận + Cũng có không ít những người sống ỷ lại, lạm dụng lòng tốt của mọi người xung quanh có thể họ quá kém cỏi, thiếu hiểu biết hoặc do lười biếng – Biết ứng xử đúng đắn, vừa đáp ứng được những nhu cầu về đạo đức, vừa không lãng phí tâm sức tấm lòng của mình cho những trường hợp không đáng có luôn là lối sống đẹp và thông minh <p>* Bài học nhận thức và hành động</p> <ul style="list-style-type: none"> – Cần có sự hiểu biết tình huống để phân biệt người cần giúp đỡ thực sự – Cần bản lĩnh để nói lời từ chối – Trau dồi lối sống đẹp: biết yêu thương, sẻ chia, biết nhìn nhận cuộc sống ở nhiều góc độ để có những hành động việc làm cho phù hợp. 	
<p>Câu 2:</p> <p>Có ý kiến cho rằng: “ Truyện “ <i>Chiếc lá cuối cùng</i>” của O. Hen-ri là bức thông điệp màu xanh về tình thương và sự sống con người”. Hãy phân tích để làm sáng tỏ ý kiến trên.</p>	12,0
<p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả O. Hen-ri và truyện ngắn “ Chiếc lá cuối cùng” - Khái quát nội dung đoạn trích, trích lời nhận định. 	

b. Thân bài: Chứng minh nhận định bằng việc phân tích nội dung đoạn trích.

- Truyện ngắn “Chiếc lá cuối cùng” là một bức thông điệp màu xanh về tình bạn cao quý, cảm động.

+ Xiu và Giôn-xi là hai nữ họa sĩ trẻ sống chung trong một căn hộ thuê rẻ tiền ở gần công viên Oa-sinh-ton. Giôn-xi bị mắc bệnh viêm phổi. Bệnh tật và nghèo túng khiến cô suy sụp về mặt tinh thần, cô gắn sự sống của mình vào những chiếc lá thường xuân đối diện với cửa sổ và chờ khi nào chiếc lá cuối cùng rụng nốt thì cô cũng buông xuôi lìa đời.

+ Chính trong tình cảnh bi đát ấy tình bạn đã được thử thách. Xiu thương Giôn-xi vô cùng, cô thức gần như suốt đêm để chăm sóc bạn, động viên bạn, (dẫn chứng câu văn cụ thể) , mời bác sĩ, cầu cứu bác Bơ- men, quấy cháo....

->Xiu là hiện thân của một trái tim nhân hậu, giàu tình yêu thương bạn bè.

- Truyện ngắn “Chiếc lá cuối cùng” là một bức thông điệp màu xanh về tình người, tình cảm cao quý của người họa sĩ già, bác Bơ men với Giôn-xi.

+ Bác Bơ-men đã 60 tuổi, đã 40 năm nay bác mơ ước vẽ được 1 kiệt tác nhưng chưa thực hiện được. Bác thường ngồi làm mẫu cho các họa sĩ vẽ để kiếm tiền. Biết tin Giôn-xi bị bệnh lại đang trọng trạng thái tâm lí tuyệt vọng không muốn sống nữa, bác đã vô cùng lo lắng.

+ Vào cái đêm mưa gió , khi mà chiếc lá thường xuân cuối cùng đã lìa cành, bác đã có một hành động hết sức cao cả : vẽ chiếc lá thường xuân trong đêm mưa tuyết và gió lạnh,dưới ánh sáng của một chiếc đèn bão. Bác đã bị viêm phổi nặng và vĩnh viễn ra đi mà không biết rằng chiếc lá cuối cùng là một kiệt tác.

+ Bức tranh chiếc lá cuối cùng là 1 sản phẩm của tấm lòng yêu thương con người sâu sắc. Nó thể hiện tình cảm chân thành xuất phát từ trái tim nhân đạo đầy tình người bao la của người họa sĩ già. Bác đã vẽ chiếc lá để lấy lại sự sống cho Giôn-xi từ tay thần chết, đem lại niềm tin và nghị lực sống cho cô.

->Bác Bơ-men đã ngã xuống vì nghệ thuật, đã hi sinh vì sự sống và hạnh phúc của người khác. Sự ra đi của người họa sĩ già đã để lại trong lòng người đọc

niềm xúc động chân thành.

c. Kết bài:

- Khẳng định lại giá trị nội dung của truyện “ Chiếc lá cuối cùng”.

O. Hen-ri muốn gửi tới người đọc một bức thông điệp: con người hãy sống với nhau bằng tình yêu thương; nghệ thuật chân chính là nghệ thuật hướng tới con người, phục vụ con người.

ĐỀ SỐ 22:

Câu 1. (8,0 điểm) Hãy quan sát bức tranh sau đây:



(Nguồn: internet)

Con người trong xã hội hiện đại đang bị "cắm tù" bởi chính chiếc điện thoại thông minh của họ?

Em hãy trình bày quan điểm của mình.

Câu 2. (12,0 điểm)

Một kết thúc bất ngờ bao giờ cũng chứa đựng kịch tính và sự thú vị, đặc biệt sẽ gây ấn tượng và sự liên tưởng sâu xa, tạo cho tác phẩm có vang hưởng.

(Bùi Việt Thắng, Bình luận truyện ngắn, Nxb Văn học, Hà Nội, 1999)

Phân tích đoạn kết truyện ngắn Lão Hạc (Nam Cao) dưới đây để làm rõ nhận định trên.

Không! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác. Tôi ở nhà Binh Tư về được một lúc lâu thì thấy những tiếng nhón nháo ở bên nhà lão Hạc. Tôi mãi một chạy sang. Một người hàng xóm đến trước tôi đang xôn xao

ở trong nhà. Tôi xông xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc, Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên. Hai người đàn ông lực lưỡng phải ngồi đè lên người lão. Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết. Cái chết thật là dữ dội, Chẳng ai hiểu lão chết vì bệnh gì mà đau đớn và bất thành linh như vậy. Chỉ có tôi với Binh Tư hiểu.

Nhưng nói ra làm gì nữa! Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão về, tôi sẽ trao lại cho hân và bảo hân: "Đây là cái vườn mà ông cố thân sinh ra anh đã có để lại cho anh trọn vẹn; cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào..."".

(Ngữ Văn 8, Tập Một, Nxb Giáo dục Việt Nam. 2018)

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
<p>Câu 1: Trình bày quan điểm: Con người trong xã hội hiện đại đang bị "cầm tù" bởi chính chiếc điện thoại thông minh của họ?</p> <p>* Giải thích</p> <p>- Ý nghĩa của bức tranh:</p> <p>+ Một bức tranh biếm họa về cuộc sống của con người trong thời đại công nghiệp</p> <p>4.0</p> <p>+ Phản ánh một mặt trái của công nghệ và sự lan truyền chóng mặt của internet.</p> <p>+ Ý tưởng đặt ra từ bức tranh: Con người có đang bị “cầm tù” bởi chính chiếc điện thoại thông minh của họ?</p> <p>- Nêu quan điểm: Đây là một đề mở, không có đáp án đúng sai. Thí sinh hoàn toàn có thể bày tỏ quan điểm theo nhiều hướng khác nhau. Ví dụ:</p> <p>+ Khẳng định một thực trạng phổ biến hiện nay là con người sử dụng điện thoại thông minh quá nhiều dẫn đến bị lệ thuộc bởi nó, và bị nó “cầm tù”.</p> <p>+ Khẳng định thực trạng con người hiện đại sử dụng điện thoại thông minh một cách tự do, chủ động, phát huy hết tính năng tiện ích của nó phục vụ cho cuộc sống và công việc của bản thân: Không bị “cầm tù” bởi điện thoại.</p> <p>+ Hoặc bày tỏ quan điểm riêng của bản thân về tính hai mặt của vấn đề.</p>	8.0

*** Nêu các biểu hiện của thực trạng và bình luận.**

****.1. Vai trò của điện thoại thông minh trong cuộc sống của con người ở xã hội hiện đại.***

- Điện thoại thông minh là một thiết bị sáng tạo của nền công nghệ kỹ thuật số với sự đa dạng tính năng: nghe gọi điện thoại, nghe nhạc, chụp ảnh, kết nối internet, lưu trữ dữ liệu, tải các phần mềm ứng dụng...

- Điện thoại thông minh giúp con người kết nối với người khác bằng nhiều kênh khác nhau, không chỉ bằng âm thanh, giọng nói và còn bằng hình ảnh.

- Điện thoại thông minh là phương tiện giải trí vô cùng phong phú: âm nhạc, phim ảnh, trò chơi...

- Điện thoại thông minh giúp con người kết nối với thế giới qua mạng xã hội: cung cấp nhiều tri thức, thông tin..., nhiều lĩnh vực ở những không gian, thời gian khác nhau qua internet

- Điện thoại thông minh là nơi lưu giữ dữ liệu phong phú của con người, giúp họ xử lý công việc một cách nhanh chóng, hiệu quả và tiện lợi...

****.2. Bày tỏ quan điểm về thực trạng sử dụng điện thoại thông minh của con người trong xã hội hiện đại, phân tích tính chất hai mặt của nó.***

- Con người không bị "cầm tù" bởi điện thoại thông minh: Con người sử dụng điện thoại thông minh một cách hợp lý, phát huy hết các tính năng của nó mà không bị phụ thuộc bởi nó. Con người sử dụng điện thoại thông minh như là một công cụ hữu hiệu để nâng cao giá trị, chất lượng cuộc sống của bản thân.

- Con người đang bị "cầm tù" bởi điện thoại thông minh của họ:

+ Khái niệm "cầm tù" ở đây được hiểu theo nghĩa: con người trở thành "nô lệ" của điện thoại thông minh, bị điều khiển bởi điện thoại thông minh và những thứ liên quan đến nó. Họ không còn được tự do nhất là trong tư duy, tư tưởng, trong người công cụ, hành động như một cái máy vô cảm.

+ Dùng điện thoại thông minh dẫn đến nghiện mạng xã hội, sống ảo, lệch lạc trong nhận thức và lối sống.

+ Con người dùng điện thoại thông minh dẫn đến nghiện các trò chơi trên internet, ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất và tinh thần...

+ Con người dùng điện thoại thông minh trở nên bị lệ thuộc bởi nó, nếu không có nó thì tất cả mọi hoạt động dường như bị ngưng trệ, khó khăn và thậm chí không

thể thực hiện được...

+ Con người mải mê với thế giới ảo trên mạng xã hội, trở nên vô cảm, ích kỉ, không quan tâm nuôi dưỡng những mối quan hệ trong đời thực.

+ Nhiều căn bệnh tâm lý của con người hiện đại nảy sinh vì lạm dụng điện thoại thông minh: trầm cảm, tự kỉ, trẻ em chậm nói, tăng động giảm chú ý, lệch lạc trong nhận thức tư duy, thậm chí não bộ của cũng có thể phát triển không bình thường...v.v..

+ Nguy hại nhất là những “tù nhân”/ “nô lệ” của điện thoại thông minh luôn ảo tưởng về chính mình, cho rằng mình là con người phát triển về khoa học, về trí tuệ, hiện đại. Tuy nhiên, trên thực tế, tư duy của loại người này nghèo nàn, chủ yếu thiên về tiếp nhận thông tin nén gọn và có tính hình ảnh. Họ gần như không có khả năng tiếp nhận những gì trừu tượng và sâu sắc. Với những lĩnh vực như văn học, triết học, khoa học và các hoạt động khác của con người, nơi bộc lộ trí tuệ, họ chỉ tiếp thu được một cách lớt phớt và tản mạn.

+ Ý thức của những "nô lệ" điện thoại thông minh cũng rất hỗn độn, không có tính hệ thống, trật tự do tiếp nhận cùng một lúc các dạng thông tin khác nhau bằng các cách khác nhau. Nói đúng hơn, bên trong họ là một sự trống rỗng, họ chỉ tồn tại khi dùng internet. Cho nên họ rất dễ bị tác động bởi những tiếng nói bên ngoài mình, trở thành con rối vô cảm, không có tư duy. Họ hình thành những lối sống giả với nhân cách giả trên mạng xã hội, chứ không phải sống với những tình cảm, trải nghiệm và khát vọng cá nhân của một con người thực sự. Bằng cách đó, điện thoại thông minh đã “cầm tù” con người, lấy đi của họ rất nhiều thứ, mất mát lớn nhất là mất mát tự do trong tư duy, tư tưởng,

+ Hiện tượng “nô lệ” điện thoại thông minh không còn là hiện tượng hiếm gặp mà đi khá phổ biến trong xã hội hiện nay, đặc biệt là ở một bộ phận giới trẻ, khi mà họ lớn lên thì internet đã trở thành cái gì như là tất yếu.

***. Bài học nhận thức, hành động**

- Nhận thức được tính hai mặt của vấn đề

+ Điện thoại thông minh là thiết bị công nghệ không thể thiếu trong cuộc cách mạng 4.0 hiện nay: là phương tiện giúp con người kết nối với thế giới, trở thành

<p>công dân toàn cầu.</p> <p>+ Tuy nhiên khi con người, đặc biệt người trẻ không chú trọng con đường phát triển cá nhân bằng nỗ lực tìm tòi, nghiên cứu, học hỏi và rèn luyện các kỹ năng trong môi trường trải nghiệm thực sự của cuộc sống, mà chỉ chăm chú vào điện thoại và lệ thuộc bởi nó thực sự vô cùng lại hại. Khi đó điện thoại thông minh, cái dùng để phát triển lại trở thành nguồn gốc của sự nô lệ và nguyên nhân bên trong của sự trống rỗng và thiếu năng trí tuệ.</p> <p>- Bài học: Sử dụng điện thoại hợp lí..</p>	
<p>Câu 2: Một kết thúc bất ngờ bao giờ cũng chứa đựng kịch tính và sự thú vị, đặc biệt sẽ gây ấn tượng và sự liên tưởng sâu xa, tạo cho tác phẩm có vang hưởng.</p> <p>Phân tích đoạn kết truyện ngắn <i>Lão Hạc</i> (Nam Cao) để làm rõ nhận định trên.</p> <p>- Về hình thức và kỹ năng: Biết vận dụng các thao tác lập luận để làm bài văn nghị luận văn học.</p> <p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trên cơ sở hiểu biết về nhận định của Bùi Việt Thắng về đặc điểm của phần kết thúc truyện ngắn cùng với những hiểu biết về tác phẩm <i>Lão Hạc</i>- NC, thí sinh lí giải và triển khai nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo những nội dung cơ bản sau:</p> <p>+ Bài có kết cấu chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, có chất văn; không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ, ngữ pháp</p> <p>a. Mở bài:</p> <p>- Giới thiệu vấn đề và trích dẫn ý kiến</p> <p>b. Thân bài:</p> <p>* Giải thích:</p> <p>- Truyện ngắn là tác phẩm tự sự cỡ nhỏ. Với dung lượng ngắn gọn, truyện ngắn thường chú trọng khắc họa một hiện tượng, một khoảnh khắc của sự sống, phát hiện một đặc tính trong quan hệ con người, trong đời sống tâm hồn con người.</p> <p>Trong nghệ thuật viết truyện ngắn, các nhà văn luôn chú ý phần mở đầu và kết thúc truyện ngắn. Theo Bùi Việt Thắng: <i>một kết thúc bất ngờ bao giờ cũng chứa đựng kịch tính và sự thú vị, đặc biệt sẽ gây ấn tượng và sự liên tưởng sâu xa, tạo cho tác phẩm có sức vang hưởng</i>. Nhận định đề cập đến vai trò của phần kết thúc trong việc tạo ra giá trị của một truyện ngắn. .</p>	12.0

- Vai trò của phần kết thúc trong truyện ngắn:

+ Trong truyện ngắn, phần kết thúc đóng vai trò quan trọng đối với sự thành bại của truyện ngắn. Kết thúc truyện ngắn không chỉ có ý nghĩa giản đơn là dừng lại hay chỉ là sự kết thúc câu chuyện, kết thúc số phận nhân vật, kết thúc mâu thuẫn mà kết thúc truyện còn gợi mở ra nhiều vấn đề, nghĩa là tạo cho tác phẩm có dư ba, vang hưởng...

+ Kết thúc truyện cũng bộc lộ tài năng nhà văn trong việc dẫn dắt tình huống truyện, chọn điểm dừng đúng lúc, chứa đựng sự bất ngờ, kịch tính đưa đến cho người đọc nhiều cảm xúc thẩm mĩ: những sự vỡ lẽ, ngạc nhiên, sự xót xa, ám ảnh...

+ Kết thúc một truyện ngắn hay cũng là bắt đầu quá trình đồng sáng tạo ở độc giả, khơi dậy ở người đọc nhiều liên tưởng sâu xa về ý nghĩa của truyện và tư tưởng của nhà văn...

+ Có thể xem kết thúc là cái đích nội dung của truyện, thể hiện nghệ thuật khép truyện của nhà văn. **“Sức mạnh của cú đấm (nghệ thuật) là thuộc về đoạn cuối”.**

* Phân tích đoạn kết tác phẩm “Lão Hạc” để làm rõ nhận định

*.1. Khái quát

- Nam Cao là nhà văn hiện thực xuất sắc với những truyện ngắn, truyện dài chân thực viết về người nông dân nghèo đói bị vùi dập và người tri thức nghèo sống mòn mỏi, bế tắc trong xã hội cũ.

- Lão Hạc là một trong những truyện ngắn xuất sắc viết về người nông dân của Nam Cao, đăng báo lần đầu năm 1943.

- Đoạn văn là phần kết thúc truyện ngắn miêu tả cái chết của lão Hạc và những lời độc thoại nội tâm của nhân vật ông giáo.

*.2. Kết thúc truyện bất ngờ và chứa đựng kịch tính

- Hành động cuối cùng của lão Hạc hoàn toàn bất ngờ đối với suy nghĩ trước đó của các nhân vật ông giáo và Binh Tư. Lời nói, thái độ của lão Hạc trước đó khi sang xin bả chó nhà Binh Tư chỉ là sự che đậy ý định bên trong của lão. Kết thúc truyện tạo ra kịch tính, mâu thuẫn: giữa lời nói bên ngoài (xin bả về đánh bả chó) >< ý định bên trong (dùng bả chó tự sát); giữa phán đoán của người khác về lão (bị cái đói dẫn đến đường cùng đã bị tha hóa nhân cách) hành động thực tế (lão chết để giữ nhân cách). Kết thúc bất ngờ ấy khẳng định một điều: có những bí ẩn, bí mật trong sâu thẳm bên trong người nông dân không dễ gì nhận ra.

- Cho đến cuối truyện, người đọc mới nhận ra rằng cả câu chuyện này là một cuộc chuẩn bị để chết của một con người. Lão Hạc cứ âm thầm sắp xếp, lo liệu những việc cuối cùng của một kiếp người để rồi tự sát mà ông giáo và người đọc không hề hay biết. Những hành động của lão khiến cho ai cũng ngộ nhận rằng lão đã già nua, lần thân, gàn dở. Đến đến cuối cùng khi lão chết mới vỡ lẽ ra vẻ đẹp của một phần nguyên sơ, thánh thiện, vị tha của lão thì đã muộn rồi. Cách dẫn dắt truyện và kết thúc đã tạo ra một quá trình chuyển biến trong nhận thức, ngộ nhận rồi vỡ lẽ, không chỉ đối với nhân vật trong truyện mà đối với cả người đọc.

***.3. Kết thúc truyện gây ấn tượng và sự liên tưởng sâu xa, tạo cho tác phẩm sức vang hưởng.**

- **Ấn tượng** trong cách miêu tả cái chết của lão Hạc: *vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc, tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh, nhảy lên; hai người đàn ông lực lưỡng phải ngồi đè lên người lão, lão vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết...*

Cái chết thật là dữ dội.

- Có bấy nhiêu cách chết nhưng lão lại chọn cái chết dữ dội, chết bằng cách tự đánh bả bản thân mình, chết thê thảm như một con chó, cũng như cách cậu Vàng đã chết trước đó. Một người như lão Hạc, phải đánh lừa một con chó cũng có có nghĩa là đã từ bỏ tư cách làm người lương thiện, do vậy lão đã chết như là sự chuộc tội, thanh minh với cậu Vàng của lão.

- Cái chết của lão Hạc gợi rất nhiều liên tưởng sâu xa về thân phận và vẻ đẹp của người nông dân. Cái chết là sự lựa chọn nghiệt ngã của nhân vật: muốn sống thì phải lổi đạo làm cha, muốn trọn đạo làm cha thì phải chết. Muốn sống thì phải tha hóa nhân cách, muốn bảo toàn nhân cách thì phải chết.

- Cái chết của lão Hạc cũng giúp Nam Cao kí thác nhiều tư tưởng sâu sắc về con người. Điều này được bộc lộ qua dòng suy nghĩ độc thoại nội tâm của ông giáo ở đoạn cuối truyện. **Đó là kết thúc gợi nhiều liên tưởng cho người đọc:**

+ **Niềm tin của Nam Cao về vẻ đẹp của phẩm chất người không mất đi.** Dù xã hội có đầy rẫy bất công, bao nhiêu người đã bị đánh mất nhân tính vì sinh tồn thì vẫn còn có người như lão Hạc, sẵn sàng từ bỏ sự sống của bản thân để giữ được thiên lương thuần khiết (*cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn*). Đây là một biểu hiện quen thuộc của *cảm hứng truy tìm nhân tính* trong nhiều truyện ngắn của Nam Cao.

+ **Nỗi đau đớn xót xa của Nam Cao trước bi kịch của con người trong xã hội cũ:** bị bần cùng hóa, bị cái đói và những thế lực của xã hội chèn ép khiến họ buộc phải tìm đến cái chết bi thương, bế tắc (*Cuộc đời vẫn đáng buồn nhưng theo một nghĩa khác*)

+ **Đoạn kết cũng thể hiện triết lý tình thương của Nam Cao:** Nếu chỉ nhìn người bằng đôi mắt ráo hoảnh của phường ích kỉ thì chỉ thấy con người đáng khinh, đáng ghét: xấu xa, ngu ngốc, bần tiện, bị ốỉ... Phải biết nhìn người bằng đôi mắt của tình thương mới phát hiện những vẻ đẹp nội tâm nhiều khi chỉ tồn tại như những bí mật thâm sâu của họ. => Tư tưởng nhân văn sâu sắc.

***.4. Vài nét về nghệ thuật trần thuật**

c. Kết bài

- Khẳng định lại vấn đề
- Suy nghĩ của bản thân

ĐỀ SỐ 23:**Câu 1 (8,0 điểm)**

Một gia đình nọ vừa dọn đến ở trong một khu phố mới. Sáng hôm sau, vào lúc ăn điểm tâm, đứa con thấy bà hàng xóm giặt tấm vải trên giàn phơi. “Tấm vải bẩn thật” - Cậu bé thốt lên. “Bà ấy không biết giặt, có lẽ bà ấy cần một thứ xà bông mới thì giặt sẽ sạch hơn”. Người mẹ nhìn cảnh ấy nhưng vẫn im lặng. Cậu bé vẫn cứ tiếp tục lời bình phẩm ấy mỗi lần bà hàng xóm phơi tấm vải.

Ít lâu sau, vào một buổi sáng, cậu bé ngạc nhiên vì thấy tấm vải của bà hàng xóm rất sạch, nên cậu nói với mẹ: “Mẹ nhìn kìa ! Bây giờ bà ấy đã biết giặt tấm vải sạch sẽ, trắng tinh rồi!” Người mẹ đáp: “Không, sáng nay mẹ đã lau kính cửa sổ nhà mình đấy”.

Hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về câu chuyện trên đây.

Câu 2 (12,0 điểm)

“Văn học đã viết lên những bản tình ca xúc động về tình mẫu tử, tình phụ tử”. Qua văn bản “Trong lòng mẹ” của Nguyên Hồng và “Lão Hạc” của Nam Cao, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

-----Hết-----

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
Câu 1: Hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về câu chuyện trên.	8,0
<p>a. Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận</p> <p>b. Thân bài:</p> <p>* Nêu ngắn gọn nội dung, ý nghĩa của câu chuyện:</p> <p>- Câu chuyện sử dụng những hình ảnh sống động để giúp ta thấy những thói quen thường thấy trong cuộc sống. Cậu bé quan sát tấm vải qua khung cửa sổ, thấy tấm vải màu đen sạm và kết luận người chủ tấm vải bẩn thỉu, không biết cách giặt giũ... Có vẻ như cậu là người tinh ý, biết quan tâm, nhận xét thế giới quanh mình. Thậm chí cậu còn nghĩ tới cả giải pháp giúp người khác thay đổi. Đây là điểm tích cực ở cậu.</p> <p>- Tuy nhiên, đến một ngày, cậu bé thấy tấm vải trắng sáng. Lúc này, cậu mới thay đổi cách nghĩ về người chủ của nó: bà ấy bắt đầu biết giặt đồ,</p>	

tấm vải bẩn thủ đã trắng lên. Không ngờ, điều thay đổi không phải là tấm vải và người chủ của nó, điều thay đổi là khung cửa sổ nhà cậu bé.

-> Cái nhìn thiên kiến, lệch lạc, mang tính chủ quan, áp đặt, thiếu chính xác.

*** Vận dụng lí lẽ, dẫn chứng để khẳng định vấn đề:**

- Khung cửa sổ là ẩn dụ cho khung cửa tâm hồn. Cậu bé mắc phải tật xấu là đánh giá người khác qua cái nhìn chủ quan và đầy định kiến của mình. Bằng cái nhìn, ý nghĩ xấu về người khác thì cái gì dưới con mắt cậu cũng sẽ trở nên xấu mà thôi.

- Khi nhìn nhận bất cứ vấn đề gì, cần có cái nhìn toàn diện ở nhiều khía cạnh khác nhau. Thậm chí phải đặt vào hoàn cảnh cụ thể để hiểu đúng vấn đề. Không nên chỉ nhìn bề ngoài để đánh giá bản chất. Cần có thời gian trải nghiệm để tự nhận ra bản chất của vấn đề.

- Cần dùng con mắt yêu thương để nhìn nhận vấn đề, có như vậy mới nhìn thấy được những điều tốt đẹp ẩn sâu bên trong dù bề ngoài có vẻ xù xì, xấu xí.

- Trước khi phê bình ai, ta nên kiểm tra trước phẩm chất cái nhìn của ta. Ta xuất phát từ động cơ gì, từ thiện chí ra sao đối với người khác. Đừng xét nét, hẹp hòi với người khác cũng như vội vàng đánh giá, kết luận, về họ mà chưa soi lại cách nhìn nhận, đánh giá cả mình.

- Học sinh lấy những ví dụ thực tế để làm sáng tỏ suy nghĩ, lí giải của mình: tờ giấy trắng và vết mực đen, cái nhìn của nhân vật ông giáo trong "Lão Hạc" của Nam Cao,...

*** Bàn luận, mở rộng vấn đề, nêu ra bài học:**

- Phê phán những người có cái nhìn hẹp hòi với người khác, thiên cận, phiến diện theo kiểu "Thầy bói xem voi", hoặc "Ếch ngồi đáy giếng"...

- Trong cuộc đời cũng như thế: Mọi sự tùy thuộc vào sự sạch sẽ của khung cửa sổ tâm hồn mà qua đó chúng ta quan sát các sự việc! Con mắt là cửa sổ tâm hồn, ta hãy lau sạch cửa sổ tâm hồn của mình bằng sự thiện chí, công tâm, khách quan và cầu tiến. Ta cần trau dồi tri thức để có cái nhìn khoa học, chính xác, tiến bộ,...

c. Kết bài:

<ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định lại ý nghĩa, tác dụng của vấn đề. - Liên hệ bản thân... 	
<p>Câu 2: “Văn học đã viết lên những bản tình ca xúc động về tình mẫu tử, tình phụ tử”. Qua văn bản “Trong lòng mẹ” của Nguyên Hồng và “Lão Hạc” của Nam Cao, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.</p> <p>Về kĩ năng</p> <p>Biết cách viết bài văn nghị luận chứng minh một vấn đề văn học. Vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận. Bố cục hợp lí, chặt chẽ, văn viết mạch lạc, trong sáng, có cảm xúc, không mắc lỗi về chính tả, diễn đạt.</p> <p>. Về kiến thức</p> <p>Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo những nội dung cơ bản sau:</p>	12,0
<p>a. Mở bài:</p> <p>Giới thiệu vấn đề NL.</p> <p>b. Thân bài</p> <p>* Giải thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn học: là một hình thức được các nhà văn sáng tác, tái hiện lại các vấn đề, sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội- con người, qua đó bộc lộ cái nhìn, tư tưởng, tình cảm của nhà văn với cuộc sống. - Văn học viết lên những bản tình ca về tình mẫu tử, phụ tử: Tức là văn học phản ánh những điều chân thực về các tình cảm đó và ngợi ca chúng. -> Đánh giá về vai trò của văn học và thiên chức của nhà văn trong đời sống. <p>* Phân tích - chứng minh vấn đề:</p> <p>- Luận điểm 1: Tình mẫu tử trong văn bản “Trong lòng mẹ”.</p> <p>1.1. Tình cảm của Hồng dành cho mẹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu hoàn cảnh của cậu bé Hồng: Sống xa mẹ, cô đơn, thiếu thốn tình cảm. 	

- Phân tích 2 tình huống truyện: Hồng trò chuyện với bà cô và Hồng gặp lại mẹ sau thời gian xa cách.
- Tình cảm mà Hồng dành cho mẹ là sâu nặng, chiến thắng được sự xa cách về không gian, thời gian, chiến thắng được sự nghiệt ngã của đời như âm mưu chia rẽ của người cô, những định kiến nặng nề của xã hội.
- Tình cảm ấy không chỉ là yêu thương nhớ mong, trân trọng mà còn chuyển hóa thành sự căm phẫn những thế lực làm khổ cuộc đời người mẹ.
- Tình cảm Hồng dành cho mẹ được thể hiện trực tiếp bằng những mong ngóng, khát khao tình mẹ.
- Tình cảm Hồng dành cho mẹ được thể hiện bằng niềm vui sướng, hân hoan, hạnh phúc hả hê, mãn nguyện khi được gặp mẹ.
- > Xây dựng nhân vật bé Hồng còn nhỏ tuổi nhưng tình cảm dành cho mẹ lại không hề nhỏ, ngược lại lớn lao vô cùng. Tình cảm ấy chiến thắng tất cả để trở thành bất tử, đó là bản tình ca đẹp mà một tâm hồn trẻ thơ, trong sáng dành để yêu thương đáng sinh thành.

1.2. Tình cảm của người mẹ.

- Hs nêu hoàn cảnh của người mẹ.
- Mẹ đã sinh ra nuôi dưỡng Hồng và em trong thiếu thốn, nợ nần, chồng nghiện, nhà sa sút.
- Tình cảm mà mẹ dành cho con cũng chiến thắng tất cả. Người mẹ vì cùng túng phải tha hương nhưng không bao giờ quên con, vẫn vượt lên mọi định kiến để trở về bên con.
- > Ngợi ca người mẹ, ngợi ca tình mẫu tử thiêng liêng.

- Luận điểm 2: Tình phụ tử trong văn bản “Lão Hạc”.

- Nêu hoàn cảnh của nhân vật LH.
- Tình cảm mà LH dành cho con được thể hiện qua nhiều cung bậc cảm xúc khác nhau: Day dứt khi không lo được cho con để con phải đi đồn điền cao su, nhớ mong khi con đi xa, qua những câu chuyện kể về con trai với ông giáo hàng xóm... Lão coi cậu Vàng như con cũng là một cách

biểu hiện khác của tình cảm mà lão dành cho con mình.

- Lão yêu thương và dành dụm, bảo vệ tài sản cho con: Ngôi nhà, mảnh vườn,
- Lão yêu con hơn cả mạng sống của mình.

-> LH chọn cái chết để kết thúc cuộc đời nhưng tình cảm mà lão dành cho con là bất tử. Cái chết đáng thương của LH, những tình cảm yêu thương, hi sinh cho con là bản tình ca bất tử về tình phụ tử sống mãi qua thời gian

*** Khái quát, mở rộng.**

- Khái quát giá trị NT và ND chính của 2 TP.
- Khẳng định giá trị của tình phụ tử, mẫu tử.
- Nhấn mạnh lại thiên chức của các nhà văn, nhà thơ trong vai trò phản ánh và ngợi ca cái đẹp của cuộc sống.

c. Kết bài:

- Khẳng định lại vấn đề NL.

ĐỀ SỐ 24:**Câu 1:(8,0 điểm):****THƯỢNG ĐẾ CŨNG KHÔNG BIẾT**

Thượng đế lấy đất sét nắn ra con người. Khi Ngài nắn xong vẫn còn thừa ra một mẩu đất:

– Còn nặn thêm cho mày gì nữa, con người? – Ngài hỏi.

Con người suy nghĩ một lúc thấy mình đã đầy đủ tay, chân, đầu, rồi nói:

– Xin Ngài nặn cho con hạnh phúc.

Thượng đế đủ biết, biết hết nhưng cũng không hiểu được hạnh phúc là gì. Ngài trao cục đất cho con người và nói:

– Này, tự đi và nặn lấy cho mình hạnh phúc.”

Suy nghĩ của em về ý nghĩa của câu chuyện trên.

Câu 2(12,0 điểm):

Về nội dung phần đầu truyện *Người thầy đầu tiên*, sách Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức kỹ năng môn Ngữ Văn THCS – tập 2, viết: “Đoạn trích là bài ca về tình yêu quê hương xứ sở, bài ca về người thầy chân chính.”

Qua văn bản *Hai cây phong* trích phần đầu truyện *Người thầy đầu tiên* của nhà văn Ai-ma-tốp, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

_____ Hết _____

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
Câu 1: Suy nghĩ của em về ý nghĩa của câu chuyện Thượng đế cũng không biết.	8,0

a. Mở bài:

-Trong cuộc sống, có lẽ ai trong số chúng ta cũng đều mong muốn và khao khát có được hạnh phúc cho riêng bản thân mình. Hạnh phúc đôi khi là được làm những điều mà chính bản thân mình thích, là mỗi sớm mai thức dậy mở tung cánh cửa sổ đón cơn gió ùa vào căn phòng nhỏ, hay là khi chúng ta được lắng nghe, chia sẻ,m...Có những hạnh phúc thật đơn giản, bình dị. Nhưng để có được hạnh phúc trong cuộc sống, chúng ta đều phải nỗ lực kiếm tìm nó. Lịch sử nhân loại phát triển của nhân loại đã từng ghi nhận con người sinh ra từ hòn đất được nặn bởi bàn tay khéo léo của thượng đế – đáng toàn năng tối cao có khả năng biết trước được mọi chuyện. Vậy mà, hạnh phúc, tuy đôi khi chỉ là những điều bình dị, nhỏ nhặt nhưng ngay cả thượng đế cũng không biết được

– Câu chuyện “Thượng đế cũng không biết” đem đến cho người đọc những nhận thức về hạnh phúc.

b. Thân bài:*** Giải thích câu chuyện:**

– “Thượng đế”: đáng toàn năng tối cao được nhân loại coi là sở hữu sức mạnh siêu phàm, có thể đoán biết trước được mọi chuyện, là người đã tạo nên loài người chúng ta nhưng lại là người không thể hiểu được hạnh phúc là gì, cho nên không thể nặn, không thể ban phát hạnh phúc cho con người

- “Con người”: được thượng đế trao tặng cho những bộ phận đầy đủ trên cơ thể con người, được trao tặng những giá trị vật chất nhưng lại không được sẵn có hạnh phúc – tinh thần. Thượng đế yêu cầu họ: “Này, tự đi và nắm lấy cho mình hạnh phúc” => tự tìm kiếm hạnh phúc

- “Hạnh phúc”: Hạnh phúc là một trạng thái cảm xúc của con người khi được thỏa mãn một nhu cầu nào đó mang tính trừu tượng. Hạnh phúc là một cảm xúc bậc cao, được cho rằng chỉ có ở loài người, nó mang tính nhân bản sâu sắc và thường chịu tác động của lý trí.

- “Không sẵn có”: không bày ra để con người chiếm lĩnh dễ dàng và tùy ý sử dụng.

- “Này, tự đi và nắm lấy cho mình hạnh phúc”: Hạnh phúc là một cuộc hành trình dài phấn đấu và nỗ lực, không phải là một món quà ban sẵn. Chỉ khi

chúng ta tự kiếm tìm hạnh phúc cho chính bản thân mình, chúng ta mới có thể hiểu và tận hưởng trọn vẹn đầy đủ cảm giác ấy.

- “Hạnh phúc của một người là kết quả nỗ lực của chính anh ta, một khi anh ta đã biết nguyên liệu cần thiết của hạnh phúc chỉ là một ít can đảm, sự tự chối bỏ ở mức độ nhất định, tình yêu công việc, và trên hết, một lương tâm trong sạch.

-> **Câu chuyện mang ý nghĩa giáo dục sâu sắc: Hạnh phúc của mỗi người là kết quả nỗ lực của chính bản thân, một khi ta đã biết nguyên liệu cần thiết của hạnh phúc chỉ là một ít can đảm, sự tự chối bỏ ở mức độ nhất định, tình yêu công việc, và trên hết, một lương tâm trong sạch.**

*** Bàn luận - chứng minh:**

– Hạnh phúc không phải là thứ giá trị vật chất mà là giá trị tinh thần. Tùy vào quan niệm và mức độ thỏa mãn của mỗi người, hạnh phúc sẽ khác nhau. Có những người mong muốn có nhiều tiền, sống một cuộc sống giàu sang sung sướng, đó là hạnh phúc. Nhưng cũng có những người chỉ mong muốn một cuộc sống giản dị, bình yên, đối với họ, đó cũng là hạnh phúc.

– Chính vì hạnh phúc xuất phát từ quan điểm và mức độ thỏa mãn của mỗi con người nên hạnh phúc phải cho chính con người tạo nên bằng những hành động cụ thể. Chỉ có tự tạo ra hạnh phúc, con người mới có thể thực sự cảm nhận được giá trị của hạnh phúc và tận hưởng cuộc sống một cách đầy đủ và ý nghĩa nhất

– Tuy nhiên, hạnh phúc do con người tạo ra phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội và pháp luật. Hạnh phúc phải dựa trên lợi ích của cộng đồng chứ không phải vì thỏa mãn sở nguyện cá nhân.

– Phê phán lối sống dựa dẫm, ỷ lại trông chờ hoặc theo đuổi những hạnh phúc viễn vông, mơ hồ.

+ Đa phần giới trẻ hiện, do sinh ra trong gia đình có điều kiện, nên ỷ lại dựa dẫm, trông chờ người khác đem hạnh phúc đến cho mình

+ Có những con người vì thỏa mãn lợi ích cá nhân mà sẵn sàng dùng mưu mô thủ đoạn hãm hại người khác, chà đạp lên lợi ích cộng đồng

– Chứng minh: trong văn học và trong đời sống.

*** Bài học nhận thức và hành động.**

<p>– Cần có nhận thức đúng đắn về hạnh phúc trong mối quan hệ với cuộc sống của bản thân. Biết cảm thông, chia sẻ, hài hòa giữa hạnh phúc cá nhân với hạnh phúc của mọi người.</p> <p>– Biết vun đắp hạnh phúc bằng những việc làm cụ thể, biết trân trọng, gìn giữ hạnh phúc.</p> <p>c. Kết bài:</p> <p>- Khẳng định ý nghĩa của câu chuyện.</p> <p>- Liên hệ mở rộng.</p>	
<p>Câu 2:</p> <p>Về nội dung phần đầu truyện <i>Người thầy đầu tiên</i>, sách Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức kỹ năng môn Ngữ Văn THCS – tập 2, viết: “<i>Đoạn trích là bài ca về tình yêu quê hương xứ sở, bài ca về người thầy chân chính.</i>”</p> <p>Qua văn bản <i>Hai cây phong</i> trích phần đầu truyện <i>Người thầy đầu tiên</i> của nhà văn Ai-ma-tốp, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.</p>	12,0
<p>a. Mở bài:</p> <p>- Ai-ma-tốp là nhà văn nước Cộng hoà Cu-rơ-gu-xtan...Đề tài chủ yếu trong các truyện ngắn của Ai-ma-tốp là cuộc sống khắc nghiệt nhưng cũng đầy chất lãng mạn của người dân vùng đồi núi Cu-rơ-gu-xtan, tình yêu, tình bạn, tinh thần dũng cảm ... “Người thầy đầu tiên” là một trong những tác phẩm nổi tiếng nhất của ông. Bối cảnh của truyện là một vùng quê hẻo lánh thuộc Cu-rơ-gu-xtan giữa những năm 20 của thế kỉ XX khi nơi đây tư tưởng phong kiến và gia trưởng, còn nặng nề, do đó phụ nữ và trẻ mồ côi bị coi thường và rẻ rúng.</p> <p>- Đoạn trích “Hai cây phong” trong sách giáo khoa do người biên soạn đặt là phần đầu của truyện người thầy đầu tiên.</p> <p>- Dẫn dắt nhận định: “<i>Đoạn trích là bài ca về tình yêu quê hương xứ sở, bài ca về người thầy chân chính.</i>”</p> <p>b. Thân bài:</p> <p>* Khái quát chung:</p> <p>- Hình ảnh hai cây phong được miêu tả với một tâm trạng đầy xúc động của</p>	

người kể chuyện. Nó dẫn dắt người đọc trở lại với 40 năm trước để chứng kiến những tình cảm sâu nặng giữa thầy Duy-sen và cô trò nhỏ An-tư-nai. Người kể chuyện xưng "tôi" (có lúc là "chúng tôi") cũng là người gắn bó với làng quê Ku-ku-rêu, nơi có hai cây phong thân thuộc, gắn với bao kỉ niệm tuổi thơ của mình.

* Phân tích đoạn trích:

***.1. Làm sáng tỏ ý đoạn trích là bài ca về tình yêu quê hương xứ sở:** từ câu chuyện về hình ảnh hai cây phong, Ai-ma-tốp đã gợi lên trong lòng người đọc về cuộc sống tình yêu với quê hương đất nước trong mỗi người - nơi cội nguồn của mỗi cuộc đời - thật giản dị, sâu sắc mà cảm động:

+ Hình ảnh hai cây phong trong cảm nhận của người họa sĩ là biểu tượng của quê hương: như “những ngọn hải đăng ở trên núi, chúng có “tiếng nói riêng”, có “ tâm hồn riêng”... Đó là hình ảnh của quê hương, cũng là biểu tượng cho sức sống mạnh mẽ mà dẻo dai, kiêu hùng bất khuất mà dịu dàng thân thương của những con người Ku-ru-rêu; tình yêu quê hương trong tâm hồn nhà văn như ngát ngậy hòa quyện cùng đất trời, cây lá, con người của quê hương...

+ Hai cây phong còn gắn liền với những kỷ niệm tuổi thơ đẹp để không thể nào quên “Tuổi trẻ của tôi đã để lại nơi ấy, bên cạnh chúng như một mảnh vỡ của chiếc gương thần xanh... ".Hai cây phong nơi ấy chứa bao kỷ niệm của tuổi học trò với những trò chơi thuở nhỏ "Khi bắt đầu nghỉ hè, bọn con trai chạy ào lên đấy phá tổ chim". Ấn tượng sâu đậm trở thành điểm nhớ về hai cây phong trong ký ức của nhân vật ở đây chính là "thế giới diệu kỳ được mở ra trong tâm hồn trẻ thơ" từ góc nhìn, tầm nhìn mà hai cây phong ấy đem lại.... Và trong cõi sâu thẳm ta hiểu rằng nỗi nhớ và cảm xúc cùng thế giới tuổi thơ vẫn đọng lại nguyên vẹn trong hai cây phong ấy chính là tình yêu quê hương da diết.

***.2.Đoạn trích là bài ca về người thầy chân chính**

+ Hai cây phong là nhân chứng của câu chuyện hết sức xúc động về Duy-sen, người thầy đầu tiên và cô bé An- tư-nai gần bốn mươi năm về trước. Chính thầy Duy-sen đã đem hai cây phong về trồng trên đồi cao này cùng

với cô bé An-tư-nai và thầy đã gửi gắm ở hai cây phong non ước mơ, hy vọng những đứa trẻ nghèo khổ, thất học như An-tư-nai sau này sẽ lớn lên, ngày càng được mở mang kiến thức và trở thành những con người hữu ích.

+ Qua hình ảnh hai cây phong nhân vật tôi đã thể hiện lòng biết ơn thầy Duy-sen - người thầy chân chính

*** Đánh giá chung:**

- Từ câu chuyện về hình ảnh hai cây phong, Ai-ma-tốp gợi lên trong lòng người đọc về cuộc sống tình yêu với quê hương đất nước trong mỗi người - nơi cội nguồn của mỗi cuộc đời - thật giản dị, sâu sắc mà cảm động bởi hình ảnh quê hương được gửi gắm qua hình tượng hai cây phong in đậm trong tâm trí người kể chuyện y nguyên chẳng phai mờ.

- Quê hương chính là cái nôi nuôi dưỡng tâm hồn và đó còn là nền tảng để con người có thể đứng lên trong bất kì hoàn cảnh nào. Đó chính là cảm xúc lòng biết ơn của người họa sĩ đối với quê hương nơi chôn rau cắt rốn của mình. Tác phẩm như một lời thức tỉnh đối với chúng ta cho chúng ta những cảm nhận thật gần gũi về quê hương.

Hs có thể so sánh, liên hệ một cách phù hợp với các tác giả, tác phẩm khác...

c. Kết bài:

- Khẳng định giá trị của tác phẩm

- (Có thể) bộc lộ cảm nghĩ, ấn tượng của người viết về tác phẩm

ĐỀ SỐ 25:

Câu 1 (8,0 điểm): Đọc câu chuyện dưới đây:

NHỮNG BÀN TAY CỒNG

Hôm ấy, tôi đang dọn cho sạch mấy ngăn túi trong áo rét của con gái sáu tuổi thì phát hiện ở mỗi ngăn túi là một đôi găng tay. Nghĩ rằng một đôi thôi cũng đủ giữ tay ấm rồi, tôi hỏi con: “ Vì sao con mang tới hai đôi găng tay trong túi áo?” Con tôi trả lời: “Con làm vậy từ lâu rồi. Mẹ biết mà, có nhiều bạn đi học mà không có găng

tay. Nếu con mang thêm một đôi, con có thể cho bạn mượn và tay bạn không bị lạnh”.

(Theo Tuổi mới lớn, NXB trẻ, 2017)

Viết bài văn ngắn trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa, bài học từ câu chuyện trên.

Câu 2 (12,0 điểm): Nhận xét về hai bài thơ *Nhớ rừng* (Thế Lữ) và *Khi con tu hú* (Tố Hữu), có ý kiến cho rằng: Cả hai bài thơ đều thể hiện lòng yêu nước và niềm khao khát tự do cháy bỏng của tầng lớp thanh niên trí thức. Tuy nhiên, thái độ đấu tranh cho tự do của mỗi bài lại hoàn toàn khác nhau.

Bằng hiểu biết của mình về hai bài thơ, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

--- HẾT ---

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
<p>Câu 1: Viết bài văn ngắn trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa, bài học từ câu chuyện ‘Những bàn tay công’.</p> <p>. Về kĩ năng và hình thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết bài văn đảm bảo hình thức, bố cục: Mở bài- Thân bài- Kết bài. - Diễn đạt mạch lạc, không mắc những lỗi thông thường về chính tả, dùng từ, đặt câu. <p>. Về nội dung</p>	8,0
<p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Con người ta được sinh ra, được sống trên đời đã là một hạnh phúc lớn. Nhưng có lẽ được sống trong lòng của những người khác còn là hạnh phúc lớn hơn. Điều tôi muốn nói tới ở đây chính là cảm giác yêu thương và được yêu thương. Có lẽ yêu thương chính là hạnh phúc lớn nhất của con người! 	

- Nếu có một gia vị làm tăng thêm hơi ấm và ý nghĩa trong cuộc sống thì đó chính là tình yêu thương. Nếu có một tình cảm thiêng liêng giúp chúng ta vượt qua bao khó khăn, thử thách thì đó chính là tình yêu thương.

- Câu chuyện ngắn *Những bàn tay cóng* đã để lại trong ta những suy nghĩ thấm thía về tình yêu thương.

b. Thân bài:

***. Tóm tắt và nêu ý nghĩa câu chuyện**

- Tóm tắt (Thí sinh tự tóm tắt).

- Ý nghĩa câu chuyện: Tình yêu thương, sự sẻ chia đùm bọc giữa con người với con người được thể hiện qua những suy nghĩ, việc làm rất hồn nhiên của em bé.

***. Bàn bạc và chứng minh**

- Suy nghĩ và việc làm của em bé là hoàn toàn đúng vì trong xã hội của chúng ta có không ít người gặp hoàn cảnh khó khăn hoặc éo le, bất hạnh. Họ rất cần sự quan tâm, sẻ chia, giúp đỡ của những người xung quanh để có cuộc sống bình thường như bao người khác, để vượt lên vượt qua số phận (Thí sinh lấy dẫn chứng để chứng minh).

- Tình yêu thương đó cần được thể hiện ra bằng những hành động cụ thể, thiết thực. Ở đây, việc làm của em bé tuy nhỏ nhưng ý nghĩa lại vô cùng lớn lao, chứng tỏ em đã biết quan tâm và giúp đỡ các bạn xung quanh mình. Việc làm của em đã đánh thức, khơi dậy ở mỗi chúng ta những tình cảm tương tự như vậy (Thí sinh lấy dẫn chứng để chứng minh).

- Tình yêu thương luôn là nền tảng của đạo đức, là truyền thống đạo lý tốt đẹp của ông cha ta từ xưa cho đến nay mà chúng ta cần giữ gìn và phát huy.

- Xã hội không thể thiếu tình yêu thương, nhất là khi chúng ta gặp khó khăn, trở ngại trong cuộc sống. Hãy yêu thương tất cả mọi người và giúp đỡ nhau từ những việc làm nhỏ nhất để cuộc đời tốt đẹp hơn!

- Hạnh phúc mà tình yêu thương đem lại dành cho cả hai phía:
- + Người cho đi yêu thương sẽ có cảm giác ngọt ngào, êm dịu và bình yên. Và họ cũng sẽ nhận lại được tình yêu thương từ người mình vừa trao tặng.
- + Người được nhận yêu thương thì có thể nhận được rất nhiều. Đối với một đứa trẻ thì đó có thể là mạch nguồn nuôi dưỡng tâm hồn, suối nguồn tươi mát ươm mầm cho một trái tim nhạy cảm. Đó cũng có thể là sức mạnh cảm hóa, bền bờ quay lại đối với một bước chân lầm lỡ.
- + Tình yêu thương có ý nghĩa to lớn không chỉ đối với những người được nhận mà còn khiến những người cho đi cảm thấy hạnh phúc hơn. Như Tố Hữu đã viết:

*Nếu là con chim, chiếc lá
 Thì chim phải hót, chiếc lá phải xanh
 Lẽ nào vay mà không trả
 Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình.
 (Một khúc ca xuân, Tố Hữu)*

- Có một câu châm ngôn rất ý nghĩa: “Khi ta tặng bạn hoa hồng thì tay ta còn vương mùi hương”. Ta sẽ hạnh phúc khi đem lại hạnh phúc cho người khác.
- Yêu thương đem lại hạnh phúc cho nhân loại! Vì vậy, hãy đề ngọn lửa ấm áp của lòng yêu thương soi sáng và sưởi ấm tất cả mọi nơi, kể cả những nơi tăm tối nhất trên Trái đất này.

*** Đánh giá và mở rộng**

- Tình yêu thương chính là một trong những hành trang cần thiết và quan trọng trên đường đi của mỗi người. Chúng ta hãy mang tình yêu thương của mình vun đắp cho cuộc sống này ngày càng tốt đẹp hơn.
- Tình yêu thương là những rung động giữa con người với con người, là lực hấp dẫn kéo con người ta xích lại gần nhau, tạo thành khối thống nhất. Cuộc sống thiếu vắng tình yêu thương thì môi liên kết sẽ vô cùng lỏng lẻo, có thể đứt gãy bất kì lúc nào.

- Hãy dành thật nhiều tình yêu thương của mình cho mọi người. Có ai đó đã nói rằng cho đi một yêu thương, ta sẽ nhận lại một hạnh phúc xứng đáng.

***. Bài học nhận thức và hành động**

- Tuổi trẻ là đối tượng phải mang trên mình nhiều trọng trách nhất với chính bản thân, gia đình và xã hội. Vì thế, trong muôn vàn điều phải học từ kho tàng tri thức nhân loại, phải nhận thức đúng đắn rằng tình yêu thương là đỉnh cao của nền văn minh. Hãy biết sống sẻ chia, cảm thông, thấu hiểu và hướng về cộng đồng, để hoàn thiện nhân cách mình và trở thành những công dân có ích.

- Cuộc sống hiện đại phức tạp, nền kinh tế thị trường phần nào ảnh hưởng đến suy nghĩ, lối sống của nhiều người nên tình yêu thương, tính cộng đồng càng có ý nghĩa hết sức quan trọng trong thời đại ngày nay. Đặc biệt, lớp trẻ cần không ngừng tu dưỡng về đạo đức để có một lối sống đẹp.

c. Kết bài:

- Trên thế gian này, không có vị thần nào đẹp hơn thần Mặt Trời, không có ngọn lửa nào đẹp hơn ngọn lửa yêu thương. Chúng ta hãy mở rộng cánh cửa trái tim, mở rộng tấm lòng yêu thương, mang tình yêu đến với mọi người. Vì không những ta mang hạnh phúc đến cho mọi người, cho chính mình mà còn giúp những người bất hạnh hiểu rằng thế giới này vẫn vô cùng ấm áp tình người.

- Hạnh phúc thật sự chỉ đến khi bạn biết cho đi, chứ không phải nắm giữ thật chặt, hãy đem tình thương của mình để gửi đến muôn nơi, như cố nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã từng nhắn nhủ với mọi người: *Sống trong đời sống, cần có một tấm lòng, để làm gì em biết không? Để gió cuốn đi.*

Câu 2: Nhận xét về hai bài thơ Nhớ rừng (Thế Lữ) và Khi con tu hú (Tố Hữu), có ý kiến cho rằng: Cả hai bài thơ đều thể hiện lòng yêu nước và niềm khao khát tự do cháy bỏng của tầng lớp thanh niên trí thức. Tuy nhiên, thái độ đấu tranh cho tự do của mỗi bài lại hoàn toàn khác nhau.

<p>Bằng hiểu biết của mình về hai bài thơ, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.</p> <p><i>Về kĩ năng và hình thức</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đúng kiểu văn nghị luận, sử dụng hợp lí các thao tác chứng minh, giải thích, lập luận chặt chẽ. - Văn viết lưu loát, không mắc lỗi chính tả. - Khuyến khích những bài có sự sáng tạo, giàu cảm xúc. <p><i>. Về nội dung:</i></p>	12,0
<p>a. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề. (Có thể đi từ khái quát bối cảnh xã hội Việt Nam trước cách mạng tháng Tám năm 1945, dân tộc ta chìm trong ách nô lệ của thực dân Pháp, nhiều thanh niên, trí thức tâm huyết với non sông đất nước đều khao khát tự do hoặc từ việc giới thiệu hai nhà thơ Thế Lữ và Tố Hữu với nét nổi bật trong phong cách thơ của hai tác giả). - Bài thơ <i>Nhớ rừng</i> (Thế Lữ) <i>Khi con tu hú</i> (Tố Hữu) đều nói lên điều đó. - Trích ý kiến... <p>b. Thân bài</p> <p>* Giải thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS giải thích được thế nào là lòng yêu nước. + Tình yêu nước hiểu một cách giản đơn là xuất phát từ tình yêu gia đình, làng xóm, quê hương. Là sự tận hiến, sẵn sàng quên mình vì Tổ quốc. Trong từng thời kì lịch sử lòng yêu nước có những biểu hiện khác nhau. <p>-> Đây là nhận định sâu sắc làm rõ giá trị truyền thống, sợi chỉ đỏ xuyên suốt của văn học Việt Nam.</p> <p>Lần lượt làm rõ hai luận điểm sau:</p> <p>* Luận điểm 1: Cả hai bài thơ đều thể hiện lòng yêu nước và niềm khao</p>	

khát tự do cháy bỏng.

- Vì yêu nước nên mới thấy hết nỗi tủi cực của cuộc sống nô lệ (d/c: *Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt...*), mới uất ức khi bị giam cầm (d/c *Ngột làm sao, chết uất thôi...*)

- Không chấp nhận cuộc sống nô lệ, luôn hướng tới cuộc sống tự do:

+ Trong bài *Nhớ rừng*: Con hổ nhớ về cuộc sống tự do nơi núi rừng đại ngàn: Những đêm trăng đẹp, những ngày mưa, những bình minh, những buổi chiều... Con hổ lúc mơ màng như một thi sĩ, lúc lại như bậc đế vương đầy quyền uy(dẫn chứng).

+ Trong bài *Khi con tu hú*: Người thanh niên yêu nước tuy thân bị tù đầy nhưng tâm hồn vẫn hướng ra ngoài song sắt để cảm nhận bức tranh mùa hè rực rỡ sắc màu, rực rỡ âm thanh, đầy hương vị ngọt ngào...(dẫn chứng)

*** Luận điểm 2: Sự khác nhau trong thái độ đấu tranh tự do.**

+ *Nhớ rừng* là tiếng nói của một tầng lớp thanh niên có tâm sự yêu nước, đau đớn về thân phận nô lệ nhưng chưa tìm được con đường giải thoát, mà gửi gắm tâm tư, khát vọng qua hình tượng con hổ.... Khát vọng tự do trong *Nhớ rừng* không chỉ là khát vọng thoát khỏi ách nô lệ mà còn là khát vọng giải phóng”cái tôi” cá nhân trong sáng tác nghệ thuật của những nhà thơ thuộc phong trào Thơ Mới.

+ *Khi con tu hú* là tiếng nói trực tiếp của một chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi đang phải chịu cảnh tù đầy sống có mục đích, có lí tưởng, biết rõ con đường cứu nước là gian khổ, là phải chịu cảnh tù đầy, là gươm kề cổ, súng kề tai... Nhưng người thanh niên yêu nước ấy vẫn kiên quyết theo đuổi, tin tưởng ở tương lai chiến thắng của cách mạng, đất nước sẽ độc lập, dân tộc sẽ tự do.

c. Kết bài

- Khẳng định lại giá trị của hai bài thơ.

- Trân trọng nỗi niềm yêu nước sâu kín của cả hai tác giả. Đó là nỗi đau nhức nhối vì thân phận nô lệ, khơi dậy niềm khao khát tự do và nhớ tiếc thời oanh

liệt của dân tộc.

- Tiếng nói khao khát tự do, ý thức đấu tranh giành tự do mạnh mẽ trong *Khi con tu hú* có tác dụng tích cực đối với thanh niên đương thời.

- Liên hệ bản thân.

ĐỀ SỐ 26:

Câu 1(4,0 điểm):

Em hãy viết đoạn văn từ 12 đến 15 câu phân tích hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ được dùng trong đoạn thơ sau:

... “Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm

Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi

Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui

Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ

Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa!” ...

(*Bếp lửa*, Bằng Việt, Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục)

Câu 2(4,0 điểm)

Em hãy viết đoạn văn từ 12 đến 20 câu nêu suy nghĩ của em về ý kiến sau:

“*Tương lai của bạn được xây dựng trên rất nhiều yếu tố, nhưng cái quan trọng nhất là chính bạn*”.

Câu 3(12,0 điểm):

Bàn về thơ, Sóng Hồng nhận định: “*Thơ là thơ, đồng thời là họa, là nhạc, là chạm khắc theo một cách riêng*”.

Em hãy làm sáng tỏ nhận định trên qua đoạn thơ sau:

... “ Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối,

Ta say môi đứng uống ánh trăng tan?

Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn,

Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới?

Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,

Tiếng chim ca giấc ngủ ta tung bừng?

Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng.

Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,

Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?

- Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?”

(*Nhớ rừng*, **Thế Lữ**, Ngữ văn 8, tập 2, NXB Giáo dục)

Hết

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
<p>Câu 1: Em hãy viết đoạn văn từ 12 đến 15 câu phân tích hiệu quả nghệ thuật của các biện pháp tu từ được dùng trong đoạn thơ....</p> <p>* Yêu cầu về hình thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đúng hình thức đoạn văn (Số lượng từ 8-> 15 câu), diễn đạt mạch lạc - Không sai lỗi chính tả, dùng từ, lỗi câu. <p>* Yêu cầu về nội dung: Học sinh trình bày theo sự cảm thụ riêng, nhưng phải đảm bảo các ý:</p>	4,0
<p>- Giới thiệu đoạn thơ:</p> <p>Bằng việc lựa chọn và sử dụng các biện pháp tu từ điệp từ, hoán dụ, ẩn dụ một cách đặc sắc, đoạn thơ là dòng suy ngẫm sâu sắc của cháu về “bếp lửa” của bà .</p> <p>- Lần lượt chỉ ra và phân tích hiệu quả của từng phép tu từ:</p> <p>+ Điệp từ <i>nhóm</i> bốn lần lặp lại liên tiếp đầu mỗi câu thơ vừa nhấn mạnh công việc nhóm bếp của bà vừa soi sáng chân dung người bà tần tảo, nhẫn nại, giàu đức hi sinh. Bà không chỉ nhóm lên bếp lửa bằng đôi tay khéo léo để bếp lửa cháy sáng, để có nồi <i>khoai sắn ngọt bùi</i>, có nồi <i>xôi gạo mới</i>. Từ công việc</p>	

<p>nhóm lửa hàng ngày, bà còn nhóm lên cả những nét đẹp tâm hồn tuổi thơ cháu, bồi đắp ước mơ và tình yêu thương cho cháu.</p>	
<p>+ Hoán dụ: <i>khoai sắn ngọt bùi, nồi xôi gạo mới</i> gợi ra tình cảm gắn bó với những gì giản dị, gần gũi của quê hương. Bà bồi đắp cho cháu tình đoàn kết xóm làng.</p> <p>+ Ẩn dụ: bếp lửa vừa tả thực vừa là hình ảnh biểu tượng cho lòng bà, tình yêu thương bà dành cho cháu, trở thành kỉ vật thiêng liêng của tình bà cháu, là hành trang theo cháu suốt hành trình dài rộng của cuộc đời.</p> <p>+ Ẩn dụ: Nhóm niềm yêu thương, <i>khoai sắn ngọt bùi/ Nhóm</i> dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ: Bếp lửa gắn liền với kỉ niệm của hai bà cháu, người bà chính là người nhóm lửa, truyền lửa, tạo nên tuổi thơ cho người cháu, bếp lửa đã khơi dậy những gì bình dị mà thiêng liêng nhất: Bà đã khơi dậy trong lòng cháu một trời yêu thương, bà dựng xây cho cháu một khung trời tuổi thơ vẹn tròn ước mơ, hi vọng, bà là bà nhưng cũng là cha, là mẹ, là người bạn tâm tình cho cháu sự yêu thương, chăm sóc, bảo ban và chia sẻ. ...</p> <p>-> Các phép tu từ trên đã góp phần thể hiện tình cảm và lòng biết ơn sâu sắc của người cháu hiếu thảo phương xa với người bà yêu kính và bếp lửa tuổi thơ.</p>	
<p>Câu 2: Em hãy viết đoạn văn từ 12 đến 20 câu nêu suy nghĩ của em về ý kiến sau: “<i>Tương lai của bạn được xây dựng trên rất nhiều yếu tố, nhưng cái quan trọng nhất là chính bạn</i>”.</p> <p>Yêu cầu về kĩ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đúng yêu cầu của đoạn văn nghị luận xã hội, biết kết hợp nhuần nhuyễn các thao tác lập luận: Giải thích, chứng minh, bình luận, phân tích vấn đề. - Bài viết cần có lập luận chặt chẽ, biết kết hợp nghị luận với biểu cảm. - Diễn đạt mạch lạc, dùng từ chính xác, không mắc lỗi chính tả và viết câu. Khuyến khích những bài viết sáng tạo, chữ đẹp. <p>Yêu cầu về kiến thức: Giám khảo cần linh hoạt đánh giá cao những bài làm</p>	<p>4,0</p>

<p>có sự sáng tạo, có phong cách riêng.</p> <p>Học sinh có thể sắp xếp trình bày theo nhiều cách khác nhau, có thể có những ý kiến riêng nhưng cần đạt được:</p>	
<p>* Nêu, giải thích: Tương lai của mỗi người có thể được xây dựng trên rất nhiều yếu tố nhưng điều quan trọng nhất là chính bản thân mỗi người: câu nói nhấn mạnh và khẳng định <i>vai trò của mỗi cá nhân trong việc tự hình thành nhân cách và quyết định tương lai của mình.</i></p> <p>* Bàn luận một số khía cạnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Mỗi người lớn lên và trưởng thành được là nhờ rất nhiều yếu tố: gia đình, bạn bè, nhà trường, xã hội,... + Nhưng điều quyết định nhất đến sự trưởng thành và tương lai của mỗi người lại là chính bản thân cá nhân người đó: hoàn cảnh sống xung quanh (gia đình, bạn bè, nhà trường, xã hội,...) có vai trò rất quan trọng đối với mỗi người. Tuy nhiên, tiếp nhận, vận dụng hoàn cảnh đó như thế nào, tranh thủ được hay bỏ qua những điều kiện thuận lợi lại do mỗi người quyết định. Vì thế đòi hỏi mỗi người cần tự tin vào chính mình, cần chủ động, dần thân không ngừng sáng tạo, hành động...tức là phải phát huy mọi nỗ lực cá nhân trong mọi hoàn cảnh thì mới có được những thành công trong cuộc sống. + Suy nghĩ về hiện tượng những người sống lệ thuộc, ỷ lại vào người khác, vào gia đình, xã hội ... <p>* Bài học nhận thức và hành động.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhận thức: Câu nói có ý nghĩa động viên và nhắc nhở mỗi người phải biết vươn lên trong cuộc sống để tạo cho mình một tương lai tươi sáng. + Hành động: Tranh thủ những điều kiện thuận lợi xung quanh nhưng chủ yếu vẫn là những cố gắng vươn lên của bản thân trong cuộc sống. 	
<p>Câu 2: Bàn về thơ, Sóng Hồng nhận định: “<i>Thơ là thơ, đồng thời là họa, là nhạc, là chạm khắc theo một cách riêng</i>”.</p> <p>Em hãy làm sáng tỏ nhận định trên qua đoạn thơ</p> <p>. Yêu cầu về kĩ năng:</p>	12,0

- HS có kĩ năng làm bài nghị luận văn học, biết kết hợp các phép lập luận như giải thích, phân tích, chứng minh...
- Biết lựa chọn dẫn chứng, phân tích và bình dẫn chứng sao cho làm sáng rõ vấn đề.
- Biết kết hợp với liên hệ, mở rộng để trình bày vấn đề một cách thấu đáo, toàn diện.
- Văn viết có cảm xúc, diễn đạt lưu loát, trôi chảy; biết dùng từ, đặt câu chuẩn xác, gọi cảm.
- Bố cục bài phải hoàn chỉnh, chặt chẽ.

Yêu cầu về kiến thức:

Học sinh có thể sắp xếp trình bày theo nhiều cách khác nhau, có thể có những ý kiến riêng miễn sao phải phù hợp với yêu cầu của đề bài. Dù triển khai theo trình tự nào cũng cần đạt được những ý chính sau đây.

a. Mở bài:

- Giới thiệu vấn đề nghị luận.
- Trích dẫn ý kiến.

b. Thân bài:

*** Giải thích:**

- Thơ - nhạc - họa đều là các loại hình nghệ thuật, song có sự khác biệt, trước hết là về chất liệu xây dựng hình tượng nghệ thuật để phản ánh cuộc sống. Nếu họa dùng đường nét, màu sắc; nhạc dùng giai điệu, âm thanh thì thơ cũng như các tác phẩm văn chương lại sử dụng ngôn từ làm chất liệu.
- Thơ là một thể loại của văn học, vì vậy trước hết nó phải đảm bảo được đặc trưng của một tác phẩm văn học: ngôn ngữ tinh luyện, hàm súc, đa nghĩa, tạo được sức biểu cảm.
- Thơ là họa: Giá trị tạo hình của ngôn ngữ thơ, ngôn ngữ thơ là ngôn ngữ của

hình ảnh, vẽ ra trong người đọc những bức tranh sống động về cuộc sống.

-Thơ là nhạc: Tính nhạc trong thơ: Nhạc trong thơ được tạo ra từ nhịp điệu, thanh điệu, nghệ thuật phối vần, phối âm...

-Thơ là chạm khắc theo một cách riêng: tài năng trong việc sử dụng từ ngữ, hình ảnh, thanh điệu, nhịp điệu của từng nhà thơ để tạo nên phong cách riêng của mình.

Sóng Hồng đã khẳng định tính chất kì diệu của thơ ca: thơ là thơ nhưng thơ còn có màu sắc, đường nét của hội hoạ, thanh âm của âm nhạc và hình khối của chạm khắc. Tuy nhiên, tất cả những biểu hiện ấy phải được thể hiện theo "một cách riêng" nghĩa là nhà thơ phải có phong cách nghệ thuật riêng.

* Chứng minh

- Thơ là thơ: **Cảm xúc toàn đoạn thơ** là nỗi nhớ của con hổ: Nhớ cảnh rừng thiêng bóng cả, cây, nhớ đến những kỉ niệm một thời oanh liệt. Mỗi nỗi nhớ gắn liền với một cảnh vật, một sinh hoạt, một khoảnh khắc thời gian.

- Nỗi nhớ tiếc xót xa của nó thể hiện khát vọng sống tự do. Ý tưởng ấy rất đẹp và giàu ý nghĩa đối với con người Việt Nam những năm đầu thế kỉ XX khi phải sống tủi nhục trong vòng nô lệ lầm than. Ý tưởng ấy mở ra nhiều liên tưởng và lay tỉnh.

Từ ngữ được sử dụng sắc sảo.

+ Các điệp ngữ đâu những, còn đâu được lặp đi lặp lại như thể hiện nỗi nhớ da diết, sự nuối tiếc tột cùng trong chính bản thân con hổ,

+ Các câu hỏi tu từ và cảm thán đem đến bao ám ảnh mệnh mang.

+ Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu "Cùm từ" "Than ôi!" là câu cảm thán để bày tỏ rõ ràng hơn sự tiếc nuối đó, sự tiếc nuối cho quá khứ hào hùng, oanh liệt của mình, sự tiếc nuối cho số phận của mình và tiếc nuối cho những hoài niệm vô cùng đẹp mà sẽ không bao giờ được gặp lại

-Thơ là họa: **Cảnh núi rừng đã hiện lên** với tất cả sự lớn lao, dữ dội, phi

thường: bóng cả, cây già, gió gào ngàn, giọng nguồn hét núi, ngày mưa chuyển bốn phương ngàn, chiều lênh láng máu... Đoạn thơ là bộ tranh với 4 cảnh được miêu tả hết sức đặc sắc:

+ Bức tranh về một đêm trăng đầy mơ mộng: Cảnh có màu vàng óng ả của trăng, màu xanh trong vắt của nước suối đại ngàn, màu trắng đen mờ ảo của cỏ cây hoa lá. Hình ảnh trung tâm của bức tranh là con Hổ đang đứng trên bờ, say sưa ngắm nhìn cảnh vật đẹp đến say lòng ấy.

+ Bức tranh về thiên nhiên hùng vĩ vào những ngày mưa: Mưa mịt mù, dữ dội rung chuyển cả núi rừng, sự ngã nghiêng của cây cối, cảnh tuôn rơi ồn ào của ngày mưa làm phong nền cho một hồ ta diễm nhiên lặng ngắm giang sơn đổi mới của mình.

+ Bức tranh về thiên nhiên tươi sáng, tung bừng của buổi bình minh: Một buổi bình minh tinh khôi rạng rỡ, chim chóc reo ca, cây cối gọi mời, mọi vật đã thức giấc đón bình minh lên, cảnh vật xung quanh có ồn ào, sôi động bao nhiêu càng làm cho giấc ngủ hổ thêm say, giấc mơ hổ thêm đẹp.

+ Bức tranh về cảnh hoàng hôn: đẹp một cách lộng lẫy và bi tráng, đó là màu đỏ rực của máu và của ánh mặt trời sắp tắt. Bên hồ, dưới chân hồ là cảnh “lênh láng máu” của những con thú yếu hèn. Ngoài xa, trên bầu trời cao rộng mênh mông ấy mặt trời cũng chỉ là một mảnh. Trong bức tranh, mọi vật hình như nhỏ hơn, chìm hẳn chỉ có hồ đứng đầy uy nghi, chễm chệ với tư thế là chúa tể của muôn loài. Chúa sơn lâm mang vẻ đẹp dữ dằn ghê gớm của một mãnh thú đang say mồi.

-> Chỉ bằng vài nét chấm phá mà cảnh có âm thanh, có màu sắc, đường nét hài hòa, sống động, với sự phối cảnh hài hòa, bố cục mỹ cảm, đường nét thanh tao, gam màu chuẩn xác. Bút pháp tạo hình đã tập trung khắc họa cái phi thường làm nổi bật hình ảnh rừng già đầy hoang vu, bí hiểm, dữ dội và oai linh.

-Thơ là nhạc:

+ Thể thơ tám chữ.

+ Cách gieo vần, phối thanh: gieo vần liên tiếp hai câu vần bằng, hai câu vần trắc, vần ở khổ trên tràn xuống vần ở khổ dưới

-> Phù hợp mạch cảm xúc.

- Ngắt nhịp: linh hoạt (ngắn, dài khác nhau) nhằm diễn tả tâm trạng....

- Giọng thơ: Khi thì u uất dần vật, nuối tiếc, xót xa, khi say sưa tha thiết, khi hào hùng, sôi nổi mà đỉnh đặc hùng tráng song nhất quán, liền mạch đầy cảm xúc.

* . **Đánh giá**

- Bằng ngôn ngữ thơ giàu hình tượng, màu sắc và âm thanh, với ngòi bút và biện pháp nghệ thuật tài tình của mình, tác giả đã cho người đọc thấy được bức tranh vô cùng đẹp về cuộc sống trong quá khứ, thay lời con hổ tác giả muốn thể hiện tâm trạng thắm thía nỗi chán chường cảnh sống tù túng, tầm thường và niềm khao khát tự do, vươn lên khỏi những giam cầm của xã hội.

- Khẳng định bài thơ *Nhớ rừng* đã thể hiện tài năng sử dụng ngôn ngữ của Thế Lữ và khả năng nghệ thuật của ngôn ngữ thơ tiếng Việt. Thế Lữ đã để lại bộ tranh hổ bằng ngôn ngữ có một không hai trong lịch sử văn học.

- *Nhớ rừng* đã góp phần quan trọng vào việc đổi mới thơ ca và đem lại chiến thắng cho Thơ mới.

c. **Kết bài**

- Khẳng định lại vấn đề.

- Liên hệ bản thân

ĐỀ SỐ 27:

Câu 1 (8,0 điểm)

Suy nghĩ của em về những điều vị giáo sư muốn nhấn nhủ trong câu chuyện sau?

Một giáo sư Triết học đứng trước lớp với một cái lọ lớn và trống rỗng. Sau đó bắt đầu đổ một ít đá vào trong bình. Sau đó, ông hỏi các học sinh liệu chiếc bình như vậy đã đầy hay chưa? Mọi người đều đồng ý là có.

Vì vậy, ngay hôm sau đó giáo sư đã chọn một hộp sỏi và đổ tiếp chúng vào bình. Ông lắc nhẹ bình, tất nhiên, các viên sỏi lặn vào các khe hở giữa những tảng đá. Sau đó, ông hỏi các học sinh một lần nữa nếu bình đã đầy. Họ vẫn đồng ý.

Vị giáo sư cầm lên một hộp cát và đổ vào tiếp theo. Tất nhiên, cát lấp đầy mọi thứ khác. Kế đến ông hỏi một lần nữa nếu bình đã đầy. Các sinh viên phản ứng rất nhanh và nhất trí “Có”.

“Bây giờ” giáo sư nói, “Tôi muốn bạn nhận ra rằng chiếc bình này đại diện cho cuộc sống của bạn. Các hòn đá là những điều quan trọng- gia đình của bạn, người yêu thương của bạn, sức khỏe của bạn, con cái của bạn. Các viên sỏi là các thứ khác mà chúng quan trọng như công việc của bạn, ngôi nhà của bạn, xe của bạn. Cát là tất cả mọi thứ còn lại. “Nếu bạn đặt cát vào bình đầu tiên”, ông tiếp tục, “sẽ không có chỗ cho các viên sỏi hoặc đá. Những thứ gắn liền với cuộc sống của bạn”.

(Theo Internet)

Câu 2: (12,0 điểm)

“Nhớ rừng” của Thế Lữ là một bài thơ hay, tiêu biểu của phong trào Thơ mới và của tác giả trên hai phương diện: tính điêu luyện, phóng khoáng, già dặn của Thơ mới và tình cảm yêu nước kín đáo, âm thầm.

Em hãy làm sáng tỏ nhận xét trên?

-----Hết-----

ĐÁP ÁN

Nội dung	Điểm
<p>Câu 1: <i>Hãy nêu suy nghĩ của em về những điều tác giả muốn gửi gắm qua câu chuyện “Người ăn xin”</i></p> <p>* Yêu cầu:</p> <p>- HS phải viết được văn bản có bố cục rõ ràng, cấu trúc hợp lý;</p>	8.0

- Diễn đạt trôi chảy, lập luận chặt chẽ. Viết đúng văn phạm; chữ viết rõ ràng, không sai chính tả.

a. Mở bài:

- Giới thiệu và trích dẫn ý kiến.

b. Thân bài:

***Giải thích, nêu ý nghĩa câu nói**

- Bài học mà câu chuyện muốn gửi gắm nằm trong lời tổng kết của vị giáo sư
“Tôi muốn bạn nhận ra rằng chiếc bình này đại diện cho cuộc sống của bạn. Các hòn đá là những điều quan trọng- gia đình của bạn, người yêu thương của bạn, sức khỏe của bạn, con cái của bạn. Các viên sỏi là các thứ khác mà chúng ta quan trọng như công việc của bạn, ngôi nhà của bạn, xe của bạn. Cát là tất cả mọi thứ còn lại. Đặt những hòn đá to vào trước tức là làm những việc quan trọng trước. Sự sắp xếp của những hòn đá tạo ra những lỗ hổng, chỗ trống sẽ được lấp đầy bởi những viên sỏi nhỏ hơn, những công việc, vấn đề thứ yếu hơn. Giữa những viên sỏi lại tồn tại những khoảng trống. Một lần nữa khoảng trống lại được lấp đầy những thứ nhỏ bé hơn. Rõ ràng với cách sắp xếp thứ tự như vậy, người xếp sẽ sử dụng được tối đa diện tích chiếc bình. Nếu làm ngược lại thì những khoảng trống sẽ vẫn còn và thậm chí, nếu không biết cân bằng thì những hòn đá to nhất sẽ không còn chỗ để dựng.

-> **Qua ví dụ của mình vị giáo sư đã đưa đến cho mọi người bài học về sự sắp xếp các mục tiêu, vấn đề trong cuộc sống để tận dụng tối đa những gì mình đang có.**

*** Phân tích, lí giải, bàn luận:**

***.1. Tại sao trong cuộc sống, con người cần phải biết sắp xếp, cân bằng các công việc, mục tiêu?**

+ Cuộc đời ngắn ngủi. Thời gian, khả năng của mỗi người có giới hạn. Không ai có thể sống mãi cùng thời gian để thực hiện mọi điều mình muốn. Không ai

có đủ khả năng, năng lực sức lực để thực hiện nhiều công việc, nhiều mục tiêu cùng một lúc. Sắp xếp các công việc, các mục tiêu cùng một lúc sẽ giúp con người tiết kiệm được mục tiêu, thời gian sức lực của mình có.

+ Khi biết sắp xếp hợp lý con người mới có thể làm tốt được mọi công việc, mọi mục tiêu. Các công việc, mục tiêu nếu được phân bố một thời gian, lịch trình hợp lý thì khả năng thành công hoàn thành tốt sẽ cao hơn.

+ Khi biết sắp xếp cuộc đời mình, con người mới có thể tận dụng tối đa năng lực, thời gian mà mình có. Nếu con người chỉ chạy theo những điều thứ yếu sẽ không còn thời gian để làm những điều quan trọng.

***.2. Để sắp xếp cuộc đời mình một cách đúng đắn, hợp lý:**

+ Trước tiên tự xác định cho mình điều gì là quan trọng nhất;

+ Dành nhiều thời gian, sức lực ưu tiên cho những điều quan trọng;

+ Những điều ít quan trọng hơn sẽ trở thành những vật lấp đầy, bổ sung cho cuộc sống

(Có thể lấy những dẫn chứng thực tế, thuyết phục)

* **Phê phán:** Có kẻ lãng phí thời gian và công sức một cách vô nghĩa. Đáng buồn hơn trong số họ lại có những người tuổi còn trẻ, những người đang ở độ thanh xuân, tràn đầy sức lực. Họ đắm mình trong thú vui, những trò tiêu khiển, vô bổ. Không có mục đích sống rõ ràng và đúng đắn. Những việc quan trọng như gia đình, sức khỏe, sự nghiệp,... bị lãng quên. Hỏi họ làm sao thành công và hạnh phúc? Xã hội với những người như thế làm sao phát triển, phồn vinh.

*** Bài học:**

- Bài học này đúng đắn với mọi người, ở mọi thời đại. Chỉ bằng cách sắp xếp cuộc đời mình một cách hợp lý con người mới không để cuộc đời trôi qua kẽ tay một cách vô nghĩa. Người ta chỉ có thể sống trọn vẹn đời người nếu như biết sắp xếp và cân bằng cuộc sống. Đó cũng chính là yếu tố quan trọng để làm nên thành công và hạnh phúc của con người trên đời.

<p>c. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định ý nghĩa của câu chuyện. - Liên hệ bản thân: Tự nhìn nhận đánh giá lại cách sắp xếp những hòn đá, hòn sỏi, hạt cát của mình như thế nào trong chiếc bình cuộc đời mình. Đề xuất một lối sống phù hợp. 	
<p>Câu 2: “Nhớ rừng” của Thế Lữ là một bài thơ hay, tiêu biểu của phong trào Thơ mới và của tác giả trên hai phương diện: tính điêu luyện, phóng khoáng, già dặn của Thơ mới và tình cảm yêu nước kín đáo, âm thầm.</p> <p>Em hãy làm sáng tỏ nhận xét trên?</p> <p>Yêu cầu về kĩ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài làm có bố cục hoàn chỉnh, hợp lý. - HS viết dạng giải thích nhận định kết hợp với nghị luận chứng minh. Bài viết thể hiện HS có kiến thức về bài thơ “Nhớ rừng”, về tác giả Thế Lữ để làm sáng tỏ thành công của Thế Lữ về <i>02 phương diện tính điêu luyện, phóng khoáng, già dặn của Thơ mới (Nghệ thuật) và tình cảm yêu nước kín đáo, âm thầm (nội dung tư tưởng)</i> trong bài thơ - Diễn đạt mạch lạc, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng chính xác. Dùng từ, đặt câu chuẩn xác. <p>Yêu cầu về nội dung</p>	12.0
<p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả Thế Lữ, bài thơ (phong cách, về đóng góp trong Thơ mới) - Nêu nội dung câu nhận xét và khẳng định. <p>b. Thân bài:</p> <p>* Giải thích nội dung nhận định và khẳng định nhận định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nhớ rừng của Thế Lữ là một bài thơ hay, tiêu biểu của phong trào Thơ mới và của tác giả trên hai phương diện: tính điêu luyện, phóng khoáng, già dặn</i> 	

của Thơ mới và tình cảm yêu nước kín đáo, âm thầm.

+ Điều luyện: đạt đến trình độ cao, do được trau dồi, luyện tập nhiều (thường nói về nghệ thuật, kĩ thuật)

+ Phóng khoáng: không bị gò bó, trói buộc bởi những điều vụn vặt. Ở đây cần hiểu là không bị gò bó về những gì có từ trước đó, những khuôn mẫu về nghệ thuật và nội dung của thơ ca.

+ Già dặn: đã trưởng thành, vững vàng về mọi mặt, do đã từng trải, được rèn luyện nhiều.

+ Tình cảm yêu nước kín đáo, âm thầm: Không bộc lộ một cách trực tiếp mà thể hiện qua hình ảnh biểu tượng, kín đáo trong ngôn từ.

-> Đánh giá về tài năng nghệ thuật của Thế Lữ trong “Nhớ rừng”: Đã đạt đến trình độ cao, không hề bị gò bó bởi khuôn mẫu, đã đạt đến giá trị cao về cách viết Thơ mới. Đồng thời bài thơ cũng thể hiện nội dung tư tưởng yêu nước một cách gián tiếp khéo léo.

*** Chứng minh tính đúng đắn của ý kiến:**

HS có thể chứng minh song song cả hai phương diện ở từng đoạn thơ, khổ thơ hoặc tách riêng các phương diện để chứng minh. Dưới đây là các ý định hướng cần có:

***.1. Trong việc chọn đề tài và xây dựng hình tượng trung tâm :**

- Thế Lữ không lấy những hình tượng đã trở thành khuôn mẫu của thơ ca trung đại (cánh chim, cá chấu chim lồng v...v) mà lấy hình tượng mới mẻ với tính chất cao cả, hùng vĩ đó là mãnh hổ, chúa tể đại ngàn bị giam hãm trong cũi sắt vườn bách thú

=> Thể hiện khuynh hướng đặc sắc của thơ Mới đó là phát huy tối đa cá tính sáng tạo của nhà thơ, giải phóng cái tôi cá nhân khỏi những quan niệm, khuôn khổ, hình tượng đã trở thành sáo mòn của thơ ca trung đại

- Đề tài này bề ngoài khẳng định không phải viết về con người (lời tựa) nhưng

lại khơi gợi sự suy diễn, liên tưởng của người đọc, càng đọc càng thấy thấm thía bởi sự lồng ghép điêu luyện: khát vọng tự do, chán ghét thực tại tầm thường giả dối, tù túng của con hổ hay chính là tâm sự gửi gắm của người sáng tác và cũng là tâm sự chung của những người Việt Nam yêu nước trong hoàn cảnh mất nước.

=> Đề tài thể hiện sự điêu luyện, phóng khoáng, già dặn trong nghệ thuật nhưng cũng đã thể hiện sâu sắc nội dung tư tưởng yêu nước thâm kín:

***.2. Trong ý tưởng:**

- Thông qua thể giới hoài niệm của mãnh hổ (khổ 2,3) ca tụng quá khứ huy hoàng của nó cũng đã giúp tác giả khẳng định quan niệm thẩm mỹ đầy phóng khoáng: cái đẹp nằm ở những cái phi thường, cao hơn cuộc sống hằng ngày buồn tẻ, đơn điệu, bé nhỏ, tầm thường (*hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng*) ...

*** .3. Trong chuyển đổi tình cảm và giọng điệu thơ, cấu tứ độc đáo của bài thơ:**

- Hai dòng đầu giới thiệu hiện trạng và tình cảm của con hổ:

+ Từ “gậm”> tự mình gậm nhấm, nhấm nháp khối căm hờn của mình.

+ Khối căm hờn>tình cảm căm hờn to lớn, nguyên vẹn, chưa tan

+ Tư thế nằm dài> sự chán ngán, bất lực, hổ đã đánh mất tư thế uy nghi của nó.

- 6 dòng thơ tiếp theo thể hiện tâm hồn bên trong của hổ vẫn còn nguyên là con hổ với những kỉ niệm mãnh liệt, với những tình cảm ngang tàng

- 22 dòng tiếp kể về tình thương nỗi nhớ một thời oanh liệt đã mất.

-> Đoạn cuối bài thơ thể hiện tình cảm tha thiết nhưng bi đát, vô vọng.

=> Chủ đề *nhớ rừng* lúc chạm chạp, buồn nản ở phần đầu, dâng cao, đạt dào khi trở về quá khứ, lại tắt lặng đi một cách nặng nề, uất nghẹn khi chứng kiến hiện tại tù túng, tầm thường. Và cuối cùng lại *nhớ rừng* với sự thiết tha, nuối tiếc. Bằng việc luôn chuyển đổi tình cảm và giọng điệu thơ,

Thế Lữ đã diễn tả hết cung bậc cảm xúc của một tâm trạng cô đơn và đầy day dứt.

***.4. Điều luyện, phóng khoáng, già dặn trong nội dung tư tưởng:**

- Bài thơ là khát vọng tự do, phóng khoáng, khát vọng làm chủ giang sơn, đồng thời lại cất lên tiếng thở dài mang ý vị vĩnh biệt một thời oanh liệt.
- Nhưng bài thơ cũng là tuyên ngôn quyết liệt không hòa nhập với thế giới giả tạo, tầm thường.
- + Dù thời oanh liệt không còn nữa, dù một đi không trở lại thì con hổ mãi mãi thuộc về thời kiêu hãnh, chứ không cam tâm làm đồ chơi, mua vui cho con người, không hòa nhập vào hoàn cảnh tầm thường đồng hóa.
- + Con hổ biết mình chiến bại nhưng chưa chịu làm tôi tớ cho sự tầm thường, giải dỗi của cảnh ngục tù, nó bất lực nhưng không hoàn toàn khuất phục và thỏa hiệp.
- Sự từ chối thực tại, dẫu chỉ trong mộng tưởng đó thể hiện tình yêu nước kín đáo, âm thầm.

***.5. Đây ấp những sáng tạo về câu chữ, nhịp điệu, số câu thơ, số chữ trong dòng thơ, cách bỏ vần, tiết tấu âm thanh.**

- Các từ mới tạo: bốn phương ngàn, giấc mộng ngàn, ...
- Hình ảnh lạ, ám ảnh: chiều lênh láng máu, chết mảnh mặt trời
- Các từ khẩu ngữ kiểu như văn xuôi: bọn gấu dờ hơi, len dưới nách những mô gò thấp kém,...được xếp bên cạnh những từ thi vị
- Câu thơ co duỗi thoải mái, khác hẳn thơ luật truyền thống, các điệp từ luyến láy “với...”
- Những chữ bị xô đẩy, bị dẫn vật...

=> Tất cả những sáng tạo trong phương diện nghệ thuật (tính điều luyện, phóng khoáng, già dặn của Thơ mới) để nổi bật giá trị nội dung tình cảm

yêu nước kín đáo, âm thầm của tác giả, của người dân Việt Nam.

***.6. Trong chất hội họa của những hình ảnh, đường nét, màu sắc,...**

Ở mỗi luận điểm học sinh đều phải lấy dẫn chứng cụ thể, phân tích dẫn chứng để làm rõ nhận định ở hai phương diện

*** Đánh giá chung:**

- Khẳng định lại thành công của bài thơ ở hai phương diện.

- ***Nhớ rừng*** của Thế Lữ là một bài thơ hay, tiêu biểu của phong trào Thơ mới và của tác giả trên hai phương diện: tính điêu luyện, phóng khoáng, già dặn của Thơ mới và tình cảm yêu nước kín đáo, âm thầm.

c. Kết bài

- Liên hệ đánh giá được giá trị của văn bản.

ĐỀ SỐ 28:**Câu 1. (8,0 điểm): Cho đoạn văn bản sau:**

“Bạn có thể không thông minh bẩm sinh nhưng bạn luôn chuyên cần và vượt qua bản thân từng ngày một. Bạn có thể không hát hay nhưng bạn là người không bao giờ trễ hẹn. Bạn không là người giỏi thể thao nhưng bạn có nụ cười ấm áp. Bạn không có gương mặt xinh đẹp nhưng bạn rất giỏi thắt cà vạt cho ba và nấu ăn rất ngon. Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn. Và chính bạn, hơn ai hết, trước ai hết, phải biết mình, phải nhận ra những giá trị đó.”

(Trích *Nếu biết trăm năm là hữu hạn*...- Phạm Lữ Ân)

Dựa vào gợi ý từ đoạn văn bản trên, em hãy viết một bài văn ngắn bàn về giá trị bản thân trong cuộc sống.

Câu 2. (12,0 điểm)

Khi bàn về bài thơ *Nhớ rừng* (Ngữ văn 8, tập I) của nhà thơ Thế Lữ, một số học sinh lớp 8 tranh luận:

Nhóm thứ nhất khẳng định: *Cảm hứng chủ đạo của “Nhớ rừng” là cảm hứng lãng mạn và ý nghĩa tư tưởng của bài thơ trước hết ở vẻ đẹp tâm hồn lãng mạn đó.*

Nhóm thứ hai cho rằng: *Có thể coi đây là một áng thơ yêu nước, tiếp nối mạch thơ trữ tình yêu nước trong văn thơ hợp pháp đầu thế kỉ XX.*

Trình bày quan điểm của em về hai ý kiến trên bằng một bài văn nghị luận.

..... Hết.....

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
Câu 1: Dựa vào gợi ý từ đoạn văn bản trên, em hãy viết một bài văn ngắn bàn về giá trị bản thân trong cuộc sống.	8,0
a. Mở bài: - Giới vấn đề cần nghị luận: Giá trị bản thân trong cuộc sống. b. Thân bài: * Giải thích vấn đề: Học sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển	1,75đ

khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách. Có thể theo hướng sau:

+ Mỗi người đều có giá trị của riêng mình, giá trị là điều cốt lõi tạo nên con người bạn. Giá trị đó dù lớn lao hay nhỏ bé cũng cần được tôn trọng.

+ **Giá trị của bản thân là ưu điểm, điểm mạnh vượt trội của mỗi người so với những người khác khiến mình có một cá tính riêng, dấu ấn riêng không trộn lẫn với đám đông.**

+ Giá trị của bản thân không đơn thuần là điểm mạnh của bản thân mà còn là sự đóng góp, là vai trò của mỗi người với mọi người xung quanh. (VD: Bạn không cần là một đứa trẻ xuất sắc mọi mặt, nhưng bạn vẫn là niềm tự hào, là nguồn động lực của cha mẹ. Đây chính một phần giá trị con người của bạn)

+ Biết được giá trị bản thân sẽ biết được điểm mạnh để phát huy, điểm yếu để hạn chế, như vậy sẽ đạt nhiều thành công trong cuộc sống.

*** Bàn luận vấn đề**

+ Giá trị bản thân mỗi người không phụ thuộc vào địa vị hay tiền bạc họ có trong tay mà phụ thuộc vào sự nỗ lực của mỗi người trong cuộc sống.

+ Nếu bản thân mỗi người không biết cách trau dồi để tự tạo ra giá trị cho mình thì cuộc sống không còn có ý nghĩa, chỉ là sự tồn tại trên cuộc đời.

+ Có những người vốn có nội lực nhưng không tự nhận thức được giá trị của mình, thiếu tự tin về bản thân, sống không có quan điểm riêng, nên đánh mất nhiều cơ hội.

*** Bài học nhận thức và hành động.**

+ Cần nỗ lực học tập rèn luyện để làm tăng giá trị bản thân, trở thành người có ích cho xã hội.

+ Không được định giá người khác khi chưa thấu hiểu họ bởi giá trị là sự tích lũy dài lâu, không phải ngày một ngày hai mà tạo ra.

c. Kết bài:

- Trân trọng giá trị bản thân.

- Liên hệ mở rộng.

Câu 2: Trình bày quan điểm của em về hai ý kiến trên bằng một bài văn nghị luận	12,0
<p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu khái quát hoàn cảnh đất nước giai đoạn 1930 - 1945. - Giới thiệu Thế Lữ và bài thơ <i>Nhớ rừng</i>. - Dẫn dắt nêu 2 ý kiến và nêu quan điểm của mình. <p>b. Thân bài:</p> <p>* Trình bày quan điểm:</p> <p>*.1. Khẳng định tính đúng đắn của ý kiến thứ nhất và chứng minh: Cảm hứng chủ đạo của bài thơ là cảm hứng lãng mạn và ý nghĩa tư tưởng của bài thơ trước hết là ở vẻ đẹp của tâm hồn lãng mạn đó.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân vật lãng mạn ở đây thân tù hãm nhưng hồn vẫn sôi sục khát khao tự do, nó cảm thấy bất hòa sâu sắc với thực tại tầm thường, tù túng nhưng không có cách gì thoát ra được, nó chỉ còn biết buông mình trong mộng tưởng để thoát li hẳn cái thực tại đó, tìm đến một thế giới rộng lớn, khoáng đạt, mạnh mẽ, phi thường. - Cảm hứng chủ đạo được thể hiện qua bút pháp thơ lãng mạn: <ul style="list-style-type: none"> + Cả bài thơ tràn đầy cảm hứng lãng mạn, mạch cảm xúc sôi nổi, cuộn cuộn tuôn trào dưới ngòi bút nhà thơ. + Tác giả đã chọn hình tượng con hổ bị nhốt trong vườn bách thú, cảnh rừng đại ngàn hoang vu, vườn bách thú với cũi sắt và rừng suối nhân tạo là những biểu tượng thích hợp để thể hiện chủ đề bài thơ. + Hình ảnh thơ giàu chất tạo hình; ngôn ngữ, giọng thơ tràn đầy cảm xúc. <p>*.2. Khẳng định tính đúng đắn của ý kiến thứ hai và chứng minh: Có thể coi đây là một áng thơ yêu nước: Bài thơ thể hiện lòng yêu nước thầm kín của Thế Lữ và có sức khơi gợi lòng yêu nước của những người dân mất nước</p>	

thuở ấy.

- **Nhớ rừng** mượn lời con hổ bị nhốt trong vườn bách thú để tiện nói lên một cách đầy đủ, sâu sắc tâm sự u uất của một lớp người lúc bấy giờ.

+ Bất hòa với thực tại xã hội tù túng, giả dối, ngột ngạt

(Phân tích dẫn chứng)

+ Khát khao tự do mãnh liệt.

. Phân tích tâm trạng nhớ tiếc quá khứ vàng son và niềm khao khát tự do của con hổ.

. Khát vọng của hổ chính là khát vọng tự do của cái “tôi” cá nhân của một lớp thanh niên tư sản lúc bấy giờ. Đó cũng chính là niềm khao khát tự do của một dân tộc mất nước sống trong vòng nô lệ. Chính vì vậy bài thơ có sức khơi gợi lòng yêu nước của những người dân mất nước thuở ấy.

- *Bài thơ tiếp nối mạch thơ trữ tình yêu nước trong văn thơ hợp pháp đầu thế kỉ XX.*

Liên hệ sáng tác của một số tác giả trong văn thơ đầu thế kỉ XX: Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Vũ Đình Liên, Á Nam Trần Tuấn Khải.... Và Thế Lữ đã tiếp nối truyền thống tốt đẹp đó.

*** Đánh giá chung:**

- Cả hai ý kiến đều đúng. Hai ý kiến bổ sung cho nhau để hoàn chỉnh nội dung tư tưởng, chủ đề của bài thơ.

c. Kết bài:

- Khẳng định tài năng và tấm lòng của Thế Lữ.

- Liên hệ: Lòng yêu nước trong văn học dân tộc và của chúng ta ngày nay.

ĐỀ SỐ 29:

Câu 1: (8.0 điểm)

Người ăn xin.**(Tuốc-ghê-nhép)**

Một người ăn xin đã già. Đôi mắt ông đỏ hoe, nước mắt ông giàn giụa, đôi môi tái nhợt, quần áo tả tơi. Ông chìa tay xin tôi.

Tôi lục hết túi nọ đến túi kia, không có lấy một xu, không có cả khăn tay, chẳng có gì hết. Ông vẫn đọt tôi. Tôi chẳng biết làm thế nào. Bàn tay tôi run run nắm chặt lấy bàn tay run rẩy của ông:

-Xin ông đừng giận cháu! Cháu không có gì cho ông cả.

Ông nhìn tôi chăm chăm, đôi môi nở nụ cười:

-Cháu ơi! Cảm ơn cháu! Như vậy là cháu đã cho lão rồi.

Khi ấy tôi chợt hiểu ra:cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận một cái gì đó của ông"
Hãy nêu suy nghĩ của em về những điều tác giả muốn gửi gắm qua câu chuyện trên.

Câu 2 (12.0 điểm): Nhận xét về một trong những cảm hứng của *Thơ mới* Việt Nam giai đoạn 1930- 1945, có ý kiến nhận xét : “*Tình yêu quê hương đất nước một khoảng rộng trong trái tim của Thơ mới.*”

Bằng hiểu biết của mình về hai bài thơ “*Nhớ rừng*” của Thế Lữ và “*Quê hương*” của Tế Hanh, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

ĐÁP ÁN

Nội dung	Điểm
<p>Câu 1: <i>Hãy nêu suy nghĩ của em về những điều tác giả muốn gửi gắm qua câu chuyện “ Người ăn xin”</i></p> <p>* Yêu cầu về kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định đúng kiểu bài nghị luận xã hội, dạng nghị luận mở. - Bài viết có bố cục 3 phần. - Hệ thống ý (luận điểm) rõ ràng, lập luận chặt chẽ, thuyết phục, dẫn chứng cụ thể. - Biết vận dụng tổng hợp các phương pháp lập luận: giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận... - Có kĩ năng vận dụng yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm vào bài văn nghị luận. 	8.0

<p>* Yêu cầu về nội dung (7.0 điểm):</p> <p>- Có thể trình bày bài viết của mình theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo một số ý cơ bản mang tính định hướng sau:</p>	
<p>a. Mở bài:</p> <p>- Định hướng chung và giới thiệu câu chuyện</p> <p>b. Thân bài:</p> <p>* <i>Khái quát nội dung câu chuyện</i></p> <p>- Câu chuyện ngắn gọn, giản dị, hấp dẫn nhưng chứa đựng một đạo lí tốt đẹp, đó là tình yêu thương, sự trân trọng, sự cảm thông sâu sắc giữa con người với con người.</p> <p>- Cả ông lão và cậu bé đều nhận được ở nhau điều đó dù họ chẳng có gì cho nhau về vật chất.</p> <p>* <i>Bàn luận về ý nghĩa câu chuyện:</i></p> <p>Câu chuyện mang đến cho người đọc một ý nghĩa triết lí sâu sắc, tinh tế và cảm động .</p> <p>+ Đối với một người ở vào hoàn cảnh khốn khổ, bản cùng như ông lão (thường bị xã hội coi thương) nhưng cậu bé đã không làm thế. Thái độ, cử chỉ hành động của cậu rất chân thành, thể hiện sự tôn trọng, lòng thương và sự quan tâm, chia sẻ thực sự với ông lão. Ông lão đã nhận thấy điều đó ở cậu và như vậy cậu đã cho lão nhiều lắm. Tình cảm chân thực đó có khi còn hơn cả tiền bạc.</p> <p>+ Còn cậu bé cũng chợt hiểu ra từ cái nhìn chăm chăm và nụ cười nhân hậu, câu nói của ông lão, cậu cũng nhận thấy như vừa nhận được một tình cảm, sự hiểu biết tinh tế và sự cảm thông của ông lão đối với mình. Cách cư xử đầy yêu thương và trân trọng giữa hai con người với nhau thật quý giá và cảm động.</p> <p>- Yêu thương, cảm thông, chia sẻ, quan tâm giúp đỡ lẫn nhau là một đạo lí tốt đẹp của xã hội.</p> <p>- Con người có tình yêu thương với nhau sẽ giúp cho mối quan hệ thêm gần gũi, gắn bó nhất là những người gặp cảnh éo le, nghèo khổ như ông lão sẽ có thêm sức mạnh, niềm tin vào cuộc sống .</p> <p>* <i>Bài học rút ra:</i></p>	

<p>- Cần yêu thương, cảm thông, chia sẻ, quan tâm giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống .</p> <p>- Giúp đỡ người khác cũng phải thật sự chân thành. Tình thương ấy phải xuất phát từ thiện tâm của mình, không vì sự vụ lợi, hay giúp đỡ người khác với thái độ hàm ơn, bề trên, coi thương, bố thí khiến người nhận giúp đỡ mặc cảm, tủi thân.</p> <p>- Không nên thờ ơ, trước nỗi đau, sự nghèo khó của đồng loại mà luôn sẵn sàng nhường cơm, sẻ áo, tương thân tương ái (Lấy ví dụ thực tế) (0.5 điểm)</p> <p>+ Qua câu chuyện, chúng ta thấm thía một điều rằng, sợi dây neo vững chắc nhất với cuộc đời của mỗi con người là sự yêu thương. Đó là chỗ dựa vững chắc nhất của con người trong cuộc đời, giúp con người vượt qua những buồn phiền và cay đắng. và như thế mọi bon chen, toan tính...lùi lại phía sau.</p> <p>c. Kết bài</p> <p>- Khẳng định ý nghĩa của thông điệp.</p> <p>- Liên hệ mở rộng:</p> <p style="padding-left: 40px;"><i>Sống trong đời sống cần có một tấm lòng</i></p> <p style="padding-left: 40px;"><i>Để làm gì, em có biết không</i></p> <p style="padding-left: 40px;"><i>Để gió cuốn đi</i></p> <p><i>Để gió cuốn đi...</i></p>	
<p>Câu 2 : Nhận xét về một trong những cảm hứng của <i>Thơ mới</i> Việt Nam giai đoạn 1930- 1945, có ý kiến nhận xét : “<i>Tình yêu quê hương đất nước một khoảng rộng trong trái tim của Thơ mới.</i>”</p> <p>Bằng hiểu biết của mình về hai bài thơ “<i>Nhớ rừng</i>” của Thế Lữ và “<i>Quê hương</i>” của Tế Hanh, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.</p>	12.0
<p>a. Mở bài</p> <p>- Giới thiệu về phong trào Thơ mới.</p> <p>- Trích dẫn nhận định (ý kiến)</p> <p>b. Thân bài:</p> <p style="padding-left: 20px;">* <i>Khái quát về tình quê hương đất nước trong “Thơ mới”.</i></p>	

- “*Thơ mới*” ra đời trong hoàn cảnh đất nước chìm trong chế độ thực dân nửa phong kiến. Các nhà thơ mới nhận thức rõ nỗi đau mất nước, chán ghét thực tại nên họ gửi gắm nỗi niềm về đất nước, quê hương vào những vần thơ.

- Tình quê hương đất nước trong “*Thơ mới*” thể hiện ở nhiều cung bậc khác nhau: lúc ca ngợi cảnh đẹp của quê hương, lúc nhớ quê hương da diết, lúc hoài niệm ngưỡng mộ và tiếc nuối một nét đẹp văn hóa trong quá khứ, lúc gửi gắm niềm tâm sự thâm kín...và đó chính là **khoảng trời rộng trong trái tim của Thơ mới**.

*** *Tình quê hương đất nước qua hai bài thơ “Nhớ rừng” và “Quê hương”***

.1. *Ca ngợi cảnh đẹp thiên nhiên.

- Bức tranh hoành tráng của rừng thẳm oai linh, của gió gào ngàn, nguồn hét núi, bóng cả, cây già. Trong cảnh thiên nhiên kỳ vĩ thâm nghiêm ấy làm nền cho hình bóng của chúa sơn lâm mang vẻ đẹp đồng dục, đường hoàng với những đêm vàng, sáng xanh, chiều đỏ, tiếng chim ca tất cả mang vẻ đẹp lãng mạn, muôn màu muôn vẻ của thiên nhiên của cách nhìn lãng mạn và bút pháp lãng mạn (*dẫn chứng phân tích trong Nhớ rừng - Thế Lữ*).

- Hình ảnh làng chài ven biển đẹp, trong trẻo thoáng đãng (*dẫn chứng , phân tích trong “ Quê hương” của Tế Hanh*)

.2. *Gửi gắm tâm sự thâm kín

- Thế Lữ gửi lòng yêu nước vào tâm sự thâm kín của con hổ trong bài thơ “*Nhớ rừng*”, nhớ biết bao nhiêu thời vàng son oanh liệt. Ta nghe đó như chính là nỗi nhớ lịch sử vàng son oanh liệt của đất nước. Tâm trạng của con hổ là một ẩn dụ thể hiện tâm trạng của tác giả của người dân Việt Nam lúc đó.

.3. *Tình yêu và nỗi nhớ quê hương

- Với tấm lòng yêu quê hương sâu sắc ấy, bức tranh làng chài thật sinh động và đậm nét qua cảm xúc của nhà thơ. Khi tả cảnh dân chài bơi thuyền đi đánh cá Tế Hanh đã dựng lên một không gian trong trẻo gió nhẹ rực rỡ nắng hồng... Con thuyền dũng mãnh vượt Trường Giang với sức sống mạnh mẽ mang một

vẻ đẹp hùng tráng, bất ngờ hiếm thấy trong thơ mới, một bức tranh lao động đầy hứng khởi và đầy sức sống trong thơ mới. Phải cảm nhận được sức sống lao động của làng quê bằng cả tâm hồn thiết tha gắn bó mới viết được những câu thơ “ *Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng / Rướn thân trắng bao la thâu góp gió*”. Mảnh hồn làng ấy chính là nơi cho tâm hồn nghệ sĩ neo đậu với tấm lòng tha thiết nhớ thương về quê hương.

- Nỗi nhớ thiết tha trong xa cách, nhớ “ *màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi*” cùng với con thuyền rẽ sóng trong hương vị mùi nồng mặn đặc trưng của quê hương cái hương vị đầy quyến rũ, là chất thơ đầy bình dị mà khỏe khoắn toát lên từ bức tranh thiên nhiên tươi sáng thơ mộng.

* **Đánh giá chung:**

Cái “*tôi*” trong mỗi tác giả vừa được giải phóng tỏa hương thành vườn hoa đầy hương sắc của Thơ mới, vẫn dào dạt một nỗi niềm chung đó là tình yêu quê hương đất nước.

- Tình quê hương đất nước trong các bài thơ tuy chưa tích cực như thơ văn Cách mạng nhưng đáng trân trọng. Đó là một khoảng rộng trong trái tim yêu dào dạt của các nhà thơ mới trong đó có Thế Lữ và Tế Hanh.

c. Kết bài

- Khẳng định ý kiến
- Đóng góp của Thơ mới đối với văn học dân tộc

ĐỀ SỐ 30:

Câu 1(2,0 điểm):

Xác định và phân tích hiệu quả thẩm mỹ của các biện pháp tu từ có trong đoạn thơ sau:

*Cánh cò cồng nằng qua sông
Chở luôn nước mắt cay nồng của cha
Cha là một dải ngân hà
Con là giọt nước sinh ra từ nguồn*

Câu 2 (6,0 điểm):

Nhà văn Lỗ Tấn từng khẳng định: « Kỳ thực trên mặt đất vốn làm gì có đường. Người ta đi mãi thì thành đường thôi”.

Nhà thơ Robert Frost viết: « Trong rừng có nhiều lối đi, và tôi chọn lối đi không có dấu chân người”.

Bạn sẽ chọn lối đi đã được người ta đi mãi mà thành đường, hay lối đi không có dấu chân người?

Câu 3 (12,0 điểm):

Giáo sư - Tiến sĩ Nguyễn Hoàng Khung, nhận xét về bài thơ Ông đồ của Vũ Đình Liên như sau: « Ông đồ có thể coi là một áng thơ toàn bích, là một trong những bài thơ hay nhất trong phong trào Thơ mới”.

Bằng hiểu biết của mình em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
Câu 1: HS cần đảm bảo được các ý sau:	
* <i>Chỉ ra các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ</i>	0,5
Đoạn thơ sử dụng thành công các biện pháp nghệ thuật: <i>nhân hoá, ẩn dụ, so sánh, đối.</i>	0,25
* <i>Phân tích hiệu quả các biện pháp tu từ:</i>	
- Biện pháp nhân hoá: cái cò <i>cõng</i> (nặng), <i>qua</i> (sông), <i>chở</i> (nước mắt) -> khắc hoạ hình ảnh cái cò cũng có hành động của con người, khiến hình ảnh thế giới loài vật trở nên sinh động, gần gũi, gắn bó với tuổi thơ mỗi người.	0,25
- Biện pháp ẩn dụ: <i>nước mắt cay nồng của cha</i> : tượng trưng cho cuộc đời cha với những hi sinh, gian khổ, nhọc nhằn để mang lại những điều tốt đẹp nhất cho con.	0,25
- Phép so sánh kết hợp phép đối: <i>cha - dải ngân hà; con – giọt nước sinh ra từ nguồn</i> : khẳng định cái hình hài bé nhỏ của con (<i>như giọt nước</i>) không thể sánh được với được tình cha bao la, vĩ đại, sánh ngang tầm vũ trụ.	0,25
- Điệp từ: <i>cha</i> được nhắc lại hai lần -> nhấn mạnh vẻ đẹp hình ảnh cha	0,5

<p>trong cảm nhận đầy yêu thương, trân trọng của con.</p> <p>=> Các biện pháp tu từ góp phần tạo nên những vần thơ đẹp, xúc động về tình cha. Qua đó, tác giả thể hiện niềm xúc động, sự thấu hiểu, yêu kính, biết ơn cha sâu nặng. Đó cũng là thông điệp ý nghĩa mà tác giả muốn gửi tới bạn đọc về đạo làm con đối với đấng sinh thành của mình.</p>	
<p>Câu 2:</p> <p>I. Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể loại Nghị luận xã hội về một tư tưởng. - Nội dung nghị luận: Mỗi người có một lựa chọn riêng, mỗi lối đi đều có những thuận lợi và khó khăn riêng. - Phạm vi kiến thức: Đời sống xã hội. <p>II. Yêu cầu về nội dung: Cần đảm bảo được các ý sau:</p> <p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu và trích dẫn ý kiến. <p>b. Thân bài:</p> <p>*. Giải thích hai ý kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Lối đi đã được người ta đi mãi thành đường</i>: lối đi cũ, cách làm cũ, dễ dàng, đã quen thuộc, đã nhiều người thực hiện. - <i>Lối đi chưa có dấu chân người</i>: lối đi, cách làm sáng tạo, mạo hiểm, dũng cảm đối đầu với khó khăn. - Bằng cách nói hình ảnh, hai câu nói trên nêu lên những lựa chọn khác nhau để làm nên thành công trong hành trình cuộc sống của mỗi con người. Mỗi người có một lựa chọn riêng, mỗi lối đi đều có những thuận lợi và khó khăn riêng. <p>*. Bàn luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi lối đi đều có những thuận lợi và khó khăn riêng: <ul style="list-style-type: none"> + <i>Lối đi đã được người ta đi mãi thành đường</i>: đây là lối đi an toàn, nhiều thuận lợi vì đã có người đi trước, mình có thể rút kinh nghiệm để thành công, đến đích sớm. Tuy nhiên con người sẽ không còn nhiều cơ hội để tìm ra cái mới, tìm cơ hội chinh phục và khám phá. + <i>Lối đi không có dấu chân người</i>: đây là lối đi, cách thức nhiều trở ngại, 	6,0

<p> nhiều khó khăn phải đối đầu, buộc con người phải dũng cảm, phải sáng tạo, thậm chí mạo hiểm. Lối đi ấy có thể có rủi ro, nhưng con người phải biết chấp nhận để có được thành công cho lần sau. Nếu thành công, con người có niềm vui, niềm hạnh phúc của người tiên phong, người mở đầu. </p> <p> - Hai ý kiến trên thực chất bổ sung cho nhau, con người sẽ có được thành công khi vừa biết kế thừa kinh nghiệm của người đi trước, tìm lối đi an toàn, lại vừa sáng tạo kiếm tìm cái mới như một sự khởi nghiệp. (HS có thể lấy dẫn chứng để chứng minh các ý trên). </p> <p> - Tuy nhiên, chọn lối đi người ta đi mãi thành đường không có nghĩa là bảo thủ, kì thị cái mới vùi dập tinh thần sáng tạo; chọn “lối đi chưa có dấu chân người” không có nghĩa là liều lĩnh, đại dốt, mạo hiểm đến thất bại một cách vô nghĩa. </p> <p> - Mở rộng vấn đề: phê phán những người sống bảo thủ, dựa dẫm, không có tinh thần sáng tạo. Phê phán những người liều lĩnh, mạo hiểm một cách mù quáng, không biết kế thừa kinh nghiệm, thành tựu của người đi trước, không chịu tiếp thu cái mới,... </p> <p> *. Bài học nhận thức và hành động </p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được tính đúng đắn trong từng quan niệm sống. - Biết tôi luyện và vận dụng các phẩm chất linh hoạt, sáng tạo, dũng cảm trong từng tình huống cụ thể của đời sống để có được thành công. <p> c. Kết bài: </p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định ý kiến. - Liên hệ mở rộng. 	
<p> Câu 3: « Ông đồ có thể coi là một áng thơ toàn bích, là một trong những bài thơ hay nhất trong phong trào Thơ mới ». </p> <p> Bằng hiểu biết của mình em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên. </p> <p> . Yêu cầu về kỹ năng: </p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài làm có bố cục đầy đủ, rõ ràng, lập luận chặt chẽ, không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ và câu, lỗi diễn đạt. - Thí sinh có thể cảm nhận và kiến giải theo những cách khác nhau, nhưng phải có lí lẽ, căn cứ xác đáng 	12.0

. Yêu cầu về kiến thức:

a. Mở bài

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm
- Nêu vấn đề nghị luận: Nhận xét đã khẳng định giá trị đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

b. Thân bài:

*. Giải thích ý kiến

- *Áng thơ toàn bích*: là đã khẳng định vẻ đẹp trọn vẹn, hoàn hảo tựa viên ngọc của bài thơ. Vẻ đẹp toàn diện cả về nội dung và nghệ thuật.

- Bài thơ là một kiệt tác của Vũ Đình Liên và là một kiệt tác của phong trào thơ mới. Bài thơ đã chạm được đến "mối sầu nhân thế" có tính chất tổng quát của toàn nhân loại. Nó gọi lên trong thâm sâu tâm hồn người đọc bóng dáng của một thời vàng son, đã vĩnh viễn trở thành dĩ vãng. Năm tháng vẫn tuần hoàn. Chỉ có đời người buộc phải đổi thay. Cái mất đi ngày qua, nhiều khi khiến chúng ta phải nao lòng.

*. Chứng minh qua bài thơ

.1. Ông đồ là bài thơ toàn bích về nội dung: *Thể hiện lòng thương cảm và niềm hoài cổ về một lớp người đã tàn tạ.

* *.1.1. Hình ảnh ông đồ thời kỳ đặc ý

- Nổi bật giữa trung tâm bức tranh tết đến xuân về là hình ảnh ông đồ. Ông đang là trung tâm chú ý, là đối tượng ngưỡng mộ, tôn vinh của mọi người: Hình ảnh ông hoà cùng cái đông vui, náo nức của phố phường ngày giáp Tết.

- Ông chính là một trong những nơi gặp gỡ, hội tụ của văn hoá - tâm linh người Việt một thời.

*.1.2. Ông đồ thời kỳ bị quên lãng

- Cũng như bức tranh trước, ở đây, ông đồ vẫn là hình ảnh trung tâm của bức tranh, là đối tượng miêu tả chính của tác giả. Nhưng ngoại trừ điều đó, xung quanh ông, mọi sự đã thay đổi. Ông đồ "vẫn ngồi đấy", giữa phố xá đông đúc người qua lại nhưng lẻ loi, lạc lõng, không ai biết, "không ai hay".

- Nỗi buồn tủi thấm đẫm lên cả những vật vô tri vô giác. Ông đồ "ngồi đấy" chứng kiến và nếm trải tấn bi kịch của cả một thế hệ. Đó là sự tàn tạ, suy

sụp hoàn toàn của nền Nho học. Hình ảnh “lá vàng” là cảnh và “mưa bụi bay” trong trời đất mênh mang là những ẩn dụ độc đáo cho sự tàn tạ, sụp đổ đó.

- Hai khổ thơ tả cảnh nhưng chính là để thể hiện nỗi lòng của người trong cảnh. Đó là nỗi xót xa lặng lẽ, nỗi đau đớn ngậm ngùi của lớp nhà nho buổi giao thời.

***.1.3. Ông đồ - người “muôn năm cũ”**

- Hoa đào vẫn nở, Tết vẫn đến, quy luật thiên nhiên vẫn tuần hoàn, nhưng người thì không thấy nữa Tứ thơ: cảnh cũ còn đó, người xưa ở đâu và hình ảnh “người muôn năm cũ” gọi lên trong lòng người đọc niềm cảm thương, tiếc nuối vô hạn.

- “Người muôn năm cũ”, trước tiên là các thế hệ nhà nho và sau đó còn là “bao nhiêu người thuê viết” thời đó. Vì vậy, “hồn” ở đây vừa là hồn của các nhà nho, vừa là linh hồn của nét sinh hoạt văn hoá truyền thống tốt đẹp đã từng gắn bó thân thiết với đời sống của con người Việt Nam hàng trăm nghìn năm.

- Hai câu cuối là câu hỏi nhưng không để hỏi mà như một lời tự vấn. Dấu chấm hỏi đặt ở cuối bài thơ như rơi vào im lặng mênh mông nhưng từ đó dội lên bao nỗi niềm. Đó là nỗi day dứt, tiếc nhớ, thương xót ngậm ngùi của tác giả và cũng là của cả một thế hệ các nhà thơ mới. Đó còn là nỗi mong ước tìm lại, gặp lại vẻ đẹp của một thời đã qua.

***.2. Ông đồ là bài thơ toàn bích về nghệ thuật:**

- Hình thức nghệ thuật bài thơ rất bình dị nhưng có một sức truyền cảm nghệ thuật lớn để cho nội dung, cảm xúc của bài thơ có sức sống bền bỉ lâu dài trong lòng người đọc. Thể thơ ngũ ngôn (năm chữ): đây là thể thơ linh hoạt có khả năng biểu hiện phong phú, rất thích hợp với việc thể hiện tâm trạng và diễn tả những tâm tình cảm xúc sâu lắng.

- Kết cấu bài thơ giản dị mà chặt chẽ:

+ Kết cấu đầu cuối tương ứng. Tứ thơ “cảnh cũ người đâu” trong thơ cổ được sử dụng gợi một sự thương cảm sâu sắc.

+ Bài thơ có một kết cấu tương phản độc đáo: cùng diễn tả hình ảnh ông đồ vào thời điểm mùa xuân, ngồi viết thuê bên hè phố nhưng đã thể hiện

hai cảnh tượng đối lập - hình ảnh ông đồ thời vàng son và hình ảnh ông đồ thời tàn lụi. Kết cấu tương phản này thể hiện sâu sắc tình cảnh đáng thương của ông đồ. Qua đó, nhà thơ thể hiện tâm tư của chính mình về thời thế và con người.

- Ngôn ngữ thơ trong sáng, bình dị đồng thời cô đọng, có sức gợi lớn trong lòng người

- Biện pháp nhân hóa, ẩn dụ được sử dụng rất thành công

- Hình ảnh thơ giản dị nhưng hàm súc, không mới mẻ nhưng gợi cảm. Kết hợp phương thức tự sự với trữ tình, tả cảnh ngụ tình gợi liên tưởng đến tâm trạng nhân vật.

*. **Đánh giá khái quát**

- Ông đồ là “*một áng thơ toàn bích*” ở từng câu, từng chữ, từng ý thơ. Bài thơ có 20 dòng, mỗi dòng có năm chữ, mỗi khổ bốn câu nhưng câu nào cũng hay, thậm chí có câu đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật. Lời thơ nhẹ nhàng, mộc mạc nhưng ý thơ ngoài lời, để lại trong tâm tư người nỗi nghẹn ngào, xúc động lẫn tiếc thương, day dứt.

c. Kết bài:

- Có thể nói, bài thơ ***Ông đồ*** là kết tinh phong cách nghệ thuật của hồn thơ Vũ Đình Liên, là “*một trong những bài thơ hay nhất trong phong trào Thơ mới*.”

ĐỀ SỐ 31:**Câu 1 (2,0 điểm)**

Cảm nhận của em về hình ảnh *chiếc lá* trong truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng* của nhà văn O. Hen-ri.

Câu 2 (3,0 điểm)

Có một lần, tại một trường trung học, ngài hiệu trưởng đến gặp các em học sinh để nói chuyện. Trong khi nói, ông giơ lên cho các em thấy một tờ giấy trắng, trên đó có một chấm tròn đen ở một góc nhỏ và hỏi:

- Các em có thấy đây là gì không?

Tức thì cả hội trường vang lên:

- Đó là một dấu chấm.

Ngài hiệu trưởng hỏi lại:

- Thế không ai nhận ra đây là một tờ giấy trắng ư? Ngài kết luận:

- Thế đấy con người luôn luôn chú ý đến những lỗi nhỏ nhặt mà quên đi tất cả những phẩm chất tốt đẹp còn lại. Khi phải đánh giá một sự việc hay là một con người, thầy mong các em sẽ chú ý đến tờ giấy trắng nhiều hơn là những vết bẩn có trên nó.

(Tờ giấy trắng - Quà tặng cuộc sống)

Hãy viết bài văn nghị luận xã hội (khoảng 500 từ) trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa câu chuyện trên.

Câu 3 (5,0 điểm)

Nhà thơ Xuân Diệu cho rằng: *Thơ hay là hay cả hồn lẫn xác, hay cả bài.*

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua bài thơ « Ông đồ» của nhà thơ Vũ Đình Liên, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

----- Hết -----

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
Câu 1: Cảm nhận của em về hình ảnh “chiếc lá” trong truyện ngắn	2,0

Chiếc lá cuối cùng của nhà văn O. Hen-ri.	
<ul style="list-style-type: none"> - <i>Về kỹ năng</i>: HS có thể triển khai thành đoạn văn hoặc một bài văn ngắn để cảm nhận về một chi tiết trong tác phẩm truyện. Yêu cầu phải có bố cục rõ ràng, diễn đạt, dùng từ hợp lí. - <i>Về kiến thức</i>: HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý sau: 	
Khái quát câu chuyện và hình ảnh chiếc lá cuối cùng hiện lên qua quan sát và cảm nhận của Xiu, Giôn-xi.	0,25
Ý nghĩa với nội dung tư tưởng:	1,0
<ul style="list-style-type: none"> - Là kiệt tác hội họa của cụ Bơ-men (<i>vẽ trong hoàn cảnh đặc biệt; giống như thật; thể hiện tình thương yêu cao cả của cụ Bơ-men; có ý nghĩa nhân sinh sâu sắc...</i>) 	0,5
<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện tính cách nhân vật: Quá trình hồi sinh của Giôn-xi, từ tuyệt vọng đến hi vọng; phát hiện tinh tế của Xiu; tài và tâm của người nghệ sĩ Bơ-men ... - Triết lí về nghị lực sống phi thường trước khó khăn; quan niệm về vai trò của nghệ thuật chân chính có khả năng đem đến sự sống cho con người. 	0,5
Ý nghĩa với nghệ thuật kể chuyện:	0,75
<ul style="list-style-type: none"> - Là tình tiết truyện hấp dẫn, khéo léo. - Tạo cơ sở cho nhà văn xây dựng kết cấu đảo ngược tình huống truyện hai lần. - Là chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn. 	
Câu 2: Viết bài văn nghị luận xã hội trình bày suy nghĩ của em về câu chuyện “ Tờ giấy trắng”	3,0
<p>* Yêu cầu về kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội. Bố cục và hệ thống ý sáng rõ. Biết vận dụng phối hợp nhiều thao tác nghị luận. - Hành văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng chọn lọc, thuyết phục. Không mắc các lỗi diễn đạt, dùng từ, ngữ pháp, chính tả. <p>* Yêu cầu về kiến thức:</p> <p>Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo các ý cơ bản sau:</p>	

a. Mở bài:

- Giới thiệu vấn đề nghị luận thông qua câu chuyện.

b. Thân bài:*** Giải thích ý nghĩa câu chuyện:**

+ Câu chuyện về một tờ giấy trắng không hoàn hảo vì có một dấu chấm đen nhỏ. Câu chuyện đem lại bài học sâu sắc về cách đánh giá và nhìn nhận một con người.

+ Con người trong cuộc sống không ai là hoàn hảo. Vì thế, khi nhìn nhận đánh giá một con người phải nhìn nhận ở nhiều phương diện:

bề nổi, bề sâu, nhất là những mặt tốt mang tính căn bản.

- Phải nhìn cuộc sống bằng tình thương, sự bao dung.

*** Bình luận:**

+ Trong cuộc sống, con người luôn phải hoạt động và giao tiếp. Quá trình hoạt động và giao tiếp đó, người ta khó tránh khỏi những sai lầm vì một lý do nào đó. (Dẫn chứng).

+ Khi phê bình hay đánh giá một con người hay một sự việc nào đó, ta không nên chỉ nhìn một cách phiến diện, hời hợt, chỉ nhằm vào những sai lầm mà họ vô tình mắc phải, mà phải nhìn một cách toàn diện, nhìn bằng đôi mắt của tình thương và lòng vị tha, "có tìm để hiểu" những mặt tốt đẹp ẩn sâu trong con người. (Dẫn chứng)

+ Cách nhìn nhận đa chiều bằng đôi mắt của tình thương và sự bao dung sẽ tích cực giúp con người thức tỉnh, giác ngộ. (Dẫn chứng)

*** Đánh giá, mở rộng vấn đề:**

+ Câu chuyện ngắn gọn nhưng đem đến cho ta bài học nhân sinh sâu sắc về cách nhìn nhận đánh giá về con người và cuộc đời bằng đôi mắt của tình thương, bao dung.

+ Phê phán những kẻ sống ích kỷ, thiếu thiện chí khi nhìn nhận đánh giá người khác.

+ Phê phán người khác thì trước hết bản thân mình phải là người có đạo đức, nhân cách; biết đánh giá đúng lúc, đúng chỗ.

+ Đánh giá bằng sự bao dung độ lượng không có nghĩa là thỏa hiệp với cái sai, cái xấu. Trước cái ác, cái xấu cần có thái độ đấu tranh nghiêm túc, triệt

<p>để.</p> <p>c. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định ý nghĩa của câu chuyện. - Liên hệ mở rộng. 	
<p>Câu 3: Nhà thơ Xuân Diệu cho rằng: <i>Thơ hay là hay cả hồn lẫn xác, hay cả bài.</i></p> <p>Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua bài thơ “ Ông đồ” của nhà thơ Vũ Đình Liên, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.</p> <p>* Yêu cầu về kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu đúng yêu cầu của đề bài. Biết vận dụng các phép lập luận để làm bài văn nghị luận văn học chứng minh một nhận định. - Biết cách chọn lọc dẫn chứng để phân tích làm sáng tỏ vấn đề. Lập luận chặt chẽ, diễn đạt tốt (có suy nghĩ, đánh giá, cảm xúc...) - Bố cục rõ ràng, mạch lạc, không mắc lỗi về chính tả, dùng từ và ngữ pháp. <p>* Yêu cầu về kiến thức:</p> <p>HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo những ý cơ bản sau:</p>	5,0
<p>a. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả Vũ Đình Liên, bài thơ “Ông đồ” - Trích dẫn nhận định <p>b. Thân bài</p> <p>* Giải thích nhận định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - “ <i>Thơ hay là hay cả hồn lẫn xác, hay cả bài</i>” + <i>Hồn</i> tức là nội dung, ý nghĩa của bài thơ. + <i>Xác</i> tức là nói đến hình thức nghệ thuật của bài thơ thể hiện ở thể loại, việc tổ chức ngôn từ, hình ảnh, nhịp điệu, cấu tứ... - Như vậy, theo Xuân Diệu thơ hay là có sự sáng tạo độc đáo về nội dung cũng như hình thức nghệ thuật, khơi gợi tình cảm cao đẹp và tạo được ấn tượng sâu sắc đối với người đọc. Chỉ khi đó thơ mới đạt đến vẻ đẹp hoàn mĩ của một chỉnh thể nghệ thuật. - Ý kiến của Xuân Diệu hoàn toàn xác đáng bởi nó xuất phát từ đặc thù sáng tạo của văn chương nghệ thuật. Cái hay của một tác phẩm văn học được tạo 	

nên từ sự kết hợp hài hòa giữa nội dung và hình thức. Một nội dung mới mẻ có ý nghĩa sâu sắc phải được truyền tải bằng một hình thức phù hợp thì người đọc mới dễ cảm nhận, tác phẩm mới có sức hấp dẫn bền lâu.

*** Phân tích- chứng minh: “Ông đồ” của Vũ Đình Liên là bài thơ hay cả hồn lẫn xác, hay cả bài.**

*** .1. Về nội dung:** Bài thơ “Ông đồ” thể hiện niềm cảm thương sâu sắc đối với một lớp người đang trở nên lạc lõng và bị gạt ra ngoài lề cuộc đời; là niềm hoài cổ của tác giả với một nét đẹp truyền thống của dân tộc (thủ chơi câu đối ngày Tết) bị tàn phai.

- Ở hai khổ thơ đầu, qua hình ảnh ông đồ xưa trong thời kì huy hoàng, tác giả gửi gắm niềm kính trọng, ngưỡng mộ, nâng niu nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc.

+ Ông đồ xuất hiện bên phố phường đông đúc vào mỗi dịp tết đến xuân về. Không khí mùa xuân, hình ảnh “hoa đào nở” đã tươi thắm nay lại thêm “mực tàu giấy đỏ” làm mọi nét vẽ trong bức tranh tả cảnh ông đồ rõ nét, tươi vui, tràn đầy sức sống. Từ “ lại” diễn tả sự xuất hiện đều đặn của ông đồ với mùa xuân cùng với công việc viết chữ nho.

+ Dòng người đông đúc đều quan tâm và ngưỡng mộ, khâm phục tài viết chữ của ông đồ. (*Bao nhiêu người thuê viết/Tám tắc ngợi khen tài*). Nghệ thuật so sánh và thành ngữ “ Như phượng múa rồng bay” làm toát lên vẻ đẹp của nét chữ phóng khoáng, bay bổng,...

-> Ông đồ trở thành tâm điểm chú ý của mọi người, là đối tượng của sự ngưỡng mộ. Đó là thời chữ nho được mến mộ, nhà nho được trọng dụng.

- Hai khổ thơ tiếp theo tác giả vẽ lên bức tranh ông đồ thời nay, một kẻ sĩ lạc lõng, lẻ loi giữa giữa dòng đời xuôi ngược.

+ Mùa xuân vẫn tuần hoàn theo thời gian, phố vẫn đông người qua nhưng ông đồ bị lãng quên, nho học bị thất sủng, người ta không còn quan tâm đến ông đồ, đến chữ ông đồ viết.

+ Câu hỏi tu từ và biện pháp nghệ thuật nhân hóa (*Giấy đỏ buồn không thắm/Mực đọng trong nghiên sâu*) -> Nỗi buồn như lan tỏa, thấm cả vào những vật vô tri vô giác, tất cả như đồng cảm với nỗi niềm của ông đồ trước con người, thời thế. Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình (*Lá vàng rơi trên giấy/*

Ngoài giờ mưa bụi bay) gợi không gian buồn thảm, vắng lặng nhấn mạnh sự lẻ loi, bề bồng của ông đồ... -> Một nét đẹp văn hóa dân tộc bị mai một, chữ nho đã trở nên lỗi thời, những người như ông đồ bị rơi vào quên lãng. Ông đồ trở thành “di tích tiêu tụy đáng thương của một thời tàn”

- Khổ thơ cuối tác giả dùng để bày tỏ nỗi lòng, khơi gợi ở người đọc niềm thương xót đối với ông đồ cũng như đối với một nét đẹp văn hóa của dân tộc bị mai một.

+ Tết đến, xuân về, hoa đào vẫn nở nhưng không còn thấy ông đồ xưa -> Sau mỗi năm ông đồ đã già và giờ đây đã trở thành người thiên cổ.

+ Câu hỏi tu từ thể hiện niềm cảm thương của tác giả cho những nhà nho danh giá một thời, nay bị lãng quên vì thế thời thay đổi, thương tiếc những giá trị tốt đẹp bị lụi tàn và không bao giờ trở lại.

* .2. Về hình thức:

- Nhan đề bài thơ ngắn gọn nhưng gợi nhiều liên tưởng, chứa đựng chiều sâu chủ đề tư tưởng mà tác giả muốn gửi gắm qua thi phẩm.

- Mạch cảm xúc, mạch ý tạo thành tứ thơ tự nhiên theo dòng thời gian. Kết cấu bài thơ giống như một câu chuyện kể về cuộc đời của ông đồ: Mở đầu câu chuyện ông đồ là tâm điểm mọi sự chú ý của công chúng, cùng thời gian ông dần bị quên lãng, đến cuối bài thơ ông đồ đã chìm vào quá khứ, từ đó nhà thơ bộc lộ tự nhiên niềm thương người và tình hoài cổ trước *cảnh cũ người dâu*.

- Thể thơ ngũ ngôn gieo vần chân, lời thơ bình dị nhưng sâu lắng, cô đọng, kết cấu đầu cuối tương ứng chặt chẽ. Hình ảnh thơ giản dị, ngôn ngữ thơ hàm súc, gợi hình, gợi cảm. Kết cấu đầu cuối tương ứng, sử dụng câu hỏi tu từ, nhân hóa, bút pháp tả cảnh ngụ tình,... gieo vào lòng người đọc niềm tiếc thương, day dứt.

- Giọng điệu trầm lắng, xót xa thể hiện đúng tình cảnh của nhân vật trữ tình và hồn thơ của tác giả.

*. Đánh giá, nâng cao

- Sức hấp dẫn từ nội dung và nghệ thuật của bài thơ *Ông đồ* đã tác động sâu sắc đến người đọc bao thế hệ, khơi gợi niềm cảm thương chân thành đối với những nhà nho danh giá một thời, nay bị lãng quên vì thế thời thay đổi,

thương tiếc giá trị văn hóa tốt đẹp bị lụi tàn.

- Bài học cho người nghệ sĩ: Bằng tài năng và tâm huyết của mình, nhà thơ hãy sáng tạo nên những thi phẩm hay và giàu sức hấp dẫn từ nội dung đến hình thức. Điều đó vừa là thiên chức vừa là trách nhiệm của nhà thơ, là yêu cầu thiết yếu, sống còn của sáng tạo nghệ thuật.

- Sự tiếp nhận ở người đọc thơ: Cần thấy thơ hay là hay cả hồn lẫn xác. Từ đó có sự tri âm, sự đồng cảm với tác phẩm, với nhà thơ để có thể sẻ chia những tình cảm đồng điệu. Khi ấy, thơ sẽ có sức sống lâu bền trong lòng người đọc nhiều thế hệ.

c. Kết bài

- Khẳng định lại vấn đề

- Liên hệ...

ĐỀ SỐ 32:

Câu 1 (2.0 điểm).

Hãy phân tích cái hay, cái đẹp mà em cảm nhận được từ bốn câu thơ sau:

"Chúng ta hãy bước nhẹ chân, nhẹ nữa

Trăng ơi trăng, hãy yên lặng cúi đầu

Suốt cuộc đời Bác có ngủ yên đâu

Nay Bác ngủ, chúng ta canh giấc ngủ"

("Chúng con canh giấc ngủ Bác, Bác Hồ ơi!" - Hải Như).

Câu 2: (6.0 điểm)

Nơi dựa

"Người đàn bà nào dắt đứa nhỏ đi trên đường kia?

Khuôn mặt trẻ đẹp chìm vào những miền xa nào...

Đứa bé đang lẫm chẫm muốn chạy lên, hai chân nó cứ ném về phía trước, hai bàn tay hoa hoa một điệu múa kì lạ.

Và cái miệng líu lo không thành lời, hát một bài hát chưa từng có.

Ai biết đâu, đứa bé bước còn chưa vững lại chính là nơi dựa cho người đàn bà kia sống.

Người chiến sĩ nào đỡ bà cụ trên đường kia?

Đôi mắt anh có cái ánh riêng của đôi mắt đã nhiều lần nhìn vào cái chết.

Bà cụ lưng còng tựa trên cánh tay anh, bước từng bước run rẩy.

Trên khuôn mặt già nua, không biết bao nhiêu nếp nhăn đan vào nhau, mỗi nếp nhăn chứa đựng bao nỗi cực nhọc gồng gỏi một đời.

Ai biết đâu, bà cụ bước không còn vững lại chính là nơi dựa cho người chiến sĩ kia đi qua những thử thách”.

(Nguyễn Đình Thi, Tia nắng, NXB văn học, Hà Nội, 1983)

Từ ý nghĩa của văn bản trên, hãy trình bày suy nghĩ của em về nơi dựa của mỗi người trong cuộc sống.

Câu 3 (12.0 điểm)

Bàn về nhà thơ Vũ Đình Liên và bài thơ Ông đồ, trong cuốn "Thi nhân Việt Nam", Hoài Thanh có viết: "Hai nguồn thi cảm lớn nhất của người là lòng thương người và tình hoài cổ. Có một lần hai nguồn cảm hứng ấy đã gặp nhau và để lại cho chúng ta một bài thơ kiệt tác: Ông đồ".

Trình bày ý kiến của em về nhận xét trên.

ĐÁP ÁN

Nội dung	Điểm
<p><u>Câu 1:</u></p> <p>Phân tích cái hay, cái đẹp mà em cảm nhận được từ bốn câu ("<i>Chúng con canh giấc ngủ Bác, Bác Hồ ơi!</i>" - Hải Như:</p> <p>- Câu thơ thứ nhất: sử dụng điệp ngữ “ nhẹ”: Nhấn mạnh , thể hiện sự xúc động, tình cảm tha thiết của nhà thơ và dòng người vào lăng viếng Bác.</p> <p>- Câu thơ thứ 2: Sử dụng nghệ thuật nhân hoá: trăng được gọi như người (trăng ơi trăng); điệp ngữ trăng được nhắc lại 2 lần như muốn nhấn mạnh lời nhắn nhủ : hãy yên lặng cúi đầu để bày tỏ lòng thành kính, lòng biết ơn vô hạn đối với Bác. Trăng là người bạn thủy chung suốt chặng đường dài bất tử của Người.</p> <p>- Câu thơ thứ 3: nghệ thuật ẩn dụ “ngủ” (có ngủ yên đâu) ca ngợi sự hi sinh</p>	2.0

<p>quên mình của Bác, suốt cuộc đời Người chỉ lo cho dân tộc cho vận mệnh của dân tộc, của đất nước.</p> <p>- Câu thơ thứ 4: Nghệ thuật nói giảm, nói tránh “ngủ” (nay Bác ngủ) làm giảm đi sự đau thương khi nói về việc Bác mất. Trong lòng mỗi người dân Việt Nam Bác còn sống mãi.</p> <p>-> Ngôn ngữ thơ giản dị, giàu hình ảnh, giàu cảm xúc đã diễn tả tình cảm, tấm lòng của nhà thơ và của nhân dân đối với Bác.</p>	
<p>Câu 2:</p> <p style="text-align: center;">Nơi dựa</p> <p>* Yêu cầu về kĩ năng:</p> <p>- Bài viết có bố cục và cách trình bày hợp lí.</p> <p>- Hệ thống ý (luận điểm)rõ ràng và được triển khai tốt.</p> <p>- Diễn đạt tốt, không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ và ngữ pháp.</p>	6,0
<p>* Yêu cầu về nội dung:</p> <p>- Nhận xét khái quát câu chuyện:</p> <p>Nguyễn Đình Thi đã ghi lại cảm xúc của mình trong bài thơ “ Tia nắng” về nơi dựa của mỗi người trong cuộc sống bởi vì mỗi người trong chúng ta cũng cần có một điểm tựa hay một nơi dựa để có được một cuộc sống thành đạt, hạnh phúc.</p> <p>- Giải thích được thế nào là nơi dựa và biểu hiện của nơi dựa:</p> <p>+ Nơi dựa là chỗ dựa về mặt tinh thần, nơi để mỗi người nương tựa khi gặp khó khăn trong cuộc sống, là nơi tiếp cho họ sức mạnh, niềm tin, động lực trong hoạt động, là nơi mang lại cảm giác ấm áp, bình yên khi gặp sóng gió.</p> <p>+ Nơi dựa trong bài thơ thể hiện ở biểu hiện bên ngoài, người phụ nữ là nơi dựa cho cậu bé, người chiến sĩ là nơi dựa cho bà cụ. Tuy nhiên ở khía cạnh tinh thần, cậu bé cũng là nơi dựa cho người phụ nữ, bà cụ cũng là nơi dựa cho người chiến sĩ.</p>	

<p>+ Trong cuộc sống có những nơi dựa khác nhau: về mặt vật chất thì đó là tiền bạc của cải... Xét về mặt tinh thần thì đó là những người thân yêu trong gia đình như ông bà, cha mẹ, anh chị,... những bạn bè thân thiết, những kỉ niệm, những giá trị thiêng liêng, ưu điểm, mặt mạnh của bản thân...</p> <p>* Bàn luận về ý nghĩa của nơi dựa:</p> <p>+ Giúp con người cảm thấy bình yên, thanh thản, vượt qua mọi khó khăn thử thách, có động lực để phấn đấu vươn lên...Ta cảm thấy vui, hạnh phúc, yên tâm, vững vàng trong cuộc sống (học sinh phân tích lí giải và dẫn chứng) .</p> <p>* Bài học về nơi dựa:</p> <p>+ Bất cứ ai cũng cần có một nơi dựa nhưng đồng thời lại là nơi dựa cho người khác.</p> <p>+ Cần phải có thái độ trân trọng những nơi dựa tốt đẹp mà mình có được, đồng thời cũng là nơi dựa ý nghĩa cho người khác (học sinh phân tích lí giải và dẫn chứng)</p> <p>+ Phê phán những người chỉ biết dựa dẫm, ỷ thế để làm điều xấu xa: những kiểu con ông cháu cha dựa vào quyền thế, tiền bạc của cha mẹ. Cũng cần lên án những kẻ chỉ biết lệ thuộc vào người khác mà không tin vào sức mình để vươn lên. Hoặc những nười chọn những nơi dựa không tốt để đạt được mục đích bằng bất cứ giá nào...</p> <p>+ Qua bài thơ chúng ta thấm thía một điều rằng, sợi dây neo vững chắc nhất với cuộc đời của mỗi con người là sự yêu thương. Đó là chỗ dựa vững chắc nhất của con người trong cuộc đời, giúp con người vượt qua những buồn phiền và cay đắng. và như thế mọi bon chen, toan tính...lùi lại phía sau.</p>	
<p>Câu 3:</p> <p>Bàn về nhà thơ Vũ Đình Liên và bài thơ Ông đồ, trong cuốn "Thi nhân Việt Nam", Hoài Thanh có viết: "Hai nguồn thi cảm lớn nhất của người là lòng thương người và tình hoài cổ. Có một lần hai nguồn cảm hứng ấy đã gặp nhau và để lại cho chúng ta một bài thơ kiệt tác: Ông đồ".</p>	12.0

Trình bày ý kiến của em về nhận xét trên.

a. Mở bài

- Giới thiệu về nhà thơ Vũ Đình Liên và bài thơ **Ông đồ**
- Trích dẫn nhận định (ý kiến)

b. Thân bài

* Giải thích nhận định:

Hai nguồn cảm hứng lớn nhất của người là lòng thương người và niềm hoài cổ

+ Lòng thương người: Là tình cảm yêu thương, đồng cảm, xẻ chia, thấu hiểu với những bất hạnh của người. Đây là nguồn cảm hứng lớn của thi ca, bởi những gì là văn, là thơ, là nghệ thuật đích thực bao giờ cũng là nghệ thuật vì con người.

+ Tình hoài cổ: Là nỗi niềm nhớ tiếc quá khứ , những dĩ vãng xa xưa nay chỉ còn trong kí ức, trong kỷ niệm.

- Bài thơ kiệt tác: là **tác phẩm thơ hết sức đặc sắc, đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật**

* Chứng minh:

*. 1: Trước hết, "Ông đồ" là bài thơ đạt dào tình thương.

- Hai khổ thơ đầu là niềm hân hoan của nhà thơ trước niềm vui của ông đồ trong những ngày đất khách

- Hai khổ thơ tiếp theo là nỗi buồn thương cảm sâu sắc của nhà thơ trước cảnh ông đồ trong những ngày vắng khách.

- Khổ thơ cuối là nỗi niềm đau đớn xót xa, thảng thốt, ân hận khi thấy ông đồ vắng bóng hẳn trong cuộc đời.

*. 2: Bài thơ không chỉ mang nặng nỗi lòng thương người mà còn thể hiện tình hoài cổ. Trong bài thơ chữ “thương” đã quá rõ, còn chữ “hoài thì sao?

Hoài là nhớ, Vũ Đình nhớ về huy hoàng một thờ của chữ Nho và đạo Nho.

- Nỗi niềm hoài cổ trong “Ông đồ” đâu chỉ là nỗi buồn vì chữ Nho, Đạo Nho mất gốc rễ, mà còn là nỗi nhớ tiếc một nét đẹp văn hóa tàn tạ trước văn minh Âu hóa: Thú chơi chữ, chơi câu đố ngày tết.

* **Nghệ thuật: nguồn cảm hứng về lòng thương người và niềm hoài cổ trong bài thơ Ông đồ đã được thể hiện qua hình thức nghệ thuật độc đáo và đặc sắc:**

- *Thể thơ ngũ ngôn (năm chữ)*
- Toàn bài thơ có *giọng điệu chủ âm là trầm lắng, ngậm ngùi.*
- *Kết cấu bài thơ giản dị mà chặt chẽ:*
- Hình ảnh thơ giản dị nhưng hàm súc, không mới mẻ nhưng gợi cảm:

*** Đánh giá chung:**

- Thơ vốn hàm súc nhưng đạt đến độ như “Ông đồ” thì thật đáng phục. Giữa cái thời lí tưởng tràn bờ, khuôn khổ lung lay, nhà thơ mới Vũ Đình Liên đã chọn cho mình thể thơ năm chữ, thả dài bốn khổ. Chỉ một trăm chữ, không cầu kì, cũng không tân kì mà “Ông đồ” ra đời từng câu, từng câu... thông thả như hoa quỳnh nở. Từng nét nhụy uốn cong xòe ra tỏa hương...buồn mà nhớ, da diết nhớ. Kết tinh của hai nguồn thi hứng "Ông đồ" xứng đáng một kiệt tác. Hoài Thanh quả đã không hề sai khi nói về Vũ Đình Liên và "Ông đồ" trong "Thi nhân Việt Nam" như vậy...

c. Kết bài

- Khẳng định ý kiến
- Liên hệ: Bài thơ khiến bao bạn đọc phải rơi nước mắt cho một số phận, một dấu tích văn hóa lụi tàn, nhưng đồng thời lại thấy chút xót xa ân hận vì chính mình đã từng hắt hủi đạo Nho. May thay, thư pháp Hán tự đang được khôi phục lại nhờ những con người đầy nhiệt huyết. Trong đó, hẳn có không ít người từng là độc giả của "Ông đồ".

ĐỀ SỐ 33:**Câu 1. (4,0 điểm)****Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

“Cả đời ra bể vào ngòi
 Mẹ như cây lá giữa trời gió rung
 Cả đời buộc bụng thắt lưng
 Mẹ như tấm nhả bóng dưng tơ vàng
 Đường đời còn rộng thênh thang
 Mà tóc mẹ đã bạc sang trắng trời
 Mẹ đau vẫn giữ tiếng cười
 Mẹ vui vẫn để một đời nhớ thương
 Bát cơm và nắng chan sương
 Đói no con mẹ sẻ nhường cho nhau
 Mẹ ra bới gió chân cầu
 Tìm câu hát đã từ lâu dập vùi
 Trở về với mẹ ta thôi
 Giữa bao la một khoảng trời đắng cay.”
 (Đồng Đức Bốn, *Trở về với mẹ ta thôi*)

a. Gọi tên những biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ sau:

“Cả đời buộc bụng thắt lưng
 Mẹ như tấm nhả bóng dưng tơ vàng”

b. Sự vất vả tần tảo của người mẹ trong đoạn thơ được miêu tả bằng những từ ngữ nào?**c.** Tìm và nêu tác dụng của trường từ vựng chỉ trạng thái cảm xúc trong hai câu thơ sau:

“Mẹ đau vẫn giữ tiếng cười

Mẹ vui vẫn để một đời nhớ thương.”

d. Người con trong đoạn trích bộc lộ tình cảm gì đối với người mẹ của mình?

Câu 2. (6,0 điểm)

Trình bày suy nghĩ của em về câu nói:

“Ai cũng muốn làm điều gì đó lớn lao, nhưng lại không nhận ra rằng cuộc sống được tạo thành từ những điều rất nhỏ” (Frank A. Clark).

Câu 3. (10,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: “ *Thơ ca bắt rễ từ lòng người, nở hoa nơi từ ngữ*”. Em hiểu ý kiến đó như thế nào? Hãy làm sáng tỏ nhận định trên qua bài thơ “ Ông đồ” của nhà thơ Vũ Đình Liên.

-----HẾT-----

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
I. ĐỌC- HIỂU	4,0
<p>a. Biện pháp tu từ: Nói quá, so sánh.</p> <p>b. Trường từ vựng trạng thái cảm xúc: <i>Đau, vui, nhớ, thương(nhớ thương)</i></p> <p>- Tác dụng: Nhấn mạnh đức tính nhẫn nại và hy sinh thầm lặng của mẹ dành cho con.</p> <p>c. Sự vất vả, tần tảo của mẹ được miêu tả qua các từ: <i>Thắt lưng buộc bụng, tóc mẹ đã bạc, đau, đắng cay, ra bẻ vào ngòai...</i>(hs tìm được tối thiểu 4 từ)</p> <p>d. - Đó là tấm lòng luôn hướng về mẹ với tình cảm biết ơn sâu sắc nhất, thấu hiểu những nỗi khổ mà cả đời tần tảo của mẹ đã phải trải qua để dành cho con những điều tốt đẹp nhất.</p>	

<p>- Tháng năm có trôi qua nhưng những gì thuộc về mẹ là những điều đẹp đẽ nhất mà người con luôn khắc ghi trong lòng. Đó cũng là lẽ sống mà người con muốn bộc lộ.</p>	
<p>Câu 2: Trình bày suy nghĩ của em về câu nói:</p> <p><i>“Ai cũng muốn làm điều gì đó lớn lao, nhưng lại không nhận ra rằng cuộc sống được tạo thành từ những điều rất nhỏ”</i>(Frank A. Clark).</p> <p>. <i>Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đầy đủ mở bài, thân bài, kết bài. - Xác định đúng vấn đề nghị luận. <p><i>Triển khai vấn đề nghị luận</i></p> <p>Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động. HS có thể viết theo nhiều cách. Dưới đây là một số gợi ý về nội dung:</p> <p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn dắt vấn đề. - Nêu vấn đề nghị luận, trích dẫn nhận định. <p>b. Thân bài:</p> <p>* Giải thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Ai cũng muốn làm điều gì đó rất lớn lao</i>: khát vọng vươn tới đích lớn, làm thay đổi cuộc sống theo hướng phát triển đi lên, tốt đẹp hơn là khát vọng chính đáng của mỗi người. - <i>Nhưng lại không nhận ra rằng cuộc sống được tạo thành từ những điều rất nhỏ</i>: Nhiều người không ý thức được những việc lớn lao bao giờ cũng phải bắt đầu từ những việc nhỏ như dòng sông được tạo bởi nhiều con suối, như đại dương là nơi tìm về của nhiều dòng sông. <p>-> Con người luôn có những khát khao làm những điều lớn lao, kì vĩ mà lại</p>	<p>6,0</p>

quên rằng phải bắt đầu từ những điều nhỏ bé, bình thường. Hãy biết trân trọng những điều bé nhỏ, bình dị đơn sơ.

*** Bàn luận: Khẳng định câu nói là một ý kiến hoàn toàn xác đáng vì:**

- Mơ ước làm được điều lớn lao là nguyện vọng chính đáng, cần thiết của mỗi con người, cần được hoan nghênh, khuyến khích.
- Nhưng phải luôn ý thức được rằng: Cuộc sống là tổng hòa các mối quan hệ xã hội, nhân cách con người cũng được tạo nên bởi mối quan hệ từ nhỏ đến lớn như những hành vi đạo đức, lối sống...
- Ý nghĩa hạnh phúc của cuộc sống cũng được kiến tạo từ những điều giản dị đơn sơ ... (dẫn chứng)

*** Phê phán những ai có ước mơ viển vông, thiếu thực tế, không biết trân trọng những điều bình dị, bé nhỏ.**

- Tuy nhiên ước mơ khát vọng phải gắn với thực tế. Đồng thời phải biết phát triển những điều bình dị thành cái cao cả lớn lao. * Bài học nhận thức và hành động:
- Con người phải luôn ý thức kiểm soát hành động và nhận thức rằng việc gì nhỏ mảy mà có ích thì kiên quyết làm.
- Thường xuyên rèn luyện đức tính kiên nhẫn, bắt đầu từ những việc làm nhỏ để hướng những điều lớn lao cao cả.

c. Kết bài:

- Khẳng định lại vấn đề.
- Liên hệ.

Câu 3: Có ý kiến cho rằng: “*Thơ ca bắt rễ từ lòng người, nở hoa nơi từ ngữ*”. Em hiểu ý kiến đó như thế nào? Hãy làm sáng tỏ nhận định trên qua bài thơ *Ông đồ* của nhà thơ Vũ Đình Liên.

a. Mở bài:

10,0

- Dẫn dắt vấn đề.

- Nêu vấn đề, trích dẫn ý kiến và phạm vi nghị luận.

b. Thân bài:

*** Giải thích:**

- *Thơ ca bắt rễ từ lòng người*: Thơ ca là tiếng nói chân thành của tình cảm. Thơ do tình cảm mà sinh ra. Thơ luôn thể hiện những rung cảm tinh tế, thắm sâu của tác giả.

- *Nở hoa nơi từ ngữ*: lời thơ bao giờ cũng chặt chẽ, giàu hình tượng, có khả năng gợi cảm xúc của người đọc. Vẻ đẹp ngôn từ chính là yêu cầu bắt buộc với thơ ca.

-> Thơ ca khởi nguồn từ cảm xúc của tác giả trước cuộc sống và tình cảm ấy, thăng hoa nơi từ ngữ biểu hiện.

*** Chứng minh: Phân tích cảm nhận bài thơ “Ông đồ” để làm sáng tỏ nhận định:**

***.1. Bài thơ “Ông đồ” bắt rễ từ lòng người.**

- Bài thơ “Ông đồ” thể hiện niềm cảm thương sâu sắc đối với một lớp người đang trở nên lạc lõng và bị gạt ra ngoài lề cuộc đời, là niềm hoài cổ của tác giả với một nét đẹp truyền thống của dân tộc bị tàn phai.

- Ở hai khổ thơ đầu, qua hình ảnh ông đồ xưa trong thời kì huy hoàng, tác giả gửi gắm niềm kính trọng, ngưỡng mộ, nâng niu nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc.

+ Ông đồ xuất hiện bên phố phường đông đúc vào mỗi dịp tết đến xuân về. Không khí mùa xuân, hình ảnh *hoa đào nở* đã tươi thắm nay lại thêm *mực tàu giấy đỏ* làm mọi nét vẽ trong bức tranh tả ông đồ rõ nét, tươi vui, tràn đầy sức sống. Từ *lại* diễn tả sự xuất hiện đều đặn của ông đồ với mùa xuân cùng với công việc viết chữ nho.

+ Dòng người đông đúc đều quan tâm và ngưỡng mộ, khâm phục tài viết

chữ nho của ông đồ (dẫn chứng: *Bao nhiêu người...*). Nghệ thuật so sánh và thành ngữ *Như phượng múa rồng bay* làm toát lên vẻ đẹp của nét chữ phóng khoáng, bay bổng...

-> Ông đồ trở thành tâm điểm chú ý của mọi người, là đối tượng của sự ngưỡng mộ. Đó là thời chữ nho được mến mộ, nhà nho được trọng dụng.

- Hai khổ tiếp theo tác giả vẽ nên bức tranh ông đồ thời nay, một kẻ sĩ lạc lõng, lẻ loi giữa dòng đời xuôi ngược.

+ Mùa xuân vẫn tuần hoàn theo thời gian, phố vẫn đông người qua nhưng ông đồ bị lãng quên, nho học bị thất sủng, người ta không còn quan tâm đến ông đồ, đến chữ ông đồ viết.

+ Câu hỏi tu từ và biện pháp nghệ thuật nhân hóa (dẫn chứng)

-> Nỗi buồn như lan tỏa thấm cả vào những vật vô tri, vô giác, tất cả như đồng cảm với nỗi niềm của ông đồ trước con người, thời thế.

+ Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình (*Lá vàng....bay*), gợi không gian buồn thảm, vắng lặng, nhấn mạnh sự lẻ loi bẽ bàng của ông đồ.

-> Nét đẹp văn hóa dân tộc bị mai một, chữ nho đã trở nên lỗi thời, những người như ông đồ bị rơi vào quên lãng. Ông đồ trở thành “di tích tiêu tụy đáng thương của một thời tàn”.

- Khổ thơ cuối tác giả dùng để bày tỏ nỗi lòng, khơi gợi ở người đọc niềm thương xót đối với ông đồ cũng như đối với một nét văn hóa của dân tộc bị mai một.

+ Tết đến, xuân về, hoa đào vẫn nở nhưng không còn thấy ông đồ xưa. Sau mỗi năm ông đồ và giờ đây đã thành người thiên cổ.

+ Câu hỏi tu từ thể hiện niềm thương cảm của tác giả cho những nhà nho danh giá một thời, nay bị lãng quên vì thế thời thay đổi, thương tiếc những giá trị tốt đẹp bị lụi tàn và không bao giờ trở lại.

***.2. Ông đồ là bài thơ thực sự nở hoa nơi từ ngữ:**

- Thể thơ: Ngũ ngôn gieo vần chân, lời thơ bình dị nhưng sâu lắng cô đọng, kết cấu đầu cuối tương ứng chặt chẽ. Hình ảnh thơ giản dị, ngôn ngữ thơ hàm súc gợi hình, gợi cảm. Kết cấu đầu cuối tương ứng, sử dụng câu hỏi tu từ, nhân hóa, bút pháp tả cảnh ngụ tình... gieo vào lòng người đọc niềm tiếc thương day dứt.

- Mạch cảm xúc: Mạch ý tạo thành tứ thơ tự nhiên theo dòng thời gian. Kết cấu bài thơ giống như một câu chuyện kể về cuộc đời ông đồ.

- Giọng điệu: Trầm lắng, xót xa thể hiện đúng tình cảnh của nhân vật trữ tình và hồn thơ của tác giả.

*** Đánh giá:**

- Sức hấp dẫn từ nội dung và nghệ thuật của bài thơ đã tác động sâu sắc đến người đọc bao thế hệ, khơi gợi niềm cảm thương chân thành đối với nhà nho danh giá một thời nay bị lãng quên vì thế thời thay đổi, thương tiếc giá trị văn hóa tốt đẹp bị lụi tàn.

- Bằng tài năng và tâm huyết của mình nhà thơ hãy sáng tạo những thi phẩm hay và giàu sức hấp dẫn từ nội dung đến hình thức. Điều đó là thiên chức, là trách nhiệm của nhà thơ, là yêu cầu thiết yếu, sống còn của sáng tạo nghệ thuật.

- Sự tiếp nhận của người đọc: Cần thấy *thơ ca bắt rễ từ lòng người, nở hoa nơi từ ngữ* để từ đó có sự tri âm đồng cảm với tác phẩm, với tác giả nhằm sẻ chia những tình cảm đồng điệu. Khi ấy thơ sẽ có sức sống lâu bền trong lòng người đọc nhiều thế hệ.

c. Kết bài:

- Khẳng định lại vấn đề

- Liên hệ.

ĐỀ SỐ 34:

Câu 1 (8.0 điểm)

Trình bày suy nghĩ của em về ý kiến sau:

Tình yêu thương, kính trọng cha mẹ là tình cảm thiêng liêng hơn cả. Thật đáng xấu hổ và nhục nhã cho kẻ nào chà đạp lên tình yêu thương đó...

(*Những tấm lòng cao cả*, Ét- môn- đô-đơ A- mi- xi)

Câu 2 (12.0 điểm)

Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người...

(Hoài Thanh, *Ý nghĩa văn chương*, SGK Ngữ văn 7, tập hai)

Em hiểu nhận định trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua bài thơ *Ông đồ* của nhà thơ Vũ Đình Liên.

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
<p>Câu 1: Trình bày suy nghĩ của em về ý kiến sau:</p> <p><i>Tình yêu thương, kính trọng cha mẹ là tình cảm thiêng liêng hơn cả. Thật đáng xấu hổ và nhục nhã cho kẻ nào chà đạp lên tình yêu thương đó...</i></p> <p>Yêu cầu về kiến thức: Có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo các ý cơ bản sau:</p>	8,0
<p>a. Mở bài:</p> <p>- Giới vấn đề cần nghị luận: <i>Tình yêu thương, kính trọng cha mẹ là tình cảm thiêng liêng hơn cả. Thật đáng xấu hổ và nhục nhã cho kẻ nào chà đạp lên tình yêu thương đó...</i></p> <p>b. Thân bài:</p> <p>* Giải thích ý kiến:</p> <p>- <i>Tình yêu thương, kính trọng cha mẹ</i>: là lòng biết ơn, trân trọng, hiếu thảo...của con cái với những người đã sinh ra và nuôi dưỡng mình; <i>tình cảm thiêng liêng</i>: là tình cảm cao đẹp, đáng nâng niu trân trọng...; <i>chà đạp</i>: đối</p>	

xử thô bạo, coi thường, ngược đãi cha mẹ; *xấu hổ và nhục nhã*: thái độ hổ thẹn, cảm thấy xấu xa như nhuốc, bị lên án khi đối xử bất hiếu với cha mẹ.

- Bằng cách diễn đạt trực tiếp, câu nói khẳng định, nhấn mạnh tình yêu thương, kính trọng cha mẹ là tình cảm cao đẹp nhất, thiêng liêng nhất của mỗi người; cần lên án những kẻ không biết trân trọng, nâng niu, giữ gìn tình cảm đó.

*** Bàn luận:**

- Khẳng định câu nói của A-mi- xi là hoàn toàn đúng:

+ Cha mẹ là người sinh thành, chịu vất vả cực nhọc để nuôi dưỡng, dạy dỗ con cái trưởng thành. Cha mẹ là người yêu thương con nhất, luôn dành cho con những điều tốt đẹp nhất. Vì vậy, đối với mỗi người, tình yêu thương kính trọng cha mẹ là tình cảm tốt đẹp và thiêng liêng. Đó là tình cảm nhân bản, cội nguồn.

+ Tình yêu thương, kính trọng cha mẹ được biểu hiện qua cử chỉ (ánh mắt, nụ cười), lời nói, những việc làm cụ thể, thiết thực... (Dẫn chứng)

+ Ý nghĩa của tình cảm đó với mỗi người: đem đến niềm vui, hạnh phúc và ý nghĩa cuộc sống cho cha mẹ, tiếp thêm sức mạnh, động lực, niềm tin để mỗi người con có thể vượt qua khó khăn, chạm đáy, hoàn thiện nhân cách.

+ Người nào không yêu thương, kính trọng cha mẹ không thể có nhân cách làm người. Đó là những kẻ bị lên án, khinh bỉ.(Dẫn chứng)

- Phê phán những người con bất hiếu, ngược đãi cha mẹ.

***. Bài học:**

- Cảm nhận sâu sắc tấm lòng cha mẹ và hiểu rõ trách nhiệm của con cái với cha mẹ.

- Thể hiện tình cảm yêu thương, kính trọng cha mẹ bằng những việc làm cụ thể.

<p>c. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định trách nhiệm của con cái với cha mẹ. - Liên hệ mở rộng. 	
<p>Câu 2: Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người</p> <p>Em hiểu nhận định trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua bài thơ Ông đồ của nhà thơ Vũ Đình Liên.</p> <p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu và trích dẫn ý kiến. <p>b. Thân bài:</p> <p>* Giải thích ý kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn chương: chỉ các tác phẩm văn học nói chung. - Nguồn gốc cốt yếu: nguồn gốc quan trọng để sáng tạo nên một tác phẩm văn học. - Lòng thương người là phẩm chất cốt lõi, là tiêu chuẩn cho một tác phẩm văn học chân chính. <p>->Ý kiến của Hoài Thanh khẳng định giá trị nội dung tư tưởng của tác phẩm văn chương, khẳng định nguồn gốc cốt yếu của các tác phẩm văn học chính là lòng yêu thương con người.</p> <p>*. Phân tích, chứng minh</p> <p>*.1. Khái quát</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác phẩm là tiếng nói của tâm hồn, cảm xúc của người sáng tác, được hình thành, nảy nở từ tình cảm của tác giả đối với cuộc sống, con người, quan trọng nhất là tình thương. - Từ hoàn cảnh ra đời, nêu nội dung tác phẩm có liên quan đến nhận định. <p>*.2. Chứng minh nhận định qua bài thơ Ông đồ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lòng yêu thương con người thể hiện qua sự trân trọng, ngợi ca vị thế của ông đồ thời quá khứ: <p>+ Xuất hiện trong khung cảnh đông vui, nhộn nhịp: tết đến, hoa đào nở, phố</p>	12,0

xá tung bùng, màu sắc tươi tắn, rực rỡ.

+ Ông đồ với sự tài hoa khéo léo trở thành trung tâm chú ý, là đối tượng ngưỡng mộ, tôn vinh của mọi người.

-> Biểu tượng của nét đẹp văn hoá - tâm linh người Việt một thời.

(Dẫn chứng 2 khổ thơ đầu)

- *Lòng yêu thương được thể hiện qua niềm thương cảm, xót xa trước tình cảnh đáng thương của ông đồ thời bị quên lãng:*

+ Ông đồ vẫn là hình ảnh trung tâm nhưng mọi sự đã thay đổi. Ông đồ "vẫn ngồi đấy", giữa phố xá đông đúc người qua lại nhưng lẻ loi, lạc lõng, không ai biết, "không ai hay".

+ Nỗi buồn tủi, xót xa thấm đẫm lên cả những vật vô tri vô giác. Ông đồ "ngồi đấy" chứng kiến và nếm trải tấn bi kịch của cả một thế hệ, sự tàn tạ, suy sụp hoàn toàn của nền Nho học. Đó là nỗi đau đớn ngậm ngùi của lớp nhà nho buổi giao thời.

(Dẫn chứng 2 khổ thơ tiếp)

- "*Ông đồ*" thể hiện niềm thương cảm, xót xa và nhớ tiếc của tác giả về vẻ đẹp của một thời đã qua:

+ Tết lại đến, quy luật thiên nhiên vẫn tuần hoàn, nhưng "Không thấy ông đồ xưa". Hình ảnh "người muôn năm cũ" gợi lên niềm cảm thương, tiếc nuối vô hạn. Đó là nỗi day dứt, tiếc nhớ, thương xót ngậm ngùi của tác giả và cũng là của cả một thế hệ các nhà thơ mới,

là nỗi mong ước tìm lại, gặt lại vẻ đẹp của một thời đã qua.

-> Ông đồ đã trở thành cái dấu tích tiêu tụy đáng thương của một thời tàn, hoàn toàn bị quên lãng.

(Dẫn chứng khổ thơ cuối)

***. Đánh giá chung**

- Thể thơ ngũ ngôn vừa phù hợp với lối kể chuyện, vừa thích hợp để diễn tả tâm tình.

- Kết cấu đầu cuối tương ứng chặt chẽ của bài thơ đã làm nổi bật chủ đề tác phẩm: quá trình tàn tạ, suy sụp của nền nho học.

- Ngôn ngữ, hình ảnh trong sáng, bình dị nhưng hàm súc, đầy ám ảnh, giàu

<p>sức gọi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định bài thơ <i>Ông đồ</i> được khơi nguồn và thể hiện tấm lòng thương yêu, cảm thông sâu sắc của tác giả trước một lớp người, một nét đẹp văn hóa thời Nho học tàn lụi. - Bài học về cảm thụ và sáng tác văn chương. <p>c. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định ý kiến và giá trị của tác phẩm. - Liên hệ mở rộng. 	
---	--

ĐỀ SỐ 35:

Câu 1:(4,0 điểm)

Chỉ ra và phân tích tác dụng của phép tu từ trong đoạn thơ sau:

*“Ôi lòng Bác vậy, cứ thương ta
 Thương cuộc đời chung, thương cỏ hoa
 Chỉ biết quên mình, cho hết thảy
 Như dòng sông chảy, nặng phù sa”.*

(Trích “Theo chân Bác”- Tố Hữu)

Câu 2:(6,0 điểm)

Quách Mạt Nhược từng nói: “Mặt trời mọc rồi mặt trời lại lặn, vầng trăng tròn rồi lại khuyết, nhưng ánh sáng mà người thầy rọi vào ta còn mãi trong cuộc đời.”

Hãy viết đoạn văn (khoảng 12 đến 15 câu) nêu suy nghĩ của em về câu nói trên.

Câu 3: (10,0điểm)

Nhà phê bình văn học Hoài Thanh từng viết: “Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện những tình cảm ta sẵn có”.(Trích Ý nghĩa văn chương - SGK Ngữ văn 7, tập hai, NXB Giáo dục, trang 61)

Bằng hiểu biết của em về bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

-----Hết-----

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
<p>Câu 1: Chỉ ra và phân tích tác dụng của phép tu từ trong đoạn thơ...</p> <p>. Yêu cầu hình thức:Viết thành đoạn hoặc bài văn cảm thụ ngắn. Lời văn giàu hình ảnh và cảm xúc.</p> <p>. Yêu cầu về nội dung</p> <p>+ Viết về Bác Hồ kính yêu - đó là nguồn cảm hứng không bao giờ vơi cạn đối với các nhà văn, nhà thơ. Tố Hữu cũng trân trọng dành không ít những trang thơ viết về Bác. Đoạn thơ trên được trích trong trường ca “Theo chân Bác” của Tố Hữu.</p> <p>+ Trong đoạn thơ tác giả dùng điệp từ “thương” ở 2 câu thơ đầu để nói về tình thương yêu rộng lớn bao la của Bác dành cho “ta”- những người dân đất Việt cũng như toàn thể nhân dân lao động nghèo khổ trên thế giới. Tình yêu thương của Bác còn bao trùm cả vạn vật trong thiên nhiên.</p> <p>+ Hai câu thơ sau tác giả dùng phép tu từ so sánh thật độc đáo. Tác giả đã so sánh sự hi sinh quên mình vì dân vì nước của Bác như dòng sông lặng lẽ chảy trôi ngàn đời mang phù sa bồi đắp cho ruộng đồng phì nhiêu.</p> <p>+ Đoạn thơ có 4 câu sử dụng hài hoà 2 phép tu từ điệp ngữ và so sánh giúp ta hiểu tình thương, sự hi sinh cao cả của Bác dành cho mỗi người dân Việt Nam. Tác giả thể hiện lòng kính yêu, biết ơn vô hạn của cả dân tộc Việt Nam với Bác.</p>	<p>0,5đ</p> <p>1,5đ</p> <p>1,5đ</p> <p>0,5đ</p>
<p>Câu 2: Quách Mạt Nhược từng nói: “ Mặt trời mọc rồi mặt trời lại lặn, vàng trắng tròn rồi lại khuyết, nhưng ánh sáng mà người thầy rọi vào ta còn mãi trong cuộc đời.”</p>	6,0

Hãy viết đoạn văn (khoảng 12 đến 15 câu) nêu suy nghĩ của em về câu nói trên.

. Yêu cầu về hình thức: Học sinh viết đoạn văn, độ dài từ 12 đến 15 câu có mở đoạn, phát triển đoạn và kết đoạn.

. Yêu cầu về nội dung:

- Giới thiệu câu nói của Quách Mạt Nhược. Câu nói sử dụng cách lập luận tương phản để gửi tới mỗi người bức thông điệp: Người thầy đóng vai trò rất quan trọng trong sự trưởng thành của mỗi con người, từ đó nhấn gửi mỗi người phải luôn biết ơn những người thầy của mình (*Mặt trời mọc, lặn; vầng trăng tròn, khuyết*: những hiện tượng, quy luật của tự nhiên tuần hoàn, thay đổi. *Ánh sáng mà người thầy rọi vào ta còn mãi trong cuộc đời*: sự trường tồn, bất biến của những giá trị tinh thần mà người thầy mang lại cho mỗi học sinh)

- Khẳng định người thầy có vai trò vô cùng quan trọng đối với mỗi người: truyền thụ các tri thức khoa học, đem đến cho ta sự hiểu biết..... thầy dạy những điều hay lẽ phải, cách đối nhân xử thế, những bài học làm người, thầy quan tâm, chăm chút trò. Hình ảnh người thầy luôn đi theo, có ảnh hưởng trong mỗi hành động, việc làm, ước mơ của trò.

- Khẳng định lòng biết ơn thầy cô đã trở thành truyền thống đạo lí tốt đẹp của dân tộc. Người học trò phải luôn thể hiện tấm lòng biết ơn, trân trọng thầy cô; thể hiện truyền thống tôn sư trọng đạo qua những việc làm, hành động cụ thể, thiết thực...đồng thời phê phán, lên án những tư tưởng vô ơn bạc nghĩa, những hành động vô lễ xúc phạm thầy cô...

- Câu nói đã ngợi ca vai trò của người thầy trong xã hội và nhắc nhở chúng ta về lòng biết ơn thầy cô giáo. Cần giữ gìn, trau dồi, phát triển truyền thống “Tôn sư trọng đạo” của dân tộc, chăm chỉ học tập và rèn luyện để đền đáp công ơn của thầy cô...

Câu 3: Nhà phê bình văn học Hoài Thanh từng viết: “ Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện những tình cảm ta sẵn có”.

(Trích Ý nghĩa văn chương - SGK Ngữ văn 7, tập hai, NXB Giáo dục, trang 61)

10,0

Bằng hiểu biết của em về bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

. Yêu cầu chung:

- Xác định đúng kiểu bài văn nghị luận có kết hợp dẫn chứng, lí lẽ và lập luận
- Phạm vi trong văn bản “ Ông đồ” của Vũ Đình Liên và kết hợp so sánh đối chiếu để nêu bật vấn đề.

. Yêu cầu cụ thể:

a. Mở bài:

- Giới thiệu: Văn chương là một loại hình nghệ thuật đặc sắc của nhân loại. Nó không chỉ biểu lộ những vẻ đẹp của ngôn từ, hình tượng nghệ thuật mà còn mang đến cho con người những giá trị *chân thiện mỹ*.
- Nêu vấn đề: Bàn về vấn đề đó, nhà phê bình văn học Hoài Thanh có viết: “Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện những tình ta cảm sẵn có”.
- Giới thiệu bài thơ Ông đồ: tác giả, hoàn cảnh ra đời, cảm xúc chủ đạo. Khẳng định bài thơ là minh chứng rõ nét cho nhận định của Hoài Thanh.

b. Thân bài:

*** Giải thích nhận định:**

- *Văn chương* là vẻ đẹp và vẻ sáng của câu văn, lời văn, cũng là cách gọi tên về tác phẩm văn học.
- *Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có* là giúp cho ta tiếp thu được những tình cảm cao đẹp ta chưa từng biết đến, những nét ứng xử tinh tế, những bài học mới mẻ về cuộc đời để chúng ta làm giàu thêm cho tâm hồn mình.
- *Văn chương luyện những tình cảm ta sẵn có* là giúp ta có cái nhìn sâu sắc

hơn về cuộc sống, suy nghĩ lại mình, ý thức hơn về những tình cảm mà mình đã có để cho những tình cảm ấy trở nên sâu sắc hơn, cao đẹp hơn...

=> **Câu nói của Hoài Thanh đề cập đến ý nghĩa, chức năng, tác dụng, vai trò của văn chương trong việc giáo dục tình cảm thẩm mỹ của con người. Văn chương giúp con người nhìn nhận lại mình và hoàn thiện chính mình.**

*** Chứng minh qua bài thơ Ông đồ của Vũ Đình Liên:**

- **Bài thơ khơi dậy niềm tự hào, lòng yêu quý trân trọng một nét đẹp trong văn hóa dân tộc** là nghệ thuật thơ pháp và lòng yêu mến những con người tài hoa như ông đồ. Từ bàn tay của ông, nét chữ vuông vắn, tươi tắn như hoa mùa xuân thể hiện hoài bão của con người. Nét chữ phóng khoáng từ tay người như có phép tiên đang thêu dệt gấm hoa làm nên một nét đẹp văn hoá trong truyền thống của dân tộc. *(Dẫn chứng khổ thơ 1 và 2)*

- **Bài thơ khơi dậy niềm thương cảm cho thực trạng của những con người như ông đồ trước sự đổi thay của thời cuộc.** Ông đồ dần trở thành “di tích tiêu tụy, đáng thương của một thời tàn” *(Dẫn chứng khổ thơ 3 và 4)*

- **Từ hình ảnh ông đồ nhà thơ còn khơi dậy nỗi lòng thương nhớ, tiếc nuối cho cả lớp người xưa cũ đã lùi về dĩ vãng.** Thương ông đồ cũng là xót thương một nền văn hóa lụi tàn dưới ách thống trị của ngoại bang *(Dẫn chứng khổ thơ 5)*

- **Khẳng định sự tác động của bài thơ đến tình cảm mỗi người đọc, sự đồng cảm của người đọc với bài thơ:**

+ **Bài thơ truyền cho người đọc lòng thương người và nỗi niềm hoài cổ,** khơi dậy sự trân quý những giá trị văn hóa truyền thống dân tộc, thức tỉnh lòng ân hận của lớp người đương đại trước sự mai một lụi tàn của một nền văn hóa, biết sống có trách nhiệm với quá khứ, hiện tại và tương lai.

+ **Bài thơ nhận được sự đồng cảm của bạn đọc,** bạn đọc tìm được sự đồng điệu tâm hồn với tác giả.

*** Đánh giá:**

- Bài thơ Ông đồ, bằng thể thơ ngũ ngôn với giọng điệu thương cảm, kết cấu đầu cuối tương ứng, ngôn ngữ hàm súc, biện pháp so sánh, nhân hóa kết hợp với tả cảnh ngụ tình... đã thể hiện sâu sắc lòng thương người và nỗi niềm hoài

cổ. Sự cảm thương thể hiện tấm lòng nhân đạo sâu sắc dành cho những cuộc đời, những số phận bất hạnh, niềm hoài cổ mang ý nghĩa nhân văn và tinh thần dân tộc đáng trân trọng.

- M.Gor-ki từng nói “Văn học là nhân học”. Quả thật giá trị cốt lõi của văn chương chính là ý nghĩa nhân văn cao đẹp. Nhà phê bình Hoài Thanh đã có cái nhìn đúng đắn và tích cực về ý nghĩa của văn chương. Bài thơ đã minh chứng cho những tác dụng to lớn của văn chương: văn chương làm đẹp thêm tình người, hướng con người đến đỉnh cao Chân-Thiện - Mỹ.

c. Kết bài:

- Khẳng định tác phẩm “Ông đồ” là tác phẩm xuất sắc trong phong trào Thơ mới.

- Bài học: giáo dục tinh thần nhân đạo, lòng thương người, biết quan tâm, chia sẻ trong đời sống, biết trân trọng những giá trị truyền thống văn hóa dân tộc.

ĐỀ SỐ 36:

Câu 1 (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Quán hàng phù thủy

Một phù thủy

Mở quán hàng nho nhỏ

"Mời vào đây

Ai muốn mua gì cũng có!"

Tôi là khách đầu tiên.

Từ bên trong

Phù thủy lộ ra nhìn:

"Anh muốn gì?"

"Tôi muốn mua tình yêu,

Mua hạnh phúc, sự bình yên, tình bạn..."

"Hàng chúng tôi chỉ bán cây non.

Còn quả chín, anh phải trồng. Không bán!"

(Tác giả: K.Badjadjo Pradip - Thái Bá Tân dịch)

1. Phân tích ý nghĩa của các hình ảnh **cây non**, **quả chín** trong văn bản trên.

2. Thông điệp mà anh, chị nhận được từ văn bản trên là gì?

Câu 2 (5,0 điểm):

Viết bài văn không quá 1,5 trang giấy thi trình bày suy nghĩ của mình về ý kiến sau: "**Bạn sinh ra là một nguyên bản. Đừng chết như một bản sao**".

Câu 3. (12,0 điểm):

" Tôi đọc trăm bài trăm ý đẹp

Ánh đèn tỏa rạng mái đầu xanh

Vần thơ của Bác vần thơ thép

Mà vẫn mệnh mông bát ngát tình".

(Hoàng Trung Thông)

Em hiểu thế nào về chất thép, chất tình trong đoạn thơ trên? Bằng hai bài thơ "**Ngắm trăng**", "**Đi đường**" trong tập "**Nhật kí trong tù**" của Hồ Chí Minh em hãy làm sáng tỏ vấn đề đó.

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
Câu 1: Đọc văn bản “ Quán hàng phù thủy”và trả lời các câu hỏi:	3,0
Yêu cầu chung:	

<p>+ Học sinh xác định đúng yêu cầu đề.</p> <p>+ Trình bày ngắn gọn mạch lạc.</p> <p>Yêu cầu cụ thể:</p> <p>Bài làm của học sinh trình bày được những vấn đề cơ bản sau:</p>	
<p>1. Ý nghĩa của các hình ảnh cây non, quả chín:</p> <p>- <i>Cây non</i> là những hạt mầm mà ta gieo vào cuộc sống, là sự khởi đầu, là nền tảng đầu tiên của cuộc sống.</p> <p>- <i>Quả chín</i> là kết quả mà ta đạt được, là thành công, là những điều tốt đẹp trong cuộc sống.</p>	1,0
<p>2. Thông điệp có ý nghĩa nhân văn:</p> <p>- <i>Tình yêu, hạnh phúc, bình yên, tình bạn</i> là những giá trị cao quý mà con người luôn khao khát hướng tới.</p> <p>- Nó là kết quả của tình cảm chân thành, không vụ lợi, là sự nỗ lực, tìm hiểu vun đắp, nuôi dưỡng của chính bản thân mình, không tiền bạc, sức mạnh, quyền lực nào có thể mua nổi.</p>	2,0
<p>Câu 2: Suy nghĩ về ý kiến: “ <i>Bạn sinh ra là một nguyên bản. Đừng chết như một bản sao</i>”.</p>	5,0
<p>Yêu cầu chung:</p> <p>+ Học sinh biết cách làm bài văn NLXH. Kết cấu bài viết chặt chẽ, thể hiện những hiểu biết về đời sống.</p> <p>+ Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách nhưng phải có lý lẽ và căn cứ xác đáng, có thái độ nghiêm túc, chân thành phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.</p> <p>Yêu cầu cụ thể:</p>	
<p>a. Mở bài:</p> <p>Chơi vui giữa dòng nước lũ, tôi cần một khúc gỗ để bám víu; một mình giữa hoang mạc rộng lớn, tôi cần một ngụm nước để tồn tại; còn nếu lạc giữa rừng sâu tôi cần một chiếc la bàn để tìm ra phương hướng. Người ta bảo rằng nước</p>	

lũ, hoang mạc, rừng sâu chính là những khó khăn trong cuộc sống mà con người ta hay vấp phải; còn khúc gỗ, ngụm nước, la bàn chính là kim chỉ nam, là triết lý sống con người cần có để vượt qua những khó khăn ấy. Vậy triết lý sống của bạn là gì? Riêng tôi, tôi chọn câu nói của John Mason làm triết lý sống cho mình: **“*Bạn sinh ra là một nguyên bản. Đừng chết như một bản sao*”**.

b. Thân bài:

***. Giải thích:**

- Giải thích ý nghĩa từ ngữ:

+ Nguyên bản: bản gốc, thể hiện tính độc đáo, duy nhất.

+ Bản sao: sao chép lại một bản khác, rập khuôn theo mẫu có sẵn.

-> Ý nghĩa cả câu: khẳng định con người sinh ra là một cá tính độc đáo, không nên bắt chước theo khuôn mẫu, làm theo người khác mà đánh mất chính mình, dẫn đến cái chết về mặt tâm hồn, tính cách.

***. Bàn luận:**

- Câu nói thể hiện quan điểm điểm sống đúng đắn. Từ khi sinh ra mỗi con người đã là một cá thể đơn nhất. Sự độc đáo không chỉ thể hiện ở kiến trúc cơ thể sống mà quan trọng hơn ở đời sống tâm hồn, tính cách.

- Trong cuộc sống sự ảnh hưởng nhau về lối sống, cách sống là hiện tượng phổ biến. Điều đó có mặt tích cực giúp con người hoàn thiện mình hơn.

- Tuy nhiên nếu thụ động, máy móc, rập khuôn và không tự chủ được con người sẽ dễ đánh mất mình biến thành cái bóng của người khác. Dần dần, nó sẽ dẫn con người đến cái chết về tâm hồn tính cách.

- Phê phán một số biểu hiện tiêu cực trong cuộc sống khi dập khuôn theo cách sống của người khác; những lối sống lập dị, bảo thủ.

***. Bài học:**

- Mỗi người cần nhận thức sâu sắc: Mỗi người như một tiểu vũ trụ riêng, không lặp lại. Chúng ta phải sống đúng, sống thật với con người mình.

<p>- Cần học tập những mặt tích cực ở người khác nhưng đồng thời cần tôn trọng chính con người mình, giữ gìn bản sắc và cá tính riêng.</p> <p>c. Kết bài:</p> <p>“Nguyên bản” hay cá tính đều là những tính từ hay và đẹp mà con người luôn muốn được nhắc đến khi nói về mình. Nhưng để có được hai cụm từ ấy không hề đơn giản. Sống và giữ “nguyên bản” luôn nổi bật là điều không phải riêng gì tôi mà ai trong chúng ta cũng mong muốn đạt được. Là thế hệ thanh niên trẻ mang trên mình nhiều hoài bão và ao ước tôi hiểu thế nào là sự quan trọng của “nguyên bản” và tác hại ghê gớm của những “bản sao”. Đó là lí do vì sao tôi chọn câu nói <i>“Bạn sinh ra là một nguyên bản. Đừng chết như một bản sao”</i> làm triết lí sống cho riêng mình.</p>	
<p>Câu 3: Em hiểu thế nào về chất thép, chất tình trong đoạn thơ trên? Bằng hai bài thơ "Ngắm trăng", "Đi đường" trong tập "Nhật kí trong tù" của Hồ Chí Minh em hãy làm sáng tỏ vấn đề đó.</p>	<p>12,0</p>
<p>* Yêu cầu chung:</p> <p>- Kiểm tra năng lực viết bài NLVH đòi hỏi thí sinh huy động kiến thức về lí luận văn học, khả năng cảm thụ tác phẩm, kỹ năng tạo lập văn bản để làm bài.</p> <p>- Thí sinh có thể cảm nhận và trình bày theo những cách khác nhau nhưng phải rõ hệ thống luận điểm, có lý lẽ, căn cứ xác đáng.</p>	
<p>. Yêu cầu về kiến thức: Học sinh nêu được những ý sau:</p> <p>a. Mở bài:</p> <p>- Giới thiệu và trích dẫn ý kiến.</p> <p>b. Thân bài:</p> <p>* Giải thích:</p> <p>- Thép: Tinh thần "thép" vượt lên trên hoàn cảnh; sự tự do về mặt tinh thần, tinh thần lớn lao, cao cả; lạc quan tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng.</p> <p>- Tình: vẻ đẹp tâm hồn nghệ sĩ nhạy cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên, yêu</p>	

thiên nhiên tha thiết, mãnh liệt.

*** Chứng minh:** *h/s có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau song đảm bảo các ý sau:*

- Bài "Ngắm trăng":

+ Thép là cuộc vượt ngục về mặt tinh thần, lạc quan yêu đời.

+ Tình: yêu trăng, băn khoăn, bối rối không biết lấy gì để thưởng trăng, cho xứng với vẻ đẹp có trăng; trăng và thi nhân có cuộc giao cảm độc đáo...

- Bài "Đi đường".

+ Thép: vượt lên trên hoàn cảnh gian khó của quãng đường đèo núi khi bị giải từ nhà lao này đến nhà lao khác.

+ Tình: mãn nguyện với cảnh đẹp thiên nhiên mở ra khi lên đến đỉnh cao nhất.

+ Lớp nghĩa ẩn dụ bộc lộ chất thép: tin tưởng vào thắng lợi to lớn của cách mạng sau khi trải qua muôn vàn khó khăn, thử thách...

*** Đánh giá:**

- Chất thép chất tình hòa quyện trong thơ Bác, có mối quan hệ độc đáo. Đó cũng là vẻ đẹp "chiến sĩ" và "thi sĩ" trong thơ Bác.

(Đan xen phân tích giá trị nghệ thuật của hai bài thơ)

c. Kết bài:

- Khẳng định ý kiến.

- Liên hệ mở rộng.

ĐỀ SỐ 37:**Câu 1(8,0 điểm)**

Trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý nghĩa của câu chuyện sau:

“Một cậu bé 10 tuổi quyết định học môn võ Judo cho dù cánh tay trái của cậu đã mất trong một tai nạn xe hơi. Cậu theo học Judo với một võ sư Nhật.

Nhưng suốt 3 tháng trời, thầy chỉ dạy cậu một thế võ duy nhất. Cậu bé hỏi thầy:

-Thưa thầy, chẳng lẽ con không thể học được các thế võ khác sao?

Ông trả lời:

- Đây là thế võ duy nhất thầy dạy cho con, cũng chính đó là thế võ duy nhất mà con cần phải học.

Tuy không hiểu hết lời thầy nhưng tin tưởng ở nơi thầy, cậu bé tiếp tục tập luyện.

Nhiều tháng sau, võ sư dẫn cậu bé đến tham dự một cuộc thi Judo. Cậu bé rất ngạc nhiên khi thấy mình thắng dễ dàng trong hai trận đấu. Trận thứ ba khó khăn hơn nhưng sau một hồi, đối phương mất kiên nhẫn trong các đòn tấn công, cậu bé đã khéo léo sử dụng thế võ và chiến thắng. Vẫn chưa hết ngạc nhiên vì thành công của mình, cậu tự tin bước vào trận chung kết.

Lần này, đối thủ của cậu là một võ sinh cao lớn, to khỏe và dày dặn kinh nghiệm hơn.

Vào trận không lâu, cậu bé đã liên tiếp trúng đòn và hoàn toàn bị đối phương áp đảo.

Hết hiệp đầu, sợ cậu bé bị thương, trọng tài ra hiệu để kết thúc trận đấu sớm nhưng người thầy của cậu không đồng ý:

– Cứ để cậu bé tiếp tục. – Võ sư yêu cầu.

Ngay sau khi trận đấu bắt đầu lại, đối phương phạm phải sai lầm nghiêm trọng: anh ta coi thường đối thủ và mất cảnh giác. Ngay lập tức cậu bé dùng thế võ duy nhất của mình quật ngã đối phương và khóa chặt anh ta trên sàn. Cậu bé đã đoạt chức vô địch.

Trên đường về, hai thầy trò ôn lại các thế đánh trong từng trận đấu. Lúc này cậu bé mới thu hết can đảm nói ra cái điều ám ảnh trong đầu mình bấy lâu nay:

– Thưa thầy, làm sao con có thể trở thành vô địch chỉ với một thế võ như thế?

– Con chiến thắng vì hai lý do. – Người thầy trả lời. – Lý do thứ nhất, con gần như đã làm chủ được một trong những cú đánh hiểm và hiệu quả nhất của môn võ này. Lý do thứ hai, cách duy nhất mà đối thủ của con phá được thế võ đó là họ phải giữ chặt cánh tay trái của con lại – mà con lại không có cánh tay trái.

Câu 2. (12,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: “ *Đọc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ một tâm hồn con người*”.

Qua hai bài thơ *Tức cảnh Pác Bó* và *Ngắm trăng* của *Hồ Chí Minh*, em hãy phân tích để làm sáng tỏ ý kiến trên.

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
<p>Câu 1: Trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý nghĩa của câu chuyện ...</p> <p>. Yêu cầu về kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trình bày được những cảm nhận của mình dưới dạng một bài văn ngắn. - Hành văn trôi chảy, mạch lạc, có cảm xúc; ngôn ngữ trong sáng, chuẩn xác. - Đặt câu văn đúng ngữ pháp; linh hoạt. - Viết đúng dạng bài cảm nhận, không sa đà lạc sang kể lể, diễn xuôi ý. 	8,0
<p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Dẫn dắt vấn đề, giới thiệu câu chuyện trong đề bài: câu chuyện về cậu bé bị cụt 1 cánh tay nhưng vẫn theo học võ Judo – Nêu vấn đề cần nghị luận: + Ý chí nghị lực, niềm tin và sự kiên trì trước những khó khăn nghịch cảnh + Biến khuyết điểm thành ưu điểm là bí quyết dẫn tới thành công. <p>b. Thân bài:</p> <p>* Tóm tắt, phân tích nội dung câu chuyện để rút ra ý nghĩa vấn đề</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chuyện kể về cậu bé kém may mắn: bị cụt cánh tay trái, nhưng cậu vẫn quyết tâm theo học võ + Người thầy rất sáng suốt khi dạy cho cậu bé thể võ phù hợp với khả năng của cậu, có thể lợi dụng khuyết điểm của chính mình để thành công. + Cậu bé chăm chỉ luyện tập, thông minh, nhanh nhẹn, tự tin và kiên trì, cuối cùng cũng thành công. 	

<p>-> Nhấn mạnh, khẳng định ý nghĩa nội dung từ câu chuyện đó: Câu chuyện đề cao nghị lực sống của cậu bé. Đôi khi, một điểm yếu của ai đó lại trở thành điểm mạnh vững chãi nhất của họ. Có ưu điểm là một điều tốt nhưng nếu có thể biến khuyết điểm thành lợi thế lại càng là một điều kỳ diệu hơn.</p> <p>* Chứng minh, bình luận về ý nghĩa câu chuyện</p> <p>- Câu chuyện nêu lên bài học quý báu về phương châm sống: Dù trong mọi hoàn cảnh, chúng ta cũng cần nỗ lực vượt qua thử thách, gặp khó khăn không nản lòng, không chán nản, Cần phải hiểu về ưu và khuyết điểm của bản thân để lựa chọn hướng đi đúng đắn...</p> <p>+ Chứng minh: Chứng minh bằng lí lẽ lập luận, bằng những dẫn chứng thực tế...</p> <p>* Bài học:</p> <p>- Về nhận thức:</p> <p>+ Cuộc sống đôi khi đặt chúng ta vào những thử thách khắc nghiệt, điều quan trọng nhất là ta phải đứng vững trước những khó khăn đó, phải nhạy bén, linh hoạt trong mọi trường hợp...</p> <p>- Có ý thức vươn lên trong học tập và vượt qua thử thách trên đường đời.</p> <p>- Về hành động:</p> <p>+ Nỗ lực vượt qua nghịch cảnh bằng những việc làm thiết thực, cụ thể.</p> <p>c. Kết bài:</p> <p>- Khẳng định ý nghĩa câu chuyện. bàn bạc mở rộng vấn đề.</p>	
<p>Câu 2:</p> <p>Có ý kiến cho rằng: <i>Đọc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ một tâm hồn con người.</i></p> <p>Qua hai bài thơ <i>Tức cảnh Pác Bó</i> và <i>Ngắm trăng</i> của <i>Hồ Chí Minh</i>, em</p>	12,0

<p>hãy phân tích để làm sáng tỏ ý kiến trên.</p> <p>. Yêu cầu về kỹ năng làm bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định đúng kiểu bài nghị luận xã hội, dạng nghị luận mở. - Bài viết có bố cục 3 phần. - Hệ thống ý (luận điểm) rõ ràng, lập luận chặt chẽ, thuyết phục, dẫn chứng cụ thể... 	
<p>. Yêu cầu về nội dung:</p> <p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn dắt vấn đề. - Nêu vấn đề. - Giới thiệu vấn đề nghị luận: <i>Độc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ một tâm hồn con người...</i>khái quát về tác giả, hoàn cảnh ra đời của hai bài thơ Tức cảnh Pác Bó và Ngắm trăng; cảm hứng sáng tác của tác giả... <p>b. Thân bài:</p> <p>* Giải thích ý kiến: <i>Độc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ một tâm hồn con người...</i></p> <p>-> Độc một câu thơ, chúng ta không chỉ cảm nhận được vẻ đẹp của ngôn từ mà còn cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ gửi gắm trong đó. Bởi thơ là tiếng nói của tâm hồn, tình cảm con người. Mỗi câu thơ ra đời là kết quả của những trăn trở, suy tư, nung nấu ở người nghệ sĩ...</p> <p>* Phân tích, chứng minh:</p> <p>*.1. Bài thơ Tức cảnh Pác Bó</p> <p>- Phong thái ung dung tự tại của Bác:</p> <p>+ Câu thứ nhất: <i>Sáng ra bờ suối, tôi vào hang...</i>Giọng điệu thể hiện trong câu thơ rất thoải mái, cho thấy Bác sống thật ung dung, hòa điệu với nhịp sống của núi rừng. Nhịp thơ 4/3 tạo thành hai vế sóng đôi, toát lên cảm giác về sự nhịp nhàng, nề nếp: sáng ra, tôi vào...</p> <p>+ Câu thứ hai: <i>Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng...</i>Niềm vui thích”thú lâm tuyền”đã khiến nhà thơ biến thiếu thốn thành dư thừa, biến kham khổ thành</p>	

sang trọng...

+ Câu thứ ba: *Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng*...đây là câu thơ làm nổi bật tư thế, tầm vóc lớn lao của Bác...Ba chữ dịch sử Đảng”toàn vắn tắc, toát lên cái khỏe khoắn, mạnh mẽ, gân guốc. Như vậy, trung tâm của bức tranh Pác Bó là hình tượng người chiến sĩ được khắc họa vừa chân thực, sinh động vừa có tầm vóc lớn lao.

- **Cái sang”của cuộc đời cách mạng:** *Cuộc đời cách mạng thật là sang*. Cái sang của người làm cách mạng, được cống hiến cho dân cho nước...Chữ sang” kết thúc bài thơ có thể coi là chữ thần, là”**nhấn tự**”đã kết tinh, tỏa sáng tinh thần...

=>Vẻ đẹp tâm hồn Hồ Chí Minh: Dù trong hoàn cảnh gian nan, thiếu thốn vẫn ung dung...Với Người, làm cách mạng và sống hòa nhập với thiên nhiên là một niềm vui lớn...

*.2. Bài thơ *Ngắm trăng*:

- *Hoàn cảnh ngắm trăng của Bác*

+ Bác ngắm trăng trong một hoàn cảnh đặc biệt...*Trong tù không rượu cũng không hoa*...

+ Cái xốn xang, bồi rối rất nghệ sĩ của Bác trước cảnh đẹp của đêm trăng: *Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ*...Bác là một người chiến sĩ cách mạng và cũng là một thi sĩ.

-> **Người thi sĩ đã rung động tâm hồn trước vẻ đẹp của trăng dù thân thể đang bị giam cầm trong nhà tù khắc nghiệt, tàn bạo...**

- *Mối giao hòa đặc biệt giữa người tù thi sĩ với trăng:*

Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ

Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ

Bác thả tâm hồn mình vượt ra ngoài cửa sắt nhà tù để tìm đến giao hòa với trăng giữa bầu trời tự do...Trăng cũng vượt qua song sắt nhà tù để ngắm nhà thơ...cuộc vượt ngục về tinh thần của Bác...

=>Vẻ đẹp tâm hồn Hồ Chí Minh: **Tâm hồn tự do, yêu thiên nhiên luôn làm chủ được mọi hoàn cảnh của Bác...**

* **Đánh giá: Nét chung của hai bài thơ**

- Bác luôn sẵn sàng vượt lên những hoàn cảnh khó khăn, gian khổ, luôn lạc

quan...

- Phong cách sống của Bác thể hiện vẻ đẹp của một tâm hồn, nhân cách lớn, mang tinh thần thời đại mới...

c. Kết bài:

- Khẳng định lại vấn đề...
- Liên hệ (hoặc mở rộng)...

ĐỀ SỐ 38:

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

*Đá san hô kê lên thành sân khấu
Vài tấm tôn chôn mấy cánh gà
Em đừng trách bọn chúng anh tạm bợ
Chẳng phong màn nào chịu nổi gió Trường Sa
(...)*

*Những giai điệu ngang tàng như gió biển
Nhưng lời ca toàn nhớ với thương thôi
Đêm buông xuống nhìn nhau không rõ nữa
Cứ ngỡ như vỏ ốc cất thành lời...*

(Trích Lĩnh đảo hát tình ca trên đảo, Trần Đăng Khoa, Bên cửa sổ máy bay, Nxb Tác phẩm mới, 1985)

Câu 1. Tìm những từ cùng trường từ vựng với từ *sân khấu*.

Câu 2. Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ: *Những giai điệu ngang tàng như gió biển*.

Câu 3. Đoạn thơ đã gợi cho em tình cảm gì đối với người lính đảo?

PHẦN II. LÀM VĂN

Câu 1. (7.0 điểm)

Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui

Chọn những bông hoa và những nụ cười.

(Trịnh Công Sơn. *Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui*)

Từ nội dung của những ca từ trên, em hãy viết một bài văn bàn luận về niềm vui trong cuộc sống.

Câu 2. (10.0 điểm)

Nhận xét về bài thơ *Quê hương* của Tế Hanh, có ý kiến cho rằng: “*Sức hấp dẫn của những vần thơ viết về quê hương của Tế Hanh không chỉ dừng lại ở việc miêu tả cảnh vật vùng biển kì vĩ mà hồn thơ Tế Hanh còn dành tình yêu đặc biệt với những người dân vạn chài nơi đây*”.

Em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
I. ĐỌC- HIỂU:	3.0
1. Các từ cùng trường từ vựng với từ "sân khấu": cánh gà, phong màn, giai điệu, lời ca.	1,0
2. Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ: - so sánh: Những giai điệu ngang tàng / như / gió biển	0.5
3. Tình cảm với người lính đảo: yêu mến, cảm phục trước tinh thần vượt lên gian khổ và sự lạc quan của người lính đảo. Trách nhiệm của bản thân với việc giữ gìn biển đảo quê hương.	1.5
II. LÀM VĂN	7,0
<p>Câu 1.</p> <p style="text-align: center;"><i>Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui</i></p> <p style="text-align: center;"><i>Chọn những bông hoa và những nụ cười.</i></p> <p style="text-align: center;">(Trịnh Công Sơn. <i>Mỗi ngày tôi chọn một niềm vui</i>)</p> <p>Từ nội dung của những ca từ trên, em hãy viết một bài văn bàn luận về niềm vui trong cuộc sống.</p>	
Yêu cầu về kĩ năng	

- Kiểu bài: nghị luận xã hội
- Phạm vi dẫn chứng: trong cuộc sống
- Bài làm có bố cục rõ 3 phần
- Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng tiêu biểu, thuyết phục; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, ít mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp...

Yêu cầu về kiến thức

Học sinh có thể sắp xếp, trình bày theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo một số ý cơ bản mang tính định hướng sau:

a. Mở bài

- Giới thiệu vấn đề
- Trích dẫn đoạn ca từ

b. Thân bài

*** Giải thích được nội dung của những ca từ:**

- Câu hát khẳng định: cuộc sống đan xen giữa niềm vui và nỗi buồn, giữa hạnh phúc và đau khổ. Mỗi người sẽ có những thái độ, lựa chọn khác nhau trước những vấn đề của cuộc sống. Để cuộc sống trở nên nhẹ nhàng, ý nghĩa chúng ta nên chọn cho mình niềm vui, niềm hạnh phúc...
- Niềm vui không hẳn là những điều to tát mà có thể chỉ là những điều nhỏ bé, giản dị như ngắm một bông hoa, nở một nụ cười.

***. Bàn luận về vấn đề:**

- Hiểu biết chung về niềm vui: Niềm vui là những điều mang lại cảm xúc vui vẻ, hạnh phúc, hân hoan cho con người trong cuộc sống.
- Chỉ ra được ý nghĩa của niềm vui:
 - + Niềm vui đem lại cho con người sự sảng khoái về tinh thần, là động lực cho con người tham gia tốt tất cả mọi công việc. (dẫn chứng)
 - + Có niềm vui, con người thêm lạc quan, yêu đời, yêu cuộc sống. (dẫn

chúng)

+ Niềm vui nâng cao sức khỏe và trí tuệ cho con người. (dẫn chứng)

- Chỉ ra được những biểu hiện của niềm vui:

+ Người có niềm vui là người luôn hòa đồng, sống chan hòa, yêu đời, yêu cuộc sống. (dẫn chứng)

+ Người có niềm vui luôn biết đồng cảm và tạo ra niềm vui cho những người xung quanh. (dẫn chứng)

- Liên hệ:

+ Cần rèn luyện cho mình thái độ sống tích cực, lạc quan, yêu đời, biết tìm niềm vui trong những điều giản dị nhất.

+ Thái độ của bản thân đối với những người sống bi quan, tiêu cực.

c. Kết bài

- Khẳng định lại tính đúng đắn của quan điểm.

- Mong muốn của bản thân.

Câu 2.

Nhận xét về bài thơ *Quê hương* của Tế Hanh, có ý kiến cho rằng:
“Sức hấp dẫn của những vần thơ viết về quê hương của Tế Hanh không chỉ dừng lại ở việc miêu tả cảnh vật vùng biển kì vĩ mà hồn thơ Tế Hanh còn dành tình yêu đặc biệt với những người dân vạn chài nơi đây”.

Em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

10,0

Yêu cầu về kĩ năng

- Kiểu bài: nghị luận xã hội

- Bài làm có bố cục rõ 3 phần

- Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng tiêu biểu, thuyết phục; diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, ít mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp...

. Yêu cầu về kiến thức

Học sinh có thể sắp xếp, trình bày theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo một số ý cơ bản mang tính định hướng sau:

a. Mở bài

- Giới thiệu vấn đề
- Trích dẫn ý kiến

b. Thân bài

***. Giải thích ý kiến:** Sức hấp dẫn của bài thơ *Quê hương* với người đọc không chỉ bởi cảnh vật vùng biển được miêu tả rất đẹp bằng ngòi bút tinh tế mà còn hấp dẫn bởi tình yêu chân thành tha thiết mà Tế Hanh dành cho con người quê hương.

***. Phân tích- làm sáng tỏ ý kiến:**

- Bài thơ hấp dẫn người đọc bởi cảnh vật vùng biển quê hương:

- + Giới thiệu về vùng quê thanh bình
- + Cảnh dân chài ra khơi:
- + Hình ảnh thiên nhiên: yên ả, trong lành, tươi sáng, kì vĩ.
- + Hình ảnh con thuyền ra khơi: căng tràn sức sống.

Biện pháp nghệ thuật: so sánh, nhân hóa, sử dụng động từ mạnh

=> Bức tranh thiên nhiên vùng biển tươi sáng, sống động.

- Bài thơ hấp dẫn người đọc bởi tình yêu dành cho người dân vạn chài:

- + Cảnh đoàn thuyền trở về bến: bức tranh lao động náo nhiệt, đầy ắp niềm vui và sự sống.
- + Hình ảnh người dân chài khỏe mạnh, rắn rỏi.

- **Nghệ thuật miêu tả: kết hợp tả thực và lãng mạn.**

+ Hình ảnh con thuyền mệt mỏi sau hành trình.

Nghệ thuật: nhân hóa, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác

- Nỗi nhớ quê hương.

***. Đánh giá, mở rộng**

- Khẳng định ý kiến là đúng

- Liên hệ, mở rộng một số tác phẩm khác.

c. Kết bài:

- Khẳng định lại vấn đề chứng minh, khẳng định giá trị của bài thơ *Quê hương* về nội dung và nghệ thuật.

ĐỀ SỐ 39:

Câu 1 (8,0 điểm):

Đọc hai đoạn trích sau:

a. “ Tôi dắt em ra khỏi lớp. Nhiều thầy cô ngừng giảng bài, ái ngại nhìn theo chúng tôi. Ra khỏi trường, tôi kinh ngạc thấy mọi người vẫn đi lại bình thường và nắng vẫn vàng ươm trùm lên cảnh vật.”

(Khánh Hoài, *Cuộc chia tay của những con búp bê*, Ngữ văn 7, tập một)

b. “Sáng hôm sau, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên, trong sáng, chói chang trên bầu trời xanh nhợt. Mọi người vui vẻ ra khỏi nhà.

Trong buổi sáng lạnh lẽo ấy, ở một xó tường, người ta thấy có một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười. Em đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa.”

(An-đéc-xen, *Cô bé bán diêm*, Ngữ văn 8, tập một)

Bài học cuộc sống mà em rút ra qua hai đoạn trích trên. Em có nhắn gửi gì đến thế hệ trẻ hiện nay.

Câu 2 (12,0 điểm):

Nhà thơ Tố Hữu cho rằng: *Đọc một câu thơ hay, người ta không thấy câu thơ, chỉ còn thấy tình người trong đó.*

Từ cảm nhận về bài thơ *Quê hương* của nhà thơ Tế Hanh, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

-----Hết-----

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
Câu 1: Bài học cuộc sống mà em rút ra qua hai đoạn trích trên. Em có nhắn gửi gì đến thế hệ trẻ hiện nay.	8,0
<p>a. Mở bài:</p> <p>- Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận trong hai đoạn trích.</p> <p>b. Thân bài:</p> <p>* <i>Khái quát nội dung hai đoạn trích:</i></p> <p>- <i>Đoạn trích a:</i> Trích trong văn bản <i>Cuộc chia tay của những con búp bê</i>, nhà văn Khánh Hoài đã nói về nỗi đau và sự mất mát quá lớn mà hai anh em Thành và Thủy phải chịu đựng khi cha mẹ chia tay. Đặc biệt là Thủy, em không được quyền học tập, vui chơi... Nhưng “mọi người vẫn đi lại bình thường” khiến “tôi kinh ngạc” vì em nhận ra sự lạnh lùng, vô cảm, dửng dưng của người đời với nỗi bất hạnh của em.</p> <p>- <i>Đoạn trích b:</i> Trích trong văn bản <i>Cô bé bán diêm</i>, nhà văn An-đéc-xen đã nói về cái chết thương tâm của em bé bất hạnh. Em chết vì giá rét trong đêm giao thừa, giữa sự lạnh lùng vô cảm của người đời.</p> <p>=> Cả 2 đoạn trích đều cho thấy thái độ vô cảm, lạnh lùng của mọi người đối với những hoàn cảnh bất hạnh, đáng thương.</p> <p>* <i>Giải thích vô cảm là gì?</i></p> <p>- “Vô” là không; “cảm” là tình cảm, cảm xúc. “Vô cảm” là không có tình cảm, không có cảm xúc, sống khép mình, thờ ơ, lạnh nhạt, dửng dưng với tất cả mọi người, mọi việc xung quanh.</p> <p>- Đây là một thói xấu có tác hại cho cả xã hội loài người</p> <p>=> Bài học rút ra qua hai đoạn trích: Đó là biểu hiện của sự vô cảm trong</p>	

cuộc sống.

*** *Biểu hiện của sự vô cảm:***

- Trong văn chương sự vô cảm, thờ ơ của mọi người được thể hiện khá nhiều. Tiêu biểu là hai đoạn trích trong hai văn bản trên.

- Trong cuộc sống sự vô cảm biểu hiện khá đa dạng:

+ Trong gia đình: Con cái ích kỉ chỉ nghĩ đến quyền lợi của mình; không quan tâm, không có trách nhiệm với ông bà, cha mẹ, anh chị em.

+ Ở trường lớp: Thờ ơ, dửng dưng trước sự bất hạnh của bạn bè; thấy bạn bè gặp nạn không giúp đỡ, thậm chí còn xúi giục cổ vũ cho những việc làm xấu.

+ Ra ngoài xã hội: Thấy người tàn tật, người hành khất không giúp đỡ thậm chí còn cười cợt, dè bêu, xua đuổi. Thấy người gặp nạn bỏ đi không sẵn sàng cứu giúp; có kẻ còn hôi của, cướp của của người gặp nạn...

*** *Nguyên nhân của sự vô cảm:***

- Do lối sống ích kỉ, ham chơi, chỉ biết hưởng thụ không có trách nhiệm với gia đình, tập thể, xã hội.

- Do không chịu tu dưỡng, rèn luyện các phẩm chất đạo đức tốt đẹp; thờ ơ, dửng dưng với mọi người, với tập thể.

- Do cha mẹ nuông chiều con cái, thiếu quan tâm đến hành vi, nhân cách của con.

- Do nền kinh tế thị trường phát triển, con người coi trọng vật chất hơn tình cảm.

*** *Tác hại của sự vô cảm:***

- Làm suy thoái về đạo đức của một bộ phận cá nhân.

- Biến con người thành những kẻ vô lương tâm, vô trách nhiệm.

- Làm mất lối sống nhân nghĩa; mất đi tinh thần đoàn kết tương trợ; mất đi truyền thống đạo lí tốt đẹp của dân tộc.

*** *Biện pháp khắc phục:***

- Mỗi người tự rèn luyện các phẩm chất đạo đức tốt đẹp

- Tích cực tham gia các phong trào nhân đạo, phong trào từ thiện. Biết quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ người khác đặc biệt là những người có hoàn cảnh bất hạnh.

<p>*Lời nhắn gửi đến thế hệ trẻ hiện nay:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hãy nuôi dưỡng lòng nhân ái, sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội và yêu thương nhiều hơn. - Tuyên truyền lối sống đúng đắn, biết yêu thương, quan tâm đến mọi người xung quanh. - Tránh xa và phê phán lối sống vô cảm chỉ biết vun vén cho cá nhân, quay lưng lại với cộng đồng; chỉ biết chạy theo vật chất mà quên đi đạo lí <i>Lá lành đùm lá rách</i>. <p>c. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định, khái quát lại vấn đề. - Xác định thái độ sống đúng đắn cho bản thân trong tập thể, cộng đồng, thể hiện niềm tin vào tương lai tốt đẹp. 	
<p>Câu 2: Nhà thơ Tố Hữu cho rằng: <i>Đọc một câu thơ hay, người ta không thấy câu thơ, chỉ còn thấy tình người trong đó.</i></p> <p>Từ cảm nhận về bài thơ <i>Quê hương</i> của nhà thơ Tế Hanh, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.</p>	<p>12,0</p>
<p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn dắt, nêu vấn đề nghị luận. - Trích dẫn ý kiến. <p>b. Thân bài:</p> <p>* Giải thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Câu thơ hay</i>: là sản phẩm lao động sáng tạo của nhà thơ, kết tinh những tư tưởng, tình cảm mà nhà thơ muốn gửi gắm qua hình thức phù hợp. - <i>Tình người</i>: là tư tưởng, tình cảm, cảm xúc tạo nên giá trị nội dung của thơ. <p>=> Quan niệm của Tố Hữu nhấn mạnh giá trị của thơ là những tư tưởng, tình cảm được biểu hiện trong thơ. Tình cảm, cảm xúc càng sâu sắc, mãnh liệt, lớn lao càng khiến thơ lay động lòng người.</p> <p>* Chứng minh</p> <p>*.1. Tình người trong bài thơ “Quê hương”:</p> <p>Thể hiện qua tình cảm của nhà thơ đối với quê hương: Biểu hiện</p>	

qua niềm tự hào và nỗi nhớ khôn nguôi về làng chài của mình.

+ Vẻ đẹp của cảnh đoàn thuyền ra khơi đánh cá vào một buổi sớm bình minh. (Phân tích tám câu thơ đầu)

+ Vẻ đẹp của đoàn thuyền đánh cá trở về bến - một bức tranh lao động náo nhiệt, đầy ắp niềm vui và sự sống. (Phân tích tám câu thơ tiếp)

+ Tình cảm nhớ thương quê hương của tác giả - nhớ nhất mùi vị nồng mặn đặc trưng của quê hương. (Phân tích bốn câu cuối)

=> *“Quê hương” đã khắc họa được bức tranh tươi sáng, khoẻ khoắn, đầy sức sống về cuộc sống lao động của một làng quê miền biển, qua đó thể hiện tình yêu quê hương tha thiết, đậm thắm của tác giả.*

***.2. Hình thức biểu đạt:**

- Thể thơ: tự do, nhịp thơ linh hoạt.
- Từ ngữ, hình ảnh: hình ảnh đẹp, tiêu biểu, chọn lọc, ngôn ngữ tự nhiên, trong sáng.
- Biện pháp nghệ thuật: so sánh, ví von, nhân hóa sáng tạo và hấp dẫn,...
- Giọng thơ: mộc mạc, chân thành, đậm thắm, gợi cảm...

*** Đánh giá:**

- *Quê hương* của Tế Hanh là một bài thơ hay bởi nó được viết lên từ cảm xúc chân thành, tình cảm mãnh liệt. Bài thơ không chỉ là riêng tình cảm của tác giả giành cho quê hương; mà bài thơ này còn nói hộ rất nhiều tấm lòng khác đang ở xa quê hương qua hình thức nghệ thuật độc đáo, hấp dẫn.

- Đọc bài *Quê hương* ta cảm thấy yêu thơ và tâm hồn thơ của Tế Hanh. Chúng ta càng trân trọng hơn nữa mảnh đất chôn rau cắt rốn, yêu hơn nữa những điều bình dị nhưng thiêng liêng...

c. Kết bài:

- Khẳng định ý kiến.
- Liên hệ tình cảm, thái độ của bản thân.

ĐỀ SỐ 40:**Câu 1:(8,0 điểm)**

Suy nghĩ của em về bài học được rút ra từ câu chuyện sau:

Ngày xưa, bên sườn của một núi lớn có một tổ chim đại bàng. Một trận động đất xảy ra làm rung chuyển ngọn núi, một quả trứng đại bàng lăn xuống và rơi vào trại gà dưới chân núi. Một con gà mái tình nguyện ấp của trứng lớn ấy. Đến ngày kia, trứng nở ra một chú đại bàng con xinh đẹp, nhưng buồn thay chú chim nhỏ được nuôi lớn như một con gà. Chẳng bao lâu sau, đại bàng cũng tin nó chỉ là một con gà không hơn không kém. Đại bàng yêu gia đình và ngôi nhà đang sống, nhưng tâm hồn nó vẫn khao khát một điều gì đó cao xa hơn. Một ngày, trong khi đang chơi đùa trong sân, đại bàng nhìn lên trời và thấy những chú chim đại bàng đang sải cánh bay cao giữa bầu trời. “Ồ- đại bàng kêu lên- Ước gì tôi có thể bay như những con chim đó”. Bầy gà cười ầm lên: “Anh không thể bay với những con chim đó được. Anh là một con gà và gà không biết bay cao”. Đại bàng tiếp tục ngược nhìn gia đình thực sự của nó, mơ ước có thể bay cao cùng họ. Mỗi lần đại bàng nói ra mơ ước của mình, bầy gà lại bảo nó điều không thể xảy ra. Đó là điều đại bàng cuối cùng đã tin là thật. Rồi đại bàng không mơ ước nữa và tiếp tục sống như một con gà. Cuối cùng, sau một thời gian dài sống làm gà, đại bàng chết.

(Theo nguồn internet)

Câu 2: (12,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng “*Quê hương*” của Tế Hanh là bài thơ trữ tình có sử dụng yếu tố miêu tả và tự sự rất hợp lý, nhưng miêu tả và tự sự ở đây chỉ giúp cho yếu tố trữ tình càng thêm nổi bật. Nhờ có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa ba yếu tố này nên hình ảnh thơ càng chân thực, tinh tế, thể hiện tấm lòng yêu quê hương dạt dào của nhà thơ.

Bằng những hiểu biết của em về bài thơ “*Quê hương*”, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên?

-----Hết-----

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
Câu 1: Suy nghĩ của em về bài học được rút ra từ câu chuyện ...	8,0

<p>* Về mặt hình thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS phải viết được văn bản có bố cục rõ ràng, cấu trúc hợp lý; - Diễn đạt trôi chảy, lập luận chặt chẽ. Viết đúng văn phạm; chữ viết rõ ràng, không sai chính tả. <p>*Về nội dung: đảm bảo các ý sau:</p>	
<p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu vấn đề nghị luận qua câu chuyện. <p>b. Thân bài:</p> <p>*Giải thích, nêu ý nghĩa câu chuyện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại bàng là loại vật biểu trưng cho sức mạnh. Chúng thuộc về trời xanh, thuộc về những điều kỳ vĩ. Nhưng chú đại bàng này lại rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, đó là khi chú phải sống lạc vào bầy gà và nhầm tưởng mình cũng là loài vật nhỏ bé. Đại bàng không nhận thức được bản thân mình là ai và mình có khả năng gì. Đáng chú ý ở chỗ đại bàng có ước mơ, đại bàng được khao khát bay lên trời xanh “Ồ- đại bàng kêu lên- Ước gì tôi có thể bay như những con chim đó” nhưng ước mơ đó nhanh chóng bị đè bẹp, đập vỡ bởi những người xung quanh. Bởi không nhận thức được bản thân, không tin tưởng vào khả năng và dám thực hiện ước mơ của mình nên con chim cao quý ấy đã phải lãnh nhận một kết cục đau buồn: đại bàng đã sống và chết như loài gà nhỏ bé. - Chú đại bàng là một ẩn dụ cho một kiểu người trong xã hội- những con người có ước mơ, có hoài bão xong lại không dám tin vào chính mình, dễ dàng bị những lời đánh giá của những người bên cạnh mình làm lung lạc. -> Câu chuyện về chú đại bàng mang lại bài học sâu sắc về sự tự nhận thức bản thân và niềm tin vào chính mình. Mỗi con người đều có khả năng tiềm ẩn và để biến ước mơ thành hiện thực, con người cần có ý chí vững chắc, niềm tin mạnh mẽ vào khả năng của mình. Có như vậy, con người 	

mới phát huy năng lực thực sự của bản thân, trở thành những con đại bàng hải cánh trên trời xanh.

***. Phân tích, lý giải**

- Tin vào chính mình là tin vào khả năng, tin vào lập trường của mình. Niềm tin này xuất phát từ nhận thức về bản thân (mình là ai, đến từ đâu, có vị trí như thế nào trong xã hội, mình có thể làm gì). Nhưng như thế chưa đủ, cần phải trang bị cho mình lòng dũng cảm, vững vàng vượt qua mọi lời nói xung quanh để thực hiện ước mơ của chính mình. Làm được như vậy, con người sẽ bước gần hơn đến ước mơ, hoài bão.

- Tại sao con người cần phải nhận thức bản thân và tin tưởng vào chính mình?

+ Là yếu tố quan trọng. Khi biết mình là ai sẽ hiểu mình sẽ cần làm gì cho xứng đáng. Nhận thức đúng đắn về chính mình để không bị nhòa đi giữa thế giới rộng lớn hàng triệu cá thể.

+ Tự nhận thức phải đi cùng niềm tin vững chắc và quyết tâm cao độ. Khả năng của con người là vô hạn và đôi khi bị ẩn giấu. Cuộc sống đều đều, trầm lặng đôi khi làm cho con người không bộc lộ hết khả năng, phải đặc biệt trong hoàn cảnh đặc biệt, thử thách đặc biệt, con người mới có thể khám phá ra. Thử thách đặc biệt ấy có thể là những ước mơ, những dự định lớn lao, lúc này nhận thức và tin tưởng vào khả năng đóng vai trò quyết định đến sự thành bại. Nếu có niềm tin con người sẽ có sức mạnh vượt qua rào cản, sẽ khó bị đánh gục bởi những rào cản. Nó giúp ta gạt bỏ định kiến, những phủ định của những người xung quanh để dẫn thân vào con đường đã chọn.

+ Những giá trị lớn trong cuộc đời chỉ được tạo ra bởi những con người có nhận thức đúng đắn về bản thân và khả năng về chính mình. Dẫn chứng: Phát minh khoa học, thành tựu vĩ đại (Bác Hồ hai bàn tay trắng tìm đường cứu nước, Nguyễn Thế Hoàn vượt qua hoàn cảnh khó khăn đạt huy chương vàng Olympic Toán quốc tế 2014, ...). Nếu mặc cảm về mình thì họ không thể đạt được thành công.

<p>- Phê phán: Trong cuộc sống chúng ta bắt gặp người như chú đại bàng trong câu chuyện, vì không nhận thức bản thân, không dũng cảm tin vào khả năng của mình mà sống cuộc sống tầm thường, vô nghĩa. Bị những định kiến kéo lại, không dám bước trên con đường ước mơ. Dám ước mơ và dũng cảm bước trên con đường chinh phục ước mơ, con người mới có thể làm được những điều vĩ đại.</p> <p>*. Bình luận, liên hệ</p> <p>- Nhắc nhở vai trò niềm tin trong cuộc sống. Nó lay chuyển những ai đang ngủ quên trong sự bằng lòng với cuộc sống tầm thường của hiện tại, bị những định kiến xã hội làm cho mềm yếu. Hãy biết sống có ước mơ, khẳng định giá trị bản thân qua những hành động cụ thể. Đó là con đường dẫn con người đến thành công, hạnh phúc.</p> <p>- Tin vào chính mình, điều đó không có nghĩa con người trở nên tự cao, bảo thủ, mù quáng. Niềm tin cần gắn liền với nhận thức đúng đắn, ước mơ cao đẹp. Cuộc sống của chúng ta sẽ trôi đi vô nghĩa nếu chúng ta chịu bằng lòng với những gì đang có, nếu chúng ta ngừng ước mơ và cố gắng. Ta sẽ không biết khả năng kỳ diệu của ta nếu dễ dàng từ bỏ ước mơ khi nghe phán xét của những người xung quanh.</p> <p>- Liên hệ bản thân: Câu chuyện có tác động như thế nào đối với cuộc sống hiện tại, tự xem bản thân mình đã nhận thức được bản thân và tin vào chính mình chưa...</p> <p>- Khẳng định lại: Tự tin vào những điều mình mơ ước hay chịu sống một cuộc đời bình lặng đều phụ thuộc vào mỗi người, do mỗi người. Sống hết mình với những điều ao ước là con người sống một đời ý nghĩa, cao đẹp.</p> <p>c. Kết bài:</p> <p>- Khẳng định ý nghĩa của câu chuyện.</p> <p>- Liên hệ mở rộng.</p>	
<p>Câu 2: Có ý kiến cho rằng “<i>Quê hương</i>” của Tế Hanh là bài thơ trữ tình</p>	<p>12,0</p>

có sử dụng yếu tố miêu tả và tự sự rất hợp lý, nhưng miêu tả và tự sự ở đây chỉ giúp cho yếu tố trữ tình càng thêm nổi bật. Nhờ có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa ba yếu tố này nên hình ảnh thơ càng chân thực, tinh tế, thể hiện tấm lòng yêu quê hương dạt dào của nhà thơ.

Bằng những hiểu biết của em về bài thơ “Quê hương”, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên?

Yêu cầu về kĩ năng:

- Bài làm có bố cục hoàn chỉnh.
- HS viết dạng bài nghị luận chứng minh, kết hợp được với giải thích nhận định. Bài viết thể hiện HS có kiến thức về bài thơ “Quê hương”, về tác giả Tế Hanh về những biện pháp nghệ thuật được thể hiện ở hình ảnh thơ chân thực, tinh tế, sự kết hợp giữa 3 phương thức biểu đạt song phương thức chính vẫn là biểu cảm và phải làm *nổi bật tình yêu quê hương dạt dào của nhà thơ.*
- Diễn đạt mạch lạc, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng chính xác. Dùng từ, đặt câu chuẩn xác.

Yêu cầu về nội dung:

a. Mở bài:

- Giới thiệu và trích dẫn ý kiến.

b. Thân bài:

*** Giải thích nội dung nhận định và khẳng định nhận định hoàn toàn đúng**

“Quê hương” của Tế Hanh là bài thơ trữ tình có sử dụng yếu tố miêu tả và tự sự rất hợp lý, nhưng miêu tả và tự sự ở đây chỉ giúp cho yếu tố trữ tình càng thêm nổi bật. Nhờ có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa ba yếu tố này nên hình ảnh thơ càng chân thực, tinh tế, thể hiện tấm lòng yêu quê hương dạt dào của nhà thơ.

- Miêu tả (mô tả đặc điểm tính chất của sự vật, hiện tượng), tự sự (kể về

người, việc,...) là yếu tố làm cơ sở bộc lộ cảm xúc, giúp cho yếu tố trữ tình có căn cứ và càng thêm nổi bật.

- Trong bài thơ:

+ Tự sự: Thể hiện ở việc kể về nghề nghiệp của người dân quê hương, vị trí, công việc hằng ngày ra khơi đánh cá, trở về, về hoàn cảnh của tác giả khi xa quê.

+ Miêu tả: Quang cảnh thiên nhiên khi ra khơi đánh cá, nổi bật là hình ảnh người dân chài lưới với con thuyền làm chủ công việc, làm chủ vũ trụ, cảnh tấp nập khi đoàn thuyền trở về đầy cá, người dân chài lưới sau những ngày vất vả với bao thành quả lao động. Và chiếc thuyền sau mỗi lần về bến. Trong trí nhớ của tác giả về màu nước xanh, cánh buồm trắng, mùi vị...

Song tất cả sự tự sự và miêu tả trên đều làm cho hình ảnh thơ thêm chân thực, tinh tế, phục vụ xuyên suốt cho một mạch cảm xúc trữ tình: Tình yêu quê hương dạt dào của nhà thơ.

- Điều này hoàn toàn đúng.

***. Chứng minh tính đúng đắn của ý kiến**

***.1. Kể, tả khi giới thiệu quê hương với niềm tự hào, sự am hiểu, gần gũi**

+ Lời kể giản dị, chân thực nhưng tinh tế, lấy những nét riêng, đặc trưng của người miền biển: lấy thời gian để đo chiều dài của không gian.

+ Lời thơ tha thiết, bồi hồi, chan chứa niềm tự hào về quê hương.

***.2. Kể, tả về cảnh lao động (ra khơi đánh cá, trở về) của người dân chài lưới cùng với những công cụ gắn bó thân thiết của họ (con thuyền, cánh buồm gắn với con người lao động) để bộc lộ cảm xúc tự hào, tự tin, yêu mến, trân trọng thành quả lao động. Qua đó thể hiện sự tinh tế trong cách miêu tả, chân thực trong cảm xúc và sự am hiểu, gắn bó với con người, cuộc sống lao động và quê hương- những biểu hiện của tình yêu quê hương tha thiết**

+ Chỉ vài nét chấm phá tinh tế về cảnh "dân trai tráng bơi thuyền đi đánh

cá”trong một”sớm mai hồng”, câu thơ đã mở ra bức tranh thiên nhiên tươi sáng, vừa là bức tranh lao động đầy hứng khởi và dạt dào sức sống. Thể hiện cái nhìn lạc quan tin tưởng về một chuyển ra khơi bình yên, mưa thuận gió hòa, niềm mong mỏi của nhà thơ về sự che chở của thiên nhiên đối với người dân.

+ Đặc tả về chiếc thuyền khi ra khơi bằng biện pháp so sánh, các động từ mạnh “hăng”, “phăng”, “vượt”; cánh buồm được so sánh với mảnh hồn làng vừa tinh tế, vừa giàu sức gợi (cả tâm hồn của làng quê gửi gắm với cánh buồm ra khơi) “rướn”tầm thân đón gió, năng biển khơi như mang cả làng quê ra khơi đánh cá. Con thuyền được làm vật trung tâm truyền cảm hứng cho nhà thơ đặc tả. Nó chở chính người lao động ra khơi, rồi trở về, chở cả niềm tin, sự sống, thành quả lao động của làng quê.

+ Kể và đặc biệt là tả về cảnh đoàn thuyền trở về để bộc lộ sự trân trọng thành quả, niềm tin vào sức mạnh của lao động, sự chinh phục thiên nhiên của con người để xây dựng quê hương đất nước. Các tính từ:”Ồn ào”,”tấp nập”-> toát lên không khí đông vui, hối hả đầy sôi động của cánh buồm đón ghe cá trở về. Người đọc như thực sự được sống trong không khí ấy, được nghe lời cảm tạ chân thành đất trời đã sóng yên, biển lặng để người dân chài trở về an toàn và cá đầy ghe, được nhìn thấy”những con cá tươi ngon thân bạc trắng”. Tế Hanh không miêu tả công việc đánh bắt cá như thế nào nhưng ta có thể tưởng tượng được đó là những giờ phút lao động không mệt mỏi để đạt được thành quả như mong đợi.

=>Đặc tả về người dân chài- nhân vật trung tâm làm nên thành quả lao động với những nét chấm phá tinh tế, tiêu biểu thể hiện tình cảm chân thành và sự am hiểu về vẻ bề ngoài người dân lao động miền biển: làn da ngăm rám nắng. Thân hình nòng thỏ vạm vỡ xa xăm là cách nói gợi cảm thể hiện sự liên tưởng từ hình khối sang cảm giác được ngửi thấy, nếm thử. Hình ảnh người dân chài vừa chân thực vừa lãng mạn với tầm vóc phi thường. Ông không những chỉ tả chân thực về họ mà còn thổi cho họ một sức mạnh phi thường với niềm tin tưởng, sự cảm phục về sự cường tráng và sức mạnh chinh phục thiên nhiên, ngang tầm vũ trụ. Chiếc thuyền- người bạn đồng hành được

nhân hóa như những con người lao động biết mệt mỏi, nghỉ ngơi để nếm trải những hạnh phúc khi hoàn thành nhiệm vụ lao động.

***.3. Thể hiện hoàn cảnh của bản thân xa quê để thể hiện trực tiếp trong nỗi nhớ khôn nguôi về quê hương của người con khi xa cách**

+ Nỗi nhớ chân thành, tha thiết nên lời thơ kể giản dị; cách bộc lộ cảm xúc trực tiếp **Nay xa cách...Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!**

+ Tả về hương vị lao động làng chài chính là ông đã nhớ đến cháy lòng hương vị riêng đầy quyến rũ của quê hương. Dường như nỗi nhớ quê của ông không những bắt nguồn từ những gì ông nhìn thấy “nước xanh”, “cánh buồn vôi”, những gì ông mô tả, ông kể mà còn là những vị mùi thấm vào hơi thở, thớ thịt của người xa quê, còn là mùi vị xa xăm hắt về của biển cả. Nhà thơ đã cảm nhận được chất thơ trong cuộc sống lao động hàng ngày của người dân nên hình ảnh thơ tươi sáng, khỏe khoắn, mang hơi thở nồng ấm của lao động, của sự sống.

*** Đánh giá về vai trò của 3 phương thức biểu đạt trong bài thơ và khẳng định tính chủ yếu, bao trùm của cảm xúc. Nâng cao, bình luận về tình yêu quê hương của Tế Hanh**

- Tế Hanh đã kể, tả không phải để chỉ kể tả, không phải để rườm rà câu chữ mà trong kể, tả đã có nỗi lòng, cảm xúc. Vì vậy ông đã sáng tạo được nhiều hình ảnh thơ chân thực nhưng cũng rất đẹp, bay bổng lãng mạn. Nhà thơ đã thổi linh hồn vào cách miêu tả, cách kể sự việc, sự vật gần gũi, giản dị khiến cho các sự vật mang một vẻ đẹp, một tầm vóc bất ngờ. Từ đó, tình yêu quê hương của Tế Hanh càng trở nên tha thiết, sâu nặng hơn.

- Tình yêu quê hương của ông không chỉ là những cảm xúc xáo rỗng mà còn là những việc, người cảnh, những hình ảnh gắn bó máu thịt, sự am hiểu về cuộc sống, con người lao động miền biển. Còn bắt nguồn từ những quan sát, trải nghiệm và cả trong hoàn cảnh đặc biệt xa quê.

c. Kết bài:

- Tình yêu quê hương của TH còn được biến thành những hành động cụ thể

của một người con làng chài: Ông là một trong nhà thơ trong phong trào thơ Mới với những sáng tác mang nặng nỗi buồn và tình yêu quê hương thấm thiết. Sau 1945, những sáng tác của ông vẫn thể hiện sự nhớ thương quê hương miền nam da diết và khát khao, tin tưởng đất nước thống nhất “Tôi sẽ về nơi tôi hằng mong ước....”. Ông đã được tặng giải thưởng HCM về VHNT năm 1996. Chúng ta trân trọng, tự hào về những người con như thế.

- HS liên hệ

ĐỀ SỐ 41:

I. PHẦN ĐỌC – HIỂU (2,0 điểm):

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Suốt mấy hôm rày đau tiễn đưa

Đời tuôn nước mắt, trời tuôn mưa...

Chiều nay con chạy về thăm Bác

Uớt lạnh vườn rau, mấy gốc dừa!

Con lại lần theo lối sỏi quen

Đến bên thang gác, đứng nhìn lên

Chuông ôi chuông nhỏ còn reo nữa?

Phòng lặng, rèm buông, tắt ánh đèn!

(Trích “*Bác ơi*” – Tố Hữu)

1. Nêu phương thức biểu đạt của đoạn thơ.
2. Nội dung chính của đoạn thơ là gì?
3. Xác định nhịp thơ và nêu hiệu quả nghệ thuật cách sử dụng nhịp thơ ở hai câu thơ cuối của đoạn thơ thứ hai.

II. PHẦN LÀM VĂN (8,0 điểm)

Câu 1. (3,0 điểm)

Nhận là một hạnh phúc, nhưng cho còn là hạnh phúc lớn hơn.

Hãy viết bài văn ngắn (khoảng 400 từ) trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên.

Câu 2. (5,0 điểm)

Trong cuốn “*Thi nhân Việt Nam*” Hoài Thanh có nhận xét rằng:

“Tôi thấy Tế Hanh là một người tinh lắm. Tế Hanh đã ghi lại được đôi nét rất thần tình về cảnh sinh hoạt chốn quê hương. Người nghe thấy cả những điều không hình sắc, không thanh âm như mảnh hồn làng trên cánh buồm giương” .

Bằng bài thơ “Quê hương” của Tế Hanh (Ngữ văn 8- Tập 2) em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	
I. PHẦN ĐỌC- HIỂU	0,75
1. Phương thức biểu đạt của đoạn thơ là: tự sự, miêu tả và biểu cảm. (Mỗi phương thức biểu đạt đúng cho 0,25đ)	
2. Nội dung chính của đoạn thơ: Nhà thơ thể hiện tâm trạng xót xa, đau đớn, thần thờ, bàng hoàng, tê dại trong lòng khi nghe tin Bác Hồ từ trần.	0,5
3. - Nhịp thơ ở hai câu thơ cuối đoạn 2 là: 2/2/3. - Hiệu quả nghệ thuật: nhịp thơ chậm, buồn, sâu lắng diễn tả tâm trạng đau đớn đến bất ngờ của nhà thơ. Cả không gian cũng đang ngưng lại mọi hoạt động để nghiêng mình vĩnh biệt vị Cha già kính yêu của dân tộc.	0,25 0,5
II. PHẦN LÀM VĂN	
Câu 1: <i>Nhận là một hạnh phúc, nhưng cho còn là hạnh phúc lớn hơn.</i>	3,0
Hãy viết bài văn ngắn (khoảng 400 từ) trình bày suy nghĩ của em về ý	

kiến trên.

- Đảm bảo cấu trúc nghị luận:

Có đủ phần mở bài, thân bài, kết bài. *Mở bài* nêu được vấn đề, *thân bài* triển khai được vấn đề, *kết bài* kết luận được vấn đề.

- Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:

Nhận là một hạnh phúc, nhưng cho còn là hạnh phúc lớn hơn.

- Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; rút ra bài học nhận thức và hành động.

a. Mở bài:

- Giới thiệu vấn đề nghị luận.

- Trích dẫn ý kiến.

b. Thân bài:

***. Giải thích vấn đề nghị luận:**

- Nhận là sự tiếp nhận những giúp đỡ, biếu tặng của người khác, tiếp nhận những phúc lợi xã hội trên nhiều mặt.

- Cho là chuyển cái sở hữu của mình sang người khác mà không đòi lấy cái gì. Cho cũng là đem tình cảm, trí tuệ, công sức của mình để đóng góp vào những công việc chung của xã hội.

- Ý kiến này nêu lên mối quan hệ và ý nghĩa của việc nhận và cho trong cuộc sống.

***. Bàn luận:**

- Nhận là một hạnh phúc vì:

+ Giúp giải quyết được những khó khăn, tháo gỡ được những vướng mắc

<p>để con người đạt được mục đích của cuộc sống nhanh hơn, tốt hơn.</p> <p>+ Nhận được sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ của người khác đó cũng là nguồn cổ vũ tinh thần để vươn lên.</p> <p>- Cho còn là hạnh phúc lớn hơn vì:</p> <p>+ Cho là niềm vui lớn vì được giúp đỡ, chăm sóc, hi sinh cho người khác, đem hạnh phúc đến cho người khác; cống hiến cho cộng đồng, thúc đẩy cuộc sống đi lên, thấy được ý nghĩa việc làm của mình đối với cuộc sống.</p> <p>+ Khi ta cho đi ta sẽ nhận lại tình cảm yêu thương, quý trọng của người khác; giúp mối quan hệ giữa người và người trở nên tốt đẹp hơn, cuộc sống cộng đồng thân thiện hơn.</p> <p>* Mở rộng vấn đề:</p> <p>- Ca ngợi những người có lối sống đẹp biết vì người khác.</p> <p>- Phê phán lối sống hẹp hòi, ích kỉ, cá nhân ...của một số HS, một số người trong XH.</p> <p>* Bài học nhận thức và hành động:</p> <p>- Cần nhận thức rõ mối quan hệ giữa nhận và cho để sống hài hòa hơn, có ý nghĩa hơn.</p> <p>- Phải biết quan tâm, giúp đỡ người khác và nhiệt tình đóng góp cho cộng đồng, xã hội.</p> <p><i>(Lưu ý: Khi bàn luận cần có dẫn chứng chứng minh cụ thể)</i></p> <p>c. Kết bài:</p> <p>- Khẳng định quan niệm sống đẹp.</p> <p>- Liên hệ mở rộng.</p>	
<p>Câu 2: “Tôi thấy Tế Hanh là một người tinh lắm. Tế Hanh đã ghi lại được đôi nét rất thần tình về cảnh sinh hoạt chốn quê hương. Người nghe thấy cả</p>	<p>5,0</p>

những điều không hình sắc, không thanh âm như mảnh hồn làng trên cánh buồm giương” .

Bằng bài thơ “Quê hương” của Tế Hanh (Ngữ văn 8- Tập 2) em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

.Yêu cầu về hình thức.

- Học sinh xác định đúng kiểu bài nghị luận văn học giải thích, chứng minh.
- Bài viết có bố cục rõ ràng.
- Diễn đạt mạch lạc, ngôn từ trong sáng, không viết sai chính tả.

.Yêu cầu nội dung:

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo các nội dung cơ bản sau:

a. Mở bài:

- Giới thiệu vấn đề nghị luận.
- Trích dẫn ý kiến.

b. Thân bài:.

**** Giải thích ý kiến.***

“ Cái tinh” ở đây không phải là cái tinh của đôi mắt, của sự quan sát cảnh trí, sự vật thông thường .

-> “**Cái tinh**” mà Hoài Thanh muốn nhấn mạnh đến chính là sự tinh tế, nhạy cảm của một hồn thơ Tế Hanh trước vẻ đẹp của thiên nhiên, vẻ đẹp của con người, của tình đời.

****. Phân tích bài thơ “Quê hương” của Tế Hanh để làm sáng tỏ nhận định.***

****.1. Giới thiệu về hoàn cảnh sáng tác và nêu ý nghĩa chung của bài thơ***

này:

- “Quê hương” là sáng tác mở đầu cho nguồn cảm hứng về quê hương trong thơ Tế Hanh.

- Nhà thơ đã viết về quê hương bằng cả tấm lòng yêu mến thiên nhiên thơ mộng mà hùng tráng của quê hương, mến yêu những con người lao động tràn trề sức lực, bằng những kỉ niệm sâu đậm, nồng nàn của thời niên thiếu.

***.2.Chứng minh nhận định của Hoài Thanh.**

- Tế Hanh đã ghi lại được đôi nét thần tình về cảnh ra khơi của những con người đánh cá và ngư dân trên biển cả.

+ Đoàn thuyền đánh cá ra khơi trong một khung cảnh đẹp: bình minh, bầu trời trong trẻo, gió nhẹ, rực rỡ nắng hồng.

+ Nổi bật lên khung cảnh ấy là hình ảnh những con thuyền băng mình ra khơi. Sự so sánh kết hợp với những từ ngữ mạnh “hăng”, “phăng”, “vượt” đã diễn tả khí thế dũng mãnh của con thuyền. “Cánh buồm” với vẻ đẹp lãng mạn là linh hồn của làng chài .

+ Gắn với hình ảnh con thuyền là hình ảnh dân trai tráng ra khơi tạo nên một bức tranh lao động khỏe khoắn, tươi vui.

- Không chỉ ghi lại được đôi nét thần tình về cảnh ra khơi của những con thuyền đánh cá Tế Hanh còn miêu tả đặc sắc cảnh đoàn thuyền trở về.

+ Đoàn thuyền đánh cá trở về trong không khí náo nhiệt và đầy ắp niềm vui , sự sống (“ồn ào”, “tấp nập”).

+ Hình ảnh người dân chài được miêu tả vừa chân thực vừa sáng tạo độc đáo trở nên có tầm vóc phi thường: “Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng/ Cả thân hình nồng thở vị xa xăm”. Họ như những đứa con của Thần Biển.

- Không chỉ miêu tả hình ảnh con người làng chài mà tác giả còn có cái nhìn tinh tế về hình ảnh con thuyền sau khi đã vật lộn với sóng gió của đại dương.

+ Những con thuyền cũng mang hồn người và vẻ đẹp người: “im bến mỗi trở về nằm. Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ”.

+ Một mỗi nhưng đọng lại trong lòng người vẫn là cảm giác bình yên, thư thái nhẹ nhàng. Con thuyền vô tri bỗng trở nên có hồn. Không phải là 1 người con vạn chài thiết tha gắn bó với quê hương thì không thể viết được những câu thơ như thế ! Và cũng chỉ có thể viết được những câu thơ như thế khi nhà thơ biết đặt cả hồn mình vào đối tượng, vào người, vào cảnh để lắng nghe. Có lẽ chất muối mặn mòi kia cũng đã thấm sâu vào làn da thớ thịt, vào tâm hồn của nhà thơ Tế Hanh để thành niềm ám ảnh gọi băng khuâng kì diệu. Cái tinh tế, tài hoa của Tế Hanh là ở chỗ nghe thấy cả những điều không hình sắc, không thanh âm...

- Trong niềm tưởng nhớ của nhà thơ, bên cạnh những hình ảnh “nước xanh, cá bạc”, “chiếc buồm vôi” của “con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi” da diết nhất vẫn là cái hương vị riêng của làng chài ven biển: *“Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!”*

*** Đánh giá:**

- Hoài Thanh đã nhận định đúng đắn và sâu sắc về thơ ca của Tế Hanh: một tâm hồn tinh tế, một bút pháp tài hoa, một tấm lòng sâu nặng với quê hương. Đó là cái tinh của “ Nơi mắt nhìn không tới/ Thì lòng ta đến thay” (Chế Lan Viên).

c. Kết bài:

- Khẳng định vấn đề nghị luận.
- Liên hệ mở rộng.

ĐỀ SỐ 42:

I. PHẦN ĐỌC HIỂU(4, 0 điểm): Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới

MUỐI TO, MUỐI BÉ

Hạt muối Bé nói với hạt muối To:

- Em đến chia tay chị này, em sắp được hòa trong đại dương.

Muối To trở mắt:

- Em đại quá, sao lại để đánh mất mình như thế? Em muốn thì cứ làm, chị không điên!
 Muối To thu mình co quắp lại, nhất định không để biển hòa tan. Muối To lên bờ, sống trong vũng muối. Nó vẫn ngạo nghễ, to cứng và nhìn chúng bạn bé tí ti đầy khinh khinh. Thu hoạch, người ta gạt nó ra ngoài, xếp vào loại phế phẩm, còn những hạt muối tinh trắng kia được đóng vào bao sạch đẹp...

Sau một thời gian lẫn lóc hết xô chợ này đến xô chợ khác, cuối cùng người ta cho muối To vào nồi cám heo. Tụi nhục ê chề, nó thu mình co cứng hơn mặc cho nước sôi trăm độ cũng không lấy được, dù là cái vảy da của nó. Khi rửa máng heo, người ta phát hiện nó, và chẳng cần nghĩ suy, ném nó ra đường. Người người qua lại đạp lên nó.

Trời đổ mưa, muối Bé, bây giờ là hạt mưa, gắp lại muối To. Muối Bé hí hửng kể:

- Tuyệt lắm chị ơi! Khi em hòa tan trong nước biển, em được bay lên trời, sau đó em thành mưa tưới mát cho Trái Đất thêm xanh tươi. Thôi chào chị, em còn đi chu du nhiều nơi trên Trái Đất trước khi về biển, chuẩn bị một hành trình tuyệt vời khác...
 Nhìn muối Bé hòa mình với dòng chảy, xa dần, xa dần... bỗng dưng muối To thêm khát cuộc sống như muối Bé, muốn hòa tan, hòa tan...

(Theo **Truyện cổ tích chọn lọc**)

Câu 1(0,5 điểm). Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

Câu 2 (1,0 điểm). Phân tích cấu tạo ngữ pháp của câu văn:

Em đến chia tay chị này, em sắp được hòa trong đại dương.

Câu 3 (1,0 điểm). Trước việc hòa tan vào đại dương, tại sao muối To cho đó là “đại” còn muối Bé lại thấy là “tuyệt lắm”?

Câu 4 (0,5 điểm). Khi vào mùa thu hoạch, số phận của muối To như thế nào?

Câu 5(1,0 điểm). Nêu ý nghĩa biểu tượng của hạt muối trong câu chuyện trên?

II. PHẦN LÀM VĂN (16, 0 ĐIỂM)

Câu 1 (6,0 điểm). Trình bày suy nghĩ của em về cách sống của muối Bé trong câu chuyện ở phần ĐỌC HIỂU.

Câu 2 (10,0 điểm). Nhận xét về bài thơ Quê hương của Tế Hanh, có ý kiến cho rằng:

Tuy viết về một đề tài không mới nhưng nhà thơ đã tạo lên nhiều điều hấp dẫn, mới mẻ.

Bằng sự hiểu biết của mình, em hãy chứng minh.

.....HẾT.....

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
I. ĐỌC- HIỂU	0,5
1. Phương thức biểu đạt chính: Tự sự	
2. Phân tích được cấu trúc ngữ pháp của câu văn đã cho. Mỗi thành phần được 0,25 điểm. <u>Em đến chia tay chi này, em sắp được hòa trong đại dương.</u> CN VN CN VN	1,0
3. - Muối To cho rằng việc hòa tan vào đại dương là “” đại” vì sẽ đánh mất mình, sẽ bị biến mất, không còn giữ được những cái của riêng mình nữa. - Muối Bé cho là “ <i>tuyệt lắm</i> ” vì khi hòa vào biển, nó được hóa thân, được cống hiến sức mình cho trái Đất...	0,5 0,5
4. Vào mùa thu hoạch, muối To bị gạt ra ngoài, bị xếp vào loại phế phẩm.	
5. Ý nghĩa biểu tượng của mỗi hình ảnh: - Muối To: Hình ảnh của con người sống ích kỉ, chỉ khư khư giữ lấy giá trị riêng của mình. - Muối Bé: Hình ảnh của con người biết cống hiến, biết dâng cho đời	

những điều đẹp đẽ, tinh túy nhất của cuộc đời mình.	
II. PHẦN LÀM VĂN (16,0 điểm) Câu 1: Trình bày suy nghĩ của em về cách sống của muối Bé trong câu chuyện ở phần ĐỌC HIỂU.	6,0
<p>. Về hình thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết được bài văn nghị luận: + Luận cứ chính xác, tiêu biểu + Lập luận chặt chẽ, thuyết phục. - Không mắc các loại lỗi về câu, từ, chính tả. <p>Về nội dung: Trình bày được suy nghĩ về cách sống của muối Bé được gợi ra từ câu chuyện Phần ĐỌC HIỂU: Lối sống cống hiến. Thí sinh có thể có nhiều cách trình bày, miễn sao hợp lí. Dưới đây là một số ý tham khảo:</p> <p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu vấn đề nghị luận: Lối sống cống hiến của thế hệ trẻ hiện nay. <p>b. Thân bài:</p> <p>* Giải thích vấn đề nghị luận: "Cống hiến" là biểu hiện của việc con người quên đi những lợi ích vị kỷ, tầm thường của bản thân. Đồng thời đem hết tài năng, trí tuệ, sức lực để đóng góp cho lợi ích chung, hi sinh cái "tôi" riêng nhỏ bé để phục vụ cho cái "ta"</p> <p>*. Bàn luận về vấn đề nghị luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cống hiến là lối sống tích cực mà thế hệ cần rèn luyện, tu dưỡng và trau dồi. - Lối sống cống hiến của thế hệ trẻ thể hiện ở việc sẵn sàng đem hết trí tuệ, tài năng của bản thân phục vụ lợi ích chung, vì sự phát triển chung. - Lối sống cống hiến sẽ giúp thế hệ trẻ khẳng định giá trị của bản thân và phát huy hết vai trò là rường cột, là những chủ nhân tương lai của đất nước. - Trong thời đại ngày nay, thế hệ trẻ Việt Nam vẫn không ngừng nỗ lực, cố gắng để cống hiến hết mình trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước (những thanh niên xung kích, những thầy cô giáo trẻ,...). 	

<p>* Lật lại vấn đề</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiện tượng một số thanh niên đã xao nhãng, quên đi trách nhiệm của bản thân đối với sự nghiệp chung của dân tộc (ích kỷ, chỉ mưu cầu lợi ích cá nhân...). - Đó là những hiện tượng lệch lạc cần bị lên án, phê phán, chấn chỉnh, bài trừ. <p>* Bài học nhận thức và hành động đối với thế hệ trẻ đối với lối sống cống hiến: Mỗi người cần và nên biết sống cống hiến để đem lại lợi ích chung cho cộng đồng, làm cho cuộc sống ngày một tốt đẹp hơn.</p> <p>c. Kết bài:</p> <p>Có thể thấy, lối sống cống hiến là một lối sống cao đẹp và cần có ở mỗi người nhất là thế hệ trẻ bởi lẽ nó không những giúp mỗi người phát huy được giá trị của bản thân mà còn góp phần làm giàu đẹp thêm cho quê hương, đất nước. Đúng như nhà thơ Tố Hữu đã từng viết:</p> <p><i>“Nếu là con chim, chiếc lá Thì con chim phải hót, chiếc lá phải xanh Lẽ nào vay mà không có trả Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình”</i></p>	
<p>Câu 2: Nhận xét về bài thơ Quê Hương của Tế Hanh, có ý kiến cho rằng:</p> <p><i>Tuy viết về một đề tài không mới nhưng nhà thơ đã tạo lên nhiều điều hấp dẫn, mới mẻ.</i></p> <p>Bằng sự hiểu biết của mình, em hãy chứng minh.</p>	
<p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả, tác phẩm và trích dẫn được ý kiến đánh giá về bài thơ. <p>b. Thân bài:</p> <p>*Giải thích về ý kiến đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ viết về tình yêu quê hương- một đề tài không mới, một tình cảm có 	

tính truyền thống được nhiều nhà thơ khai thác.

- Tế Hanh đem đến nhiều điều hấp dẫn, mới mẻ chỉ riêng có bài thơ **Quê hương**: Bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê miền biển, những hình ảnh khỏe khoắn đầy sức sống của người dân chài; những vần thơ bình dị nhưng gợi cảm, nhiều ý nghĩa sâu xa...

*** Phân tích- làm sáng tỏ ý kiến đã cho:**

-Vẻ hấp dẫn, mới mẻ của những bức tranh làng chài:

+ Khung cảnh ra khơi trong bình minh tươi sáng; con người trẻ trung, khỏe mạnh, hăm hở; những con thuyền đầy khí thế, những cánh buồm bao la mang nét vẽ đẹp riêng không hề lẫn của làng chài.

+ Cảnh trở về tập nập, no đủ, bình an; những con người trở về nhuộm nắng gió biển khơi, toát lên vẻ từng trải, gợi niềm khát khao khám phá, trịnh phục biển rộng sông dài; những con thuyền mệt nằm thư gian, bằng lòng với một chuyến ra khơi tốt đẹp.

+ Nỗi nhớ nằm sâu da diết, thường trực về những dấu hiệu đặc trưng, thân thiết, của làng chài.

- Vẻ hấp dẫn, mới mẻ của thể thơ tám chữ; của những biện pháp tu từ đặc sắc(so sánh, ẩn dụ, nhân hóa...), của các từ ngữ giàu sức gợi(phăng phăng, vượt; dân trai tráng; im bến mỏi...)

*** Đánh giá về tính đúng đắn của nhận định.**

c. Kết bài:

Với tâm hồn bình dị, Tế Hanh xuất hiện trong phong trào Thơ mới nhưng lại không có những tư tưởng chán đời, thoát ly với thực tại, chìm đắm trong cái tôi riêng tư như nhiều nhà thơ thời ấy. Thơ Tế Hanh là hồn thi sĩ đã hòa quyện cùng với hồn nhân dân, hồn dân tộc, hoà vào "cánh buồm giương to như mảnh hồn làng". "Quê hương" – hai tiếng thân thương, quê hương – niềm tin và nỗi nhớ, ù trong tâm tưởng người con đất Quảng Ngãi thân yêu – Tế Hanh – đó là những gì thiêng liêng nhất, tươi sáng nhất. Bài thơ với âm điệu

khỏe khoắn, hình ảnh sinh động tạo cho người đọc cảm giác hứng khởi, ngôn ngữ giàu sức gợi vẽ lên một khung cảnh quê hương "rất Tế Hanh" như ý kiến: *Tuy viết về một đề tài không mới nhưng nhà thơ đã tạo lên nhiều điều hấp dẫn, mới mẻ.*

ĐỀ SỐ 43:

Câu 1 (8,0 điểm)

Cách nhìn

Có hai xưởng sản xuất giày cùng phái người đến khảo sát thị trường ở châu Phi. Nhân viên của công ti thứ nhất sau khi đến nơi nhanh chóng báo về: “Người dân ở đây không có thói quen mang giày. Ngày mai, tôi sẽ đáp máy bay về nước.”

Trong khi đó, nhân viên của công ti thứ hai lại báo về một nội dung hoàn toàn khác: “Nơi đây đầy triển vọng vì chưa có ai mang giày cả. Chúng ta sẽ khai thác thị trường này.”

Trích “Đạo lí sống đẹp” - NXB Thời đại

Bài học gợi ra từ câu chuyện trên?

Câu 2 (12,0 điểm)

Nhà thơ Pháp Andre Chanien từng nói: *“Nghệ thuật chỉ làm nên câu thơ, trái tim mới làm nên thi sĩ.”*

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Bằng trải nghiệm văn học của bản thân, em hãy làm sáng tỏ ý kiến đó.

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
Câu 1: Bài học gợi ra từ câu chuyện <i>Cách nhìn</i> trên? . Yêu cầu chung Đảm bảo thể thức bài văn; hướng về chủ đề, suy nghĩ mới mẻ, diễn đạt trôi chảy bằng ngôn ngữ của mình, giàu chất văn chương, đảm bảo tính	8,0

liên kết, không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

. Yêu cầu cụ thể

. *Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận:*

Trình bày đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Phần mở bài biết dẫn dắt hợp lý và giới thiệu được vấn đề nghị luận; phần thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm nổi bật vấn đề; phần kết bài khái quát về vấn đề và thể hiện được ấn tượng, cảm xúc sâu đậm của cá nhân. Biết bình giá, liên hệ mở rộng, lời văn giàu hình ảnh và cảm xúc.

*Xác định đúng đúng vấn đề nghị luận: **Cách nhìn nhận, đánh giá vấn đề của con người trong cuộc sống.***

c. Triển khai vấn đề nghị luận theo trình tự

Chia đối tượng nghị luận thành các khía cạnh, góc độ phù hợp; các đoạn văn được triển khai theo trình tự hợp lí, có sự liên kết chặt chẽ; sử dụng tốt các thao tác lập luận (trong đó phải có các thao tác giải thích, chứng minh, phân tích, tổng hợp, so sánh, bình luận); biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng.

Bài làm có thể triển khai theo hướng sau:

a. Mở bài

- Giới thiệu câu chuyện và vấn đề nghị luận: Cách nhìn sự việc của con người khác nhau, người thứ nhất với cái nhìn hạn hẹp bi quan; người thứ hai có cái nhìn bao quát hơn, tích cực hơn biết nhìn vào mặt lợi thế của sự việc.

b. Thân bài

***. Khái quát ý nghĩa câu chuyện, rút ra ý nghĩa vấn đề nghị luận**

- Giải thích nhan đề “Cách nhìn”: cách nhìn là sự quan sát, đánh giá, quan niệm của mỗi người về hiện tượng, sự vật, con người, cuộc sống...

- Khái quát ý nghĩa của câu chuyện: câu chuyện đề cập đến hai cách nhìn.

+ Nhân viên công ti thứ nhất: là cách nhìn xuất phát từ sự quan sát vội vã,

lướt qua hiện tượng và vội vàng đưa ra kết luận theo cách an phận, bằng lòng chấp nhận thực tế. Cách nhìn này tiêu biểu cho sự đánh giá nông cạn, hời hợt.

+ Cách nhìn của nhân viên công ti thứ hai: là cách nhìn từ sự quan sát kỹ lưỡng, cẩn thận và đưa ra kết luận một cách tích cực, tạo ra một cơ hội đầu tư, một hướng phát triển. Cách nhìn này biểu tượng cho sự đánh giá sâu sắc, thấu đáo.

- Bài học từ câu chuyện trên: **trong cuộc sống có khi cùng một vấn đề nhưng đem đến nhiều cách đánh giá khác nhau. Có những cách đánh giá chỉ dừng lại ở sự quan sát bên ngoài hiện tượng nhưng cũng có những cách đánh giá độc đáo, bất ngờ đem đến niềm tin, thúc đẩy hành động hướng tới thành công.**

***. Phân tích, chứng minh về ý nghĩa gọi ra từ câu chuyện**

- Cuộc sống muôn hình vạn trạng, cùng một sự việc xảy ra, cùng một vấn đề nhưng mỗi người lại có cách đánh giá khác nhau, cách giải quyết vấn đề khác nhau.

- Trong cuộc sống có những cách đánh giá, nhìn nhận vấn đề đánh mất cơ hội, sự tự tin, lạc quan của con người. Cách nhìn này kìm hãm sự nỗ lực hành động vươn lên của con người. Nhưng trong cuộc sống cũng có những cách đánh giá, nhìn nhận vấn đề tạo cơ hội, niềm tin, lạc quan của con người. Đó là cách nhìn tạo động lực giúp con người nỗ lực hành động để tạo ra những thành quả có ý nghĩa cho bản thân và xã hội.

- Để có được cách nhìn đúng đắn, tích cực con người cần có sự tinh nhạy, sắc bén, sâu sắc khi quan sát và suy xét thấu đáo vấn đề trước khi đưa ra kết luận. Quan trọng hơn là phải có niềm tin đối với đối tượng được nhìn nhận, đánh giá.

***. Liên hệ, mở rộng, rút ra bài học**

- Phê phán những người có cái nhìn hời hợt, có cách đánh giá chủ quan theo cảm tính. Phê phán cái nhìn bi quan, thiếu tự tin,...

- Khi nhìn nhận vấn đề không được vội vàng, hấp tấp chỉ nhìn hời hợt bên ngoài hiện tượng mà phải suy nghĩ kỹ lưỡng trước khi đưa ra kết luận; phải có trách nhiệm trước sự đánh giá của bản thân.

<p>- Cần có cách nhìn lạc quan để phát hiện mặt tốt, mặt tích cực của sự vật, hiện tượng, con người.... Từ đó luôn biết vượt qua những khó khăn, thử thách để tạo cơ hội hướng tới mục đích cao cả.</p> <p>c. Kết bài</p> <p>- Khẳng định ý nghĩa của câu chuyện.</p>	
<p>Câu 2 :</p> <p>Nhà thơ Pháp Andre Chanien từng nói: <i>“Nghệ thuật chỉ làm nên câu thơ, trái tim mới làm nên thi sĩ.”</i></p> <p>Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Bằng trải nghiệm văn học của bản thân, em hãy làm sáng tỏ ý kiến đó.</p> <p>. Yêu cầu chung</p> <p>- Đảm bảo thể thức bài văn; hướng về chủ đề, suy nghĩ mới mẻ, diễn đạt trôi chảy bằng ngôn ngữ của mình, giàu chất văn chương, đảm bảo tính liên kết, không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.</p> <p>. Yêu cầu cụ thể:</p> <p>- <i>Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận:</i> Trình bày đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Phần mở bài biết dẫn dắt hợp lý và giới thiệu được vấn đề nghị luận; phần thân bài biết tổ chức thành nhiều đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau cùng làm nổi bật vấn đề; phần kết bài khái quát về vấn đề và thể hiện được ấn tượng, cảm xúc sâu đậm của cá nhân. Biết bình giá, liên hệ mở rộng, lời văn giàu hình ảnh và cảm xúc.</p> <p>- <i>Xác định đúng đúng vấn đề nghị luận:</i> Cái tâm, cái tài của nhà thơ Tế Hanh qua bài thơ “Quê hương”.</p> <p>- <i>Triển khai vấn đề nghị luận theo trình tự:</i> Chia đối tượng nghị luận thành các khía cạnh, góc độ phù hợp; các đoạn văn được triển khai theo trình tự hợp lý, có sự liên kết chặt chẽ; sử dụng tốt các thao tác lập luận (trong đó phải có các thao tác giải thích, chứng minh, phân tích, tổng hợp, so sánh, bình luận); biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng.</p>	12,0

Bài làm có thể triển khai theo hướng sau:

a. Mở bài:

- Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề.
- Trích dẫn ý kiến.
- Nêu giới hạn tác giả, tác phẩm.

b. Thân bài:

* Giải thích

- *Nghệ thuật*: là những đặc sắc về hình thức (ngôn ngữ, hình ảnh, giọng điệu...)
 - *Trái tim*: là thế giới của đời sống tâm hồn nhà thơ chứa đựng những tư tưởng, tình cảm, những rung động trước cuộc đời... Chính thế giới tâm hồn ấy đã làm nên cái hồn thơ, là yếu tố không thể thiếu của một nghệ sĩ chân chính.
- => Để có những bài thơ hay đòi hỏi người nghệ sĩ vừa phải có tài, vừa phải có tâm. Ý kiến đã khẳng định, đề cao thiên chức của nhà thơ và quá trình sáng tạo nghệ thuật.

*. Chứng minh qua bài thơ “Quê hương” của Tế Hanh

*.1. Luận điểm 1: Bài thơ “Quê hương” của Tế Hanh là bài thơ đặc sắc về nghệ thuật.

- Lời đề từ của bài thơ “*Chim bay dọc biển mang tin cá*” là câu thơ của phụ thân tác giả bày tỏ thái độ kính trọng, hàm ơn của nhà thơ với người cha yêu dấu.
- Bài thơ được viết bằng thể thơ tám chữ tự do, ngắt nhịp linh hoạt trong từng câu, nhạc điệu trong sáng, tha thiết; sử dụng cách gieo vần liền giữa các câu, các khổ thơ tạo sự liền mạch của dòng cảm xúc.
- Bài thơ có sự kết hợp những hình ảnh tự nhiên giản dị với những hình ảnh

giàu ý nghĩa biểu trưng, khái quát, sử dụng bút pháp tả thực và lãng mạn bay bổng tạo nên sự độc đáo, sáng tạo (*chiếc thuyền như con tuấn mã, cánh buồm giương to như mảnh hồn làng, chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm/ nghe chất muối..., dân chài lưới... nồng thở vị xa xăm*).

- Ngôn ngữ thơ hàm súc, gợi hình, gợi cảm. Có những câu thơ cứ như câu nói tự nhiên, không trau chuốt từ ngữ nhưng vẫn mang âm hưởng thi ca “Nước bao vây cách biển nửa ngày sông”, “Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe”... Cách sử dụng nghệ thuật so sánh, nhân hóa, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, điệp từ, điệp ngữ, liệt kê độc đáo, giàu ý nghĩa.

- Giọng điệu bài thơ thể hiện đúng tâm trạng, cảm xúc của tác giả: đứa con xa quê lâu ngày nhớ quê hương da diết. Giọng điệu có sự biến đổi phù hợp với nội dung từng đoạn thơ: phấn chấn, vui vẻ; trầm lắng, suy ngẫm và thiết tha, sâu lắng.

- Mạch cảm xúc của bài dạt dào tạo thành tứ thơ tự nhiên mà chặt chẽ, lô gíc, dựa trên nỗi nhớ quê hương của người con xa quê. Cảm xúc được bộc lộ qua niềm tự hào về vẻ đẹp bức tranh làng quê tươi sáng với cảnh ra khơi đầy hào hứng, cảnh vui mừng đón thuyền cá trở về và kết thúc bằng nỗi nhớ quê da diết.

=> Những đặc sắc về nghệ thuật và cảm xúc đã làm nên sức hấp dẫn của bài thơ.

***.2. Luận điểm 2: Bài thơ để lại dấu ấn sâu đậm trong lòng độc giả chính bởi “trái tim” của thi sĩ.**

- “Trái tim” tha thiết yêu mến và gắn bó với quê hương.

+ Lời giới thiệu đầy tự hào về khung cảnh làng quê vạn chài yêu dấu (nghề nghiệp, vị trí của làng chài ven biển thanh bình; khung cảnh tươi sáng với công việc lao động bình dị, quen thuộc của ngư dân; hình ảnh con thuyền ra khơi căng tràn sự sống: hình ảnh so sánh tinh tế, độc đáo của nhà thơ khi miêu tả con thuyền và cánh buồm...)

+ Tình yêu với con người và cảnh lao động của quê hương: viết về người dân chài với tất cả niềm tự hào hứng khởi: dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá đầy khí thế; yêu hình ảnh những ngư dân với làn da ngăm rạm nắng; yêu cảnh dân làng tập nập đón ghe về; yêu con thuyền mệt mỏi say sưa sau một hành trình vất vả...

- *Nỗi nhớ quê hương cháy bỏng.*

+ Nỗi nhớ quê hương thiết tha bật ra thành những lời nói vô cùng giản dị: Nay xa cánh lòng tôi luôn tưởng nhớ; Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá.

+ Nhớ hình ảnh, màu sắc bình dị, thân thuộc và đặc trưng của quê hương: màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi, con thuyền rẽ sóng ra khơi...

. *Đánh giá chung

- *Quê hương* là một bài thơ vừa đặc sắc về nghệ thuật, vừa tiêu biểu cho “trái tim” của nhà thơ. Thể thơ tám chữ, giọng điệu trong sáng, tha thiết, hình ảnh thơ đẹp, giản dị, sáng tạo... mang nét đặc trưng của thơ mới.

- Ý kiến của Andre Chenien giúp ta cảm nhận sâu sắc và trân trọng tài năng, trái tim của người nghệ sĩ.

c. *Kết bài:*

- Khẳng định lại vấn đề chứng minh: Những vần thơ của Tế Hanh có sức lay động mạnh mẽ tới độc giả bởi được xuất phát từ trái tim người nghệ sĩ, đánh thức trong trái tim ta tình yêu, nỗi nhớ quê hương...

- Liên hệ, mở rộng.

ĐỀ SỐ 44:

PHẦN I- ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Một chàng trai trẻ đến xin học một ông giáo già với tâm trạng bi quan và chỉ thích phàn nàn. Đối với anh, cuộc sống là một chuỗi ngày buồn chán, không có gì thú vị. Một lần, khi chàng trai than phiền về việc mình học mãi mà không tiến bộ, người thầy im lặng lắng nghe rồi đưa cho anh một thìa muối thật đầy và một cốc nước nhỏ.

- Con cho thìa muối này vào cốc nước và uống thử đi.

Lập tức, chàng trai làm theo.

- Cốc nước mặn chát. Chàng trai trả lời.

Người thầy lại dẫn anh ra một hồ nước gần đó và đổ một thìa muối đầy xuống nước:

- Bây giờ con hãy nếm thử nước trong hồ đi.

- Nước trong hồ vẫn vậy thôi, thưa thầy. Nó chẳng hề mặn lên chút nào – Chàng trai nói khi múc một ít nước dưới hồ và nếm thử.

Người thầy chậm rãi nói:

-Con của ta, ai cũng có lúc gặp khó khăn trong cuộc sống. Và những khó khăn đó giống như thìa muối này đây, nhưng mỗi người hòa tan nó theo một cách khác nhau. Những người có tâm hồn rộng mở giống như một hồ nước thì nỗi buồn không làm họ mất đi niềm vui và sự yêu đời. Nhưng với những người tâm hồn chỉ nhỏ như một cốc nước, họ sẽ tự biến cuộc sống của mình trở thành đắng chát và chẳng bao giờ học được điều gì có ích.

(Theo Câu chuyện về những hạt muối - vietnamnet.vn, 17/06/2015)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản?

Câu 2: Em hiểu gì về các chi tiết, hình ảnh ”thìa muối”, ”hòa tan” trong văn bản?

Câu 3: Nêu hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu:”những người có tâm hồn rộng mở giống như một hồ nước thì nỗi buồn không làm cho họ mất đi niềm vui và sự yêu đời”?

Câu 4: Em rút ra bài học gì có ý nghĩa cho bản thân từ văn bản trên?

PHẦN II-TẬP LÀM VĂN (14.0 điểm)

Câu 1 (4.0 điểm): Từ nội dung câu chuyện ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) suy nghĩ về ý nghĩa của tinh thần lạc quan trong cuộc sống.

Câu 2 (10.0 điểm)

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua bài thơ “ *Quê hương*” của Tế Hanh, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

----- Hết -----

ĐÁP ÁN

Trang 382

II. TẬP LÀM VĂN	
<p>Câu 1: Từ nội dung câu chuyện ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) suy nghĩ về ý nghĩa của tinh thần lạc quan trong cuộc sống.</p>	4,0
<p><i>Triển khai hợp lí nội dung đoạn văn: vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn theo hướng sau:</i></p> <p>*Giải thích vấn đề:</p> <p>- Lạc quan là một trạng thái cảm xúc tích cực, luôn yêu đời, xem cuộc đời là đáng sống, luôn giữ một niềm tin, hi vọng về những điều tốt đẹp dù cuộc sống gặp nhiều khó khăn, phiền muộn, gian truân.</p> <p>*Bàn luận vấn đề:</p> <p>- Vì sao con người cần phải có tinh thần lạc quan:</p> <p>+ Cuộc sống có muôn vàn khó khăn, thử thách, sống lạc quan giúp con người có cái nhìn sáng suốt, trí tuệ minh mẫn, hành động đúng đắn để giải quyết mọi việc một cách tốt đẹp.</p> <p>+ Sống lạc quan giúp con người trở nên can đảm, tự tin vào bản thân, tâm hồn phong phú, rộng mở, sống có ích, họ luôn học hỏi được những kinh nghiệm quý giá kể cả trong thành công hay thất bại.</p> <p>+ Thái độ sống lạc quan giúp mỗi người luôn nhận ra mặt tích cực của mọi vấn đề, nhận ra những cơ hội mà người sống bi quan không thể nhận ra, từ đó gạt hái được những thành công trong cuộc sống.</p> <p>+ Lạc quan là biểu hiện của thái độ sống đẹp, được mọi người yêu quý, trân trọng.</p> <p>- Trong cuộc sống có biết bao người phải trải qua nhiều khó khăn, thử thách nhưng họ luôn lạc quan, kiên cường vượt lên và chiến thắng</p> <p><i>(HS lấy dẫn chứng để chứng minh cho mỗi ý của vấn đề nghị luận)</i></p> <p>- Mở rộng vấn đề: Cần lên án những người sống bi quan, gặp khó khăn là chán nản, buông xuôi, họ sẽ thất bại trong cuộc sống. Tuy nhiên, lạc quan không phải là luôn nhìn cuộc đời bằng lăng kính màu hồng, thậm chí mù quáng trước những vấn đề đặt ra trong cuộc sống.</p> <p>- Bài học nhận thức và hành động:</p>	

<p>+ Cần nuôi dưỡng, phát huy tinh thần lạc quan, thực hiện ước mơ trong cuộc sống, hãy có niềm tin vào bản thân, không gục ngã trước khó khăn, có ý chí nghị lực vươn lên, biết chia sẻ với mọi người và luôn tin vào những điều tốt đẹp trong cuộc đời.</p> <p>+ Liên hệ bản thân.</p>	
<p>Câu 2: Trong cuốn “ Từ điển văn học”, Nguyễn Xuân Nam viết: “<i>Thơ là hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống qua những tâm trạng, những cảm xúc dạt dào, những tưởng tượng mạnh mẽ, một ngôn ngữ giàu hình ảnh và nhất là có nhịp điệu rõ ràng</i>”</p> <p>Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua bài thơ “ <i>Quê hương</i>” của Tế Hanh, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.</p> <p>YÊU CẦU:</p> <p><i>Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận: Có đầy đủ phần Mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu vấn đề nghị luận; Thân bài làm rõ được nhận định, triển khai được luận điểm; Kết bài khái quát được nội dung nghị luận.</i></p>	10,0
<p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu vấn đề nghị luận. - Trích dẫn ý kiến. <p>b. Thân bài:</p> <p>* Giải thích nhận định</p> <p>Ý kiến của Nguyễn Xuân Nam khẳng định vẻ đẹp của thơ trên hai phương diện: nội dung và hình thức.</p> <p>*.1. Vẻ đẹp nội dung: “<i>Thơ là hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống qua những tâm trạng, những cảm xúc dạt dào, những tưởng tượng mạnh mẽ</i>”:</p> <p>-Thơ ca phản ánh cuộc sống:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thơ phản ánh cái đẹp của cuộc sống, thiên nhiên, tạo vật + Thơ chất lọc vẻ đẹp tinh túy, bình dị cao quý của con người, cuộc đời <p>- Thơ phản ánh tâm trạng, những cảm xúc dạt dào, những tưởng tượng mạnh mẽ:</p>	0,25

+ Thơ là thể loại trữ tình biểu hiện sự rung động mãnh liệt trong tâm hồn của người nghệ sĩ trước cuộc đời

+ Thơ là tiếng nói của tình cảm, tình cảm càng chân thành bao nhiêu thì hồn thơ càng thăng hoa bấy nhiêu. Vẻ đẹp muôn màu sắc của cuộc sống hiện ra qua “những cảm xúc dạt dào, sự tưởng tượng mạnh mẽ” của thi sĩ.

.2. Vẻ đẹp hình thức: *Thơ- một ngôn ngữ giàu hình ảnh và nhất là có nhịp điệu rõ ràng

+ Thơ hay phải có ngôn từ đẹp, giàu sức gợi và sắc điệu thẩm mỹ, thơ là hình tượng.

+ Thơ hay phải có âm điệu, nhạc điệu, nhịp điệu trầm bổng, du dương, khoan thai, hùng tráng, thiết tha.. thơ là nhạc

=> Ý kiến trên khẳng định thơ hay phải hay cả nội dung và hình thức “*Thơ hay là hay cả hồn lẫn xác*”(Xuân Diệu)

*** Chứng minh qua bài thơ “*Quê hương*”(Tế Hanh)**

- Giới thiệu những nét chính về tác giả Tế Hanh và bài thơ “*Quê hương*”(Xuất xứ, chủ đề)

.1. *Quê hương- sáng tác văn học “phản ánh cuộc sống qua những tâm trạng, những cảm xúc dạt dào, những tưởng tượng mạnh mẽ”:

- **Giới thiệu làng chài ven biển Quảng Ngãi.** Quê hương của Tế Hanh là một làng nghèo thuộc duyên hải miền Trung “*cách biển nửa ngày sông*”. Con sông mà nhà thơ nhắc tới là con sông Trà Bồng chảy qua huyện Bình Sơn, phía Bắc tỉnh Quảng Ngãi. Làng như một điểm âm sáng duyên dáng, chơi vơi trong nỗi thương nhớ đến quận lòng của thi nhân.

- **Khí thế của người dân chài ra khơi**

+ Một loạt hình ảnh so sánh, ẩn dụ mới mẻ về con thuyền, mái chèo và cánh buồm.. “*Tuần mã*” là chú ngựa tơ, đẹp, phi nhanh. Ví chiếc thuyền “*nhẹ hẫng như con tuần mã*”, tác giả đã tạo nên một hình ảnh khỏe, trẻ trung, diễn tả khí thế hăng hái, phấn khởi lên đường, chinh phục biển rộng sông dài

+ Tính từ “*hẫng*” dùng rất hay liên kết với các từ ngữ “*dân trai tráng*” và “*tuần mã*” hợp thành tính hệ thống.. Mái chèo như những lưỡi kiếm không lò chém xuống nước, động từ “*phăng*” đầy mạnh mẽ, đưa con thuyền “*vượt trường giang*”.

+ Hình ảnh “*Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng*” là so sánh đẹp, sáng tạo biểu tượng cho hình bóng và sức sống quê hương, tượng trưng cho sức mạnh, lao động sáng tạo, ước mơ về ấm no hạnh phúc. Nó còn tiêu biểu cho chí khí và khát vọng chinh phục biển khơi của đoàn trai tráng đang hùng hực khí thế.

+Hình ảnh nhân hóa “*rướn thân trắng bao la thâu góp gió*” mang đậm cảm hứng lao động và cảm hứng vũ trụ.. Ba chữ”*rướn thân trắng*”gợi tả một cuộc đời trải qua nhiều mưa nắng, đồng thời thể hiện tư thế làm chủ thiên nhiên. Người dân chài ra khơi như mang đi một phần máu thịt quê hương, “ *cánh buồm*”gắn với con thuyền như “hồn vía”làng quê chở che, neo giữ họ...Tế Hanh, với trái tim mẫn cảm đã thấy ở cánh buồm tâm hồn lộng gió của quê hương mình

- Cảnh dân làng chài đón đoàn thuyền đánh cá trở về

+ Cảnh dân làng đón thuyền về đông vui “*khắp dân làng tấp nập đón ghe về*”, đó là ngày hội lao động đầy ắp niềm vui và sự sống, toát ra từ không khí ồn ào, *tấp nập*, đông vui...

+ Người dân chài cảm tạ trời đất, biển mẹ đã cho những chiếc ghe đầy cá, từ những “*con cá tươi ngon thân bạc trắng*”- là hình ảnh cụ thể thành quả lao động của chuyến đi biển, đem lại niềm vui và hứa hẹn sự no đủ của làng chài đến “*biển lặng*”sóng êm để họ trở về an toàn.

- Hình ảnh người dân chài và con thuyền trở về sau chuyến ra khơi.

+ Hình ảnh dân chài lưới “*làn da ngăm rám nắng*”là hình ảnh tả thực người dân chài nước da ngăm nhuộm nắng nhuộm gió thân hình vạm vỡ, rắn chắc, khỏe mạnh...

+ “ *Cả thân hình nồng thở vị thơm xa xăm*” là ẩn dụ sáng tạo độc đáo gợi cảm, thú vị bởi thân hình người dân chài thấm đậm vị mặn mòi, nồng tỏa “*vị xa xăm*”khoáng đạt, huyền bí của đại dương

-> Hình ảnh người dân chài được miêu tả vừa chân thực vừa lãng mạn đã trở nên có tầm vóc phi thường ngang với không gian thời gian...

+ Hình ảnh “con thuyền”nằm im nghỉ ngơi trên bến sau khi vật lộn cùng sóng gió trở về. Nhà thơ đã sử dụng kết hợp hai biện pháp tu từ: nhân hóa con thuyền qua các từ ngữ “*im, mồi, trở về, nằm...*” và ẩn dụ chuyển đổi cảm

giác “*nghe*” đã biến con thuyền vốn là một sự vật vô tri đã trở nên có hồn rất tinh tế. Con thuyền cũng như người dân làng chài sau chuyến ra khơi về nghỉ ngơi để chiêm nghiệm, thấm đẫm vị mặn mòi của biển khơi, nghĩ đến những vất vả và niềm vui trong cuộc sống của mình.

- **Nỗi nhớ quê hương của Tế Hanh**

+ Xa quê nên “*tưởng nhớ*” khôn nguôi, nhớ “*màu nước xanh*” “*cá bạc*”, “*chiếc buồm vôi*”,... Thấp thoáng trong hoài niệm là hình ảnh con thuyền “*rẽ sóng ra khơi*” đánh cá. Xa quê nên mới “*thấy nhớ*” hương vị biển, hương vị làng chài thân yêu “*cái mùi nồng mặn quá*”. Tình cảm thấm vào câu chữ, màu sắc, vần thơ. Tiếng thơ cũng là tiếng lòng trang trải hồn quê với đầy thương nhớ. Cảm xúc dịu dàng, đậm thắm, mê mẩn mang -> Tình yêu quê hương sâu nặng, gắn bó máu thịt....

* **.2. Quê hương- sáng tác văn học được diễn đạt bằng “một ngôn ngữ giàu hình ảnh và nhất là có nhịp điệu rõ ràng”**

- Giàu hình ảnh đẹp: các hình ảnh “*nước bao vây*”, “*con thuyền*”, “*cánh buồm*”, “*mảnh hồn làng*”, “*dân chài lưới*”, “*chiếc thuyền im bến mỏi*”, “*thân hình nồng thở vị xa xăm*”, “*màu nước xanh*”, “*cá bạc*”... Hình ảnh thơ chân thực, gần gũi khiến cho bài thơ thêm phần thi vị, bay bổng

- Nhịp điệu: nhẹ nhàng khoan thai, hào hùng, vui tươi, tha thiết theo từng cung bậc cảm xúc..

- Thể thơ tám chữ phù hợp với cảm xúc trữ tình, kết hợp khéo léo phương thức biểu cảm và miêu tả, bút pháp hiện thực kết hợp lãng mạn. sự quan sát, cảm nhận vô cùng sắc sảo, tinh tế của nhà thơ.

- Các biện pháp nhân hóa, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác và sử dụng các từ láy (ồn ào, tấp nập, xa xăm..) thành công.

* **Đánh giá:**

- Đoạn thơ là bức tranh đẹp về cảnh vật, con người lúc đoàn thuyền đánh cá trở về bến. Tế Hanh phải là người có tâm hồn tinh tế, tài hoa, nhất là tấm lòng gắn bó sâu nặng, tình yêu máu thịt quê hương thì mới sáng tạo nên những vần thơ đẹp đến vậy. Bài thơ xứng đáng với lời nhận xét của Nguyễn Xuân Nam về một tác phẩm thơ hay

- Để sáng tác được một bài thơ hay, người nghệ sĩ cần đến với cuộc đời bằng

trái tim nhiệt huyết, sự sáng tạo, nỗ lực không ngừng.

- Người đọc khi tiếp nhận tác phẩm cần mở rộng tâm hồn, trái tim để cảm nhận được cái hay, cái đẹp mà người nghệ sĩ gửi gắm trong thi phẩm.

c. Kết bài:

- Khẳng định ý kiến.
- Liên hệ mở rộng.

ĐỀ SỐ 45:

Câu 1. (4.0 điểm): Chỉ ra và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ sau:

*"Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời chân lí chói qua tim
Hồn tôi là một vườn hoa lá
Rất đậm hương và rộn tiếng chim"*

(Từ ấy - Tố Hữu)

Câu 2 (6.0 điểm): Đọc đoạn văn sau:

"Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương; không bao giờ ta thương ..."

(Nam Cao, Lão Hạc)

Từ tâm sự của nhân vật ông giáo thể hiện qua đoạn văn trên, em hãy trình bày những suy nghĩ của mình về vai trò của tình yêu thương đối với mỗi con người trong cuộc sống?

Câu 3 (10.0 điểm): Phân tích hình ảnh người chiến sĩ cách mạng qua hai bài thơ: "Ngắm trăng" (Vọng nguyệt) của Hồ Chí Minh và "Khi con tu hú" của Tố Hữu?

ĐÁP ÁN

Nội dung	Điểm
Câu 1:	4,0

<p>- Chỉ ra được các phép tu từ có trong đoạn thơ (1 điểm).</p> <p>- Nêu được tác dụng của các phép tu từ được sử dụng trong đoạn thơ (3 điểm)</p> <p>+ Hai câu đầu sử dụng biện pháp nghệ thuật ẩn dụ "Bừng nắng hạ" (sự giác ngộ ở trong lòng), "Mặt trời chân lí" (lí tưởng cách mạng): Là những hình ảnh nghệ thuật đặc sắc diễn tả sự cao đẹp sáng ngời của lí tưởng cách mạng. Đó là sự giác ngộ, sự nhận thức sâu sắc bằng lí trí của người chiến sỹ cách mạng (1.5 điểm).</p> <p>+ Hai câu sau sử dụng nghệ thuật so sánh: "Hồn tôi là một vườn hoa lá" là biện pháp nghệ thuật so sánh độc đáo với từ so sánh "là" mang ý nghĩa khẳng định, đem cái trừu tượng "hồn tôi" so sánh với hình ảnh cụ thể "vườn hoa lá": tất cả toát lên niềm vui sướng tràn ngập của nhà thơ khi được giác ngộ lý tưởng cách mạng (1.5 điểm).</p>	
<p>Câu 2: Từ tâm sự của nhân vật ông giáo thể hiện qua đoạn văn trên, em hãy trình bày những suy nghĩ của mình về vai trò của tình yêu thương đối với mỗi con người trong cuộc sống?</p> <p>Về kĩ năng: Học sinh biết viết bài văn (đoạn văn) nghị luận đúng về hình thức, biết vận dụng một số thao tác lập luận để bày tỏ suy nghĩ, quan niệm của bản thân.</p> <p>Về kiến thức: Cần đảm bảo một số ý</p> <p>a. Mở bài:</p> <p>- Học sinh đưa dẫn vấn đề từ câu nói của nhà văn Nam Cao trong truyện Lão Hạc để khẳng định tình yêu thương rất cần trong cuộc sống.</p> <p>b. Thân bài:</p> <p>* Giải thích: Tình yêu thương là tình cảm tốt đẹp giữa con người với con người. Đó là sự sẻ chia, thông cảm, đồng cảm, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau... trong cuộc sống.</p> <p>* Vai trò, ý nghĩa của tình yêu thương trong cuộc sống:</p> <p>- Tình yêu thương có ý nghĩa và sức mạnh lớn lao. Tình yêu thương đem đến cho</p>	6,0

<p>con người niềm vui, hạnh phúc, cao hơn là mang lại sự sống, sự cảm hoá kì diệu, tiếp thêm sức mạnh để con người vượt qua mọi thử thách, khó khăn. (Dẫn chứng)</p> <p>- Người cho đi tình yêu thương cũng cảm thấy thanh thản, hạnh phúc trong lòng. (Dẫn chứng)</p> <p>- Tình yêu thương làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn, là lực hấp dẫn kéo gần con người lại với nhau. Đáng sợ biết bao khi thế giới này chỉ có hận thù, chiến tranh.</p> <p>- Bàn luận (Mở rộng):</p> <p>+ Phê phán những kẻ sống ích kỉ, thờ ơ vô cảm trước nỗi đau đồng loại</p> <p>+ Tuy nhiên tình yêu thương không phải là thứ có sẵn trong mỗi người, chỉ có được khi con người có ý thức nuôi dưỡng, vun trồng.</p> <p>+ Tình yêu thương cho đi phải trong sáng, không vụ lợi có thể nó mới có ý nghĩa.</p> <p>+ Hãy biến yêu thương thành hành động, yêu thương đúng cách, không mù quáng...</p> <p>* Rút ra bài học nhận thức và hành động:</p> <p>- Sống yêu thương, trân trọng tình yêu thương của người khác dành cho mình và cũng cần biết san sẻ tình yêu thương với mọi người.</p> <p>c. Kết bài:</p> <p>- Khẳng định lại vấn đề: tình yêu thương là thứ tình cảm không thể thiếu trong cuộc sống của mỗi con người.</p>	
<p>Câu 3: Phân tích hình ảnh người chiến sĩ cách mạng qua hai bài thơ: "Ngắm trăng" (Vọng nguyệt) của Hồ Chí Minh và "Khi con tu hú" của Tố Hữu?</p> <p>Về kĩ năng: Hs biết viết bài nghị luận văn học đúng về hình thức, biết vận dụng một số thao tác lập luận để bày tỏ suy nghĩ, quan niệm của bản thân.</p> <p>Về kiến thức: Cần đảm bảo một số ý</p> <p>a. Mở bài:</p>	<p>10.0</p>

- Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm.

- Dẫn dắt nội dung phân tích: Hình ảnh người chiến sĩ cách mạng.

b. Thân bài:

* Luận điểm 1: Tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống tha thiết.

- Cảm nhận bức tranh thiên nhiên đặc sắc về mùa hè trong cảnh tù đầy, giam hãm: với tiếng chim tu hú, tiếng ve ngân, hình ảnh đồng lúa chín, sân bắp vàng, nắng hồng, đôi con diều sáo tự do bay lượn.... -> Bức tranh mùa hè được cảm nhận bằng nhiều giác quan, vừa có hình ảnh, màu sắc, lại có cả hương vị, âm thanh -> tâm hồn tinh tế, hòa mình vào không gian tự do, khoáng đạt (Khi con tu hú).

- Cảm nhận không gian đêm trăng sáng giữa chốn lao tù: vô vàn thiếu thốn, gian khổ (không rượu, không hoa, không tự do) nhưng con người và thiên nhiên vẫn có sự giao hòa (người ngắm trăng, trăng ngắm người) nên thơ, thi vị... -> tâm hồn nhạy cảm, tình yêu thiên nhiên tha thiết của Bác. (Ngắm trăng)

* Luận điểm 2: Lòng yêu nước, sự khao khát tự do mãnh liệt.

- Tâm trạng ngọt ngào, u uất; lòng khao khát tự do, muốn phá tan căn phòng giam chật hẹp, tù túng trở về với tự do, với cuộc sống, về với hoạt động cách mạng còn đang dang dở. (Khi con tu hú)

- Cuộc vượt ngục bằng tinh thần, thoát ra khỏi chốn nhà lao tối tăm, chật chội để được thả hồn vào thiên nhiên thơ mộng, làm bạn với vầng trăng, với thiên nhiên. (Ngắm trăng)

* Luận điểm 3: Chất chiến sĩ hòa cùng chất thi sĩ.

- Hồ Chí Minh cảm nhận tất cả vẻ đẹp thanh cao của trăng như các thi nhân xưa -> Mở đầu bằng hình ảnh nhà tù với biết bao thiếu thốn, giữa bài thơ là trăng sáng, cuối bài thơ là hình ảnh con người trong thân phận bị giam cầm giữa song sắt đã trở thành nhà thơ đang say sưa mơ mộng -> phong thái ung dung tự tại, ý chí tinh thần lạc quan cách mạng, khát vọng tự do -> khúc hát tự do của người tù mang phong thái thi sĩ, chiến sĩ -> chất cổ điển kết hợp với chất hiện đại -> chất thép ở

con người Hồ Chí Minh. (Ngắm trăng)

- Hình ảnh một chàng trai trẻ sôi nổi, một thi nhân với tâm hồn nhạy cảm, khát vọng tự do qua bức tranh mùa hè tưởng tượng sinh động, sống động, rực rỡ sắc màu, hình ảnh -> nổi khắc khoải, day dứt khôn nguôi cả thể xác lẫn tâm hồn -> người chiến sĩ cộng sản tự đấu tranh với bản thân vượt lên bản thân để làm chủ mình, vượt lên những nghiệt ngã của lao tù, nuôi dưỡng ý chí giữ vững khí tiết và tinh thần đấu tranh cách mạng -> tiếng lòng của người chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi, tiếng thơ của một thi sĩ tràn đầy sức sống, sức trẻ... (Khi con tu hú)

*** Đánh giá:**

- Cả 2 bài thơ đều là những sáng tác của các chiến sĩ cách mạng, ra đời trong hoàn cảnh tù đầy khổ ải.

- Hình ảnh thơ quen thuộc nhưng đặc sắc, tinh tế thể hiện qua tâm hồn mẫn cảm. Thể thơ dân tộc, nhịp thơ nhanh, nhiều động từ, tính từ mạnh... (Khi con tu hú), thể thơ Đường luật giản dị mà hàm súc, ngôn ngữ chặt chẽ, nghệ thuật đối ... (Ngắm trăng).

- Những bức tranh thiên nhiên nhiều màu sắc, những cung bậc cảm xúc khác nhau... được thể hiện qua những tâm hồn mẫn cảm, con mắt tinh tế, óc tưởng tượng phong phú vượt lên trên tất cả lao tù, xiềng xích...

- Chất chiến sĩ hòa với chất thi sĩ, chất thơ hòa với chất thép.

- Liên hệ mở rộng

c. Kết bài:

- Khẳng định lại nội dung phân tích.

- Bày tỏ suy nghĩ của bản thân sau khi học xong tác phẩm.

ĐỀ SỐ 46:

Câu 1: (4,0 điểm)

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Nhưng, ô kìa! Sau trận mưa vùi dập và những cơn gió phũ phàng kéo dài suốt cả một đêm, tưởng chừng như không bao giờ dứt, vẫn còn một chiếc lá thường xuân bám trên bức tường gạch. Đó là chiếc lá cuối cùng trên cây. Ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng với rìa là hình răng cưa đã nhuốm màu vàng úa, chiếc lá vẫn dũng cảm treo bám vào cành cách mặt đất chừng hai mươi bộ.

(Chiếc lá cuối cùng - O Hen-ri)

- Chỉ rõ thán từ trong đoạn văn trên.
- Tìm các từ cùng trường từ vựng trong câu văn sau và nêu tác dụng của trường từ vựng đó: Ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng với rìa là hình răng cưa đã nhuốm màu vàng úa, chiếc lá vẫn dũng cảm treo bám vào cành cách mặt đất chừng hai mươi bộ.
- Nêu ý nghĩa của hình tượng chiếc lá trong đoạn văn trên.

Câu 2: (6,0 điểm)

Trong bài phát biểu nhân kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, giáo sư Vũ Khiêu đã nói:

Để giàu sang, một người có thể chỉ mất vài ba năm, nhưng để trở thành người có văn hóa có thể phải mất hàng chục năm, có khi cả cuộc đời.

Hãy trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên.

Câu 3: (10,0 điểm)

Nhà văn A-na tô-li Phơ-răng nói: Đọc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ một tâm hồn con người.

Em hiểu gì về câu nói trên của nhà văn Pháp? Cảm nhận của em về vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ cộng sản qua hai bài thơ Ngắm trăng (Hồ Chí Minh) và Khi con tu hú (Tố Hữu).

ĐÁP ÁN

Nội dung	Điểm
<p>Câu 1: (4.0 điểm)</p> <p>a. Thán từ: ô kìa (0,5 điểm)</p> <p>b. - Trường từ vựng màu sắc: xanh sẫm, vàng úa. (0,5 điểm)</p> <p>- Tác dụng: Miêu tả chiếc lá giống như thật: một chiếc lá thường xuân vừa trải qua một đêm mưa gió tưởng như sắp rụng vẫn dũng cảm đeo bám vào cành. (0,5</p>	4.0

<p>điểm)</p> <p>c. Ý nghĩa của hình tượng chiếc lá trong đoạn văn trên: (2,5 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác dụng trong việc xây dựng tình huống truyện (thất nút, mở nút bất ngờ mà hứng thú). (0,5 điểm) - Gọi nhiều liên tưởng: <ul style="list-style-type: none"> + Gọi liên tưởng đến số phận con người. Vì nghèo đói và bệnh tật mà Giôn-xi tuyệt vọng, bi quan về cuộc sống. (0,5 điểm) + Chiếc lá còn gọi liên tưởng đến ý chí, nghị lực của con người. (0,5 điểm) + Đặc biệt, chiếc lá cuối cùng là hình tượng đẹp thể hiện tình yêu thương giữa những người nghèo khổ. (1 điểm) 	
<p>Câu 2: Để giàu sang, một người có thể chỉ mất vài ba năm, nhưng để trở thành người có văn hóa có thể phải mất hàng chục năm, có khi cả cuộc đời.</p> <p>Hãy trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên.</p> <p>. Về kĩ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội, bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, vận dụng tốt các thao tác lập luận, dẫn chứng tiêu biểu, chọn lọc. - Bài viết trong sáng, mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. <p>. Về kiến thức:</p> <p>Học sinh có thể bày tỏ những suy nghĩ khác nhau, nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:</p>	6.0
<p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề. <p>b. Thân bài:</p> <p>* Giải thích ý kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn hóa: Một khái niệm rộng bao gồm mọi lĩnh vực của đời sống, từ khoa học cho đến nghệ thuật, từ đời sống tâm hồn, tâm linh đến thói quen sinh hoạt, thị hiếu thẩm mỹ, giao tiếp ứng xử,... của con người. - Khái niệm văn hóa trong câu nói của Vũ Khiêu bàn đến văn hóa của một người. Bằng những mệnh đề tương phản: giàu sang - có văn hóa; ba năm - chục năm, cả cuộc đời, nhà văn hóa Vũ Khiêu muốn khẳng định sự dày công trong việc dạy dỗ, giáo dục, rèn luyện để một con người trở nên có văn hóa. 	

*** Bàn luận, mở rộng vấn đề**

- Khẳng định ý kiến hoàn toàn đúng đắn và xác đáng.
- Để giàu sang, một người có thể chỉ mất vài ba năm: Với một con người, việc tạo lập một sản nghiệp, một cuộc sống đủ đầy có thể chỉ mất một thời gian ngắn. Sự cần cù và sáng tạo trong lao động có thể khiến họ nhanh chóng trở thành người giàu có. Để trở thành một người có văn hóa, có thể phải mất hàng chục năm, có khi cả cuộc đời:
- Để hình thành nền tảng văn hóa tri thức, con người cần rèn luyện, tích lũy trong khoảng thời gian hàng chục năm khi ngồi trên ghế nhà trường và trong suốt cả cuộc đời, Học, học nữa, học mãi (Lênin).
- Mỗi người phải mất cả cuộc đời để hoàn thiện những giá trị văn hóa tinh thần: Đó là vẻ đẹp tâm hồn với các giá trị đạo đức như: tình yêu thương, nhân ái, lòng vị tha, khoan dung, sự sẻ chia, đồng cảm; lòng yêu nước, ý thức dân tộc, cộng đồng; thái độ trân trọng lịch sử, trân trọng quá khứ; văn hóa giao tiếp ứng xử giữa người với người trong cuộc sống...
- Văn hóa tri thức và đạo đức nhân cách của con người có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Những người có trình độ văn hóa cao thường là những nhân cách đáng trọng. Tuy nhiên điều đó không hoàn toàn đúng với mọi trường hợp bởi trên thực tế, nhiều người có trình độ văn hóa cao vẫn có thể có những suy nghĩ ấu trĩ, vẫn có thể mắc những sai lầm trong giao tiếp ứng xử.
- Vì vậy song song với việc bồi đắp tri thức văn hóa, con người ta còn phải học làm người, tăng cường rèn luyện kỹ năng sống.

*** Bài học nhận thức và hành động**

- Việc rèn luyện để trở thành con người có văn hóa là quan trọng, cần thiết.
- Để đào luyện một con người có văn hóa cần có sự chung tay của cả gia đình, nhà trường, xã hội. **Tuy nhiên yếu tố quyết định là ở mỗi người, ở việc trau dồi ý thức làm người.**

c. Kết bài:

- Khẳng định ý nghĩa của câu nói.
- Liên hệ mở rộng.

Câu 3:
Nhà văn A-na-tô-li Phơ-răng nói: ***Đọc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ một tâm***

10.0

<p>hồn con người.</p> <p>Em hiểu gì về câu nói trên của nhà văn Pháp? Cảm nhận của em về vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ cộng sản qua hai bài thơ Ngắm trăng (Hồ Chí Minh) và Khi con tu hú (Tố Hữu).</p>	
<p>a. Mở bài</p> <p>- Dẫn dắt, đưa nhận định.</p> <p>b. Thân bài</p> <p>* Giải thích</p> <p>Đúng như nhà văn A-na tô-li Phơ-răng đã nói: “Đọc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ một tâm hồn con người”. Có nghĩa là đọc một câu thơ, chúng ta không chỉ cảm nhận được vẻ đẹp của ngôn từ mà còn cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ gửi gắm trong đó. Bởi thơ là tiếng nói của tâm hồn, tình cảm con người. Mỗi câu thơ ra đời là kết quả của những trăn trở, suy tư, nung nấu ở người nghệ sĩ.</p> <p>* Chứng minh:</p> <p>HS tìm các phương diện vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ của cả hai bài thơ để phân tích. (Hoặc có thể phân tích vẻ đẹp tâm hồn người chiến sĩ theo từng bài thơ). Sau đây là gợi ý:</p> <p>*.1. Dù sống trong ngục tù nhưng những người chiến sĩ vẫn dành cho thiên nhiên một tình yêu sâu sắc:</p> <p>- Trong bài thơ “Khi con tu hú”:</p> <p>+ Tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống khiến người tu tưởng tượng một mùa hè chan hoà ánh sáng, rực rỡ sắc màu rộn ràng âm thanh và ngọt ngào hương vị (dẫn chứng)</p> <p>- Bài thơ “Ngắm trăng”:</p> <p>+ Bác nghĩ đến trăng và việc ngắm trăng ngay cả khi bản thân bị giam cầm, đầy đọa. Người thiếu mọi nghi thức thông thường. Cái thiếu “rượu” và “hoa” là</p>	<p>6.0</p>

cái thiếu của một thi nhân chứ không phải là cái thiếu của một tù nhân (dẫn chứng)

+ Sự xôn xang, bồi hồi rất nghệ sĩ trước cảnh đẹp đêm trăng của Bác (dẫn chứng)

+ Sự giao hoà tự nhiên, tuyệt vời giữa con người và vàng trăng tri kỷ. Qua nghệ thuật đối và nhân hoá làm nổi bật tình cảm song phương, cho thấy mối quan hệ gắn bó tri âm giữa trăng và người (dẫn chứng)

***.2. Họ luôn khao khát tự do mãnh liệt:**

- Niềm khao khát mãnh liệt về với tự do còn được bộc lộ trực tiếp trong những câu cuối: d/c. Cách ngắt nhịp độc đáo, kết hợp với những từ ngữ mạnh (đập tan phòng, chết uất) và những từ cảm thán (ôi, làm sao, thôi) làm nổi bật cái cảm giác ngột ngạt cao độ, niềm khao khát cháy bỏng muốn thoát ra khỏi cảnh ngục tù để trở về với cuộc sống tự do bên ngoài. Tiếng chim tu hú mở đầu và kết thúc bài thơ đã tạo nên một sự hô ứng. Tiếng chim ban đầu là âm thanh đẹp của tự nhiên gọi lên trong tâm hồn người tù cách mạng trẻ tuổi một mùa hè tự do, khoáng đạt đầy sức sống. Còn tiếng chim tu hú ở cuối bài thơ lại là âm thanh giục giã, như thúc giục những hành động sắp tới.

- Còn Bác luôn hướng ra ánh sáng. Đó là vàng trăng, là bầu trời, là tự do và đó cũng là hy vọng, là tương lai.

***.3. Người chiến sĩ cộng sản ấy cũng mang một phong thái ung dung, lạc quan trong bất kỳ hoàn cảnh nào:** Hoàn cảnh khắc nghiệt của nhà tù Tưởng Giới Thạch không trói buộc được tinh thần và tâm hồn người tù, không làm mất đi nét thư thái ung dung vốn sẵn có ở Bác. Bác tự do rung động với vàng trăng, với cảnh đẹp bất chấp hoàn cảnh, bất chấp cái song sắt tàn bạo - biểu tượng cụ thể của nhà tù (cuộc vượt ngục tinh thần).

***Đánh giá, nâng cao:**

- Như vậy, qua hai bài thơ, người đọc sẽ hiểu hơn về tâm hồn của người chiến sĩ cộng sản khi ở trong tù. Và vẻ đẹp tâm hồn của họ là cội nguồn tạo nên vẻ đẹp, giá trị tác phẩm.

<p>- Đọc thơ hay, gặp gỡ tâm hồn người nghệ sĩ, người đọc thơ được thanh lọc, hoàn thiện tâm hồn mình.</p> <p>c. Kết bài</p> <p>- Khẳng định lại nhận định và cảm nghĩ, ..</p> <p>- Liên hệ mở rộng (nếu có)</p>	
--	--

ĐỀ SỐ 47:

Câu 1: (8,0 điểm)

Người có tính tự lập thường gặt hái được nhiều thành công trong cuộc sống, mặc dù phải trải qua nhiều gian khổ, khó khăn.

Trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên bằng một bài văn nghị luận khoảng 300 chữ.

Câu 2: (12,0 điểm)

Mở đầu tập thơ “Nhật kí trong tù”, Hồ Chí Minh đã viết:

“Thân thể ở trong lao,

Tinh thần ở ngoài lao.”

Em hiểu hai câu thơ trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ điều đó qua hai bài thơ “Ngắm trăng” (Vọng nguyệt) của Hồ Chí Minh và “Khi con tu hú” của Tố Hữu.

ĐÁP ÁN

Nội dung cần đạt	Điểm
<p>Câu 1: <i>Người có tính tự lập thường gặt hái được nhiều thành công trong cuộc sống, mặc dù phải trải qua nhiều gian khổ, khó khăn.</i></p> <p>. Yêu cầu chung:</p> <p>Học sinh biết viết bài văn nghị luận xã hội ngắn, đúng hình thức có bố cục mạch lạc, luận điểm rõ ràng, luận cứ xác thực, lập luận chặt chẽ, đủ dung lượng (khoảng 300 chữ).</p> <p>- Biết vận dụng một số thao tác lập luận để bày tỏ suy nghĩ,</p>	8,0

<p>quan điểm của bản thân.</p> <p>Về nội dung trình bày: Học sinh cần xác định đúng vấn đề nghị luận có thể có nhiều cách diễn đạt khác nhau song cần đảm bảo một số nội dung cơ bản sau:</p>	
<p>a. Mở bài: Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận, trích dẫn ý kiến.</p> <p>b. Thân bài:</p> <p>* Giải thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự lập là tự làm lấy, tự giải quyết công việc của mình, tự lo liệu, tạo dựng cho cuộc sống của mình, không trông chờ, dựa dẫm phụ thuộc vào người khác. - Thành công là đạt được kết quả như mong muốn, thực hiện được mục tiêu đề ra. <p>-> Ý kiến trên khẳng định vai trò của tính tự lập trên con đường thành công của mỗi người dù phải trải qua nhiều khó khăn, gian khổ.</p> <p>* Bàn luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Vì sao những người có tính tự lập thường gặt hái được nhiều thành công trong cuộc sống, mặc dù phải trải qua nhiều gian khổ, khó khăn?</i> + Tự lập thể hiện sự tự tin, bản lĩnh cá nhân, dám đương đầu với những khó khăn, thử thách... + Tự lập sẽ có ý chí, nỗ lực phấn đấu vươn lên trong học tập trong công việc và trong cuộc sống. + Người có tính tự lập thường thành công trong cuộc sống và xứng đáng nhận được sự kính trọng của mọi người. <p>Học sinh lấy dẫn chứng phù hợp.</p> <p>Mở rộng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phê phán những người không có tính tự lập, ỷ lại, luôn trông chờ, phụ thuộc vào người khác... - Tự lập không có nghĩa là tự cô lập, tự tách mình ra khỏi tập thể... <p>* Bài học nhận thức và hành động:</p> <p>Tự lập là đức tính đáng quý, cần rèn luyện thường xuyên để có được.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh cần phải rèn luyện tính tự lập ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà 	

<p>trường trong học tập, công việc và sinh hoạt hàng ngày...</p> <p>c. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định lại vấn đề nghị luận. - Liên hệ mở rộng. 	
<p>Câu 2: <i>Thân thể ở trong lao,</i> <i>Tinh thần ở ngoài lao.”</i></p> <p>Em hiểu hai câu thơ trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ điều đó qua hai bài thơ</p> <p>“Ngắm trăng” (Vọng nguyệt) của Hồ Chí Minh và “Khi con tu hú” của Tố Hữu.</p> <p>. Về hình thức trình bày:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài viết đảm bảo bố cục 3 phần Mở bài - Thân bài - Kết bài. - Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. <p>. Về nội dung trình bày: Học sinh xác định đúng vấn đề và phạm vi nghị luận, có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các nội dung sau:</p>	12,0
<p>a. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu hai câu thơ của Hồ Chí Minh. - Dẫn vào hai bài thơ Ngắm trăng (Vọng nguyệt) của Hồ Chí Minh và Khi con tu hú của Tố Hữu. <p>b. Thân bài</p> <p>*. Giải thích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung của hai câu thơ trên là: nhà tù của Tưởng Giới Thạch chỉ có thể giam cầm được thể xác chứ không thể giam cầm được tinh thần của người chiến sĩ cách mạng.. - Nội dung ấy được thể hiện qua hai bài thơ là: tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống và tình yêu nước, khát vọng tự do của người tù - người chiến sĩ cách mạng. <p>* Chứng minh qua hai bài thơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn cảnh sáng tác: Cả hai bài thơ đều được sáng tác trong hoàn cảnh tù đầy nhưng đã làm nổi bật vẻ đẹp tinh thần 	

của người chiến sĩ cách mạng.

***.1. Luận điểm 1: “Tinh thần ở ngoài lao” là tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống tha thiết.**

- Khi con tu hú-Tổ Hữu:

+ Bức tranh mùa hè rực rỡ, tràn đầy sức sống được cảm nhận bằng nhiều giác quan, vừa có hình ảnh, màu sắc, lại có cả hương vị, âm thanh tiếng chim tu hú, tiếng ve ngân, đồng lúa chín, sân bắp vàng, nắng hồng, đôi con diều sáo tự do bay lượn...

+ Nghệ thuật: trí tưởng tượng phong phú, sử dụng từ ngữ đặc sắc, đặc biệt các tính từ chỉ màu sắc...

Mặc dù đang bị giam cầm trong nhà tù thực dân nhưng chỉ một tiếng chim tu hú vọng vào đã làm bùng dậy cả một mùa hè rực rỡ, sôi động, tràn đầy sức sống. Qua đó, ta thấy được tâm hồn tinh tế, nhạy cảm tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống tha thiết và tinh thần lạc quan của người tù cách mạng.

- Ngắm trăng - Hồ Chí Minh:

+ Không gian đêm trăng sáng giữa chốn lao tù vô vàn thiếu thốn gian khổ (không rượu, không hoa, không tự do) nhưng con người và thiên nhiên vẫn có sự giao hòa (người ngắm trăng, trăng ngắm người). Trong tâm hồn của Bác vẫn hiện hữu một đêm trăng đẹp nên thơ, thi vị.

+ Nghệ thuật: điệp ngữ, nhân hóa, đối,...

Qua đó, ta thấy được tâm hồn nhạy cảm tình yêu thiên nhiên tha thiết, tinh thần lạc quan, vượt lên trên hoàn cảnh ngục tù của Bác.

Điều đó chứng tỏ nhà tù chỉ có thể giam cầm về thể xác chứ

không thể giam cầm tâm hồn tràn đầy tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống của người chiến sĩ cách mạng.

***.2. Luận điểm 2: “Tinh thần ở ngoài lao” là lòng yêu nước, khát vọng tự do mãnh liệt.**

- Khi con tu hú– Tổ Hữu:

+ Tâm trạng ngột ngạt, u uất; lòng khao khát tự do, muốn phá tan phòng gian chật hẹp, tù túng, trở về với tự do, với cuộc sống, để tiếp tục hoạt động cách mạng...

+ Nghệ thuật: sử dụng động từ mạnh, câu cảm thán,...

- Ngắm trăng - Hồ Chí Minh:

+ Cuộc vượt ngục bằng tinh thần thoát ra khỏi chốn nhà lao tối tăm, chật chội để được thả hồn vào thiên nhiên thơ mộng, làm bạn với vầng trăng, với thiên nhiên.

+ Nghệ thuật: nhân hóa, đối xứng...

- *Mặc dù trong hoàn cảnh tù ngục gian khổ, nguy hiểm nhưng người chiến sĩ cách mạng vẫn luôn yêu nước, giữ vững ý chí, khát khao tự do để tiếp tục sự nghiệp cách mạng cứu dân, cứu nước.*

***.3. Luận điểm 3: Sự kết hợp hài hòa giữa chất chiến sĩ (chất thép) và chất thi sĩ (chất thơ) tạo nên vẻ đẹp tinh thần của người chiến sĩ cách mạng trong hoàn cảnh tù đầy.**

- Ngắm trăng của Hồ Chí Minh: tình yêu thiên nhiên hòa quyện với lòng yêu nước, phong thái ung dung, lạc quan của Bác...

- Khi con tú hú của Tố Hữu: sự kết hợp hài hòa giữa tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống và khao khát tự do để tiếp tục hoạt động cách mạng...

* Đánh giá khái quát:

- Nghệ thuật: Hình ảnh thơ quen thuộc nhưng đặc sắc, thể thơ dân tộc truyền thống, nhịp thơ linh hoạt, nhiều động từ, tính từ mạnh... (Khi con tu hú); thể thơ Đường luật hàm súc, ngôn ngữ chọn lọc, các biện pháp tu từ đặc sắc...(Ngắm trăng).

- Nội dung: Cả hai bài thơ đều là những sáng tác của các chiến sĩ cách mạng trong hoàn cảnh bị giam cầm khổ ải nhưng đã thể hiện rất đẹp sức mạnh tinh thần của người chiến sĩ cách mạng.

- Khái quát nội dung chứng minh.

c. Kết bài:

- Khẳng định lại vấn đề nghị luận.

Nêu suy nghĩ của bản thân

ĐỀ SỐ 48:

I. ĐỌC- HIỂU (5,0 điểm):

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới

Cách đây hàng triệu năm, sa mạc Sahara còn là những khu rừng xanh tốt, cây cối um tùm. Các loài cây đều thỏa thuê hút và tận hưởng dòng nước ngầm dồi dào mát lành và thi nhau đâm cành trở lá xum xuê. Riêng có cây sồi Tenere là vẫn chịu khó đâm xuyên những chiếc rễ của mình xuống tận sâu dưới lòng đất. Cho đến một ngày kia khi nguồn nước ngầm như vô tận bỗng cạn kiệt dần rồi biến mất hẳn, các loài cây đều không chịu nổi hạn hán và chết dần, duy chỉ có cây sồi Tenere là vẫn còn tồn tại giữa sa mạc Sahara. Tên tuổi của nó được cả thế giới biết đến khi một mình đứng giữa sa mạc, xung quanh bán kính 400km không một bóng cây nào bầu bạn. Người ta kinh ngạc khi phát hiện ra rễ cây đã đâm sâu xuống đất tận 36m để tìm nước.

Bạn có thấy rằng trong cuộc sống cũng có một dòng chảy luôn vận động không ngừng không? Đó chính là thời gian; nó quan trọng như là nước đối với cây cối.

Sẽ có những người chỉ sử dụng thời gian để lớn lên, hưởng những thú vui đời thường và rồi những thách thức cuộc đời sẽ đánh gục họ, khiến họ phải đau khổ, giống như những cái cây chỉ biết “hút và tận hưởng”.

Nhưng có những người có sự chuẩn bị tốt, họ học cách sử dụng thời gian hiệu quả, họ đầu tư cho sự phát triển bản thân cũng giống như cây sồi đầu tư cho sự phát triển bộ rễ của mình.

Họ hiểu triết lý: Bộ rễ yếu ớt không thể nào giữ được cái thân to khỏe. Bạn khó có thể thành công nếu không có sự chuẩn bị tốt về những kỹ năng và kiến thức nền tảng.

(Phỏng theo Hạt giống tâm hồn – Câu chuyện về cây sồi, <http://saostar.vn>)

Câu 1 (0,5đ): Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên.

Câu 2 (0,5đ): Theo tác giả, thời gian quan trọng như thế nào?

Câu 3 (1,0đ): Chỉ ra tác hại của việc sử dụng thời gian không hiệu quả và không đúng mục đích của mà tác giả nói đến thông qua hình ảnh “những cái cây chỉ biết “hút và tận hưởng”” trong văn bản.

Câu 4(1,0 đ): Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ từ vựng được sử dụng trong câu văn: “Nhưng có những người có sự chuẩn bị tốt, họ học cách sử dụng thời gian hiệu quả, họ đầu tư cho sự phát triển bản thân cũng giống như cây sồi đầu tư cho sự phát triển bộ rễ của mình”.

Câu 5 (1,0đ) Em hiểu như thế nào về ý nghĩa biểu tượng của hai hình ảnh: Hình ảnh cây sồi Tenere với bộ rễ đâm sâu xuống lòng đất để tìm kiếm nguồn nước và hình ảnh những loài cây khác chỉ biết “hút và tận hưởng”?

Câu 6 (1,0đ): Văn bản trên gửi gắm đến bạn đọc những thông điệp nào? Thông điệp nào có ý nghĩa nhất đối với em? Vì sao?

II. LÀM VĂN

Câu 1(5,0đ) Từ nội dung đoạn trích ở phần đọc hiểu, em hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của mình về ý kiến: **“Bạn khó có thể thành công nếu không có sự chuẩn bị tốt về những kỹ năng và kiến thức nền tảng”**.

Câu 2 (10,0đ)

Thơ ca Việt Nam hiện đại đã khắc hoạ thành công hình tượng người chiến sĩ cộng sản. Em hãy làm nổi bật vẻ đẹp của hình tượng này qua bài thơ *Khi con tu hú* của nhà thơ Tố Hữu.

-----Hết-----

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
I. ĐỌC- HIỂU	5,0
1. Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích: Nghị luận.	0,5
2. Theo tác giả, thời gian quan trọng đối với mỗi người giống như nước quan trọng và quý giá với cây cối.	0,5
3. “Những cái cây chỉ biết hút và tận hưởng” giống như những người chỉ sử dụng thời gian để lớn lên, hưởng những thú vui đời thường và rồi họ chẳng thể vượt qua được những thách thức cuộc đời, khiến họ phải đau khổ, thậm chí sự sống có thể bị đe dọa -> Đó chính là tác hại của việc sử dụng thời gian không hiệu quả và không đúng mục đích của mà tác giả nói đến	1.0

<p>3. -Phép tu từ được sử dụng trong câu văn là phép so sánh: “Những người có sự chuẩn bị tốt... giống như cây sồi đầu tư...”</p> <p>-Tác dụng:</p> <p>+ Làm cho diễn đạt trở nên sinh động hơn.</p> <p>+ Nhấn mạnh ý của câu văn, khẳng định tầm quan trọng của việc sử dụng thời gian chính là đầu tư tốt nhất cho sự phát triển bản thân. Với cây sồi nói riêng và cây cối nói chung, rễ là bộ phận quan trọng nhất của cây, quyết định sự sống còn của cây cối. Tương tự như vậy, con người muốn tồn tại thì nhất định phải biết cách đầu tư cho sự phát triển bản thân.</p>	<p>0,25</p> <p>0,75</p>
<p>4. Ý nghĩa biểu tượng của hai hình ảnh:</p> <p>+ Hình ảnh cây sồi Tenere với bộ rễ đâm sâu xuống lòng đất để tìm kiếm nguồn nước là biểu tượng cho những người biết tranh thủ thời gian để học tập mọi kỹ năng và kiến thức cần thiết để sinh tồn trong xã hội phát triển và đầy tính cạnh tranh hiện nay.</p> <p>+ Hình ảnh những cây chỉ biết “hút và tận hưởng” là biểu tượng cho những người chỉ biết lãng phí thời gian vào những việc vô bổ, hưởng thụ lạc thú của cuộc đời mà không biết lo xa, phòng bị trước cho bản thân.</p>	<p>1,0</p>
<p>5. Hai thông điệp:</p> <p>- Thông điệp về thái độ sống biết lo xa, phòng trước mọi biến cố không may trong cuộc đời.</p> <p>- Thông điệp về việc tranh thủ thời gian để học hỏi mọi kiến thức và kỹ năng cần thiết.</p> <p>- Hs chọn một thông điệp có ý nghĩa nhất đối với mình và lí giải lí do.</p> <p>(Ví dụ: Cần phải biết lo xa và phòng trước mọi biến cố trong cuộc đời vì cuộc đời là một hành trình sống rất dài. Đi trên hành trình ấy, con người không chỉ phải trải qua những khó khăn, gian khổ mà còn đối mặt với những biến cố, bất trắc có thể xảy đến bất cứ lúc nào. Nếu không biết lo xa, phòng trước con người sẽ bị bất ngờ, không có khả năng ứng phó và sẽ không thể vượt qua những biến cố bất ngờ ấy...)</p>	<p>1,0</p>

<p>II. LÀM VĂN</p> <p>Câu 1:</p> <p>Từ nội dung đoạn trích ở phần đọc hiểu, em hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của mình về ý kiến: “Bạn khó có thể thành công nếu không có sự chuẩn bị tốt về những kỹ năng và kiến thức nền tảng”.</p> <p>Yêu cầu về kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hs biết làm một bài văn NLXH - Bài viết có bố cục rõ ràng, kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, lời văn trong sáng, ít mắc lỗi về dùng từ, ngữ pháp <p>Yêu cầu về nội dung: Hs có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau nhưng cần làm rõ những yêu cầu cơ bản sau:</p>	5,0
<p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu vấn đề nghị luận. - Trích dẫn ý kiến. <p>b. Thân bài:</p> <p>*Giải thích</p> <ul style="list-style-type: none"> - “Thành công”: đạt được kết quả, mục đích như dự định - “Kỹ năng”: Khả năng vận dụng những kiến thức đã thu nhận được trong một lĩnh vực nào đó áp dụng vào thực tế. - “Kiến thức”: những hiểu biết có được do từng trải, hoặc do học tập. <p>=> Ý kiến khẳng định: muốn có được thành công trong cuộc sống cần phải có sự chuẩn bị tốt cả về kỹ năng và kiến thức cơ bản.</p> <p>* Bàn luận: Ý kiến trên đúng đắn, sâu sắc, thấm thía.</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thành công luôn là đích đến của mỗi con người trong cuộc sống. Con đường đi đến thành công luôn có những khó khăn, thử thách. Vì vậy, cần biết vượt qua những khó khăn, tận dụng những thuận lợi để đạt mục đích của mình. - Kỹ năng và kiến thức là nền tảng để có được thành công. + Việc tích lũy kiến thức giúp con người tăng vốn hiểu biết để khám phá thế giới, khẳng định bản thân, vươn tới thành công. + Việc rèn luyện kỹ năng sống giúp con người thích ứng và hòa nhập với 	

<p>môi trường sống</p> <p>(Dẫn chứng từ thực tế cuộc sống, học tập để minh họa)</p> <p>-Phê phán những người không có ý thức chuẩn bị kiến thức, kỹ năng.</p> <p>* Bài học nhận thức và hành động</p> <p>- Nhận thức được tầm quan trọng của việc chuẩn bị tốt kiến thức và kỹ năng nền tảng để hoàn thiện bản thân, vươn đến thành công.</p> <p>- Có ý thức chăm chỉ, không ngừng nỗ lực học tập để làm giàu có vốn kiến thức và rèn luyện những kỹ năng của bản thân.</p> <p>- Chuẩn bị tốt kiến thức, kỹ năng nền tảng phải gắn liền với việc thực hành những kiến thức và kỹ năng ấy mới đem lại hiệu quả cao.</p> <p>c. Kết bài:</p> <p>- Khẳng định tầm quan trọng của việc chuẩn bị kiến thức, kỹ năng.</p> <p>- Liên hệ mở rộng.</p>	
<p>Câu 2: Thơ ca Việt Nam hiện đại đã khắc họa thành công hình tượng người chiến sĩ cộng sản. Em hãy làm nổi bật vẻ đẹp của hình tượng này qua bài thơ <i>Khi con tu hú</i> của nhà thơ Tố Hữu.</p> <p>Yêu cầu về kĩ năng</p> <p>- Hs biết làm một bài văn NLVH, vận dụng tốt các thao tác lập luận.</p> <p>- Bài viết có bố cục rõ ràng, hợp lý; tổ chức, sắp xếp hệ thống các ý logic, lập luận chặt chẽ.</p>	<p>10,0</p>
<p>a. Mở bài:</p> <p>- Giới thiệu tác giả, tác phẩm: Tố Hữu là một nhà thơ nổi tiếng của nước ta trong giai đoạn 1930 - 1945. Bài thơ “Khi con tu hú” là một trong những bài thơ nổi tiếng nhất của Tố Hữu.</p> <p>- Khái quát nội dung tác phẩm: “Khi con tu hú” thể hiện tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống và khát khao tự do mãnh liệt của người tù cách mạng.</p> <p>b. Thân bài:</p> <p>* Khái quát về bài thơ</p> <p>- Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ được Tố Hữu sáng tác trong khoảng thời gian</p>	

bị giam tại nhà lao Thừa Phủ (Huế), trong không gian chật hẹp và tối tăm của nhà tù.

*** Phân tích:**

***. 1: Cảm nhận về bức tranh mùa hè yên bình, tươi đẹp (6 câu thơ đầu)**

- Âm thanh:

+ Tiếng chim tu hú kêu

+ Tiếng ve ngân

+ Tiếng diều sáo vi vu trên trời

-> Âm thanh báo hiệu hè sang, như một bản nhạc sôi động đầu mùa.

- Màu sắc:

+ Màu vàng của lúa chín, của bắp ngô

+ Màu vàng hồng của nắng mới

+ Màu xanh thẳm của bầu trời

- Hình ảnh: cánh đồng lúa chín, trái cây bắt đầu chín -> báo hiệu mùa hè, bước chuyển mình của thời gian từ xuân qua hạ.

- Đường nét: diều sáo “lộn nhào” giữa nền trời xanh thẳm -> cảnh vật, đường nét có đôi có cặp, thể hiện sức sống.

-> Báo hiệu mùa hè đến, thời điểm vụ mùa lúa chiêm chín vàng trên cánh đồng, trong vườn cây hoa trái đang chín ngọt thơm hương.

=> Bức tranh mùa hè tươi mới, sinh động, tràn đầy sức sống qua con mắt của một tâm hồn trẻ trung, yêu đời và tình yêu thiên nhiên tha thiết, cháy bỏng.

***. 2: Cảm nhận về tâm trạng, cảm xúc của người tù cách mạng (4 câu thơ cuối)**

- Trước khung cảnh tràn đầy sức sống của mùa hè, tâm trạng người tù cách mạng dường như đang bí bách, ngột ngạt hơn bao giờ hết.
- + Động từ mạnh: “đạp”, “ngột”, “chết uất”
- + Một loạt từ cảm thán: “ôi!”, “làm sao”, “thôi!”
- + Kết thúc bằng một câu cảm thán
- + Nhịp thơ thay đổi: 6/2, 3/3
- Hồi tưởng về những hình ảnh bình dị, thân thuộc nơi cuộc sống làng quê và rồi đẩy nỗi nhớ của mình lên cao độ.
- Nhà thơ muốn phá tan xiềng xích, muốn được hòa mình vào không gian mùa hè, và hơn hết là muốn được tự do, khát khao tuổi trẻ cứ thế sục sôi hừng hực trong lòng tác giả.
- Tiếng chim tu hú được lặp lại 2 lần ở câu mở đầu và câu kết thúc: kết cấu đầu cuối tương ứng, tạo ra sự logic.
- => **Tiếng chim tu hú hay chính là tiếng gọi của sự tự do, tiếng gọi của cuộc sống đang hồi hả, rộn rập, thúc giục niềm khao khát tự do, thoát khỏi chốn ngục tù, và sâu xa hơn là khao khát đất nước được hòa bình độc lập đang cháy hừng hực nơi tâm hồn người chiến sĩ trẻ. Cái tôi của nhân vật trữ tình chính là cái tôi của người tù cộng sản với vẻ đẹp tâm hồn đáng trân trọng.**
- * **Đánh giá chung:**
 - Bài thơ *Khi con tu hú* là phác họa chân dung, tâm hồn của một chiến sĩ cách mạng trẻ trung, đang khao khát được cống hiến cho cách mạng với bầu nhiệt huyết của tuổi trẻ. Đó là nỗi lòng của một thanh niên vừa bắt gặp lí tưởng cách mạng lại bị giam cầm trong nhà tù thực dân.
 - Về nghệ thuật: Bài thơ *Khi con tu hú* thuộc thể thơ lục bát, giọng điệu, ngôn từ sôi nổi, trẻ trung, phù hợp với tâm trạng của người thanh niên cộng

sản ở lứa tuổi mười tám đôi mươi.

c. Kết bài:

- Bài thơ đã khắc hoạ thành công hình tượng người chiến sĩ cộng sản. Đó chính là nỗi lòng sục sôi, khao khát tự do, độc lập của tất cả người dân Việt Nam đang trong hoàn cảnh mất nước
- Liên hệ và đánh giá tác phẩm: Tố Hữu là một nhà thơ tài năng, tinh tế với một tấm lòng mộc mạc, giản dị, luôn hướng đến cuộc sống của nhân dân và độc lập tự do dân tộc.

ĐỀ SỐ 49:**I. ĐỌC HIỂU (6 điểm).**

Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:

(1) “Thế giới cần nâng niu quá đổi. Ta sống đời lại thô tháp làm sao. Ta làm tổn thương những dòng sông. Ta làm tổn thương những mặt đầm. Ta làm tổn thương những mảnh vườn. Ta làm tổn thương những mùa hoa trái. Ta làm tổn thương những bình minh yên ả. Ta làm tổn thương những canh khuya trong vắng. Ta làm đau những niềm người quá đổi mong manh...

(2) Mặt đất ngàn đời quen tha thứ. Đại dương bao la quen độ lượng. Cánh rừng mênh mông quen trầm mặc. Những dòng sông quen chảy xuôi. Những hồ đầm quen nín lặng. Những nẻo đường quen nhẵn nhịn. Những góc vườn quen che giấu. Những thâm rêu vốn không biết đổi hờn. Những đoá hoa không bao giờ chì chiết. Những giấc mơ chỉ một mực bao dung. Những yêu thương không bao giờ trả đũa... Và ta cứ yên chí đi qua thế giới này với bước chân quen xéo lên cỏ hoa. Thỉnh thoảng bàn chân nên bị gai đâm, để ta được giật mình: tổn thương là rỉ máu”.

(Chu Văn Sơn, *Nên bị gai đâm*)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2. Em hãy cho biết chủ đề của đoạn văn (1).

Câu 3. Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp nghệ thuật nổi bật được sử dụng trong đoạn văn (2).

Câu 4. Theo em, tại sao tác giả lại cho rằng: “*Thỉnh thoảng bàn chân nên bị gai đâm, để ta được giật mình: tổn thương là rỉ máu.*”?

II. TẠO LẬP VĂN BẢN (14 điểm).

Câu 1. Từ nội dung ở phần đọc – hiểu, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ, tương đương 20 – 25 dòng) nêu suy nghĩ của em về *lòng vị tha*.

Câu 2. Giáo sư, nhà giáo, nhà lý luận - phê bình văn học Lê Ngọc Trà có nhận định cho rằng: “*Nghệ thuật bao giờ cũng là tiếng nói tình cảm của con người, là sự tự giải bày và gửi gắm tâm tư.*”.

Em hiểu nhận định trên như thế nào? Phân tích bài thơ “Khi con tu hú” (Tố Hữu) để làm sáng tỏ nhận định trên. Liên hệ với bài thơ “Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh, Ngữ văn 7, tập 2) để làm rõ sự “*tự giải bày và gửi gắm tâm tư*” của nhà thơ.

--- Hết ---

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
ĐỌC - HIỂU	
1. Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận.	0,5
2. Chủ đề đoạn văn: Con người ta quá vô tình trước những tội lỗi, tổn thương do chính mình gây nên đối với thế giới tự nhiên và người khác.	1,0
3. - Biện pháp nghệ thuật nổi bật: Điệp từ (<i>quen</i>), điệp cấu trúc câu (<i>Những ... quen ...</i>).	1,0
- Tác dụng:	1,0
+ Nhấn mạnh sự vô tư, bao dung, rộng lượng, tha thứ và sẻ chia của tự nhiên đối với con người.	0,5
+ Tạo cho đoạn văn giàu tính nhạc.	
4. - Vì con người ta quá vô tư trước những tổn thương mà mình gây ra cho kẻ khác vì vậy mà bản thân chúng ta cũng nên bị “thương” để hiểu được tổn thương người khác cũng chính là làm đau chính mình và mọi người, tổn thương chính là rỉ máu.	1,0
- Lúc ấy ta sẽ biết yêu thương, chia sẻ; ta sẽ hòa vào thế giới này bằng trái tim độ lượng, bao dung, sẽ biết thấu hiểu, trân trọng, nâng niu thiên nhiên, đồng loại, dẹp bỏ đi thói vị kỉ, vô tâm, thờ ơ vô cảm để quan tâm nhiều hơn đến mọi người.	1,0
II. LÀM VĂN	
Câu 1: Từ nội dung ở phần đọc – hiểu, em hãy viết một đoạn văn	4,0

<p>(khoảng 200 chữ, tương đương 20 – 25 dòng) nêu suy nghĩ của em về lòng vị tha.</p> <p>. Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn nghị luận: Mở đoạn giới thiệu vấn đề nghị luận; Thân đoạn làm rõ vấn đề nghị luận, triển khai được luận điểm; Kết đoạn khái quát được nội dung nghị luận.</p> <p>. Xác định đúng vấn đề nghị luận</p> <p>. HS triển khai vấn đề nghị luận cụ thể, rõ ràng. Có thể trình bày theo định hướng sau</p>	
<p>- Giải thích khái niệm: Vị tha là biết quan tâm, chăm lo một cách vô tư đến lợi ích của người khác mà hi sinh lợi ích của cá nhân mình. Lòng vị tha ở con người chứng tỏ một tinh thần vô cùng bao dung, nhân ái.</p> <p>- Biểu hiện của lòng vị tha: thể hiện ở thái độ vô tư, không mưu toan tính toán khi giúp đỡ người khác làm một việc gì đó. Sẵn sàng giúp đỡ bạn bè, biết cảm thông giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, sẵn sàng tha thứ cho lỗi lầm của người khác, biết quan tâm đến những người xung quanh, sống hoà mình với mọi người, biết yêu thương đồng bào, đồng loại....</p> <p>- Vai trò của lòng vị tha: đối với bản thân, con người sẽ cảm thấy thanh thản trước cuộc đời bởi thấy rằng mình có ích, được mọi người mến yêu, quý trọng. Đối với mọi người: lòng vị tha giúp người khác thấy cuộc có ý nghĩa, góp phần làm cho xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.</p> <p>- Mở rộng: Phê phán thái độ sống ích kỉ, chỉ biết quan tâm đến lợi ích bản thân, có khi vì mình mà làm hại cho tập thể, cho dân, cho nước.</p> <p>- Bài học: Lòng vị tha là đức tính quý báu cần có của mỗi con người. Sống vị tha mỗi người sẽ cảm thấy thêm yêu cuộc sống, có động lực để sống tốt hơn trong cuộc đời này.</p>	0,25
<p>Câu 2:</p> <p>“Nghệ thuật bao giờ cũng là tiếng nói tình cảm của con người, là sự tự giải bày và gửi gắm tâm tư.”.</p>	10,0

<p>Em hiểu nhận định trên như thế nào? Phân tích bài thơ “Khi con tu hú” (Tố Hữu) để làm sáng tỏ nhận định trên. Liên hệ với bài thơ “Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh, Ngữ văn 7, tập 2) để làm rõ sự “tự giải bày và gửi gắm tâm tư” của nhà thơ.</p>	
<p>. <i>Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận</i>: Có đầy đủ phần Mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu vấn đề nghị luận; Thân bài làm rõ được nhận định, triển khai được các luận điểm; kết bài khái quát được nội dung nghị luận.</p> <p><i>Xác định đúng vấn đề nghị luận</i></p> <p>. <i>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự nhận thức sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.</i></p> <p>Thí sinh có thể giải quyết vấn đề theo hướng sau:</p>	
<p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu chung về vấn đề nghị luận. - Dẫn dắt vấn đề nghị luận, trích dẫn ý kiến của Lê Anh Trà. - Khẳng định vấn đề trong tác phẩm <i>Khi con tu hú</i> của Tố Hữu, liên hệ tác phẩm <i>Tiếng gà trưa</i> của Xuân Quỳnh: cả hai văn bản đều là “sự giải bày và gửi gắm tâm tư”, thể hiện những tình cảm cao đẹp của con người. <p>b. Thân bài:</p> <p>*. Giải thích ý kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếng nói tình cảm trong văn học được bày tỏ rất đa dạng: “sự giải bày” là thể hiện tình cảm một cách trực tiếp, chân thành; “gửi gắm tâm tư” là bộc lộ tình cảm âm thầm kín đáo, mong chờ tiếng nói đồng vọng tri âm tri kỉ. - Văn học phải thể hiện được mọi khía cạnh trong đời sống con người: số phận, tư tưởng, trí tuệ, và đặc biệt là tình cảm. Văn học phải chuyên chở mọi cung bậc tình cảm của con người, là cầu nối giữa biết bao tâm hồn, biết bao 	

cảm xúc.

- Cảm xúc trong văn học không phải là thứ cảm xúc vu vơ hời hợt, mà bao giờ nó cũng phải là một cảm xúc mãnh liệt. Nó không phải cái mãnh liệt âm ào bên ngoài, mà nó là sự cô đặc về chất của cảm xúc.

- Cảm xúc của văn học phải được soi chiếu dưới lý tưởng của thời đại, phải được dẫn dắt bởi một tư tưởng.

➔ Nhận định của giáo sư Lê Ngọc Trà đã đề cập đến đặc trưng quan trọng trong nội dung của tác phẩm văn học: tính cảm xúc. Từ sự tự giải bày và gửi gắm tâm tư, văn học cất lên tiếng nói chung, tạo ra tiếng vọng kêu gọi những tấm lòng đồng cảm, để biết bao người đọc tìm thấy mình trong từng con chữ của người nghệ sĩ.

***. Chứng minh nhận định qua bài thơ “Khi con tu hú”:**

***.1. *Khái quát về bài thơ*:** Tố Hữu sáng tác bài thơ Khi con tu hú tại nhà lao Thừa Phủ (Huế) vào mùa hè năm 1939, sau khi bị thực dân Pháp bắt giam vì “tội” yêu nước và làm cách mạng. Bài thơ thể hiện tâm trạng xôn xang, bức bối của người thanh niên cộng sản đang bị cầm tù, khi nghe thấy tiếng chim tu hú báo hiệu mùa hè đến đã muốn phá tung xiềng xích để trở về với đồng bào, đồng chí yêu thương.

.2. *Tiếng chim tu hú là yếu tố gợi mở để mạch cảm xúc trào dâng mãnh liệt, là sự “tự giải bày” của người tù cộng sản:

- Tiếng chim tu hú gọi bầy gợi cho nhà thơ nghĩ đến khung trời lồng lộng ở bên ngoài và càng cảm thấy ngột ngạt trong xà lim chật chội, càng khao khát cháy bỏng cuộc sống tự do (dẫn chứng).

- Đó là tín hiệu của mùa hè rực rỡ, của sự sống tung bừng sinh sôi nảy nở. Tiếng chim vô tình tác động đến tâm hồn người tù trẻ tuổi. Nằm trong xà lim chật hẹp, tối tăm, cách biệt với thế giới bên ngoài, nhà thơ lắng nghe tiếng chim rộn rã, lắng nghe mọi âm thanh cuộc đời bằng tâm hồn và trái tim nhạy cảm của người nghệ sĩ. Một tiếng chim thôi cũng gợi trong tâm tưởng nhà

thơ cả một trời thương nhớ về những mùa hè nồng nàn của quê hương (dẫn chứng, phân tích).

- Sáu câu thơ lục bát uyển chuyển mở ra cả một thế giới rộn ràng, tràn trề nhựa sống. Nhiều âm thanh, hình ảnh tiêu biểu của mùa hè được đưa vào bài thơ: tiếng ve ngân trong vườn cây, lúa chiêm chín vàng trên cánh đồng, bầu trời cao rộng với cánh diều chao lượn, trái cây chín mọng ngọt lành... Tiếng chim tu hú khởi đầu và bắt nhịp cho mùa hè rộn rã âm thanh, rực rỡ màu sắc, ngát ngào hương vị... trong cảm nhận của người tù. Đoạn thơ thể hiện khả năng cảm nhận tinh tế và khát vọng tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trẻ trung, yêu đời nhưng đang bị quân thù tước mất tự do.

- Sức sống mãnh liệt của mùa hè chính là sức sống mãnh liệt của tuổi trẻ khát khao lí tưởng cách mạng, khát khao hoạt động, cống hiến cho dân, cho nước. Tiếng chim tu hú là tiếng gọi thôi thúc của cuộc sống đối với người chiến sĩ cách mạng đang bị giam cầm. Bên ngoài là tự do, phóng khoáng, đối lập với sự tù túng, bức bối trong nhà giam (dẫn chứng)

**** .3. Tiếng chim tu hú không chỉ gọi nhớ yêu thương, mà còn là lời giục giã người chiến sĩ nhanh chóng trở về với cách mạng, cũng là sự “gửi gắm tâm tư” của người tù cộng sản.***

- Tâm trạng đau khổ, uất ức bật thốt thành lời thơ thống thiết. Cách ngắt nhịp bất thường kết hợp với các từ ngữ có khả năng đặc tả và những từ cảm thán như truyền đến độc giả cái cảm giác uất hận cao độ và niềm khao khát cháy bỏng muốn thoát ra khỏi cảnh tù ngục, trở về với cuộc sống tự do bên ngoài của người thanh niên yêu nước đang bị giam cầm trong lao tù đế quốc (dẫn chứng).

- Những câu thơ chứa đựng nỗi khắc khoải, vật vã, day dứt khôn nguôi cả về thể xác lẫn tâm hồn của nhà thơ trẻ. Trong hoàn cảnh ấy, thời khắc ấy, người cộng sản phải tự đấu tranh với bản thân để làm chủ mình, vượt lên những đắng cay nghiệt ngã của lao tù đế quốc, nuôi dưỡng ý chí, giữ vững khí tiết và tinh thần đấu tranh cách mạng.

- Tiếng chim tu hú cứ kêu hoài như nhắc nhở tới nghịch cảnh của nhà thơ, giục giã nhà thơ phá tung tù ngục để giành lại tự do. Bốn câu thơ sau căng thẳng như chứa đựng một sức mạnh bị dồn nén chỉ chờ bật tung ra. Đó là tâm trạng của người chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi hoạt động chưa được bao lâu đã lâm vào cảnh tù ngục, lúc nào cũng khao khát tự do, muốn thoát khỏi bốn bức tường xà lim lạnh lẽo để trở về với đồng bào, đồng chí thân yêu.

- Tiếng chim tu hú chỉ trong một khoảnh khắc ngắn ngủi đã làm dậy lên tất cả cảnh và tình mùa hè trong tâm tưởng nhà thơ. Người tù thấu hiểu được cảnh ngộ trớ trêu của mình trong chốn lao tù ngột ngạt, giữa lúc cuộc sống bên ngoài đang nảy nở, sinh sôi. Phải bứt tung xiềng xích, phá tan những nhà ngục hữu hình và vô hình đang giam hãm cả dân tộc trong vòng nô lệ.

- Bài thơ hay ở những hình ảnh thơ gần gũi, giản dị mà giàu sức gợi cảm, ở nghệ thuật sử dụng thể thơ lục bát uyển chuyển, tự nhiên và cả ở những cảm xúc thiết tha, sào lẳng, thể hiện được nguồn sống sục sôi của người cộng sản.

***.4. Bài thơ “Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh) là sự bộc lộ tình cảm yêu quê hương, đất nước chân thành, sâu lắng của nhà thơ qua hình tượng tiếng gà trưa, cũng là sự “tự giải bày và gửi gắm tâm tư” của nhà thơ.**

- Khái quát về bài thơ: Bài thơ Tiếng gà trưa được viết trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ trên phạm vi cả nước. Trong hoàn cảnh nước sôi lửa bỏng ấy, hàng triệu thanh niên đã lên đường với khí thế “xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước/ Mà lòng phơi phới dậy tương lai”. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là người chiến sĩ trẻ đang cùng đồng đội trên đường hành quân vào Nam chiến đấu. Tiếng gà trưa đã gợi nhớ về những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ và tình bà cháu. Tình cảm gia đình, quê hương đã làm sâu sắc thêm tình yêu đất nước.

- Bao trùm bài thơ là nỗi nhớ cồn cào, da diết. Chỉ một tiếng gà trưa bất chợt nghe thấy khi dừng chân bên xóm nhỏ là đã gợi dậy cả một trời thương nhớ, thể hiện sự rung cảm cao độ trong tâm hồn chiến sĩ (dẫn chứng)

- Quê nhà hiện lên rõ nét trong tâm tưởng và những kỉ niệm tuổi thơ lần lượt sống dậy qua những hình ảnh thân thương. Tiếng gà trưa khiến người cháu

xa nhà nhớ đến người bà kính yêu một đời tần tảo (dẫn chứng).

- Nổi bật qua gần suốt bài thơ là hình ảnh người bà chất chiu, giành giùm yêu thương cháu. Bà đã luôn ân cần, hi sinh và mệt nhọc. Hình ảnh người bà được miêu tả gắn bó thân thuộc với quê hương làng xóm, hơn thế nó còn là những kỉ niệm không bao giờ phai nhạt (dẫn chứng).

- Tâm trạng người chiến sĩ trẻ từ những kỉ niệm về tuổi thơ của mình mà khi quay về thực tại với con đường hành quân trở nên giàu lòng hăng hái với giọng thơ tràn trề sinh khí. Xuân Quỳnh đã khẳng định mục đích chiến đấu hôm nay đó là vì tổ quốc, vì bà, vì kỉ niệm tuổi thơ êm đềm của mình. Và nhà thơ khẳng định mình chiến đấu hôm nay chính là vì muốn bảo vệ quê hương, bảo vệ sự yên bình của mọi mái nhà trên tổ quốc (dẫn chứng).

➔ Tiếng gà trưa gợi những nỗi nhớ về người bà, về những kỉ niệm tuổi thơ, về quê hương làng xóm và mục đích chiến đấu của người chiến sĩ chính là “sự giải bày” tình cảm của người chiến sĩ trẻ.

- Tiếng gà cũng là tiếng gọi thân yêu của bà, của mẹ, của quê hương. Tiếng gọi thân yêu ấy như là niềm tin cho người chiến sĩ trong cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương yêu dấu, là tình cảm tiền tuyến - hậu phương của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến, gian khổ có thể làm mệt mỏi, bom đạn có thể hủy diệt mọi thứ nhưng những tình cảm về bà, về những kỉ niệm ấu thơ cùng tiếng gà trưa không bao giờ chết mà vẫn còn nguyên lửa, vẫn cứ trào dâng trong lòng. Đó là tình cảm, cảm xúc được gửi gắm kín đáo trong bài thơ.

- Bài thơ “Tiếng gà trưa” của nhà thơ Xuân Quỳnh là một bài thơ hay, những câu từ trong bài thơ bắt nguồn từ những thứ giản dị, gần gũi và mộc mạc nhưng lại có giá trị lớn lao và cao đẹp.

*** Đánh giá chung.**

- Hai bài thơ “Khi con tu hú” (Tố Hữu) và “Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh) tuy sáng tác ở hai thời kỳ khác nhau, có những nét khác biệt về nội dung và nghệ thuật song đều là những bài thơ hay của dòng văn học cách mạng Việt Nam.

- Cả hai bài thơ đều hướng tới ngợi ca những tình cảm cao đẹp của người Việt Nam: tình yêu thiên nhiên, tình cảm gia đình, tình yêu đất nước... Những tình cảm đó chính là “sự giải bày và gửi gắm tâm tư” của nhà thơ đến

với bạn đọc thông qua sáng tác của mình.

c. Kết bài:

- Khẳng định nhận định của giáo sư, nhà giáo, nhà phê bình văn học Lê Ngọc Trà là hoàn toàn chính xác bởi đặc trưng quan trọng trong nội dung của tác phẩm văn học chính là tính cảm xúc.
- Liên hệ mở rộng.

ĐỀ SỐ 50:

I. ĐỌC- HIỂU(3, điểm)

Đọc đoạn trích dưới đây:

Zorba liếm khô nước mắt của Lucky và bỗng nhiên nhận ra mình đang giảng giải cho con hải âu nhỏ, điều mà nó chưa từng làm trước đây: “Con là một con hải âu. Gã đười ươi đứng ở điểm đó, nhưng chỉ điểm đó thôi. Tất cả chúng ta đều yêu con, Lucky. Và chúng ta yêu con bởi vì con là một con hải âu. Một con hải âu xinh đẹp. Chúng ta chưa từng phủ nhận khi nghe con nói con là mèo, bởi điều đó an ủi chúng ta rằng con muốn giống chúng ta, nhưng con khác với chúng ta và chúng ta vui với sự khác biệt đó. Chúng ta đã không cứu được mẹ con, nhưng chúng ta có thể giúp con. Chúng ta đã bảo vệ con từ khoảnh khắc con mổ vỡ lớp vỏ trứng ra đời. chúng ta đã dành cho con sự chăm sóc mà không hề nghĩ tới việc biến con thành một con mèo. Chúng ta yêu con như yêu một con hải âu. Chúng ta cảm thấy con cũng yêu chúng ta như vậy, chúng ta là bạn con, là gia đình của con, và chúng ta muốn con biết rằng nhờ con, chúng ta đã học được một điều đáng tự hào: chúng ta học được cách trân trọng, quý mến và yêu thương một kẻ không giống chúng ta. Thật dễ dàng để chấp nhận và yêu thương một kẻ nào đó giống mình, nhưng để yêu thương ai đó khác mình thực sự rất khó khăn, và con đã giúp chúng ta làm được điều đó. Con là chim hải âu, và con phải sống cuộc đời của một con hải âu. Con phải bay. Khi con đã học hành tử tế, Lucky, ta hứa với con rằng con sẽ thấy hạnh phúc lắm, và sau đó tình cảm của chúng ta dành cho nhau thậm chí còn sâu sắc và đẹp đẽ hơn, bởi đó là tấm chân tình giữa hai loài vật hoàn toàn khác nhau.”

(Trích Chuyện con mèo dạy hải âu bay – Luis Sepúlveda)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên.

Câu 2. Việc chăm sóc và nuôi dạy hải âu Lucky đã giúp cho mèo Zorba học được điều gì?

Câu 3. Anh chị hiểu như thế nào về câu nói: “Con là chim hải âu, và con phải sống cuộc đời của một con hải âu. Con phải bay”.

Câu 4. Qua đoạn trích, thông điệp nào có ý nghĩa nhất với anh/chị? Vì sao?

II. LÀM VĂN

Câu 1(2,0 điểm): Từ nội dung của phần Đọc- Hiểu, em hãy viết đoạn văn bày tỏ suy nghĩ của mình về lời tâm sự giữa con mèo với con chim hải âu trong truyện ngắn *“Chuyện con mèo dạy hải âu bay”* của Luis Sepulveda:

“...Thật dễ dàng để chấp nhận và yêu thương một kẻ nào đó giống mình, nhưng để yêu thương một ai đó khác mình thực sự rất khó khăn.”

Câu 2: Có ý kiến cho rằng: *“Thơ ca bắt rễ từ lòng người, nở hoa nơi từ ngữ”*

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua bài thơ *Khi con tu hú* của Tố Hữu

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
I. ĐỌC- HIỂU	3,0
<p>Câu 1. (0,5 điểm)</p> <p>Phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên là : Biểu cảm</p> <p>Câu 2. (0,5 điểm)</p> <p>Việc chăm sóc và nuôi dạy hải âu Lucky đã giúp cho mèo Zorba học được cách trân trọng, quý mến và yêu thương một kẻ không giống chúng ta.</p> <p>Câu 3 (1,0 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hãy sống cuộc đời của chính mình, hãy trở thành chính mình. - Phải biết vươn tới và đạt được những mơ ước. - Chính những điều này làm cho cuộc sống của chúng ta hạnh phúc và ý 	

<p>nghĩa.</p> <p>Câu 4 (1,0 điểm)</p> <p>HS tự rút ra thông điệp mà mình cho là ý nghĩa nhất và lí giải. Có thể tham khảo các ý sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình yêu thương là điều quý giá trong cuộc sống. Yêu thương những người giống mình và hãy mở lòng yêu thương cả những người có quá nhiều khác biệt. Bởi đó là cách ứng xử nhân văn của những người có văn hóa. - Hãy sống cuộc đời của chính mình, hãy trở thành chính mình - Hãy luôn cố gắng hết sức mình để đạt được ước mơ 	
<p>II. LÀM VĂN</p> <p>Câu 1: Từ nội dung của phần Đọc- Hiểu, em hãy viết đoạn văn bày tỏ suy nghĩ của mình về lời tâm sự giữa con mèo với con chim hải âu trong truyện ngắn “<i>Chuyện con mèo dạy hải âu bay</i>” của Luis Sepulveda:</p> <p><i>“...Thật dễ dàng để chấp nhận và yêu thương một kẻ nào đó giống mình, nhưng để yêu thương một ai đó khác mình thực sự rất khó khăn.”</i></p> <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách viết một văn nghị luận xã hội. - Bài viết mạch lạc, lập luận chặt chẽ, lí lẽ thuyết phục; không mắc các lỗi chính tả, diễn đạt... 	2,0
<p>– Nội dung cơ bản: Lòng nhân hậu, sự bao dung của con người trong cuộc sống.</p> <p>* Giải thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dễ dàng để chấp nhận và yêu thương một kẻ nào đó giống mình: Những người có cùng quan điểm sống, cùng sở thích, cùng hoàn cảnh, cùng tâm trạng...là những người hợp nhau – Khó khăn để yêu thương một ai đó khác mình: Những người không cùng quan điểm sống, không cùng sở thích -> có nhiều mâu thuẫn, có những suy 	

nghĩ trái chiều với chúng ta.

-> Tóm lại, bài học cuộc sống mà lời đối thoại muốn rút ra: Trong cuộc sống có nhiều điều, nhiều người không đúng theo ý muốn, sở thích của ta nhưng mỗi người phải biết vượt lên cái tôi cá nhân để hòa nhập, tạo một môi trường tập thể trong sáng, lành mạnh. Đó là lối sống đẹp, là kĩ năng sống cần phải rèn luyện trong cuộc sống.

*** Bàn luận:**

– Tại sao nói: dễ dàng để chấp nhận và yêu thương một kẻ nào đó giống mình?

+ Là hiện tượng tâm lý phổ biến trong cuộc sống, xuất hiện ở mọi lứa tuổi, giới tính.

+ Cùng quan điểm nên thống nhất ý kiến trong nhiều trường hợp; dễ dàng khi cùng giải quyết công việc chung.

+ Có thể chia sẻ những buồn vui trong cuộc sống.

– Tại sao yêu thương một ai đó khác mình thực sự rất khó khăn?

+ Có sự mâu thuẫn, có những ý kiến trái chiều khi cùng làm việc.

+ Luôn có tâm lý cảnh giác, không cởi mở với những người khác mình.

-Chỉ yêu người giống mình mà khó yêu người khác mình sẽ để lại hậu quả gì?

+ Có lối sống thiên vị, không công bằng, hẹp hòi, ích kỉ

+ Con người không phát huy được hết khả năng của mình bởi có mâu thuẫn, giải quyết mâu thuẫn sẽ thúc đẩy sự phát triển.

+ Bỏ qua nhiều cơ hội kết bạn trong cuộc sống vì có những người mới gặp tưởng khác nhau nhưng khi hiểu rõ lại tâm đầu ý hợp.

*** Đề xuất một lối sống hợp lý:**

<ul style="list-style-type: none"> + Rèn tính kiên trì, nhẫn nại, biết lắng nghe để thấu hiểu và đồng cảm. + Phải có lòng nhân hậu, bao dung với tất cả mọi người. – Liên hệ bản thân: Trong quan hệ với gia đình, bạn bè, xã hội. 	
<p>Câu 2: Có ý kiến cho rằng: “<i>Thơ ca bắt rễ từ lòng người, nở hoa nơi từ ngữ</i>”</p> <p>Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua bài thơ <i>Khi con tu hú</i> của Tố Hữu.</p>	5,0
<p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn dắt và đưa ra ý kiến. - Khẳng định ý kiến trong bài thơ. <p>b. Thân bài:</p> <p>* Giải thích ý kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thơ ca bắt rễ từ lòng người: Thơ ca bắt nguồn sâu xa trong lòng người, là tiếng nói của tình cảm, do tình cảm mà sinh ra. Thơ luôn thể hiện những tình cảm, cảm xúc chân thành, mãnh liệt của tác giả... + Nở hoa nơi từ ngữ: kết tinh vẻ đẹp cảm xúc ở ngôn từ giàu giá trị, có sức gợi hình, có khả năng gợi cảm xúc của người đọc... <p>-> Ý cả câu: Thơ ca bắt nguồn từ tình cảm, cảm xúc của tác giả trước cuộc sống, tình cảm ấy được diễn tả bằng ngôn từ đẹp đẽ, chọn lọc...</p> <p>-> Nhận định trên bàn về mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của tác phẩm nghệ thuật.</p> <p>* Chứng minh qua bài thơ <i>Khi con tu hú</i> của Tố Hữu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bài thơ <i>Khi con tu hú</i> bắt rễ từ lòng người: Đó là tấm lòng thiết tha yêu cuộc sống và niềm khao khát tự do cháy bỏng của tác giả (người chiến sĩ cách mạng) trong cảnh tù đầy. 	

- Phân tích bức tranh thiên nhiên mùa hè trong 6 câu thơ đầu để thấy được tình yêu thiên nhiên sâu sắc của người tù cách mạng.

- Phân tích tâm trạng uất ức, ngột ngạt, muốn bứt tung, phá tan tù ngục để trở về với tự do, về với cách mạng, với nhân dân trong 4 câu thơ cuối.

+ Bài thơ *Khi con tu hú* nở hoa nơi từ ngữ:

- Cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh...

- Cách ngắt nhịp, giọng điệu...

- Thể thơ lục bát uyển chuyển, mềm mại,...

* **Đánh giá:** Bắt rễ từ lòng người, nở hoa nơi từ ngữ là đặc trưng phẩm chất của thơ. Để làm nên một tác phẩm nghệ thuật chân chính người nghệ sĩ phải có trái tim nhạy cảm, tinh tế; phải bắt nguồn từ tình cảm dạt dào trước thiên nhiên, con người, cuộc sống,... và được thể hiện bằng ngôn từ chọn lọc, gọt rũa,...

c. Kết bài:

- Khẳng định lại ý kiến.

- Nêu cảm nghĩ, liên hệ...

ĐỀ SỐ 51:**Câu 1: (2,0 điểm)**

Nêu cảm nhận của em về nét đặc sắc trong ngòi bút nghệ thuật của Tô Hữu khi khắc họa âm thanh ở 6 câu đầu trong bài “ Khi con tu hú”

Câu 2: (3,0 điểm):

Suy nghĩ về bài học cuộc sống mà em nhận được từ hai câu chuyện sau:

Câu chuyện 1

Một người nuôi trai lấy ngọc luôn suy nghĩ làm thế nào để tạo được viên ngọc trai tốt nhất, đẹp nhất trên đời. Ông ra bãi biển để chọn một hạt cát và hỏi từng hạt cát có muốn biến thành ngọc trai không. Các hạt cát đều lắc đầu nguầy nguậy khiến ông sắp tuyệt vọng.

Đúng lúc đó có một hạt cát đồng ý, các hạt cát khác đều giễu nó ngốc, chui đầu vào trong vỏ trai, xa lánh người thân, bạn bè, không thấy ánh mặt trời, trăng sao, gió mát, thậm chí thiếu cả không khí, chỉ có bóng tối, ướt lạnh, cô đơn, rất đau buồn, thử hỏi có đáng không? Nhưng hạt cát vẫn theo người nuôi trai về không một chút oán thán.

Vật đổi sao dời, mấy năm qua đi, hạt cát đã trở thành viên ngọc lung linh, đắt giá, còn những bạn bè chế giễu nó ngốc thì vẫn chỉ là những hạt cát...

Câu chuyện 2

Không hiểu bằng cách nào, một hạt cát lọt được vào bên trong cơ thể một con trai. Vị khách không mời mà đến đó tuy rất nhỏ, nhưng gây rất nhiều khó chịu và đau đớn cho cơ thể mềm mại của con trai. Không thể tống hạt cát ra ngoài, cuối cùng con trai quyết định đối phó bằng cách tiết ra một chất dẻo bọc quanh hạt cát.

Ngày qua ngày, con trai đã biến hạt cát gây ra những nỗi đau cho mình thành một viên ngọc trai lấp lánh tuyệt đẹp...

Câu 3: (5,0 điểm)

Cho đoạn thơ:

*Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng,
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá:
Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã*

Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang.

Cánh buồm trương, to như mảnh hồn làng

Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...

Và

Khi con tu hú gọi bầy

Lúa chiêm đang chín trái cây ngọt dần

Vườn râm dậy tiếng ve ngân

Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào

Trời xanh càng rộng càng cao

Đôi con diều sáo lộn nhào từng không...

Trình bày cảm nhận của em về hai đoạn thơ trên.

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
Câu 1: Nêu cảm nhận của em về nét đặc sắc trong ngòi bút nghệ thuật của Tố Hữu khi khắc họa âm thanh ở 6 câu đầu trong bài “ Khi con tu hú”	2,0
<p>HS cần chỉ ra được âm thanh của Tiếng tu hú, tiếng ve ngân và tiếng sáo diều.</p> <p>- Ba âm thanh gợi mở 3 trạng huống của mùa hè. “Tiếng tu hú”gọi bầy mang tính chất báo hiệu thời gian bắt đầu dịch chuyển từ xuân sang hè, Tiếng ve ngân báo hiệu mùa hè thực sự bắt đầu. Như vậy, hai âm thanh này được dùng để miêu tả thời gian và qua đó bộc lộ khả năng quan sát tinh tế các sự vật, hiện tượng trong đời sống cùng khả năng tái hiện chúng một cách tài tình của Tố Hữu.</p> <p>- Âm thanh tiếng sáo diều là một âm thanh không có sẵn trong tự nhiên, do con người tạo ra bằng tâm hồn nghệ sĩ tài hoa tinh tế và bằng tài hoa của mình thế nên nó báo hiệu rằng ngoài ngục giam kia có người đang tự do ung dung hưởng thú vui tao nhã nơi đồng quê qua đó toát lên sức sống mãnh liệt sự vui tươi trẻ trung của mùa hè.</p>	

<p>- Âm thanh Tiếng sáo điều xuất hiện cuối cùng trong khổ thơ đầu đó là âm thanh gọi lên mối liên hệ giữa người với người nó có tác dụng làm chuyển ý sang khổ thơ 2 để đến với tâm trạng của tác giả nhằm nêu bật sự tương phản giữa người tù tự do và người tù cộng sản.</p>	
<p>Câu 2: Suy nghĩ về bài học cuộc sống mà em nhận được từ hai câu chuyện ...</p>	<p>3,0</p>
<p>a. Mở bài:</p> <p>- Giới thiệu vấn đề nghị luận qua 2 câu chuyện.</p> <p>b. Thân bài:</p> <p>* Nội dung tư tưởng của hai câu chuyện</p> <p>*.1. Câu chuyện 1:</p> <p>+ Người nuôi trai lấy ngọc hỏi từng hạt cát có muốn biến thành ngọc trai không: Cơ hội đòi hỏi cho các hạt cát.</p> <p>+ Các hạt cát đều lắc đầu và cuối cùng vẫn chỉ là những hạt cát: Trong cuộc sống, có những người do ngại khó, ngại khổ, chưa nhận ra giá trị đằng sau những khó khăn, thử thách mà thiếu cố gắng, nỗ lực, thiếu ý chí quyết tâm... chấp nhận làm hạt cát bé nhỏ tầm thường.</p> <p>+ Có một hạt cát chấp nhận chui đầu vào trong vỏ trai, trở thành viên ngọc lung linh: Con người chấp nhận cơ hội đòi hỏi, chấp nhận trải qua một quá trình gian nan, từ hạt cát tầm thường trở thành ngọc trai quý giá.</p> <p>* .2. Câu chuyện 2:</p> <p>+ Cơ thể con trai bị một hạt cát nhỏ chui vào gây nhiều khó chịu, và đau đớn: cuộc sống vốn tiềm ẩn thử thách biến cố bất thường.</p> <p>+ Trước những khó khăn, biến cố đó, con người cần biết chấp nhận đối mặt với khó khăn, thử thách để vượt lên, hơn thế nữa cần kiên trì, nỗ lực, quyết tâm, chủ động biến thử thách thành cơ hội (con trai quyết định đối phó bằng cách tiết ra một chất dẻo bọc quanh hạt cát thành viên ngọc trai).</p> <p>* Bàn luận về bài học cuộc sống từ hai câu chuyện.</p>	

<p>Hai câu chuyện đều đem đến bài học cuộc sống sâu sắc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi con người cần có ý chí, nghị lực, dám đối mặt và sẵn sàng chấp nhận khó khăn, gian khổ trong cuộc sống. Đó chính là mấu chốt của thành công. Trong những hoàn cảnh đặc biệt, khi gặp biến cố bất thường hay phải đối diện với cái xấu... con người cần chủ động, quyết tâm, luôn có ý thức vượt qua để đạt tới thành công. - Khó khăn, gian khổ cũng chính là điều kiện, là cơ hội để thử thách và tôi luyện ý chí con người. Vượt qua nó, con người sẽ trưởng thành, tự khẳng định được mình, sống có ý nghĩa hơn và đóng góp cho cuộc đời nhiều hơn. - Tuy nhiên cần phê phán những kẻ cơ hội chủ nghĩa vì quá tham vọng mà bất chấp tất cả, từ bỏ người thân, bạn bè để đạt được mục đích cá nhân - Phê phán những con người sống hèn nhát, ngại khó, sống thụ động, thiếu ý chí nghị lực, niềm tin... chấp nhận những hạt cát vô danh, tầm thường có thể bị gục ngã thất bại bất cứ lúc nào trước sóng gió cuộc đời. <p>* Bài học nhận thức và hành động.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi con người cần có ý chí, nghị lực, dám đối mặt và sẵn sàng chấp nhận khó khăn, gian khổ trong cuộc sống. Đó chính là mấu chốt của thành công. Trong những hoàn cảnh đặc biệt, khi gặp biến cố bất thường hay phải đối diện với cái xấu... con người cần chủ động, quyết tâm, luôn có ý thức vượt qua để đạt tới thành công. - Khó khăn, gian khổ cũng chính là điều kiện, là cơ hội để thử thách và tôi luyện ý chí con người. Vượt qua nó, con người sẽ trưởng thành, tự khẳng định được mình, sống có ý nghĩa hơn và đóng góp cho cuộc đời nhiều hơn. <p>c. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định ý nghĩa của 2 câu chuyện. - Liên hệ mở rộng. 	
<p>Câu 3: Trình bày cảm nhận của em về hai đoạn thơ trên.</p>	5,0
<p>a. Mở bài:</p>	

- Giới thiệu về tác giả Tế Hanh và bài thơ Quê hương, tác giả Tố Hữu và bài thơ Khi con tu hú.

- Dẫn dắt và trích hai đoạn thơ trong đề bài.

b. Thân bài:

*** Cảm nhận về hai đoạn thơ.**

***.1. Về đoạn thơ trong bài “ Quê hương”**

- Nội dung, cảm xúc.

+ Đoạn thơ thể hiện vẻ đẹp của quê hương miền biển qua nỗi nhớ của nhân vật nhân vật trữ tình khi đã rời xa, với hình ảnh gần gũi bình dị mà xúc động

+ Khung cảnh làng quê với không gian bao la kì vĩ của biển cả, của bầu trời mang tầm vóc vũ trụ, mang hồn điệu riêng của làng chài.

+ Không khí lao động khẩn trương, sôi nổi tấp nập khi đoàn thuyền đánh cá về bến đỗ với cá đầy khoang. Khung cảnh ấy gợi ra một cuộc sống yên bình, ấm no vui tươi và hạnh phúc.

+ Hình ảnh con người lao động quê nhà bình dị, chất phác, lam lũ, cơ cực mà vạm vỡ, mạnh mẽ lớn lao sánh ngang với sự kì vĩ của thiên nhiên, biển trời.

+ Tình yêu, sự gắn bó sâu sắc và niềm tự hào của nhân vật trữ tình về vẻ đẹp thiên nhiên và con người quê hương.

- Nghệ thuật:

+ Hình ảnh thơ mộc mạc giản dị, giàu sức gợi mang ý nghĩa biểu tượng cao, để lại ấn tượng mạnh mẽ.

+ Ngôn ngữ giàu chất gợi, giàu chất tạo hình và biểu cảm cùng với cách diễn đạt gần gũi với lời ăn tiếng nói hàng ngày của người miền biển, các biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh, nhân hóa... được sử dụng linh hoạt tinh tế.

+ Giọng điệu say mê, hào sảng, xen với giọng trữ tình đắm thắm của nỗi nhớ.

***.2. Về đoạn thơ « Khi con tu hú»:**

- Nội dung, cảm xúc.

+ Đoạn thơ là những dòng hồi tưởng về quê hương, về đồng ruộng thân yêu,

quen thuộc được đánh thức từ tiếng chim tu hú gọi hè vang vọng vào nhà ngục khi tác giả bị giam cầm trong xà lim ở Thừa Thiên.

+ Khung cảnh quê hương được mở ra với không gian mênh mông bát ngát của đồng ruộng vào mùa hè, của bầu trời trong xanh, của vườn đang đơm hoa kết trái.

+ Hình ảnh quê nhà trong kí ức của người tù-nhân vật trữ tình hiện ra lung linh trong nắng hè với màu sắc, ánh sáng, âm thanh, hương vị... được miêu tả sống động, ngập tràn vẻ đẹp và nhựa sống.

+ Nỗi nhớ đồng quê gắn với niềm cô đơn u uất, với khát vọng tự do của người tù phải xa cuộc sống xa đồng bào, đồng chí.

- Nghệ thuật:

+ Thể thơ lục bát với giọng điệu tâm tình, ngọt ngào tha thiết, ngôn ngữ giàu hình ảnh, giàu cảm xúc.

+ Hình ảnh thơ bình dị, mộc mạc và bay bổng, lãng mạn, kết hợp nhiều giác quan trong việc cảm nhận và thể hiện vẻ đẹp của quê hương đồng ruộng.

***. Điểm tương đồng và khác biệt**

- Điểm tương đồng:

+ Cả hai đoạn thơ đều thể hiện nỗi nhớ quê hương với những hình ảnh thân thương gần gũi, hằn sâu trong tâm tưởng, với không gian bao la, bát ngát mang hồn cốt riêng của mỗi vùng quê qua tình yêu mãnh liệt, cảm xúc sâu lắng.

+ Ngôn ngữ gợi hình gợi cảm hình ảnh thơ dung dị, mộc mạc mà ý nghĩa biểu tượng cao, giọng điệu tha thiết say mê.

- Sự khác biệt:

+ Khung cảnh quê hương trong đoạn thơ của Tế Hanh mang nét đẹp đặc trưng của không gian miền biển, gắn với những kỉ niệm tuổi thơ, với cuộc sống của con người, cảm xúc thơ nghiêng về yêu thương tự hào về mảnh đất vẻ đẹp con người quê hương. Còn đoạn thơ của Tố Hữu khắc họa khung cảnh

làng quê ngày hè với âm thanh, màu sắc, ánh sáng, hương vị đặc trưng với vẻ đẹp lung linh sống động, cảm xúc nghiêng về nỗi niềm cô đơn khắc khoải của một người tù khao khát tự do bị cách ly cuộc sống.

+ Tế Hanh sử dụng thể thơ tám chữ hiện đại, hình ảnh thi liệu nghiêng về những trải nghiệm, những quan sát thực tế tuổi thơ với những ấn tượng đậm nét nhất trong ký ức. Còn nhà thơ Tố Hữu lại sử dụng thể thơ lục bát mang đậm phong vị dân gian, hình ảnh thi liệu mang đậm cảm xúc lãng mạn, bay bổng, trong tương quan đối lập giữa thế giới đồng quê tươi đẹp với không gian ngục tù tăm tối mất tự do.

c. Kết bài:

- Khẳng định lại giá trị: Với những đặc sắc nghệ thuật bài thơ « Quê hương » và « Khi con tu hú » không chỉ là thành công lớn trong sự nghiệp thơ của hai nhà thơ mà còn thể hiện tình cảm yêu thương, nỗi lòng sâu sắc, cảm động của tác giả đối với quê hương của mình.
- Liên hệ và đánh giá tác phẩm: Đây là những bài thơ tiêu biểu nhất cho hồn thơ dạt dào tình cảm của hai nhà thơ viết về tình cảm quê hương.

ĐỀ SỐ 52:

Câu 1: (4.0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

*Bầm ơi có rét không bầm,
Heo heo gió núi, lâm thâm mưa phùn
Bầm ra ruộng cấy bầm run
Chân lội dưới bùn, tay cấy mạ non*

(Bầm ơi, Tố Hữu)

- a. Chỉ ra từ ngữ địa phương có trong đoạn thơ và tìm từ ngữ toàn dân tương ứng?
- b. Xác định và phân tích ngắn gọn tác dụng của việc sử dụng từ láy ở đoạn thơ trên?

Câu 2: (6.0 điểm)

Ph. Ăng - ghen cho rằng: "Trang bị quý nhất của một người là khiêm tốn và giản dị."

Bằng một bài văn ngắn, em hãy trình bày suy nghĩ của mình về ý kiến trên.

Câu 3:(10.0 điểm)

Hãy làm sáng tỏ lòng yêu cuộc sống và niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi trong cảnh tù ngục được thể hiện qua bài thơ *Khi con tu hú* của Tố Hữu (Sách *Ngữ văn 8*, tập hai - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam).

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN

NỘI DUNG	Điểm
<p>Câu 1:</p> <p>a. - Từ ngữ địa phương trong đoạn thơ: “Bầm”</p> <p>- Từ ngữ toàn dân tương ứng: “Mẹ”</p> <p>b. Các từ láy: <i>heo heo, lâm thâm</i></p> <p>- Tác dụng của việc sử dụng từ láy:</p> <p>+ Hai từ láy “heo heo” và “lâm thâm” gợi tả một không gian quạnh vắng, heo hút, lạnh lẽo. Cái rét như thấu vào da thịt theo từng đợt gió luân qua vách núi, phả ra đồng ruộng và trở nên tê tái hơn qua màn mưa phùn dày đặc. Giữa khung cảnh vắng lặng và thời tiết khắc nghiệt ấy, thấp thoáng hình ảnh người mẹ nông dân tần tảo, lam lũ lội xuống lớp bùn lạnh buốt, cần mẫn chăm từng nhánh mạ non.</p> <p>+ Đoạn thơ là lời tự bạch, tự hỏi lòng mình, thể hiện nỗi nhớ cồn cào, da diết, niềm xót xa, thương yêu, kính trọng của nhà thơ với “bầm”. Và đó cũng là tình cảm đối với tất cả người mẹ Việt Nam “anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang”.</p>	4,0
<p>Câu 2: Ph. Ăng - ghen cho rằng: “Trang bị quý nhất của một người là <i>khiêm tốn và giản dị</i>.”</p> <p>- Biết cách viết một bài văn nghị luận xã hội.</p> <p>- Bố cục ba phần, bài viết mạch lạc, lập luận chặt chẽ, lí lẽ thuyết phục; không mắc các lỗi chính tả, diễn đạt...</p>	6,0
<p>a. Mở bài:</p> <p>- Dẫn dắt vấn đề nghị luận và trích nguyên văn câu nói của Ph. Ăng - ghen.</p>	

b. Thân bài:*** Giải thích:**

- *Khiêm tốn*: Là thái độ hòa nhã, nhún nhường, luôn tự cho mình là kém, cần phải học hỏi thêm.

- *Người khiêm tốn* là những người: luôn có ý thức học hỏi, tôn trọng người khác; không khoe khoang, tự mãn; luôn biết lắng nghe để tự hoàn thiện mình; dè dặt, nhã nhặn khi nhận những lời khen...

- *Giản dị*: Là đơn giản và bình dị, giản dị đối lập với cầu kì.

- *Người giản dị* là những người: không cầu kì, kiêu cách; không phô trương; luôn hướng tới sự hài hòa giữa mình và mọi người xung quanh.

=> Câu nói của Ph. Ăng - ghen khẳng định: hành trang không thể thiếu và đáng quý nhất của mỗi người trong cuộc sống là đức tính khiêm tốn và giản dị.

*** Bàn luận: Câu nói đưa ra một quan niệm hoàn toàn đúng. Vì:**

- Người khiêm tốn bao giờ cũng dễ hòa đồng với những người xung quanh. Bởi tâm lý chung của con người là không thích thói hung hăng, kiêu ngạo, tự phụ, chuộng những người ham học hỏi, từ tốn, điềm đạm.

- Khiêm tốn rất cần thiết vì sự hiểu biết của con người hữu hạn trong khi tri thức của nhân loại là vô hạn. Khi khiêm tốn con người sẽ luôn có ý thức học hỏi để ngày càng tiến bộ, hoàn thiện bản thân.

- Khiêm tốn không hạ thấp con người, trái lại nó nâng con người lên.

--> Khiêm tốn là một phẩm chất rất cần thiết giúp con người thành công trong cuộc sống.

- Giản dị, ngoài việc giúp con người dễ hòa đồng, chiếm được cảm tình của số đông còn giúp con người tiết kiệm thời gian chăm sóc bản thân, có thêm thời gian làm việc; tiết kiệm tiền của, vật chất...

(Kết hợp bàn bạc, đánh giá với những dẫn chứng trong văn học, trong cuộc sống)

*** Mở rộng, nâng cao vấn đề:**

- Phê phán những người kiêu căng, tự mãn hoặc có lối sống quá cầu kì, phô trương hay xa hoa, lãng phí.

- Khiêm tốn không đồng nghĩa với tự ti, bởi tự ti là tự hạ thấp giá trị của

<p>mình, đánh mất niềm tin vào bản thân mình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giản dị không đồng nghĩa với xuyềnh xoàng, vì xuyềnh xoàng là thiếu sự chăm sóc bản thân và thiếu tôn trọng người khác. <p>*Bài học nhận thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu nói của Ph.Ăng - ghen ngắn gọn và gợi nhiều suy nghĩ cho người đọc. Nó giúp con người nhận thức được rằng: để hạn chế những vấp ngã, thất bại, con người cần phải rèn luyện cho mình những phẩm chất cần thiết, trong đó có đức tính khiêm tốn và giản dị. <p>c. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định khiêm tốn, giản dị là những đức tính quý báu của con người. - Liên hệ, rút ra bài học cho bản thân. 	
<p>Câu 3:</p> <p>Hãy làm sáng tỏ lòng yêu cuộc sống và niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi trong cảnh tù ngục được thể hiện qua bài thơ <i>Khi con tu hú</i> của Tố Hữu (Sách <i>Ngữ văn 8</i>, tập hai - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam).</p>	<p>10,0</p>
<p>Về kĩ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách viết một bài văn nghị luận văn học. Bố cục bài viết sáng rõ, các luận điểm liên kết mạch lạc, liên kết chặt chẽ; văn phong trong sáng, có cảm xúc,.... <p>Về kiến thức: <i>Thí sinh có thể sắp xếp các luận điểm trong bài viết theo nhiều cách nhưng về cơ bản, cần đảm bảo những nội dung sau:</i></p> <p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về Tố Hữu và hoàn cảnh sáng tác bài thơ: Bài thơ được sáng tác tháng 7 năm 1939 tại nhà lao Thừa Phủ (Huế), khi tác giả bị bắt giam vào đây chưa lâu. Người thanh niên say mê lý tưởng cách mạng, yêu đời bị giam cầm trong lao tù cảm thấy ngột ngạt vì mất tự do, náo nức hướng ra cuộc sống bên ngoài, muốn thoát ra để trở về với cuộc sống tự do, với hoạt động cách mạng. - Nêu nội dung lòng yêu cuộc sống và niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng được thể hiện qua bài thơ. <p>b. Thân bài:</p>	

Học sinh làm sáng tỏ lòng yêu cuộc sống, niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi đang bị giam cầm trong tù ngục được thể hiện bằng những hình ảnh gợi cảm và thể thơ lục bát giản dị mà tha thiết...

+ Ý thứ nhất: Bài thơ thể hiện sâu sắc lòng yêu cuộc sống qua cảnh trời đất vào hè trong tâm tưởng người tù cách mạng (6 câu thơ đầu).

- Lòng yêu cuộc sống tha thiết đã giúp cho trí tưởng tượng người tù cách mạng hướng về cuộc sống tự do bên ngoài. Từ sự tưởng tượng ấy mà một bức tranh mùa hè rộn rã, tươi vui, đầy sức sống được hiện ra (với tiếng ve, lúa chiêm đang chín, bầu trời cao rộng, đặc biệt tiếng chim tu hú đã thức dậy mùa hè rộn rã âm thanh, rực rỡ sắc màu, ngọt ngào hương vị:...). Đó là một bức tranh tâm cảnh sống động và đằng sau bức tranh ấy là tình cảm, tấm lòng của người chiến sĩ cách mạng đối với cuộc sống.

“Khi con tu hú gọi bầy

Đôi con diều sáo lộn nhào từng không...”

- Hình ảnh mùa hè hiện lên trong tâm tưởng người chiến sĩ cách mạng đang bị giam cầm trong chốn lao tù là sự cảm nhận của một tâm hồn trẻ trung, tràn đầy lòng yêu cuộc sống...

+ Ý thứ hai: Bài thơ thể hiện niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng bị giam cầm trong chốn lao tù...(4 câu thơ cuối)

- Bốn câu thơ cuối thể hiện tâm trạng người tù cách mạng: đó là tâm trạng đau khổ, uất ức, ngọt ngào được nói lên trực tiếp:

“Ta nghe hè dậy bên lòng

Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!”

- Tâm trạng ấy như truyền tới người đọc cảm giác ngọt ngào cao độ, đồng thời thể hiện niềm khát khao tự do cháy bỏng: muốn thoát ra khỏi cảnh ngục tù, trở về với cuộc sống tự do bên ngoài:

“Ngột làm sao, chết uất thôi

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu !”

HS có thể mở rộng bằng một số câu thơ khác trích trong các bài thơ”*Ngắm trăng*”,”*Đi đường*”(Nhật kí trong tù – Hồ Chí Minh) để làm phong phú cho bài làm...

c. Kết bài:

- Khẳng định lòng yêu cuộc sống và niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng được thể hiện qua bài thơ.

- Học sinh có thể liên hệ bản thân qua lòng yêu cuộc sống, qua nghị lực vượt khó để góp phần bảo vệ độc lập, tự do của đất nước.

CHUYÊN ĐỀ 5: THAM KHẢO NHỮNG BÀI VĂN HAY**PHẦN I: NHỮNG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI HAY**

ĐỀ SỐ 1: Trong những trang ghi chép cuối cùng của đời mình, nhà văn Nguyễn Minh Châu có kể lại một sự việc ông từng chứng kiến:

... Lúc bấy giờ mới khoảng năm giờ sáng. Sân ga Hàng Cỏ còn mờ mờ tỏ tỏ trong sương nhưng người đã chật ních. Có những dãy người xếp hàng ba hàng tư dài dằng dặc, như rồng rắn. Người nào cũng khoác đầy hành lý trên mình, đang chuẩn bị vào phía trong ga để lên tàu. Chung quanh cái dãy người xếp hàng là bạt ngàn những người đang ngồi giữa hàng đông, hàng núi hàng hóa, có lẽ lần đầu tiên tôi chứng kiến một buổi sáng tinh mơ mà khách đi tàu ở sân ga đông đến như thế. Và giữa cảnh đông đúc, chen chúc như vậy có một người đàn bà hãy còn trẻ, y như một kẻ mất trí, một người điên, cứ hét văng cả sân ga: “Các ông các bà có ai thương tôi cứu tôi với”. Người đàn bà kêu đến khản cả giọng mà chung quanh chẳng ai đoái hoài. Người ta chỉ quay mặt lại nhìn một cách thờ ơ, vả lại ai cũng chật xung quanh mình hàng đông hành lý, lại mệt đứt hơi, ai cũng chỉ đủ sức lo cho mình.

Thì ra thế này: người đàn bà xuống tàu trong đêm với hai đứa con, đứa ba tuổi, đứa mới nửa tuổi. Mẹ con ngồi chờ sáng. Lúc vừa tảng sáng, mẹ bảo con ngồi đây trông em, mẹ đi giặt tã cho em một lúc. Mẹ đi đến vòi nước gần nhà xí công cộng, cũng khá xa, chen chúc mới giặt giữ được, giặt xong quay về thì mẹ mình chỉ chìa cái bánh đa đã vỡ được đứa con lớn đi theo, chỉ còn đứa nhỏ nửa tuổi nằm giữa sân ga một mình. Nghe xong chuyện, tôi chạy đến trước mặt một đồng chí công an, đề nghị: các đồng chí nói loa đi, yêu cầu hành khách thấy khả nghi thì giữ lại, đứa dụ đứa trẻ thế nào cũng có vẻ khả nghi... Biết đâu nó còn quanh quẩn quanh đây. Yêu cầu mọi người giúp người ta. Đồng chí công an chẳng nói chẳng rằng, chẳng trả lời tôi lấy một lời. Còn hàng ngàn con người thì vẫn đứng đưng trong một vẻ ngái ngủ hoặc sợ mất cắp. Người đàn bà vẫn kêu gào giữa sân ga Hàng Cỏ như kêu gào giữa sa mạc.

(Rút từ tập *Trang giấy trước đèn*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2006, trang 126 – 127)

Câu chuyện trên gợi cho anh (chị) những suy nghĩ gì về lòng nhân ái và sự vô cảm của con người trong cuộc sống?

BÀI LÀM

Buổi sáng thức giấc muộn, tôi vội vã đạp xe đến trường. Buổi trưa giữa cái nắng đỏ gay gắt, tôi thật nhanh phóng xe về nhà. Tối đến, tôi trở về bên mâm cơm, bên ánh đèn bàn học rồi đi ngủ. Một ngày diễn ra thật nhanh, thật vội. Tôi bỗng thấy hình như hôm nay mình đã quên lắng nghe tiếng một đứa trẻ ăn xin bám áo xin chút lòng thương; đã bỏ ngoài tai tiếng của ai đó đang kêu lên giữa đường đòi nhờ giúp đỡ và tôi cũng đã lờ đi lời khẩn nài của bà cụ già yếu bên hàng xóm. Tôi đã muốn quên đi tất cả sự thờ ơ của mình để tự nhủ mình vẫn sống thật tốt. Nhưng hôm nay đọc những trang ghi chép cuối cùng của nhà văn Nguyễn Minh Châu kể lại sự việc ông đã chứng kiến, tôi bỗng giật mình nhìn lại về lòng nhân ái và sự vô cảm của chính mình và của cả con người trong cuộc sống.

Chuyện kể lại sự việc tại một nhà ga, một người mẹ bị lạc mất đứa con đang *hét văng cả sân ga*: “*Các ông các bà có ai thương tôi cứu tôi với*”. Người đàn bà cứ kêu khẩn cả giọng mà chung quanh chẳng ai đoái hoài. Trước nỗi đau mất con, người đàn bà chẳng được giúp đỡ gì. Câu chuyện kết thúc bằng dòng văn: *Người đàn bà vẫn kêu gào giữa sân ga Hàng Cỏ như kêu gào giữa sa mạc*. Có ai đã là người đọc đến đây và bỗng giật mình nghĩ lại xem mình có phải là người trên sân ga hôm ấy không? Tôi cũng đã tự hỏi: Đã bao lần trong những sân ga chật chội đông người như thế, tôi đã bỏ ngoài tai lời gào thét kêu van của những người xung quanh? Mọi người hãy nhìn cảnh đau thương ấy và thử hỏi lại xem: trong câu chuyện của Nguyễn Minh Châu ghi lại đâu là bóng dáng của những bàn tay che chở yêu thương?

Lòng nhân ái vốn là một truyền thống của người dân đất Việt. Từ những mái nhà tre, những đêm “tối lửa tắt đèn có nhau”, người quê ngày xưa giàu lòng quan tâm biết mấy. Tôi lại nhớ đến câu chuyện *Đôi mắt* của Nam Cao, khi anh Hoàng nói về sự tọc mạch của người nông dân. Làng quê ngày xưa rất quan tâm đến mỗi người trong làng của mình, dù bạn là người đi xa mới về thì hãy nhớ là gặp người lạ cũng phải chào. Đây không phải là tọc mạch. Người thành phố chê người nông dân lắm chuyện, nhưng người thành phố thì hình như lại “ít chuyện” quá. Con người bắt đầu tách nhau ra, đi theo một nền văn minh mới. Nhà cửa xa nhau, phố xá rộng quá, người quen cũng xa nhau và bắt đầu cuộc hành trình xa cách của những tấm lòng. Chưa bao giờ như bây giờ ta được nghe mọi người nhắc nhiều đến bệnh vô cảm đến thế. Trong sách giáo khoa Ngữ Văn lớp 11, có đề văn: “Suy nghĩ của em về bệnh vô cảm”, tôi

cứ tưởng nó xa xôi quá, ở những nước tư bản cơ, nhưng đôi khi nhận ra có lúc mình cũng vô cảm và những người xung quanh đôi khi lạnh lẽo với nhau. Đọc những dòng ghi chép của Nguyễn Minh Châu tôi mới nhận rõ cái nỗi niềm đau đớn của một bà mẹ mất con. Giữa cái nhộn nhạo ấy, bà mẹ không những đau xót về đứa con của mình mà còn đau xót khi những lời kêu than của mình cứ lặn vào thinh không. Những người ở sân ga hôm ấy đã ngoảnh mặt đi giữa sự đau đớn quặn quại của một con người.

Vô cảm là đã không còn tình cảm, không còn xúc cảm đối với cuộc sống đang diễn ra xung quanh mình. Nhìn thấy một cảnh đau lòng ta sẽ dễ rơi nước mắt; nhưng vô cảm là khi ta không còn thấy bất kì một sợi dây nào đang rung lên ở bên trong, ta lạnh nhạt bước đi mà không thương xót. Buổi sáng đi qua đèn đỏ ngã tư, một đứa trẻ trần truồng xám ngắt bị bỏ lại bên đường, bên cạnh có chiếc ống bơ xin tiền, những ai vô cảm sẽ đi qua mà không chút động lòng. Con người trong xã hội ngày nay đang dần dần chấp nhận sự vô cảm trong đời sống. Bước ra khỏi lũy tre làng, ta dần quên lãng câu “tối lửa tắt đèn”. Bắt đầu cuộc sống phồn hoa đô thị, lòng người bắt đầu đóng khép. Trong một xã hội lấy khoa học làm đầu, đi sâu tìm hiểu những hạt vật chất li ti, chẻ nhỏ trái đất ra để khám phá, người ta dễ vì bận bịu công việc của mình mà quên đi người khác, mà để ngoài tai tất cả âm thanh của cuộc sống. Ấy chính là lúc con người vụt nhiên mất đi cái nhìn về tổng thể, về sợi dây vị tha ràng buộc với cuộc đời để nghiêng hẳn về phía cá nhân vị kỉ, hẹp hòi và bỗng trở thành ích kỉ, vô cảm, vô nhân tính mà không hề biết. Lời lí giải duy nhất Nguyễn Minh Châu đã nói cho sự thờ ơ của đám người trên sân ga với nỗi đau của người phụ nữ kia là: *“Ai cũng chắt quanh mình hàng đống hành lí, lại mệt đứt hơi, ai cũng chỉ đủ sức lo cho mình”*. Đối lập với tiếng kêu gào thảm thiết của bà mẹ là sự *dửng dưng trong một vẻ ngái ngủ hoặc sợ mất cắp* của mọi hành khách trên sân ga. Đó là gì nếu không phải là tính ích kỉ đang xô đẩy lòng vị tha và sự vô cảm đang phủ lấp lòng nhân ái của con người?

Nghe câu chuyện Nguyễn Minh Châu kể, ta quả có lí do để nghi ngại khi nghĩ về một thế giới không còn tình thương. Nhưng may thay, trong cõi nhân sinh giá băng của ánh sáng mùa đông trên sân ga lạnh vắng tình người hôm ấy vẫn còn có ánh lửa của lòng nhân ái. Ánh lửa ấy tuy bằng bạc, ít ỏi nhưng vẫn lóe lên giữa đám người vô cảm kia và làm cho ta có được một chút ấm áp trong lòng. Đó là hình ảnh của nhân

vật “tôi” thương xót cho hai mẹ con và tìm mọi cách để giúp đỡ. Vậy là giữa cái vút qua nhanh chóng của dòng người vô cảm cứ tiến về phía trước mà không để tâm đến xung quanh, vẫn có những con người chưa nguội lạnh lòng nhân ái. Lòng nhân ái là yêu thương, trù mến, là sự cảm thông, sẵn sàng chia sẻ và thái độ quý trọng con người. Và đây, trong cuộc đời ngồn ngộn, bộn bề quanh ta, vẫn có những người cứ sáng chủ nhật lại đến làng trẻ mồ côi để lau dọn nhà, để giúp các em biết đọc thông viết thạo. Vẫn có những người dù vội vã đi làm nhưng vẫn dành ra mấy giây để dừng lại nhật hộ cụ già chiếc mũ, vài phút thôi để đưa một bà lão sang đường hay giúp một người đi đường chẳng may ngã xe. Trong cuộc sống bên cạnh cái bão táp cuốn con người vào vòng xoáy bộn bề vẫn có những người bám trụ lại bên con người bằng lòng nhân ái, bằng tình yêu con người thực sự sâu sắc. Hãy dành ra trong những âm thanh bộn bề của cuộc sống một khoảng bình yên để lắng nghe tiếng ai đó đang cần bạn giúp đỡ. Và ta bỗng thấy yên lòng khi vẫn có người chờ đợi hoa cúc nở, khi ai đó trót vấp ngã vẫn có vô số những bàn tay sẵn sàng giơ ra.

Cuộc sống dần đã đổi thay, con người từ lũy tre làng bình yên hướng đến đại dương đầy sóng gió. Dù bạn đang trên chiếc thuyền băng băng tiến ra ngoài khơi ấy thì hãy đừng chỉ sống bằng ý chí của cái đầu lạnh mà hãy dành thời gian lắng nghe tiếng đập của trái tim mình. Hãy nhớ rằng: Nơi lạnh nhất không phải là Bắc cực mà là nơi không có tình thương. Vô cảm không chỉ là bỏ ngoài tai tiếng thương của đồng loại mà là không biết cảm nhận những thanh âm thiên nhiên trong trẻo vô ngần của cuộc sống. Không biết lắng nghe một tiếng chim hót, không biết ngắm một giọt sương khê đậu trên lá hay không biết đến cả những phút giây đếm sao trời của đêm trăng sáng ấy là khi ta đang lạc bước vào vô cảm. Hãy để những hình ảnh của cuộc sống căng đầy vỗ vào trái tim mình. Hãy yêu thương ai đó cho đến khi cuộc sống không còn.

Tôi bỗng nhớ một bài thơ của Gar-xi-a Lor-ca, bài thơ *Tạm biệt*:

Nếu tôi chết đi

Xin cứ để bạn công mở rộng

Em nhỏ đang ăn trái cam

Từ trên bạn công tôi còn được thấy

Những người gặt mùa đi gặt lúa mì

Từ trên bạn công tôi còn được nghe

Nếu tôi chết đi

Xin cứ để bạn công rộng mở.

Lòng yêu thương trang trọng vô ngần với cuộc sống sẽ khiến bạn yêu biết mấy những khung cảnh như bình dị. Hãy thoát khỏi cái kén dày vô cảm để cất cánh ra ngoài cuộc sống đầy yêu thương này.

Có lần tôi đã xem một bộ phim truyện ngắn của nước Mỹ nói về một người mẹ đã dũng cảm một mình đi tìm kiếm đứa con gái của mình trên một chiếc máy bay rất lớn. Không một ai giúp đỡ và còn coi cô ta bị điên. Nhưng kết thúc phim là hình ảnh bà mẹ bế đứa con bị đánh thuốc mê trên tay đi xuống sân ga. Tất cả đều tủi hổ với lời nói: “Chúng tôi thật sự xin lỗi”. Cuộc sống dần hiện đại, đừng đóng khép trái tim quá vội, đừng ích kỉ, bạc nhược một cách vô cảm. Câu chuyện của Nguyễn Minh Châu chính là những dòng thức tỉnh các lương tri còn quá vô cảm trên cuộc sống này.

Hôm nay tôi lắng nghe lời của cuộc sống gõ vào trái tim tôi. Tôi sẽ chia tay ra cho những em thơ bơ vơ đói khổ, cho em vài đồng mình dành dụm được. Tôi sẽ vắn nhỏ dài đi hơn nữa trong đêm khuya để khỏi làm ảnh hưởng tới mọi người. Tôi cũng sẽ bình lặng lắng nghe chính mình để ước sao lòng nhân ái sẽ vượt lên tất cả nỗi vô cảm đáng sợ kia. Và, ngay lúc này đây, nếu có thể quay được thời gian, chúng ta hãy cùng nhau chạy mau ra sân ga Hàng Cỏ để được giúp đỡ bà mẹ đau khổ đang kêu gào thảm thiết kia!

ĐỀ SỐ 2: Nghị luận về công hiến và hưởng thụ

BÀI LÀM

Khi trở thành một phần của lịch sử, mỗi con người không chỉ sống cuộc sống của riêng mình mà còn sống đời sống của cộng đồng, cùng tồn tại và phát triển với môi trường tự nhiên, xã hội xung quanh. Trong sự tồn tại ấy, có biết bao vấn đề mà con người phải nhận thức và giải quyết để có thể duy trì và nâng cao chất lượng sự sống. Công hiến và hưởng thụ là hai trong số những phương diện như thế. Nhận thức về vấn đề này, có ý kiến cho rằng: “Đừng tìm mọi cách để hưởng thụ mà hãy tìm mọi cách để công hiến”.

Cống hiến là tạo ra những giá trị hữu ích góp phần thúc đẩy cộng đồng, xã hội và đất nước. Ngược lại với cống hiến là hưởng thụ. Hưởng thụ là đón nhận, nhận về những điều tốt đẹp mà mình mong muốn, khao khát. Người biết cống hiến là người luôn nỗ lực làm việc tạo ra các giá trị hữu ích, cho đi nhiều hơn là nhận lại. Người hưởng thụ là người chỉ biết nhận về mình mà không muốn lao động hoặc cho đi một cái gì.

Xã hội phát triển được là bởi mỗi cá nhân biết đóng góp sức mình để xây dựng từng ngày. Nếu chỉ biết hưởng thụ, con người sẽ nghĩ đến hưởng lạc, lạc thú mà quên nghĩa vụ đóng góp, dựng xây của mình đối với cộng đồng, dần dần sẽ trở thành người lười lao động, ích kỷ, chỉ nghĩ đến bản thân. Người hưởng thụ luôn ỷ lại, dựa dẫm, vô trách nhiệm với gia đình, xã hội, kìm hãm xã hội phát triển, thậm chí là gây hại đến cộng đồng. Tìm mọi cách để hưởng thụ là biểu hiện của lối sống gấp, ích kỷ, hẹp hòi. Ngược lại, luôn cống hiến, hành động nỗ lực không ngừng để góp sức mình vào sự phát triển của xã hội sẽ tạo ra nhiều giá trị hơn. Tìm mọi cách để cống hiến là lý tưởng đẹp đẽ, hành động cao cả đáng được ngợi ca, góp phần nâng cao giá trị của mỗi cá nhân trong đời sống. Đó là cách để mỗi chúng ta sống có ích hơn, có ý nghĩa hơn và để được xã hội tôn vinh.

Nhà bác học Anhtan đã từng nói: “Chỉ có cuộc sống vì người khác mới là cuộc sống đáng quý”. Sinh ra trên đời, mỗi người đã được thừa hưởng những thành quả vật chất và tinh thần mà các thế hệ đi trước đã tạo dựng và để lại. Một cách tự nhiên và bằng kết quả lao động của mình, con người được phép thu nhận, sử dụng cho bản thân những sản phẩm văn hóa vật thể và phi vật thể, từ cái ăn, cái mặc, phương tiện đi lại đến tri thức khoa học, các hoạt động nghệ thuật, giải trí... Có được những cái đó là nhờ sự cống hiến của biết bao người trong cộng đồng: người nông dân làm ra hạt gạo, người thợ làm ra vải vóc, người kỹ sư thiết kế ra xe cộ, người thầy giáo truyền thụ kiến thức, người nghệ sĩ sáng tạo ra các sản phẩm văn nghệ...

Thánh Gandhi đã từng nói: “Con người trở nên vĩ đại theo mức độ họ làm cho đồng loại hạnh phúc”. Đến lượt mình, mỗi người lại phải cống hiến sức lực và trí tuệ của bản thân để tạo ra nguồn của cải phục vụ cộng đồng, góp phần làm cho đời sống ngày càng tốt đẹp hơn. Nếu hưởng thụ là thu nhận, thụ hưởng những tiện nghi của đời sống

thì cống hiến là đóng góp, dâng hiến những khả năng của bản thân cho cộng đồng. Cống hiến và hưởng thụ, nói chung, là như thế. Nhưng với riêng mỗi người, mỗi quan hệ giữa chúng lại không hề giản đơn. Nhận thức vấn đề này thế nào để có thể sống tốt và sống đẹp là điều mà rất nhiều người, nhất là tuổi trẻ quan tâm. Ý kiến trên đây có thể coi là một định hướng đừng chỉ nghĩ đến việc tìm mọi cách để thụ hưởng thành quả lao động của người khác mà nên tìm mọi cách để sống có ích, đóng góp sức mình vào sự tiến bộ chung của cộng đồng, nhân loại.

“Đừng tìm mọi cách để hưởng thụ mà hãy tìm mọi cách để cống hiến”. Chẳng phải ngẫu nhiên mà ai đó đã đưa ra tư tưởng, nhận thức về vấn đề cống hiến và hưởng thụ như trên. Bởi như chúng ta đều biết, hưởng thụ và cống hiến là hai mặt quyền lợi và trách nhiệm ràng buộc lẫn nhau mà mỗi người khi sống trong cộng đồng cần phải có. Là một thành viên của cộng đồng nhỏ – gia đình, cộng đồng lớn – xã hội và nhân loại, mỗi người vừa có quyền, có điều kiện thừa hưởng, tiêu dùng những thành quả mà các thế hệ đi trước đã tạo ra nhưng trở lại phải có nghĩa vụ đóng góp sức mình vào sự phát triển chung của các cộng đồng ấy. Đây là hai mặt biện chứng của cặp khái niệm “cho” và “nhận” mang tính triết học, phản ánh một quy luật tất yếu của đời sống mà nhà thơ Tố Hữu khi sinh thời đã có lần viết trong thơ :

*”Nếu làm con chim, chiếc lá
Con chim phải hót, chiếc lá phải xanh
Lẽ nào vay mà không trả
Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình”
(Một khúc ca)*

Không chỉ có vậy, cống hiến và hưởng thụ còn là vấn đề đạo đức, đạo lý làm người: “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”, “Uống nước nhớ nguồn”... “Ăn quả” và “Uống nước” là hưởng thụ. “Nhớ kẻ trồng cây”, “nhớ nguồn” là thái độ biết ơn, nhưng không hẳn là biết ơn thuần túy bằng tấm lòng, tình cảm, bằng lời hay ý đẹp mà phải bằng hành động thực tiễn – những hành động lao động có ích để làm cho cái “cây” ấy mãi mãi tươi xanh, “nguồn” “nước” kia đời đời không vơi cạn.

“Đời người được đo bằng tư tưởng và hành động chứ đâu phải được tính bằng thời gian” (Mô-ri-son). Nếu chỉ tìm mọi cách để hưởng thụ, con người sẽ chỉ nghĩ đến việc

hưởng lạc, đến lạc thú mà quên nghĩa vụ đóng góp, dựng xây của mình đối với cộng đồng. Nếu cứ như vậy, dần dần anh sẽ trở thành kẻ lười lao động, ích kỷ, chỉ nghĩ đến bản thân, từ đó hình thành thói ỷ lại, dựa dẫm, vô trách nhiệm với gia đình, xã hội. Tìm mọi cách để hưởng thụ là biểu hiện của lối sống gấp, sống như thể ngày mai sẽ chết, bất chấp những gì diễn ra xung quanh. Sống như thế có khác gì nước ở biển Chết trong câu chuyện “Hai biển hồ” (Trích Quà tặng cuộc sống).

Trong khi đó, tìm mọi cách để cống hiến là hành động nỗ lực không ngừng để góp sức mình vào sự phát triển liên tục của xã hội. Cống hiến càng tốt, càng nhiều thì xã hội càng nhanh tiến bộ, văn minh và bản thân mỗi người càng có cơ hội nhiều hơn để hưởng thụ và nâng cao chất lượng của sự thụ hưởng. Tìm mọi cách để cống hiến là lý tưởng đẹp đẽ, hành động cao cả đáng được ngợi ca, góp phần nâng cao giá trị của mỗi cá nhân trong đời sống.

Cống hiến cho cuộc sống cũng là một trong những cách để mỗi chúng ta sống có ích hơn, có ý nghĩa hơn và để được xã hội tôn vinh. Cho nên, một định lý trong cuộc sống mà ai cũng đồng tình : một ánh lửa sẻ chia là một ánh lửa lan tỏa, một đồng tiền kinh doanh là một đồng tiền sinh lợi. Đôi môi có hé mở mới thu nhận được nụ cười. Bàn tay có mở rộng trao ban, tâm hồn mới tràn ngập vui sướng. Thật bất hạnh cho ai cả cuộc đời chỉ biết giữ riêng cho mình, “sự sống” trong họ rồi cũng sẽ chết dần chết mòn như nước trong lòng biển Chết. Đó là chưa kể, những hành động trao đi cao cả, những cống hiến vĩ đại cho loài người sẽ mãi mãi được lịch sử ghi nhận và ngợi ca. Tô Hữu đã từng xúc động khi viết:

*“Xin tạm biệt đời yêu quý nhất
Còn mấy vần thơ, một nắm tro
Thơ gửi bạn đường, tro bón đất
Sống là cho mà chết cũng là cho”.
(Tô Hữu – Bài thơ vĩnh biệt cuộc đời)*

Cho đi, cống hiến nhiều hơn cho cuộc sống này để được nhận lại nhiều hơn. Câu nói “Đừng tìm mọi cách để hưởng thụ mà hãy tìm mọi cách để cống hiến” thực ra không nhằm phê phán việc hưởng thụ. Bởi ai cũng thấy hưởng thụ là một nhu cầu chính đáng, một hoạt động có ích cho cuộc sống của mỗi người. Hưởng thụ chính là một

trong những cách tốt nhất để giảm những áp lực trong cuộc sống mà mỗi người thường xuyên phải đối mặt. Chẳng phải thế mà sau bao những bộn bề, vất vả của cuộc sống mưu sinh, con người thường có nhu cầu đến các điểm vui chơi, những nơi có thắng cảnh, di tích văn hóa, những bờ biển đẹp... để thụ hưởng, tiêu dùng các giá trị văn hóa vật chất, tinh thần mà cuộc sống đã dành cho.

Hưởng thụ, do đó, sẽ không chỉ giúp chúng ta thỏa mãn nhu cầu chính đáng của mình mà còn giúp ta tái sản xuất sức lao động, có thêm động lực, tinh thần để cống hiến được nhiều hơn và tốt hơn cho cộng đồng. Trong xã hội hiện đại ngày nay, không biết hưởng thụ, thậm chí còn bị coi là lạc hậu, là “ngố”, là kém văn minh. Vì thế, biết hưởng thụ cũng là biết sống, yêu sống, trước hết là sống cho mình, rồi đến là sống cho mọi người (mình vì mọi người). Con người có cống hiến và cũng có quyền được hưởng thụ với nhiều cách thức khác nhau, ở nhiều dạng thức không giống nhau, tùy theo nhu cầu, sở thích, khả năng, điều kiện của bản thân.

Tuy nhiên, ta không nên lạm dụng cái quyền được hưởng thụ để cho phép mình lãng quên hoặc tiết giảm những nghĩa vụ, trách nhiệm với gia đình và cộng đồng. Mỗi người cần phải cân mực hài hòa giữa cống hiến và hưởng thụ. Thậm chí, trong những hoàn cảnh nào đó của đời sống, cần biết hi sinh hoặc chấp nhận những thiệt thòi về bản thân để toàn tâm, toàn trí cho việc cống hiến.

Trong thực tế, việc đòi hỏi sự cân bằng tuyệt đối giữa hưởng thụ và cống hiến là chuyện không tưởng. Sự đăi ngộ dành cho những cống hiến của con người còn phải tùy thuộc vào điều kiện chung, mức sống chung của cộng đồng, xã hội. Vả lại, có những công việc, những cống hiến không thể lấy vật chất ra để đo, đếm. Vì thế, nhận thức về tương quan giữa hưởng thụ và cống hiến cần hài hòa và linh hoạt, có như thế ta mới dễ sống, dễ thăng tiến trong công việc của mình.

Mối quan hệ giữa cống hiến và hưởng thụ có ba biểu hiện cơ bản, từ đó hình thành ba lối sống : có người chỉ muốn hưởng thụ mà không muốn cống hiến hoặc khá hơn một chút là cống hiến ít nhưng đòi hỏi hưởng thụ phải thật nhiều; có người yêu cầu hưởng thụ phải cân bằng với cống hiến nên trước khi cống hiến thường đặt ra điều kiện thụ hưởng, nếu không sẽ không làm; có người nghĩ đến cống hiến nhiều hơn hưởng thụ, trước khi hưởng thụ.

Hãy lấy cống hiến làm lẽ sống để hăng hái, xung phong đi vào những nơi khó khăn nhất, những phần việc gian nan nhất để có thể phát huy được nhiều nhất sức trẻ của mình đóng góp cho xã hội.

“Đừng tìm mọi cách để hưởng thụ mà hãy tìm mọi cách để cống hiến”. Mỗi chúng ta cần phải xác định rõ tư tưởng : hãy nghĩ đến cống hiến nhiều hơn là hưởng thụ. Có tích cực cống hiến thì mỗi chúng ta mới có hạnh phúc, có điều kiện để nâng cao chất lượng hưởng thụ và giá trị bản thân. Vận dụng vào thực tiễn đời sống, thanh niên, học sinh cần học tập, tu dưỡng thật tốt để tích cực chuẩn bị cho việc cống hiến sau này. Hãy phấn đấu trở thành những người cống hiến nhiều nhất cho Tổ quốc, cho nhân dân. Khi đó sự hưởng thụ chính đáng sẽ đến với chúng ta và đất nước sẽ không bao giờ quên những gì mà chúng ta đã đóng góp.

ĐỀ SỐ 3: Anh/ chị hãy trình bày suy nghĩ của bản thân về câu chuyện sau.

Vốn quý trời ban

Một con rùa dõi nhìn bóng chim ưng bay trên bầu trời, lòng vô cùng ngưỡng mộ, nó cũng muốn bay lên được như vậy. Thế là rùa đi tìm chim ưng dăng thật nhiều lễ vật để mong chim ưng dạy cho nó cách bay nhưng chim ưng bảo rùa không thể bay được, rùa một mực không tin cứ xin xỏ luôn miệng. Bất đắc dĩ chim ưng mới bắt rùa bay lên trời rồi thả nó ra.

Kết cục rùa rơi xuống tảng đá mà chết.

(Theo Hạt giống tâm hồn NXB tổng hợp TP.HCM).

BÀI LÀM

Sophia đã từng nói rằng: “Vượt lên phía trước là công việc đòi hỏi lòng tin tưởng khát khao vào bản thân. Đó là vì sao vài người tài năng tầm thường nhưng có chí tiến thủ lớn lao lại đi xa hơn nhiều những người với tài năng vượt trội hơn hẳn”. Câu nói đã khẳng định giá trị của bản thân không phải do thiên bẩm, hay người khác định lượng mà chính sự kiên cường, bền bỉ của mỗi chúng ta quyết định và quan trọng nhất là phải luôn tin tưởng vào giá trị của bản thân Có lẽ vì vậy nên khi đọc câu chuyện “**Vốn quý trời ban**” bạn và tôi sẽ thấy được những bài học vô cùng quý giá.

Chuyện kể rằng, có một con rùa nhìn theo bóng chim ưng bay lướt, nó vô cùng ngưỡng mộ và nó cũng muốn được bay lên như vậy. Thế là rùa ta bèn đến gặp chim ưng, dâng thật nhiều lễ vật mong chim ưng sẽ dạy cho nó. Dù từ chối thế nào rùa ta vẫn không nghe nhất quyết đòi học cho bằng được, vì bất đắc dĩ chim ưng dùng móng quắp rùa bay lên trời và thả rùa ra, kết cục rùa rơi vào tảng đá mà chết. Vậy đây, hãy trân trọng vốn quý mà trời ban tặng đừng nên quá ngưỡng mộ tài năng của người khác như chú rùa nhỏ bé. Hãy dùng tài năng của mình để tạo nên thành công trên con đường mình đã chọn.

Câu chuyện trên có một nhan đề thực sự ý nghĩa, “vốn quý trời ban”. Đó là những thứ mà mỗi người được thượng đế ban tặng, hết sức quý giá. Tuy nhiên không phải ai cũng nhận thấy được và trân trọng nó, chú rùa trong câu chuyện mà chúng ta đề cập đã không biết đến và hiểu hết được ý nghĩa của mai Rùa mà một ngày chỉ biết ngưỡng mộ tài năng của chim ưng, muốn bay lướt trên bầu trời cao thẳm, rùa đâu biết rằng mai rùa là một vũ khí đặc lực, một ngôi nhà chắc chắn lúc rùa tự vệ và tránh được kẻ thù. Chính vì vậy không trân trọng những gì mình đang có rùa đã phải chịu một kết cục thật là bi thảm.

Vậy tại sao chúng ta lại phải biết trân trọng những gì mà trời ban tặng, đừng nên quá ngưỡng mộ tài năng người khác. Ai sinh ra mà chẳng có một tài năng, năng khiếu đặc biệt đó chính là vốn quý mà trời ban tặng. Không lúc này thì lúc khác, vốn quý ấy sẽ được con người nhận ra, khi biết trân trọng tài năng của mình, con người sẽ đạt được thành công mỹ mãn, tài năng sẽ giúp con người thêm tự tin, khiến họ trở nên thật hoàn hảo trong mắt người khác, giúp họ được nhiều người ngưỡng mộ, yêu quý.

Nhưng chúng ta cũng đừng nên quá ngưỡng mộ tài năng của người khác, mà trở nên mù quáng khi ấy chính chúng ta sẽ đánh mất đi những vốn quý trời ban cho bản thân mình. Và đặc biệt là hãy biết dùng tài năng để tạo nên thành công trên con đường sự nghiệp, biết phát huy tài năng đúng lúc đúng, cách tận, dụng một cách triệt để để vươn đến vinh quang.

Tôi đã được đọc một câu chuyện rất hay, chuyện kể về một cây bút màu nâu nằm trong một hộp bút gồm 12 chiếc của một ông họa sĩ nổi tiếng, ông đang vẽ một bức tranh để tham dự triển lãm, bức tranh vẽ về cảnh biển lúc bình minh, có một con thuyền đang chập chờn trong sóng nước, có hai đứa trẻ ngồi chơi đùa trên bãi biển xây lên lâu đài thật đẹp. Hàng phi lao nhẹ nhè đưa trong gió, xa xa là những cánh chim hải âu từng đôi một đang chao liệng. “chà! đã đến lúc tô màu cho bức tranh này rồi”, ông reo lên, ông lấy màu xanh tô cho hàng phi lao chạy dài trên bờ biển, vì quá nóng lòng muốn đến lượt mình cây bút màu nâu đến bên cây bút màu xanh và nói “bạn có thể đổi màu cho tôi được không?” cây bút màu xanh đồng ý. Giờ đây cây bút màu nâu đã là cây bút xanh, thế nhưng ông họa sĩ lại cất cây bút xanh vào hộp, ông dùng cây bút màu vàng để tô điểm cho bãi cát. Mong muốn đến lượt mình cây bút xanh lại đến nói với cây bút vàng để đổi màu giờ đây cây bút nâu đã là cây bút vàng, cây bút nâu đổi hết từ màu này đến màu khác và giờ nó trở thành cây bút màu tím, ông họa sĩ đã dùng màu nâu để tô điểm cho con thuyền đang lướt sóng ngoài biển bây giờ cây bút màu nâu chợt hiểu ra một điều vì không biết trân trọng tài năng của mình nó đã không được dùng đến, vì không biết trân trọng chính bản thân mà nó đã không thể cống hiến dù chỉ là một lần. Nó chợt hiểu ra dù có đổi hết màu này đến màu khác thì cũng chẳng ích gì. Ngày nay có rất nhiều người đã nhận ra tài năng vốn quý của trời ban tặng, cống hiến cho quê hương, đất nước, họ trân trọng tài năng của mình trở thành những ca sĩ nổi tiếng, trở thành những doanh nhân giỏi đạt đến đỉnh cao của sự nghiệp.

Tuy nhiên một số bộ phận nhỏ trong xã hội chưa biết trân trọng tài năng của mình, chưa biết tìm tòi để phát huy tài năng. Một số người ngưỡng mộ tài năng của người khác một cách quá mức, dẫn đến mù quáng, thấy người khác có tài năng đặc biệt gì là cũng muốn có. Một số khác, chưa biết phát huy hết tài năng của mình để đạt được thành công.

Hãy biết trân trọng tài năng của mình, đừng quá ngưỡng mộ tài năng của người khác, hãy dùng tài năng của mình để tạo nên những thành công và tỏa sáng. Câu chuyện “Vốn quý trời ban” sẽ là bài học quý giá để mỗi chúng ta bước vào đời, là học sinh đang ngồi trên ghế nhà trường muốn người trong chúng ta hãy cố gắng học tập, biết phát huy tài năng để trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

ĐỀ SỐ 4: Nghị luận về câu nói: “Thành công chỉ đến khi chúng ta cố gắng hết sức và không ngừng hoàn thiện bản thân mình”

BÀI LÀM

Trên thế giới, có rất nhiều người đã đạt được thành công của riêng mình, họ đều có bí quyết, nhưng họ cũng không ngần ngại mà chia sẻ cho mọi người để học tập theo. Công thức thành công của họ cũng vô cùng đơn giản nhưng không phải ai cũng có thể thực hiện được: “Thành công chỉ đến khi chúng ta cố gắng hết sức và không ngừng hoàn thiện bản thân mình”.

Thành công là thành tựu, kết quả tốt đẹp mà ai cũng mong muốn đạt được. Khi thành công, con người ta sẽ cảm thấy tự hào, hạnh phúc với chính bản thân mình. Muốn thành công đến, thì bạn ít nhất cũng phải trang bị cho chính mình hai yếu tố: Cố gắng hết sức và luôn hoàn thiện bản thân.

Cố gắng hết sức là khi bạn không bao giờ bỏ cuộc khi khó khăn ập tới, luôn tìm ra những cách giải quyết để vượt qua những thử thách đó. Bởi hành trình để đến thành công vô cùng gian lao và vất vả, hết khó khăn này, khó khăn kia lại kéo đến, cứ chồng chất lên nhau. Thất bại không chỉ đến lần một, lần hai mà còn nhiều hơn thế nữa, vậy nên bạn vẫn phải tiếp tục đối mặt, bền bỉ, kiên trì mà vượt qua nó. Kết hợp với sự cố gắng đó là một nỗ lực không ngừng nghỉ trong việc hoàn thiện bản thân mình. Dù bạn có cố gắng tới mức nào mà không chịu hoàn thiện bản thân, thì thành công cũng khó mà đến nhanh với bạn được. Vì sao? Vì xã hội ngày càng phát triển, con người ta không thể chỉ giỏi về một lĩnh vực mà có thể thành công ngay được, bạn cần phải có những kỹ năng mềm cần thiết như sự tự tin, tinh thần tự lực tự cường,... Rồi không ngừng trau dồi thêm kiến thức, tìm tòi sáng tạo ra cái mới để làm sao phù hợp với xu hướng phát triển của thời đại. Khi bạn nắm vững được kiến thức cơ bản này hãy bắt tay vào hành động tức khắc, rồi thành công sẽ gõ cửa.

Có rất nhiều tấm gương về quá trình dẫn đến thành công, Bác Hồ thân yêu của chúng ta là một trong những tấm gương sáng đó. Người đã phải trải qua bao nhiêu năm bôn ba nước ngoài, nhiều lần bị bắt vào tù, nhưng Người không hề nản chí mà vẫn tiếp tục đấu tranh tìm con đường giải phóng cho dân tộc. Trong những năm tháng đó, Người cũng không ngừng nỗ lực rèn luyện bản thân, học tập nhiều cái mới của đất

nước phát triển để áp dụng cho dân tộc mình. Hay một nhân vật đang rất nổi tiếng trên thế giới hiện nay, ông Jack Ma – một tỷ phú người Trung Quốc, là người đã phải trải qua hàng nghìn lần thất bại. Ông trượt đại học hai lần, nhưng ông vẫn không bỏ cuộc mà vẫn ôn thi tiếp và đỗ. Sau khi tốt nghiệp, ông đã nộp đơn cho hơn 30 công việc và lại bị từ chối tiếp. Nhưng không dừng lại ở đó, ông tiếp tục nỗ lực và phát triển công ty của chính mình và giờ nó trở thành một tập đoàn lớn mạnh của Trung Quốc. Bác Hồ hay Jack Ma hay những người thành công khác, tất cả họ đều là những người truyền cho ta cảm hứng. Ta học hỏi ở họ sự cố gắng bền bỉ, kiên trì, nỗ lực không ngừng nghỉ để rồi ta cũng có thành công của riêng mình.

Sự cố gắng, nỗ lực để đạt được thành công là vô cùng đúng nhưng không có nghĩa là bạn bất chấp đúng sai để đạt được điều bạn muốn, điều mà bạn cho đó là thành công. Bên cạnh đó, cũng cần chê trách một số người hễ cứ thấy khó khăn là bỏ cuộc hay khi đã đạt được một điều mình mong muốn mà lại trì trệ, không chịu trau dồi thêm, khi đó thành công của họ sẽ không thể đứng vững lâu được mà nó chỉ là tạm thời mà thôi. Là học sinh, thế hệ trẻ tương lai của đất nước, việc đầu tiên chúng ta cần làm đó là học tập thật tốt, rèn luyện đạo đức không ngừng và quan trọng hơn cả là trang bị cho mình những kỹ năng sống để sau này có thể tự tin bước vào đời.

Cố gắng hết sức và không ngừng nỗ lực, hai tiền đề này sẽ mang ánh sáng thành công đến với bạn, bởi “Thành công chỉ đến khi chúng ta cố gắng hết sức và không ngừng hoàn thiện bản thân mình”. Từ đó, khi bạn đạt được thành công mình mong muốn, bạn đã khẳng định được bản thân trong cuộc đời, hơn thế nữa bạn còn góp phần giúp cho gia đình và xã hội ngày một tươi đẹp hơn.

ĐỀ SỐ 5 : Bài học rút ra từ câu chuyện sau:

Hòn đá và những viên sỏi

Có câu chuyện kể lại rằng ...

Ngày ấy, trên đỉnh núi cao chót vót kia có một hòn đá to lớn và hùng dũng. Hòn đá đó đứng hiên ngang trước mọi sóng gió, tưởng như một thành trì không thể xuyên thủng hay phá vỡ.

Thế nhưng, một ngày kia, mưa giông nổi lên. Hòn đá ấy bị những tia chớp đánh trúng, thế là nó nứt ra, dạn dần, rồi rơi vỡ và lăn lóc xuống lòng sông bên dưới nó. Những phần đá bị vỡ lăn lội trên lòng sông, bị bào mòn bởi dòng nước, bị đưa đẩy đi đến khắp mọi nơi. Dần dà, những góc sắc và cái bề mặt thô ráp của nó không còn, chỉ còn lại một bề mặt láng bóng. Chính nhờ sự rửa trôi và bào mòn của nước mà những hòn đá trở thành những hòn đá cuội lung linh trong nắng.

BÀI LÀM

“Vị không có cảnh đông tàn,

Thì sao có cảnh huy hoàng ngày xuân”.

Đúng như vậy! Giống như bao hiện tượng của tự nhiên, cuộc sống của muôn loài, cuộc đời của mỗi người là một hành trình mà ở đó ta phải vượt qua những gian nan trắc trở để có thể về đích và thành công. Cuộc sống như một chặng đường dài, chắc hẳn ở đó mỗi người phải gặp giông tố cản bước, nhưng điều quan trọng là ta có chiến thắng số phận được không. Mượn hình ảnh về một cuộc hành trình đầy gian nan của một tảng đá, câu chuyện **Hòn đá và những viên sỏi** là một ẩn dụ cho sự cố gắng vươn lên vượt qua khó khăn của con người và để lại cho người đọc những bài học sâu sắc.

Câu chuyện nhỏ **Hòn đá và những viên sỏi** kể về hành trình hoàn thiện của hòn đá. Xưa kia, hòn đá ấy là tảng đá khổng lồ, trải qua sự khắc nghiệt của tự nhiên tảng đá đó bị nứt nẻ va đập, thương tích... thế nhưng, do được va chạm như vậy nên tảng đá to lớn ngày nào giờ đã biến thành một hòn sỏi láng mịn. Quá trình tảng đá to lớn kia biến thành hòn sỏi xinh đẹp tượng trưng cho quá trình rèn luyện bản thân, dám đương đầu với khó khăn, thử thách để có thể hoàn thiện chính mình. Tảng đá trên ý vẫn có thể biến thành viên sỏi xinh đẹp, thì con người ta dù có thể nào đi chăng nữa nếu có cố gắng rèn rũa, tôi luyện bản thân thì sẽ đạt được những điều quý giá mà công sức ta bỏ ra, đem lại. Như vậy, hành trình tiến đến sự hoàn thiện bản thân là một quá trình

dài, gian nan, vất vả, thế nhưng hành trình thành công nó đem lại thì luôn đẹp đẽ đến bất ngờ.

Trong cuộc sống mỗi người là một cá thể độc lập, nên đối mặt với những khó khăn thử thách là điều không thể tránh khỏi. Sự đối mặt đó không phải dẫn ta đến thất bại, mà ngược lại nó giúp mỗi người được rèn giũa được tôi luyện nhân cách bản thân, khiến mỗi người được hoàn thiện hơn. Cuộc sống như một đường chạy vậy, trên đường chạy đó không phải lúc nào cũng bằng phẳng để đi, mà cũng có lúc phải gặp ngoằn ngoèo như thách thức mỗi con người. Đừng nhìn con đường ấy là một sự thử thách, bởi cuộc đời mỗi người nếu không có gian nan, không có khó khăn vất vả thì sao chúng ta có thể trưởng thành, có thể chín chắn và hoàn thiện. Mỗi người trong chúng ta là một cá thể độc lập và luôn sống trong cộng đồng. Nếu như không biết vượt qua khó khăn, thử thách thì khó khăn nhân cách tốt đẹp và ý chí cao cả. Nếu con đường họ đi chỉ là một con đường trải thảm đỏ và hoa hồng thì cuộc sống đó thật buồn, thật bằng phẳng và không có gì thú vị. Những gian nan trong cuộc đời là những cột mốc đánh dấu mỗi người đã trưởng thành. Những người giám đương đầu với chúng, giám vượt qua chúng là những người đáng ngưỡng mộ. Không có việc gì là khó, tất cả chỉ như một chướng ngại vật để thử thách con người, nếu mỗi người dám vượt qua nó thì đó là sự hoàn thiện, là sự cố gắng đánh tôn vinh, biểu dương.

Trên con đường khó khăn để hoàn thiện bản thân mình có những lúc ta phải gặp những thất bại, thậm chí chính mình thấy gục ngã. Những con người đường đến với cái đẹp, cái hoàn thiện là một con đường vừa khó, vừa dài. Mỗi người cần biết vượt lên để chinh phục con đường đó, bởi thành quả nó đem lại cũng lớn lao vinh dự vô cùng. Đã có ý kiến cho rằng, “trên con đường thành công không có dấu chân của kẻ lười biếng”. Thất bại trong cuộc đời là điều dễ thấy, nhưng điều quan trọng là mỗi người có dám tiếp tục đứng lên để đấu tranh tiếp với khó khăn hay là gục ngã đầu hàng. Cựu Tổng thống Mỹ Barack Obama đã từng nói “bạn đừng để thất bại định hình mình, mà hãy để nó dạy cho mình những bài học”. Cuộc sống khó khăn có lúc thất bại đó, nhưng nó không là vô nghĩa bởi đằng sau đó ta nhận được những điều quý giá trong cuộc sống, trong cách hành xử... để đến với thành công. Mỗi người trong quãng đường đời mà mình chạy cần phải biết đối mặt với khó khăn, thử thách bởi đó chính là con đường ngắn nhất, dễ dàng nhất để hoàn thiện mình.

Trong thực tế cuộc sống, đã có không ít tấm gương dũng cảm đối đầu với thử thách cuộc đời để đến với thành công, tiêu biểu trong số đó là nhà soạn kịch vĩ đại người Đức Beethoven. Sinh ra là một người khiếm thính, sau đó bị điếc và câm hoàn toàn, tưởng chừng con người đó đành cam chịu số phận nghiệt ngã. Nhưng không! Ông đã cố gắng với mọi những gì mình có để tiến đến với sự nghiệp âm nhạc tưởng như không thể. Và điều đó đã thành công! Từ một người câm điếc Beethoven đã trở thành một nhà soạn nhạc vĩ đại của thế giới, là gương mặt tiêu biểu của âm nhạc giao thời được mọi người biết đến và thán phục.

Hay đến với thầy giáo Nguyễn Ngọc Ký, người thầy kính mến của dân tộc ta. Sinh ra thiệt thòi hơn so với các bạn cùng trang lứa, thầy bị cụt cả hai tay tưởng rằng ước mơ đi học sẽ dừng lại ở đó. Thế nhưng không! thầy đã cố gắng viết bằng chân để hiện được ước mơ đó. Thầy đã dũng cảm đối mặt với khó khăn cuộc đời, những ngày tập viết có lúc con chuột rút khiến thầy đau tê tái, nhưng vượt qua mọi điều đó thầy đã viết thành thạo được bằng chân. Giờ đây thầy đã là một nhà giáo ưu tú, trở thành một tấm gương sáng mà các thế hệ học sinh vô cùng yêu mến bởi ý chí, nghị lực phi thường.

Mượn lời của tảng đá kể về một cuộc hành trình của mình bằng lời nói ẩn dụ, câu chuyện tuy ngắn nhưng đem lại bao ý nghĩa nhân sinh sâu sắc. Trong cuộc đời mỗi con người, khó khăn thử thách là điều không thể tránh khỏi. Nhưng không phải khó khăn thử thách là sự vô nghĩa, thách đố con người, mà đó là bài học, là phương châm đem con người ta đến cái hoàn thiện của nhân cách, của đạo đức tâm hồn. Không vượt qua khó khăn thử thách, chỉ sống một cách êm đềm thì đó là cuộc sống vô nghĩa, là một cuộc sống nhàm chán. Vượt qua được những thử thách trong cuộc đời đích mỗi người chúng ta đã trưởng thành hơn trong cuộc sống, đã chín chắn hơn với bước đi của thời gian. Sống với sự đương đầu, vượt qua giông tố đến với thành công là một lối sống mạnh mẽ đáng được học hỏi, tuyên dương. Tuy nhiên trong xã hội hiện nay bên cạnh những người sống có động lực sống để vượt qua khó khăn thử thách, thì vẫn còn một số người sống vô trách nhiệm, sống thụ động ngại khó khăn, ngại khổ, ngại thử thách, gian nan. Đó chính là một lối sống yếu đuối, một lối sống

phẳng lặng không có ý nghĩa, không có chủ đích. Cách sống đó cần phải lên án, tố cáo loại bỏ khỏi cộng đồng và xã hội này.

Sống trên cuộc đời là một con đường đầy vất vả, gian nan và thử thách, nhưng những thử thách đó không làm nhụt được ý chí của con người. Mỗi người chúng ta phải biết sống mạnh mẽ, sống giám đương đầu với khó khăn, thử thách, dám đối mặt với bão tố của cuộc đời. Đó là cách duy nhất để mỗi chúng ta hoàn thiện được bản thân, hoàn thiện được nhân cách và đạo đức của mình.

Bản thân đang là học sinh ngồi trên ghế nhà trường, sinh ra trong một dân tộc giàu tính tự lập và được vượt khó khăn, mỗi chúng ta phải tự rèn dũa bản thân, tôi luyện con người để có thể trở thành những chủ nhân tương lai của đất nước, góp phần xây dựng quê hương ngày một văn minh, giàu đẹp hơn.

Trong nhật ký của mình, Đặng Thùy Trâm có viết: “Đời người phải trải qua giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố”. Đúng như vậy! Một hòn đá to lớn trải qua quá trình của tạo hóa, nó đã biến thành một viên sỏi xinh đẹp. Và mỗi con người cũng thế, phải trải qua khó khăn, thử thách của thời gian, của ý chí nghị lực, thì mới có thể hoàn thiện mình, khiến mình trở thành người hoàn thiện, có một công dân hoàn thiện có ích cho xã hội, cho đất nước.

ĐỀ SỐ 6: Nghị luận về tình bạn.

BÀI LÀM

Tuổi thanh xuân cũng giống như một cơn mưa rào. Dù cho tôi cũng bị cảm lạnh vì tắm mưa, tôi vẫn muốn đắm mình trong cơn mưa ấy lần nữa để có bạn và được ở bên bạn trong những ngày đã qua. Quả thật, trong đời sống tinh thần phong phú của con người có rất nhiều tình cảm thiêng liêng như tình mẫu tử, tình yêu đôi lứa, tình anh em, tình thầy trò..., thì tình bạn cũng có vai trò quan trọng trong cuộc sống của mỗi chúng ta, có bạn có bè cũng là nhu cầu tình cảm rất tự nhiên và cần thiết với mỗi người, vì không ai sống trên đời mà không thể có một vài người bạn, vậy thì cuộc sống thật nhàm chán và cô đơn!

Từ xưa thì ông cha ta đã có rất nhiều câu ca dao, dân ca hay nói về loại tình cảm đặc biệt này:

“Bạn bè là nghĩa tương tri

Sao cho sau trước một bề mới yên”

“Chim lạc bầy thương cây nhớ cội

Xa bạn xa bè lặn lội tìm nhau”

Vậy tình bạn là gì? Thế nào là một tình bạn đẹp? Trước hết, đó phải là một tình cảm chân thành, trong sáng, vô tư, không vụ lợi, đầy tin tưởng giữa người với người, có thể là hai người bạn cùng trang lứa, có thể là bố mẹ sẽ trở thành những người đồng hành cùng con cái mình trong quá trình trưởng thành. Tình bạn có thể hình thành ở bất cứ nơi nào, tại mọi thời điểm, mà không phân biệt già trẻ, lứa tuổi, giới tính, quốc gia, địa vị, kinh tế... Đơn giản là vì hợp tính, hợp gu, cùng chung sở thích, đam mê và cứ thế là có tình bạn, thường là thấy thiện cảm yêu thích, ngưỡng mộ đối phương và muốn giao lưu kết bạn với họ. Ví dụ là trong số đồng bạn bè chung trường, ta có thể chọn, kết thân, tiếp xúc dần với một vài người và lâu dần trở thành một người bạn với nhau lúc nào không hay. Đó sẽ là người mà ta có thiện cảm thật sự, hiểu ta, có chung sở thích với ta, mặc dù cùng hay không cùng cảnh ngộ.

Muốn hình thành được một tình bạn đẹp trước hết ta phải hiểu tình bạn là gì? Bạn là người luôn sát cánh bên ta, luôn chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, hoạn nạn, khó khăn. Là người cho ta những lời khuyên nhủ chân thành, nói ra những điểm xấu để ta biết và khắc phục, luôn lắng nghe những câu chuyện tế nhạ mà vẫn cười đùa. Bạn cũng chính là người thầy, là tấm gương cho ta học hỏi.

Cuộc sống của mỗi người đều sẽ có những người bạn của riêng mình. Lúc nhỏ ba mẹ là người bạn cùng ta bập bẹ tập nói, tập đi. Lớn lên bạn có thể là người cùng cấp sách tới trường mỗi ngày, bạn sẽ là những người xa lạ mà ta bắt gặp trong cuộc sống và công việc. Thực tế thì có những tình bạn đẹp gắn bó như keo sơn đó là tình bạn của Các Mác và Ăng Ghen, Nguyễn Khuyến và Dương Khuê, Lý Bạch và Mạnh Hạo Nhiên, câu chuyện tình bạn giữa mình và hiều hơn 10 năm cộng nhau đi học để đến với con chữ sau bao khó khăn cả hai đều đạt điểm số cao trong kỳ thi Trung học phổ thông Quốc gia năm 2020 đã khiến cho nhiều người trầm trồ ngưỡng mộ. Những

người bạn tri ân tri kỷ như vậy đã được nảy sinh ở những người có một tâm hồn đẹp, yêu thương quý mến thấu hiểu được tính cách, hoàn cảnh của nhau.

BaCon đã từng nói “Tình bạn chân chính làm niềm vui tăng lên gấp đôi và nỗi buồn giảm đi một nửa”. Việc có những người bạn tốt, tình bạn đẹp sẽ giúp chúng ta khám phá, trải nghiệm thế giới cảm xúc phong phú của con người: Có vui, có buồn, hờn giận và yêu thương, từ đó mà khiến ta trở nên yêu đời, lạc quan hơn “Thanh xuân cuộc đời nhờ có những người bạn như các cậu mà trở nên ý nghĩa không phải hối tiếc”. Tôi đói bụng, bạn có một cái bánh bạn chia cho tôi phân nửa.

“Áo anh rách vai

Quần tôi có mảnh vải vá

Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”

Tình bạn chính là nguồn động lực giúp ta mạnh mẽ vươn lên để vượt qua khó khăn, thử thách, những vấp ngã trong cuộc sống, người bạn ấy sẽ nhẹ nhàng quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ ta đứng dậy và không hề bỏ mặc ta. Họ sẽ nói rõ ra những khuyết điểm những điều xấu của mình để ta sửa chữa những khuyết điểm của bản thân giúp ta trưởng thành hơn, nên người hơn. Vì vậy có được một tình bạn chân chính sẽ giúp mỗi người học hỏi được nhiều điều mà trong sách vở không thể mang lại được và nhận được nhiều điều ý nghĩa mà ta chưa bao giờ ngờ tới.

Tình bạn vô hình không nhìn thấy được nhưng lại có giá trị lớn đối với mỗi người, đặc biệt là thế hệ trẻ. Tình bạn có thể là chỗ dựa tinh thần, giúp vượt qua những khó khăn, giúp ta ngày càng hoàn thiện nhân cách hoàn thiện bản thân, hướng tới chân thiện mỹ. Hiểu được sự hy sinh, sự vị tha, ý nghĩa của sự kết nối, sự đồng cảm. Vào một giây phút nào đó trong cuộc sống, ta hiểu được một người có thể thay đổi cuộc sống của ta dù chỉ là một phần nhỏ đi nữa, trao cho chúng ta thêm nhiều niềm tin nghị lực, làm chỗ dựa khi ta thất bại. Cuộc sống luôn chuyển động không ngừng nghỉ có những thăng trầm biến hóa, bầu trời đang trong xanh đẹp thế kia thế nhưng chẳng mấy chốc mà lại xuất hiện những cơn mưa bất ngờ ập đến lúc nào mà chúng ta không hay, những lúc như thế chỉ muốn có một người bạn bên cạnh đồng hành, đồng viên, chia sẻ. Ta lại càng hiểu được giá trị của tình bạn là như thế nào tuy nhiên bạn hiểu đơn

thuần là người mà ta quen biết, nhưng trong vô số những người mà ta quen biết được ấy không phải ai cũng tốt, thật tâm là một người bạn đúng nghĩa mọi người nhé!. Bạn gặp được những người sẽ quên bạn và bạn cũng sẽ quên đi người mình gặp, nhưng đôi khi bạn cũng sẽ gặp được những người mà bạn không thể quên. Và đó là những người bạn, tình bạn đáng yêu, đáng quý, ý nghĩa thế đấy vì vậy chúng ta cần phải biết giữ gìn, vun trồng cho nó trở nên tốt đẹp và xanh tươi hơn, hãy dang rộng vòng tay kết nối tình bạn bè, tình thân ái và hãy nhớ rằng sự chân thành chính là sự gắn kết giúp cho tình bạn ngày càng gắn kết bền lâu hơn.

Tình bạn chỉ được hình thành ở những tình cảm đồng điệu, thành thật, tin tưởng nhau vô điều kiện và không giả dối trục lợi. Hãy biết phân biệt và chọn bạn mà chơi vì gần mực thì đen gần đèn thì sáng, tránh giao du, kết thân với những người bạn không tốt, coi trọng vật chất ích kỷ ngạo mạn, lợi dụng ta vào mục đích nào đó. Mình chơi với bạn hết lòng, bạn chơi lại mình hết hồn, câu này là câu nói vui của tuổi trẻ thời nay nhưng để ngẫm suy nghĩ thì câu nói này rất đúng khi chúng ta hết lòng chơi tốt tâm sự cho nhau nghe nhưng sau lưng thì bạn lại đâm chọt bịa chuyện để nói xấu. Các mối quan hệ bạn bè không phải lúc nào cũng chân thành và tốt đẹp, có những người cho ta cảm giác là người bạn đúng nghĩa nhưng thật chất lại lợi dụng, bán đứng, hãm hại ta. Khi ta tâm sự với ai đó tôi khuyên các bạn đừng bao giờ tâm sự nói hết ra những bí mật của mình, không biết trước được chuyện gì xảy ra, rồi sẽ một ngày chúng ta xích mích không còn chơi nữa học sẽ biết hết bí mật của mình và thêm mắm, thêm muối để kể cho người khác. Lưỡi không xương nhiều đường lắt léo, miệng không vành méo mó tứ phương, vậy nên đừng thổ lộ hết những gì bí mật cho người khác hãy giữ cho mình một chút bí mật của riêng mình nhé!. Tôi không mong bản thân mình phải có thật nhiều bạn bè mà tôi chỉ cần những người bạn chất lượng hơn là số lượng.

Thế thì làm sao để có những người bạn chân chính? Cách duy nhất để trả lời câu hỏi này đó chính là làm cho bản thân mình trở nên tốt hơn, biết lắng nghe yêu thương, gắn kết, tương tác với mọi người xung quanh nhiều hơn, xây dựng được sự tin tưởng và trách nhiệm, tôn trọng những bí mật của nhau, hơn hết là biết cân bằng giữa cho và nhận, ta biết giúp đỡ bạn qua khó khăn, hoạn nạn, không a dua bao che cho những hành vi xấu, thẳng thắn phê bình đóng góp khi bạn mắc sai lầm để cùng nhau vươn lên, tiến bộ hơn. Cho đi là một cách đúng đắn và phù hợp tránh việc giúp đỡ thái quá

sẽ làm cho người khác nảy sinh ra lợi dụng mình, ỷ lại mà không nỗ lực cố gắng, tránh những suy nghĩ thái độ ích kỷ cho rằng mình giúp bạn nhiều nhưng bạn lại giúp mình ít hơn từ đó gây ra nhiều mâu thuẫn, tranh cãi không đáng có. Tình bạn phải được xây dựng trên sự bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, đồng điệu, thông cảm, thấu hiểu lắng nghe của cả hai phía nhiều hơn, hạ cái tôi mình xuống để tìm được tiếng nói chung với bạn mình, học cách biết tha thứ lỗi lầm và giúp bạn sửa chữa.

Quả thật, một người bạn tốt sẽ cho ta rất nhiều điều và ta cũng cần phải biết nỗ lực cố gắng duy trì phát triển tình bạn ấy bền lâu, trong sáng, lành mạnh hơn. Sống đâu chỉ là nhận cho riêng mình (Tổ Hữu), trong tình bạn nói riêng hay bất kỳ mối quan hệ nào đó cũng đều phải cân bằng giữa cho và nhận để mối quan hệ ấy được bền vững lâu dài tiếp tục phát triển. Có một người bạn thân đã khó, giữ được tình bạn ấy càng khó hơn. Ngày nay, chúng ta có thể giữ được tình bạn đẹp, trong sáng, như tham gia đôi bạn cùng tiến trong học tập, tham gia vào các câu lạc bộ, các phong trào, các buổi ngoại khóa nói về tình bạn mà được nhà trường, cha mẹ chú trọng cho con em mình, công nghệ ngày nay phát triển hơn chúng ta có thể ngồi ở nhà và kết bạn giao lưu văn hóa với các nước khác nhau, nhưng phải thật cẩn thận với những hình thức lừa đảo của những người mưu mô trên không gian mạng.

Tình bạn đẹp tô điểm cho cuộc sống của mỗi người thêm phần vui hơn, là động lực, là sức mạnh to lớn để gắn kết con người lại với nhau. Tình bạn không phải tự nhiên mà có, nó là kết quả ngọt ngào của cả một quá trình gắn bó lâu dài, thấm thiết. Vì vậy, hãy trân trọng những người bạn tốt mà bạn đang có bởi đó là tình cảm thiêng liêng và cao quý mà mỗi người luôn muốn có trong cuộc sống này. Chúng ta cần biết dang rộng vòng tay, nối kết tình bè bạn và phải luôn nhớ rằng: Tình bạn đó là niềm hạnh phúc lớn lao của mỗi con người.

ĐỀ SỐ 7: Trình bày suy nghĩ của em về câu nói: “Học như bơi thuyền ngược nước. Không tiến sẽ phải lùi”

BÀI LÀM

Bàn về con đường học tập đầy rẫy những chông gai, thử thách, Lê-nin từng nói "Học, học nữa, học mãi" để khẳng định sự vận động và tiếp diễn không ngừng nghỉ của quá trình chiếm lĩnh tri thức. Bàn về vấn đề này, có ý kiến cho rằng: "Học như

boi thuyền ngược nước, không tiến ắt phải lùi". Câu ngạn ngữ trên đã ngầm khẳng định vai trò ý nghĩa cùng bản chất của việc học và tích lũy kiến thức.

Như chúng ta đã biết, học là quá trình tư duy để tiếp thu tri thức, trang bị những kiến thức, kỹ năng để phát triển và hoàn thiện nhân cách; còn "boi thuyền ngược nước" là cách nói ẩn dụ để chỉ những khó khăn, chông gai trên con đường học vấn. Câu ngạn ngữ còn sử dụng hai động từ đối lập nhau để chỉ hai kết quả trái ngược mà con người thu được trên con đường chiếm lĩnh tri thức: "tiến" là động từ diễn tả sự chiến thắng và vượt lên những cản trở; còn "lùi" diễn tả sự tụt hậu và không tiến bộ. Như vậy, bằng cách nói đầy hình tượng thông qua phép so sánh việc học và "boi thuyền ngược nước", câu ngạn ngữ đã ẩn chứa một bài học triết lý về bản chất của việc học: quá trình học tập cần đi đôi với sự kiên trì, bền bỉ và diễn ra xuyên suốt trong cuộc đời của mỗi một con người. Nếu không thực hiện được điều này, không làm mới kiến thức của bản thân, chúng ta sẽ trở thành những con người tụt hậu và không thể bắt nhịp với sự vận động không ngừng nghỉ của dòng thời gian cũng như tốc độ phát triển của khoa học - kỹ thuật.

Con đường học tập của con người cần diễn ra kiên trì, bền bỉ bởi việc học không thể diễn ra trong giây lát mà cần trải qua quá trình tiếp thu, tích lũy. Hành trình gian nan, trắc trở đó diễn ra xuyên suốt không ngừng nghỉ bởi kho tàng kiến thức của nhân loại vô cùng bao la, rộng lớn, bao gồm tri thức ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Mặt khác, tri thức luôn là dòng chảy vận động không ngừng và phát triển song song với nhịp độ đổi thay của xã hội. Kho tàng kinh nghiệm, kiến thức của nhân loại bởi vậy ngày càng mở rộng, phát triển và trở nên phong phú, đa dạng, sinh động hơn. Con người chỉ có thể chiếm lĩnh và làm chủ tri thức khi học tập không ngừng và luôn giữ vững quyết tâm cùng tinh thần kiên trì, bền bỉ. Khi làm được điều này, chúng ta sẽ chiến thắng những cam go, thử thách trên con đường học vấn giống như người lái đò vượt qua những thác ghềnh của dòng nước lũ khi giữ vững tay chèo, bởi "Cái rẽ của học hành thì cay đắng nhưng quả của nó thì ngọt ngào" (Ngạn ngữ Hi Lạp). Nếu người học "ngừng tay chèo" - ngừng học hỏi, ngừng tư duy thì kiến thức của bản thân sẽ trở nên hạn hẹp và tụt hậu giống như "boi thuyền ngược nước". Thực tế cuộc sống đã chứng minh, có rất nhiều tấm gương luôn miệt mài, hăng say trên con đường chiếm lĩnh tri thức, học tập không ngừng nghỉ để làm đầy kho tàng kiến thức của bản thân, đồng thời đem lại những đóng góp tích cực cho cuộc sống nhân sinh, xã hội. Đó là

nhà bác học lừng danh Đác-uyn với vốn hiểu biết uyên thâm và phát minh ra nhiều công trình có ý nghĩa to lớn đối với cuộc sống nhân loại nhưng vẫn kiên trì học hỏi, nghiên cứu với tâm niệm "Bác học không có nghĩa là ngừng học". Đó là câu chuyện về quá trình học vẽ trứng gà của họa sĩ Lê-ô-na đơ Van-xi, nhờ tinh thần kiên trì bền bỉ đó mà sau này, ông đã trở thành danh họa nổi tiếng của thời đại Phục hưng. Chân trời kiến thức là hữu hạn và vô tận, bởi vậy quá trình học tập cần được diễn ra liên tục và tiếp diễn không ngừng: "Hiểu biết là ngọn nguồn chảy mãi, con khát không hút cạn được nó và nó cũng không bao giờ giải xong con khát" (F. Ruc-ke). Tuy nhiên, trong cuộc sống, vẫn có không ít người tự mãn về những gì mình đã biết, ngủ quên trên bục vinh quang và không có ý thức trau dồi, làm mới kiến thức của bản thân.

Qua ý nghĩa của câu ngạn ngữ trên, chúng ta có thể thấy được bản chất của việc học tập luôn gắn liền với quá trình vận động không ngừng nghỉ. Bởi vậy, con người cần xác lập cho bản thân một thái độ học tập đúng đắn, tích cực để giữ vững sự kiên trì, bền bỉ trên con đường chinh phục tri thức. Đồng thời, cần lựa chọn cho bản thân phương pháp học tập phù hợp để đưa con thuyền học tập cập bến tri thức.

Như vậy, câu ngạn ngữ trên đã ẩn chứa một bài học có ý nghĩa sâu sắc và giáo dục, khuyên răn con người cần không ngừng học hỏi với thái độ tích cực, kiên trì, bền bỉ. Là học sinh đang ngồi trên ghế nhà trường, chúng ta cần rèn luyện cho bản thân ý chí quyết tâm trong học tập, đồng thời lên án, phê phán những hiện tượng học tủ, học vẹt và lười tư duy đang diễn ra phổ biến trong tầng lớp thế hệ trẻ hiện nay.

ĐỀ SỐ 8: Nghị luận về tình mẫu tử

BÀI LÀM

Có biết bao bài thơ lời ca đi cùng năm tháng viết về tình mẫu tử thiêng liêng. Đó là những tiếng lòng của mỗi người con gửi đến mẹ, là những niềm thương da diết trong trái tim người mẹ dành trọn cho con trên mỗi bước đường đời. Như nhà thơ Chế Lan Viên từng viết:

"Con dù lớn vẫn là con của mẹ
Đi hết đời lòng mẹ vẫn theo con."

Tình cảm thiêng liêng và đáng trân trọng nhất là tình mẫu tử. Trên đời này, điều gì cũng có thể dễ dàng thay đổi nhưng có lẽ tình mẫu tử là tình cảm mãi nguyên vẹn và tròn đầy, lớn lao, cao đẹp nhất.

Tình mẫu tử là tình cảm mẹ con ruột thịt, là tình thân bền chặt. Người mẹ suốt chín tháng mười ngày mang nặng đẻ đau, đợi chờ đứa con cất lên tiếng khóc chào đời cũng là lúc lòng mẹ thấy tự hào và sung sướng nhất. Mẹ dành trọn cuộc đời để cưu mang, dạy dỗ và nuôi nấng con nên người. Bao sự vất vả, gian lao, nhọc nhằn không làm mẹ mệt mỏi khi nghĩ về những đứa con yêu. Người mẹ dành trọn sự hi sinh thầm lặng lo cho con, những nếp nhăn hằn sâu trên trán, những đôi tay chai sần, làn da nắng rám ấy là bao nhiêu vất vả mà mẹ đã trải qua vì những người con. Nước biển bao la cũng không đong đầy sự hi sinh ấy, những người con lớn lên xinh đẹp, khỏe mạnh, tài giỏi đều từ bàn tay chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Tình mẫu tử ấy còn là tình cảm của những người con dành cho mẹ mình, đó là sự kính trọng, quan tâm, lo lắng khi mẹ ốm đau bệnh tật. Là sự yêu thương, chăm sóc mẹ khi về già, là sự nỗ lực phấn đấu từng ngày mang lại thành quả để mẹ có thể mỉm cười, an lòng, mãn nguyện.

Tình mẫu tử thật đẹp để biết bao! Tình cảm ấy dịu dặt tâm hồn ta, khiến ta cảm thấy được đủ đầy trọn vẹn, được hạnh phúc yên ấm. Mẹ như là ánh trăng dịu hiền, bao dung, thứ tha cho những lỗi lầm con trẻ của mỗi chúng ta, là những vì sao đêm dẫn lối ta mỗi bước trên đường đời. Mẹ là một điểm tựa tinh thần không thể thiếu cho mỗi người con khi mệt mỏi hay những lúc yếu lòng. Là sức mạnh cổ vũ, động viên ta mỗi khi thất bại, khó khăn, nghĩ về mẹ ta càng thêm động lực để cố gắng. Những nỗ lực, những khát khao và ước mơ của những người con đều mang bóng dáng mẹ, là mục đích sống mỗi ngày tốt đẹp hơn, mỗi ngày cố gắng hơn để không khiến mẹ phải phiền lòng, mệt mỏi.

Đừng kiếm tìm tình mẫu tử trong những điều gì xa xôi hay quá đỗi lớn lao. Ngay đây thôi, nó hiển hiện trong cuộc sống hàng ngày, hàng giờ. Đó là sự vất vả, khó nhọc mẹ mang nặng đẻ đau con suốt chín tháng mười này để con có một hình hài vẹn tròn và đủ đầy; là những đêm mất ngủ bên giường con ốm; những giọt nước mắt mẹ rơi cùng con khi con phạm sai lầm,... Người ta hay nói “ở đời có vay có trả” nhưng riêng với mẹ, mọi sự hi sinh không bao giờ đòi hỏi bất cứ sự đền đáp nào, có chăng chỉ là mẹ mong *nhìn thấy nụ cười trên môi con mỗi ngày. Ơn sinh thành dưỡng dục ấy bảo ta làm sao trả hết:*

“Ta đi trọn kiếp con người

Cũng không đi hết những lời mẹ ru”

(Nguyễn Duy)

Nếu con là nguồn sống của mẹ thì mẹ mãi là thế giới, là điều đẹp đẽ nhất mà ông trời ban tặng cho những người con, tình mẫu tử mãi mãi gắn bó, yêu thương và mệnh mông rộng lớn. Vậy mà đâu đây, vẫn còn có những bà mẹ sẵn sàng phá bỏ đi đứa con của mình chỉ vì những ích kỉ của bản thân, giết chết đi sự sống của đứa trẻ khi đang mang hình hài trong bụng mẹ. Những đứa trẻ ấy thật tội nghiệp và đáng thương biết bao, chúng cũng cần được yêu thương, muốn được nghe lời ru của bà, được bú mớm dòng sữa ngọt ngào của mẹ. Vậy mà! Thật đau xót khi ngày ngày vẫn đầy rẫy tin tức những ca hút thai trên báo, trên truyền hình đầy xót xa. Tàn nhẫn hơn, có những bà mẹ sẵn sàng vứt bỏ đứa trẻ mình vừa sinh ra nơi sọt rác, bồn cầu hay ném con từ tầng cao xuống, một hành động thiếu lương tri khiến người người phẫn nộ. Một bộ phận khác đánh đập, đe dọa chính con mình. Hay những vụ con cái cãi bướng, ngược đãi, khiến ba mẹ buồn lòng. Nhiều bạn trẻ vì ham mê cờ bạc hút chích mà lâm vào lao lý khiến mẹ đau khổ, khóc không thành tiếng, nói chẳng nên lời. Còn gì thương tâm hơn! Đó là những hành động cần phải bị lên án mạnh mẽ, không một ai có quyền làm vắn đục đi tình mẫu tử thiêng liêng ấy, hãy sống trọn vẹn nhất có thể.

Ngoài kia, cuộc sống chảy trôi quá nhanh con người cũng vì vậy mà mãi miết và bị cuốn theo vòng xoáy lợi danh, tiền tài vật chất, tự bao giờ mà chúng ta không hề hay biết?. Có bao giờ bạn muốn dừng lại? Có bao giờ bạn thấy cuộc sống thật bé tắc quẩn quanh không thoát ra được? Có bao giờ bạn thấy cô đơn lạc lõng giữa thế giới rộng lớn này? Nếu có, hãy sống chậm lại một chút quay về bên vòng tay mẹ. Đó mãi mãi là vòng tay bình yên nhất, ấm áp nhất trong cuộc sống này. Và mỗi chúng ta, hãy sống sao cho xứng đáng với những giọt mồ hôi, hi sinh của mẹ, yêu thương và trân quý những phút giây còn có mẹ trên cõi đời này:

" Ai còn mẹ xin đừng làm mẹ khóc

Đừng để buồn lên mắt mẹ nghe không"

ĐỀ SỐ 9: Phát biểu suy nghĩ của em về ý nghĩa của sự khác biệt trong cuộc sống.

BÀI LÀM

Tôi rất thích câu nói: **Sinh ra là một bản thể, đừng để chết như một bản sao** bởi câu nói đã đề cao sự khác biệt trong cuộc sống của mỗi người. Rõ ràng, bạn chẳng

thể nào thành công nếu bạn cứ đi theo lối mòn đã có sẵn hay cố gắng bắt chước một ai đó mà bạn luôn ngưỡng mộ. Chính sự khác biệt giúp chúng ta nhận ra chính mình và tìm kiếm được những hướng đi mới mẻ. Thành công chỉ đến nếu con đường bạn đi là con đường khác biệt. Một hướng đi mới tuy sẽ nhiều gian nan nhưng nếu bạn dũng cảm bước đi, bạn có thể tạo ra một con đường mới.

Sự khác biệt là những nét riêng, sự độc đáo được khẳng định, được đề cao gắn với đời sống của cá thể trong xã hội. Sự khác biệt có thể được thể hiện ở suy nghĩ, quan điểm, lối sống, hành động, cách ứng xử của bản thân với người khác.

Có thể thấy, sự khác biệt khiến con người thể hiện được bản sắc riêng, không bị hòa tan trong đám đông, trong cộng đồng. Edison sẽ không tài nào chế tạo được đèn điện nếu ông mãi làm theo những chỉ dẫn hiện có. Sự thật, ông đã dám phá vỡ các nguyên tắc, thử một lần khác biệt và ông đã thành công.

Trong cuộc sống, sự khác biệt giúp chúng ta có những suy nghĩ độc lập, táo bạo, thể hiện được cá tính của bản thân. Mỗi cá nhân là một thực thể với những màu sắc đa dạng. Sống khác biệt để tránh rập khuôn, một màu một cách sáo rỗng. Những suy nghĩ khác, góc nhìn về thế giới và mọi vật xung quanh sẽ tạo điều kiện con người tìm kiếm cơ hội vươn lên.

Chính nhờ sự khác biệt bạn đối với thế giới xung quanh khiến người khác quan tâm, tôn trọng bạn nhiều hơn. Họ tìm thấy ở bạn những giá trị tích cực, mới mẻ, cần quan sát và học hỏi. Sự khác biệt ở người khác luôn tạo cho ta động lực không ngừng vươn lên.

Vậy, bạn phải làm gì để tạo nên sự khác biệt? Để tạo nên sự khác biệt, trước hết, bạn phải tin tưởng ở bản thân mình và phát huy cao nhất những giá trị mình có, chớ đua đòi hay bắt chước người khác. Bạn luôn thay đổi tư duy, suy nghĩ về các vấn đề cũ, tạo cho mình cách tiếp cận, nhìn nhận mới mẻ về sự vật, hiện tượng. Và, dù trong bất kì hoàn cảnh nào, bạn phải không ngừng nỗ lực học tập, rèn luyện tạo nên những giá trị riêng biệt đóng góp cho cộng đồng, xã hội. Mặt khác, bạn cũng cần phải có sự bản lĩnh, tự tin, dám chấp nhận sự đánh giá của người khác đối với những khác biệt của mình với số đông.

Tuy nhiên, không phải sự khác biệt nào cũng có ý nghĩa. Có sự khác biệt có ý nghĩa tích cực nhưng cũng có những sự khác biệt có ý nghĩa tiêu cực. Sự khác biệt tiêu cực chính là sự kì dị, quái gở, phá vỡ những nét đẹp văn hóa truyền thống. Khác biệt của họ chỉ có một mục đích đó là làm cho mình thật nổi bật giữa đám đông. Chẳng xa lạ gì với cái kiểu tạo ra sự khác biệt một cách kịch cỡm trong trang phục của một số các bạn trẻ hiện nay. Hay lối sống khác biệt theo kiểu ta đây của một vài người trong xã hội. Họ cố tạo ra sự khác biệt tức thời chỉ để khoe mẽ bản thân, tiếp thị hình ảnh hay thậm tệ hơn là chỉ để thoả mãn sở thích lập dị của mình. Bởi thế, đề cao sự khác biệt không có nghĩa là cổ vũ cho lối sống hẹp hòi, ích kỉ, chối bỏ trách nhiệm với cộng đồng.

Khác biệt là yếu tố cần thiết với mỗi cá nhân để tạo dấu ấn riêng trong cộng đồng. Nhưng sự khác biệt phải phù hợp với quy chuẩn đạo đức và thuần phong mỹ tục của xã hội. Người tạo ra sự khác biệt lớn nhất thường là người làm những điều nhỏ nhất một cách kiên định. Có một sự khác biệt nhỏ giữa người và người, nhưng khác biệt nhỏ ấy tạo ra khác biệt lớn. Khác biệt nhỏ là thái độ. Khác biệt lớn là việc nó tích cực hay tiêu cực.

Ý nghĩa của sự khác biệt đối với cuộc sống con người là rất quan trọng, rất cần thiết. Bạn cần phải khác biệt, đừng sống bằng hình ảnh của người khác, điều đó chỉ làm bạn mờ nhạt mà thôi. Bạn đừng sợ vấp ngã, bởi con đường mới mẻ nào cũng đầy những gian nan. Hãy dũng cảm sống khác, hãy mạnh dạn khác biệt để khẳng định bản thân và tìm kiếm thành công trong cuộc sống này.

ĐỀ SỐ 10:

Nghị luận về quan niệm: “Sống không mục đích khác nào con thuyền lênh đênh ngoài biển khơi mà không có la bàn”(J.Ruskin).

BÀI LÀM

Chuyện thành bại trong cuộc sống là lẽ thường tình, không ai thành công mà không thất bại lấy đôi lần. Nếu có những mục đích sống rõ ràng và biết phấn đấu cho những mục tiêu ấy thì dù có thất bại chúng ta cũng sẽ rút ra được những bài học, từ đó để có phương hướng thành công. Nhưng nếu như không có những mục đích rõ

ràng, sống mông lung không chủ đích thì dù đạt được những thành tựu thì người ấy cũng chẳng thể cảm nhận được ý nghĩa của cuộc sống. Bàn về cách sống không mục đích, J.Ruskin đã nói: “Sống không có mục đích khác nào con thuyền lênh đênh ngoài biển khơi mà không có la bàn”.

“Mục đích” là kết quả mà ta mong muốn, là điểm đích cuối cùng ta đạt được sau những cố gắng, nỗ lực. “Sống không có mục đích” là sống không có lí tưởng, sống không mơ ước và mơ hồ trong cuộc sống của chính mình. So sánh việc sống không mục đích với con thuyền lênh đênh ngoài biển khơi không có la bàn nhằm nhấn mạnh sự vô định, mất phương hướng trong cuộc sống nếu không có mục đích sống rõ ràng, khi ấy con người ta không biết sẽ đi đâu về đâu, không biết mình muốn gì và sẽ làm gì.

Câu nói niệm “ Sống không có mục đích khác nào con thuyền lênh đênh ngoài biển khơi mà không có la bàn” của J. Ruskin đã khẳng định vai trò của việc sống phải có mục đích.

Trong cuộc sống xã hội chúng ta, có người thành tài, sau này giúp ích được cho xã hội, nhưng có người mãi mê học tập nhưng vẫn không định hướng được tương lai cho sau này. Hoá ra là họ đã không có trong mình một mục đích sống, một lý tưởng sống để có thể tạo thêm động lực cho chính mình để tiến đến thành công. “Sống không mục đích khác nào con thuyền lênh đênh ngoài biển khơi mà không có la bàn”. Quan niệm trên đã nói lên được rất nhiều điều về mục đích sống cần nên có ở mỗi người . Người sống không có mục đích sẽ trở thành người vô dụng, không thể giúp gì được cho xã hội sau này cũng như mọi việc vì không làm được gì cả. Họ không đặt trong mình một mục đích xác định để mà tiến bước thì họ khó có thể thành công.

Những người không có khát vọng cao đẹp, không có mục đích lớn lao để có thể thay đổi bản thân mình thì họ sẽ trở thành những người tầm thường, họ sẽ có cuộc sống buồn tẻ và thật vô vị. Những người như thế đã làm cho đất nước chúng ta ngày một lạc hậu nếu họ cứ sống mà không có mục đích đúng đắn cũng nhưng chắc chắn.

Có mục đích, con người mới có động lực thúc đẩy trong công việc, họ có khát vọng để có đạt được mục đích mà họ đã đề ra, những mục đích tốt đẹp khiến cho họ có thể vui vẻ và lạc quan trong đời sống. Sống có mục đích sẽ giúp cho ta rất nhiều, nó sẽ

soi sáng trên con đường mình đã đặt ra, nó sẽ dẫn dắt cho mình vươn lên đến thành công hoặc thất bại tùy vào người có mục đích như thế nào. Hành động thiếu mục đích thường không đạt được hiệu quả cao. Nếu chúng ta hành động một việc nào đó mà đã có sẵn trong mình một mục đích tốt đẹp, nó sẽ là phương hướng, dẫn dắt mình trong mọi hoạt động một cách suôn sẻ.

Người không có mục đích, con người sẽ trở nên thụ động, vô dụng, cuộc đời của những người đó sẽ không có sắc màu, dần dần mất đi hết ý nghĩa. Nhưng sẽ có người những người có mục đích được gọi là tâm thường nếu như họ chỉ nghĩ cho đến lợi ích cho bản thân mình, không quan tâm đến những người xung quanh họ, họ chỉ nghĩ đến quyền lợi cá nhân, làm gì cũng chỉ cho bản thân, kết quả cũng chỉ có mình được có thì đó được gọi là mục đích tâm thường.

Bên cạnh đó, cần nên tuyên dương cho những người có mục đích vì dân tộc, họ đề ra mục đích thật vĩ đại đó là chiến đấu giặc ngoại xâm để mang lại độc lập dân tộc. Chẳng hạn như các anh hùng: Trần Hưng Đạo, Hoàng Văn Thụ, Hai Bà Trưng, Quang Trung, Nguyễn Trãi,... họ đã có một mục đích thật to lớn để có thể bảo vệ được cho dân tộc ta, chiến đấu hết sức mình chỉ muốn mang lại hoà bình cho đất nước mình. Công lao của họ thật to lớn, vì thế đã được nhân dân ta ca tụng và ghi ơn họ rất nhiều.

Mục đích tốt đẹp của con người không phải tự nhiên mà có, nó là kết quả quá trình rèn luyện và phấn đấu cho bản thân, là kết quả của sự chăm chỉ lâu dài trong quá trình họ đã cố gắng. Hãy cố gắng phấn đấu để có thể đạt được hiệu quả tốt trong mọi việc. Trong mỗi con người ta, cần nên có sẵn cho mình một mục đích nào đó để ta có thể thực hiện, dùng nó là động lực, là bàn đạp để đưa ta lên một tầm cao mới.

Chẳng hạn như trong học tập, có người từng hỏi : “Học để làm gì ?” nếu như chúng ta không có mục đích cho việc học tập chúng ta có thể dễ bị nhụt chí. Quá trình từ lớp một đến lớp mười hai là một khoảng thời gian dài trong cuộc đời học sinh cần trải qua, là một quá trình dài đầy gian nan, mệt mỏi, nhưng chỉ cần có được mục đích cho riêng bản thân, chúng ta có thể vượt qua được điều đó. Học để mai sau này có thể bước vào đời có một vốn kiến thức để có thể trở thành người có ích.

Thế nhưng, ta cũng chẳng thể làm nên điều gì vĩ đại nếu mục đích của ta tầm thường. Mục đích vĩ đại không phải là cái gì lớn lao cả mà chỉ đơn giản là điều ta đang hướng tới có phải là vì sự tiến bộ của nhân loại hay không. Nếu mục đích là hướng đến những lợi ích của bản thân thì đó là mục đích nhỏ hẹp. Nếu mục đích ta đang hướng tới tầm cao nhân loại, rất có thể ta sẽ làm nên những điều lớn lao mà ta cũng không thể ngờ tới được. Có thể ta sẽ thất bại nhưng sau khi đã rất cố gắng. Còn nếu chúng ta chưa từng cố gắng thì ta luôn luôn là người thất bại.

Trong cuộc sống chúng ta, ai ai cũng cần có mục đích cho riêng mình, cần nên có lý tưởng sống cho riêng mình để mình có thể tự làm chủ bản thân, dễ dàng tiến bước đến thành công trong tương lai sau này của mình. Tùy vào mục đích của mình đặt ra, nó sẽ quyết định được cuộc sống bạn đều nhờ vào mục đích ấy. Sống không mục đích nghĩa là bạn đã bỏ rơi cuộc đời bạn trong mê mông bao tố.

ĐỀ SỐ 11: Nghị luận xã hội về câu nói: "Chiến thắng bản thân là chiến thắng hiển hách nhất".

BÀI LÀM

Mỗi người chúng ta, bất kì ai cũng phải trải qua những khó khăn, thử thách trong cuộc sống, ở mỗi giai đoạn của cuộc đời chúng ta lại phải đối mặt với vô vàn thử thách khác nhau. Tuy nhiên nhìn chung, thử thách thuộc về ngoại cảnh, những tác động bên ngoài sẽ dễ dàng để giải quyết và vượt qua hơn, chỉ có những khó khăn, rào cản từ chính bản thân mình mới khiến bạn gặp khó khăn thực sự. Điều đáng sợ nhất là không thể vượt lên chính mình, chính vì vậy mới có câu "Chiến thắng bản thân là chiến thắng hiển hách nhất".

"Chiến thắng" là từ ngữ chỉ kết quả tốt mà chúng ta đạt được sau một quá trình đấu tranh và vượt qua thử thách. "Bản thân" là tất cả mọi thứ thuộc về cá nhân mỗi người, bao gồm cả hình thức và nội tâm. Ở đây nó hướng tới những mặt tối tăm, tiêu cực trong mỗi con người. Chiến thắng bản thân chính là tự đấu tranh, vượt qua được những mặt xấu xa của chính mình, vượt qua sự mặc cảm, sự tự ti, vượt qua nỗi sợ hãi và sự cám dỗ từ bên ngoài hay sự ích kỷ, xấu xa tiềm ẩn trong chính bạn. Câu nói "Chiến thắng bản thân là chiến thắng hiển hách nhất" nhấn mạnh việc mỗi cá nhân

dám mạnh mẽ thoát khỏi lớp vỏ yếu kém của bản thân, dũng cảm đối mặt với mọi khó khăn thử thách trong cuộc sống.

Từ khi sự sống bắt đầu hình thành, con người vốn chỉ là một cá thể vô cùng nhỏ bé. Để tồn tại và phát triển, con người buộc phải đấu tranh. Những ngày sơ khai, họ đấu tranh với thiên nhiên khắc nghiệt và dã thú. Sau này phải đấu tranh với các tộc người khác và các thế lực khác để bảo vệ quê hương, gia đình. Nếu chán nản, buông xuôi hay ngay từ đầu đã tự cho rằng mình không có đủ khả năng chiến thắng thì sự sống của bạn cũng sẽ vĩnh viễn dừng lại ở đó. Nếu có sống cũng chỉ là sự tồn tại vô ý nghĩa.

Cuộc chiến khó khăn nhất thực ra là cuộc chiến với chính mình. Chiến thắng bản thân là vô cùng khó khăn, phức tạp. Đối tượng đấu tranh trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng không dễ nhận diện. Bởi lẽ kẻ thù của chúng ta trong cuộc chiến ấy là vô hình và ẩn nấp trong chính bản thân ta. Đó là sự ích kỷ, sự tham lam, tự ti, kiêu ngạo hay thói quen xấu.

Trưởng thành buộc chúng ta phải đối mặt với muôn vàn tình huống, gặp gỡ muôn vàn đối tượng. Lúc còn nhỏ thì dễ bị hấp dẫn bởi những món đồ chơi. Có thể bỏ đồ chơi sang một bên để làm bài tập, đó là chiến thắng bản thân. Mỗi buổi sáng, thức dậy đúng giờ, cố gắng thoát khỏi sự hấp dẫn của giấc ngủ để đến trường đúng giờ. Đó là chiến thắng sự lười biếng của chính mình. Hay việc dũng cảm đứng lên nhận lỗi khi làm sai mà không sợ bị mắng, dám nhận điểm kém vì bản thân chưa chăm chỉ thay vì gian lận... Tất cả đều là chiến thắng bản thân. Nghe thì có vẻ giản đơn nhưng thực tế cần ý chí và nghị lực vô cùng phi thường.

Không những thế, nếu không thể chiến thắng bản thân, ngoài việc thất bại, chúng ta còn dễ dàng sa chân vào bùn lầy. Có những việc phải thử nhiều lần mới thành. Một lần thất bại liền từ bỏ đồng nghĩa với việc dễ nổi sợ hãi đánh bại. Nhân loại có một nhà bác học tên Ê-đi-xơn, phải kiên trì hơn 1000 lần mới chế tạo thành công dây tóc bóng đèn, đem đến ánh sáng văn minh cho nhân loại. Chiến tranh có hàng ngàn vị anh hùng. Họ rơi vào tay địch, chịu tra tấn dã man cả thể xác lẫn tinh thần, nhưng kiên quyết không phản bội Tổ Quốc. Họ không phải chiến thắng kẻ địch trước mắt mà chiến thắng nỗi sợ hãi tử vong, đau đớn ẩn sâu trong nội tâm mình.

Không tinh táo để chế ngự mình sẽ dễ vấp ngã, không nỗ lực khẳng định mình sẽ không bao giờ thành công. Thực tế đã chứng minh bằng rất nhiều tấm gương sáng. Thầy Nguyễn Ngọc Ký sinh ra với hai tay tật nguyên, muốn đi học phải tập viết bằng chân. Bao lần đau đớn, thầy vẫn kiên trì vượt qua và trở thành người thầy lớp lớp học trò kính trọng.

Nhiều người có hoàn cảnh kém may mắn vẫn không ngừng nỗ lực vươn lên, chiến thắng mọi trở ngại nội tâm để thành công. Nhưng cũng có không ít bạn trẻ được nuông chiều, bảo bọc bước ra cuộc sống, vừa đối mặt với chút khó khăn liền nản lòng thoái chí. Thậm chí cam chịu, sống hưởng thụ, buông thả bản thân và sa ngã. Dần dần tự mình hủy hoại chính cuộc đời mình. Đó là những trường hợp cần phê phán, nhắc nhở.

"Chiến thắng bản thân là chiến thắng hiển hách nhất" chính vì vậy, đã chiến thắng được chính bản thân mình thì chúng ta sẽ không còn ái ngại trước bất cứ một cuộc đấu tranh nào nữa. Trước vô vàn sóng gió, gian nan và thử thách của cuộc sống chúng ta đều tự tin đủ bản lĩnh để vượt qua và chiến thắng, hãy luôn tìm kiếm kẻ thù trong chính bản thân chúng ta để đương đầu và tiêu diệt chúng.

ĐỀ SỐ 12:

Đọc câu chuyện sau: THƯỢNG ĐẾ CŨNG KHÔNG BIẾT

Thượng đế lấy đất sét nắn ra con người. Khi Ngài nắn xong vẫn còn thừa ra một mẩu đất:

– Còn nặn thêm cho mày gì nữa, con người? – Ngài hỏi.

Con người suy nghĩ một lúc thấy mình đã đầy đủ tay, chân, đầu, rồi nói:

– Xin Ngài nắn cho con hạnh phúc.

Thượng đế đủ biết, biết hết nhưng cũng không hiểu được hạnh phúc là gì. Ngài trao cục đất cho con người và nói:

– Đây, tự đi và nắn lấy cho mình hạnh phúc.

Suy nghĩ của anh (chị) về bài học rút ra từ câu chuyện trên.

Nếu ví rằng cuộc sống là một bản nhạc với vô vàn những giai điệu trầm bổng khác nhau thì hạnh phúc lại chính là một nốt nhạc du dương để đưa con người hòa vào âm điệu của cuộc sống. Phải chăng vì thế mà con người cứ mãi miết chờ đợi hạnh phúc sẽ tìm đến với mình không? Có một sự thật rằng hạnh phúc sẽ chẳng bao giờ tìm thấy hạnh phúc nếu như cứ cố gắng đợi chờ thành phần của hạnh phúc. Và chúng ta chỉ thực sự hạnh phúc khi tìm kiếm được cho mình một cảm giác vui vẻ và khát khao giữa cuộc đời. Một lần nữa, mẩu chuyện **THƯỢNG ĐẾ CŨNG KHÔNG BIẾT** đã cho ta một nhìn nhận sâu sắc và đúng đắn về quan niệm của hạnh phúc. Bạn và tôi, chúng ta hãy cùng nhau dừng lại, để chậm chậm lắng nghe những giai điệu xô bồ của cuộc sống. Để trong bản nhạc ấy, chúng ta tìm kiếm cho mình một thứ gọi là hạnh phúc rất riêng...

Quả thật, câu chuyện mang một ý nghĩa rất sâu sắc. Hạnh phúc là một loại cảm giác tích cực, vừa vui mừng, vừa thỏa mãn khi chúng ta có được những điều tốt đẹp như mong đợi. Tất cả chúng ta đều khát khao được hạnh phúc, bình yên. Thế nhưng hạnh phúc của mỗi chúng ta mang sắc thái, hình hài hay hiện hữu như thế nào, điều ấy chỉ chính mình "*hiểu*" và "*cảm nhận được*" mà thôi. "*Thượng đế đủ biết, biết hết nhưng cũng không hiểu được hạnh phúc là gì*" cũng là vì lẽ đó. Dù thượng đế có mọi quyền năng có thể làm được tất cả, nhưng Ngài không thể "*hiểu*" và "*nắm*" hạnh phúc cho mỗi con người được. Bởi đối với mỗi trái tim, mỗi nhịp đập đều mang âm hưởng riêng của nó. Có người cho rằng: "*Hạnh phúc là biết cho đi chứ không phải nắm thật chặt*", "*Hạnh phúc là được yêu thương*"... Vâng! Hạnh phúc là gì còn tùy thuộc vào hoàn cảnh, cách nhìn, cách cảm nhận của mỗi người, lại khác nhau trong từng giai đoạn của đời người nữa. Chính vì vậy, Thượng đế "*đủ biết*" nhưng "*không hiểu hạnh phúc*" rốt cuộc là gì đối với con người. Thế nên, để có được hạnh phúc, mỗi người phải "*tự đi và nắm lấy cho mình*". Hạnh phúc là quá trình chứ không phải là đích đến. Để có được hạnh phúc, chúng ta phải tự mình đi tìm chứ không phải là đợi chờ người khác mang đến. Chúng ta phải nỗ lực phấn đấu để có được hạnh phúc, có như thế ta mới thật sự hiểu rõ ý nghĩa thật sự của nó. –

Trôi theo từng cơn sóng của cuộc đời, con người như một hạt cát nhỏ vô danh giữa biển khơi, mặc cho từng đợt sóng cứ thế cuốn ta đi xa mãi. Mỗi hạt cát đều có một

bến bờ hạnh phúc cho riêng mình. Có hạt cát nọ chỉ mong cơn sóng cứ dời mình đi, để hòa mình vào thiên nhiên hùng vĩ và ngắm nhìn mọi vẻ đẹp của tạo hóa ban tặng. Nhưng hạt cát kia lại không muốn như thế, mà chỉ muốn vùi mình vào sâu dưới đáy biển. Hạt cát ấy sẽ thấy hạnh phúc khi được đại dương che chở và bảo vệ. Có hạt cát chỉ muốn theo những cơn sóng để trở về với đất mẹ, nơi có tiếng cười nói của những người lái chèo, đượm nồng hơi thở của biển cả. Hạnh phúc đôi khi là một thứ gì đó thật giản đơn. Nó là một trạng thái tâm lý của con người khi ta cảm thấy thỏa mãn một nhu cầu nào đó thuộc về phạm vi đời sống tinh thần. Hạnh phúc không phải là một thứ mà ai khác có thể ban tặng cho bạn mà chính bạn phải tự mình tìm kiếm và khám phá ra nó. Tóm lại, mẩu chuyện nhỏ nói đề bài đã đưa ra một quan niệm đúng đắn về hạnh phúc của con người. Chúng ta chỉ thật sự cảm thấy hạnh phúc khi bản thân tìm ra được thành phần của hạnh phúc mà không phải có bất kì ai ban tặng.

Con người đều có những quan niệm về hạnh phúc rất riêng. Hạnh phúc đôi khi chỉ đơn giản là hôm nay bạn được sống và làm những gì mình thích. Hạnh phúc có khi là một niềm sẻ chia, cảm thông, yêu thương khi ta giúp đỡ những mảnh đời nghèo khó, những kiếp người cơ cực phải mưu sinh vì cơm, áo, gạo, tiền.. Hạnh phúc còn là một cảm giác vui sướng khi bạn nỗ lực, phấn đấu vì mục tiêu của chính mình đến khi bạn đạt được thành công. Kết thấy mọi thứ thuộc về ước muốn của con người đều trở thành một khái niệm về hạnh phúc, nó là một loại cảm giác, một loại tâm trạng, chỉ cần bạn hiểu được, nó tồn tại trong mọi góc ngách của cuộc sống. Có người ví hạnh phúc như một quả cầu thủy tinh, rơi xuống đất và vỡ ra làm nhiều mảnh, ai cũng có thể nhặt lên, người may mắn có thể nhặt được nhiều mảnh. Lúc nhặt miếng thủy tinh rơi, nếu như không cẩn thận, có thể bị cạnh sắc nhọn của mảnh vỡ làm đứt tay, khiến cho những người đi lượm hạnh phúc đau đớn không thôi. Thật ra, cuộc sống chính là một chút tổn thương, một chút suy sụp, một chút bất lực, một chút cảm thán. Muốn có được hạnh phúc chỉ có thể dùng chính đôi tay của mình để cố gắng, để kiếm tìm và để thay đổi...

Tôi chợt nhớ đến câu nói của Roise Nguyễn trong cuốn sách “Mình nói gì về hạnh phúc”; “Chẳng có cơ gì để em không hạnh phúc”. Con người chắc chắn phải luôn khát khao, kiên trì theo đuổi một thứ mang tên là “hạnh phúc”. Tôi luôn tự hỏi mình rằng “Tôi thực sự đã hạnh phúc chưa?”, câu trả lời rằng: “Có! Tôi rất hạnh phúc”.

Hạnh phúc đơn giản chỉ là mỗi sáng bạn thức dậy có thể ngắm nhìn ánh nắng ban mai bên khung cửa sổ, có thể chậm chậm lắng nghe tiếng chim líu lo trò chuyện ngoài khu vườn bên nhà. Hạnh phúc đơn giản chỉ là hôm nay bạn được sống, được hòa mình vào hơi thở của cuộc đời, được làm những gì bạn thích dù cho thế gian này rất mau chóng lụi tàn. Có những hạnh phúc đôi khi là sự tồn tại của bạn ở phút cuối cuộc đời, dẫn cho nó sẽ nhanh trôi vào hư không. Đó chính là hạnh phúc ủa Kito Aya, cô nữ sinh Nhật Bản phải đối mặt với căn bệnh thoái dây sống tiểu não, đã mạnh mẽ và dũng cảm để sống những ngày trọn vẹn, yêu thương bên mọi người. Aya tâm sự: “Có những người mà sự tồn tại của họ giống như không khí êm dịu, nhẹ nhàng, chỉ khi họ mất đi người ta mới nhận ra họ quan trọng đến nhường nào. Mình muốn trở thành một sự tồn tại như thế!”. Cuốn nhật kí “Một lít nước mắt” của cô đầy nghị lực và cảm động, đã truyền tải thông điệp mạnh mẽ về giá trị của cuộc sống. Đến tận cuối đời, Aya vẫn giữ trọn niềm tin yêu của mình với cuộc đời, với mọi người. Cuốn nhật kí của cô kết thúc bằng dòng chữ “cảm ơn”. Hạnh phúc đôi khi không cần là những mong muốn về vật chất hay tinh thần, hạnh phúc chỉ là những giây phút cuối cùng bạn được sống, được yêu thương cùng mọi người. Chúng ta sẽ bất chợt nhận ra, hạnh phúc thật sự là mỗi khoảnh khắc chiếc kim đồng hồ chuyển động, là giây phút chúng ta hít từng hơi thở nồng nhiệt của cuộc đời, để có thể sống trọn vẹn từng giây, từng phút trôi qua dẫn cho phía trước đều là dĩ vãng.

Nhìn lại những năm tháng trôi qua, đã bao giờ bạn bất giác tự hỏi chính mình: “Hạnh phúc thật sự của bạn là gì?”. Nếu là khi còn nhỏ, có lẽ chúng ta sẽ khao khát có thật nhiều đồ chơi mới, khi lớn lên, ta lại mong ước có thật nhiều tiền để bươn chải với cuộc sống. Khi trưởng thành rồi, con người lại quên mất đi hạnh phúc ban đầu của chính mình là gì, thay vào đó, chúng ta lại tiếp tục đi tìm kiếm cho mình một hạnh phúc mới. Thế nên mới nói, hạnh phúc chẳng bao giờ cố định cả mà nó luôn thay đổi theo thời gian để phù hợp với nhu cầu của chính mình. Nhưng dù thứ hạnh phúc ấy xuất hiện từ đâu đi chăng nữa thì quá trình đó phải in dấu bước chân của bạn tìm tòi và khám phá ra. Hạnh phúc sẽ mất đi ý nghĩa thực sự nếu như bạn cứ mãi chờ đợi nó sẽ đến với mình, chính nhạc sĩ Nguyễn Đông Thức chẳng phải đã từng viết:

“Hạnh phúc như ngọc trong đá

Không đến với ai chỉ hời hợt đi qua

Hạnh phúc như một bông hoa

Không có ai không cần cù tìm lấy!”

(Ngọc trong đá)

Ai đó đã từng nói rằng cuộc sống là một vườn hoa đầy hương sắc. Trong đó, cuộc đời của mỗi người lại giống như một cây đàn: phím trắng là vui vẻ, phím đen là đau thương. Nhưng chỉ khi hai phím trắng và đen cùng kết hợp thì mới tạo nên những giai điệu tuyệt vời cho khu vườn cuộc sống. Nếu như không thử thách mình tìm tòi, sáng tạo và vượt qua những việc khó khăn, bạn sẽ chẳng thể tìm kiếm cho mình một hạnh phúc thật sự. Hãy nhìn xem! Giờ đây những đám mây mù mịt xuất hiện trong cuộc đời của bạn không còn là dấu hiệu của một cơn mưa nặng hạt hay một cơn bão giông đầy tàn phá nữa. Nó xuất hiện chỉ là để thêm màu sắc vào hành trình tìm kiếm hạnh phúc thật sự của bạn mà thôi! Thử nghĩ xem! Nếu như không có những khó khăn và thử thách do cuộc sống ban tặng, liệu rằng bạn có biết được mùi vị của hạnh phúc hay không? Không! Vì hết thấy chúng ta đều hầu hết xem thứ mà mình mong muốn có được chỉ là một thú vui trong khoảnh khắc. Thứ cảm xúc ấy chỉ mang đến cho họ một sự hưng phấn nhất thời chứ không hẳn là lâu dài. Liệu rằng đó có phải là hạnh phúc thật sự hay không? Nên nhớ rằng, chỉ bằng những nỗ lực và kiên trì của chính bạn thì mới có thể tạo nên hạnh phúc quý giá. Khi bạn khám phá và tìm tòi ra hạnh phúc bằng chính đôi tay của mình thì mọi thứ mới dần trở nên có ý nghĩa hơn và đáng giá hơn. Đó chính là một niềm hạnh phúc tuyệt vời của chàng tiên đạo xứ Nghệ tài năng – Nguyễn Công Phụng. Anh sống và lớn lên với một tuổi thơ cơ cực và từng bị đánh trượt tại lò đào tạo sông Lam Nghệ An. Nhưng với nghị lực sống và ý chí quyết tâm phi thường, anh không hề bỏ cuộc mà tiếp tục theo đuổi đam mê của mình. Bằng sự kiên trì và nỗ lực không ngừng nghỉ, anh đã may mắn có mặt vào đội tuyển bóng đá quốc gia Việt Nam và đã nhiều lần mang về thành tích vẻ vang cho dân tộc. Anh từng chia sẻ: “Hạnh phúc của tôi là mỗi ngày được cống hiến đam mê của mình cho đất nước. Tôi vẫn luôn cố gắng và nỗ lực phát huy hết tài năng của mình cho quê hương Việt Nam”. Có lẽ, hạnh phúc thật sự khi bạn không ngừng kiên trì và khám phá ra nó,

tuy sẽ là một chút khó khăn, một chút gian khó, một chút mệt mỏi nhưng bản thân bạn sẽ cảm thấy thật an lòng!

Nhiều người cho rằng hạnh phúc phải là những thứ xa xỉ về vật chất hoặc tinh thần. Có người nọ sẽ mong muốn mình có thật nhiều tiền để vui chơi thỏa thích. Có người kia lại khao khát mình trở nên giỏi giang và thành đạt trong công việc và trong cuộc sống. Nhưng tôi thì không nghĩ vậy! Hạnh phúc trong tôi là một thứ gì đó thật đơn giản. Có lẽ, tôi cũng quan niệm hạnh phúc giống như Thanh Huyền đã từng viết:

“Vậy đừng nói cuộc đời tẻ nhạt nhé em!

Tuổi mười tám vẫn còn khờ khạo lắm

Đừng tô vẽ một chân trời xa toàn màu hồng thắm

Hạnh phúc vẹn nguyên giữa cuộc đời thường!”

(Hạnh phúc)

Phải! “Hạnh phúc vẹn nguyên giữa cuộc đời thường!”. Hạnh phúc là khi hôm nay tôi được yêu và được thương những mảnh đời nghèo khổ... Hạnh phúc là khi tôi được tay cầm tay để có thể sẻ chia, để có thể cảm thông, để trái tim tôi sưởi ấm những hồn thơ bé bỏng, không nơi vỗ về. Hạnh phúc là khi hôm nay tôi được nói tiếng yêu thương, được nâng niu và trân trọng những số phận cơ cực, những kiếp người còn lắm gian nan...

Hạnh phúc đôi khi chỉ là như thế thôi ...

Chúng ta ngày nay cứ mãi miết chạy theo nhịp sống vội vàng của xã hội mà quên mất đi ở đâu đó trong cuộc sống này còn có một mảnh đời cần ta yêu thương. Hạnh phúc không cần là một quả bóng xa vời vợi nằm ngoài tầm bắt, hạnh phúc chỉ có thể là đồng cỏ thơm hương lúa, là gương mặt của những người quanh ta. Có những thứ hạnh phúc thật giản đơn mà khi mất đi rồi người ta mới cảm thấy nuối tiếc? Chúng ta cứ mãi chạy theo những thứ hạnh phúc xa xỉ, hão huyền của cuộc đời mà quên mất đi niềm hạnh phúc đời thường vốn có. Thứ hạnh phúc ấy chính là sự khát khao và tâm niệm của cô bé Lê Thanh Thúy – một người con gái lạc quan yêu đời với nụ cười hoa

hướng dương đã phải đối mặt với căn bệnh ung thư và cái chết cận kề nhưng Thúy vẫn mạnh mẽ và sống trọng với niềm hạnh phúc của mình. Cô đã lập nên quỹ “Ước mơ của Thúy” để giúp đỡ các bệnh nhân ung thư khác. Tuy Thúy đã mất đi nhưng ước nguyện và niềm hạnh phúc được sẻ chia của chị vẫn còn mãi với đời. Hàng ngàn “Ngày hội hoa hướng dương” vẫn viết tiếp ước mơ của thúy và thu hút sự tham gia đông đảo của cộng đồng, đặc biệt là giới trẻ! Dù chỉ là một niềm hạnh phúc đơn giản, nhưng bằng chính sự nỗ lực và kiên trì tìm tòi, Thúy đã thực hiện được những ước muốn chân thành của mình trong giây phút cuối đời.

Cho đến hôm nay, tôi lại một lần nữa hỏi chính mình “Tôi thật sự đã hạnh phúc chưa?”. Phải! Tôi thực sự hạnh phúc và hài lòng với tất cả những gì mình đang có. Tôi hạnh phúc vì mình được sinh ra và có mặt trên cuộc sống vĩnh hằng này. Tôi hạnh phúc vì mình được sống trong một gia đình với đủ đầy tình yêu thương. Đôi khi hạnh phúc không cần là những điều quá xa rời thực tế, hạnh phúc đơn giản chính là hành trình mà con người tìm tòi, khám phá ra những gì mình mong muốn và khát khao. Khi đã thực sự hạnh phúc, con người sẽ trở nên sống ý nghĩa hơn và luôn hướng về mọi thứ tốt đẹp. Hạnh phúc thật sự sẽ giúp chúng ta xua tan đi nỗi đau của quá khứ và những lỗi lầm của hiện tại, hạnh phúc được ví như một làn gió, nhẹ nhàng nâng đỡ con người ta lên trong những lúc khó khăn, tuyệt vọng, hướng con người đến những điều may mắn, tốt lành:

“Khi ta đã say mùi hương chân lí

Đời đắng cay không một chút ngọt bùi

Đời đau buồn không một tiếng cười vui

Đời đen tối phải đi tìm ánh sáng!”

(Như những con tàu – Tố Hữu)

Thế nên con người hãy chớ vội đau buồn vì những lỗi lầm và thất bại trong quá khứ, mà hãy hướng về phía ánh sáng của niềm tin, nơi mà những “chân trời” hạnh phúc đang chờ đợi ta phía trước! Nếu không bước đi bằng chính đôi chân của mình để tìm ra hạnh phúc thì những thứ mà hôm nay chúng ta đạt được chỉ đều là hư ảo, chóng

tan như sương khói mà thôi! Nếu như con người tìm ra được một hạnh phúc ý nghĩa cho riêng mình thì đó chính là “chiếc chìa khóa” vạn năng để họ tiến đến bước đường của thành công!

Tôi đã từng quan niệm hạnh phúc giống như một ngọn gió ấm áp của mùa xuân, trước khi nó đến để sưởi ấm muôn loài thì phải trải qua một mùa đông giá rét. Nếu như không trải qua hành trình nỗ lực tìm tòi, lòng kiên trì vượt qua những khó khăn thử thách thì liệu rằng bạn sẽ tìm được cho mình một bến bờ hạnh phúc để dừng chân? Mọi người thường cho rằng: “Đời cứ an nhiên mà sống – Hạnh phúc sẽ tự tìm đến!”, nhưng tôi thì không nghĩ vậy. Đó chẳng qua chỉ là một cái cớ hoàn mỹ cho những kẻ chỉ thích lối sống bị động, họ luôn ảo tưởng rằng hạnh phúc là một con điều chẳng? Nhưng họ quên rằng, con điều có thể vô tình bay đến nơi bạn nhưng nó cũng có thể quay lưng với bạn. Bởi vì hạnh phúc luôn không cố định, nó thay đổi trong suốt quá trình chúng ta lớn lên và bị chi phối bởi suy nghĩ và hành động của mỗi người! Những kẻ chỉ biết cho rằng hạnh phúc là một con điều sẽ luôn sống với một trạng thái mong chờ hạnh phúc đến với mình. Cứ thế ngày qua ngày, những thứ mà họ ngóng trông không những không có mà họ lại đánh mất đi những cơ hội quý giá để đạt được hạnh phúc thật sự. Hay có những người ngày nay chỉ luôn sống vì quyền lực, vì tiền tài và danh vọng, họ ngày càng đánh mất đi thứ hạnh phúc vốn có ban đầu. Không những vậy mà trong xã hội ngày nay, họ trở nên có lối sống buông thả, có thể đe dọa, thậm chí là cướp đi hạnh phúc vốn có của bao người. Diễn hình đó chính là các cuộc chiến tranh xâm lược diễn ra trên quê hương Việt Nam vào những năm thập niên của thế kỉ 20 đã gây ra biết bao thương vong cho đồng bào dân tộc. Những kẻ chỉ vì quyền lợi cho riêng mình mà ngang nhiên gây ra nhiều cuộc chiến thảm khốc, biết bao nhiêu máu và nước mắt đã nhỏ xuống trên từng tấc đất quê hương, biết bao nhiêu niềm hạnh phúc chưa trọn vẹn bị vỡ tan khi cảnh vợ mất chồng, con mất cha,... biết bao những đôi mắt của trẻ thơ phải nhuộm lấy màu đỏ rực lệt của chiến tranh mà đáng lẽ đó phải là đôi mắt của niềm tin yêu sự lạc quan và hạnh phúc bé bỏng, những hạnh phúc chỉ có thể nhen nhúm rồi cũng mau chóng lụi tàn đi ...

Hạnh phúc là một thứ gì đó rất dễ nắm bắt nhưng nếu không nắm chặt thì nó sẽ vụt bay đi... Không phải bất kì hạnh phúc nào mà chúng ta cũng có thể phân đầu, tìm tòi

để lấy được. Có những hạnh phúc phải giành lấy từ người khác để mang về cho chính mình thì liệu rằng đó có phải là một hạnh phúc đúng nghĩa không? Người mất đi hạnh phúc sẽ khổ sở và đau đớn khôn nguôi, còn người giành được hạnh phúc sẽ cảm thấy vui mừng và hưng phấn trong một thời gian rồi cũng trở nên chán nản vì đó không phải là thứ hạnh phúc thật sự mà họ cần tìm. Chúng ta phải biết tìm tòi và khám phá ra hạnh phúc một cách đúng nghĩa, không nên vì một chút ham muốn nhất thời mà làm mất đi giá trị của hạnh phúc. Tất cả chúng ta đều có quyền và cơ hội trở thành một người hạnh phúc. Đừng chờ đợi ai đó mang đến cho mình hạnh phúc. Mỗi ngày là một cơ hội để chúng ta vượt lên những lo toan thường nhật, bước đến gần hơn cánh cửa hạnh phúc của mình. Vì thế, chúng ta cần học cách mở rộng tâm hồn mình, yêu thương bản thân hơn, quý trọng cuộc sống và những gì mình đang có. Bạn sẽ thấy mình là một người hạnh phúc. Khi ta biết trân trọng những gì mà mình đang có, hạnh phúc sẽ mỉm cười! Là một học sinh, tôi luôn phấn đấu và không ngừng nỗ lực để tìm ra cho mình một hạnh phúc thật sự. Dù cho hạnh phúc đang ở bất cứ nơi đâu tôi vẫn luôn tự hào vì mình có thể dùng đôi chân vững vàng để tìm thấy nó và chinh phục nó!

Cảm ơn mẫu chuyện “Thượng đế cũng không biết” đã cho tôi một cái nhìn đúng đắn và sâu sắc hơn về hành trình tìm kiếm hạnh phúc. Có lẽ bất kì ai trong chúng ta cũng đã một lần tìm thấy hạnh phúc thuộc về riêng mình. Và trên hành trình đi tìm tòi để chạm vào những khát khao ước muốn của bản thân, ta sẽ chợt thấy những hạnh phúc ấy ở nơi chân trời xa, rất xa...Nơi có những niềm vui và ước mơ vẫn đang vẫy gọi ta trở về. Đừng bỏ cuộc mà hãy cố gắng chinh phục lấy chúng. Bởi lẽ, hạnh phúc vốn không ở đâu xa, hạnh phúc là tất cả những gì quanh ta, là chính ta:

“Hạnh phúc ơi! Hạnh phúc ở thật gần

Nhưng không phải ai cần đều có được

Cuộc đời! Có những điều không biết trước

Hạnh phúc trong tay lại bước xa dần”.

(Hạnh phúc thật gần)

ĐỀ SỐ 13: Nghị luận về tinh thần lạc quan trong cuộc sống.**BÀI LÀM**

“Người bi quan thấy khó khăn trong từng cơ hội, người lạc quan thấy có cơ hội trong từng khó khăn”. Đúng như vậy, những mảng màu của đời sống góp phần điểm tô cuộc đời mỗi chúng ta. Cuộc sống có tốt, có xấu, có hạnh phúc cũng có bất hạnh, có vui vẻ cũng có khổ đau. Giông tố, gian nan cuộc đời không ai muốn nhưng cũng khó ai tránh khỏi và đôi khi những khó khăn hoặc thử thách khiến ta chùn bước hoặc giúp ta trở nên tốt đẹp hơn, tùy thuộc vào cách đối diện của mỗi người. Bởi vậy mà tinh thần lạc quan vô cùng quan trọng, là nhân tố không thể thiếu nếu như bạn muốn thành công.

Tôi đã được nghe câu chuyện kể về việc cô gái nhỏ đi bộ đến trường vào một hôm trời mưa to. Lúc về thời tiết có vẻ còn xấu hơn, gió bắt đầu rít mạnh cùng với sấm chớp. Trong lúc đó bà mẹ ở nhà lòng đầy lo lắng và đã đi đón con. Thật ngạc nhiên khi đến nơi bà mẹ thấy đứa con của mình cứ nhìn lên trời và mỉm cười mỗi khi có tia chớp lóe lên. Khi hỏi con, cô bé hồn nhiên trả lời vì muốn cho mình xinh đẹp hơn bởi thượng đế cứ liên tục chụp ảnh cho mình. Câu chuyện mang đến bài học sâu sắc. Đi dưới trời mưa nhưng cô bé vẫn mỉm cười, đó là thái độ sống lạc quan, yêu đời. Hành động của cô bé chỉ một cách sống tích cực, tin tưởng vào mình và không bao giờ sợ hãi trước khó khăn cuộc đời. Ngược lại với cô bé chính là hình ảnh bà mẹ. Đó chính là hình ảnh tượng trưng cho những người sống bi quan, luôn luôn lo lắng. Như vậy, ý nghĩa của câu chuyện muốn đem đến cho người đọc đó chính là thái độ sống lạc quan tích cực của con người, chủ động biến khó khăn thành cơ hội.

Lạc quan là luôn hướng về những điều tốt đẹp, thấy được những tia hy vọng trong khổ đau, nhìn nhận mọi việc theo hướng tích cực. Lạc quan - thái độ tích cực trong cuộc sống mà mỗi người cần phải có. Một “liều thuốc” vô cùng hữu hiệu trong đời sống.

Sống lạc quan giúp cho con người ta thêm yêu đời, yêu cuộc sống, vượt qua mọi khó khăn của cuộc đời. Người sống lạc quan luôn nhìn cuộc đời bằng cặp mắt yêu thương, đó chính là lý do họ gắn bó với cuộc sống. Sống lạc quan giúp ta luôn nhìn về tương lai, mong muốn một tương lai tốt đẹp. Hơn thế, lạc quan chính là một trong

những yếu tố giúp con người ta vượt qua khó khăn, vươn lên trong cuộc sống. Cuộc đời là một đường chạy mà ở đó có bao khó khăn, gian nan ấy ta không có tinh thần lạc quan để vượt qua thì đó là một thất bại với cuộc đời, với chính mình. Lạc quan, tích cực là yếu tố giúp ta thêm yêu đời, yêu mình. Thật khó tưởng tượng nếu con người ta sống mà không có tinh thần lạc quan, yêu đời. Cuộc sống luôn chờ đợi và chỉ có thể lạc quan mới khiến con người ta sống có mong ước, sống có hạnh phúc và có ý nghĩa hơn.

Sống lạc quan là yếu tố giúp con người ta tự tin vào chính mình, không yếu đuối gục ngã trước những cạm bẫy của cuộc sống. Người có tinh thần lạc quan bao giờ cũng là người có phẩm chất khác tốt đẹp khác, sống lạc quan giúp ta mạnh mẽ ở cuộc đời, giúp ta hướng về tương lai cho dù thực tại có như thế nào. Sống lạc quan là cách sống mà chỉ những người sáng suốt, hiểu thấu cuộc đời sẽ chọn. Gặp một khó khăn bất kỳ, người lạc quan sẽ vượt qua dễ dàng không những thế họ còn có thể in dấu ấn lại với cuộc đời, với xã hội. Những con người đó luôn luôn được xã hội kính trọng và sùng nể. Mặt khác nếu là con người bi quan thì dường như họ ngại tất cả và thậm chí “thấy khó khăn trong từng cơ hội”.

Người sống lạc quan luôn là người thành công, họ vượt qua khó khăn bằng niềm tin của họ, chiến thắng nó bằng sự cố gắng vươn lên của bản thân. Dường như gian nan thử thách chỉ là con đường ngoằn ngoèo chứa một khoảng nhỏ trong con đường mà họ chạy. cho dù họ không thành công theo nghĩa thực đi chăng nữa, họ luôn là những con người thành công với chính mình, thành công với cuộc đời. Người sống lạc quan là người luôn mơ ước cho dù cuộc sống thực tại có ra sao, họ vẫn lạc quan về ý chí tiếp thêm nghị lực cho bản thân để biến ước mơ thành hiện thực. Đó chính là lý giải tại sao lạc quan có thể dẫn chúng ta đến thành công.

Trong thực tế cuộc sống ta đã bắt gặp những tấm gương nhìn cuộc đời bằng cặp mắt lạc quan, yêu đời. Đó là những con người đáng trọng, đáng nể, tiêu biểu trong số đó chính là thầy giáo Nguyễn Ngọc Ký người thầy muôn thuở của dân tộc Việt Nam. Bị liệt hai tay từ lúc còn nhỏ, không được đi học với bạn bè cùng trang lứa mà trong lòng thầy luôn cháy lên một ước mơ đó là cắp sách đến trường. Bằng niềm lạc quan thầy đã vượt qua được mặc cảm, tự ti cố gắng tập viết bằng chân mặc dù có lần bị

chuột rút đau tê tái. Và giờ đây không những thầy mà cả chúng ta luôn tự hào, kính nể. Hay nói đến vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc ta – ta cũng bắt gặp một sự lạc quan yêu đời tha thiết của Bác. Từ lúc ra đi tìm đường cứu nước, cho đến khi về nước rồi sang Trung Quốc bị bắt, Bác vẫn lạc quan, ung dung, yêu đời tha thiết. Bằng niềm lạc quan đó Bác vẫn tin rằng mình sẽ được thả, có ngày dân tộc đất nước ta được giải phóng. Và kết quả thì đúng như suy nghĩ của Bác, thậm chí nó còn thắng lợi hơn, rực rỡ hơn... Đó chỉ là hai trong những con người đáng quý, đáng trọng mà chúng ta phải học tập rất nhiều.

Tuy nhiên, bên cạnh những người lạc quan, tin tưởng vào cuộc đời vẫn còn một số người có thái độ bi quan, không tự tin ở bản thân. Đó là một lối sống đáng phê phán bởi lối sống đó là một sự hạ thấp mình, không tin yêu cuộc đời và đó cũng là nguyên nhân dẫn đến những buồn rầu, sự chán nản. Cũng có những người quá lạc quan, không chú ý đến những người xung quanh, tự đề cao mình thì đó cũng là những người đáng chê trách. Phải sống làm sao để lạc quan là phương tiện giúp ta tiến xa chứ không phải rời xa xã hội.

Sống lạc quan là cách sống, là thái độ mà mỗi người ai cũng nên có. Cách sống đó tập trung những phẩm chất tốt khác nhau giúp người ta trở nên hoàn thiện mình, tự tin ở mình, vượt qua khó khăn một cách dễ dàng. Nói như vậy, không hẳn cứ gặp khó khăn có lòng lạc quan là vượt qua bởi đó còn là sự hội tụ của những tài năng và công sức khác. Mặt khác ta không nên quá lạc quan để mà chạy với dòng đời một cách nhanh chóng. Đôi khi đó còn là sự trông mong về quá khứ, xem ta đã đi qua thế nào bởi phần đời còn lại cũng chỉ là cái gốc của quá khứ thôi. Niềm lạc quan đôi khi không tránh khỏi những lời luận bàn, bình phẩm của mọi người thế nhưng đó là cách sống mà ta đã chọn thì cũng phải vượt qua nó. Bởi biết đâu đó cũng là một thử thách với cuộc đời.

Câu chuyện chỉ là một mẫu sinh hoạt nhỏ của cô bé và mẹ của cô trong những ngày trời mưa, thế nhưng lại chứa bao ý nghĩa và bài học sâu sắc. Đó là lời khuyên, lời khuyến khích mọi người hãy cố gắng sống một cách lạc quan với cuộc đời. Bởi vì, có cách đó ta mới thực sự thêm yêu đời, yêu cuộc sống này. Đồng thời câu chuyện cũng là một tiếng chuông cảnh tỉnh dành cho những người đang bi quan, sống như

vậy là một cách sống hoài, sống phí, sống không có tương lai. Hãy sống một cách lạc quan để có thể thấy, có thể cảm hết được sự tươi đẹp của cuộc đời.

Bản thân chúng ta, đang là học sinh ngồi trên ghế nhà trường, mỗi người cần phải cố gắng học một cách sống lạc quan với đời, lạc quan trong học tập và rèn luyện để đạt được những ước mơ, những mục tiêu mà mình đề ra. Đó là thành công với chính mình, thành công với cuộc đời.

Sống lạc quan là một trong những phẩm chất mà con người cần có. Mỗi chúng ta hãy giữ cho mình tinh thần lạc quan, hãy luôn tin vào cuộc sống, mạnh mẽ như những bông hoa hướng dương, luôn nhìn về phía mặt trời, hướng về ánh sáng của sự sống. Cuộc đời không có gì là tuyệt đối, đừng phí phạm thanh xuân trong đau khổ, chán chường, như một câu ngạn ngữ từng nói: “Cuộc sống luôn cho chúng ta thứ gọi là ngày mai”. Vì vậy, hãy mỉm cười và đón nhận mọi điều mà cuộc sống mang lại, hãy sống cho những năm tháng tuyệt đẹp nhất mà ông trời dành tặng

ĐỀ SỐ 14: Nghị luận xã hội về lòng nhân ái

BÀI LÀM

Bạn có từng vì vội vàng mà lướt qua một người ăn xin bên cạnh đường đang đưa tay ra với bạn, có từng vì tăng ca mà cuối tuần không về về nhà ăn bữa cơm gia đình với cha mẹ, có từng bận rộn mà phớt lờ tin nhắn của người bạn cũ hỏi thăm? Tôi đã từng như thế! Chúng ta thường chạy đua với những bận bịu của cuộc sống hàng ngày mà quên đi yêu thương những người xung quanh ta, bỏ lỡ một điều kỳ diệu rằng con người phải sống có lòng nhân ái và có thể khẳng định rằng lòng nhân ái là niềm hạnh phúc lớn nhất của con người.

Tổ Hữu đã từng viết "Người với người sống để yêu nhau", tình yêu giữa người với người như vậy được gọi là nhân ái. Còn "lòng nhân ái" là cách để con người trao đi yêu thương không vụ lợi, không mong muốn nhận được đền ơn đáp nghĩa, nó xuất phát từ tận đáy lòng con người. Lòng nhân ái là truyền thống dân tộc ta từ bao đời này nhưng chắc hẳn nhiều người chúng ta đã tự hỏi tại sao lại cần có lòng nhân ái trong mỗi con người. Bởi nhân ái là vũ khí mạnh mẽ, vững bền nhất để con người vượt qua khó khăn gian khổ, những chướng ngại, thử thách mà cuộc sống đề ra. Khi ta ngã quỵ

trước thất bại đầu đời, chính tình yêu thương của cha mẹ, anh em, bạn bè nâng đỡ ta, an ủi ta, vực ta dậy để bước tiếp hành trình còn dang dở. Nguyễn Ngọc Kí, một người tài năng với đôi bàn chân tài hoa đã chứng minh cho cả đất nước Việt Nam thấy rằng ngoài sự nỗ lực, cố gắng kiên trì không ngừng nghỉ thì tình yêu thương của những người xung quanh đã giúp anh vượt qua mọi sự bất lực về thể xác khi liệt hai tay để trở thành một nhà giáo, nhà văn, nhà tư vấn cho thanh thiếu niên; anh đã đóng góp một phần không nhỏ cho nền giáo dục nước nhà với đôi chân kì diệu của mình.

Không chỉ thế, lòng nhân ái là sức mạnh, là cầu nối đưa con người gần gũi, gắn kết với nhau để chiến thắng mọi cái ác, cái xấu xa của xã hội. Nhìn lại trang sử sách xưa, thế hệ chúng ta phải lấy làm tự hào vì thứ thiêu đốt lòng tham, thói ích kỉ, tàn bạo của kẻ thù không phải là khói đạn súng trường mà là ngọn lửa của tình đồng chí, đồng đội, tình yêu quê hương đất nước mãnh liệt. Đấy chẳng phải khẳng định rằng sức công phá của tình yêu thương còn lớn mạnh hơn cả mưa bom bão đạn hay sao?

Xét gần hơn với chúng ta, tình yêu thương, lòng bác ái là thước đo giá trị, phẩm hạnh của con người. Người sống biết yêu thương, trân trọng cái đẹp, trước hết, phải là người có tri thức, được mọi người yêu quý kính trọng, họ biết cách để họ hạnh phúc và mọi người xung quanh được hạnh phúc. Nó là liều thuốc tinh thần xua đi mọi ham muốn dục vọng xấu xa, ích kỉ, vị kỉ, những thứ mà đang bào mòn từng chút tính người trong con người ta. Tình yêu thương sẽ thanh lọc tâm hồn con người, giúp ta thấy hạnh phúc thư thái nhẹ nhàng; nó là tiên dược chữa lành mọi bệnh tật, xoa dịu mọi nỗi đau trong con người. Đôi khi ta trao đi yêu thương mà thứ ta nhận lại dù không phải vật chất thì cũng là niềm hạnh phúc khi được trao đi, nó còn có giá trị gấp ngàn lần thứ vật chất tầm thường, đúng như Rainer Maria Rilke đã từng nói: "Có điều kỳ diệu xảy đến với những người thực sự biết yêu thương: họ càng cho nhiều, họ càng có nhiều". Bởi thế có người đã từng nói rằng muốn biết một người giàu có hay không hãy nhìn vào cách họ đối xử với mọi người, như tỉ phú Bill Gates, ông đã dành 95% tài sản của mình để làm từ thiện, nhờ vậy mà 43 triệu trẻ em trên thế giới được chích ngừa bệnh viêm gan siêu vi B, hay như Mẹ Teresa đã dành 40 năm cuộc đời mình để xoa dịu mọi nỗi mất mát của người nghèo, trẻ mồ côi, người hấp hối, bệnh tật, hay những chương trình tình nguyện của thanh thiếu niên như trái tim cho em, ngôi nhà

hạnh phúc, vượt lên chính mình,... Họ đã lan tỏa yêu thương để mang lại một xã hội tràn đầy tình yêu thương.

Tuy nhiên, trong xã hội hiện đại ngày nay, nơi mà đầy rẫy những toan tính, tẻ nạn, những con người hiện đại cứ thế phó mặc cho những sự vô cảm vô tâm diễn ra hàng ngày và càng ngày càng tẻ hại. Họ luôn sẵn sàng săn bắt , giết hại động vật thỏa mãn cho nhu cầu "thuốc bổ" của con người mà phớt lờ khi từng loài đang dần tuyệt chủng, sẵn sàng đổ đi hàng bao thức ăn mỗi ngày nhưng lại đánh đập một cậu bé mồ côi vì quá đói mà trộm cắp một chiếc bánh mì còn con, sẵn sàng ném mấy đồng tiền lẻ vào mặt mấy người ăn xin với thái độ khinh bỉ, ghét bỏ. Họ luôn sẵn sàng làm những điều tẻ hại như thế. Sự vô cảm ăn mòn tính người trong họ, biến họ thành những kẻ sát nhân máu lạnh, thành những con quỷ đội lốt người, họ đang tiếp tay để hướng thế giới tới sự suy đồi diệt vong.

Là một thanh thiếu niên của thế hệ trẻ Việt Nam, chúng ta không được phép chỉ ngồi cảm thán sự cô cảm của loài người, chúng ta là những chủ nhân tương lai của xã hội phải có trách nhiệm kêu gọi ,tuyên truyền, thay đổi tư tưởng nhận thức con người, cứu lấy tính người trong con người và xã hội ngày càng ô uế này. Nếu vô cảm là một loại bệnh truyền nhiễm thì lòng nhân ái lại là liều thuốc kì diệu chữa loại bệnh này. hãy lan tỏa yêu thương để con người ngày càng hoàn thiện và trở nên tốt đẹp hơn.

ĐỀ SỐ 15: Đọc câu chuyện sau:

TỜ GIẤY TRẮNG

Có một lần, tại một trường trung học, ngài hiệu trưởng đến gặp các em học sinh để nói chuyện. Trong khi nói, ông giơ lên cho các em thấy một tờ giấy trắng, trên đó có một chấm tròn đen ở một góc nhỏ và hỏi:

– *Các em có thấy đây là gì không?*

Tức thì cả hội trường vang lên:

– *Đó là một dấu chấm.*

Ngài hiệu trưởng hỏi lại:

– *Thế không ai nhận ra đây là một tờ giấy trắng ư?*

Nói rồi, ngài kết luận:

– *Thế đấy con người luôn luôn chú ý đến những lỗi nhỏ nhặt mà quên đi tất cả những phẩm chất tốt đẹp còn lại. Khi phải đánh giá một sự việc hay là một con người, thầy mong các em sẽ chú ý đến tờ giấy trắng nhiều hơn là những vết bẩn có trên nó.*

(Tờ giấy trắng – Quà tặng cuộc sống)

Hãy viết bài văn nghị luận xã hội trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa câu chuyện trên.

BÀI LÀM

Cuộc sống đầy ắp những việc không như ý, chúng ta chẳng thể nào né tránh, điều duy nhất có thể làm là thay đổi góc nhìn về nó. Nếu bạn luôn có cách nhìn, góc nhìn toàn diện và tích cực trước cuộc sống, bạn sẽ thấy mọi thứ đều đáng trân trọng, không bao giờ bạn khinh chê hay thất vọng. Câu chuyện Tờ giấy trắng nhắc ta một bài học sâu sắc về cách nhìn, góc nhìn mới mẻ và tích cực trong cuộc sống này.

Câu chuyện về một tờ giấy trắng không hoàn hảo vì có một dấu chấm đen nhỏ đã đem lại bài học sâu sắc về cách đánh giá và nhìn nhận của con người trước một sự vật. Ngài hiệu trưởng cho học trò nhìn một tờ giấy trắng có một chấm đen ở một góc nhỏ. Tất nhiên, học trò sẽ nhìn thấy dấu chấm đen ấy bởi vì nó là dấu hiệu khác biệt nhất, đáng chú ý nhất. Và lúc đó, tờ giấy trắng sẽ bị mất đi một phần, hoặc hoàn toàn giá trị trong cái nhìn của người khác. Sẽ chẳng ai muốn sử dụng một tờ giấy trắng đã có chấm đen trong công việc của mình, vì nó có thể gây ra sự phản cảm hoặc làm giảm giá trị của những gì được ghi ở trên đó. Đó là tất cả những gì mà con người sẽ nghĩ đến.

Thế nhưng, ngài hiệu trưởng đã chỉ ra một giá trị rất lớn: dấu chấm đen chỉ chiếm một phần rất nhỏ của tờ giấy, phần còn lại vẫn còn nguyên giá trị và có thể sử dụng được. Từ đó, ông kết luận: Con người luôn luôn chú ý đến những lỗi nhỏ nhặt mà

quên đi tất cả những phẩm chất tốt đẹp còn lại. Khi phải đánh giá một sự việc hay là một con người, hãy chú ý đến tờ giấy trắng nhiều hơn là những vết bẩn có trên nó.

Kết luận của ông hiệu trưởng là đúng đắn, thể hiện cách nhìn, góc nhìn khác biệt và sự trân trọng của con người đối với đời sống. Con người trong cuộc sống không ai là hoàn hảo. Tất cả chúng ta khi sinh ra đều có những khuyết điểm, những sai lầm, dù lớn hay nhỏ thì nó cũng khiến người khác không hài lòng hoặc thất vọng, hoặc khinh ghét. Thế nhưng, những khuyết điểm hay lỗi lầm không phải là tất cả những gì con người có, trong họ còn biết bao phẩm chất tốt đẹp mà chúng ta chưa biết đến hoặc đã vội bỏ qua khi nhìn nhận.

Thực vậy, con người thường chú ý và đánh giá thể giới xung quanh, đánh giá người khác thiên về hình thức hơn là phẩm chất bên trong. Một chiếc điện thoại có một vài vết xước mặt kính, chúng ta ngay lập tức đã không còn yêu thích nó, sẽ thay mặt kính khác hoặc bỏ nó đi và mua cái mới mà quên rằng nó vẫn đang hoạt động tốt và sẽ đáp ứng được nhu cầu của mình, không cần phải thay mới hoặc bỏ đi. Đó là vì ta quý trọng cái hình thức của nó hơn nên đã đưa ra đánh giá sai lầm về nó. Trong khi, một mặt bàn bằng gỗ, dẫu có bị trầy xước hay một vài vết bẩn, ta vẫn thoải mái sử dụng nó, không hề cảm thấy khó chịu hay ức chế. Đó là vì đối với cái mặt bàn, chúng ta không cần nó phải hoàn hảo như mặt chiếc điện thoại.

Trong cuộc sống, con người luôn phải hoạt động và giao tiếp. Quá trình hoạt động và giao tiếp đó, người ta khó tránh khỏi những sai lầm vì một lý do nào đó. Một người bạn thân thiết chỉ vì một lần trễ hẹn mà ta đã vội trách móc, cho rằng bạn đã không biết quý trọng mình. Đó là vì ta đã đặt bản thân quá cao, không chịu thấu hiểu, cảm thông và khoan thứ.

Cách nhìn của chúng ta về thế giới thực sự được định hình bởi điều chúng ta quyết định ngắm nhìn và lắng nghe. Chúng ta chỉ có thể nhìn thấy được một mặt của sự vật, nhìn thấy một phần tâm hồn của con người và còn rất nhiều mặt khác, rất nhiều điều tốt đẹp khác ở con người bị che khuất khiến ta không nhìn thấy được hay cảm nhận được. Vì thế, khi nhìn nhận đánh giá một con người phải nhìn nhận ở nhiều phương diện: bề nổi, bề sâu, nhất là những mặt tốt mang tính căn bản.

Sự thành công trong cách ứng xử với người khác phụ thuộc vào việc nắm được góc nhìn của người khác với thái độ cảm thông. Phải nhìn cuộc sống bằng ánh mắt của tình thương, sự bao dung, vị tha sâu sắc bạn mới có thể nhìn thấy được những gì tốt đẹp ở người khác. Biết trân trọng cái tốt đẹp có ở con người và đề cao những giá trị ấy. Biết cảm thông, tha thứ những khuyết điểm hay lỗi lầm của người khác, tìm kiếm và phát hiện ở họ những gì là tốt đẹp để hợp tác, nâng đỡ.

Khi phê bình hay đánh giá một con người hay một sự việc nào đó, ta không nên chỉ nhìn một cách phiến diện, hời hợt, chỉ nhằm vào những sai lầm mà họ vô tình mắc phải, mà phải nhìn một cách toàn diện, nhìn bằng đôi mắt của tình thương và lòng vị tha, “cố tìm để hiểu” những mặt tốt đẹp ẩn sâu trong con người. Chẳng hạn như trong truyện ngắn Lão Hạc của Nam Cao, ông giáo đã nhìn thấy vẻ đẹp tình của lòng tự trọng và yêu thương cao cả của Lão Hạc mà người khác đã không trông thấy được. Thị Nở có thể cảm nhận được khát vọng tình yêu và cuộc sống yên bình của Chí Phèo, cái mà không ai tin là luôn có ở Chí. Phải nhìn bằng trái tim, con người mới có thể nhìn thấy những giá trị còn ẩn sau bên trong con người.

Cách nhìn nhận đa chiều bằng đôi mắt của tình thương và sự bao dung sẽ tích cực giúp con người thức tỉnh, giác ngộ. Câu chuyện ngắn gọn nhưng đem đến cho ta bài học nhân sinh sâu sắc về cách nhìn nhận đánh giá về con người và cuộc đời bằng đôi mắt của tình thương, bao dung.

Càng trân trọng những phẩm chất của người khác, chúng ta cần quyết liệt phê phán những kẻ sống ích kỷ, thiếu thiện chí khi nhìn nhận, đánh giá người khác. Muốn phê phán người khác thì trước hết bản thân mình phải là người có đạo đức, nhân cách; biết đánh giá đúng lúc, đúng chỗ. Tuy nhiên, đánh giá bằng sự bao dung độ lượng không có nghĩa là thỏa hiệp với cái sai, cái xấu. Trước cái ác, cái xấu cần có thái độ đấu tranh nghiêm túc, triệt để.

Vấp vấp trong cuộc đời sẽ khiến ta đốn đau, khiến ta oán trách nhưng xin bạn đừng vội oán trách, đừng vội bỏ cuộc. Hãy xem mỗi vấp vấp ấy là một lần trải nghiệm, một lần kiểm chứng bản thân, là một nấc thang đưa bạn đến thành công. Cuộc sống là thế, chẳng bao giờ dễ dàng với bất cứ ai. Muốn thành công, nhất định bạn phải biết nỗ

lực, biết vượt qua khó khăn, biết đứng dậy khi vấp ngã và không bao giờ oán giận, hận thù.

Ý nghĩa câu chuyện “Tờ giấy trắng” đánh thức ở con người thái độ sống tích cực, giàu tình yêu thương. Nó nhắc nhở chúng ta rằng: Không có gì tầm thường trên thế giới. Tất cả đều tùy thuộc vào góc nhìn, cách nhìn và cách đánh giá của chúng ta. Đánh giá tùy tiện, vội vàng là hành động sai lầm, có thể khiến ta đánh mất đi rất nhiều có hội mà bởi sự vội vàng đã khiến chúng ta bỏ qua một cách đáng tiếc.

ĐỀ SỐ 16: Nghị luận về người anh hùng trong thời đại ngày nay

BÀI LÀM

Đất nước Việt Nam đi qua biết bao đau thương, mất mát, biết bao nhiêu người đã đánh đổi sự sống, tuổi thanh xuân của mình để giành lấy độc lập cho dân tộc. Họ là những người anh hùng. Ngày nay, đất nước đã hoà bình, thế nhưng vẫn còn nhiều lắm những người anh hùng trong thời kỳ đổi mới. Họ xuất sắc ở nhiều ngành nghề, lĩnh vực khác nhau thế nhưng đều có công sức to lớn trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Có lẽ rằng chúng ta đã quá quen với những hình tượng người anh hùng mang tầm vóc lớn lao, với vẻ đẹp sử thi lý tưởng của cộng đồng, đặc biệt là trong quá trình đấu tranh bảo vệ đất nước, đã có rất nhiều cái tên mang tầm vóc vĩ nhân được xướng lên như Ngô Quyền, Lê Lợi, Đinh Bộ Lĩnh, Quang Trung, Hồ Chí Minh, Phan Bội Châu, Võ Nguyên Giáp,... Hoặc những người anh hùng không tên không tuổi đã hy sinh máu xương, tuổi xuân để giành độc lập tự do cho dân tộc. Tất cả họ đều được gọi là anh hùng, bởi họ đã cống hiến và đóng góp cho cuộc đời bằng tất cả trí tuệ và sinh mạng. Nhưng nếu như áp dụng những tiêu chuẩn anh hùng ấy vào trong đời sống thường nhật, thì có lẽ ngày nay anh hùng đã quả thực khan hiếm. Từ đây người ta mở ra một khái niệm mới hơn về người anh hùng, trong cuộc sống hiện đại người anh hùng không cần phải đao to búa lớn, xông pha trong ngoài, mà chỉ từ những hành động nhỏ cũng làm nên người anh hùng giữa đời thường.

Trong tiếng Việt, hai từ "anh hùng" được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau, họ là "Người lập nên công trạng đặc biệt lớn lao đối với nhân dân, đất nước", hoặc là

"Nhân vật thần thoại có tài năng và khí phách lớn, làm nên những việc phi thường" (trích dẫn từ điển Wikipedia). Tuy nhiên với nhịp sống hiện đại, sự phát triển của xã hội, nghĩa của hai từ "anh hùng" có xu hướng được mở rộng, nói lỏng ra cho nhiều đối tượng, đồng thời xuất hiện khái niệm "anh hùng giữa đời thường" được hiểu là những con người đã có đóng góp, cống hiến có ích cho xã hội dưới nhiều hình thức, anh hùng trở thành một khái niệm gần gũi và quen thuộc hơn với mọi người. Trong đó "các hành động nhỏ" tức là những việc làm bình dị, diễn ra xung quanh chúng ta trong đời sống thường ngày, không có ý nghĩa tạo tiếng vang hay sự nổi tiếng.

Những hành động của họ dù nhỏ hay lớn đều là vì cộng đồng, vì cuộc sống ngày một tốt đẹp hơn. Quan niệm về người anh hùng xưa và nay có thể khác nhau thế nhưng dù ở bất kỳ thời đại nào, người anh hùng cũng luôn sống mãi trong lòng những người yêu thương họ.

“Vinh quang Việt Nam” là một chương trình được tổ chức hàng năm nhằm tôn vinh các tập thể, cá nhân anh hùng, những gương điển hình tiên tiến, những nhân tố mới trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Qua 5 năm, “Vinh quang Việt Nam” đã trở thành một thương hiệu, một niềm tự hào của người Việt Nam nói chung, góp phần tạo nên không khí phấn khởi, niềm lạc quan tin tưởng vào vận hội phát triển mới của đất nước. Việt Nam có nhiều những anh hùng trong thời kỳ đổi mới. Đồng chí Võ Văn Kiệt - một trong những lãnh đạo hàng đầu đi tiên phong trên con đường đổi mới đất nước đã từng quan niệm: “Đổi mới không phải là xóa bỏ hoàn toàn cái cũ hay từ bỏ chủ nghĩa xã hội mà là nhận thức lại một cách đúng đắn hơn về một chủ nghĩa xã hội nhân bản hoàn thiện, với lý tưởng phục vụ con người, vì con người”. “Vinh quang Việt Nam” lần thứ 10 đã cho ta thấy rõ được chân dung của những người anh hùng thời kỳ đổi mới - họ có những nỗi vất vả, khó khăn nhưng sự dũng cảm, quyết tâm vươn lên trong cuộc sống, đóng góp cho bản thân và cộng đồng thì thật đáng khâm phục.

Đó là chị Mai Hiền, vợ liệt sĩ anh hùng lực lượng vũ trang Phạm Hữu Tuyên đã vượt qua đau thương, mất mát, chăm sóc gia đình và hai con nhỏ. Các em đều ngoan ngoãn, học giỏi, còn chị thì là giáo viên dạy giỏi nhiều năm liền.

Đó là Trịnh Công Thanh, hiệp sĩ công nghệ thông tin, Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ròng Việt, người đã chiến thắng bệnh tật, mang lại việc làm cho nhiều người có hoàn cảnh khó khăn.

Đó là em Ngô Văn Thơm, học sinh trường THPT Cửa Tùng, Vĩnh Linh, Quảng Trị đã dũng cảm nhảy xuống sông từ độ cao 30m để cứu người. Và đó còn là gia đình bác Nguyễn Phước Bửu Thanh - gia đình đã hơn 130 lần tự nguyện hiến 32.000CC máu cứu sống hàng trăm người. Hiện nay, gia đình ông đã trở thành “ngân hàng máu sống” của bệnh viện Trung ương Huế.

Đặc biệt trong bối cảnh dịch viêm phổi Vũ Hán mang tên Covid 19 đang đe dọa cuộc sống của người dân trên toàn thế giới, thì những con người đang ở tuyến đầu ròng rã suốt mấy tháng đối mặt với hiểm nguy, cứu chữa cho người bệnh như các nhân viên ngành y tế, hay lực lượng vũ trang công an, quân đội, dân phòng đang tích cực khoanh vùng dập dịch,... Họ đều là những người anh hùng đang ngày đêm lao động trong thầm lặng, ngay lúc này đây họ đang hành động bằng tất cả tinh thần, trách nhiệm, ý chí quyết tâm "chống dịch như chống giặc". Họ chính là những người anh hùng giữa đời thường tuyệt vời nhất. Không chỉ vậy giữa bối cảnh dịch bệnh hành động đóng góp của cải vật chất của các mạnh thường quân cũng là những hành động mang ý nghĩa tích cực ủng hộ tuyến đầu đương đầu với khó khăn, và nghiêm nhiên họ cũng xứng đáng được gọi là anh hùng. Mà có lẽ kết lại sau nhiều ví dụ tôi muốn khẳng định rằng anh hùng chính là những người sẵn sàng hy sinh lợi ích cá nhân của mình để giúp đỡ cộng đồng, giúp đỡ người khác bằng tấm lòng lương thiện, không kể đó là việc nhỏ hay việc lớn.

Tất cả đã đem đến một bức tranh rất sinh động về những con người ở những địa vị khác nhau nhưng ngày đêm có biết bao nhiêu đóng góp và nghĩa cử cao đẹp cho đời. Đôi khi, không có sự khác biệt nào giữa những người anh hùng với chúng ta. Họ dù ở bất kì một cương vị nào, ở lĩnh vực nào thì những suy nghĩ, ý thức công dân của họ và một cái tâm trong sáng với nghị lực phi thường đã làm nên những điều diệu kỳ khiến chúng ta phải ngưỡng mộ và noi gương.

Song đáng buồn thay, khi bên cạnh những người anh hùng vẫn ngày đêm cố gắng đóng góp công sức của mình cho đất nước thì vẫn có một bộ phận không nhỏ những

người dân chưa chú trọng đến vấn đề này, họ vô cảm và thờ ơ với sự sống của người khác, với những người xung quanh. Cuộc sống ngày càng phát triển, con người ta càng có xu hướng vun vén cho bản thân, gia đình nhiều hơn là quan tâm đến những người xung quanh, quan tâm đến xã hội, vì thế đôi khi ta đã đánh mất đi tình thương - phẩm chất quý giá nhất của mỗi con người.

Cuộc đời cần lắm những trái tim biết yêu thương, những vòng tay nhân ái biết giang rộng để đón nhận những mảnh đời bất hạnh, những trái tim biết đập thồn thức trước cái đắng cay của cuộc đời. Những người anh hùng trong thời đổi mới, họ có trái tim ấm áp, có lòng nhân ái, yêu thương con người và tinh thần tràn đầy nhiệt huyết, cuộc sống có thể còn nhiều khó khăn nhưng họ biết vượt lên trên hoàn cảnh để góp phần trong công cuộc xây dựng Tổ quốc. Những người anh hùng, những tấm gương điển hình tiên tiến, họ có thể đang bước những bước đi bình dị của những người bình thường, họ gần gũi chúng ta, ở bên chúng ta. Họ chính là niềm tự hào của đất nước trong thời kỳ đổi mới, hội nhập - là niềm tự hào đi lên theo từng bước phát triển của đất nước

ĐỀ SỐ 17: Nghị luận xã hội về tinh thần tự học.

BÀI LÀM

Trong cuộc sống, muốn đạt được mọi kết quả như ý, bên cạnh sức khỏe dẻo dai con người ta cần phải có một kiến thức tương đối đầy đủ để phục vụ cho công việc của mình. Việc thu nạp kiến thức không chỉ có ở nhà trường mà còn có ở xung quanh ta một khi ta quan tâm và muốn học hỏi mọi điều. Với một người có ý chí muốn vươn lên thì việc tự trau dồi kiến thức cho mình sẽ luôn đem lại niềm thích thú đối với bản thân họ, và chân trời kiến thức sẽ luôn rộng mở cho bất cứ ai có ý chí đáng khâm phục như vậy.

Con người ta một khi muốn bồi dưỡng kiến thức sẽ tìm được nhiều phương pháp học tập phù hợp với điều kiện của bản thân mình, có nhiều con đường rộng mở cho việc học, học từ thầy cô bạn bè, học từ sách vở báo chí, học từ những điều nhỏ nhặt trong cuộc sống, và còn một cách học nữa cũng đem lại hiệu quả cao trong học tập, đó là việc tự học. Đối với những người được may mắn sinh ra có cha có mẹ, được sống trong điều kiện đầy đủ thì việc cắp sách đến trường không mấy gì khó. Nhưng

cuộc sống vẫn còn đồ nhiều mảnh đời bất hạnh, những người kém may mắn hơn vì họ sinh ra trong hoàn cảnh thiếu thốn và không có điều kiện sống tốt như chúng ta. Và đối với những người kém may mắn như vậy thì việc tự học sẽ là con đường tốt nhất giúp họ trau dồi kiến thức để vươn lên trong xã hội. Vậy tự học là như thế nào? Tự học là tự nguyện không ai bắt buộc mà chính bản thân ta tự tìm tòi khám phá, tự làm phong phú thêm vốn hiểu biết cho mình, đó cũng là nhu cầu tự nhiên tất yếu của con người. Tục ngữ Việt Nam có câu: “Không thầy đố mày làm nên”, chúng ta vẫn phải đến trường để nghe sự chỉ dạy của thầy cô, kiến thức học từ nhà trường là những điều căn bản mà mỗi người cần biết. Nếu ai đó không có được một người thầy dạy bảo trực tiếp cho mình thì cũng có những người thầy gián tiếp dạy mình bằng tấm gương về cách sống và cách hành động của họ. Nhưng dù có thầy hay không có thầy thì chính bản thân ta tự vận động, tự học vẫn tốt hơn. Người tự học hoàn toàn có khả năng làm chủ bản thân mình và biết mình cần gì, mình muốn học như thế nào và vào thời điểm nào cũng được. Nếu chúng ta có một cái đầu tốt cùng với sự chăm chỉ cao thì tự học là phương pháp học hiệu quả nhất. Khi chúng ta đi học ở trường, có một số môn ta phải học thuộc như một con vẹt, cần nhớ thuộc lòng như một cái máy, khi đó người học sinh sẽ ít vận dụng cái đầu, không làm cho nó động não, như vậy thì chẳng khác nào đào tạo ra các con rô-bốt không hơn không kém. Nếu ta muốn làm con người chứ không phải mãi đời chỉ là một cái máy thì điều tất nhiên là ta phải tự học. Tuy nhiên không phải ai cũng hoàn toàn có khả năng tự học. Bất kì ai cũng có tính tò mò muốn hiểu biết thêm nhưng phần lớn trong số họ có tính lười biếng, lười suy nghĩ, không chịu khó tìm tòi học hỏi mà chỉ thích những thú vui dễ tìm. Và một khi đã thỏa mãn thì chẳng cần bồi dưỡng đạo đức và tinh thần nữa nên số người tự học rất ít và người nào kiên tâm tự học sớm muộn gì cũng vượt lên hẳn những kẻ khác, không giàu hơn thì cũng được kính trọng hơn. Mỗi người chúng ta đều có bản năng tò mò muốn hiểu rõ hơn về bản thân và vạn vật xung quanh, vì vậy loài người mới văn minh làm chủ được chính mình và làm chủ cả mọi vật, thế nên có người đã nói khôi hài rằng: con người chỉ hơn loài vật ở chỗ là con người biết hỏi: “Tại sao?”.

Tự học là việc rất cần thiết với con người, trước tiên vì nó bổ sung kiến thức còn thiếu ở nhà trường. Mỗi ngày sự hiểu biết của con người càng tăng lên, nếu chúng ta không tự giác học tập thì sẽ không theo kịp và bị tụt hậu, sẽ trở thành người thừa của xã hội. Khi làm ở bất cứ ngành nghề hay lĩnh vực nào thì việc tự học luôn là cần thiết. Chẳng

hạn như một bác sĩ, một luật sư nếu không có ý thức, tự học thì khi mới ra trường họ cũng có biết gì về sử ký, về địa lí hơn một cậu tú đâu, và ngành chuyên môn của họ cũng đã có thể giúp ích được gì nhiều cho họ đâu. Vì thế họ phải tự học để mở mang đầu óc, trau dồi thêm kinh nghiệm cho nghề nghiệp và nhất là để tu dưỡng tâm tính của bản thân mình. Bản chất của việc tự học là tự làm việc với chính mình trước, tự nghiên cứu tài liệu hoặc tự trao đổi với bạn bè. Muốn học, muốn hiểu sâu một chủ đề nào, điều quan trọng nhất là phải tự mình chạm tới nó trước, như gieo mầm cho việc tiếp thu, thẩm thấu của mình. Nhưng trên con đường học vấn của người tự học vẫn luôn có những cạm bẫy nguy hiểm khiến cho tri thức của họ có nguy cơ lệch lạc hoặc chứa những lỗ hổng rất lớn mà ngay cả bản thân họ cũng không hề hay biết. Không có một người thầy nào để kiểm tra mình, để thường xuyên nhắc nhở cho mình trong việc tự học, vì thế người tự học không nên chủ quan với bản thân mình. Trong cuộc sống có biết bao tấm gương sáng vì không chịu thua thiệt và bị khuất phục trước người khác nên họ đã cố gắng tự học để vươn lên, và thành công của họ là không thể phủ nhận, những con người đầy nghị lực ấy đáng để chúng ta khâm phục và học hỏi theo.

Tự học cũng là một cách học như bao cách học khác. Tự học là con đường ngắn nhất dẫn đến sự thành công và rèn luyện thêm cho bản thân nhiều điều cần thiết trong cuộc đời mỗi người. Tự học từ trong lí thuyết để áp dụng ra ngoài thực tiễn. Cuộc sống là những trải nghiệm từ khó khăn này đến khó khăn khác, do đó tự học là một việc rất cần thiết, là đôi chân cho con người ta đứng vững trước những sóng gió của cuộc đời. Chẳng còn cách nào khác ngoài việc tự học, chính mình phải vượt qua những khó khăn chông gai đó để vững bước theo kịp thời đại. “Hãy nói cho tôi biết anh học như thế nào, tôi sẽ nói cho anh biết anh có thành công hay không”.

ĐỀ SỐ 18: Nghị luận về tình yêu quê hương đất nước.

BÀI LÀM

“Quê hương mỗi người chỉ một

Như là chỉ một mẹ thôi

Quê hương nếu ai không nhớ

Sẽ không lớn nổi thành người”

Vâng, quê hương chính là nơi chôn rau cắt rốn của ta, là nơi cho ta cội nguồn, gốc rễ bền chặt. Từ ngày xưa, tình yêu quê hương đất nước luôn là nguồn mạch quán thông kim cổ, đông tây. Là mạch nguồn nuôi dưỡng tâm hồn trí óc ta gắn với truyền thống tự hào, tinh thần tự tôn của dân tộc.

Tình yêu quê hương đất nước là một khái niệm, phạm trù rộng lớn và có nhiều ý nghĩa khác nhau. Tình yêu quê hương đất nước trước hết xuất phát từ tình cảm yêu gia đình, nhà cửa, xóm làng. Nói như Ê-ren-bua: lòng yêu nhà, yêu làng xóm trở nên tình yêu tổ quốc. Chính xuất phát từ những điều giản dị, bình dị ấy, lòng yêu nước của ta càng được bồi đắp hơn. Tình yêu quê hương từ thuở xa xưa, trong những câu ca dao như tấm gương phản chiếu tâm hồn dân tộc là tinh thần tự hào, tự tôn về vẻ đẹp và cảnh trí non sông. Đến thơ ca trung đại tình yêu nước gắn liền với quan niệm trung quân ái quốc, vậy nên trong các bài thơ việc nói chỉ tỏ lòng của bậc tao nhân mặc khách với mong muốn xoay trục đất, kinh bang tế thế cũng chính là biểu hiện cao nhất của con người đạo nghĩa lúc bấy giờ. Đến thời hiện đại, văn học lãng mạn thì yêu nước là yêu lý tưởng, yêu cách mạng, yêu Đảng. Niềm vui tươi, phấn khởi của người chiến sĩ cách mạng khi được giác ngộ ánh sáng cách mạng đảng trong “Từ ấy” chính là minh chứng sâu sắc cho điều ấy:

“Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ

Mặt trời chân lý chói qua tim

Hồn tôi là một vườn hoa lá

Rất đậm hương và rộn tiếng chim”

Tình yêu nước, yêu quê hương là cội nguồn, gốc rễ bền chặt cho sự phát triển bền vững của ta. Nếu chỉ sống bằng những giá trị tức thời, những ham muốn của bản thân mà không khắc cốt ghi tâm cội nguồn, đạo lý truyền thống dân tộc thì sớm muộn sự phát triển của ta cũng sẽ như cây cao bị trơ rễ, bật gốc dù chỉ là một cơn gió nhẹ. Lòng yêu quê hương, đất nước làm nên bản sắc trong đời sống tình cảm của cá nhân, giúp ta không trở nên ích kỉ vì biết gắn liền với cộng đồng, biết hòa nhập và đắm mình với những đạo lý truyền thống ngàn đời của dân tộc.

Tình yêu quê hương đất nước nói cách khác chính là lòng căm thù giặc khi đất nước bị xâm lăng, khi tổ quốc gặp gian nguy. Trong “Hịch tướng sĩ”, Trần Quốc Tuấn từng bày tỏ lòng căm thù giặc sâu sắc khi chứng kiến đất nước bị giày xéo dưới gót giày quân thù: “Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, lòng đau như cắt, nước mắt đầm đìa chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù.” Đủ để thấy, tình yêu quê hương đất nước từ ngàn xưa đã trở thành một thứ vũ khí lợi hại, là đợt sóng ngầm nhấn chìm lũ bán nước và lũ cướp nước. Tình yêu nước cũng chính là lòng tự hào, tự tôn dân tộc trước cảnh trí non sông, trước vẻ đẹp của núi sông, cũng chính là khát vọng muốn giữ gìn và bảo tồn bản sắc văn hóa của dân tộc.

Thật đáng buồn khi ngày nay, nhiều người sống một cách vô nghĩa lý khi đảo lộn những chân giá trị dân tộc. Họ quên đi cội nguồn, thay vì sống theo đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, ăn cây táo rào cây sung. Những cá nhân như thế sớm muộn cũng sẽ bị đào thải, cô đơn lạc lõng giữa tình đồng loại, giữa nhân quần rộng lớn.

Trong thời buổi đất nước đang phát triển, hướng đến xây dựng một xã hội văn minh, công bằng và hạnh phúc thì với tư cách là những người trẻ, chúng ta cần chuẩn bị hành trang vững chắc và rèn luyện bản lĩnh cho cá nhân để đáp ứng những nhu cầu và đòi hỏi của dân tộc. Đó cũng chính là biểu hiện kín đáo và sâu sắc của lòng yêu nước.

ĐỀ SỐ 19: Nghị luận về vai trò của sự sáng tạo trong cuộc sống.

BÀI LÀM

Steve Jobs đã từng cho rằng “Đôi khi bạn sẽ mắc sai lầm khi sáng tạo. Điều quan trọng là phải nhanh chóng thừa nhận nó và tiếp tục phấn đấu.” Đó chính là những lời truyền cảm hứng đến cho chúng ta, khi chúng ta gặp phải bế tắc trong công việc vì nghĩ mãi không lên được những ý tưởng mới, độc đáo, lạ. Sáng tạo là một yếu tố giúp ta định vị được bản thân, giúp ta phát triển thêm tư duy rộng mở, bản thân bứt phá được thêm nhiều thứ khác.

Trong công việc, học tập hay trong chính cuộc sống hàng ngày của chúng ta luôn có những biến đổi, để có thể đáp ứng và bắt kịp theo biến đổi ấy cũng như tạo ra những cái mới mang tính đột phá phải cần đến sự sáng tạo. Đó chính là sáng tạo. Sự sáng tạo của con người chính là một trong những chìa khóa để khẳng định bản thân

trong xã hội, sáng tạo cũng có nghĩa là bạn đang sống được nhiều hơn so với những gì mà tạo hóa đã ban tặng cho con người nói chung.

Cuộc sống này vốn sẽ không có điều mới mẻ cho đến khi chính chúng ta làm thay đổi và làm mới chúng bằng chính sự sáng tạo. Sự sáng tạo được hiểu là khả năng tạo ra bất cứ thứ gì có hiệu quả và tiên tiến hơn những thứ đã có trong cùng một phạm vi áp dụng. Giống như sự sáng tạo trong giáo dục phải được xét trong phạm vi giáo dục với những cái đã có và chưa có, không thể đem so sánh sự sáng tạo trong giáo dục với sự sáng tạo trong điện tử. Sáng tạo được coi là dạng hoạt động cao nhất của con người, người có sự sáng tạo là người luôn tìm tòi, không ngừng tìm kiếm và cải tiến những cái đã có thành cái mới mẻ, hoặc tạo ra một cái hoàn toàn mới mang những giá trị đáp ứng yêu cầu thực tế và có hiệu quả vượt trội. Có năng lực sáng tạo mới có hoạt động sáng tạo, năng lực sáng tạo là tiền đề tiên quyết đến hoạt động sáng tạo, năng lực ấy được xác định thông qua trí nhớ, tư duy, cảm xúc và ý chí của con người.

Vậy sự sáng tạo có vai trò như thế nào trong cuộc sống? Đối với người học sinh, sinh viên đang ngồi trên ghế nhà trường, sự sáng tạo đem đến cho họ có được kết quả cao trong học tập bởi họ không chỉ biết làm chủ kiến thức mà còn biết vận dụng sáng tạo kiến thức vào giải quyết vấn đề nảy sinh. Sự sáng tạo đôi khi chỉ đơn giản là biết khái quát vấn đề, kiến thức để tự mình có thể dễ học, dễ hiểu và dễ ghi nhớ. Sự sáng tạo trong con người còn được sử dụng trong việc tạo dựng các mối quan hệ xã hội, có sáng tạo sẽ có được sự tín nhiệm, yêu quý và kính trọng từ mọi người xung quanh. Trong công việc đặc biệt là những lĩnh vực đòi hỏi cao về tính sáng tạo như công nghệ thông tin, kinh doanh, marketing,... sự sáng tạo sẽ giúp đưa ra những phương pháp, chiến lược và định hướng kinh doanh hiệu quả. Chỉ có sáng tạo mới đưa con người đi trên những con đường tiến bộ, vượt trội, phát minh ra những công trình vĩ đại mang ý nghĩa thời đại và đóng vai trò to lớn trong chuyển biến xã hội.

Con người cần phải có ý thức về sự sáng tạo và không ngừng sáng tạo, bởi điều đó là cần thiết để đáp ứng sự thay đổi tiến bộ của xã hội. Ví như trong công việc và học tập nảy sinh những vấn đề mà phương thức cũ không còn giải quyết triệt để được buộc bạn phải có kỹ năng sáng tạo ra một giải pháp mới để giải quyết vấn đề một cách tối ưu. Để có được sự sáng tạo không phải điều đơn giản, ta cần trải qua quá trình rèn luyện, mở rộng tầm hiểu biết của mình, chủ động tìm kiếm cơ hội và cách giải quyết

vấn đề không phụ thuộc hay chờ đợi vào người khác. Sự sáng tạo đôi khi đòi hỏi người muốn sáng tạo phải có bản lĩnh từ bỏ những thứ vốn là điều chắc chắn, can đảm từ bỏ những cái cũ, không bám vào cái cũ mà tìm cách thay đổi, không sợ làm sai, chỉ sợ không dám làm. Nếu không có sáng tạo bạn sẽ không có được niềm vui thực sự trong cuộc sống cũng như trong công việc, sự trải nghiệm trong sáng tạo hứa hẹn đem lại cho ta mọi xúc cảm, chỉ cần bạn dũng cảm đi tìm sáng tạo.

Giới trẻ hiện nay được đánh giá là khá năng động và sáng tạo, họ sáng tạo trong cách chủ động thực hiện nhiệm vụ của mình, tích cực đưa ra ý tưởng và luôn hướng ý tưởng đến những miền đất tươi tốt, đối với mỗi nhiệm vụ họ đều hướng đến sự sáng tạo chứ không dập khuôn. Đó là những người được đánh giá rất cao trong xã hội về cả năng lực và trình độ. Bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại không ít người cực kỳ thụ động, không hề có ý thức về sự sáng tạo, họ chấp nhận những cái đã có sẵn, sống theo khuôn mẫu và chỉ hướng đến một cuộc đời bình lặng. Chắc chắn trong một vài trường hợp, họ phải chật vật với những khó khăn không thể giải quyết được nếu không có sáng tạo nhưng họ vẫn chấp nhận sống chung mà không chịu thay đổi. Những nhân tố như vậy là một trong số các yếu tố gây ra sự trì trệ trong phát triển xã hội. Để khắc phục được điều này đòi hỏi rất lớn từ nền giáo dục của Việt Nam, cần đổi mới nền giáo dục hơn nữa.

Cuộc sống luôn biến đổi không ngừng, nếu chúng ta không nỗ lực trau dồi tri thức tức là tự đẩy mình ra ngoài, tự mình đào thải mình ra khỏi xã hội. Để có được cuộc sống cần phải lao động, để có những giá trị mới tiến bộ phù hợp với thời đại cần phải không ngừng sáng tạo. Chính vì vậy, dù ở thời điểm nào của cuộc đời chúng ta phải sáng tạo để khẳng định giá trị bản thân, làm mới chính mình.

ĐỀ SỐ 20: Nghị luận về việc rèn luyện kỹ năng sống trong thời đại ngày nay.

BÀI LÀM

Nhà thơ người Đức Johann Wolfgang Goethe đã từng đưa ra một triết lý sống:

*"Mọi lý thuyết đều màu xám
Và cây đời vĩnh viễn xanh tươi."*

Thực vậy, xã hội ngày càng phát triển, kéo theo biết bao nhiêu là bộn bề phức tạp của cuộc sống đặt ra, đòi hỏi con người cần phải thực sự mạnh mẽ và tinh táo để có

thể đương đầu, vượt qua trở ngại. Vì thế, để có thể bắt nhịp cùng với xu thế của thời đại, cũng như đáp ứng được những nhu cầu thiết yếu của cuộc sống đặt ra, con người hiện đại không những cần ra sức chiếm lĩnh tiếp thu kiến thức mà còn cần phải chăm chỉ học tập rèn luyện kỹ năng sống cho bản thân mình. Cho nên việc rèn luyện kỹ năng sống cũng quan trọng như việc tiếp thu kiến thức vậy!.

Trước hết, ta cần làm rõ khái niệm kỹ năng sống là gì?. "Kỹ năng sống" là những khả năng tương tác và thích nghi với hoàn cảnh, môi trường sống hay trước một tình huống nào đó được đặt ra trong cuộc sống. Đây là tập hợp tất cả các kỹ năng mà con người tiếp thu được, tích lũy được qua quá trình giáo dục và trải nghiệm trong thực tế khác nhau như: kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng giao tiếp hiệu quả, kỹ năng đồng cảm hoặc kỹ năng phục hồi tâm lý mà theo như UNICEF gọi đó là khả năng tâm lý – xã hội. Còn "kiến thức" là những tri thức, là vốn hiểu biết của con người được nghiên cứu, tích lũy trong sách vở, truyền từ đời này sang đời khác. Câu nói: việc rèn luyện kỹ năng sống cũng quan trọng như là tích lũy kiến thức khẳng định tầm quan trọng của việc rèn luyện kỹ năng sống; đồng thời cân bằng giữa việc tích lũy kiến thức và kỹ năng sống, học đi đôi với hành, lý thuyết gắn liền với thực tiễn, rèn luyện kiến thức gắn liền với rèn luyện các kỹ năng.

Kỹ năng sống có một vai trò đặc biệt quan trọng trong cuộc sống con người. Một con người có được những kỹ năng sống tốt sẽ thích nghi tốt hơn trong mọi hoàn cảnh sống, có thể ứng phó với mọi sự biến đổi bất thường trong cuộc sống, biến khó thành dễ, chuyển bại thành thắng, biến vấp vả chông gai thành điều kiện, cơ hội. Chàng trai Nick Vujicic, một con người sinh ra đã thiếu tứ chi, ban đầu anh luôn mặc cảm về bản thân vì cho rằng mình chẳng giống ai, thậm chí là muốn kết thúc sự sống. Nhưng bằng sự động viên của cha mẹ và đặc biệt là sau khi đọc xong một bài báo viết về hình ảnh của một người cũng có hoàn cảnh như anh nên anh đã nỗ lực, vươn lên khẳng định mình trở thành một nhà diễn thuyết truyền cảm hứng sống và kỹ năng sống cho những con người thiếu may mắn như anh. Hay những cầu thủ U23 Việt Nam, nhờ tinh thần đoàn kết, kết hợp với kỹ năng hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau, hiểu ý đồng đội trong quá trình thi đấu mà họ đã đem lại chiến thắng, đưa trận đấu vào trận chung kết của khu vực Châu Á 2018. Rèn luyện kỹ năng sống cũng giúp con người, đặc biệt là thế hệ trẻ có thể phát triển nhân cách, thể chất, tình cảm, giao tiếp, ngôn

ngữ, tư duy một cách toàn diện, là nền tảng để giúp con người tự tin hơn trong cuộc sống. Về phương diện thể chất: giúp con người có sức khỏe tốt, cân đối, dẻo dai...; về phương diện tình cảm: bồi đắp cho con người tình yêu thương, sự sẻ chia, sự đoàn kết, gắn bó giữa con người với con người...; về phương diện ngôn ngữ và giao tiếp: giúp con người tự tin, giao tiếp hiệu quả, biết thuyết trình trước đám đông, biết lắng nghe, học hỏi mọi thứ xung quanh. Về phương diện tư duy nhận thức: kích thích sự sáng tạo, có những bước đột phá nhảy bén, đúng thời điểm cần thiết, năng động và dễ dàng ứng phó với mọi trở ngại bất thường. Ví dụ như ở Nhật Bản, một đất nước thường xuyên xảy ra động đất, núi lửa, sóng thần nên các trẻ em khi mới lớn lên đã được trang bị rất nhiều những kỹ năng sống để có thể chủ động ứng phó trước thiên tai, tự bảo vệ sự sống của mình trước những hiểm họa bất ngờ ập tới. Vì thế, những đứa trẻ đó thực sự rất tự tin trước những biến động của khí hậu, thời tiết thất thường. Bên cạnh đó, rèn luyện kỹ năng sống cũng giúp cho con người sống có bản lĩnh, có ước mơ, có lí tưởng sống tích cực, dám nghĩ dám làm, biết chịu trách nhiệm trước hành vi sai trái của bản thân, sống giàu lòng vị tha, tình thương yêu bác ái...

Tuy nhiên, cũng cần thấy được mối quan hệ giữa rèn luyện kỹ năng sống và tích lũy kiến thức là hai mặt của một vấn đề, không thể có mặt này mà thiếu mặt kia. Nếu như kiến thức giúp con người có cơ sở lý luận khoa học, đúng đắn và chính xác trong nhìn nhận, đánh giá thì kỹ năng sống giúp cho con người trở nên khéo léo hơn, tinh tế, khéo léo hơn trong việc xử lý mọi tình huống bất kì nào đó được đặt ra. Trên thực tế có không ít người chỉ chăm lo tích lũy kiến thức mà quên đi việc trang bị cho mình những kỹ năng sống cần thiết hoặc ngược lại chỉ chú trọng tới kỹ năng sống mà bỏ bê việc trau dồi tri thức. Hậu quả là khó có thể bắt nhịp được với cuộc sống, luôn cảm thấy thiếu tự tin, không có hứng thú với cuộc sống, công việc của chính mình. Và hiện nay, có rất nhiều các bạn sinh viên, học sinh chỉ chú tâm vào bồi đắp kiến thức trên ghế nhà trường mà quên đi việc rèn luyện kỹ năng sống, tới khi va chạm với công việc, với những trải nghiệm thực tế thì cảm thấy ngại ngùng, lo lắng và thiếu niềm tin vào năng lực của bản thân mình. Hay cũng có những người chỉ biết quan tâm tới sự trải nghiệm thực tế với các kỹ năng sống của riêng mình mà quên đi việc bồi đắp kiến thức, dẫn tới sự vênh lệch về phát triển và hoàn thiện nhân cách của chính mình.

Vì thế, con người cần phải tự quảng mình ra ngoài xã hội. Hãy biết cách biến những lý luận khô khan trên trang sách thành những trải nghiệm thực tế khách quan để thấy được tính thực tiễn của chúng. Mặt khác cũng không nên chỉ chú trọng vào những kỹ năng sống, chỉ phục vụ cho nghề nghiệp chuyên môn của mình mà cần hình thành và rèn luyện các kỹ năng sống phong phú khác cần thiết để có thể đáp ứng được mọi tình huống, mọi vấn đề được đặt ra. Bởi cuộc sống vốn "đa sự, đa đoan" rất phong phú và phức tạp.

Không ai sinh ra đã là thiên tài. Mỗi sự thành công trong cuộc đời này đều được đánh đổi bởi rất nhiều trí tuệ và công sức. Lý thuyết luôn có một khoảng cách nhất định so với thực tế. Không nhất thiết bạn phải là một người tài giỏi hay giàu có. Không phải bạn có bao nhiêu niềm tin. Cũng không phải bạn có bao nhiêu nghị lực. Điều quan trọng nhất quyết định mọi thành công đó là bạn sẽ chiến thắng nghịch cảnh bằng những kiến thức và kỹ năng mà mình học được. Đặc biệt với thời đại xã hội phát triển như bây giờ thì lại càng đòi hỏi con người cần trang bị cho mình những kỹ năng sống gắn với những năng lực tương thích lại càng lớn hơn. Có như vậy thì mới bắt kịp được với xu thế thời đại, khẳng định vị thế của bản thân đối với mọi người xung quanh.

PHẦN II: NHỮNG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC HAY

ĐỀ SỐ 1: Chứng minh rằng "Tôi đi học" của tác giả Thanh Tịnh là một truyện ngắn giàu chất thơ.

BÀI LÀM

Thanh Tịnh là nhà văn tiêu biểu của nền văn học hiện đại Việt Nam với những tác phẩm toát lên vẻ đằm thắm và tình cảm dịu nhẹ, tha thiết. Và có thể nói, "Tôi đi học" là một trong số những tác phẩm tiêu biểu cho đặc điểm sáng tác ấy của ông. Đọc truyện ngắn "Tôi đi học" của Thanh Tịnh người đọc sẽ cảm nhận được chất trữ tình đằm thắm ẩn sâu trong từng con chữ.

Chất trữ tình là một thuật ngữ quen thuộc với mỗi người chúng ta. Vậy nên hiểu như thế nào là chất trữ tình? Hiểu một cách chung nhất, chất trữ tình là khái niệm dùng để chỉ một đặc điểm nổi bật, đặc sắc của tác phẩm văn học. Chất trữ tình của tác phẩm văn học chính là việc nó thể hiện những trạng thái tính cảm, cảm xúc chủ quan của con người. Điều ấy được thể hiện qua cách xây dựng, lựa chọn tình huống truyện, cách miêu tả thiên nhiên, nghệ thuật xây dựng, miêu tả tâm lí nhân vật và việc sử dụng từ ngữ, các hình ảnh so sánh. Và với cách hiểu như vậy, truyện ngắn "Tôi đi học" là tác phẩm thể hiện chất trữ tình sâu sắc.

Trước hết, chất trữ tình trong văn bản "Tôi đi học" thể hiện ở kết cấu của tác phẩm. Đọc tôi đi học, người đọc sẽ dễ dàng nhận ra toàn bộ tác phẩm được kể theo dòng hồi tưởng của nhân vật "tôi" với những dòng cảm xúc, những diễn biến tâm trạng khác nhau của nhân vật chứ không có cốt truyện. Những dòng hồi ức, những kỉ niệm ấy như gọi nhau ùa về trong tâm trí nhân vật "tôi" là cho tác phẩm như một khúc ca trữ tình của những cảm xúc. Mở đầu tác phẩm đó chính là tâm trạng của nhân vật "tôi" trên đường cùng mẹ tới trường - đó chính là cái cảm giác vừa quen vừa lạ, là thấy trong chính mình đang có một sự thay đổi lớn. Tiếp đến đó chính là cảm xúc ngỡ ngàng, rụt rè, vừa nghiêm trang vừa lo lắng khi đứng ở sân trường chờ gọi lên vào lớp. Và để rồi, kết thúc tác phẩm đó chính là cảm xúc của nhân vật tôi khi vào trong lớp học. Như vậy, tác phẩm Tôi đi học đã đi sâu vào việc diễn tả những dòng cảm xúc của nhân vật và tất cả mọi thứ đều được tái hiện lại một cách chân thực qua dòng hồi tưởng cùng những dòng cảm xúc của nhân vật tôi.

Thêm vào đó, chất trữ tình trong tác phẩm còn được thể hiện ở khung cảnh thiên nhiên và cảnh vật trong ngày tựu trường đầu tiên của nhân vật tôi. Mở đầu tác phẩm là một câu văn miêu tả thiên nhiên đầy xúc cảm của nhân vật tôi "Hằng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm hoang mang của buổi tựu trường..." Dường như, câu văn ấy đã gợi lên bao nhiêu cảm xúc trong nhân vật tôi và cả những cô cậu học trò, để rồi từng nhịp kỷ niệm cứ thế theo nhau ùa về trong kí ức. Không dừng lại ở đó, khung cảnh thiên nhiên trong buổi sớm mai tựu trường cũng được nhân vật tôi tái hiện lại bằng những câu văn thật dạt dào "Buổi sáng mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh. Mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tự nhiên tôi thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: Hôm nay tôi đi học." Đó còn là khung cảnh của lũ học trò nhỏ khi đứng giữa sân trường chờ được gọi tên vào lớp "Sau một hồi trống thúc vang dội cả lòng tôi, mấy người học trò cũ đến sắp hàng dưới hiên rồi đi thẳng vào lớp. Cảm thấy mình trơ vơ là lúc này. ... Chính lúc này toàn thân các cậu cũng đang run run theo nhịp bước rộn ràng trong các lớp." Tất cả, tất cả những khung cảnh ấy hiện lên thật đẹp qua những dòng xúc cảm, qua cảm nhận của chính nhân vật tôi.

Không dừng lại ở đó, chất trữ tình trong tác phẩm còn được thể hiện rõ nét qua cách tác giả xây dựng nhân vật với những mối quan hệ, những tình cảm bình dị, thân thương song rất dịu dàng, đẹp đẽ và đáng trân quý. Đó là người thầy "với cặp mắt hiền từ và cảm động". Là những người bạn thuở ấu thơ với biết bao kỷ niệm khó quên và cả những người bạn mới quen - những người bạn cũng ngỡ ngàng, cũng rụt rè trong ngày tựu trường đầu tiên. Và có lẽ, đặc biệt hơn cả đó là hình ảnh người mẹ, là tình mẹ. Đọc toàn bộ tác phẩm Tôi đi học, người đọc sẽ thấy rằng hình ảnh bàn tay mẹ được tác giả nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong tác phẩm - "mẹ tôi ân cần nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng", bàn tay mẹ cầm bút thước, cặp sách cho con khi đến trường,... Và có lẽ, tất cả những hình ảnh ấy đã gợi lên trong chúng ta một người mẹ với tình yêu thương con vô bờ bến, điều đó được thể hiện rõ nét qua những cảm nhận và cách miêu tả tinh tế, dạt dào xúc cảm của chính tác giả.

Và cuối cùng, việc sử dụng những câu văn giàu cảm xúc với giọng điệu nhẹ nhàng, những hình ảnh so sánh độc đáo và việc sử dụng hàng loạt các từ láy chính là một trong số những biểu hiện của chất trữ tình trong tác phẩm. Trước hết, trong tác phẩm, tác giả đã sử dụng hàng loạt câu văn với những hình ảnh so sánh hấp dẫn "...như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng", "...như một làn mây lướt ngang trên ngọn núi", "...như con chim con đứng bên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ"... Những hình ảnh ấy không những làm cho câu văn trở nên sinh động, hấp dẫn mà còn góp phần to lớn vào việc diễn tả, thể hiện cảm xúc của nhân vật trữ tình. Thêm vào đó, chất trữ tình trong tác phẩm còn được thể hiện rõ nét qua việc tác giả sử dụng hàng loạt các từ láy. Đó là những từ tượng hình để gợi nên khung cảnh thiên nhiên, cảnh vật mơ mộng, trữ tình "bàng bạc", "quang đãng", "trang trọng", "đứng đắn", "tươi tắn", "nhí nhảnh", "sạch sẽ", "sáng sủa"... Và đặc biệt, đó còn là hàng loạt các từ láy có giá trị, vai trò to lớn trong việc diễn tả tâm trạng rụt rè, bỡ ngỡ, xen chút lo lắng của nhân vật tôi trong buổi tựu trường tựu trường đầu tiên "rụt rè", "vẩn vơ", "run run", "lúng túng", "nặng nề", "ngập ngừng", "lưng lẻo", "quyến luyến",... Tất cả, tất cả những hình ảnh so sánh cùng việc sử dụng hàng loạt các từ láy đã làm cho những câu văn của "Tôi đi học" trở nên giàu tính nhạc, giàu chất thơ và giàu tính trữ tình.

Có thể nói, "Tôi đi học" của Thanh Tịnh là một câu chuyện chân thực, sâu sắc. Tác phẩm ấy để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc không chỉ bởi những ý nghĩa về mặt nội dung mà còn bởi đọc tác phẩm người đọc có thể cảm nhận một cách chân thực và sâu sắc chất thơ, chất trữ tình bàng bạc ẩn chứa trong từng con chữ, đúng như Trần Hữu Tá đã từng nhận xét: "Nhìn chung, tác phẩm Thanh Tịnh đậm chất trữ tình. Thông qua tâm hồn tác giả, hiện thực cuộc sống được phản ánh giản dị mà sâu sắc, không phải chỉ ở bề ngoài, mà ở cái linh hồn sâu kín bên trong. Văn Thanh Tịnh gợi cảm, đầm thắm và trong sáng" (Từ điển văn học (bộ mới), Nxb Thế giới, H., 2004, tr. 1636).

ĐỀ SỐ 2: Phân tích đoạn trích “ Trong lòng mẹ”(Trích Những ngày thơ ấu) của nhà văn Nguyên Hồng.

BÀI LÀM

Mỗi lần ngồi lật dở và đọc từng trang “Những ngày thơ ấu” của Nguyên Hồng tôi không đọc bằng mắt nữa mà để cho trái tim tự đọc, tự cảm nhận và tự rung động. Văn của ông rất sâu, rất sắc bởi nó cửa vào lòng người niềm thương cảm chân thành nhất. Đoạn “Trong lòng mẹ” trích trong “Những ngày thơ ấu” có lẽ là trích đoạn có sức lay động và ám ảnh người đọc nhất về tình mẫu tử thiêng liêng bất diệt. Bằng ngòi bút tinh tế và tình cảm sâu đậm Nguyên Hồng đã dẫn người đọc khám phá văn chương của mình bằng trái tim.

Nguyên Hồng không thêu dệt một câu chuyện bi lụy ở đâu đó quanh chúng ta mà ông trải lòng lên trang giấy bằng chính cuộc đời, bằng chính tuổi thơ cùng cực, cay đắng và nước mắt của mình. “Trong lòng mẹ” nằm ở chương IV của “Những ngày thơ ấu” kể về cuộc sống cơ cực, thiếu thốn tình yêu thương của bé Hồng. Hằng ngày Hồng chịu sự ghẻ lạnh, đay nghiến và mỉa mai của người cô bên nhà “thầy”. Bên cạnh đó còn là hình ảnh người mẹ nghèo tiều tụy với một tình yêu thương con vô bờ bến.

Bé Hồng sinh ra là kết quả của một cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Bố là một kẻ nghiện ngập, chết mòn trên bàn thuốc phiện để lại cho mẹ con Hồng một cuộc sống tù túng cực độ cùng những cay nghiệt bên nhà nội, cuối cùng mẹ Hồng phải tha hương cầu thực, bỏ lại Hồng một mình sống với bà cô.

Nguyên Hồng mở đầu bằng cách kể nhẹ nhàng, nhiều chua xót “Tôi đã bỏ cái khăn tang bằng vải màn ở trên đầu đi rồi. Không phải đoạn tang thầy tôi mà vì tôi mới mua được cái mũ trắng và quần băng đen. Gần đến ngày giỗ đầu thầy tôi, mẹ tôi ở Thanh Hóa vẫn chưa về”. Một chuỗi tuổi thơ cay đắng mở đầu bằng “chiếc khăn tang” trắng, gợi lên trong lòng người đọc nhiều chua xót. Bé Hồng vẫn luôn mong ngóng người mẹ phương xa trở về trong ngày dỡ đầu của thầy. Tác giả được biết mẹ đang “bán bóng đèn và bán vàng hương ở chợ”, mẹ làm tất cả để mưu sinh để kiếm sống và để trở về.

Bé Hồng sống với bà cô cay nghiệt, ghẻ lạnh, luôn dùng những lời độc địa nhất để kể về mẹ của bé, để bôi thêm muối vào tâm hồn đứa trẻ thơ đang quá thiếu thốn tình mẫu tử. Bà cô là hiện thân của một xã hội phong kiến độc ác, nhiều hủ tục,

nhieu cay đắng và bé hồng là hiện thân của những người ở dưới đáy cùng xã hội, chịu đựng sự chà đạp và bất công nhất.

Trong một lần bà cô ấy gọi Hồng đến và nói “Mày có muốn vào Thanh hóa thăm mẹ mày không”, một câu hỏi chứa đầy hàm ý xấu khiến trái tim đứa bé ấy toan run rẩy và toan gật đầu đồng ý. Người đọc nhận ra một sự đấu tranh nội tâm đầy mâu thuẫn và kiềm chế đến tận cùng “tưởng đến vẻ mặt rầu rầu và sự hiền từ của mẹ tôi, và nghĩ đến cảnh thiếu thốn một tình thương yêu ấp ủ từng phen làm tôi rơi nước mắt, tôi toan trả lời có. Nhưng, nhận ra những ý nghĩ cay độc trong giọng nói và trên nét mặt khi cười rất kịch của cô tôi kia, tôi cúi đầu không đáp.

Vì tôi biết rõ, nhắc đến mẹ tôi, cô tôi chỉ có ý gieo rắc vào đầu óc tôi những hoài nghi để tôi khinh miệt và ruồng rẫy mẹ tôi, một người đàn bà đã bị cái tội là góa chồng, nợ nần cùng túng quá, phải bỏ con cái đi tha hương cầu thực”. Lời lẽ ấy của bé Hồng như một mũi dao đâm thẳng vào tim người đọc, bởi suy nghĩ của một đứa bé sống trong cảnh bị đọa đầy lại có thể sâu sắc như vậy. Bé Hồng đã phải trải qua một cuộc sống nhiều đắng cay nên buộc phải lớn, buộc phải trưởng thành.

Tâm lý của bé Hồng trong đoạn hội thoại này chất chứa yêu thương đối với người mẹ nghèo đáng thương. Nỗi khổ của mẹ, những hủ tục phong kiến ấy đã đè bẹp một người phụ nữ góa chồng, đẩy bà ấy đến bước đường cùng. Bé càng thương mẹ nhiều hơn, chỉ mong được gặp mẹ là đủ. Bằng cách xây dựng tâm lý cực kỳ tinh tế, Nguyên Hồng đã khiến người đọc không kìm được cảm xúc. Bởi vậy khi nghĩ về mẹ “tôi chỉ im lặng, cúi đầu, khóa mắt cay cay”, nén cảm xúc vào bên trong, không để nó bật ra trước mắt bà cô độc ác này, vì thế nào nếu khóc bà cô sẽ càng mỉa mai và châm biếm hơn.

Khi bà cô nhắc đến từ “em bé”, cô bảo rằng mẹ đã phải lén lút sinh em bé sau khi chưa đoạn tang chồng, cô bảo rằng mẹ là người đàn bà xấu xa. Nhưng bé Hồng bỏ mặc ngoài tai những lời nói cay nghiệt đó, vẫn yêu và thương mẹ vô cùng.

Hình ảnh người mẹ qua lời kể bà cô khiến bé hồng ghen đắng, chua chát “Mẹ tôi ăn vận rách rưới, mặt mày xanh bủng, người gầy rạc đi, thấy thế bà ta thương tình gọi hỏi xem sao thì mẹ tôi vội quay đi, lấy nón che”. Đặc biệt ở suy nghĩ tiếp theo,

tác giả đã diễn tả cực kỳ thành công tâm lý của nhân vật “giả những cổ tục đã đầy đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ lấy ngay mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kỳ nát vụn mới thôi”.

Sự kìm nén cảm xúc bấy lâu nay khiến cho một đứa bé không thể chịu đựng được, đành phải để nó thoát ra bằng suy nghĩ đanh thép và cứng rắn như vậy. Ngôn ngữ gằn gỏi, đơn giản nhưng có góc cạnh sắc nhọn đã lột tả hết tâm lý của một đứa trẻ bị kìm kẹp.

Có thể nói đoạn trích này tác giả đã diễn tả cực kỳ thành công tâm lý nhân vật bé Hồng bằng hàng loạt động từ mạnh, ngôn ngữ sắc cạnh, phép đối lập đặc địa nhất. Đến phần thứ hai, giọng văn trở nên dịu nhẹ đi vì nó tái hiện lại cảnh gặp gỡ đầy cảm động giữa mẹ và bé Hồng sau bao nhiêu xa cách. Đây chính là mạch cảm xúc chính, là cao trào thắt nút tình cảm được mở bung ra để yêu thương ulla về.

Chỉ một tiếng gọi “Mợ! Mợ! Mợ ơi” khi thấy một người đàn bà giống mẹ mà tình yêu trong bé Hồng đã chực trào ra. Yêu thương từ lâu được kìm nén giờ đây có dịp được bật ra thành tiếng. Tiếng gọi của bé Hồng lúc ấy khiến người đọc đứt từng khúc ruột, đứt từng mạch cảm xúc.

Sự liên tưởng của bé Hồng khi tưởng tượng ra viễn cảnh nếu đó không phải là mẹ thật hay, thật thú vị “cái lằm đó không những làm tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gằn rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa sa mạc. Xe chạy chậm chậm”. Phải thật sâu, thật tinh tế thì tác giả mới có thể liên tưởng phong phú và đúng đắn như vậy. Có lẽ vì đợi chờ yêu thương quá lâu, quá nhiều nên cái lằm lẫn phút chốc có thể khiến cho người ta rơi vào tuyệt vọng.

Khoảnh khắc bé Hồng được ôm vào lòng mẹ thật cảm động. Tác giả đã dùng những lời lẽ đẹp nhất, ngọt ngào nhất để diễn tả lại khoảnh khắc hiếm hoi, cảm động đó “Phải bé lại và lặn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người miêng, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trên trán xuống cằm, và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng”. Câu văn này đã khiến không ít người run rẩy vì thương yêu vô bờ bến của tình mẫu tử.

Cuộc gặp gỡ định mệnh, và tình cảm cũng trở nên sâu và nặng hơn. Có thể nói người đọc đến đây đã thờ phào nhẹ nhõm vì tình mẫu tử cuối cùng cũng được đền đáp. Không có sức mạnh nào hơn sức mạnh của tình mẫu tử, không có ai ngăn cản được mẹ và con đoàn tụ.

Gấp lại trang sách, hần đọc giả vẫn còn bàng khuâng một cảm xúc thấu hiểu, xót xa cho tình cảnh của cậu bé Hồng và từ đó thêm trân quý hơn tình cảm gia đình thiêng liêng. Những cảm xúc chân thành, chạm vào trái tim người đọc ấy có được là do sự khéo léo trong kết hợp kể, tả, bộc lộ cảm xúc, bút pháp đậm chất trữ tình, và nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm lí đặc sắc. Đó là đặc trưng làm nên tên tuổi của Nguyên Hồng và sức sống mãnh liệt của “Những ngày thơ ấu” trong lòng độc giả.

ĐỀ SỐ 3:

Đánh giá về đoạn trích “Trong lòng mẹ” (chương IV) của hồi kí “ Những ngày thơ ấu”, Thạch Lam cho rằng: “*Nguyên Hồng đã miêu tả thành công những rung động cực điểm của một linh hồn bé dại*”.

Bằng những hiểu biết của em về đoạn trích “ Trong lòng mẹ”, hãy chứng minh.

BÀI LÀM

Trong tuổi thơ của mỗi người, có lẽ niềm hạnh phúc lớn nhất là được sống trong những kỉ niệm ngọt ngào về tình mẹ, tình quê hương, về mái trường yêu dấu. Nhưng có tuổi thơ đã hoá trang văn, mà mỗi trang ấy là trang đời về một thời thơ ấu thiếu tuổi thơ đầy cay đắng. Đó chính là “Những ngày thơ ấu” của Nguyên Hồng được hiện lên qua dòng chữ đầm nước mắt. Trong đó đoạn trích “Trong lòng mẹ” của tác phẩm gây ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc. Đánh giá về đoạn trích này, sinh thời nhà văn Thạch Lam cho rằng: “*Nguyên Hồng đã miêu tả thành công những rung động cực điểm của một linh hồn bé dại*”.

“Trong lòng mẹ” nằm ở chương IV của “Những ngày thơ ấu” kể về cuộc sống cơ cực, thiếu thốn tình yêu thương của bé Hồng. Hằng ngày Hồng chịu sự ghẻ lạnh, day nghiền và mỉa mai của người cô bên nhà “thầy”. Bên cạnh đó còn là hình ảnh người mẹ nghèo tiều tụy với một tình yêu thương con vô bờ bến.

Bé Hồng sinh ra là kết quả của một cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Bố là một kẻ nghiện ngập, chết mòn trên bàn thuốc phiện để lại cho mẹ con Hồng một cuộc sống

tù túng cực độ cùng những cay nghiệt bên nhà nội, cuối cùng mẹ Hồng phải tha hương cầu thực, bỏ lại Hồng một mình sống với bà cô. Bé sống trong sự ghẻ lạnh của cả một họ hàng giàu có luôn tìm mọi cách chia cắt tình mẹ con.

Đoạn trích không đầy bốn trang giấy, nhưng mỗi dòng chữ dường như cũng phập phồng, thổn thức bởi những rung động cực điểm của một trái tim thơ ngây yêu mẹ tha thiết, cháy lòng. Chất trữ tình của một ngòi bút nhân đạo thống thiết thấm đẫm qua lời kể của nhân vật tôi (bé Hồng) và những lời bình luận trữ tình ngoại đề của tác giả.

Hiện hiện qua những dòng hồi kí, người đọc như cảm thấu được mọi cung bậc: đau đớn, tủi hận, xót xa, căm giận, sung sướng, hạnh phúc... của bé Hồng. Tất cả cung bậc đó được khởi nguồn từ một trái tim yêu mẹ.

Trước hết những rung động ấy được thể hiện bằng phản ứng quyết liệt của bé Hồng trước lời nói của người bà cô xấu bụng.

Xa mẹ, rất nhớ mẹ, muốn gặp mẹ nhưng khi cô nói Hồng, có muốn vào Thanh Hoá chơi với mợ mày không, tưởng đến khuôn mặt rầu rầu và hiền từ của mẹ, bé toan trả lời có nhưng nhận ra ý nghĩa cay độc trong giọng nói và trên nét mặt rất kịch của người cô, bé cúi đầu không đáp rồi lại cười đáp: Không! Cháu không muốn vào. Đây có thể coi là phản ứng thông minh, xuất phát từ một trái tim nhạy cảm và lòng tin yêu mẹ sâu sắc.

Nhưng vì trái tim non nớt, khi người bà cô ngọt ngào: Mày dại quá, cứ vào đi, tao chạy cho tiền tàu và thăm em bé nữa chứ thì lòng bé thất lại, khoé mắt cay cay... nước mắt rùng rùng rớt xuống hai bên mép rồi chan hoà đầm đìa ở cằm, ở cổ... cười dài trong tiếng khóc. Các từ rớt, rùng rùng, chan hòa, đầm đìa cũng một trường nghĩa, miêu tả giọt nước mắt đón đau của bé Hồng vì thương mẹ đến vô hạn. Nỗi đau của bé âm thầm cố kìm nén bên trong giờ đây không thể nào kìm giữ nổi đã vỡ ra thành nước mắt, Mặc dù không đời nào tình thương mẹ của bé lại bị những rắp tâm tanh bần xâm phạm đến nhưng lời nói của người bà cô quả như mũi dao ghê gớm, sắc lạnh đã chạm tới nơi dễ tổn thương nhất của một trái tim thơ ngây đã từng rỉ máu vì nỗi đau xa mẹ, yêu mẹ đến vô cùng.

Tình thương và niềm tin yêu mẹ trào dâng với bao xúc cảm thơ ngây bỗng bật vì người mẹ tội nghiệp: Tôi thương mẹ tôi và căm tức sao mẹ tôi lại sợ hãi những thành

kiến tàn ác mà xa lìa anh em tôi để sinh nở một cách giấu giếm, trốn tránh như một kẻ giết người lúng túng với con dao vấy máu.

Từ nỗi đớn đau vì thương mẹ, bé Hồng căm giận những cổ tục đầy đọa mẹ bé qua hình ảnh so sánh thật dữ dội.

Đến đây tình thương mẹ trào lên như bão nổi, giằng xé với bao phần uất: Giá những cổ tục đầy đọa mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mấu gỗ, tôi quyết vò ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi.

Nhà văn đã sử dụng các động từ chỉ hành động mạnh: vò, cắn, nhai, nghiến với sắc thái biểu cảm ngày càng tăng, khiến lời văn dường như sôi sục, tuôn trào đặc tả tâm trạng phần uất, căm giận cao độ của bé Hồng với những thành kiến vô hình đã làm khổ mẹ bé. Qua đó, ta càng thấu hiểu bé Hồng thương yêu mẹ đến chừng nào.

Trong xã hội phong kiến xưa, biết bao người phụ nữ đã phải chôn vùi tuổi xuân vì những thành kiến vô hình mà ác nghiệt ấy: Gió đưa cây trúc ngã quỳ/Ba năm trực tiết còn gì là xuân.

Từ câu chuyện riêng của mẹ mình, Nguyên Hồng đã truyền tới người đọc nội dung mang ý nghĩa xã hội sâu sắc bằng những dòng văn giàu cảm xúc và hình ảnh thật ấn tượng. Thông qua những rung cảm của trái tim người con, Nguyên Hồng đã phát biểu quan điểm nhân đạo tiến bộ của mình, dứt khoát đứng về phía người phụ nữ mà thông cảm, bênh vực họ trước những thành kiến tàn ác của xã hội phong kiến.

Từ tình thương và niềm tin yêu mẹ, có một niềm khát khao âm thầm, cháy bỏng luôn ấp ủ trong lòng bé Hồng: được gặp mẹ. Xa mẹ nhưng bé Hồng dường như vẫn bám đốt ngón tay, tính từng ngày khắc khoải, chờ mong mẹ về: Gần đến ngày giỗ đầu thầy tôi, mẹ tôi ở Thanh Hoá vẫn chưa về... Nhưng đến ngày giỗ đầu thầy tôi, tôi không viết thư gọi mẹ tôi cũng về... Người mẹ đã trở về, nỗi nhớ, niềm mong của bé Hồng đã trở thành hiện thực. Đến đây có thể nói những rung động về mẹ của bé Hồng đã đến độ cực điểm qua ngòi bút miêu tả của nhà văn. Đầu tiên là cảm giác bối rối, hồi hộp đến nghẹn ngào của bé Hồng khi vừa tan trường ra nhìn thấy người đàn bà ngồi trên xe kéo giống mẹ, bé đuổi theo gọi bối rối: Mẹ ơi! Mẹ ơi! Mẹ ơi!

Tiếng gọi ấy bao lâu nay chỉ là tiếng nấc thầm đau khổ của trái tim thơ dại như: Bé Hồng thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi,... rú cả chân lại vì mừng rỡ sung sướng, vội vã đến cuống quýt tội nghiệp như sợ bóng hình mẹ tan biến mất.

Mong ngóng bao ngày, giây phút gặp mẹ, bé Hồng vẫn cảm thấy như quá đột ngột, niềm vui, niềm hạnh phúc được gặp mẹ khiến bé bất ngờ không dám tin vào mắt mình nữa để nghĩ rằng: Nếu người quay lại ấy là người khác... Và cái làm đó không những làm cho tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa sa mạc.

Lời văn miêu tả với hình ảnh so sánh gợi cảm, nhà văn đã lấy hình ảnh người khách bộ hành ngã gục giữa sa mạc, với đôi mắt đăm đăm trông nhìn đến gần rạn nứt để so sánh với khát khao gặp mẹ cháy bỏng mãnh liệt của bé Hồng. Còn người mẹ lại được so sánh như Dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm giữa sa mạc để nói rằng mẹ bé Hồng chính là nguồn sống, là sự hiền hòa bao dung như dòng nước mát làm dịu lòng con trước nỗi đắng cay của cuộc đời. Chỉ có mẹ mới đưa con từ cõi chết trở về với sự sống, con sống được là nhờ có mẹ.

Được ngồi lên xe cùng mẹ, bé oà lên khóc nức nở khiến người mẹ cũng sụt sùi theo. Các từ oà, nức nở, sụt sùi cùng trường nghĩa nối tiếp nhau miêu tả cung bậc khác nhau của tiếng khóc, của dòng nước mắt càng làm tăng tính biểu cảm của đoạn văn và diễn tả rõ nét tình cảm của bé Hồng khi gặp mẹ.

Trước đây nước mắt bé Hồng đã từng chan hoà, đầm đìa, ròn ròn rơi xuống từ niềm đau, nỗi khổ của mẹ. Bây giờ vẫn là dòng nước mắt nhưng nó vỡ “oà ra” vì bàng hoàng, sung sướng đến tột cùng. Đó là dòng nước mắt nhân lên niềm vui, nở bùng ánh sáng hạnh phúc trong giây phút hội ngộ của tình mẫu tử thiêng liêng.

Những rung động của bé Hồng khi được ngồi kề bên mẹ, được ôm ấp trong lòng mẹ cứ trào lên từng giây, từng phút. Được tận mắt nhìn thấy mẹ, thấy gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng, đôi mắt trong và nước da mịn, làm nổi bật màu hồng của hai gò má chứ không còn cỗi, xơ xác như lời người bà cô, úc thấy mẹ bé vẫn tươi đẹp như thuở còn sung túc. Với bé, mẹ chính là cô Tấm thảo hiền, là cô tiên dịu dàng xinh đẹp bởi mẹ em chỉ có một trên đời.

Được ôm ấp, được sống trong lòng mẹ dúi áp dúi mẹ tôi, đầu ngã vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt, hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ thường, bé Hồng tưởng như trên đời không còn hạnh phúc nào bằng. Ngôn ngữ của Nguyên Hồng đã diễn tả thật chính xác, sinh động, cảm xúc, cảm giác, những rung động của một người con được ôm ấp trong lòng mẹ, cảm nhận được mùi vị riêng của người mẹ từ hơi quần áo, hơi thở. Đó chính là những rung động chỉ có được ở người con thiết tha yêu kính mẹ. Đó cũng chính là cộng hưởng của cảm xúc, của nỗi khát khao bao ngày được sống trong lòng mẹ của bé Hồng.

Bằng chính rung động của trái tim mình, Nguyên Hồng đã vẽ lên bằng kí ức bức tranh đẹp, lãng mạn về tình mẫu tử muôn đời: tràn ngập ánh sáng, thoang thoảng hương thơm, sắc màu tươi tắn, được hoạ nên bởi muôn hồng ngàn tía toả ra từ tình mẹ với con, tình con với mẹ. Ta chợt nhớ tới câu của một nhà thơ Nga: Chỉ mẹ là nguồn vui ánh sáng diệu kì.

Được sống trong vòng tay yêu thương của mẹ, bé Hồng lại khao khát, một khao khát thật dễ thương là: Phải bé lại lặn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm, và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng.

Đây là lời bình luận trữ tình ngoại đề hay chính là lời độc thoại nội tâm của nhân vật ẩn chứa khát khao thơ ngây và cũng thật chính đáng của mỗi con người. Ta như bồi hồi sống lại tuổi thơ, được mẹ yêu thương vỗ về, được làm nũng, hưởng sự vuốt ve, chiều chuộng, được cánh tay hiền của mẹ đưa nôi cùng với điệu à ời để mai này có lúc:

Ngôi buồn nhớ mẹ ta xưa

Miệng nhai cơm búng lưỡi lừa cá xương

Bé Hồng bỗng bình như trôi trong cảm giác sung sướng, rạo rực ru mình trong giấc mơ về tình mẹ dịu êm.

Tôi còn nhớ câu chuyện Cô bé bán diêm của nhà văn An-đéc-xen Đan Mạch, trong đêm đông lạnh giá, em bé đốt đến que diêm cuối cùng để ru mình trong giấc mơ rực

sáng, ở đây bé Hồng đang ru mình vào giấc mơ giữa ban ngày, giấc mơ trong hiện thực với tình mẹ thiêng liêng, tình con cháy bỏng để quên đi tất cả.

Văn chính là người, văn của Nguyễn Hồng chính là hạt trai long lanh kết tụ từ nước mắt rơi xuống của chính cuộc đời nhà văn. Trang hồi kí của ông thực sự là tiếng lòng của ông vọng về từ một thời thơ ấu, chính vì thế mới là những rung động cực điểm của một linh hồn bé dại, về một tuổi thơ bất hạnh luôn khao khát tình mẹ. Ta càng cảm thông, xót xa hơn cho những tuổi thơ xa vắng mẹ. Tất cả có thể mất đi, có thể nhạt phai nhưng có một điều không thể nào chia rẽ được. Đó là tình mẫu tử. Với ý nghĩa nhân văn sâu sắc ấy, đoạn trích sẽ còn lay động mãi tới tất cả những trái tim biết yêu mẹ, hiếu lễ với đấng sinh thành.

ĐỀ SỐ 4: Về đẹp người phụ nữ nông dân trong xã hội cũ trước cách mạng qua nhân vật chị Dậu trong đoạn trích “ Tức nước vỡ bờ” (Tắt đèn) của Ngô Tất Tố.

BÀI LÀM

Trong nền văn học hiện thực phê phán thời kì 1930-1945 không thể không nhắc tới những cái tên các tác gia nổi bật như Vũ Trọng Phụng, Nam Cao, Ngô Tất Tố,... Và có lẽ chúng ta không thể nào quên được hình ảnh chị Dậu- điển hình của người phụ nữ thời kì đó. Đó là hình ảnh một người phụ nữ luôn hết lòng vì chồng con, mang nặng đứ ối hi sinh nhưng không còn sự yếu đuối nhu nhược của người phụ nữ thời kì phong kiến mà đã có sự phản kháng mạnh mẽ chống lại những thế lực luôn chèn ép, bắt buộc những người nông dân thời kì bấy giờ, do đó có lẽ đoạn trích “Tức nước vỡ bờ” là một trong những đoạn văn đắt giá nhất trong tác phẩm “ Tắt đèn” của Ngô Tất Tố, mang nhiều ý nghĩa nhân văn sâu sắc để lại trong lòng người đọc cho tới tận hôm nay.

Bối cảnh trong tác phẩm là hình ảnh của làng Đông Xá trong những ngày đang bị bọn lí chủ, cường hào đi thúc giục sưu thuế cho bọn chúng. Mà nhà chị Dậu lại là một trong những gia đình khó khăn nhất trong làng. Vì không thể trả nổi mức thuế cao vô lí mà anh Dậu đã bị bọn chúng bắt trói lại, đánh đập dã man. Cực chẳng đã, chị Dậu đã phải bán đi đàn chó mẹ, chó con cùng đứa con gái lớn nhất cho nhà Nghị Quế với mớ giá rẻ mạt để có tiền cứu chồng ra khỏi tay của bọn cường hào. Qua đây, chúng

ta có thể thấy được hình ảnh của một người phụ nữ nông dân tuy thất học nhưng luôn hết lòng vì chồng, phải cáng đáng công việc mà đáng lẽ ra dành cho người đàn ông trong gia đình.

Mở đầu đoạn trích là hình ảnh anh Dậu bị trói trên cây cột giữa sân đình, đang thoi thóp, kiệt quệ, không thể chống đỡ được sự đau đớn, mỗi một cử động về thể xác và tinh thần. Khó khăn lắm, chị Dậu mới có được chút tiền bạc để nộp sưu. Ấy vậy mà bọn cường hào, tay sai của “ông Lý” lại lôi anh Dậu ra vút ở ngoài sân, trao trả lại cho chị và đòi chị phải nộp thêm thuế đình của người em trai chồng đã mất từ năm ngoái. Đó là một điều đòi hỏi vô lí, thế nhưng chị vẫn phải nhẫn nhục. Đau khổ là thế, lo lắng là thế nhưng chị vẫn cố dặn lòng, cố gắng đưa cho chồng bát cháo loãng, dù chính mình còn chưa có gì ăn, Chị chỉ nhẹ nhàng bảo với chồng : “Thầy em cố gắng dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột” . Lời của người đàn bà nhà quê tuy mộc mạc nhưng lại mang biết bao tâm tư, tình cảm mà ít ai sánh được. Thậm chí, chị còn bế cái Tũn ngồi cạnh chồng để nhìn xem anh ăn có được hay không, có ngon miệng không . Tình cảm của chị phải son sắt, giàu đức hi sinh như thế nào mới có thể được như vậy trong lúc hoàn cảnh khó khăn, đầy ngang trái như vậy. và có lẽ chính tình yêu thương bao la ấy đã tạo cho chị sức mạnh phi thường chống lại bọn tay sai khi chúng tiến vào, định cưỡng ép tới bước đường cùng hoàn cảnh của anh chị.

Đám tay sai khi tiến vào cùng roi da, gậy gộc, điều làm đầu tiên của chị là nghĩ tới người chồng đáng thương của mình. Chị lo lắng anh không thể chịu nổi bất cứ trận đánh nào nữa. anh đã hoàn toàn kiệt sức sau đêm qua. Chị chỉ có thể cầu xin bằng giọng nói run run, đầy hèn mọn, nài nỉ: “ Hai ông làm phúc nói với ông Lý xin cho cháu khát”. Chị cư xử như vậy là bởi vì chị biết hoàn cảnh của mình bấy giờ, vì chị chỉ là một người phụ nữ nông dân như bao con người khác mà thôi. Lúc này chị không còn nghĩ được gì ngoài ý chí sôi sục phải bảo vệ gia đình của mình, bảo vệ người chồng đau ốm cũng những đứa con thơ dại. thế nhưng, những tên tay sai ấy đâu còn chút tình người nào. Chúng bỏ ngoài tai lời van xin của chị, chúng gạt chị ra, định tiếp tục trói anh Dậu dẫn đi, lúc này đây, chị đã phải quỳ xuống cầu xin : “Cháu xin ông, nhà cháu mới tỉnh được một lúc”. Nhưng hấn lại tát chị và một mực đòi xông về phía anh Dậu vừa mới tỉnh lại trong chốc lát. Tới đây, chị đã không thể nín nhịn được nữa. Sự phản kháng của chị đi theo mức độ tăng dần lên. Đầu tiên, chị ngăn bọn chúng lại và nói “ chồng tôi đau ốm, các ông không được phép hành hạ”.

chỉ một câu nói thôi nhưng đã như một lời cảnh cáo của chị về hành động của bọn chúng. Thế nhưng càng nhẫn nhịn thì bọn chúng lại càng lấn tới. Hắn “bịch luôn vào ngực chị mấy bịch” rồi “tát vào mặt chị một cái đánh bốp” rồi vẫn xông về phía anh Dậu. Đến lúc này, chị Dậu đã không còn giữ được bình tĩnh nữa, chị lao về phía chồng, gạt bọn tay sai ra, hai tay chống nạnh nói “mày trói chồng bà đi, bà cho mày xem”. Đúng như câu nói “tức nước vỡ bờ”, chị Dậu từ cách xưng hô đầy nhỏ bé, hèn kém, xưng cháu gọi ông, sau đó chị xưng là “tôi”, và cuối cùng là “bà- mày”. Có thể có người cho rằng chị Dậu là một người phụ nữ đánh đá thế nhưng có thể nói rằng, ít ai có thể hành động được như chị. Chị lao vào những tên muốn bắt chồng chị rồi đánh nhau với chúng. Sức mạnh thật sự của người phụ nữ trỗi dậy khi họ bắt buộc phải bảo vệ những người thân yêu xung quanh mình, và cũng có lẽ do chị đã không thể nín nhịn được thêm nữa, chị đã bị buộc vào bức đường cùng. Thậm chí dù chồng chị có khuyên, chị cũng vẫn đánh thép làm theo bản năng của chị, chị thà ngồi tù chứ quyết không để bị chèn ép, bị ép buộc. cũng như nhà Nguyễn Tuân đã từng nói: “Trên cái tối trời, tối đất của xã hội ngày xưa, hiện lên một chân dung lạc quan của chị Dậu. Bản chất của chị Dậu rất khỏe, cứ thấy lặn xả vào bóng tối mà phá ra...”

Đoạn trích “Tức nước vỡ bờ” đã miêu tả lại sâu sắc hình ảnh đầy màu sắc hiện thực của xã hội Việt Nam thời kì trước cách mạng. Cùng với nó, hình ảnh chị Dậu cũng được khắc họa một cách rõ nét, dung hòa hai tính cách khác nhau, đối với những người thân yêu bên cạnh, chị luôn dịu dàng, sẵn sàng hi sinh bất cứ điều gì, thế nhưng với những kẻ xấu, chị bất chấp tất cả để chiến đấu cùng chúng. Đó cũng có lẽ là một sự thay đổi lớn trong hình ảnh của người phụ nữ cả về khí chất và tính cách. Với nghệ thuật miêu tả tính cách nhân vật qua các diễn biến căng thẳng của tình tiết. Ngô Tất Tố đã xây dựng thành công nhân vật chị Dậu. Đó là hình tượng chân thực, đẹp đẽ về người phụ nữ nông dân trước Cách mạng tháng Tám có lòng thương yêu chồng, có tinh thần đấu tranh dũng cảm chống mọi áp bức, bất công của chế độ thực dân phong kiến.

ĐỀ SỐ 5: Phân tích vẻ đẹp của hình tượng nhân vật Lão Hạc trong tác phẩm cùng tên của nhà văn Nam Cao.

BÀI LÀM

Nam Cao là một nhà văn lớn của người nông dân Việt Nam, đặc biệt là người nông dân trước Cách mạng tháng Tám 1945. Ông vẫn cảm nhận được những vẻ đẹp cao quý trong tâm hồn của họ trước bờ vực của cái đói, cái nghèo. Truyện ngắn "Lão Hạc" của nhà văn là một tác phẩm như thế. Nhân vật chính của tác phẩm - nhân vật lão Hạc - dù có một hoàn cảnh bất hạnh, đau đớn nhưng lão vẫn giữ được tình yêu thương đối với những người thân yêu và đặc biệt là một lòng tự trọng cao cả. Qua nhân vật này, nhà văn đã thể hiện tư tưởng nhân đạo tiên bộ và sâu sắc.

Lão Hạc có một cuộc đời hết sức bi thảm. Vợ lão mất sớm, một mình lão gà trống nuôi con. Đến tuổi anh con trai lấy vợ thì nhà lão nghèo quá, nhà gái lại thách cao, nên anh con trai không lấy được vợ, phần chí bỏ đi đồn điền cao su. Lão ngày ngày, vò vò mong mỗi con về, đơn độc, chỉ có con chó Vàng - kỉ vật của con bầu bạn cùng. Lão sống qua ngày, trong cái đói nghèo và đơn độc. Và chính vì đói, vì nghèo như thế, nên cuối cùng, lão phải bán đi người bạn duy nhất của lão, chỗ dựa cuối cùng của lão – cậu Vàng. Để giữ được tấm lòng thanh sạch của mình, lão phải ăn bả chó tự tử, chết như một con chó. Cuộc đời của lão Hạc là một cuộc đời đơn độc, quay quắt trong cái đói nghèo, bị cái đói nghèo dày dụa. Nam Cao đã thông qua cuộc đời của lão Hạc để tố cáo xã hội thực dân nửa phong kiến, dồn đẩy người nông dân tới bước đường cùng bằng tiếng nói đanh thép, nhưng không kém phần chua xót.

Tuy ở một hoàn cảnh đáng buồn như vậy, nhưng lão Hạc có một tấm lòng vị tha, nhân hậu. Với cậu Vàng – kỉ vật của con trai lão, lão yêu quý nó như “một bà mẹ hiềm hoi yêu quý đứa con cầu tự”. Lão cưng nựng, vỗ về, vuốt ve nó; cho nó ăn cơm như nhà giàu ăn cơm bát; lão ăn gì cũng không quên phần nó, gắp cho nó một miếng, lão ăn bao nhiêu, nó cũng ăn như thế, thậm chí có phần hơn lão... Lão cũng coi nó như một người bạn, ngày ngày lão tâm sự, trò chuyện với nó như thể nó cũng là một con người. Lão đối với một con chó, một loài vật mà ông giáo cho là sinh ra để người ta giết thịt lại nhân hậu, yêu thương đến vậy thì với con người, lão còn đối xử đến như thế nào nữa? Tấm lòng của lão quả thật khiến chúng ta cảm phục.

Đối với cậu Vàng, lão yêu quý như vậy, thì đối với anh con trai của lão, thì tình cảm ấy còn được nhân lên gấp vạn lần. Chỉ vì nhà nghèo, không cưới được vợ cho con, làm con uất chí, bỏ đi đồn điền cao su mà lão tự dần vặt mình mãi. Để cưới vợ, anh con trai đòi bán mảnh vườn, nhưng lão không cho không phải vì lão muốn giữ mảnh vườn cho lão, mà lão nghĩ nếu cưới vợ về, vườn bán rồi thì ở đâu mà làm ăn sinh sống, và rồi có bán thì cũng làm sao mà đủ tiền. Lão nghĩ thế, nhưng anh con trai có thấu cho lão? Anh bỏ đi đồn điền cao su, để lại lão ở nhà vô vô chờ con. Lão nghĩ tốt, lo cho tương lai con, nhưng khi con trai bỏ đi, lão lại tự dần vặt mình, dày vò tinh thần mình. Những câu nói lão nói với cậu Vàng, nhưng lại chất chứa biết bao nhiêu tình cảm nhớ thương cho anh con trai. Lão nói với cậu Vàng đấy, nhưng lại như nói với con mình. Lão làm việc gì, lão suy nghĩ gì cũng là hướng về con trai mình. Tiền bòn vườn lão để dành, không tiêu tới để khi con trai về, lão nhắm tính sẽ có gần trăm đồng bạc, thêm vào cho con cưới vợ và làm kế sinh nhai. Thế nhưng, lão lại ốm. Một cơn ốm kéo dài buộc lão phải tiêu tới số tiền đó. Chỉ vậy thôi mà lão đã thấy đau lòng. Lão ăn vào tiền của con trai lão – số tiền mà khi con trai về lão định trả con. Điều này làm lão khổ tâm hết sức. Hành động của lão gửi ông giáo mảnh vườn, nhờ ông giáo giữ hộ cũng là để giữ hộ cho con lão: “Của mẹ nó thì nó hưởng”. Mọi suy nghĩ, việc làm của lão đều hướng tới con trai. Thậm chí, cái chết của lão cũng là vì con. Lão chết để mở ra đường sống cho con lão, lão chết một cái chết trong sạch để lại tiếng thơm cho con vì lão sống ngày nào là ăn vào tiền, vào đường sống của con ngày ấy. Xưa nay, không ít người cha, người mẹ hi sinh cơm ăn, áo mặc vì con, hi sinh một phần thân thể vì con nhưng hi sinh cả mạng sống của mình như lão Hạc lại là một trường hợp hiếm thấy. Tình yêu con của lão Hạc thật đặc biệt. Không ồn ào, sôi nổi, không thể hiện qua hành động hay lời nói, lão lặng lẽ yêu con trong tâm tưởng, mọi hành động của con lão đều cho là do lão. Là do lão đẩy con tới những hành động ấy rồi tự dần vặt mình, tự gánh lấy những suy nghĩ, hành động để chuộc lại lỗi lầm. Quả thật, tình yêu thương con của lão khiến chúng thật vô cùng cảm động.

Lão Hạc mang một tấm lòng tự trọng cao cả. Lão tự trọng từ với một con chó, với con trai lão, với bà con hàng xóm, với ông giáo và với cả chính bản thân mình. Khi bán con chó, lão đau khổ, vì lão “bằng này tuổi đầu mà còn trót lừa một con chó”. Lão nhớ ánh mắt của cậu Vàng, mà theo như lời lão là một ánh mắt đầy trách móc,

mắng lão tệ hại: “A! Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão thế mà lão đối xử với tôi thế này à?”. Ánh nhìn đó làm lão ám ảnh và day dứt không nguôi. Lão từ chối mọi sự giúp đỡ của ông giáo, lão lại chuẩn bị sẵn tiền làm ma cho bản thân, gửi ông giáo, để khi lão có việc thì ông giáo đưa ra, coi như là của lão có chút ít, còn lại thì nhờ bà con hàng xóm cả. Lão làm vậy để không phiền lụy tới ai. Từ đó, lão bòn vườn, mò cua, ốc, trai ăn để sống qua ngày, thà chết chứ không chịu mắc nợ ai. Có lẽ hành động bán cậu Vàng của lão chính là bước chuẩn bị cho cái chết của lão. Lão xin Binh Tư ít bả chó với lý do bắt cho nhà khác – một lý do làm Binh Tư tự nghĩ lão giả bộ hiền lành thế nhưng cũng ghê ra phết, một lý do làm ông giáo hiểu lầm lão, hiểu lầm một con người đã “khóc vì trót lừa một con chó, một con người nhịn ăn để có tiền làm ma”. Vậy nhưng hóa ra, lão ăn bả chó để tử tự, để giữ vẹn nguyên tấm lòng trong sáng của lão. Lão ăn bả chó, lão chết như một con chó, vật vã, quần quai trong đau đớn, để chuộc tội với cậu Vàng. Lão ăn bả chó cũng là để không bị cuộc sống dồn đẩy, bị tha hóa biến chất như Binh Tư, hay Chí Phèo... Cái chết của lão cũng chính là sự tự trọng của lão với con lão. Lão sống mà phải dựa vào tiền của con thì thà lão chết con hơn. Lão Hạc có một tấm lòng thật đáng. Lão Hạc có một tấm lòng thật đáng trân trọng – lòng tự trọng của lão nông nghèo nhưng trong sạch. Lão chọn “chết trong còn hơn sống đục” khi bị dồn vào đường cùng. Tấm lòng nhân đạo của Nam Cao đã được thể hiện rất rõ. Thông qua cuộc đời bi thảm, nhưng phẩm chất thì sáng trong của lão Hạc, Nam Cao quả đã “khơi được những nguồn chưa ai khơi” và chính điều này đã đưa ông lên một vị trí vững chắc trong dòng văn học 1930-1945.

Xây dựng nhân vật lão Hạc, Nam Cao đã sử dụng nghệ thuật khắc họa nhân vật tài tình. Điều đó được thể hiện trong đoạn văn miêu tả bộ dạng, cử chỉ của lão Hạc khi kể cho ông giáo chuyện lừa bán cậu Vàng, trong đoạn miêu tả sự vật vã đau đớn dữ dội của lão Hạc trước lúc chết. Ngôn ngữ nhà văn sử dụng trong tác phẩm sinh động, ấn tượng, giàu tính tạo hình và hết sức gợi cảm.

Qua nhân vật lão Hạc, nhà văn đã thể hiện tinh thần nhân đạo tiến bộ sâu sắc. Nam Cao đã đồng cảm đến tận cùng với cái nghèo, cái đói của người nông dân Việt Nam trong nạn đói 1945. Thời cuộc đã dồn họ đến đường cùng và lối thoát nhanh chóng nhất là cái chết nghiệt ngã.

Nhưng trên hết, nhà văn đã biết nâng niu trân trọng vẻ đẹp tâm hồn cao khiết của người nông dân ngay cả khi họ bước vào đường cùng. Không chỉ giàu tình yêu thương, người nông dân còn sống đầy tự trọng. Trong cái đói, tự trọng là thứ gì đó xa xỉ vô cùng. Vì miếng ăn, người ta có thể tàn nhẫn, dã man, thậm chí mất hết nhân tính. Nhưng đáng trọng thay lão Hạc, lão không chỉ giữ được tình thương tươi mát mà còn giữ được lòng tự trọng vàng đá của mình.

Và chính nhờ vẻ đẹp tươi sáng ấy của lão Hạc mà Nam Cao đã chiêm nghiệm: "Cuộc đời chưa hẳn đáng buồn". Chưa đáng buồn bởi còn có những con người cao quý như Lão Hạc. Viết câu văn ấy, nhà văn đã bày tỏ thái độ tin tưởng đối phẩm cách tốt đẹp của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng. Điều ấy đáng quý vô cùng bởi trước Cách mạng, người nông dân bị coi rẻ như cỏ rác, thậm chí có nhà văn còn nhận định người nông dân "như những con lợn không tư tưởng". Và bởi thế, tư tưởng của Nam Cao đáng ca ngợi biết bao!

Qua truyện ngắn "Lão Hạc", ta phần nào hiểu hơn về tình cảnh của người nông dân trước cách mạng tháng Tám, cuộc sống lầm than, nghèo khổ, không lối thoát. Đọc "Lão Hạc" để lại bao ám ảnh. Tác giả có thể chết nhưng nhân vật thì sống mãi. Nam Cao đã mất từ rất lâu nhưng những tác phẩm của ông để lại có sức phản ánh cực kì mãnh liệt. Đọc "Lão Hạc" của Nam Cao, ta thấy rõ được số phận những người dân cùng cực khi chưa có thắng lợi cách mạng tháng Tám. Trước những nỗi cùng cực, con người phải cảm thông, đùm bọc, thương yêu lẫn nhau trong cuộc sống. Đề cao giá trị con người cũng như đề cao phẩm chất của con người cũng chính là cách mà giúp con người đoàn kết hơn trong cuộc sống để vượt qua mọi khó khăn gian khổ.

ĐỀ SỐ 6: Có ý kiến cho rằng: Mặc dù gặp nhiều đau khổ bất hạnh, người nông dân trước cách mạng tháng Tám vẫn giữ trọn những phẩm chất tốt đẹp của mình. Qua việc phân tích đoạn trích “ Tức nước vỡ bờ” (Tắt đèn- Ngô Tất Tố) và “Lão Hạc” (Nam Cao), em hãy chứng minh nhận định trên.

BÀI LÀM

Có nhà văn nào đó từng nói rằng: văn chương chân chính dù nói về cái xấu, cái ác vẫn phải hướng về cái đẹp, cái thiện, đó là thanh nam châm thu hút mọi thế hệ.

Vâng, phải chăng cái xấu cái ác hay cũng chính là cái khổ đau, bất hạnh và cái đẹp cái thiện chính là niềm tin tưởng của nhà văn hướng người đọc tin vào vẻ đẹp của nhân vật, để giúp người đọc một bài học về nhân cách. Và từ buổi đầu khi văn học ra đời và phát triển, đề tài người nông dân đã trở thành mảnh đất tốt để ươm lên những mầm cây văn học với những tác phẩm đặc sắc. "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố và "Lão Hạc" của Nam Cao là hai tác phẩm như vậy. Đọc những sáng tác này ta thấy vẻ đẹp toả sáng trong tâm hồn của tầng lớp lao động: *"Mặc dù gặp nhiều đau khổ bất hạnh nhưng người nông dân trước cách mạng tháng Tám vẫn giữ trọn phẩm chất tốt đẹp của mình"*. Điều này được thể hiện rất rõ qua qua đoạn trích “ Tức nước vỡ bờ” (trích Tắt đèn- Ngô Tất Tố) và ‘Lão Hạc’ của nhà văn Nam Cao.

Văn học và đời sống là hai vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm chính là con người. Bởi vậy nên, vấn đề chung về con người đã là mẫu số chung, là mảnh đất muôn thuở của thi nhân muôn đời. Nhưng, qua mỗi trang văn nhà văn chân chính phải mang đến một phát minh về hình thức, một khám phá mới về nội dung. Đó là đòi hỏi của nghệ thuật, không chấp nhận sự lặp lại người khác và lặp lại chính mình. Đó là cách duy nhất để anh tồn tại trong sân chơi nghệ thuật. cũng chính vì hiểu được điều ấy mà đến với đề tài người nông dân, một đề tài quen thuộc mà thi nhân muôn đời đã đi mòn đứt cở thì cả Ngô Tất Tố và Nam Cao đều có những khám phá riêng của mình, chính vì vậy số phận người nông dân đã được khắc họa sinh động, đa chiều và sâu sắc. Nếu như trong trang văn của Ngô Tất Tố, người nông dân phải chịu nỗi khổ về sưu cao, thuế nặng, hà hiếp áp bức, ngay cả người chết rồi mà vẫn phải nộp sưu thuế. Thật là vô lí. Thì trong trang văn của Nam Cao người nông dân được nhìn trong bi kịch bị tha hóa về nhân cách, phải chịu đựng sự giằng xé giữ dội về cái đói và miếng ăn. Hoặc là chấp nhận sống nhưng bị tha hóa vì miếng ăn, hoặc là chết để bảo toàn nhân phẩm, lão Hạc là một ví dụ điển hình. Song chính việc soi chiếu và nhìn nhận riêng của mỗi nhà văn như thế đã giúp người đọc nhìn nhận được bản chất và vẻ đẹp của người nông dân Việt Nam.

Trước hết đọc hai văn bản điều làm ta ấn tượng về người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám chính là **cuộc sống đau khổ, bất hạnh với cảnh lầm than khổ cực.**

Chị Dậu trong "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố là một hình tượng tiêu biểu. Chị Dậu đầu tắt mặt tối không dám chơi ngày nào mà vẫn "com không đủ no, áo không đủ mặc". Gia đình chị đã "lên đến bậc nhì, bậc nhất trong hạng cùng đinh". Chồng chị ốm đau, vụ thuế đến cùng biết bao tai hoạ... Nào là phải chạy đôn, chạy đáo để cho đủ số tiền nộp sưu cho chồng mà không có một hạt com nào vào bụng. Chị như phải mò kim dưới đáy bể, như lạc vào cái sa mạc cát nóng bỏng, gió thổi tạt vào người như lửa. Trong cảnh "nửa đêm thuế thúc trống dồn" không có tiền nộp sưu cho chồng, vay mượn thì đều là bạn nghèo ai cũng không có, kể nhà giàu địa chủ thì đòi trả lãi với giá cắt cổ, chị đành phải bán đứa con ngoan ngoãn bé bỏng mà chị đã mang nặng đẻ đau, mà đã đến lúc nó có thể giúp chị rất nhiều. Chúng ta có thể cảm nhận được nỗi đau như đứt từng khúc ruột của chị khi bán cái Tý. Cái cảnh chị nuốt nước mắt vào trong mà van lạy cái Tý, thằng Dần để chúng đồng ý cho chị dẫn cái Tý sang nhà Nghị Quế làm người đọc không cảm lòng được. Cuộc đời chị bất hạnh này lại nối tiếp khổ đau kia. Sau khi bán con và đàn chó mới đẻ, cốp nhặt đem tiền nộp sưu cho chồng xong tưởng chừng nạn kiếp đã xong mà cố gắng sống những ngày bình yên bên người chồng ốm yếu, nhưng bọn lý trưởng, chánh tổng trong làng lợi dụng thuế má muốn đục nước béo cò bắt chị phải nộp thêm suất sưu cho em chồng đã chết từ năm ngoái. Người đã chết, đã đi vào cõi hư vô, còn đâu mà bắt người ta đóng thuế, thật quá bất công. Rồi chị còn phải chứng kiến cảnh chồng ốm đau bệnh tật, rũ rượi như một chiếc lá héo khô bị ném vào nhà, chị chăm sóc cho anh chưa kịp hoàn hồn thì bọn cai lệ và người nhà lý trưởng xông vào định bắt trói anh điệu ra đình vì thiếu sưu của em mình. Trong hoàn cảnh ấy không thể chịu đựng được nữa, tình yêu thương chồng và nỗi tức giận bị đè nén bấy lâu đã thôi thúc chị hành động. Chị đã xông vào bọn chúng đánh trả quyết liệt sau những lời van xin thiết tha không hiệu nghiệm để rồi kết quả là cả hai vợ chồng chị bị bắt giải ra đình để quan tư phủ xử tội vì đã chống lại "người nhà nước". Những khổ cực mà chị Dậu phải chịu cũng như những tâm lý uất ức trào dâng bột phát thể hiện thành hành động phản kháng của chị chính là hình ảnh chân thực về cuộc sống của người nông dân trước cách mạng tháng Tám.

Nếu đọc "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố, ta cảm thương cho thân phận của người phụ nữ nông dân dưới chế độ phong kiến thực dân bao nhiêu thì khi đọc "Lão Hạc" của Nam Cao ta lại càng thương cảm và xót xa cho số phận của người

nông dân với cuộc sống mòn mỏi trong chờ đợi và hy vọng mong manh mà cuộc sống cô đơn gặm nhấm tâm hồn và thể xác già nua của lão Hạc. Lão phải sống cô đơn buồn tủi, trong những ngày xa con, lão chỉ có "cậu Vàng" làm bạn. "Vàng" là kỷ niệm thiêng liêng của đứa con để lại, càng thương nhớ con lão càng quý mến con Vàng. Lão âu yếm trò chuyện với nó như người ông hiền hậu ân cần với đứa cháu ngoan. Yêu thương cậu vàng như vậy nhưng bị dồn vào nước đường cùng, lão đành làm một việc nhẫn tâm là phải bán nó đi. Khi kể lại với ông giáo, lão đau đớn xót xa tột cùng: "Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những nếp nhăn xô lại ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít...". Lão khổ tâm dần vật vờ vì chuyện bán chó. Và cái đói cứ đeo đẳng làm cho lão dù đã phải bòn củ chuối, rau má, sung luộc để kiếm bữa cho qua ngày mà vẫn không xong. Cuối cùng lão phải kết liễu cuộc đời bằng liều bả chó xin được của Binh Tư. Ôi cái chết thật đau đớn và dữ dội, lão "vật vờ trên giường, đầu tóc rũ rượi, áo quần xộc xệch, lão tru tréo, bọt mép sùi ra...". Hình ảnh lão Hạc gợi trong ta ký ức buồn đau của thảm cảnh 2 triệu người chết đói năm 1945 trước khi cách mạng tháng Tám nổ ra.

Người nông dân trong xã hội cũ gặp nhiều đau khổ bất hạnh là thế nhưng vượt lên trên những đau khổ bất hạnh đó, họ vẫn luôn giữ trọn những phẩm chất cao đẹp của mình mà đọc tác phẩm dù hiện thực có buồn thương nhưng nhân cách và phẩm chất cao quý của họ vẫn ngời sáng trong đêm tối khiến ta thêm tin yêu con người, tin yêu cuộc sống.

Ngay trong hoàn cảnh bất hạnh khổ cực vì bị hà hiếp bóc lột chị Dậu vẫn thể hiện vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ yêu thương chồng con đảm đang tháo vát. Trong văn bản "Tức nước vỡ bờ" hình ảnh chị dùng những lời lẽ van xin thảm thiết và dám xông vào chống trả quyết liệt tên cai lệ và người nhà lý trưởng để cứu chồng là biểu hiện sâu sắc nhất tình cảm yêu thương hy sinh vì chồng con của chị Dậu. Cử chỉ bê bát cháo đến bên chồng với những lời nói tự nhiên như tấm lòng chân thành của chị đối với chồng Thầy em cố dậy húp ít cháo cho đỡ mệt..." đã làm người đọc xúc động thực sự trước tấm lòng thơm thảo, vẻ đẹp nữ tính dịu dàng với tình cảm mộc mạc của người phụ nữ ấy. Ở chị là sự hội tụ những vẻ đẹp tự nhiên của người phụ nữ Việt Nam mà Ngô Tất Tố muốn ngợi ca.

Nếu như chị Dậu tiêu biểu cho người phụ nữ nông dân trong những vẻ đẹp nhân ái vị tha và tiềm tàng sức sống, sự phản kháng mãnh liệt thì ở nhân vật lão Hạc ta lại cảm nhận được tâm hồn và tình yêu tha thiết, niềm tin cháy bỏng và một nhân cách cao thượng đáng nể trọng của người nông dân già nua nghèo hèn phải tìm đến cõi chết. Lão Hạc chết là để bảo toàn danh dự và nhân cách, để giữ trọn tình yêu cho con, để thanh thản ra đi sau những gửi gắm về mảnh vườn, tiền cưới vợ cho con, tiền lo ma chay để khi ra về nơi miền cực lạc xa xôi còn có hàng xóm lo cho. Chính sự chất phác lương thiện đã giúp lão có những hành động đầy tự trọng ấy, lão không muôn liên lụy đến ai mà chỉ âm thầm chịu khổ một mình. Lão nhin ăn, nhin mặc, một lòng vì con: để rồi lão đã chọn con đường quyên sinh để giữ trọn mảnh vườn cho con. Cái chết dữ dội và kinh hoàng lắm. Lão thương con ngay đến những giây phút cuối cùng của cuộc đời, nhưng lòng lão thanh thản đến êm dịu.

Nhưng dù là Lão Hạc hay chị Dậu thì ở cả hai nhân vật ấy, nhà văn đều cho chúng ta thấy được rằng dù gặp nhiều đau khổ, bất hạnh nhưng người nông dân trước cách mạng tháng Tám vẫn giữ trọn nhân phẩm của mình. Chính điều này đã làm sáng tỏ ý kiến: **“Mặc dù gặp nhiều đau khổ bất hạnh, người nông dân trước cách mạng tháng Tám vẫn giữ trọn những phẩm chất tốt đẹp của mình”**. Cuộc sống cùng quẫn, bi thảm của người nông dân, làm chúng ta càng cảm phục trước những phẩm chất cao quý, đẹp đẽ và trong sáng của họ. Giữa bùn đen nhưng tâm hồn họ vẫn toả hương thơm ngát như đoá hoa sen đồng nội. Đây chính là điều đáng quý, đáng trọng nhất của người nông dân Việt nam từ xưa và vẫn còn lưu giữ, sáng mãi cho đến hôm nay.

ĐỀ SỐ 7: Phân tích bài thơ “Nhớ rừng” của nhà thơ Thế Lữ

BÀI LÀM

Một trong những cây bút xuất sắc có mặt ngay từ lúc ban đầu của phong trào Thơ Mới là Thế Lữ. Rất nhiều tác phẩm của ông đã góp phần to lớn cho sự phát triển của Thơ Mới mà tiêu biểu nhất là tác phẩm “Nhớ rừng”. Ở trong tác phẩm này, Thế Lữ đã thể hiện một tâm sự u uất, chán nản và khát vọng tự do cháy bỏng tha thiết qua lời mượn của con hổ trong vườn bách thú. Đó cũng là tâm sự chung của những người Việt Nam yêu nước trong hoàn cảnh mất nước.

Trong những ngày đầu mới ra đời, phong trào Thơ Mới đã có những sự phát triển trong cả phong cách và nội dung. Trên các chặng đường phát triển, Thơ Mới đã dần giải phóng khỏi tính quy phạm chặt chẽ và hệ thống ước lệ có tính "phi ngã" của thi ca cổ điển. Các nhà thơ đã khám phá thế giới bằng chính những giác quan, những cảm xúc rất thực của mình. Đó cũng là lúc xuất hiện cái tôi rõ nét trong thơ. Ở đó là sự vươn lên của những cảm xúc mãnh liệt của con người vượt thoát khỏi thực tế khách quan. Chính vì vậy Thơ Mới có khuynh hướng thoát ly thực tại, thể hiện tâm trạng bất hoà, bất lực trước thực trạng xã hội. Qua đó, Thơ Mới cũng đã bộc lộ sự phản kháng gay gắt trước thực tại tầm thường giả dối, tù túng giam hãm ước mơ con người.

Cùng chung thái độ phản kháng ấy, Thế Lữ đã viết nên những dòng thơ đầy tâm trạng trong bài **Nhớ rừng**. Mượn lời con hổ ở vườn bách thú để nói lên tâm trạng chính mình. Thế Lữ đã dựng lên một khung cảnh vừa rất thực vừa ẩn chứa những điều thâm kín sâu xa. Tất cả hình ảnh được nhắc đến trong bài đều là không gian xoay quanh cuộc sống của con hổ. Thực tế là con hổ đang bị giam hãm trong một cũi sắt và nó cảm nhận cuộc sống của mình chứa đựng những u uất ngao ngán trong cảnh giam hãm tù túng, những cảnh "tầm thường giả dối" ở vườn bách thú. Chính vì thế, nó cảm thấy tiếc nhớ về quá khứ oanh liệt nơi núi rừng hùng vĩ. Đó là hai cảnh tượng hoàn toàn trái ngược nhau giữa thực tại và dĩ vãng.

Hổ vốn là loài vật được xem là chúa tể của muôn loài, nhưng nay vì sa cơ mà phải chịu sống cảnh "nhục nhằn" trong cũi sắt. Không gian cuộc sống của vị chúa tể rừng xanh đã bị thu hẹp và từ nay bị biến thành một "trò lạ mắt", một "thứ đồ chơi" trong con mắt mọi người. Đối với nó, cuộc sống bây giờ đã trở nên vô vị nhạt nhẽo bởi đang phải sống nơi không tương xứng với tư cách của một vị chúa sơn lâm.

Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt

Ta nằm dài trông ngày tháng dần qua

Hổ đã cảm thấy bất lực bởi chẳng có cách nào thoát khỏi cuộc sống tù túng nên cũng đành ngao ngán nhìn thời gian trôi qua một cách vô ích. Nhưng cho dù phải ở trong hoàn cảnh nào thì kẻ thuộc "giống hùm thiêng" cũng luôn biết thân phận thực sự của mình là một vị chúa. Ông ba - mươi đã tỏ thái độ khinh mạn, coi thường

trước những sự thiếu hiểu biết về sức mạnh thật sự của thiên nhiên của những con người "ngạo mạn ngẩn ngơ" chỉ biết "giương mắt bé giễu oai linh rừng thẳm". Chán nản làm sao cảnh phải chịu sống ngang bầy cùng với "bọn gấu dở hơi", với "cặp báo chuồng bên vô tư lự"! Làm sao chịu được cảnh sống cam chịu chấp nhận số phận của những "người bạn" đồng cảnh ngộ. Đó là nỗi buồn, nỗi uất hận dồn nén để làm nên những hòn căm chát chứa trong lòng. Một mối, ngao ngán, bất lực! Trong hoàn cảnh đáng thương ấy, hồ đã nghĩ về cuộc sống quá khứ huy hoàng của mình:

Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ
 Thuở tung hoành hồng hách những ngày xưa
 Nhớ cảnh sơn lâm bóng cả cây già
 Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi
 Với khi thét khúc trường ca dữ dội...

Con hồ đã tiếc nhớ về thuở "hồng hách" nơi "bóng cả cây già". Đó là nỗi nhớ đau đáu về nơi rừng thẳm. Nhớ rừng là tiếc nhớ tự do, nhớ về "thời oanh liệt", là nhớ về cái cao cả, chân thực, tự nhiên. Ở chốn nước non hùng vĩ ấy, con hồ đang ngự trị một sức mạnh giữa cuộc đời. Bản lĩnh của một vị chúa sơn lâm luôn thể hiện xứng đáng quyền lực tối cao của mình với sức mạnh phi thường dữ dội. Những gì nó cần phải làm là khiến mọi vật đều phải nể sợ thuần phục. Ở đó, con hồ đã hiện lên với tư thế hiên ngang ngạo nghễ nhưng vẫn toát lên vẻ đẹp oai phong lẫm liệt giữa núi rừng hùng vĩ:

Ta bước chân lên đồng dặc đường hoàng
 Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng
 Vờn bóng âm thầm lá gai cỏ sắc
 Trong bóng tối mất thần khi đã quắc
 Là khiến cho mọi vật phải im hơi
 Ta biết ta chúa tể của muôn loài
 Giữa chốn thảo hoa không tên không tuổi

Vẻ đẹp thật sự của hồ là đây! Từng bước chân, từng tấm thân ,từng ánh mắt đã khơi gợi lên một vẻ vừa dũng mãnh uy nghi vừa nhẹ nhàng uyển chuyển. Trong từng hành động, loài mãnh thú kia đã cho mọi vật thấy được sức mạnh tuyệt đỉnh khiến cho tất cả phải "im hơi". Cuộc sống tự do giữa chốn rừng thẳm mãi mãi là một điều rất cao quý. Ở đó hồ thực sự được hưởng một cuộc sống tươi đẹp mà thiên nhiên đã dành cho. Đó là những thời khắc mãnh hổ đang "say mồi", đang ngắm sự đổi thay của "giang sơn", đang say giấc và đang muốn chiếm lấy riêng "phần bí mật" . Nó đã được thoải mái trong chính giang sơn của mình và khẳng định giá trị thật sự của cuộc sống với những khung cảnh lộng lẫy tươi đẹp nên thơ và cũng đầy sức quyến rũ. Nhưng bây giờ, tất cả cũng chỉ còn là những hoài niệm thuộc về quá khứ. Hổ chẳng bao giờ còn được chứng kiến những cảnh "đêm vàng bên bờ suối", được nhìn thấy cảnh "những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn", được nghe thấy tiếng chim ca, được đắm mình trong cảnh "bình minh cây xanh nắng gội", được đợi chờ "chết mảnh mặt trời" của những chiều "lênh láng máu sau rừng". Những cảnh ấy chỉ để lại trong con hổ những cảm giác tiếc nuối, ngậm ngùi trong sự xúc động mạnh mẽ, dồn dập của những câu hỏi đau đớn xót xa. Nỗi nhớ miên man tuôn trào với cảm xúc về quá khứ tươi đẹp đã khép lại giấc mơ huy hoàng trong một tiếng than thảm thiết:

Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu

Được sống lại với những ký ức tươi đẹp ở chốn núi rừng hùng vĩ, hổ chợt nhận ra sự tầm thường giả dối của những khung cảnh nơi nó đang sống. Trong cái nhìn ngạo nghễ của hổ là những cảnh "không đời nào thay đổi", những cảnh đơn điệu nhàm chán do con người sửa sang và cố đòi "bắt chước". Chúa tể rừng xanh đã tỏ thái độ khinh miệt, chán chường trước những cảnh vật nhỏ bé thấp kém của những sự giả dối nhân tạo. Đó không phải là nơi xứng đáng để sống của một đẳng thống lĩnh. Dẫu có cố gắng sửa sang thì đó cũng chỉ là những "dải nước đen giả suối chẳng thông dòng" len dưới những "mô gò thấp kém", là những "hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng" không có gì là "bí hiểm" "hoang vu". Những cảnh sống nguy tạo ấy khiến cho hổ càng tiếc nhớ chốn "ngàn năm cao cả âm u".

Chán ghét cuộc sống thực tại, ôm niềm uất hận không nguôi, hổ khát khao một cuộc sống tự do mãnh liệt. Tất cả tâm tư tình cảm của hổ đều thuộc về nơi rừng

thăm ngàn năm âm u. Cũng qua đó, chúa sơn lâm đã gửi một lời nhắn tha thiết của mình về núi rừng. Dẫu là đang bị sa cơ nhưng hổ đã không giấu được niềm tự hào khi nói đến chốn "nước non hùng vĩ". Giang sơn ấy là nơi hổ đã có những ngày tháng tươi đẹp, thoả chí vùng vẫy trong không gian riêng biệt thênh thang. Cho dù bây giờ sẽ chẳng bao giờ được sống lại ở những nơi xưa ấy nhưng hổ vẫn không bao giờ thôi nghĩ về "giấc mộng ngàn to lớn". Vị chúa mất ngôi đã khẩn cầu để được mãi sống trong những ký ức, những hoài niệm của những vẻ đẹp một đi không trở lại:

Để hồn ta phảng phát được gần người

Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi

Nỗi lòng của hổ là tâm sự của chàng thanh niên Thế Lữ mơ về cuộc sống tươi đẹp đã qua trong quá khứ. Đó cũng là tinh thần chung của hầu hết các bài thơ của Thế Lữ cũng như trong phong trào Thơ Mới, mang theo khát khao của con người muốn được sống chính là mình.

Nhớ rừng không thể thoát ra khỏi nỗi buồn, "tâm bệnh của thời đại" bấy giờ. Nhưng bài thơ đặc sắc chính bởi vì tạo nên điểm gặp gỡ giữa sự u uất của người dân mất nước và tâm trạng bất hoà bất lực trước thực tại của thế hệ thanh niên trí thức tiểu tư sản. Qua đó khơi lên niềm khát khao tự do chính đáng.

Giàu cảm hứng lãng mạn và cảm xúc mãnh liệt, **Nhớ rừng** đã lan toả một hồn thơ hồi thức và nhiều hình ảnh thơ đầy ấn tượng miêu tả vẻ đẹp hùng vĩ của núi rừng. Thành công của Thế Lữ là đã thể hiện một trí tưởng tượng phong phú khi mượn hình ảnh con hổ trong vườn bách thú để nói hộ cho những tâm sự kín đáo sâu sắc của mình. Qua đó diễn tả nỗi chán ghét cảnh sống tù túng, đồng thời khơi lên tình cảm yêu nước của người dân thuở ấy.

ĐỀ SỐ 8: Phân tích bài thơ "Nhớ rừng" của Thế Lữ để thấy được niềm khao khát tự do mãnh liệt và lòng yêu nước thầm kín mà tác phẩm gợi lên.

BÀI LÀM

"*Mấy vần thơ*" ra đời đã để lại một tiếng vang lớn trên thi đàn văn học Việt Nam trước cách mạng 1945. Thế Lữ - với hồn thơ rộng mở đã thực sự trở thành một trong

những nhà thơ tiêu biểu nhất trong nền thơ mới Việt Nam. Ông là người có công đầu trong việc cắm ngọn cờ chiến thắng cho Thơ mới. Như vầng sao đột hiện ánh sáng chói khắp cả trời thơ Việt Nam, thơ Thế Lữ mang đầy tâm sự thời thế, niềm khao khát tự do mãnh liệt và lòng yêu nước thầm kín. "*Nhớ rừng*" là một bài thơ đẹp và hay như thế.

Trước cảnh đất nước bị ngoại bang thống trị, nhân dân đói khổ lầm than, Thế Lữ và các nhà thơ mới luôn mang trong mình nỗi bất hòa sâu sắc với thực tại xã hội thực dân nửa phong kiến. Họ khao khát được tự do, được khẳng định cái "*tôi*" của mình. Vì vậy, Thế Lữ đã mượn hình tượng con hổ đang bị giam trong vườn bách thú để thể hiện tâm trạng: *căm hờn và khát vọng tự do*:

"Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt

Ta nằm dài trông ngày tháng dần qua".

Hai câu thơ đầu cất lên như tiếng thở dài, như tiếng kêu than của chúa sơn lâm khi bị giam cầm. Từ "*gậm*" được dùng thật đặc sắc, gậm có nghĩa là hành động dùng hai hàm răng gậm nhấm một thứ gì đó từ từ, dần dần. "*Khối căm hờn*" là khối tình cảm uất ức do lâu ngày tích tụ lại thành một khối chưa giải tỏa. Phải chăng đó là sự dồn nén âm ỉ nỗi căm hờn khi mà chúa tể chốn sơn lâm, chốn non nước hùng vĩ đang bị nhốt chặt trong cũi sắt. Hổ đành nằm dài lười biếng, đành buông xuôi bất lực. Cái đáng về bên ngoài đó đối lập hẳn với thế giới nội tâm đang ngùn ngụt những hận thù. Chỉ với động từ "*gậm*" và một danh từ trừu tượng "*khối căm hờn*", tác giả đã khắc họa rõ nét tâm trạng ấy của mãnh hổ. Nó cay đắng khi đường đường là chúa tể chốn non xanh hùng vĩ lại bị nhốt trong cũi sắt và trở thành thứ đồ chơi cho lũ người đáng ghét, ngạo mạn, phải chịu ngang bầy cùng với bọn gấu, báo dở hơi. Trong bi kịch cay đắng, chúa sơn lâm vẫn nhìn chúng bằng cái nhìn coi thường, khinh bỉ:

"Khinh lũ người kia ngạo mạn ngẩn ngơ

... Với cặp báo chuồng bên vô tư lự".

Thật nhục nhã khi bị xuống cấp, bị tầm thường hóa. Thế mới biết: "*Hùm thiêng khi bị sa cơ cũng hèn !*".

Khao khát tự do với mảnh hồ còn là những nỗi tiếc, những hồi ức đẹp về cuộc sống xưa:

"Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ"

Thuở tung hoành hống hách những ngày xưa"

Ước mơ được thoát li khỏi thực tại của hồ đã được Thế Lữ thăng hoa trong những giây phút sống lại những mộng tưởng đẹp đẽ, những huy hoàng của quá khứ. Hai tiếng *"ngày xưa"* nghe thật xa vời, thật mơ hồ như không bao giờ còn trở lại với ông vua rừng xanh cái thời hống hách, nghênh ngang ngày nào.

Nhớ rừng là nhớ đến *"cảnh sơn lâm bóng cả cây già"*, nhớ chốn uy nghiêm, nhớ khúc nhạc rừng hùng tráng, dữ dội:

"Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi"

Với khi thét khúc trường ca dữ dội".

Chữ *"nhớ"* và chữ *"với"* được lặp lại nhiều lần cùng cách ngắt nhịp (4-2-2; 5-5; 3-5; 4-2-2...) biến hóa, cân xứng đã làm nổi lên những nỗi nhớ tiếc không nguôi, nỗi nhớ cồn cào da diết. Sự phong phú về nhạc điệu đã khắc họa đời sống nội tâm của hồ. Bằng biện pháp nhân hóa, gió *"gào"*, giọng nguồn *"hét"* và các từ *"gào, hét, thét"* đã đặc tả khúc trường ca dữ dội của chốn đại ngàn hùng vĩ. Đó cũng chính là cái nền để nhân vật trữ tình xuất hiện trong tư thế oai hùng:

"Ta bước chân lên đồng dục đường hoàng"

... Là khiến cho mọi vật đều im hơi"

Con hồ xuất hiện đầy kiêu hãnh, đường bệ và oai nghiêm. Đầu tiên chỉ thấy một bàn chân, một bước chân đồng dục đường hoàng. Sau đó là một tấm thân dài với những lớp lông có vằn mềm mại chuyển động từng nhịp thật nhẹ nhàng, uyển chuyển trên những đám cỏ sắc. Cái dáng đi ấy như đoạn phim quay cận cảnh, để tôn lên vẻ đẹp của hồ - vị lãnh chúa muôn loài:

"Ta biết ta chúa tể muôn loài"

Giữa chốn thảo hoa không tên không tuổi"

Chữ *"ta"* vang lên đầy kiêu hãnh, tự hào. Những câu thơ sống động giàu chất tạo hình đã diễn tả hình ảnh hồ hiện ra với vẻ đẹp oai phong凛冽 - một vẻ đẹp uy nghi, dũng mãnh. Nhớ về quá khứ, về một thời vàng son nơi núi rừng đẹp lộng lẫy, hùng vĩ, hồ nhớ cảnh *"những đêm vàng bên bờ suối"* hết sức diễm ảo được tắm mình trong ánh trăng lúc say mồi:

"Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối"

Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan"

Với biện pháp ẩn dụ và cách sử dụng những từ ngữ giàu hình tượng, nhà thơ đã khắc hoạ được linh hồn của cảnh vật, tô đậm *"cảm xúc thi sĩ"* của chúa sơn lâm:

"Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn"

Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới"

Trong cảnh những ngày mưa dữ dội, hồ lặng ngắm sự rung chuyển đổi mới của giang sơn. Từ *"lặng ngắm"* chứa đựng cái nhìn đầy chế ngự của đế vương oai vũ. Khi một ngày mới bắt đầu, một rạng đông bừng sáng, khi vạn vật, chim chóc hòa mình trong bản hòa tấu của thiên nhiên thì chúa rừng cũng ru mình trong giấc ngủ tung bừng:

"Đâu những bình minh cây xanh nắng gội"

Tiếng chim ca giấc ngủ ta tung bừng"

Từ *"gội"* nhân hóa cây xanh, khiến cho bức tranh thiên nhiên dẹt một màu vàng mơ mộng của ánh nắng ban mai. Thật đẹp biết bao !

"Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng"

Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt"

Bằng biện pháp tu từ ẩn dụ, và vận dụng những sắc màu của hội hoạ, Thế Lữ đã làm cho câu thơ mang vẻ đẹp tráng lệ và trở nên thú vị hơn. *"Máu"* trong bức tranh này chính là màu của ráng chiều, màu của thời gian, của hoàng hôn. Phép đảo ngữ *"Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt"* và từ *"mảnh"* thể hiện một tâm trạng nghệ thuật, một thời gian nghệ thuật đầy ám ảnh. Những kỉ niệm da diết, giàu chất họa và những câu hỏi tu từ như xoáy sâu trong nỗi nhớ về một thời đã lùi xa, đó chính là

chân dung về mặt tâm hồn của chúa sơn lâm. Nhưng sau tất cả những hoài niệm đẹp ấy, chúa sơn lâm bỗng chợt tỉnh mộng, trở về với thực tại, nơi cũi sắt mà nó đang bị giam cầm. Như một trái núi sụp đổ, hồ cất lời than nghe đau đớn, tuyệt vọng và cay đắng vô cùng:

"Than ôi, thời oanh liệt nay còn đâu ?"

Và cuối cùng, sự ham muốn tự do đến tột đỉnh đã trở thành nỗi uất hận đắng cay:

"Nay ta ôm niềm uất hận ngàn thâu,

Ghét những cảnh không đời nào thay đổi

...

Của chốn ngàn năm cao cả, âm u".

Càng căm uất cho số phận của mình lúc sa cơ thất thế, càng luyến tiếc về một quá khứ oai hùng, lẫy lệt, con hổ càng tỏ thái độ khinh bạc, coi thường cuộc sống tẻ nhạt đang diễn ra xung quanh nó. Hổ nhớ rừng, nhớ những gì mà tạo hóa đã ban tặng, nhớ tất cả những cái chân thực, cao cả hơn cuộc sống của loài người. Chán ghét thực tại, hổ lại càng khao khát được trở về với núi non hùng vĩ để ngự trị sơn lâm, trở về với cuộc sống tự do phóng khoáng tha hồ vùng vẫy, tung hoành:

"Hỡi oai linh cảnh nước non hùng vĩ

... Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi !"

Từ "hỡi" đã đưa tâm trạng bức bối của con hổ lên đến đỉnh cao của thất vọng, bất lực. Không còn cách nào khác, Chúa rừng đành chấp nhận thực tại đau đớn, và chỉ biết thả hồn theo những hoài niệm đã trôi vào dĩ vãng, để được sống lại những giây phút oanh liệt, để xua tan những ngày ảm đạm thê lương khi bị mất tự do. Lời nhắn gửi thống thiết cất lên như một lời thề thủy chung, sắt son thể hiện niềm ham muốn được quay trở về cuộc sống phóng khoáng khi xưa của mãnh hổ.

Bài thơ "Nhớ rừng" không chỉ thể hiện niềm khao khát tự do mãnh liệt mà còn thể hiện lòng yêu nước thầm kín của Thế Lữ. Bối cảnh lịch sử xã hội thời bấy giờ đã tạo điều kiện cho ba dòng văn học xuất hiện đồng thời. Thơ Mới là dòng văn học lãng mạn công khai hợp pháp, vì vậy các nhà thơ chỉ kín đáo bày tỏ nỗi lòng của mình. Và

Thế Lữ đã nhân hóa cao độ hình tượng con hổ trở thành hình ảnh ẩn dụ để gửi gắm tâm sự yêu nước. Đó cũng được coi là một trong những thành công về nghệ thuật đặc sắc của bài thơ.

Mượn nỗi uất ức của chúa sơn lâm khi bị mất tự do "*nằm dài*" trong cũi sắt, Thế Lữ đã âm thầm nói lên hiện tình đất nước thời bấy giờ. Nhân dân ta, dưới sự áp bức đẫm máu của thực dân Pháp đã lâm vào cảnh "*nước mất nhà tan*", phải sống trong ngục tù, trong xiềng xích và sự bóc lột dã man của Pháp. Tâm trạng của hổ có lẽ cũng đồng điệu với bi kịch của nhân dân ta.

Khi những khoảnh khắc đầy ý nghĩa nhất của cuộc đời bỗng ulla về, hổ sung sướng biết bao, tự hào biết bao. Thời oai hùng ấy của chúa sơn lâm cũng gọi quá khứ oai hùng của ông cha ta - một quá khứ đáng để ta biết đến, nhớ đến. Nó đẹp và hùng tráng như chính những kỉ niệm của hổ. Những kỉ niệm thì bao giờ cũng thuộc về quá khứ, hổ đau xót nhận ra trong hiện tại, trong phút giây này, hổ vẫn đang bị giam cầm, bị trở thành thứ đồ chơi. Để rồi, hổ đã cất lên tiếng than uất ức từ tận đáy lòng, một lời vĩnh biệt với quá khứ:

"Than ôi ! Thời oanh liệt nay còn đâu".

Tiếng than ấy luôn tiềm ẩn trong mỗi con người, mỗi cuộc đời đang bị đe dọa từng giờ, từng phút dưới bàn tay của lũ thực dân cướp nước và bọn tay sai. Đó là bi kịch đốn đau!

Trở về với thực tại, hổ cảm thấy chán ghét cuộc sống buồn tẻ, tầm thường nơi vườn bách thú. Thế Lữ đã mượn hình ảnh ấy để nói lên nỗi bất bình trước thực tại của người dân Việt. Đó chính là tuyên ngôn quyết liệt không chịu hòa mình trong thế giới giả tạo, nhảm chán - thế giới không phải của họ.

Với nhạc điệu du dương, với cảnh sắc thiên nhiên tráng lệ, mạch cảm xúc dào dạt, cuộn cuộn cứ dâng trào trong mỗi từ ngữ đã chiếm lĩnh nơi sâu kín nhất cõi tâm hồn bao người. "*Niềm khao khát tự do mãnh liệt và lòng yêu nước thâm kín*" mà Thế Lữ trang trải, gửi gắm là tư tưởng đẹp nhất, sâu sắc nhất của bài thơ kiệt tác "*Nhớ rừng*" mà ta cảm nhận với tất cả say mê.

ĐỀ SỐ 9: Phân tích bài thơ Ông đồ của Vũ Đình Liên.

Sáng tác của Vũ Đình Liên là sự hoà quyện của hai nguồn cảm hứng: “Lòng thương người và tình hoài cổ” (Hoài Thanh). Tình hoài cổ khiến thơ ông có cái băng khuâng tiếc nuối những truyền thống văn hoa mờ nhạt dần, những bi kịch “biết tìm đâu” “cảnh xưa rục rở trăm màu” (Hồn xưa). Còn lòng thương người khiến câu chữ như động cựa bởi nỗi xót xa trước những cảnh “thân tàn ma dại”. “**Ông đồ**”- một trong những bài thơ nổi tiếng của Vũ Đình Liên chính là sự thăng hoa của hai nguồn cảm hứng này. Đây là tác phẩm nói lên thực trạng đáng buồn của một loại hình nghệ thuật vốn là truyền thống đang ngày càng mai một và dần lụi sâu và dĩ vãng. Bài thơ chính là niềm hoài cổ của tác giả với một nét đẹp truyền thống xưa đang dần bị mai một.

Ông đồ được Vũ Đình Liên được sáng tác năm 1936 trong hoàn cảnh nền Hán học đang mất dần vị thế do sự xâm nhập của nền văn hóa phương Tây. Tác phẩm được đăng trên tạp chí “Tinh hoa” và được đánh giá là một trong những tác phẩm xuất sắc thể hiện rõ nét xã hội thời bấy giờ. Bài thơ gợi nhớ đến một nét đẹp văn hóa của người dân Việt Nam đã lụi vào dĩ vãng bằng sự tiếc nuối.

Mở đầu bài thơ, Vũ Đình Liên đã mở ra khung cảnh Tết – thời điểm các ông đồ thường xuất hiện.

Mỗi năm hoa đào nở

Lại thấy ông đồ già

Bày mực tàu giấy đỏ

Bên phố đông người qua

Có lẽ những cái tên xưa sẽ chẳng thể trọn vẹn khi thiếu đi những bức thư pháp của ông đồ. Hình ảnh ấy đã trở nên vô cùng quen thuộc, bởi hàng năm cứ vào đúng thời điểm đó ông đồ già lại xuất hiện với “đồ nghề” của mình là mực tàu và giấy đỏ. Ông đồ giống như sự đánh dấu chuyển giao giữa năm cũ và năm mới. Khi ta thấy ông đồ xuất hiện bên phố cùng với những cánh đào hồng tươi khoe sắc thắm có nghĩa một năm cũ sắp qua đi, năm mới đang tới.

Bức tranh ông đồ được Vũ Đình Liên vẽ ra thật mộc mạc, đơn sơ nhưng đầy trân trọng. Ở đó ta thấy được sự tấp nập người qua lại giữa cảnh ngày xuân, cùng ông

đồ già ngồi bên phố đang vẽ những nét chữ điêu luyện. Bằng cách sử dụng từ ngữ “mỗi”, “lại” ta thấy được sự tuần hoàn của ông đồ. Ông đồ cùng với hoa đào cùng nhau tạo nên vẻ đẹp của ngày tết. Cùng với màu đen của mực tàu, màu hồng của hoa đào, màu đỏ của giấy đỏ đã làm cho bức tranh thêm sống động.

Vũ Đình Liên đã đưa người đọc tìm đến với thời hoàng kim của ông đồ, thời ấy tài năng viết chữ của ông được ngợi khen, thán phục:

Bao nhiêu người thuê viết

Tám tắc ngợi khen tài

Hoa tay thảo những nét

Như phượng múa rồng bay

Vào thời hoàng kim của ông đồ, rất nhiều người thuê ông viết chữ. Họ trân quý những nét chữ của ông và dành cho ông sự kính trọng của một bậc tiền bối. Tài năng của ông được phô diễn qua từng câu đối đỏ, từng nét chữ “*như phượng múa rồng bay*”. Sự so sánh ấy đã thể hiện phần nào sự ngưỡng mộ và tôn trọng của tác giả dành cho ông đồ. Phải là người am hiểu nền Hán học, chữ Nho thì ông đồ mới có thể “sáng tác” ra được những nét chữ tài hoa như vậy.

Những nét chữ uốn lượn tài tình khiến cho người ta mê đắm nét đẹp ấy. Với những người chơi chữ, đằng sau những nét chữ ấy là cả một bức tranh nghệ thuật. Thế nên chơi chữ mới được xem là thú vui thể hiện cốt cách thanh cao của người thưởng thức mà không phải ai cũng có thể chơi. Ông đồ giống như một nghệ sĩ tài ba thực thụ, mỗi nét chữ của ông không chỉ đẹp mà còn có hồn. Vậy nên người ta đến với ông vì thán phục những nét chữ phóng khoáng, đến để thưởng thức cái đẹp.

Nhưng khi nền văn hóa Tây phương du nhập, cũng là lúc thời thế thay đổi khiến ông đồ không còn được ngưỡng mộ như trước nước.

Nhưng mỗi năm mỗi vắng

Người thuê viết nay đâu

Giấy đỏ buồn không thắm

Mực đọng trong nghiên sâu

Những mùa xuân trước, người thuê ông đồ viết chữ đêm không xuể. Ấy thế mà nay đã đi đâu hết? Họ vẫn ở đó, vẫn sấm đào, mai đón tết, nhưng sự xâm nhập của văn hóa phương Tây đã làm cho giá trị truyền thống bị lu mờ, mai một.

Nếu phần trước, tác giả vẽ ra bức tranh xuân tấp nập người qua lại thì ở đây lại là một khung cảnh quạnh hiu, vắng vẻ đến thê lương. Dường như thời gian đã cuốn đi những gì tươi đẹp của quá khứ. Câu hỏi *Người thuê viết nay đâu* vang lên như một lời ai oán, xót xa. Giờ đây, người ta chẳng còn chơi chữ, mua chữ, thay vào đó là những thú chơi của phương Tây. Thế nên cảnh buồn trong tâm hồn đã nhuốm sang cả những vật vô tri vô giác. Đến giấy dó cũng buồn đến mức chẳng còn thấm, màu giấy nhạt dần vì không được viết lên những nét phượng múa rồng bay. Ngay cả thời mực đã mài chờ sẵn ấy cũng chẳng được dùng đến đã đọng lại trong nghiên. Mỗi cảnh vật đều nhuốm màu u uất, thể hiện sự xót xa, thương cảm của nhà thơ về một nét văn hóa lâu đời đang dần bị mai một.

Ông đồ giống như một người lưu giữ văn hóa, lưu giữ cái hồn dân tộc. Dù chẳng còn khách nhưng ông đồ già mỗi năm tết đến xuân về vẫn kiên trì ngồi bên hè phố:

Ông đồ vẫn ngồi đấy

Qua đường không ai hay

Lá vàng rơi trên giấy

Ngoài trời mưa bụi bay

Vẫn là khung cảnh ngày xuân ấy, thế nhưng ở đây lại mang một nỗi u uất đến khó tả. Sự xuất hiện của ông đồ dường như không còn quan trọng trong mắt mọi người nữa. Giờ đây ông như một cái bóng lặng lẽ bên phố chẳng ai hay biết. Dường như ông đồ đã rơi vào quên lãng. Hình ảnh “*qua đường không ai hay*” sao mà xót xa đến vậy. Từng một thời vàng son ai ai cũng ngưỡng mộ, ấy thế mà giờ đây chỉ còn là đống tro tàn.

Sự tàn phai của thời gian còn được thể hiện qua hình ảnh chiếc lá vàng rơi cùng không khí lạnh lẽo và làn mưa lất phất. Toàn bộ khung cảnh giờ đây đã nhuốm

màu tâm trạng. Và ở khổ thơ cuối, Vũ Đình Liên đã bộc lộ nỗi xót xa vô hạn của mình cho một kiếp người, một nét văn hóa:

Năm nay hoa đào nở

Không thấy ông đồ xưa

Những người muôn năm cũ

Hồn ở đâu bây giờ

Tết đến, xuân về, hoa đào vẫn khoe sắc hương, cảnh vật vẫn tuần hoàn. Ấy thế nhưng người ta chẳng còn thấy bóng dáng ông đồ già nữa. Sự vắng bóng của ông là sự mất mát một nét văn hóa cổ xưa làm chúng ta không khỏi tiếc thương. Những người từng mê nét chữ của ông, những người “tám tắc ngợi khen tài” ông đồ đã thay đổi. “Những người muôn năm cũ” ấy không còn nhớ đến những câu đối đỏ viết bằng mực tàu, họ đã thích nghi với nền văn hóa Tây phương. Thế nên những tinh túy của văn hóa truyền thống đã dần bị mai một. Cuối bài thơ một câu hỏi vang lên “Hồn ở đâu bây giờ” như một sự cảm thương, nuối tiếc cho những giá trị truyền thống đã mất.

Thương ông đồ cũng là thương một lớp người đã vĩnh viễn lùi vào quá khứ. Thương ông đồ cũng là xót thương một nền văn hóa lụi tàn dưới ách thống trị của ngoại bang. Sự đồng cảm xót thương của Vũ Đình Liên đối với ông đồ đã trang trải và thấm sâu vào từng câu thơ, vần thơ. Thủ pháp tương phản, kết hợp với nhân hóa, ẩn dụ, đã tạo nên nhiều hình ảnh gợi cảm, thể hiện một bút pháp nghệ thuật điêu luyện, đậm đà.

Bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên ta thấy được nét bút sắc sảo cùng giọng thơ đầy tính nghệ thuật. Ở đó, ta cảm nhận được sự trân trọng của nhà thơ đối với một nét văn hóa cũ của dân tộc. Đó là tiếng lòng của nhà thơ, cũng là tiếng lòng của bao thế hệ, là xót xa về sự mai một của những giá trị truyền thống. Bài thơ “Ông đồ” còn chứa chan tinh thần nhân đạo. “Theo đuổi nghề văn mà làm được một bài thơ như thế cũng đủ. Nghĩa là đủ lưu danh với người đời” (Hoài Thanh). Đó là những lời tốt đẹp nhất, trân trọng nhất mà tác giả “Thi nhân Việt Nam” đã dành cho Vũ Đình Liên và bài thơ kiệt tác “Ông đồ”.

ĐỀ SỐ 10: Có ý kiến cho rằng: "Cảm hứng trong thơ Vũ Đình Liên là lòng thương người và niềm hoài cổ". Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ ý kiến đó qua bài thơ *Ông đồ*.

BÀI LÀM

Có những người cả sự nghiệp cầm bút chỉ thực sự sáng tác và lưu danh với một tác phẩm nhưng đó là sự kết tinh đẹp đẽ nhất mà họ có được. Vũ Đình Liên và bài thơ *Ông đồ* là một trường hợp như thế. "*Hai nguồn thi cảm lớn nhất của người là lòng thương người và tính hoài cổ. Có một lần hai nguồn cảm hứng ấy đã gặp nhau và để lại cho chúng ta một bài thơ kiệt tác: Ông đồ*". Hoài Thanh đã nhận xét như thế trong "*Thi nhân Việt Nam*".

Nói như vậy nghĩa là Vũ Đình Liên cũng viết về những đề tài quen thuộc cùng nhiều thi sĩ thơ mới khác như thiên nhiên, tình yêu... Nhưng thơ ông chủ yếu bắt nguồn từ tấm lòng nhân ái yêu thương những con người khốn khổ bên cạnh mình, bắt nguồn từ nỗi niềm hoài cổ thâm trầm, u tịch. Ông đã viết nên kiệt tác *ông đồ* từ cả hai nguồn thi cảm vốn riêng biệt ấy.

Nhận định trên hoàn toàn xác đáng. Trước hết, "*Ông đồ*" là bài thơ dạt dào tình thương. Hai khổ thơ đầu tả lại khung cảnh xưa, thời chữ Nho còn được trọng vọng với "thuê viết, tấm tắc ngợi khen tài". Góc phố ông ngồi thật đông vui nhộn nhịp, tràn ngập không khí hân hoan khi Tết đến xuân về. "Mỗi năm Lại thấy...". Bên cạnh đào sự xuất hiện đều đặn của ông như đã trở thành một thông lệ quen thuộc, tất yếu của ngày xuân trong tâm trí mỗi người. Nhưng "mỗi năm mỗi vắng". Hình ảnh tươi vui người người đến mua chữ dần dần phai nhạt. Quanh ông đồ giờ đâu phải là sự mến mộ và quý trọng mà chỉ còn nỗi xa vắng mênh mông. Một câu hỏi tu từ buồn bã cất lên trong lòng tác giả: "Người thuê viết nay đâu?". Sao mà ngẩn ngơ, mà ngậm ngùi thương cảm đến vậy. Nỗi niềm ấy truyền sang cả những vật vô tri vô giác: "Giấy đỏ buồn không thắm - Mực đọng trong nghiên sầu". Các động từ "đọng" và "không thắm" mang lại một âm sắc sầu não, chán chường. Nghệ thuật nhân hóa càng gọi lên sự cô đơn hiu hắt của ông đồ. Giấy hồng điều, mực Tàu là những thứ hết sức thân quen và gắn bó với các nhà Nho, nay chịu chung cảnh bơ vơ khi đạo Khổng tàn lụi. Những tình cảm trong câu thơ thật chân thành và sâu sắc. Vũ Đình Liên chỉ cảm nhận nỗi buồn thương nào nề ấy hay phải chăng ông đã nhờ giấy mực nói hộ cho lòng

mình ? Lời thơ tưởng chỉ là một câu chuyện kể trầm lắng nhưng nén đọng một tiếng thở dài đến nỗi lòng. Tuy nhiên, đến khổ thơ thứ tư thì nhà thơ đã phải chua xót thừa nhận: "Ông đồ vẫn ngồi đó, qua đường không ai hay...". Ông chỉ còn là cái bóng âm thầm lặng lẽ trên hè phố trong sự thờ ơ của người đời. Ông đã biến mất, đã không còn tồn tại dưới con mắt nhân gian. Họa chăng nỗi đau của ông tỏa được đến không gian xung quanh: "Lá vàng rơi trên giấy, ngoài trời mưa bụi bay". Những tờ giấy ngày nào in nét chữ "như phượng múa rồng bay" giờ chỉ còn lá rụng.

Chiếc lá vàng sao buồn thế ! Hình ảnh của nó trong mùa xuân của lộc non chồi biếc cũng lạc lõng như bản thân ông đồ vậy. Thiên nhiên, thời gian, con người đều trong trạng thái "động". Riêng mọi thứ về ông đều gắn với "ngưng đọng" và nhòa dần đi trong làn mưa bụi lạnh lẽo thê lương. Khổ thứ tư được tác giả phối hợp các dòng thơ có nhiều thanh bằng và cách hiệp vần rất chỉnh của thể thơ ngũ ngôn nên đã diễn tả được nhạc điệu buồn thương ngân vang dần trải. Hãn Vũ Đình Liên phải có một tâm hồn đầy chia sẻ và cảm thông, thậm chí là đồng điệu với nhân vật trữ tình của tác phẩm mới có thể viết nên những câu thơ có hồn như vậy. Vòng tuần hoàn Vĩnh cửu của thời gian cứ lạnh lùng lặp lại song đời người thì hữu hạn. "Năm nay đào lại nở, không thấy ông đồ xưa". Ông đã vĩnh viễn biến mất. Chỉ còn nhà thơ với nỗi thăng thốt và khắc khoải ngậm ngùi. Vũ Đình Liên không còn nén nỗi nước mắt dưới lời thơ tự sự nữa mà nỗi đau đã tràn lên câu chữ: "Những người muôn năm cũ, hồn ở đâu bây giờ?" Nhà thơ tự hỏi chính mình trong nỗi xót xa âm thầm. Âm hưởng của lời thơ không chỉ có xót thương một số phận con người mà rộng hơn, là thương cho cả một lớp người: các nhà nho danh giá xưa kia, nay bị lãng quên trong dòng chảy cuộc đời. Đọc những vần thơ như vậy nên chúng ta sao có thể đứng đưng không chút rung động? Một thi phẩm bình dị mà cảm động biết bao!

Từ hơn hai nghìn năm nay, đạo Nho đã thực sự thành một phần quan trọng không thể phủ nhận trong văn hóa, xã hội và nhất là nền thơ ca trung đại nước Việt ta. Nó đã đồng hành với dân tộc ta qua bao thăng trầm của lịch sử. Chữ Nho và đạo Nho được thừa nhận là văn tự, là đạo học chính thức trong thi cử, trong tất cả văn bản quan trọng của triều đình. Cơ sở xã hội và thể chế nhà nước, thậm chí cả những chuẩn mực đạo đức con người cũng được xây dựng từ nền tảng Khổng giáo.

Những tưởng chúng ta sẽ không thể từ bỏ những gì đã ăn sâu bén rễ trong tâm thức bao thế hệ dân tộc. Nhưng đầu thế kỉ XX, làn gió "Văn minh Âu hóa" ồ ạt thổi tới từ

nước Pháp xa xôi đã thay đổi cả những giá trị cơ bản nhất của đời sống xã hội Việt Nam. Đồng thời chúng ta có chữ quốc ngữ, một thứ chữ của riêng chúng ta, ghi chính xác âm tiết tiếng Việt, dễ học, dễ sử dụng. Tất cả những điều ấy tàn phá thành trì Nho học kiên cố vững vàng cả nghìn năm. Vũ Đình Liên viết tác phẩm "Ông đồ" trong hoàn cảnh ấy, hẳn còn để thể hiện nỗi nhớ tiếc một nền văn hóa xưa. Chính nhà thơ cũng đã cho rằng "Ông đồ chính là cái di tích đáng thương của một thời tàn". Đọc lại toàn bài thơ, ta sẽ thấy điểm nhìn của tác giả vốn ở hiện tại: "Năm nay". Từ hiện thực không còn hình ảnh ông đồ trong ngày Tết, nhà thơ ngược dòng hoài niệm về quá khứ Vàng son trước đây, khi ông đồ còn được ngưỡng mộ và kính trọng rồi xuôi theo tháng năm. mọi người dần thờ ơ và quên lãng ông. Hai câu thơ cuối cùng thể hiện rõ nhất tâm sự hoài cổ ấy: "Những người muôn năm cũ" là ai ? Đó là thế hệ những nhà nho - biểu tượng của nền Nho học vang bóng một thời nay đã trở thành quá khứ xa cũ. "Hồn" là tâm huyết, tài hoa, là tinh thần của họ giờ sót lại nơi đâu ? Nhớ tiếc cả một lớp người, một truyền thống dân tộc, một nền văn hóa. Lòng thương người là nguồn cảm hứng nằm ở bề nổi của bài thơ, nằm ở bề sâu chính là niềm hoài cổ.

Nguyễn Nhược Pháp cảm nhận "Ngày xưa" đầy chất thơ duyên dáng hóm hỉnh. Con hổ của Thế Lữ thì chán ghét, căm thù thực tại, nhớ mong một quá khứ oai hùng đầy quyền uy. Chế Lan Viên dựng nên một thế giới Chàm cổ xa hoang tàn, kinh dị và ghê rợn niềm hoài cổ của Vũ Đình Liên là nỗi nhớ tiếc những truyền thống văn hóa đang phai mờ, là những bi kịch nhẹ nhàng mà sâu sắc" (GS. Đỗ Đức Hiểu). Kết tinh của hai nguồn thi hứng tuyệt vời như thế, "Ông đồ" xứng đáng một kiệt tác!

Hoài Thanh quả đã không hề sai khi nói về Vũ Đình Liên và "Ông đồ" trong "Thi nhân Việt Nam" như vậy... Bài thơ khiến bao bạn đọc phải rơi nước mắt cho một số phận, một dấu tích văn hóa lụi tàn, nhưng đồng thời lại thấy chút xót xa ân hận vì chính mình đã từng hắt hủi đạo Nho. May thay, thư pháp Hán tự đang được khôi phục lại nhờ những con người đầy nhiệt huyết. Trong đó, hẳn có không ít người từng là độc giả của "Ông đồ". Tác phẩm ấy chắc chắn sẽ làm xao xuyến trái tim nhiều thế hệ người Việt Nam.

ĐỀ SỐ 11: Phân tích bài thơ “ Quê hương” của Tế Hanh.

BÀI LÀM

Nhà thơ Thanh Thảo có đôi lời nhận xét về nhà thơ Tế Hanh rằng: “Ngay từ lúc xuất hiện trong phong trào Thơ Mới, thơ Tế Hanh đã là hiện tượng vì sự mộc mạc, chân thành, vì sự trong trẻo, giản dị như một dòng sông”. Nếu đề nói về vị trí của ông trong thơ Mới thì ta có thể dùng hai từ “bình lặng”, hồn thơ ông không bật lên mạnh mẽ như cái cuồng nhiệt, say mê của Xuân Diệu, cũng không đủ kỳ dị, điên cuồng như Hàn Mặc Tử, không gây ấn tượng sâu sắc bởi sự “quê mùa” của Nguyễn Bính, và cũng chẳng có cái buồn thiên thu của Huy Cận... Đến với Tế Hanh, ta bắt gặp một hồn thơ mang một vẻ đẹp non tơ, trong trẻo khác lạ. Điều đó được thể hiện rõ trong bài thơ "Quê hương". Đây chính là một trong những sáng tác nổi bật nhất của ông trên thi đàn Việt Nam lúc bấy giờ, dấu rằng sau này ông có nhiều tác phẩm hơn nữa nhưng khi nhắc Tế Hanh người ta vẫn không quên nhắc về “Quê hương”.

Mở đầu bài thơ Quê hương chính là lời đề từ do cha của Tế Hanh viết “Chim bay dọc biển mang tin cá”, lời đề từ ấy đã khái quát một cách chung nhất về cuộc sống gắn bó với miền sông nước, với hơi thở mặn mòi của biển cả trong cuộc sống của những người dân làng chài nơi quê hương Quảng Ngãi của tác giả. Để giới thiệu về quê hương của mình Tế Hanh đã dùng một giọng thơ rất dịu dàng, ấm áp như là lời kể, lời tự sự đầy yêu thương rằng:

“Quê hương tôi vốn làm nghề chài lưới

Nước bao vây cách biển nửa ngày sông”

Từ hai câu thơ ấy người đọc cũng đã dần hình dung ra những đặc điểm của làng chài quê hương tác giả, đó là một nơi với công việc đánh bắt quan năm, vốn quen thuộc với biển cả. Cũng gợi ra dáng hình của quê hương với đặc điểm địa hình đặc biệt “nước bao vây”, tựa như một cù lao nổi lên giữa sóng nước mênh mông, và khoảng cách địa lý được đo đếm bằng thời gian “cách biển nửa ngày sông”, rất đậm lời nói của người vùng sông nước.

Và nói về một miền quê nghèo làm nghề chài lưới thì người ta không thể kể thiếu cái cảnh giương buồm ra khơi của dân làng, mà trong đôi mắt tinh tế, nhạy bén, cùng với nỗi lòng tha thiết sâu nặng với quê hương cảnh ra khơi đã được diễn tả một cách vô cùng sống động và đẹp đẽ.

“Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng,

Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá:

Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã

Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang.

Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng

Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...”

Đó là một khung cảnh tuyệt đẹp thời tiết vô cùng thuận lợi, tựa như cái ôm ấm áp của người mẹ thiên nhiên dành cho những đứa con của mình trước khi bước ra biển lớn. “Trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng” là những nét vẽ mang màu sắc hứng khởi, cảm xúc lãng mạn tràn ngập, khởi đầu cho công cuộc ra khơi của ngư dân được thuận lợi. Ta có thể lý giải hình ảnh “trời trong” tức là cảnh trời quang mây tạnh, không có mưa gió bão bùng, vốn là những thứ mà người ngư dân e ngại, “gió nhẹ” là thứ gió vừa đủ căng buồm, đẩy thuyền ra khơi, còn “sớm mai hồng” gợi ra khí sắc ấm áp của thời tiết, đồng thời gợi ra khung cảnh bình minh tươi đẹp là thời điểm dân chài chuẩn bị ra khơi. Sau hình ảnh thiên nhiên đó chính là hình ảnh con người được gợi ra trong câu thơ “Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá”. Thú thực rằng, khi nhắc về người ngư dân cái người ta thường tưởng tượng ra ấy là sự lam lũ vất vả, con người với nước da đen nhẻm, mang đậm hơi thở mặn mòi của muối, của gió khơi xa. Thế nhưng bước vào thơ Tế Hanh người ngư dân đã được nhìn với đôi mắt đầy yêu thương, trìu mến, nổi lên với vẻ đẹp khỏe khoắn, tràn đầy sức sống trong lao động. Cụm “dân trai tráng” dễ khiến người ta liên tưởng đến những chàng trai sức vóc vạm vỡ, cơ bắp cuồn cuộn nắm chặt mái chèo, với tinh thần hứng khởi lao động, dưới ánh ban mai rực rỡ. Có thể nói rằng bút pháp lãng mạn của chàng trai trẻ có nhiều rụt rè như Tế Hanh trong bài thơ Quê hương đã được vận dụng một cách tinh tế và giản dị, chỉ với đôi nét vẽ nhưng người đọc đã khái quát được cả vẻ đẹp tuyệt vời của bức tranh lao động bên biển cả. Và ấn tượng hơn cả vẫn là câu “Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã/ Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang”, Tế Hanh sử dụng biện pháp tu từ so sánh thông dụng nhất trong thi ca để diễn tả ra cái khí thế trong lao động của người dân mà chiếc thuyền chính là hình ảnh đại diện cho hàng chục ngư dân đang hướng về biển khơi. Ở đây ta có thể hiểu rằng công cuộc đánh bắt ngoài biển khơi, dù là kẻ sinh nhai nhưng nó cũng chẳng khác nào việc người lính ra chiến trận cả, họ vẫn

luôn phải đối đầu với những nguy hiểm nhất định, và đều phải lao động, phải chiến đấu hết mình để giành được kết quả tốt nhất. Nếu với người ngư dân thì chiếc thuyền là phương tiện di chuyển thì người lính chiến có con tuấn mã bên mình. Nói “Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã” trước là để chỉ khí thế hăng hái khi vượt biển ra khơi của người dân, thứ hai còn là để chỉ sự mạnh mẽ, kiên cường, vẻ đẹp kiêu hùng của người dân trong lao động sánh ngang với những người lính chiến khi bước ra sa trường, ở họ luôn có vẻ hiên ngang, kiêu hãnh, và lòng quyết tâm sâu sắc. “Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang” chính là sự miêu tả quá trình lao động của người ngư dân, tác giả sử dụng động từ mạnh “phăng” để thể hiện sức mạnh và tầm vóc của con người trong lao động, “trường giang” tức là con sông dài, rộng lớn, thế nhưng khi vào thơ của Tế Hanh thì nó lại trở thành bộ phóng cho tầm vóc kỳ vĩ của con người. Bởi dẫu sông có dài cũng chẳng giữ được bước chân, mái chèo của người ra khơi.

Tiếp theo cho phân cảnh ra khơi này chính là hai câu “Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng/Rướn thân trắng bao la thâu góp gió”, được xem là điểm nhấn nghệ thuật của toàn bài thơ, khẳng định tài năng và cách hình dung tinh tế về quê hương của Tế Hanh. Nhà phê bình văn học Hoài Thanh đã từng viết: “Tế Hanh là một người tinh lắm, Tế Hanh đã ghi được đôi nét rất thần tình về cảnh sinh hoạt chốn quê hương. Người nghe thấy được cả những điều không hình sắc, không thanh âm như mảnh hồn làng, trên cánh buồm giương... Thơ Tế Hanh đưa ta vào một thế giới rất gần gũi thường ta chỉ thấy mờ mờ...”. Và ở đây rõ ràng rằng chúng ta đã thấy tác giả vẽ nên mảnh hồn làng, mảnh hồn quê hương bằng một cánh buồm trắng, lấy cái trừu tượng đem so với cái hữu hình, thế nhưng nó lại hợp lý và độc đáo đến bất ngờ. Nếu hỏi rằng để đại diện cho cái hồn quê của một làng chài thì nên lấy gì làm đặc trưng cho hợp lý, tấm lưới, con thuyền, con người hay một cái gì đại loại như thế. Nhưng chỉ riêng cánh buồm trắng ấy là đủ sức đại diện, có buồm là có thuyền, có con người, có hoạt động đánh bắt, hơn thế nữa có vẻ rằng cánh buồm vẫn mang trong mình một cái gì đó lãng mạn mà mang tính biểu tượng hơn cả. Thế nên Tế Hanh mới chọn nó để làm nơi gửi gắm hồn làng, hồn quê hương, cánh buồm theo ngư dân đi đánh cá, nó mang theo trong đó là nỗi nhớ, nỗi mong chờ tha thiết của những người ở lại, là lời nhắc nhở, gọi nhớ của quê hương sâu nặng đối với những người ra đi. Và dĩ nhiên rằng cánh buồm không chỉ mang tính biểu tượng, mà bản thân nó dường như cũng có

linh tính, cũng cố gắng góp công góp sức trong công cuộc lao động của người ngư dân như một cách thể hiện tình cảm, sự ủng hộ của quê hương qua hình ảnh “rướn thân trắng bao la thâu góp gió”. Điều đó đã gợi ra trong tâm hồn độc giả sự đoàn kết trong công cuộc lao động của người dân làng chài, họ phối hợp một cách nhịp nhàng tuần tự với nhau trong công việc đánh bắt, biết rõ và làm thật tốt công việc của mình. Họ gắn bó với nhau không chỉ trong hoạt động mà còn là trong tâm hồn, đến mức cả một vật vốn vô tri cũng cảm nhận được mà chúng tay góp sức tạo thành quả.

Sau cảnh ra khơi tràn đầy hăng hái, phần khởi chính là cảnh dân làng đón thuyền trở về trong không khí vui mừng náo nhiệt, hạnh phúc trước những thành quả đạt được sau tròn một ngày lao động cật lực.

“Ngày hôm sau, ồn ào trên bến đỗ
Khắp dân làng tấp nập đón ghe về
Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe
Những con cá tươi ngon thân bạc trắng.”

Cả đoạn thơ đem đến cho người đọc những cảm tưởng về sự ấm no, yên vui trong khung cảnh “ồn ào”, “tấp nập”. Và không quên đi truyền thống ân tình, ân nghĩa họ thâm biết ơn mẹ thiên nhiên đã nuôi dưỡng và ban cho “những con cá tươi ngon thân bạc trắng”, đã lặng lẽ, bao dung tạo điều kiện thuận lợi cho ngư dân được lao động, đánh bắt, cho họ một cuộc sống ấm no, đủ đầy và bình yên bên biển cả yêu thương.

“Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng
Cả thân hình nồng thở vị xa xăm
Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm
Nghe chát muối thấm dần trong thớ vỏ”

Một lần nữa hình ảnh người dân làng chài lại được Tế Hanh tái hiện, cũng với cái vẻ khỏe khoắn với “làn da ngăm rám nắng” thế nhưng vẻ đẹp độc đáo của họ còn được tô điểm bằng một cái mùi “nồng thở vị xa xăm”. Chẳng biết rằng Tế Hanh cảm nhận được cái mùi ấy bằng cách nào, thế nhưng có lẽ đó chính là cái vị mặn mòi của muối biển cùng với hơi thở của khơi xa đã làm nên một cái vị rất riêng thấm đẫm vào tận

trong tâm hồn, trong cốt cách mỗi người ngư dân mà Tế Hanh đã tinh tế định nghĩa là “vị xa xăm” ấy. Để dựng lên hình tượng người ngư dân đậm phong vị biển cả với vẻ đẹp khỏe khoắn, mạnh mẽ nhưng cũng không kém phần lam lũ vất vả trong công cuộc mưu sinh. Bên cạnh trạng thái của con người, thì Tế Hanh cũng rất tinh ý khi quan sát và suy ngẫm về con thuyền sau buổi ra khơi dài đằng đẵng. Trong mắt nhà thơ, thuyền cũng có sinh mạng có tâm hồn như con người vậy, cũng biết mệt mỏi, cũng cần được nghỉ ngơi sau mỗi lần lao động mệt nhọc để hồi sức. Và những khi như thế con thuyền đâu chỉ nằm im mà nó còn dường như có giác quan, biết nghe biết cảm nhận vị muối của quê hương thấm dần vào từng thớ vỏ, đang lặng lẽ ngẫm nghĩ về những chuyến khơi xa, những lần vượt muôn trùng sóng biển đầy kỷ niệm gắn bó. Có thể thấy rằng Tế Hanh là một nhà thơ rất tinh tế và nhạy cảm, tầm mắt của ông không chỉ dừng ở con người mà nó còn nằm ở cả sự vật ông dành tình cảm yêu thương trân trọng cho con người quê hương, cũng dành ánh mắt thông cảm, thấu hiểu, thậm chí là vẽ lên vẻ đẹp tâm hồn cho từng sự vật. Khiến người ta cảm thấy rằng bức tranh quê hương của Tế Hanh dù dựng vào bất cứ chỗ nào cũng đều thấm đẫm tình cảm, đều thấm đẫm hồn quê.

“Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ

Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi

Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi

Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá”

Bốn câu thơ cuối có thể xem là lời tổng kết của nhà thơ về những nét chính của quê hương đã in sâu trong trí nhớ, nào là “nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi”, con thuyền ra khơi và cả cái mùi “nồng mặn” đặc trưng của biển cả. Tất cả đều gợi lên trong lòng tác giả, một người con xa quê nỗi nhớ thương tha thiết, nhớ những gì đã gắn bó với nhà thơ trong gần hai mươi năm cuộc đời êm ả, dẫu có vất vả, nghèo nàn, lam lũ thế nhưng quê hương là một cái gì đó rất thiêng liêng, mà ai đi xa cũng chỉ mong một lần trở về, để được quê hương dịu dàng, ôm ấp, vỗ về sau những sóng gió cuộc đời.

Quê hương là tác phẩm được sáng tác trong giai đoạn đầu khi tác giả mới bước vào làng thơ, thế nhưng khác với cái vẻ ngoài rụt rè, nhút nhát của mình, khi viết về

quê hương Tế Hanh đã viết thật nồng nàn, thật cảm xúc, sẽ chẳng ai nghĩ rằng một bài thơ đầy yêu thương, tha thiết sâu nặng tựa như nỗi lòng của một người xa xứ lâu năm ấy lại đến từ ngòi bút của thanh niên chưa chạm ngưỡng đôi mươi. Có lẽ làm được điều ấy là bởi Tế Hanh bẩm sinh đã là người tinh tế, có đôi mắt nồng nàn đặc biệt, có tấm lòng thiết tha sâu nặng với những gì thuộc về quê hương, về đất nước, những thứ giản dị và mộc mạc như chính tâm hồn ông vậy.

ĐỀ SỐ 12 : Phân tích tình yêu quê hương đất nước qua bài thơ “Quê hương” của nhà thơ Tế Hanh.

BÀI LÀM

Quê hương, hai tiếng vang lên thật ngọt ngào, da diết biết bao. Nó đánh thức trong mỗi con người tình yêu thương thiêng liêng, cháy bỏng với một miền quê – nơi mình sinh ra, trưởng thành. Tình yêu đó đã được hoá thân vào những bản nhạc du dương, những bức tranh tươi sắc màu và đặc biệt hoá thân vào những vần thơ chan chứa bao cảm xúc. “Quê hương” của nhà thơ Tế Hanh là một trong số những vần thơ như thế, những vần thơ có sức lay động lòng người, thể hiện tình yêu quê hương bất diệt.

“Quê hương” dù được sáng tác vào những năm đầu khi Tế Hanh chập chững đặt những dấu chân đầu tiên trên thi đàn Việt Nam, cụ thể là trong phong trào Thơ Mới thế nhưng bản thân tác phẩm đã đem đến những nguồn cảm xúc mới lạ, đồng thời cũng thể hiện được cái tài năng và duyên đặc biệt của nhà thơ đối với quê hương, một khái niệm rất đối thân thuộc nhưng không phải nhà thơ nào cũng đủ tinh tế để viết về nó một cách mềm mại và sâu sắc. Khi nhận định về Tế Hanh và “Quê hương”, Hoài Thanh đã viết rằng: “Tế Hanh là một người tinh lắm, Tế Hanh đã ghi được đôi nét rất thần tình về cảnh sinh hoạt chốn quê hương. Người nghe thấy được cả những điều không hình sắc, không thanh âm như mảnh hồn làng, trên cánh buồm giương... Thơ Tế Hanh đưa ta vào một thế giới rất gần gũi thường ta chỉ thấy mờ mờ...”. Mà sở dĩ có được ánh nhìn sâu sắc như vậy cũng bởi ông có sẵn một tâm hồn tha thiết sâu nặng với cuộc đời với quê hương và đất nước.

Mở đầu bài thơ, tác giả giới thiệu với người đọc về quê hương dấu yêu của mình :

Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới:

Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông.

Chỉ qua hai câu thơ ngắn gọn, Tế Hanh đã cho người đọc biết đến một vùng quê ven biển, với “nghề chài lưới”. Cách gọi “làng tôi” thật dân dã, thân mật, khiến câu thơ không giấu nổi niềm cảm xúc tự hào. Nhà thơ đã đặc tả cụ thể vị trí của làng “Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông”. Ngôi làng hiện ra như một hòn ngọc giữa màu xanh trong của nước biển. Cách đo thời gian bằng không gian “nửa ngày sông”, không gian của sông nước thật độc đáo tạo cho người đọc ấn tượng mạnh mẽ về vùng quê chài lưới thanh bình, tươi đẹp. Vùng quê đó càng trở nên đẹp hơn, như một bức tranh tươi màu sự sống khi tác giả đặc tả cảnh dân chài ra khơi vào một buổi “sớm mai hồng” :

Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng

Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.

Cả một khung cảnh bao la của vùng biển như được tác giả tái hiện qua câu thơ : “Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng”. Tất cả hiện lên ở vẻ đẹp viên mãn, tràn đầy nhất. Các tính từ “trong, nhẹ, hồng” đã tuyệt đối về đẹp của tạo hoá. Đặc biệt vẽ ra bức tranh bình yên của vùng biển rộng lớn. Đó không phải là ngày biển ào ào đông tố mà là một ngày biển lặng, sóng êm. Câu thơ ngắt nhịp 3/2/3, với âm bằng chiếm chủ yếu phải chăng thể hiện những con sóng dạt dào vỗ vào bờ ? Nổi bật lên giữa thiên nhiên đó là hình ảnh con thuyền ra khơi căng tràn sự sống :

Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã

Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang.

Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng

Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...

So sánh độc đáo “chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã”, giàu sức gợi tả, thể hiện sức mạnh không gì ngăn nổi của những chiếc thuyền ra khơi. Bên cạnh đó tác giả sử dụng biện pháp đảo ngữ, đưa các động từ, tính từ đặc tả sức mạnh lên đầu câu : “phăng mái chèo”, “mạnh mẽ vượt”, một lần nữa khẳng định những chiếc thuyền mang trên mình sức mạnh như vũ bão. Câu thơ mở ra một khung cảnh ra khơi hùng tráng, mỹ lệ. Khung cảnh đó càng trở nên kì vĩ hơn với hình ảnh :

Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng

Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...

Lấy cái hữu hình so sánh với cái vô hình, tác giả như muốn huyền thoại hoá, mang màu sắc linh thiêng thổi hồn vào cánh buồm. Cánh buồm là nơi chứa đựng bao ước

mơ, khát vọng của người dân làng chài vì thế nó cũng giống như hồn vía của ngôi làng. Tế Hanh đã sử dụng từ ngữ miêu tả rất tinh tế : “cánh buồm giương to” chứ không phải “cánh buồm trương to”. Nếu “trương to” thì thật trần trụi, thô ráp, chỉ gọi độ rộng. Còn “giương to” vừa thể hiện sự rộng lớn vừa thể hiện xu hướng tiến về phía trước, đồng thời cũng đầy linh thiêng. Cánh buồm như kiêu hãnh hơn, mạnh mẽ hơn với hình ảnh : “Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...”. Động từ “rướn” diễn tả tư thế vươn mình tiến lên được đặt đầu câu nhấn mạnh sự chủ động. Cánh buồm như vươn mình ra xa để thu hết những luồng gió, để tăng thêm sinh lực, mạnh mẽ vượt qua các con sóng lao ra khơi xa. Đoạn thơ miêu tả cảnh ra khơi chỉ gồm sáu câu nhưng đã lột tả được cái thần, cái chất của khung cảnh tráng lệ. Các câu thơ luôn kết thúc với âm mở : a, ang, o,... như mở ra một đại dương bao la, đầy hứa hẹn những mẻ cá đầy, nơi mà con thuyền đang hướng tới. Có lẽ trpn văn đàn Việt Nam hiếm có cuộc ra khơi nào mà lại được miêu tả một cách hùng tráng, kì vĩ, thấm đượm chất biển như trong thơ Tế Hanh, ông đã viết về quê hương dấu yêu với cả tình yêu quê hương tha thiết, dạt dào.

Sức hấp dẫn của những vần thơ viết về quê hương của Tế Hanh không chỉ dừng lại ở việc miêu tả cảnh vật vùng biển kì vĩ mà hồn thơ Tế Hanh còn dành tình yêu đặc biệt với những người dân vạn chài nơi đây. Ông viết về họ với tất cả niềm tự hào, hứng khởi:

*Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng,
Cả thân hình nồng thở vị xa xăm ;
Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm
Nghe chát muối thấm dần trong thớ vỏ.*

Sau một ngày ra khơi, đoàn thuyền trở về trong sự đón đợi của dân làng “khấp dân làng tấp nập đón ghe về”. Cách gọi có sự đổi thay, từ những “chiếc thuyền” chuyển sang “ghè” mang đậm tính địa phương vùng biển, người đọc hiểu rằng trong từng câu chữ đều thấm đượm một tình yêu cháy bỏng. Hình ảnh “Những con cá tươi ngon thân bạc trắng” báo hiệu một chuyến ra khơi tốt đẹp và càng tô thêm sức sống cho bức tranh vùng vạn chài. Nổi bật lên trên nền bức tranh đó là những người dân chài. Tế Hanh đã chọn lọc những nét tiêu biểu, đúng chất nhất để nói về người dân quê mình. Đó là những con người khoẻ khoắn, rắn rỏi với “làn da ngăm rám nắng”, làn da đã trải qua bao sương gió. Họ là những con người lao động thực sự. Đặc biệt, nhà thơ đã

nói lên nét đặc trưng của người miền biển với hình ảnh giàu sức gợi cảm : “Cả thân hình nồng thở vị xa xăm”.

Những chàng trai chài lưới hiện lên mang vẻ đẹp kì vĩ, cường tráng sánh ngang với thiên nhiên, vũ trụ. Ở họ có nét đẹp của con người đã hiên ngang chinh phục thiên nhiên. “Vị xa xăm” là vị vô hình, vị của lao động miệt mài, vị của thiên nhiên hoà lẫn với con người. Hình ảnh vừa thực mà vừa lãng mạn, đầy chất thơ. Có lẽ chất muối của biển không chỉ thấm vào những con thuyền, thấm vào những người dân chài mà đã thấm đượm cả trang thơ Tế Hanh. Hình ảnh quê hương trong dòng hồi tưởng của nhà thơ khép lại với hình ảnh bình yên : “Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm – Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ”. Dù là “bến mỏi” nhưng không gợi nên sự rã rời, mệt mỏi mà ở đó là sự nghỉ ngơi thư thái chuẩn bị cho một chuyến ra khơi lại sắp sửa.

Bài thơ kết thúc trong nỗi nhớ quê hương khôn nguôi của người con xa xứ :

*Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ
Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,
Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,
Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá*

Quê hương vạm vỡ yêu dấu với khung cảnh tráng lệ, với nhịp sống căng tràn mà bình yên sẽ mãi là hình ảnh in đậm trong tâm trí nhà thơ : “nước xanh”, “cá bạc”, “con thuyền rẽ sóng ra khơi” cứ chập chờn trong nỗi nhớ mơ hồ, như càng khắc sâu thêm nỗi nhớ mong da diết. Câu thơ kết là một tiếng kêu bộc lộ cảm xúc đến tận độ : “Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá !”. “Mùi nồng mặn” không đơn thuần là mùi của muối biển mà là vị của quê hương, vị của tình yêu, do đó mà nỗi nhớ càng khắc khoải.

Bài thơ được viết theo thể thơ tám chữ, lời thơ tự nhiên, hình ảnh thơ giàu sức biểu cảm, đặc biệt lối gieo vần chân thể hiện dòng cảm xúc yêu quê hương miên man, như sóng cuộn trào của người con Quảng Ngãi Tế Hanh. Người đọc không hề bị choáng ngợp bởi những câu thơ hoa mỹ, mà bị lôi cuốn, hấp dẫn bởi tình cảm chân thành đậm thấm mà nhà thơ dành cho quê hương mình. Một tình cảm thiêng liêng, sâu sắc. Những vần thơ của Tế Hanh thực sự có sức lay động mạnh mẽ tới độc giả, nó đánh thức trái tim chúng ta trong tình yêu, nỗi nhớ về vùng quê thân thương, yêu dấu

của chính mình. Hai tiếng “quê hương” cứ mãi vang lên trong lòng tôi, vang mãi, vang xa,...

ĐỀ SỐ 13: Phân tích bài thơ “Khi con tu hú” của nhà thơ Tố Hữu.

BÀI LÀM

Tố Hữu là lá cờ đầu của thi ca cách mạng Việt Nam. Con đường thơ của ông luôn bắt nhịp đồng hành cùng với con đường cách mạng. Với phong cách trữ tình - chính trị, kết hợp với giọng điệu ngọt ngào, thiết tha, đậm đà tính dân tộc, Tố Hữu đã để lại cho đời rất nhiều tiếng thơ hay. Bài thơ "*Khi con tu hú*" được sáng tác vào tháng 7 năm 1939 tại nhà lao Thừa Phủ (Huế), in trong tập thơ "*Từ ấy*", là một trong những bài thơ tiêu biểu cho hồn thơ Tố Hữu. Qua bài thơ, người đọc thấy được tình yêu cuộc sống thiết tha và niềm khao khát tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cộng sản khi phải chịu cảnh tù đầy khắc nghiệt.

Nhan đề "*Khi con tu hú*" của bài thơ không chỉ nói đến thời gian mà còn ẩn ý là một thời điểm bùng lên của thiên nhiên tạo vật bên cạnh đó chỉ khát khao hoạt động cách mạng của con người. Tiếng chim tu hú có tác động mạnh mẽ đến nhà thơ bởi lẽ nó báo hiệu một mùa hè đến và là biểu tượng cho sự bay nhảy được tự do, do đó có ảnh hưởng lớn đến nhà thơ khi đang bị giam cầm. Với nhan đề "*Khi con tu hú*", Tố Hữu muốn nhấn mạnh rằng tiếng chim ấy là thứ đã khiến ông thức tỉnh, đánh thức trong ông một tình yêu với cuộc sống, một khát vọng tự do mãnh liệt.

Chẳng vậy mà mở đầu bài thơ, Tố Hữu đã vẽ lên cho chúng ta thấy được một bức tranh thiên nhiên vào hè thật tươi đẹp, đầy sống động và thấy được những âm thanh sôi động ngày hè mà đặc biệt là tiếng chim tu hú đang cất lên từng hồi để "gọi bầy":

"Khi con tu hú gọi bầy

Lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần

Vườn râm dậy tiếng ve ngân

Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào

Trời xanh càng rộng càng cao

Đôi con diều sáo lộn nhào từng không..."

Giờ đây, giữa chốn lao tù, người thanh niên Cách mạng đang lắng tai nghe tiếng những con chim tu hú đang cất lên những âm thanh gọi nhau, gọi mùa hè đến. Tiếng gọi ấy như đánh thức trong tâm hồn người thanh niên niềm khao khát tha thiết đang sum họp với đồng đội, bạn bè. Và nó cũng đánh thức luôn nỗi cô đơn của nhà thơ giữa bốn bức tường lạnh lẽo khi ông đang muốn đem tất cả nhiệt huyết cả thanh xuân mà cống hiến cho Cách mạng.

Tiếng chim tu hú đã đánh thức Tố Hữu, và ông bất chợt thấy mọi âm thanh của sự sống ngày hè đang ngay gần bên khung cửa. Ông thấy được tiếng ve đang ngân nga trong những vườn cây, thấy tiếng sáo diều đang vi vu trên bầu trời cao xanh ngoài khung cửa sổ nhà lao. Tất cả những âm thanh ấy sao mà sống động, tươi vui đến thế! Nó là một bản nhạc được hòa tấu bằng nhiều thứ âm thanh sắc sỡ, sống động mà rộn ràng, đầy sức sống, thúc giục con người ta tận hưởng.

Và không chỉ vậy, tiếng chim tu hú kia còn đánh thức hết thảy mọi giác quan của Tố Hữu. Ông như đang nhìn thấy những màu sắc thật tươi tắn, rực rỡ của ngày hè. Nào là những cánh đồng lúa chín vàng óng đang đến ngày thu hoạch, những hạt bắp vàng đang óng ánh giữa sân "nắng đào" hồng tươi, nào là bầu trời xanh thẳm, biêng biếc xanh... Tất cả những màu sắc ấy thật tươi đẹp, thật giàu sức sống, vẫy gọi người tù Cách mạng đến mà tận hưởng. Và màu xanh của bầu trời kia hay chẳng còn là màu xanh của tự do nhà thơ đang mơ ước, là bầu trời của hòa bình tươi đẹp trong con mắt của người Cách mạng?

Tố Hữu nghe tiếng chim tu hú mà như thấy được những khung cảnh thật đậm sắc thái đặc trưng của ngày hè. Đó là hình ảnh cánh đồng lúa chiêm bát ngát đang chín rục, là vườn trái cây trĩu nặng quả ngọt đang "ngọt dần". Tất thảy mọi sự vật đang dần tiến đến độ "chín", độ hoàn mỹ của mình. Phải tinh tế lắm thì Tố Hữu mới nhận ra được sự vận động êm đềm của thời gian đang chuyển dần sang hạ từ tốn đến như thế! Phải, đâu phải ai cũng đủ nhạy bén mà cảm nhận được hương thơm của vườn cây trái từ trong lao ngục, đâu phải ai cũng nghe được âm thanh của mùa hè náo nức đến thế qua bức tường đá cầm tù lạnh lẽo? Phải là người yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, gắn bó máu thịt với quê hương mới có thể có những cảm nhận thực sự đặc sắc đến như vậy được chứ?

Tưởng chừng như những người tù, không gian bốn bề của bao quanh bởi bức tường đá lạnh lẽo, nhưng với Tố Hữu thì không. Bởi ông cảm nhận được cả một

không gian đang rộng mở ngay trước mặt, rộng rãi, khoáng đạt biết mấy, mênh mông, rộng lớn biết chừng nào:

"Trời xanh càng rộng càng cao

Đôi con diều sáo lộn nhào từng không..."

Hình ảnh "đôi con diều sáo" như một nét chấm phá nhỏ nhoi giữa bầu "trời xanh" đang rộng mở. Thế nhưng, có lẽ Tố Hữu cũng chỉ mong được làm cánh diều sáo nhỏ nhoi ấy để được tự do, thỏa thuê tung bay giữa bầu trời xanh, giữa những bè bạn, đồng chí thân yêu của mình?

Một bức tranh ngày hè thật quá đổi sống động, với đầy đủ âm thanh, màu sắc, với không gian và hình ảnh thật rực rỡ. Với phép liệt kê được sử dụng hết sức nhuần nhuyễn, Tố Hữu đã vẽ lên bức tranh ngày hè thanh bình, đẹp tươi và giàu sức sống chỉ bằng trí tưởng tượng của mình. Chắc hẳn Tố Hữu phải yêu quê hương mình tha thiết lắm mới có thể tinh tế mà hình dung ra và nắm bắt được hết âm sắc của ngày hè dung dị qua từng ấy câu thơ.

Tố Hữu là một trong những người giác ngộ Cách mạng sớm nhất. Ông hiểu, tin yêu con đường Cách mạng của Bác Hồ. Ông hiểu làm Cách mạng là phải gắn với tù đầy, như ông đã nói trong một bài thơ của mình rằng:

"Đời cách mạng từ đây tôi đã hiểu

Dấn thân vô là phải chịu tù đầy".

Ông hiểu là thế nên cũng như muôn vàn người đồng đội khác, khi phải đứng trong nhà lao, giữa bốn bức tường cô quạnh, ông chỉ muốn thật mau được thoát ra khỏi, để lại được sum vầy cùng đồng đội, sát cánh chiến đấu với kẻ thù. Bốn câu thơ cuối trong bài thơ *Khi con tu hú* là tâm trạng, là cảm xúc của Tố Hữu, là khát khao muốn được tự do của người tù Cách mạng:

"Ta nghe hè dậy bên lòng

Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!

Ngột làm sao, chết uất thôi

Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu"

Đọc đến đây, chắc hẳn nhiều người trong chúng ta mới nhận ra rằng bức tranh phong cảnh bên trên, tất cả chỉ được "vẽ" lên qua tâm tưởng của nhà thơ. Mùa hè bên ngoài đang tươi đẹp là thế, mà người tù Cách mạng lại phải ngồi đây, biệt giam trong nhà lao Thừa Phủ. Và thế là niềm khao khát tự do bùng dậy thật mạnh mẽ

trong lòng Tố Hữu. Nhịp sống ấy cứ dâng trào, sôi sục trong lòng khiến ông không thể kìm nén mà thốt lên:

"Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!

Ngột làm sao, chết uất thôi"

Khao khát tự do đã len lỏi vào từng tế bào trong cơ thể người thanh niên trẻ, biến nỗi khao khát ấy trở thành hành động cụ thể muốn "đạp tan phòng" giam để được đến với tự do. Nhà thơ muốn được chạy ra ngoài kia, đến với tự do, đến với thế giới rộng mở, to lớn, thoát khỏi cái nhà lao chật hẹp, tăm tối này.

Sự bức bối ấy khó chịu đến mức chỉ vài câu thơ, Tố Hữu đã liên tục sử dụng một loạt những động từ mạnh để diễn tả sự ngột ngạt, bức mình đến cực điểm của mình trong chốn lao tù của mình: nào là "đạp tan", nào là "chết uất". Toàn những từ ngữ thật mạnh bạo, có lẽ khao khát tự do đã quá cháy bỏng, cái không khí ngột ngạt, bức bối đã khiến cho nhà thơ trở nên thật nhạy cảm, chỉ muốn đạp tan hết mọi thứ để được bước đến với tự do ngoài kia. Kèm với những động từ mạnh là những từ ngữ cảm thán được sử dụng liên tục: "ôi, thôi, sao, làm sao" khiến cho chúng ta càng cảm nhận rõ hơn sự ngột ngạt tới bức bách của người thanh niên Cách mạng. Cũng ở trong cùng những dòng thơ này, Tố Hữu cũng sử dụng cách ngắt nhịp thơ nhanh 6/2 hoặc 3/3 mà chúng ta ít thấy để diễn tả cho chúng ta thấy sự ngột ngạt tới cao điểm mà nhà thơ đang phải chịu đựng đồng thời bộc lộ khát khao tự do đến cháy bỏng của mình, muốn được thoát khỏi lao tù, trở về với thế giới tự do ngoài kia.

Như chúng ta có thể nhận thấy, bài thơ được mở đầu bằng tiếng chim tu hú và kết lại cũng bằng tiếng chim tu hú kêu. Đây là âm thanh gọi lên tất cả, xuyên suốt toàn bài thơ, khắc khoải mà da diết. Ở đầu bài thơ, tiếng chim là tiếng kêu của tự do, của đất trời bao la ngày hè đầy sức sống đang vẫy gọi thì ở câu kết bài, tiếng chim ấy lại là tiếng kêu khiến cho người tù cảm thấy đau khổ, khắc khoải và bức bối nhất. Bởi ông đang bị giam cầm trong thế giới mất tự do và tiếng chim kia lại tha thiết mời gọi đến với tự do, càng khiến ông thêm dằn vặt, bức bối hơn bao giờ hết. Có thể nói, tiếng chim tu hú chính là tiếng gọi của tự do, cho sự sống. Nó khiến cho người tù Cách mạng phải bồn chồn, xao xuyến, mong mỏi được thoát ra khỏi không gian ngột ngạt chốn lao tù để hòa mình vào thế giới của tự do. Sâu trong

từng câu chữ hòa với tiếng chim tu hú là khát vọng được tự do trong một đất nước hòa bình độc lập.

Về mặt nghệ thuật trong bài thơ, Tố Hữu đang thành công khi sử dụng thể thơ truyền thống của dân tộc – thể thơ lục bát, vừa uyển chuyển lại dễ hiểu dễ nghe. Nhịp thơ được ông biến chuyển linh hoạt, được ngắt nhịp đều đặn xúc cảm và tâm trạng của nhà thơ. Ngôn ngữ ông sử dụng cũng giản dị, dễ hiểu, hình ảnh thơ mộc mạc, gần gũi, lời thơ da diết thể hiện niềm khát vọng cháy bỏng của nhà thơ.

Bài thơ *Khi con tu hú* của Tố Hữu đã dựng lên bức tranh ngày hè thật đẹp đẽ với đầy đủ âm thanh và sắc màu. Tất cả đều toát lên một sức sống cực kì mãnh liệt. Tình cảm trong bài thơ được nhà thơ thể hiện sâu sắc và da diết qua thể thơ lục bát mộc mạc. Bài thơ là tình yêu cuộc sống tha thiết, sâu nặng của nhà thơ và niềm khao khát tự do tới cháy bỏng của người tù Cách mạng trong hoàn cảnh tù đầy.

ĐỀ SỐ 14: Phát biểu cảm nghĩ về truyện ngắn “Chiếc lá cuối cùng” của nhà văn O.Hen-ri.

BÀI LÀM

Nhà văn người Mỹ chuyên viết truyện ngắn - O.Hen-ri sáng tác rất nhiều tác phẩm đặc sắc, để lại ấn tượng khó phai trong lòng người đọc, các truyện của ông tuy nhẹ nhàng giản dị nhưng lại thấm đẫm tinh thần nhân đạo, tình thương yêu giữa con người với con người. Trong số đó, truyện ngắn " Chiếc lá cuối cùng" mang đến cho người đọc những rung cảm sâu sắc về lòng nhân ái cao cả giữa những số phận nghèo khổ, đặc biệt hình tượng chiếc lá cuối cùng trong truyện ngắn thực sự là một kiệt tác nghệ thuật.

“Chiếc lá cuối cùng” là câu chuyện kể về cuộc sống chật vật của những người họa sĩ nghèo: hai nữ họa sĩ trẻ Xiu và Giôn-xi sống cùng căn hộ với người họa sĩ già Bơ-men. Những khó khăn về vật chất đã vắt kiệt sức sáng tạo, khiến họ lâm vào cảnh bi đát. Cụ Bơ-men suốt bốn chục năm mơ ước vẽ một bức kiệt tác mà không thực hiện được, đành phải ngồi làm mẫu cho các họa sĩ trẻ để kiếm chút tiền còn nuôi thân. Giôn-xi bị sưng phổi, bệnh tật và nghèo túng đã lấy nốt của cô niềm tin vào cuộc sống. Chỉ còn lại Xiu mòn mỏi với những bức vẽ và ám ảnh bởi suy nghĩ của Giôn-xi: Cô gái bệnh tật ấy đang đếm từng chiếc lá rơi để chờ định mệnh phán quyết mạng sống của chính mình, với niềm tin khi chiếc lá cuối cùng rụng xuống thì cô sẽ ra đi...

Không gian cuộc sống của những con người khốn khổ ấy lạnh lẽo u ám như mùa đông, nặng trĩu những buồn lo.

Đáng sợ làm sao khi mỗi ngày trôi đi trong gió tuyết và những cơn mưa lạnh lẽo dai dẳng, những chiếc lá thường xuân tiếp tục rơi xuống, chỉ còn lại một chiếc lá cuối cùng để Giôn-xi như nhìn thấy cái chết của mình đang đến gần. Có lẽ ai trong chúng ta cũng cảm thấy rối lòng, bất lực trước một con người đã buông xuôi, chán sống. Bởi thế nhà văn đã tập trung miêu tả khoảnh khắc căng thẳng của Xiu và cụ Bơ-men lúc Giôn-xi đang ngủ: "Họ sợ sệt ngó ra ngoài cửa sổ, nhìn cây thường xuân. Rồi họ nhìn nhau một lát, chẳng nói năng gì". Có lẽ trong giây phút đó, họ đã nhìn thấy nhánh thường xuân cuối cùng trụi lá rồi chẳng? Dường như cùng với cái khắc nghiệt của trời đông, mưa gió, họ có thể đoán trước được điều gì khi Giôn-xi tỉnh dậy vào sáng hôm sau và thấy chiếc lá cuối cùng đã rụng.

Trong hoàn cảnh này, người đau khổ nhất không phải là Giôn-xi mà chính là cô gái trẻ Xiu. Bởi lẽ, cô là người sẽ phải chứng kiến toàn bộ tấn bi kịch sắp diễn ra vào sáng hôm sau khi Giôn-xi lại nhìn ra cửa sổ. Nhà văn không mô tả cụ thể tâm trạng Xiu, chỉ cho biết cô "tỉnh dậy sau khi chợp mắt được một tiếng đồng hồ", như vậy có nghĩa là cô đã phải trải qua một đêm trắng đầy âu lo thổn thức, trong sự bần chòn và bất lực. Một đêm mưa gió ngoài trời dữ dội, một chiếc lá mong manh bám trên bức tường gạch chắc chắn sẽ bị vùi dập toi tã, không chống chọi nổi sự tàn phá của tự nhiên. Điều đó có nghĩa là sau phút kéo màn lên, Giôn-xi sẽ nhìn thấy cái chết của chính mình. Nhưng Xiu cũng không thể chịu được khoảnh khắc nhìn thấy "Giôn-xi đang mở to cặp mắt thần thờ nhìn tám mảnh mảnh màu xanh đã kéo xuống". Không kéo màn lên cũng không được, vì như vậy Xiu sẽ mang mặc cảm chính mình mới là người gây ra cái chết của Giôn-xi. Ta hiểu tâm trạng của cô khi làm theo một cách chán nản, bản thân cô cũng không còn phương cách nào giúp cho người đồng nghiệp, người em gái kia từ bỏ suy nghĩ điên rồ đáng sợ kia.

Chính vào lúc ấy, một hình ảnh bất ngờ đã làm đảo lộn mọi dự đoán, đảo ngược cả tình huống tưởng như chắc chắn trong dự định của Giôn-xi, trong nỗi lo của Xiu và trong sự thất vọng của mọi người. Tình huống ấy đã thấp lại niềm hy vọng như một phép màu: Vẫn còn một chiếc lá thường xuân bám trên bức tường gạch. Có lẽ người

vui mừng nhất lúc này là Xiu, vì chiếc lá cô nhìn thấy không phải là một ảo ảnh: "Đó là chiếc lá cuối cùng trên cây. Ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng với rìa lá hình răng cưa đã nhuộm màu vàng úa, chiếc lá vẫn dũng cảm treo bám vào cành cách mặt đất chừng hai mươi bộ". Còn Giôn-xi? Cô cũng nhận ra: "Đó là chiếc lá cuối cùng", thừa nhận sự thật một cách miễn cưỡng và tiếp tục suy nghĩ: "Hôm nay nó sẽ rụng thôi và cùng lúc đó thì em sẽ chết".

Giôn-xi thật đáng thương nhưng cô cũng thật đáng trách khi vẫn đeo đuổi ý định từ bỏ cuộc sống. Cô chìm đắm trong ý nghĩ kỳ quặc của mình, mặc kệ những sợi dây ràng buộc cô với tình bạn và với thế gian cứ lơ lửng dần từng sợi một. Cô đã phụ lòng của Xiu, bởi lẽ cô đã xem nỗi đau của mình lớn hơn tất cả mọi sự quan tâm lo lắng của mọi người. Trong thời điểm ấy, sẽ không ai có thể giúp đỡ cô, ngoại trừ chính bản thân cô. Thời gian một ngày kéo dài đằng đẵng để Giôn-xi chứng kiến chiếc lá thường xuân chống chọi với mùa đông khắc nghiệt. Chiếc lá bưởi bình ấy không chấp nhận sự buông xuôi của một cô gái còn quá trẻ. Thế nhưng, khi con người ấy đã chấp nhận đầu hàng số phận, thì sức mạnh của màn đêm buông xuống, gió bắc ào ào, mưa đập mạnh vào cửa sổ lại có một uy lực khiến cho Giôn-xi không còn một niềm tin nào vào sự sống của chính mình. Sự cố chấp ấy quả thật đáng chê trách.

Nhà văn đã tạo ra một tình huống thử thách trước số phận của Giôn-xi, để rồi, cuối cùng người đọc có thể thở phào nhẹ nhõm: "chiếc lá thường xuân vẫn còn đó". Chiếc lá mong manh ấy đã chiến thắng được thời tiết khắc nghiệt, để tạo ra một bước ngoặt trong nhận thức của Giôn-xi. Cuối cùng, cô gái ấy đã nhận ra sự ích kỷ tồi tệ của bản thân mình. Chiếc lá cuối cùng đã cứu sống một sinh linh. Trước hết là thức tỉnh khát vọng sống tiềm ẩn trong tâm hồn của Giôn-xi, để cô nhận ra: "có một cái gì đấy đã làm cho chiếc lá cuối cùng vẫn còn đó để cho em thấy rằng mình đã tệ như thế nào. Muốn chết là một tội. Phép nhiệm màu đã xảy ra, vượt qua tất cả những quy luật thường tình của thiên nhiên tạo hoá, khiến Giôn-xi không hiểu và không sao hiểu được. Phải chăng, Thượng đế chí công và nhân từ không nỡ để một cô gái trẻ phải sớm già từ cuộc sống? Không những thế, sau thời khắc bừng tỉnh, cô gái Giôn-xi đã lại bắt đầu mơ ước về tương lai: "một ngày nào đó em sẽ vẽ được vịnh Na- plo". Thượng đế thật công bằng, vị thượng đế ấy có tên là... Bơ-men.

Người hoạ sĩ già khốn khổ ấy không có quyền năng tối thượng của Thượng đế, nhưng ông có một trái tim giàu lòng thương cảm. Hoá ra, trong thời điểm làm mẫu cho Xiu, con người ấy đã đi đến một quyết định táo bạo, đoạt quyền của Đấng-toàn-năng bằng chính khả năng của mình. Con người đã bốn mươi năm theo đuổi kiệt tác mà không thành công đã tạo nên một kiệt tác cuối cùng của đời mình: Chiếc lá cuối cùng! Khi bắt tay vào công việc, người nghệ sĩ chân chính ấy đã âm thầm hành động với ước nguyện thật cao cả: Trả lại niềm tin vào sự sống cho Giôn-xi. Không ai được biết có bao nhiêu tinh hoa đã phát tiết trong giờ phút vẽ nên chiếc lá trên tường của cụ Bơ-men. Tất cả đều diễn ra quá bất ngờ, đến nỗi cả Xiu là người đã chứng kiến giờ phút chiếc lá cuối cùng rụng xuống cùng cụ Bơ-men cũng phải bàng hoàng. Ta chợt hiểu những lời nói hối hả của cô với Giôn-xi: "Em thân yêu, thân yêu. Em hãy nghĩ đến chị, nếu như em không còn muốn nghĩ đến mình nữa. Chị sẽ làm gì đây?". Cô đã hiểu tất cả, nhưng không dám nói rõ cho Giôn-xi, bởi lẽ cô chưa thể hình dung ra phản ứng của Giôn-xi trước một sự lừa dối bắt nguồn từ lòng tốt của người hoạ sĩ già. Lời nói ấy còn bộc lộ một niềm sung sướng vô biên của Xiu trước giải pháp tình thế mà cụ Bơ-men đã nghĩ ra trong đêm chiếc lá cuối cùng thực sự đã rụng xuống. Bởi thế, lần kéo màn vào hôm sau, ta không còn gặp tâm trạng chán nản đến cùng cực của Xiu nữa.

Vì sự sống của một cô gái, cụ Bơ-men đã bất chấp thử thách của thời tiết khắc nghiệt, quên đi sự sống của bản thân mình. Có lẽ bản thân cụ cũng không ngờ đó là bức vẽ cuối cùng của cuộc đời mình, nhưng chắc chắn một điều khi người hoạ sĩ ấy vẽ chiếc lá, bức vẽ ấy không nhằm để lưu lại tên tuổi nghệ sĩ với đời. Điều đáng quan tâm lúc đó là sự sống đã tắt trong tâm hồn một cô gái trẻ, làm thế nào để cô thôi không bị ám ảnh bởi quy luật lạnh lùng của tạo hoá, để rồi vươn lên giữa cuộc đời bằng chính sức sống tiềm tàng trong tâm hồn cô. Đó là lúc người hoạ sĩ già ấy hiểu thấu sứ mạng vinh quang và cao cả của nghệ thuật: Hướng về con người chứ không phải là nhằm tạo chút danh tiếng hão huyền, nghệ thuật chỉ thật sự bắt đầu khi sáng tạo của người nghệ sĩ giúp ích cho đời.

Cuối cùng thì Giôn-xi đã vượt qua cửa ải của chính mình, trở lại với niềm tin sự sống nhờ niềm tin vào sức sống mãnh liệt từ chiếc lá cuối cùng - tác phẩm của cụ Bơ-men. Nhưng người nghệ sĩ già ấy đã phải trả một cái giá quá đắt bằng chính mạng sống của

mình. Giôn-xi chỉ được biết điều ấy khi đã thật sự bình phục bằng nghị lực của chính mình. Qua lời thuật lại của Xiu, ta hiểu được lòng biết ơn của Xiu đối với người họa sĩ cao cả ấy, và cô muốn nhắc nhở Giôn-xi không thể vô ơn trước sự hy sinh của một con người chân chính, vì sự sống của đồng loại đã không ngần ngại xả thân. Cụ Bơ-men đã nhiễm chính căn bệnh sưng phổi của Giôn-xi vào lúc tạo nên chiếc lá cuối cùng giữa một đêm đông mưa gió lạnh lẽo. Chi tiết xúc động này khiến ta tin rằng Giôn-xi dù biết rằng chiếc lá ấy là một sản phẩm nhân tạo, nhưng chắc chắn cô sẽ không bao giờ hối hận trước một sự lừa dối cao cả như thế, Người họa sĩ già Bơ-men là hiện thân của sự cao thượng, lòng vị tha, đức hy sinh của một con người chân chính.

Câu chuyện kết thúc bằng một sự đảo ngược tình huống lần thứ hai. “Chiếc lá cuối cùng” là một sự lừa dối, nhưng lại là một sự lừa dối cao cả để đem lại niềm tin vào sự sống cho con người. Kiệt tác cuối cùng của người họa sĩ già đã được ra đời nằm ngoài tất cả mọi dự đoán của công chúng. Nhưng “Chiếc lá cuối cùng” ấy mãi mãi là bằng chứng của tấm lòng yêu thương con người. Bởi thế, tác phẩm sẽ mãi bất tử với thời gian.

ĐỀ SỐ 15: Qua một tác phẩm văn học mà em đã đọc, đã học, hãy trình bày tác động của tác phẩm ấy đối với em

BÀI LÀM

Mỗi tác phẩm văn học mà chúng ta đã đọc hoặc đã học ít nhiều đều để lại trong tâm hồn những rung cảm. Những rung cảm quý giá ấy có được là bởi tác phẩm bằng tiếng nói riêng của mình đã làm lay động những cảm xúc vốn từ lâu lặng yên trong tâm hồn mỗi chúng ta. hay nói như Nguyễn Đình Thi: “Tác phẩm vừa là kết tinh của tâm hồn người sáng tác, vừa là sợi dây truyền cho người đọc sự sống mà nghệ sĩ mang trong lòng”. Tôi đã có được những rung cảm chân thành khi đọc nhiều lần truyện ngắn "Cô bé bán diêm". Nó làm tôi bồi hồi, cảm thương, day dứt về những kiếp người mong manh, những mảnh đời bé nhỏ, những số phận đáng thương trong cuộc đời này.

Tác phẩm văn học chân chính bao giờ cũng được soi sáng bởi một tư tưởng tiến bộ hướng người đọc người nghe vào một lẽ sống, cách nghĩ đúng đắn nhân đạo. Tác phẩm văn học là cả sự sống con người, là mọi trạng thái cảm xúc, tình cảm phong phú

của con người trong đời sống cụ thể, sinh động. Phủ lên một bóng mờ cổ tích, truyện ngắn Cô bé bán diêm làm lộ rõ bản chất chân thực của xã hội đương thời. Đó là một xã hội tàn bạo, lạnh lẽo, thiếu hơi ấm tình người.

Câu chuyện lấy bối cảnh vào một đêm giao thừa rét buốt ở xứ ở Bắc Âu lạnh giá. Giao thừa là thời khắc của sự sum vầy đoàn tụ, thời khắc của những bữa tiệc no đủ và sung túc, thời khắc tiễn đưa năm cũ và chào đón năm mới cùng với niềm hạnh phúc bên cạnh những người mà mình yêu thương. Thế nhưng cô bé bán diêm vẫn đầu trần, chân đất, bụng đói đang dò dẫm trong bóng tối, đối mặt với những trận gió bắc thổi vi vút, với cái lạnh thấu xương của tuyết phủ kín mặt đất và điều đáng thương hơn đó là cả ngày em chưa bán được bao diêm nào. Cô bé bán diêm, một cô bé không có tên, không có tuổi nhưng cô có tất cả những nỗi bất hạnh mà con người trên đời không nên có: cuộc đời bất hạnh đau thương, nỗi cô đơn cùng cực, nỗi sợ hãi tận cùng,...

Số phận của em khiến tôi nghĩ đến biết bao em bé đang mưu sinh, lẩn khuất trong khói bụi Sài Gòn. Tôi vẫn thường thấy vào mỗi buổi sớm, thỉnh thoảng có một vài phụ nữ, một tay ôm đứa bé đang say ngủ, một tay cầm xấp vé số rao bán. Giấc ngủ thần tiên của em bé không biết là thật hay là bị ép ngủ, thế nhưng, lòng tôi vẫn dâng lên cảm xúc. Giá mà có một cái giường thật êm ấm trong một không gian thật êm ấm để đứa bé có thể ngủ một giấc ngon lành.

Qua cuộc đời đáng thương của cô bé, nhà văn Andecxen muốn nói với chúng ta rằng chưa bao giờ trên mặt đất này, tiếng kêu đau khổ của kiếp người, tiếng khóc của những thân phận khổ đau, tiếng thét của kiếp đời bị dày vò thoi vụng lại. Sức mạnh của đồng tiền có thể khiến con người trở nên tàn nhẫn và điên cuồng. Một đứa trẻ thơ dại, ốm yếu đáng thương lại sớm bị cuốn vào vòng xoáy của cuộc mưu sinh tàn khốc. Người cha bị con nghiện ngập đã quên mất tình người, quên mất cảm xúc yêu thương. Không những gã không che chở cho đứa con gái tội nghiệp, đáng thương mà còn nhẫn tâm biến nó thành công cụ kiếm tiền để gã thỏa khát con nghiện.

Cả xã hội làm ngơ, vô cảm trước cuộc đời vốn từng ngày xuất hiện trước mắt họ. Ngọn đèn sáng bên trong những căn nhà ấy thật ấm áp nhưng trong lòng con người là những tảng băng vĩnh cửu. Sự giá lạnh đáng sợ mà cô bé đang phải chịu không phải là sự giá lạnh của đất trời mà đó là sự giá lạnh trong tâm hồn của con người. Sự tồn tại của em trong đêm giao thừa như một nốt nhạc trầm trong bản nhạc sôi động của ánh

sáng, của niềm vui và hạnh phúc trong các gia đình vào khoảnh khắc chuyển giao của thời gian trọng đại.

Rất nhẹ nhàng, câu chuyện cuộc đời và số phận của cô bé bán diêm tội nghiệp, đáng thương đi vào lòng tôi như một bản tình ca dịu nhẹ êm êm, như một vì sao tỏa sáng mệnh mang, như một làn sóng cứ lan tỏa bất tận. Nó khiến tôi căm giận những con người bất nhân, những kẻ không có trái tim đã thờ ơ, lạnh nhạt, vô cảm trước nỗi khổ đau của người khác; căm giận những kẻ làm cha làm mẹ nhưng thiếu trách nhiệm và tàn bạo với con của mình; căm giận tạo hóa gieo nghịch cảnh vào cuộc đời của những người tốt, đẩy họ vào cùng cực bi thương mà đáng ra với phẩm chất tốt đẹp như thế ấy, họ xứng đáng có được một cuộc đời hạnh phúc.

Nghệ thuật rõ ràng là tiếng nói của tình cảm. Mỗi tác phẩm lớn như rơi vào bên trong chúng ta một ánh sáng riêng, không bao giờ nhòa đi. Có lẽ đó là ánh sáng của lương tri, của tâm hồn thánh thiện. Ánh sáng ấy bấy giờ biến thành của tôi, và chiếu toả lên mọi việc tôi đang làm, mọi con người ta gặp, làm cho thay đổi hẳn mắt tôi nhìn, óc tôi suy nghĩ. Andecxen đã đem tới cho cả thời đại chúng ta một cách sống tâm hồn. "Cô bé bán diêm" đã bay lên cùng với bà nhưng với tôi em vẫn sống mãi ở một thế giới nào đó vô cùng tươi đẹp, an bình và hạnh phúc.

ĐỀ SỐ 16: Nhận xét về một trong những cảm hứng của Thơ mới Việt Nam giai đoạn 1930- 1945, có ý kiến nhận xét: *“Tình yêu quê hương đất nước một khoảng rộng trong trái tim của Thơ Mới”*. Bằng hiểu biết của mình về hai bài thơ “Nhớ rừng” của Thế Lữ và Quê hương của Tế Hanh em hãy làm sáng tỏ ý kiến đó.

BÀI LÀM

Thơ Mới là một hiện tượng nổi bật của văn học Việt Nam nói chung và thơ ca nói riêng trong thế kỷ XX. Nó vừa ra đời đã nhanh chóng khẳng định vị trí xứng đáng trong nền văn học dân tộc với các “Hoàng tử thơ”: Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử v.v... Phong trào Thơ mới đã tạo nên một thời đại rực rỡ phong phú trong lịch sử văn học Việt Nam. Hoài Thanh đã viết trong Thi nhân Việt Nam: “... trong lịch sử thi ca Việt Nam chưa bao giờ có một thời đại phong phú như thời đại này. Chưa bao giờ người ta thất xuất hiện cùng một klan một hồn thơ rộng mở như Thế Lữ. mơ màng như Lưu Trọng Lư, hùng tráng như Huy Thông, trong sáng như Nguyễn Nhược Pháp, ảo não như Huy Cận, quê mùa như Nguyễn

Bính, kỳ dị như Chế Lan Viên... và thiết tha, rạo rực, bồn chồn như Xuân Diệu. Thơ Mới là thời đại của những phong cách thơ độc đáo và một trong những nội dung tiêu biểu của thơ Mới là tình yêu quê hương như một nhà nghiên cứu từng nhận xét: *“Tình yêu quê hương đất nước một khoảng rộng trong trái tim của Thơ Mới”*.

Thơ Mới ra đời trong hoàn cảnh đất nước chìm trong chế độ thực dân nửa phong kiến. Các nhà thơ mới nhận thức rõ nỗi đau mất nước, chán ghét thực tại nên họ gửi gắm nỗi niềm về đất nước, quê hương vào những vần thơ. Tình quê hương đất nước trong Thơ Mới thể hiện ở nhiều cung bậc khác nhau: lúc ca ngợi cảnh đẹp của quê hương, lúc nhớ quê hương da diết, lúc hoài niệm ngưỡng mộ và tiếc nuối một nét đẹp văn hóa trong quá khứ, lúc gửi gắm niềm tâm sự thầm kín... Và một trong những bài thơ xuất sắc của phong trào thơ mới viết thành công với đề tài này, không thể không nhắc tới Thế Lữ với *Nhớ rừng*, Tế Hanh với *Quê hương*.

Viết về tình yêu quê hương đất nước, thứ nhất, hai bài thơ này ca ngợi cảnh đẹp thiên nhiên.

Bài thơ *Nhớ rừng* của Thế Lữ dựng lên hai khoảng không gian, đối lập: sự hùng vĩ của thiên nhiên và sự chật hẹp, tù túng của vườn bách thú nơi con hổ đang sống. Thiên nhiên trong bài thơ hiện lên thật đẹp đẽ, ấn tượng. Đó là cảnh *bóng cả, cây già* với những *gió gào ngàn, nguồn hét núi*:

“Nhớ cảnh sơn lâm bóng cả cây già

Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi”

Cảnh thiên nhiên ở nơi rừng xanh, nơi con hổ từng là chúa tể của muôn loài trái ngược với những cảnh giả tạo, bắt chước của vườn bách thú. Và đặc biệt, ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên, Thế Lữ đã rất thành công khi miêu tả hình ảnh bộ tranh tứ bình tinh xảo và độc đáo. Đầu tiên là bức tranh rừng núi trong đêm:

“Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối

Ta say môi đứng uống ánh trăng tan.”

Cảnh có màu vàng óng ả của trăng, màu xanh trong vắt của nước suối đại ngàn, màu trắng đen mờ ảo của cỏ cây hoa lá. Hổ ta đang đứng trên bờ, say sưa ngắm nhìn cảnh vật đẹp đến say lòng ấy. Ta có cảm giác hổ say môi thì ít mà say đắm vẻ đẹp huyền ảo của đêm trăng thì nhiều. Vũ trụ có trăng, lúc khuyết, lúc tròn, lúc lên, lúc lặn để rồi hổ ta không biết bao lần ngây ngất trước ánh trăng vàng tung tóe. Nhớ làm sao

những đêm vàng đầy mộng mơ ấy! Và giờ đây nó càng quý vô ngần vì nó là đêm của tự do và ảo mộng.

Bức tranh hai, Thế Lữ cho chúa tể rừng xanh đối diện với sự gào thét của thiên nhiên hùng vĩ vào những ngày mưa:

“Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn

Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới”

Mưa rừng không phải là “mưa bay như khói qua chiều”, không phải là “mưa giăng mắc cũ”, càng không phải là “mưa đổ bụi êm êm trên bến vắng” mà mịt mù, dữ dội rung chuyển cả núi rừng. Thế Lữ thật tài tình khi biết lấy sự gào thét dữ dội của thiên nhiên, sự ngã nghiêng của cây cối, cảnh tuôn rơi ồn ào của ngày mưa làm phong nền cho một hồ ta điềm nhiên lặng ngắm giang sơn đổi mới của mình. Quả là bức tranh của một nghệ sĩ kỳ tài.

Còn đây là một cảnh khác, tươi sáng, tung bừng của buổi bình minh. Chúa tể rừng xanh lúc này đang ngon giấc:

“Đâu những bình minh cây xanh nắng gội

Tiếng chim ca giấc ngủ ta tung bừng”

Một buổi bình minh tinh khôi rạng rỡ, chim chóc reo ca, cây cối gọi mời, mọi vật đã thức giấc đón bình minh lên. Riêng hồ ta lại ngủ, một giấc ngủ lạ đời: giấc ngủ “tung bừng”. Hồ có giấc ngủ riêng của hồ, cảnh vật xung quanh có ồn ào, sôi động bao nhiêu càng làm cho giấc ngủ hồ thêm say, giấc mơ hồ thêm đẹp. Chỉ bằng vài nét chấm phá má cảnh có âm thanh, có màu sắc, đường nét hài hòa, sống động.

Bức tranh cuối cùng tuyệt đẹp, đẹp một cách lộng lẫy và bi tráng:

“Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng

Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt”

Bức tranh này khác hẳn với ba bức tranh trên, từ màu sắc, đường nét, đến ánh sáng. Màu vàng óng ả của trăng, màu đen mờ ảo của những trận mưa rừng, cả màu hồng tươi của nắng mới đều không còn nữa thay vào đó là màu đỏ rực của máu và của ánh mặt trời sắp tắt. Hồ ta lúc này cũng không còn say sưa, mơ mộng như đêm nào, ngày nào mà đã hiện nguyên hình là một mãnh thú. Bên hồ, dưới chân hồ là cảnh “lênh láng máu” của những con thú yếu hèn. Ngoài xa, trên bầu trời cao rộng mênh mông ấy mặt trời cũng chỉ là một mảnh. Ta có cảm giác mặt trời cũng bé đi qua cái nhìn của hồ. Trong bức tranh, mọi vật hình như nhỏ hơn, chìm hẳn chỉ có hồ ta đứng đầy

uy nghi, chễm chệ với tư thế là chúa tể của muôn loài. Chúa sơn lâm đẹp thật, một vẻ đẹp dữ dằn ghê gớm của một mãnh thú đang say mê.

Quả là một bộ tranh tứ bình hoàn hảo, với sự phối cảnh hài hòa, bố cục mỹ cảm, đường nét thanh tao, gam màu chuẩn xác. Thế Lữ đã để lại bộ tranh hổ bằng ngôn ngữ có một không hai trong lịch sử văn học.

Quả thật, bức tranh hoành tráng của rừng thẳm oai linh, của gió gào ngàn, nguồn hét núi, bóng cả, cây già. Trong cảnh thiên nhiên kỳ vĩ thâm nghiêm ấy làm nền cho hình bóng của chúa sơn lâm mang vẻ đẹp đồng dạng, đường hoàng với những đêm vàng, sáng xanh, chiều đỏ, tiếng chim ca tất cả mang vẻ đẹp lãng mạn, muôn màu muôn vẻ của thiên nhiên của cách nhìn lãng mạn và bút pháp lãng mạn.

Nếu như thiên nhiên trong *Nhớ rừng* là vẻ đẹp của sự hùng tráng, mạnh mẽ của núi rừng, thì thiên nhiên trong thơ Tế Hanh lại êm đềm, đầm thắm với cảnh sông nước bình dị. Hình ảnh làng chài ven biển đẹp, trong trẻo thoáng đãng là tâm điểm mà nhà thơ muốn ca ngợi qua bài thơ *Quê hương* của mình.

Cái làng quê nghèo ở một cù lao trên sông Trà Bồng đã nuôi dưỡng tâm hồn Tế Hanh, đã trở thành nguồn cảm xúc vô tận để ông viết nên những vần thơ tha thiết, lai láng như: *Nhớ con sông quê hương, Quê hương, Trở lại con sông quê hương*. Mở đầu bài thơ *Quê hương*, tác giả viết:

“Làng tôi ở vốn nghề chài lưới
Nước bao vây cách biển nửa ngày sông”

Hai câu đầu giới thiệu ngắn gọn “làng tôi”. Đây là hai câu thơ giản dị nhưng nếu thiếu lời giới thiệu này, quê hương sẽ trở nên trừu tượng, thiếu sức truyền cảm. Qua lời giới thiệu này, chúng ta thấy nhà thơ Tế Hanh rất tự hào về quê hương miền biển của mình. Niềm tự hào đó thể hiện sâu sắc tình yêu của ông dành cho quê hương.

Đến những câu thơ tiếp theo bức tranh thiên nhiên được vẽ ra qua tự giới thiệu về làng tôi của tác giả. Khung cảnh được tác giả vẽ ra là một khung cảnh của buổi sớm mai, với không gian thoáng đạt, trời trong, gió nhẹ, nắng mai hồng, với hình ảnh những con người dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá

“*Khi trời trong gió nhẹ, sớm mai hồng
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá*”

Thế đấy, quê hương trong thơ Tế Hanh hiện lên đẹp và mát dịu như vậy. Thiên nhiên trong thơ ông còn là bức tranh lao động rất đời bình dị, gần gũi nhưng đầy sức sống:

*“Ngày hôm sau, ôn ào trên bến đỗ
Khắp dân làng tấp nập đón ghe về.
“Nhờ ơn trời biển động cá đầy ghe
Những con cá tươi ngon thân bạc trắng”*

Có thể nói, qua con mắt của một người con yêu quê nhưng phải sống xa quê, bức tranh thiên nhiên qua thơ Tế Hanh hiện lên thật đẹp, tràn đầy nhựa sống. Nó khác hẳn với cái vẻ buồn bã, thê lương đang hiện hữu trong thơ mới giai đoạn này.

Tiếp theo, chúng ta thấy, tình yêu quê hương của hai nhà thơ còn được thể hiện thông qua việc gửi gắm tâm sự thầm kín. Với Thế Lữ, ông gửi lòng yêu nước vào tâm sự thầm kín của con hổ trong bài thơ *Nhớ rừng*, nhớ biết bao nhiêu thời vàng son oanh liệt. Ta nghe đó như chính là nỗi nhớ lịch sử vàng son oanh liệt của đất nước. Tâm trạng của con hổ là một ẩn dụ thể hiện tâm trạng của tác giả của người dân Việt Nam lúc đó. Đó là những con người đang ở trong vòng nô lệ, chịu sự áp bức, bóc lột của bọn thực dân Pháp và của xã hội phong kiến. Con hổ muốn được thoát khỏi song sắt chật hẹp của vườn bách thú cũng giống như tâm trạng của người dân muốn thoát khỏi cái vòng vây nô lệ đó:

“Ta đương theo giấc mộng ngàn to lớn”

Giấc mộng ngàn của chúa sơn lâm cũng là khao khát tự do thầm kín của con người được gửi gắm một cách tế nhị trong thơ.

Còn đối với *Quê hương* của Tế Hanh, tình yêu quê hương đất nước là nỗi nhớ quê hương da diết khi xa quê. Mười bảy tuổi, xa quê, Tế Hanh luôn nhớ về quê hương làng vựa chài của mình. Với tấm lòng yêu quê hương sâu sắc, bức tranh làng chài thật sinh động và đậm nét qua cảm xúc của nhà thơ. Khi tả cảnh dân chài bơi thuyền đi đánh cá Tế Hanh đã dựng lên một không gian trong trẻo gió nhẹ rực rỡ nắng hồng... Con thuyền dũng mãnh vượt Trường Giang với sức sống mạnh mẽ mang một vẻ đẹp hùng tráng, bất ngờ hiếm thấy trong thơ mới, một bức tranh lao động đầy hứng khởi và đầy sức sống trong thơ mới. Phải cảm nhận được sức sống lao động của làng quê bằng cả tâm hồn thiết tha gắn bó mới viết được những câu thơ thật hay, thật đặc sắc:

*“Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió”.*

Mảnh hồn làng ấy chính là nơi cho tâm hồn nghệ sỹ neo đậu với tấm lòng tha thiết nhớ thương về quê hương. Và đặc biệt hơn cả, nỗi nhớ quê hương, tình yêu quê hương được bộc lộ một cách trực tiếp ở khổ thơ cuối:

*“Nay xa cách, lòng tôi luôn tưởng nhớ:
Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,
Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,
Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!”*

Nhớ về quê hương miền biển của mình, nhà thơ nhớ: *màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi*, nhớ *con thuyền rẽ sóng* và đặc biệt hơn cả là nhớ *mùi vị mặn mòi* của biển khơi – mùi vị đặc trưng mà chỉ có ở miền biển mới có được. Nỗi nhớ thiết tha trong xa cách là chất thơ đầy bình dị mà khỏe khoắn toát lên từ bức tranh thiên nhiên tươi sáng thơ mộng.

Quả thực, khi viết về tình yêu quê hương trong thơ mới, đặc biệt qua hai bài thơ *Nhớ rừng* và *Quê hương*, chúng ta phải nhìn nhận rằng cái “tôi” trong mỗi tác giả vừa được giải phóng tỏa hương thành vườn hoa đầy hương sắc của Thơ Mới. Và mặc dù tình quê hương đất nước trong các bài thơ tuy chưa tích cực như thơ văn Cách mạng nhưng đáng trân trọng. Đó là một khoảng rộng trong trái tim yêu dào dạt của các nhà thơ mới trong đó có Thế Lữ và Tế Hanh.

ĐỀ SỐ 17: Phân tích tinh thần lạc quan của Bác qua bài thơ “Tức cảnh Pác Pó”.

BÀI LÀM

Hồ Chí Minh là một nhà chính trị quân sự tài ba, một nhà thơ, nhà văn lớn của dân tộc Việt Nam ở thế kỉ XX. Bài thơ "Tức cảnh Pác Pó" được Bác sáng tác vào tháng 2 năm 1941, tại Pác Pó (Cao Bằng). Qua bài thơ, chúng ta thấy được tinh thần lạc quan, phong thái ung dung của Người trong cuộc sống cách mạng đầy gian khổ. Có thể nói, tác phẩm là một bức chân dung tự họa của người chiến sĩ cộng sản.

Bài thơ được viết trong hoàn cảnh sau ba mươi năm bôn ba hoạt động cách mạng ở nước ngoài, đến đầu năm 1941, Bác trở về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Người đã sống và làm việc tại hang Pác Pó (Cao Bằng) trong một điều kiện sinh hoạt vô cùng khó khăn, thiếu thốn, gian khổ.

Thế nhưng, khi phải đối diện với hoàn cảnh đó, Bác Hồ vẫn vui vẻ, lạc quan, tràn đầy tinh thần làm việc cách mạng hăng say bởi Bác đang được sống và làm việc ngay trên

mảnh đất quê hương, đang trực tiếp dẫn dắt cả dân tộc ta tiến lên giành lấy ngọn cờ độc lập, hòa bình của đất nước. Trước hết hai câu thơ mở đầu là lời giới thiệu về cuộc sống của Bác ở Pác Pó – một cuộc sống khó khăn, thiếu thốn:

Sáng ra bờ suối tối vào hang

Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng.

Chỉ hai câu thơ rất ngắn gọn, gồm có mười bốn chữ cái nhưng nhà thơ đã gọi mở ra một không gian – thời gian sống, làm việc rất cụ thể, rõ ràng: nơi ở trong hang núi, nơi làm việc thì bên bờ suối và thức ăn là cháo bẹ, rau măng. Cách ngắt nhịp 4/3 thường thấy của thể thơ tứ tuyệt, kết hợp với lời thơ cân đối (sáng – tối, ra – vào, ra suối – vào hang) đã cho thấy một nếp sống sinh hoạt và làm việc rất đều đặn, trở thành một thói quen trong một hoàn cảnh đặc biệt của Bác:

"Cháo bẹ" (cháo ngô), rau măng (măng nứa, măng tre, măng rừng) thật đạm bạc, đều là những thức ăn đơn sơ có sẵn của thiên nhiên núi rừng. Nhưng Bác không hề cảm thấy khắc khổ mà ngược lại thấy rất thoải mái, ung dung: "vẫn sẵn sàng". Từ "vẫn" đã cho thấy sự tương phản hoàn toàn giữa một bên là sự thiếu thốn về vật chất với một bên là tinh thần thanh thản, lạc quan trước hoàn cảnh đó.

Ta đọc ở đây một nụ cười kín đáo hồn nhiên rất giản dị, chân thành, khiến người đọc có cảm giác như Bác đang bằng lòng, thích thú và vui sướng với cuộc sống như vậy. Đó là một cuộc sống chan hòa với thiên nhiên, với chốn lâm tuyền của núi rừng bí ẩn. Chẳng thế mà chúng ta luôn thấy, thiên nhiên từ lâu đã trở thành người bạn "tri kỉ" trong thơ của Người:

Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay

Vượn hót chim kêu suốt cả ngày

Hay:

Tiếng suối trong như tiếng hát xa

Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa...

Cảm xúc, tâm trạng đó của Bác đã làm toát lên ở Người vẻ đẹp thanh cao trong sáng của một tâm hồn yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, coi thường vật chất bên ngoài, rất gần với cách sống của những bậc hiền nhân xưa:

Thu ăn măng trúc, đông ăn giá

Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao

Rượu đến cội cây ta sẽ uống

Tuy nhiên, nếu người xưa tìm đến thiên nhiên, đến núi non lâm tuyền là để lánh đục tìm trong, thể hiện tâm thế "an bần lạc đạo", là cách để họ di dưỡng tinh thần mà trốn tránh sự đời thì ở Bác dù có hòa mình với vũ trụ, với thiên nhiên hoa lá cỏ cây, trăng gió vẫn hiện lên tư thế của một người chiến sĩ cộng sản yêu nước, thương dân đang trực tiếp tham gia cách mạng cùng với nhân dân:

Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng

Cuộc đời cách mạng thật là sang.

"Bàn đá chông chênh" vừa là chiếc bàn của thiên nhiên rừng núi, lại vừa là chiếc bàn của lòng người. Bác đã biến phiến đá thông thường của tự nhiên làm thành chiếc bàn kê thật giản dị, đơn sơ cạnh một công việc lớn lao cao cả: "dịch sử Đảng". Với việc sử dụng ba thanh trắc liền kề liên tiếp ở ba tiếng cuối câu thơ thứ ba tạo nên âm hưởng chắc khỏe cho lời thơ, đồng thời thể hiện một tư thế, một tâm hồn, một bản lĩnh cứng cỏi, vững vàng, chắc chắn.

Vì thế, chiếc bàn đá chông chênh kia thực chất là hình ảnh ẩn dụ để chỉ "tấm lòng vững như bàn thạch của người cách mạng đã nhìn đá ra bàn..." (Chế Lan Viên). Câu thơ đã dựng lên hình tượng người chiến sĩ cách mạng trong một tư thế uy nghi, sừng sững, thật lớn lao trong một không gian rừng núi yên tĩnh. Và Bác hiện lên như một ông tiên giáng trần đang đọc sách và thưởng ngoạn cảnh núi non lâm tuyền ở Pác Pó. Khép lại bài thơ, lời thơ thẳng thắn, nhẹ nhàng, chất chứa một nụ cười lạc quan: Cuộc đời cách mạng thật là sang. Chỉ cần nhắc tới hai tiếng "cách mạng" thôi là chúng ta đã cảm thấy sự hiểm nguy, vất vả và gian khó như thế nào. Vậy mà Bác lại cảm thấy việc làm đó "thật là sang".

Phải chăng cái "sang" mà Bác nói tới ở đây là vì giờ đây Bác đang được sống với thiên nhiên núi rừng Pác Pó, nơi quê hương Việt Nam yêu dấu mà suốt cả cuộc đời Người muốn đấu tranh để bảo vệ nó, và cao hơn, cái "sang" của công việc làm cách mạng đó là ý nghĩa, mục đích tôn chỉ cao đẹp mà Bác làm là: cứu dân, cứu nước, đem lại hòa bình, hạnh phúc cho nhân dân.

Bởi cả cuộc đời Bác đều dành trọn cho cách mạng vì nước, vì non. Ta đọc trong câu thơ là một tấm lòng rộng mở, một nhân cách vĩ đại, lớn lao ở Người:

Bác ơi! tìm Bác mệnh mệnh thế

Bài thơ được viết theo thể thơ tứ tuyệt, có sự kết hợp giữa chất cổ điển và tinh thần hiện đại, giọng điệu dí dỏm, vui tươi, ngôn từ dễ hiểu, giản dị, hình ảnh đời thường mộc mạc... tất cả đã làm nên thành công của tác phẩm. Khép lại trang thơ, người đọc thấy được một tinh thần lạc quan, một phong thái ung dung thanh thản, một bản lĩnh thép cứng cỏi, phi thường vượt lên trên gian khó và luôn mang trong mình trái tim nhân hậu, bao dung: yêu thiên nhiên, yêu đất nước sâu sắc ở Hồ Chí Minh.

ĐỀ SỐ 18: Phân tích bài thơ “Đi đường”(Tẩu lộ) của nhà thơ- chiến sĩ Hồ Chí Minh.

BÀI LÀM

M.Goóc-ki từng nói “Kì lạ thay con người!”. Con người đến với cuộc đời và khẳng định sự tồn tại của mình bằng chính ý chí, nghị lực và một trái tim bao la. Đường đời với biết bao thử thách chính là lửa thử vàng để vàng càng sáng. Trong tập thơ Nhật kí trong tù, ta luôn bắt gặp một con người như thế. Bài thơ “Đi đường” cũng giống như những bài thơ chuyển lao khác như: Đi Nam Ninh, Chiều tối, Giải đi sớm, ... không chỉ diễn tả nỗi gian nan của người tù trên bước đường chuyển lao mà hơn hết thể hiện một thái độ mang tính chất triết lí trước những chặng đường đời đầy thử thách và phong thái của một con người có tầm vóc cao cả.

Câu thơ đầu tiên Bác dành để nói về việc đi đường. Nhưng không phải là lời kêu than của một người đã trải qua biết bao chặng đường chuyển lao mà nó như một lời khẳng định, suy ngẫm bằng sự trải nghiệm thấm thía của chính người đi đường:

“Đi đường mới biết gian lao

Núi cao rồi lại núi cao trập trùng.”

Câu thơ như một triết lí của con người từng trải. Có đi đường, có trải qua những khó khăn vất vả trên những chặng đường mới thấm thía được nỗi gian nan, mới biết gian khổ là gì. Bài học này không có gì là mới lạ nhưng phải bằng chính những thử thách, trải nghiệm của bản thân mới có sự nhận thức sâu sắc được như vậy. Câu thơ giản dị mà chứa đựng cả một chân lí hiển nhiên. “Trùng san chi ngoại hựu trùng san”. Điệp từ “trùng san” như mở ra trước mắt người đọc cả một con đường gập ghềnh những núi, càng nhấn mạnh sự trải dài như vô tận, không dứt hết lớp núi này đến lớp núi

khác. Con đường đó dường như đối lập với sức người, vắt cạn sức lực của con người. Phải vượt qua con đường như thế mới có thể thấu hiểu được cái chân lí tưởng chừng như giản đơn: “Đi đường mới biết gian lao” mà Bác đã nói ở trong câu thơ đầu.

Hai câu thơ chỉ đơn giản nói chuyện đi đường vất vả, không hề trực tiếp miêu tả hình ảnh người đi đường. Nhưng ta vẫn thấy hình ảnh người đi đường xuất hiện. Con người ở đây không phải xuất hiện trong trạng thái thanh thoi ngồi ngắm quăng đường với trập trùng những núi, không phải lữ khách du ngoạn để ngắm cảnh non sông, mây trời mà là một người tù đang phải trên đường chuyển lao. Vai đeo gông, chân mang xiềng xích, đói khát phải vượt qua bao đèo cao, dốc sâu, vực thẳm, qua những con đường núi non hiểm trở. Chữ “hự” đứng giữa hai câu thơ dịch không chỉ diễn tả sự nối tiếp của núi non mà còn diễn tả sự vất vả của người tù. Chưa hết con đường này thì con đường núi khác đã hiện ra trước mắt, chưa hết khó khăn này thì một khó khăn khác lại ngáng trở phía trước. Thế nhưng, câu thơ không phải là tiếng thở dài, là lời than thở của người đi đường, mà chỉ là chân lí của người chiến sĩ cách mạng đúc rút được trên con đường chuyển lao, trong quá trình hoạt động cách mạng của mình.

Hai câu thơ tiếp theo làm người đọc sững sốt. Nếu như hai câu thơ đầu là chân lí, thì hai câu thơ sau bỗng vút lên nhẹ nhàng:

“Núi cao lên đến tận cùng

Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non”

Câu thơ thứ ba tiếp tục tả núi. Không chỉ dừng lại ở việc núi cao rồi lại núi cao trập trùng mà con đường đi đã được đẩy lên đến tột cùng khó khăn, hiểm trở “lên đến tận cùng”. Câu thơ dường như là một sự reo vui của người tù khi đã vượt qua được hàng ngàn núi cao, dốc sâu để lên được tới đỉnh núi cao nhất, tận cùng nhất. Ta như bắt gặp ở đây một chủ đề quen thuộc: đăng cao và một phong thái mang cảm giác vũ trụ của con người: Đăng cao, viễn vọng. Khi lên đến đỉnh núi cao rồi, cũng là lúc con người ta có thể phóng tầm mắt bao quát và chiếm lĩnh cả một khoảng không bao la, như làm chủ vũ trụ, đất trời. Con người khi đó như trong tư thế của một người chiến thắng. Con người tự nhiên như được tạo một dáng vẻ hiên ngang, ngạo nghễ giữa một vũ trụ bao la như một du khách dạo chơi nhàn tản giữa non nước mây trời. Trong tư thế đó, con người như một “tiên ông dạo cốt”. Những khó khăn của đường đi không

thể cầm tù, giam hãm được con người trong những dãy núi. Con người như đang cố gắng vươn lên làm chủ chặng đường của mình.

“Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non”. Câu thơ cuối là đỉnh điểm của cảm xúc. Có niềm vui khôn xiết của một con người đã vượt qua được bao khó khăn, khổ ải để có thể tận hưởng được cảnh nước non mây trời. Tưởng chừng như mọi khó khăn đều lùi xa, chỉ còn lại một con người làm chủ thiên nhiên, đất trời với phong thái ung dung, tự tại đầy lạc quan. Đến đây đất trời và con người như hòa làm một. Bài thơ vút lên trong một niềm cảm hứng lãng mạn.

Đi đường là một bài thơ ngắn nhưng chứa đựng một bài học lớn lao, nói về con đường có thực trong những năm tháng tù đầy, chuyển lao hết nhà lao này đến nhà lao khác. Nhưng hơn hết, nó không chỉ đơn giản chỉ là con đường thật với núi non hiểm trở. Đó còn là con đường với biết bao chông gai thử thách. Những khó khăn đó không thể làm cho con người lùi bước. Bài thơ như một niềm tin sắt đá. Đường đời dù có gian nan, vất vả đến đâu nhưng chỉ cần con người kiên trì, nhẫn nại và quyết tâm vượt qua cuối cùng sẽ đến đích. Khi đó con người sẽ lên được tới đỉnh cao của vinh quang, trí tuệ và làm chủ được những giá trị đích thực của cuộc sống.

Bài thơ “Đi đường” (Tẩu lộ) không chỉ là bức tranh về con đường chuyển lao đầy rẫy nhọc nhằn trở ngại, đó còn là bức tranh chân dung tinh thần tự họa Hồ Chí Minh. Từ bài thơ, người đọc có thể cảm nhận hình ảnh Bác vừa có thần thái ung dung, bình tĩnh của một bậc tiên phong đạo cốt vừa có nét kiên cường rắn rỏi, đầy lạc quan của một người chiến sĩ cách mạng. Và như thế, bài thơ “Đi đường” cùng với nhiều bài thơ khác trong tập thơ Nhật kí trong tù thực sự là một đóa hoa đáng trân trọng của văn học Việt Nam.

ĐỀ SỐ 19: Ngắm trăng - một cuộc vượt ngục về tinh thần của nhà thơ- chiến sĩ Hồ Chí Minh.

BÀI LÀM

Thân thể ở trong lao

Tinh thần ở ngoài lao.

Đó là tinh thần của người tù Hồ Chí Minh. Dẫu bị giam cầm xiềng xích, thân thể bị đọa đầy nhưng không ai có thể giam hãm được tinh thần của Người. Không những thế, trong nhà ngục, Hồ Chí Minh vẫn để cho tâm hồn thi sĩ của mình bay bổng, vượt ra ngoài nhà lao đến với thiên nhiên, với người bạn trăng tri kỷ. Mở Nhật kí trong tù mấy ai không cảm thấy thích thú và xúc động bồi hồi khi đọc đến bài thơ “Ngắm trăng” của Bác. Có thể nói ***Ngắm trăng- chính là một cuộc vượt ngục về tinh thần của nhà thơ- chiến sĩ Hồ Chí Minh.***

Trong thời gian bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam, giải đi gần 30 nhà giam của 13 huyện thuộc tỉnh Quảng Tây bị đọa đầy hơn một năm trời. Thời gian này người đã viết Nhật kí trong tù gồm 113 bài. Bài thơ ngắm trăng được trích từ tập thơ này. Bài thơ ghi lại cảnh ngắm trăng trong tù từ đó nói lên tình yêu trăng yêu thiên nhiên tha thiết mong muốn được hòa mình vào trong thiên nhiên cảnh vật.

Cuộc ngắm trăng của Bác diễn ra qua bốn dòng thơ ngắn gọn mà ta thấy được cái hồn hòa nhập vào thiên nhiên, quyến luyến gắn bó với thiên nhiên của một vị lãnh tụ. Với Bác bất cứ ai ngắm trăng thì cũng được trăng ngắm lại vẻ đẹp của con người cũng đủ sức làm say đắm vàng trăng. Điều đó không chỉ khẳng định cái hay mới lạ trong bút pháp mà còn thấy được nét tinh tế hiện đại của Người khi tìm đến một thi liệu đã quen thuộc trong cổ điển. Ngắm trăng, thưởng thức trăng đối với Bác Hồ là một tâm hồn rất yêu đời và khát khao tự do, tự do cho con người và tự do và tự do hưởng mọi vẻ đẹp của thiên nhiên xứ sở. Dù trong hoàn cảnh nào Bác vẫn luôn hướng đến thiên nhiên hòa nhập vào thiên nhiên. Nhưng cũng chính vào những phút giây căng thẳng như thế, Hồ Chí Minh lại cũng tìm được cách để giành lấy một sự thư thái, nó là trạng thái cân bằng không thiếu được, nói như cách nói tâm lý học: Bác đã tự phân thân để có một cuộc sống thứ hai - nghĩa là từ trong tâm thức, Người đã mang sẵn cốt cách một thi nhân. Và ở đây ta đang nói đến những ngày tù ngục trong nhà tù Quốc dân Đảng Trung Quốc, cuộc sống thứ hai trong khung cảnh tù đầy của Hồ Chí Minh là cuộc sống bên trong, cuộc sống hướng nội. Hướng nội - trong cách nhìn sự vật, trong cách độc thoại với chính mình, và hướng nội cả trong cách "vượt ngục" bằng "ý tại ngôn ngoại" của những vần thơ tù.

Ở đây sự "vượt ngục" đã hoàn thành một cách thần kỳ, sự phấn đấu trở nên hài hòa, hồn nhiên, thư thái: "Trong tù không rượu cũng không hoa" là việc cố nhiên. Nhưng

"Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ" không phải việc cố nhiên nữa. Chúng ta sống trong cõi đời tự do mà còn chẳng để ý đến sự tròn khuyết của vầng trăng ngay trên đầu, nói chi đến một người tù. Câu thứ hai đã là một tâm hồn thi nhân - hiền triết trong sáng và tinh tế. Thấy trăng đẹp mà bối rối cả tâm trí: "Làm thế nào bây giờ" quả là một tâm hồn thơ mộng. Cái thơ mộng này sóng đôi với cái thực tế trên tạo nên một thi vị rất Hồ Chí Minh. Bác yêu rất nghệ sĩ vầng trăng trên đầu, nhưng Bác cũng không quên rất cụ thể cái cùm sắt dưới chân. Thơ mộng nhưng không viển vông. Thiết thực nhưng không chặt đi đôi cánh lãng mạn của trí tưởng. Ba yếu tố rượu, hoa, trăng thì thiếu mất hai rồi. Nhưng tâm hồn nhà thơ vẫn dọn một bữa tiệc thưởng nguyệt độc đáo:

"Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ

Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ"

Ít thấy ai thương trăng trong cái tư thế lạ kì này. Đọc lại nguyên văn chữ Hán để thấy rõ hơn vị trí của ba "nhân vật": Người, trăng và cái song sắt nhà tù. "Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt, Nguyệt tòng song khích khán thi gia". Nhân, nguyệt rồi nguyệt, thi gia ở hai đầu câu thơ, cái song sắt chắn giữa. Trong mối tương giao tri kỉ tri âm giữa con người và vầng trăng, cái song sắt hiện lên thật thô bạo và bất lực. Hồ Chí Minh ngắm trăng rất giống người xưa trong niềm say mê cái đẹp thiên nhiên nhưng cũng khác người xưa trong sự phát hiện vẻ đẹp của cõi người. Người xưa ngắm trăng thấy trăng đẹp trăng trong càng ngậm ngùi cho cõi đời trầm luân cát bụi. Với Hồ Chí Minh, người ngắm trăng, mê trăng thì trăng cũng mê người. Đây không chỉ là cái hay của bút pháp mà chính là vẻ đẹp của một nhân sinh quan. Cũng cần chú ý thêm: Để biểu hiện con người, ở đầu câu thơ trên tác giả dùng chữ nhân, ở cuối câu thơ dưới tác giả dùng thi gia. Hai chữ ấy, cố nhiên, vẫn chỉ là một đối tượng, nhưng đã có sự biến đổi: Trước cuộc ngắm trăng, đây là người tù, sau cuộc ngắm trăng người tù biến mất và xuất hiện nhà thơ. Rõ ràng đã có một cuộc "vượt ngục", và như đã nói trên: Cuộc "vượt ngục" đã hoàn thành một cách thần kì.

Bác đã quên đi trong phút chốc cái hiện thực phũ phàng, nghiệt ngã chốn lao tù để thanh thoi mà "thưởng nguyệt" như cái thú thanh cao của thi sĩ muôn đời. Vẻ đẹp thiên nhiên ở đây giản dị mà độc đáo: Ánh trăng soi qua khung cửa sổ nhà lao và trở thành tri âm, tri kỉ của người tù. Cả hai đều thanh thản, ung dung vượt qua song sắt, chiến thắng ngục tù đến với nhau bằng sức mạnh của tình yêu – yêu ánh sáng, cái đẹp

và tự do. Và kì lạ thay, dưới đôi mắt trong của minh nguyệt không phải người tù hoặc một người bình thường nào khác mà là một thi gia (nhà thơ). Sự thay đổi cách dùng từ người ở câu trên thành nhà thơ ở câu dưới cũng là câu kết, lời kết của bài thơ đầu phải ngẫu nhiên. Đó là sự hóa thân kì diệu, là giây phút tỏa sáng của tâm hồn nhà thơ.

Trước ánh trăng sáng, Hồ Chí Minh đã cảm nhận được tất cả vẻ đẹp, vẻ thanh cao của trăng như những nhà thơ xưa (Nguyễn Trãi, Lí Bạch...) đồng thời còn thấy thêm vẻ đẹp, sức sống của con người. Mặc dầu con người đang sống giữa gông xiềng. Bài thơ mở ra là hình ảnh nhà tù với biết bao thiếu thốn, giữa bài thơ là trăng sáng – đến cuối bài là hình ảnh con người trong thân phận bị giam cầm giữa song sắt đã thành nhà thơ đang say sưa mơ mộng... Hình ảnh, âm điệu, ngôn từ cứ sáng dần, đẹp lên, chan chứa một niềm vui, niềm lạc quan. Thơ Bác Hồ giống Đường thi ở cái dáng vẻ bên ngoài, nhưng rất khác ở cốt cách, tâm hồn, ý chí bên trong. Đó là tâm hồn thi sĩ trong con người chiến sĩ luôn hòa quyện vào nhau.

Bài thơ “Ngắm trăng” là một dẫn chứng sinh động chứng minh cho hai câu thơ mà Hồ Chí Minh viết ngoài bìa tập Nhật ký trong tù: Thân thể ở trong lao/Tinh thần ở ngoài lao. Vì lẽ đó, giữa bao bài thơ trăng của Bác, bài “Ngắm trăng” có vẻ đẹp giản dị và khác lạ. Bài thơ **chính là một cuộc vượt ngục về tinh thần của nhà thơ- chiến sĩ Hồ Chí Minh**. Thi phẩm còn là một bức tranh chân dung tinh thần tự họa của Hồ Chí Minh. Và như thế, bài thơ thực sự là một thi phẩm đáng trân trọng trong kho tàng thi ca Việt Nam.

ĐỀ SỐ 20: Nhà phê bình văn học Hoài Thanh cho rằng: “Thơ Bác đầy trăng”.

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Bằng hiểu biết của mình về những bài thơ của Bác, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

BÀI LÀM

Ánh trăng vốn là nguồn cảm hứng vô tận của rất nhiều thi sĩ. Ở mỗi nhà thơ ánh trăng có nét độc đáo riêng và trăng trong thơ Bác cũng vậy. Thơ Bác đầy trăng, trăng tròn, trăng sáng, trăng trên mọi nẻo đường Bác đã đi qua. Có vàng trăng trong cảnh tù đầy. Có vàng trăng kháng chiến. Có vàng trăng thanh bình. Trong thơ Bác có nhiều bài thơ viết về ánh trăng. Chính vì vậy, khi nhận xét về thơ Người, nhà phê bình Hoài Thanh cho rằng: “ *Thơ Bác đầy trăng*”. Thơ trong tù, thơ chiến khu... có

nhiều bài, nhiều câu thơ nói về vàng trăng xinh đẹp và trữ tình. Trong đó, ấn tượng nhất có lẽ chính là ánh trăng trong hai bài thơ “ Rằm tháng giêng”(Nguyên tiêu) và “Ngắm trăng” (Vọng nguyệt) của Người.

Trăng là một trong số những hình tượng thiên nhiên quen thuộc trong thơ ca. “Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông,...” là những chất liệu và là nguồn cảm hứng của người nghệ sĩ. Trong thơ Bác, những hình ảnh thiên nhiên này cũng thường xuyên xuất hiện, đặc biệt hình ảnh “trăng” luôn xuất hiện hết sức tự nhiên. “ *Thơ Bác đầy trăng*”. Nhận xét của Hoài Thanh tuy ngắn gọn nhưng đã nêu được chính xác và đầy đủ, sâu sắc về đề tài trăng trong thơ Bác. Bác có rất nhiều những bài thơ viết về ánh trăng như một nhà nghiên cứu đã từng nhận xét “ trong thơ Bác, trăng với sao là bạn”. Quả thật, Trăng xuất hiện rất nhiều trong thơ Người và mang những vẻ đẹp khác nhau: có lúc trăng là hình ảnh thiên nhiên thơ mộng, có lúc trở thành người bạn tâm giao, cũng có khi trở thành những biểu tượng nghệ thuật đầy sức gợi.

Trước hết nói về trăng trong Nhật kí trong tù, “Ngắm trăng” là bài thơ tuyệt tác. Trong ngục tối, nhà thơ không có rượu, có hoa để thưởng trăng. Trăng như một người bạn thân từ phương trời xa, vượt qua song sắt nhà tù đến thăm Bác. Trăng được nhân hóa tuyệt đẹp: có ánh mắt và tâm hồn. Vượt lên mọi cơ cực của cảnh tù đầy. Bác say sưa ngắm vàng trăng. Trăng với Bác lặng lẽ nhìn nhau, cảm động. Bài thơ ghi lại một tư thế ngắm trăng hiếm thấy. Một tâm hồn tha thiết yêu thiên nhiên, tạo vật, một phong thái ung dung tự tại của nhà thơ – chiến sĩ. Trăng hữu tình nên thơ. Trăng với người tù cảm thông chan hòa trong mối tình tri kỉ.

Trong câu thơ đầu tác giả đã kể ra những thiếu thốn trong tù: "Trong tù không rượu cũng không hoa". Trong tù thì thiếu thốn biết bao nhiêu là thứ nào là cơm nước quần áo nào chần màn nhất là trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch thì cái thiếu thốn ấy lại càng được tăng lên gấp bội khi giam cầm một nhà chính trị một nhà cách mạng.

Nhưng đối với Hồ Chí Minh thì những thứ thiếu thốn lại là "rượu" và "hoa" phải chăng bởi đó là những thứ không thể thiếu khi người thi nhân ngắm trăng ngắm vẻ đẹp của chị Hằng. Bởi khi có rượu có hoa thì mới đủ thi vị ngắm trăng, khi đó người thi sĩ sẽ không còn cảm thấy cô đơn với thiên nhiên nữa. Trong tù thiếu thốn là thế

nhưng tác giả kể với một tâm trạng hoàn toàn vui vẻ chấp nhận mọi thiếu thốn hoàn cảnh.

Theo lẽ thường thì khi bị nhốt trong tù thì con người ta sẽ thường ngột ngạt khó chịu và thơ viết muộn phiền cả ngày. Nhưng đối với tâm hồn yêu thiên nhiên của Hồ Chí Minh thì hoàn toàn khác. Trong tâm trí của người lúc nào cũng là thiên nhiên là cảnh vật, yêu thiên nhiên muốn ra ngoài làm bạn với thiên nhiên nhưng tâm trạng nhà thơ không giống như Tố Hữu bức bối khi nhìn thấy thiên nhiên

"Ngột làm sao chết uất thôi

Khi con tu hú ngoài trời cứ kêu

Hồ Chí Minh đã quên đi cái thân phận của người tù đã quên đi tất cả những cơ cực của nhà tù để đón nhận thiên nhiên đón nhận vẻ đẹp của ánh trăng đón nhận một đêm trăng đẹp với tư cách một thi nhân hơn nữa là một thi gia. Vẫn tâm trạng đó được nhuộm màu sang câu thơ tiếp theo.

"Đổi thử lương tiêu nại nhược hà"

(Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ)

Trong thơ nguyên tác câu thơ thứ hai là hỏi nhưng trong bản dịch lại là câu trần thuật làm mất đi cái ý tưởng đẹp của câu thơ, Sự bối rối xúc động trong bản dịch của nhà thơ bị mất đi thay vào đó là sự phủ định (khó hững hờ), sự bối rối xúc động của nhà thơ không còn nữa.

Trước cảnh đẹp đêm trăng như thế người thi sĩ không biết làm thế nào khi cảnh đẹp huyền ảo như thế, Nhà thơ không thể cưỡng lại được vẻ đẹp của thiên nhiên, Câu hỏi tự nhiên ấy cho thấy lòng yêu thiên nhiên say đắm và khát khao được thưởng thức cái đẹp của Bác. Ta thấy câu hỏi ấy là một câu hỏi băn khoăn đối với người đọc nhưng đối với Bác đó là một câu hỏi tu từ nhằm nhấn mạnh cách giải quyết tối ưu của mình. Ánh trăng thanh khiết vời vời kia như thúc giục mời gọi thi nhân hãy ra ngoài chốn tự do để giao hòa chia sẻ. Thế là mặc thiếu thốn vật chất thiếu thốn "không rượu cũng không hoa" mặc không gian chật hẹp của nhà tù mặc cho song sắt ngoài cửa sổ hai tâm hồn để hòa nhập vào nhau thả hồn cho nhau và Bác gửi gắm vào đó khát vọng tự do và người tù ngấm trăng với một tâm thế (vượt ngục).

"Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt

Nguyệt tòng song khích khán thi gia"

Trong bản dịch là

"Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ

Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ"

Hai câu thơ bản dịch cũng kém phần đăng đối hơn so với phiên âm hơn nữa tư nhòm và ngắm trong bản dịch là hai từ đồng nghĩa khiến cho bản dịch không đảm bảo được sự cô đúc cả ý tứ của thể thơ. Trong hai câu thơ bác sử dụng nghệ thuật đăng đối tài tình và sử dụng nghệ thuật nhân hóa đúng lúc làm cho trăng và người trở nên gần gũi thân thiết trở thành tri âm tri kỉ cùng hành động như nhau cùng vượt qua song sắt của nhà tù để đến với nhau.

Ở đây trăng và người đều là sự hóa thân của Bác, sự hóa thân của một tâm hồn vừa là nghệ sĩ vừa là chiến sĩ yêu tự do chủ động tìm đến cái đẹp mà không nhà ngục nào ngăn cản được. Trong bài thơ này quan hệ giữa người và trăng là quan hệ gần gũi bình đẳng. Trăng có vẻ đẹp của trăng người có vẻ đẹp của tâm hồn Trăng vượt song sắt của nhà tù không ngắm tù nhân hay người bị giam mà ngắm thi gia. Đây là giây phút thăng hoa tỏa sáng trong con người Bác và đây cũng là lần đầu tiên Bác tự thi gia.

Trong giây phút này chỉ với tư cách là thi gia mới có thể giao lưu thân mật cùng ánh trăng kia. Vàng trăng là biểu tượng cho vẻ đẹp vĩnh hằng của vũ trụ, niềm khao khát muôn đời của các thi nhân. Vậy mà nay vàng trăng lên mình qua song sắt chật hẹp, đặt chân vào chốn lao tù ảm uớt để chiêm ngưỡng nhà thơ hay chính là tâm hồn nhà thơ vậy. Điều đó thể hiện vẻ đẹp trong con người Hồ Chí Minh.

Tác phẩm cho thấy cho dù ở trong hoàn cảnh đặc biệt bị giam hãm trong tù không có rượu cũng chẳng có hoa nhưng Bác vẫn không hề chán nản tuyệt vọng mà ngược lại người vẫn giữ được phong thái ung dung tự tại và hòa mình vào thiên nhiên hơn nữa người đã hoàn thành một cách ngoạn mục cuộc vượt ngục bằng tinh thần để rồi đắm mình trong không gian rộng lớn mênh mông và thơ mộng cùng ánh trăng ngoài song sắt nhà tù.

Nghệ thuật trong bài Ngắm trăng của Bác giống như các cuộc ngắm trăng khác trong những bài thơ Bác viết khi chịu cảnh tù đầy. Song có thể nói mỗi bài thơ Bác viết và trăng lại có những nét riêng: trăng đầy sức sống đầy sức xuân trong **Rằm tháng giêng** trăng thi vị và tri kỉ trong **Báo tiệp**. Nói chung trong tất cả những bài thơ này bác đều đã cho người đọc thấy vẻ đẹp của một tâm hồn thi sĩ luôn mở rộng lòng để giao hòa cùng với thiên nhiên.

Ngắm trăng, thưởng trăng đối với Bác Hồ là một nét đẹp của tâm hồn rất yêu đời và khát khao tự do. Tự do cho con người. Tự do để tận hưởng mọi vẻ đẹp thiên nhiên của quê hương xứ sở. Dù trong hoàn cảnh ngục tù đau khổ thiếu thốn nhưng Bác vẫn tự tạo cho mình một tư thế ngắm trăng tuyệt đẹp.

Có thể khẳng định rằng, thế giới tâm hồn Người và sáng tác của Người vừa gần gũi với chúng ta, vừa có vẻ đẹp riêng độc đáo. Người ta ví Bác và văn thơ của Bác như ánh sáng ban ngày: ánh sáng trong suốt không màu, nhưng thực ra có đủ cả bảy sắc cầu vồng. Bài thơ “Nguyên tiêu” (Rằm tháng giêng) mang phong vị “những sắc cầu vồng” ấy.

‘ Rằm tháng giêng’ là bài thơ về trăng chiến khu của Bác. Năm 1948, tại chiến khu Việt Bắc, Bác Hồ cùng Trung ương Đảng và Chính phủ mở cuộc họp tổng kết về tình hình quân sự thời kì đầu kháng chiến chống Pháp (1947 – 1948). Sau khi họp xong thì đêm cũng đã khuya. Hình ảnh ánh trăng sáng lan tỏa khắp không gian núi rừng rộng lớn. Cùng với sự giao hòa của cảnh vật và con người. Chính bức tranh đầy thơ mộng ấy khơi gợi cảm hứng để Bác sáng tác bài thơ này:

*“Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên,
Xuân giang, xuân thủy tiếp xuân thiên;
Yên ba thâm xứ đàm quân sự,
Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền.”*

Câu thơ mở đầu gọi ra cho người đọc hình dung về một đêm rằm tháng giêng, ánh trăng đúng lúc tròn và sáng nhất. Ánh trăng dường như sáng đến độ có thể thấp sáng vạn vật. Để rồi cả “sông xuân”, “nước xuân”, “trời xuân” cũng lẫn màu ánh trăng. Từ “xuân” được điệp lại đến ba lần gọi ra một không gian thật rộng lớn. Từ “tiếp” gọi cho người đọc hình dung ra hình ảnh bầu trời và mặt đất dường như không còn khoảng cách để rồi như hòa hợp lại thành một. Trong thơ ca cổ, những hình ảnh “giang, thủy, nguyệt, thiên” vốn đã rất quen thuộc nhưng khi đi vào thơ Bác lại làm nổi bật nên một bức tranh đầy hiện đại mang vẻ tươi sáng, rực rỡ và tràn đầy sức sống của vạn vật.

Để rồi, đến khi con người xuất hiện thì bức tranh ấy lại càng tuyệt đẹp. Giữa màn sương khói mờ ảo, con người hiện ra trong công việc “đàm quân sự” - một công việc quan trọng, có liên quan đến sự sống còn của dân tộc. Trên con thuyền bồng bềnh nơi

sông nước sương khói mờ ảo kia không phải là những người ẩn sĩ trong thơ ca xưa khi tìm về với chốn thiên nhiên để tránh khỏi những thị phi của cuộc đời giống như trong thơ của Cao Bá Quát:

“Thế sự thăng trầm quân mặc vấn

Yên ba thâm xứ hữu ngư châu”

(Việc thế thăng trầm anh chớ hỏi

Mênh mông khói sóng chiếc thuyền câu)

Mà đó là hình ảnh của những người chiến sĩ cách mạng đang bàn bạc việc quân, việc nước. Khi khắc họa hình ảnh này, Bác đã làm nổi bật lên tâm hồn cao đẹp của những chiến sĩ cách mạng - họ là những con người yêu nước, thương dân, một lòng kiên trung với cách mạng. Công việc quan trọng của quốc gia lại được bàn bạc trên con thuyền giữa dòng sông khói tỏa mịt mù cũng gợi lên một hình ảnh độc đáo lại nên thơ. Chỉ đến khi công việc bàn bạc đã xong xuôi, người chiến sĩ mới giật mình nhận ra đêm đã quá khuya. Ánh trăng lúc này giống như đang lùa vào thuyền, vào hồn nhà thơ vấn vít. Trăng dâng đầy lai láng trên con thuyền của người chiến sĩ cách mạng khiến con thuyền để “bàn quân sự” giờ đây vụt biến thành con thuyền thơ đầy ảo mộng. Hình ảnh dường như đã lay động tâm hồn nhà thơ. Khi công việc nước đã xong xuôi, Người mới có thời gian ngắm nhìn thiên nhiên bằng một trái tim say mê nhất. Cảnh tượng thiên nhiên khiến tâm hồn thi sĩ rung động, bồi hồi.

Bài thơ như một đóa hoa xuân đẹp trong vườn hoa dân tộc, là tinh hoa kết tụ từ tâm hồn, trí tuệ, đạo đức của Hồ Chí Minh. Văn tức là người. Thơ là tấm lòng, là tiếng lòng cộng hưởng từ một người với muôn người. Thơ Bác Hồ tuy nói đến "trăng, hoa, tuyết, nguyệt.." nhưng đã phản ánh tâm tư, tình cảm, lẽ sống cao đẹp của Bác. Bác yêu nước, thương dân tha thiết nên Bác càng yêu đêm nguyên tiêu với vàng trắng xuân thơ mộng. Trong kháng chiến gian khổ, Bác đã hướng tới vàng trắng “ Rằm tháng giêng”, hướng tới bầu Trời xuân với tâm hồn trong sáng và phong thái ung dung.

Thơ viết về trăng của Bác thì rất nhiều nhưng ở mỗi bài hình ảnh trăng lại có vẻ đẹp riêng . Nếu bài “Cảnh khuya” tả cảnh trăng rừng lồng vào vòm cây, hoa lá tạo bức tranh nhiều tầng, nhiều đường nét thì “Rằm tháng giêng” tả cảnh trăng rằm tháng

giêng trên sông nước, có không gian bát ngát, tràn đầy sức xuân. Trăng là biểu tượng cho vẻ đẹp của thiên nhiên, của non xanh nước biếc. Bác yêu trăng và viết nhiều thơ về trăng, cũng bởi Bác giàu lòng yêu thương con người. Chính vì vậy, khi đọc những bài thơ của Bác viết về ánh trăng, chúng ta không chỉ cảm nhận được tình yêu trăng nói riêng, tình yêu thiên nhiên nói chung của Bác mà ta còn thấy được niềm khao khát tự do cháy bỏng và tình yêu đất nước tha thiết, sâu đậm của Người.

Yêu cái đẹp trong thơ trăng của Bác, cái đẹp trong thơ trăng cổ nhân, chúng ta học tập tình yêu nước, thương dân của Bác. Ước sao đất nước mãi mãi tỏa sáng vàng trăng thanh bình, trăng thu tròn và đẹp cho tuổi thơ, trăng đến với mọi người, mọi nhà trong ấm no, hạnh phúc. Cuộc đời không thể thiếu vàng trăng. Biết yêu trăng cũng là biết sống đẹp. "Nguyên tiêu" là một bài thơ trăng tuyệt bút của nhà thơ Hồ Chí Minh. Con thuyền chở đầy ánh trăng cũng là con thuyền kháng chiến đang hướng tới chiến công và niềm vui thắng trận.

Có thể nói, xuyên suốt thơ văn của Bác là hình ảnh ánh trăng cùng vận động với lịch sử, cùng bao biến cố và cùng với tâm hồn Người. Nhận xét của Hoài Thanh quả thật chính xác. Bởi sự hiện diện của ánh trăng tràn đầy trong thơ Bác. Và vì vậy, trăng đã trở thành một trong những hình tượng thiên nhiên trung tâm và nổi bật trong thơ của Bác. “Thơ Bác đầy trăng”- ánh trăng đã cho thấy vẻ đẹp tâm hồn của Người. Đó là người thi sĩ lãng mạn, tài hoa nhưng đồng thời cũng là người chiến sĩ cách mạng với tinh thần “thép”. Trăng trong thơ Người không chỉ là ẩn dụ cho tình yêu thiên nhiên mà còn thể hiện tinh thần yêu nước cùng quyết tâm giải phóng dân tộc.

1. Cuộc sống còn tuyệt vời biết bao trong thực tế và trên trang sách. Nhưng cuộc sống cũng bi thảm biết bao. Cái đẹp còn trộn lẫn niềm sầu buồn. Cái nên thơ còn lóng lánh giọt nước mắt ở đời. **(Trích trong Nhật ký của Nguyễn Văn Thạc)**
2. Tôi hãy còn một trái tim, một dòng máu nóng để yêu thương, cảm thông và chia sẻ. **(Dostoevski)**
3. Điều duy nhất có giá trị trong cuộc đời chính là những dấu ấn của tình yêu mà chúng ta đã để lại phía sau khi ra đi. **(Albert Schweitzer)**
4. Chi tiết làm nên bụi vàng của tác phẩm. **(Pauxtopxki)**
5. Con hãy lắng nghe nỗi buồn của cành cây héo khô, của chim muông què quặt, của hành tinh lạnh ngắt. Nhưng trước hết con hãy lắng nghe nỗi buồn của con người. **(Nadimetlicmet)**
6. Tác phẩm nghệ thuật sẽ chết nếu nó miêu tả cuộc sống chỉ để miêu tả, nếu nó không phải là tiếng thét khổ đau hay lời ca tụng hân hoan, nếu nó không đặt ra những câu hỏi hoặc trả lời những câu hỏi đó. **(Bêlinxki)**
7. Văn học là nhân học **(M. Gorki)**
8. Nhà văn là người cho máu **(Nữ văn sĩ Pháp Elsa Trisole)**
9. Một nghệ sĩ chân chính phải là một nhà nhân đạo từ trong cốt tủy **(Sê – Khốp)**
10. Không có gì nghệ thuật hơn bản thân lòng yêu quý con người **(Van Gốc)**
11. Văn chương bắt hủ cỗ kim đều viết bằng huyết lệ **(Lâm Ngũ Đường)**
12. Con người đến với cuộc sống từ nhiều nẻo đường, trên muôn vàn cung bậc phong phú nhưng tiêu điểm mà con người hướng đến vẫn là con người. **(Đặng Thai Mai)**
13. Tư tưởng nhân đạo xuyên suốt văn học từ xưa đến nay. Khái niệm nhân đạo có những tiền thân của nó, trong lời nói thông thường đó là “tình thương, lòng thương người” **(Lê Trí Viễn)**
14. Thanh nam châm thu hút mọi thế hệ vẫn là cái cao thượng, cái đẹp và cái nhân đạo của lòng người. **(Xê – Lê – Khốp)**
15. Cốt lõi của lòng nhân đạo là lòng yêu thương. Bản chất của nó là chữ tâm đối với con người **(Hoài Chân)**

16. Nếu như cảm hứng nhân bản nghiêng về đồng cảm với những khát vọng rất người của con người, cảm hứng nhân văn thiên về ngợi ca vẻ đẹp của con người thì cảm hứng nhân đạo là cảm hứng bao trùm. **(Hoài Thanh)**

17. Nghệ thuật là sự vươn tới, sự níu giữ mãi mãi. Cái cốt lõi của nghệ thuật là tính nhân đạo. **(Nguyễn Ngọc)**

18. Xét đến cùng, ý nghĩa thực sự của văn học là nhân đạo hóa con người **(Đề thi HSG văn toàn quốc bảng B năm 1996)**

19. Một tác phẩm thật giá trị phải vượt lên trên tất cả bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho tất cả loài người. Nó phải chứa đựng một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn lại vừa phấn khởi, nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bằng... Nó làm cho người gần người hơn. **(Đời Thừa — Nam Cao).**

20. Niềm vui của nhà văn chân chính là niềm vui của người dẫn đường đến xứ sở cái đẹp. **(Pautopxki)**

21. Nói nghệ thuật tức là nói đến sự cao cả của tâm hồn. Đẹp tức là một cái gì cao cả. Đã nói đẹp là nói cao cả. Có khi nhà văn miêu tả một cái nhìn rất xấu, một tội ác, một tên giết người nhưng cách nhìn, cách miêu tả phải cao cả. **(Nguyễn Đình Thi)**

22. Văn chương có loại đáng thờ và không đáng thờ. Loại không đáng thờ là loại chuyên chú ở văn chương. Loại đáng thờ là loại chuyên chú ở con người. **(Nguyễn Văn Siêu)**

23. Cuộc bể dâu mà con người nhìn thấy trong văn thơ dân tộc là máu trong trái tim của người nghệ sĩ **(Tố Hữu)**

24. Nhà văn phải là người đi tìm gấm đi tìm những hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn của con người. **(Nguyễn Minh Châu)**

25. Nhà văn tồn tại ở trên đời trước hết để làm công việc giống như kẻ nâng giác cho những con người bị cùng đường, tuyệt lộ, bị cái ác hoặc số phận đen đủi dồn đến chân tường. Những con người cả tâm hồn và thể xác bị hất hủi và dọa dầy đến ê chề, hoàn toàn mất hết lòng tin vào con người và cuộc đời. Nhà văn tồn tại ở trên đời để bênh vực cho những con người không có ai để bênh vực. **(Nguyễn Minh Châu)**

26. Giá trị của một tác phẩm nghệ thuật trước hết là ở giá trị tư tưởng của nó. Nhưng là tư tưởng đã được run lên ở các cung bậc và tình cảm và tình cảm chứ không phải là tư tưởng nằm thẳng đơ trên trang giấy. Có thể nói, tình cảm của người viết là khâu

đầu tiên và là khâu sau cùng trong quá trình xây dựng một tác phẩm như thế nào. **(Nguyễn Khải)**

21. Cảm động lòng người trước hết không gì bằng tình cảm và tình cảm là cái gốc của văn chương. **(Bạch Cư Dị)**

22. Những cuộc chiến qua đi, những trang lịch sử của từng dân tộc được sang trang, các chiến tuyến có thể được dựng lên hay san bằng. Nhưng những tác phẩm đi xuyên qua mọi thời đại, mọi nền văn hóa hoặc ngôn ngữ cuối cùng vẫn nằm ở tính nhân bản của nó. Có thể màu sắc, quốc kì, ngôn ngữ hay màu da chúng ta khác nhau. Nhưng máu chúng ta đều có màu đỏ, nhịp tim đều giống nhau. Văn học cuối cùng là viết về trái tim con người. **(Maxin Malien)**

23. Xét đến cùng, ý nghĩa thực sự của văn học là nhân đạo hóa con người **(M. Gorki)**

24. Tôi muốn tác phẩm của tôi giúp mọi người trở nên tốt, có tâm hồn thuần khiết, tôi muốn chúng góp phần gợi dậy tình yêu con người, đồng loại và ý muốn đấu tranh mãnh liệt cho những lí tưởng của chủ nghĩa nhân đạo và sự tiến bộ của loài người. **(Sô-Lô-Khốp)**

25. Nói tới giá trị nhân đạo là nói tới thái độ của người nghệ sĩ dành cho con người mà hạt nhân căn bản là lòng yêu thương con con người. **(Từ điển văn học)**

26. Một tác phẩm nghệ thuật là kết quả của tình yêu. **(L. Tônxtôi)**

27. Nhà văn phải là nhà thư ký trung thành của thời đại. **(Banlzac)**

28. Văn học, đó là tư tưởng đi tìm cái đẹp trong ánh sáng **(Charles DuBos)**

29. Nhà văn phải biết khơi lên ở con người niềm trắc ẩn, ý thức phản kháng cái ác; cái khát vọng khôi phục và bảo vệ những cái tốt đẹp **(Ai – ma – tôp)**

30. Đối với tôi văn chương không phải là cách đem đến cho người đọc sự thoát ly hay sự quên; trái lại văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đặc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một cái thế giới giả dối, tàn ác, vừa làm cho lòng người đọc thêm trong sạch và phong phú thêm. **(Thạch Lam)**

31. Văn học giúp con người hiểu được bản thân mình, nâng cao niềm tin vào bản thân mình và làm nảy nở ở con người khát vọng hướng tới chân lý. **(M. Gorki)**

32. Nghệ thuật không phải là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật không nên là ánh trăng lừa dối. Nghệ thuật chỉ có thể là tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than. **(Nam Cao)**

33. Một nhà văn thiên tài là người muốn cảm nhận mọi vẻ đẹp man mác của vũ trụ. **(Thạch Lam)**
34. Sống đã rồi hãy viết, hãy hòa mình vào cuộc sống vĩ đại của nhân dân. **(Nam Cao)**
35. Ở đâu có lao động thì ở đó có sáng tạo ra ngôn ngữ. Nhà văn không chỉ học tập ngôn ngữ của nhân dân mà còn là người phát triển ra ngôn ngữ sáng tạo, không nên ăn bám vào người khác. Giàu ngôn ngữ thì văn sẽ hay... Cũng cùng một vốn ngôn ngữ ấy nhưng sử dụng có sáng tạo thì văn sẽ có bề thế và kích thước. Có vốn mà không biết sử dụng chỉ như nhà giàu giữ của. Dùng chữ như đánh cờ tướng, chữ nào để chỗ nào phải đúng vị trí của nó. Văn phải linh hoạt. Văn không linh hoạt gọi là văn cứng đơ thấp khớp. **(Nguyễn Tuân)**
36. Mỗi tác phẩm nghệ thuật phải là mỗi phát minh về hình thức và khám phá mới về nội dung. **(Léonit Léonop)**
37. Cái quan trọng trong tài năng văn học và tôi nghĩ rằng cũng có thể trong bất kì tài năng nào, là cái mà tôi muốn gọi là tiếng nói của riêng mình. **(Ivan Tuốc Ghê Nhiép)**
38. Nếu tác giả không có lối đi riêng thì người đó không bao giờ là nhà văn cả. Nếu anh không có giọng riêng, anh khó trở thành nhà văn thực thụ **(Sê – Khôp)**
39. Văn học làm cho con người thêm phong phú, tạo khả năng cho con người lớn lên, hiểu được con người nhiều hơn. **(M.L.Kalinine)**
40. Đối với con người, sự thật đôi khi nghiệt ngã, nhưng chưa bao giờ cũng dừng cảm cũng cố trong lòng người đọc niềm tin ở tương lai. Tôi mong muốn những tác phẩm của tôi sẽ làm cho con người tốt hơn, tâm hồn trong sạch hơn, thức tỉnh tình yêu đối với con người và khát vọng tích cực đấu tranh cho lí tưởng nhân đạo và tiến bộ của loài người. **(Sô-Lô-Khốp)**
41. Một tiểu thuyết thực sự hứng thú là tiểu thuyết không chỉ mua vui cho chúng ta, mà còn chủ yếu hơn là giúp đỡ chúng ta nhận thức cuộc sống, lí giải cuộc sống. **(Giooc-giơ-Đuy-a-men)**
42. Văn học không quan tâm đến những câu trả lời do nhà văn đem lại, mà quan tâm đến những câu hỏi do nhà văn đặt ra, và những câu hỏi này luôn luôn rộng hơn bất kỳ một câu trả lời cặn kẽ nào. **(Ciaudio Magris)**

43. Một tác phẩm nghệ thuật là kết quả của tình yêu. Tình yêu con người, ước mơ cháy bỏng vì một xã hội công bằng, bình đẳng, bác ái luôn luôn thôi thúc các nhà văn sống và viết, vắt cạn kiệt những dòng suy nghĩ, hiến dâng máu nóng của mình cho nhân loại. **(Leptonxtoi)**

44. Thiên chức của nhà văn cũng như những chức vụ cao quý khác là phải nâng đỡ những cái tốt để trong đời có nhiều công bằng, thương yêu hơn. **(Thạch Lam)**

45. Công việc của nhà văn là phát hiện ra cái đẹp ở chỗ không ai ngờ tới, tìm cái đẹp kín đáo và che lấp của sự vật, để cho người đọc bài học trông nhìn và thưởng thức. **(Thạch Lam)**

46. Nghệ thuật bao giờ cũng là tiếng nói tình cảm của con người, là sự tự giải bày và gửi gắm tâm tư. **(Lê Ngọc Trà)**

47. Sự cầu thả trong bất cứ nghề gì cũng là một sự bất lương rồi. Nhưng sự cầu thả trong văn chương thì thật là dễ tiện. **(Nam Cao)**

48. Hãy đi sâu vào vẻ đẹp quyến rũ của ngôn ngữ bình dân, hãy đi sâu vào những câu hài hòa cân đối trong các bài ca, trong truyện cổ tích. Bạn sẽ thấy ở đó sự phong phú lạ thường của các hình tượng, sự giản dị sức mạnh làm say đắm lòng người, vẻ đẹp tuyệt vời của những định nghĩa... Hãy đi sâu vào những tác phẩm của nhân dân, nó trong lành như nguồn nước ngọt ngào, tươi mát, róc rách từ khe núi chảy ra. **(M. Gorki)**

49. Tất cả mọi nghệ thuật đều phục vụ cho một nghệ thuật vĩ đại nhất là nghệ thuật sống trên Trái Đất. **(Béc-tôn Bréch)**

50. Giống như ngọn lửa thần bốc lên từ những cành khô, tài năng bắt nguồn từ những tình cảm mạnh mẽ nhất của con người. **(Raxun Gazatop).**

51. Không có câu chuyện cổ tích nào đẹp hơn câu chuyện do chính cuộc sống viết ra. **(Andecxen)**

52. Cuộc đời là nơi xuất bản, cũng là nơi đi tới của văn học. **(Tố Hữu)**

53. Sự trưởng thành của một thể loại được đánh dấu bằng cổ nhiên, nhưng rõ hơn lại đánh dấu bằng những phong cách. **(LLVH)**

54. Nghệ sĩ là người biết khai thác những ấn tượng riêng chủ quan của mình, tìm thấy những ấn tượng đó có giá trị khái quát và biết làm cho những ấn tượng đó có những hình thức riêng. **(M. Gorki)**

55. Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo vì vậy nó đòi hỏi người viết sự sáng tạo phong cách mới lạ, thu hút người đọc. **(LLVH)**
56. Cái bóng của độc giả đang cuối xuống sau lưng nhà văn khi nhà văn ngồi dưới tờ giấy trắng. Nó có mặt ngay cả khi nhà văn không thừa nhận sự có mặt đó. Chính độc giả đã ghi lên tờ giấy trắng cái dấu hiệu vô hình không thể tẩy xóa được của mình. **(LLVH)**
57. Phải đẩy tới chóp đỉnh cao của mâu thuẫn thì sự sống nhiều hình mới vẽ ra. **(Heghen)**
58. Tác phẩm chân chính không kết thúc ở trang cuối cùng, không bao giờ hết khả năng kể chuyện khi câu chuyện về các nhân vật đã kết thúc. Tác phẩm nhập vào tâm hồn và ý thức của bạn đọc, tiếp tục sống và hành động như một lực lượng sống nội tâm, như sự dần vật và ánh sáng của lương tâm, không bao giờ tàn tạ như thi ca của sự thật. **(Aimatop)**
59. Tình huống là một lát cắt của sự sống, là một sự kiện diễn ra có phần bất ngờ nhưng cái quan trọng là sẽ chi phối nhiều điều trong cuộc sống con người. **(Nguyễn Minh Châu).**
60. Văn học phản ánh hiện thực nhưng không phải là chụp ảnh sao chép hiện thực một cách hời hợt nông cạn. Nhà văn không bê nguyên si các sự kiện, con người vào trong sách một cách thụ động, giản đơn. Tác phẩm nghệ thuật là kết quả của một quá trình nuôi dưỡng cảm hứng, thai nghén sáng tạo ra một thế giới hấp dẫn sinh động.. thể hiện những vấn đề có ý nghĩa sâu sắc, bản chất của đời sống xã hội con người. Nhân vật trong tác phẩm của một thiên tài thật sự nhiều khi thật hơn cả con người ngoài đời bởi sức sống lâu bền, bởi ý nghĩa điển hình của nó. Qua nhân vật ta thấy cả một tầng lớp, một giai cấp, một thời đại, thậm chí có nhân vật vượt lên khỏi thời đại, có ý nghĩa nhân loại, vĩnh cửu sống mãi với thời gian. **(LLVH)**
61. Cái đen là cuộc sống. **(Secursepki).**
62. Các ông muốn tiểu thuyết cứ là tiểu thuyết. Tôi và các nhà văn cùng chí hướng như tôi muốn tiểu thuyết là sự thực ở đời. **(Vũ Trọng Phụng)**
63. Người sáng tác là nhà văn và người tạo nên số phận cho tác phẩm là độc giả. **(M. Gorki)**
64. Văn chương phải là thế trận đuổi nghìn quân giặc. **(Trần Thái Tông)**

65. Những gì tôi viết ra là những gì thương yêu nhất của tôi, những ước mong nhũc nhối của tôi. **(Nguyễn Hồng)**
66. Nếu tác giả không có lối nói riêng của mình thì người đó không bao giờ là nhà văn cả. Nếu anh ta không có giọng riêng, anh ta khó trở thành nhà văn thực thụ. **(Sê – Khốp)**
67. Nếu những nỗi đau khổ từ lâu bị kiềm chế, nay sôi sục dâng lên trong lòng thì tôi viết. **(Nêkratxtop)**
68. Có những đêm không ngủ, mắt rực cháy và thổn thức, lòng tràn ngập nhớ nhung. Khi đó tôi viết. **(Lecmôntop)**
69. Mỗi khi có gì chất chứa trong lòng, không nói ra, không chịu được thì lại cần thấy làm thơ. **(Tổ Hữu)**
70. Nghệ thuật đó là sự mô phỏng tự nhiên. **(Ruskin)**
71. Đau đớn thay cho những kiếp sống muốn cất cánh bay cao nhưng lại bị cơn áo gài sát đất. **(Sống mòn — Nam Cao)**
72. Điều quan trọng hơn hết trong sự nghiệp của những nhà văn vĩ đại ấy lại là cuộc sống, trường đại học chân chính của thiên tài. Họ đã biết đời sống xã hội của thời đại, đã cảm thấy sâu sắc mọi nỗi đau đớn của con người trong thời đại, đã rung động tận đáy tâm hồn với những nỗi lo âu, bức bối, tủi hổ và những ước mong tha thiết nhất của loài người. Đó chính là cái hơi thở, cái sức sống của những tác phẩm vĩ đại. **(Đặng Thai Mai)**
73. Văn học giúp con người hiểu được bản thân mình, nâng cao niềm tin vào bản thân mình và làm nảy nở ở con người khát vọng hướng tới chân lí. **(M. Gorki)**
74. Sống đã rồi hãy viết, hãy hòa mình vào cuộc sống vĩ đại của nhân dân. **(Nam Cao)**
75. Nhà văn phải: “đứng trong lao khổ, mở hồn ra đón lấy mọi vang động của cuộc đời”. **(Must be)**
76. Tất cả trong con người! Tất cả vì con người! Con người! Tiếng ấy thật kì diệu! Tiếng ấy vang lên kiêu hãnh và hùng tráng xiết bao! **(M. Gorki)**
77. “Một tác phẩm trác việt là một tác phẩm làm bất hủ nỗi thống khổ của con người”.
78. Nếu như Nguyễn Công Hoan đời là mảnh ghép của những nghịch cảnh, với Thạch Lam đời là miếng vải có lỗ thủng, những vết ố, nhưng vẫn nguyên vẹn, thì với

Nam Cao, cuộc đời là tấm áo cũ bị xé rách tả tơi từ cái làng Vũ Đại đến mỗi gia đình, mỗi số phận.

79. Ở đâu có lao động thì ở đó có sáng tạo ra ngôn ngữ. Nhà văn không chỉ học tập ngôn ngữ của nhân dân mà còn là người phát triển ra ngôn ngữ sáng tạo, không nên ăn bám vào người khác. Giàu ngôn ngữ thì văn sẽ hay... Cũng cùng 1 vốn ngôn ngữ ấy nhưng sử dụng có sáng tạo thì văn sẽ có bề thế và kích thích. Có vốn mà không biết sử dụng chỉ như nhà giàu giữ của. Dùng chữ như đánh cờ tướng, chữ nào để chỗ nào phải đúng vị trí của nó. Văn phải linh hoạt. Văn không linh hoạt gọi là văn cứng đờ thấp khớp (**Nguyễn Tuân**)

80. Cái quan trọng trong tài năng văn học là tiếng nói của chính mình, là cái giọng riêng của chính mình mà không thể tìm thấy trong cổ họng của bất kỳ một người nào khác. (**Tuốc – ghê – nhép**)

81. Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo. Vì vậy nó đòi hỏi phải có phong cách, tức là phải có nét gì đó rất mới, rất riêng thể hiện trong tác phẩm của mình. (**Nguyễn Tuân**)

82. Làm người thì không có cái tôi. nhưng làm thơ thì không thể không có cái tôi. (**Viên Mai**)

83. Điều còn lại đối với mỗi nhà văn chính là giọng nói của riêng mình.

84. Không có tiếng nói riêng không mang lại những điều mới mẻ cho văn chương mà chỉ biết dẫm theo đường mòn thì tác phẩm nghệ thuật sẽ chết. (**Lêônit Lêonop**)

85. Tình huống là lát cắt của thân cây mà qua đó ta thấy được trăm năm đời thảo mộc

86. Tình huống là sự kiện mà tại sự kiện đó tính cách của con người được bộc lộ.

87. Tình huống là một khoảnh khắc của dòng chảy đời sống mà qua khoảnh khắc thấy được vĩnh viễn, qua giọt nước thấy được đại dương.

88. Tình huống là một sự kiện đặc biệt trong đời sống, là kết quả của mối quan hệ đời sống nên nó éo le và nghịch cảnh.

89. Nhà văn phải biết khơi lên ở con người niềm trắc ẩn, ý thức phản kháng cái ác, cái khát vọng khôi phục và bảo vệ những điều tốt đẹp. (**Ai – ma – tốp**)

90. Giá trị của 1 tác phẩm nghệ thuật trước hết là ở giá trị tư tưởng của nó. Nhưng là tư tưởng đã được rung lên ở các bậc tình cảm, chứ không phải là cái tư tưởng nằm

thăng đơ trên trang giấy. Có thể nói, tình cảm của người viết là khâu đầu tiên cũng là khâu sau cùng trong quá trình xây dựng tác phẩm lớn (**Nguyễn Khải**).

91. Mỗi con người đều mang trong mình nhiệm vụ của người nghệ sĩ. (**M. Gorki**)

92. Những kết luận khoa học như những thỏi vàng chỉ lưu hành trong một phạm vi nhỏ hẹp. Còn tri thức từ những tác phẩm văn chương như những đồng tiền nhỏ dễ dàng lưu thông len lỏi đến với người ta.

93. Như một hạt giống vô hình, tư tưởng gieo vào tâm hồn nghệ sĩ và từ mảnh đời màu mỡ ấy nó triển khai thành một hình thức xác định, thành các hình tượng nghệ thuật đầy vẻ đẹp và sức sống. (**Bêlinxki**)

94. Đối tượng mà anh muốn nói đến dù là cái gì cũng chỉ có 1 từ để biểu hiện nó. (**Môpat xăng – Pháp**)

95. Đối với con người, sự thực đôi khi nghiệt ngã, nhưng bao giờ cũng dũng cảm cũng cố trong lòng người đọc niềm tin ở tương lai. Tôi mong muốn những tác phẩm của tôi sẽ làm cho con người tốt hơn, tâm hồn trong sạch hơn, thức tỉnh tình yêu đối với con người và khát vọng tích cực đấu tranh cho lí tưởng nhân đạo và tiến bộ của loài người (**Sô – lô – khốp**)

96. Tôi không thể nào tưởng tượng nổi một nhà văn mà lại không mang nặng trong mình tình yêu cuộc sống và nhất là tình yêu thương con người. Tình yêu này của người nghệ sĩ vừa là một niềm hân hoan say mê, vừa là một nỗi đau đớn, khắc khoải, một mối quan hoài thường trực về số phận, hạnh phúc của những người chung quanh mình. Cầm giữ cái tình yêu ấy trong mình, nhà văn mới có khả năng cảm thông sâu sắc với những nỗi đau khổ, bất hạnh của người đời, giúp họ có thể vượt qua những khủng hoảng tinh thần và đứng vững được trước cuộc sống. (**Nguyễn Minh Châu**)

97. Văn chương trước hết phải là văn chương, nghệ thuật trước hết phải là nghệ thuật. (**Nguyễn Tuân**)

98. Văn học, nghệ thuật là công cụ để hiểu biết, để khám phá, để sáng tạo thực tại xã hội. (**Phạm Văn Đồng**)

99. Nếu một tác giả không có lối đi riêng của mình thì người đó sẽ không bao giờ là nhà văn học được. (**Tsêkhốp**).

100. Nếu truyện Kiều là một dòng sông thì thơ chữ Hán là những con suối nhỏ, tất cả đều đổ vào đại dương mệnh mông là chủ nghĩa nhân đạo của nhà thơ (**Nguyễn Đăng Mạnh**).

101. *Thi ca là thứ nghệ thuật chung của tâm hồn đã trở nên tự do và không bị bó buộc vào nhận thức giác quan về vật chất bên ngoài; thay vì thế, nó diễn ra riêng tư trong không gian bên trong và thời gian bên trong của tư tưởng và cảm xúc. (Hegel)*

102. *Hai cô gái phát hiện ra bí ẩn cuộc đời trong một dòng thơ đột ngột. (Denise Levertov)*

103. *Các nhà thơ bị nguyên rửa nhưng họ không mù, họ nhìn với đôi mắt của thiên thần. (William Carlos Williams)*

104. *Tại sao thi ca lại phải khiến người ta hiểu được? (Charlie Chaplin)*

105. *Tất cả cảm hứng thi ca đều chỉ là giải mã những giấc mơ. (Hàn Sách)*

106. *Người tìm được niềm vui sướng cao quý từ những cảm xúc của thi ca là thi nhân thực thụ, cho dù anh ta không viết được dòng thơ nào trong cả cuộc đời. (George Sand)*

107. *Hội họa là thi ca được ngắm thay vì được cảm nhận, và thi ca là hội họa được cảm nhận thay vì được ngắm. (Leonardo da Vinci)*

108. *Thi ca phải có gì đó man rợ, bao la và hoang dại. (Denis Diderot)*

109. *Thứ duy nhất có thể cứu được thế giới là phục hồi nhận thức của thế giới. Đó là công việc của thi ca. (Allen Ginsberg)*

110. *Nhà thơ là giác quan, triết gia và trí tuệ của nhân loại. (Samuel Beckett)*

111. *Thời gian hủy hoại các lâu đài, nhưng lại làm giàu những vần thơ. (Jorge Luis Borges)*

112. *Người giỏi vẽ thì vẽ ý mà không vẽ hình, người giỏi thơ thì nói ý mà không nói tên. (Tô Đông Pha)*

113. *Thơ ca là tri thức đầu tiên và cuối cùng – nó bất diệt như trái tim con người. (William Wordsworth)*

114. *Làm thơ cũng như dùng binh, cẩn thận với địch thì thắng. Mệnh đề tuy dễ, không thể sơ suất hạ bút. Không đem hết công phu làm sao đến được chỗ hồn nhiên biến hóa. (Tạ Trăn)*

115. *Thơ là hành vi của con người. Người cao thì thơ cũng cao. Người tục thì thơ cũng tục. Một chữ cũng không thể che giấu. Thấy thơ như thấy người. (Tì Tăng)*

116. *Trí tuệ không liên quan gì mấy đến thi ca. Thi ca bắt nguồn từ điều gì đó sâu hơn; vượt qua trí tuệ. Nó thậm trí không thể gấn cho sự thông thái. Nó là chính nó; nó có bản tính của riêng mình. Không thể định nghĩa. (Jorge Luis Borges)*

117. Thi ca gần với sự thực chân chính hơn lịch sử. (**Plato**)

118. Thi ca là khi một cảm xúc tìm được ý nghĩ và ý nghĩ tìm được ngôn từ. (**Robert Frost**)

119. Thi ca là khoảng cách ngắn nhất giữa hai con người. (**Lawrence Ferlinghetti**)

120. Thi ca là cái bóng được chiếu bởi những ngọn đèn đường của trí tưởng tượng. (**Lawrence Ferlinghetti**)

121. Thi sĩ là gì? Một con người bất hạnh giấu nỗi đau khổ sâu sắc trong tim, nhưng đôi môi đẹp tới mức khi tiếng thở dài và tiếng khóc đi qua, chúng nghe như âm nhạc du dương... Và người ta xúm lại quanh thi sĩ và bảo: ‘Hãy hát tiếp đi’ – hay nói theo cách khác, ‘Mong những nỗi đau khổ mới hành hạ tâm hồn anh nhưng đôi môi anh vẫn đẹp dễ như trước, bởi tiếng khóc sẽ chỉ làm chúng tôi hoảng sợ, nhưng âm nhạc thì lại rất hay. (**Soren Kierkegaard**)

122. Thơ của một người bình dị hay tân kỳ, nồng hậu hay đậm bạc, không phải là mỗi bài mỗi câu đều hạn chế trong một thể cách. Có thể nào chỉ lấy một cái lông mà định đoạt cả con báo ư? (**Ngô Lôi Phát**)

123. Thơ ca không phải là ghi chép sự kiện: nó chính là sự kiện. (**Robert Lowell**)

124. Làm người không thể không phân biệt giữa nhu mì và nhu nhược, giữa cương cường và cương bạo, giữa kiêu ước và biểnlặn, giữa trung hậu và hôn ngu, giữa sáng suốt và khắc bạc, giữa tự trọng và tự đại, giữa tự khiêm và tự tiện, mấy cái đó hình như giống nhau mà thực khác nhau; còn làm thơ thì không thể không phân biệt giữa bình đạm và khô khan, giữa tân kỳ và tiêm xảo, giữa mộc mạc và vụng về, giữa cường kiện và thô bạo, giữa hòa lệ và khinh phù, giữa thanh tú và mỏng manh, giữa trọng hậu và cứng đờ, giữa tung hoành và tạp loạn, mấy cái đó cũng hình như giống nhau mà kỳ thực khác nhau, sai một ly đi một dặm. (**Viên Mai**)

125. Thơ không thể làm không vì mục đích gì cả. Thử xem những bài thơ hay của người xưa, có bài thơ nào mà không vì mục đích gì không? (**Tiết Tuyết**)

126. Trong lòng có điều gì, tất hình thành ở lời, cho nên thơ nói chí vậy. (**Phan Phu Tiên**)

127. Thi sĩ có thể sống sót qua mọi thứ, trừ lỗi in ấn. (**Oscar Wilde**)

128. Thi ca là những hình vẽ vĩnh cửu trong trái tim của tất cả mọi người. (**Lawrence Ferlinghetti**)

129. Không có mảnh nhỏ cuộc đời nào lại không mang trong mình thi ca. (**Gustave Flaubert**)

130. Tình trạng của thế giới kêu gọi thi ca đến cứu nó. (**Lawrence Ferlinghetti**)

131. Đừng dùng điện thoại. Người ta hiếm khi sẵn sàng trả lời nó. Hãy dùng thi ca. (**Jack Kerouac**)

132. Hội họa phải đạt được sự thấu hiểu qua tự thân nó, không cần tới giải thích, và thi ca cũng vậy. Nếu một bài thơ hay một bức họa cần phải được giải thích thì đó là thất bại trong giao tiếp. (**Lawrence Ferlinghetti**)

CHUYÊN ĐỀ 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN THƯỜNG GẶP TRONG KỲ THI HỌC SINH GIỎI NGŨ VĂN.....	1
I. TÁC PHẨM VĂN HỌC.....	1
1. Khái niệm.....	1
2. Nội dung và hình thức của tác phẩm văn học.....	1
3. Ý nghĩa quan trọng của nội dung và hình thức của tác phẩm văn học.....	3
II. BẢN CHẤT CỦA VĂN HỌC.....	3
1. Văn chương bao giờ cũng phải bắt nguồn từ cuộc sống.....	3
2. Văn chương cần phải có sự sáng tạo.....	4
III. CHỨC NĂNG CỦA VĂN HỌC.....	6
1. Chức năng nhận thức.....	6
2. Chức năng giáo dục.....	6
3. Chức năng thẩm mĩ.....	7
4. Mối quan hệ giữa các chức năng văn học.....	7
IV. CON NGƯỜI TRONG VĂN HỌC.....	9
1. Con người- đối tượng phản ánh của văn học.....	10
2. Vấn đề về hình tượng nhân vật trong văn học.....	12
V. NHỮNG YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHỆ SĨ TRONG SÁNG TẠO NGHỆ THUẬT.....	16
1. Người nghệ sĩ phải luôn luôn sáng tạo, tìm tòi những đề tài mới, hình thức mới.....	16
2. Người nghệ sĩ phải biết rung cảm trước cuộc đời.....	16
3. Mỗi nhà văn phải có phong cách riêng.....	17
VI. PHONG CÁCH SÁNG TÁC.....	18
1. Khái niệm.....	18
2. Biểu hiện.....	20

VII. MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ VĂN - TÁC PHẨM - BẠN ĐỌC.....	21
1. Nhà văn và tác phẩm.....	21
2. Tác phẩm và người đọc.....	22
VIII. THƠ VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÔN NGỮ THƠ.....	23
1. Khái niệm.....	23
2. Đặc trưng của thơ ca.....	23
3. Đặc điểm ngôn ngữ của thơ.....	26
4. Tính nhạc, hội họa, điện ảnh và nghệ thuật điêu khắc trong thơ ca.....	30
5. Mối quan hệ giữa thơ ca và hiện thực đời sống.....	32
6. Những yếu tố làm nên tác phẩm thơ hay.....	34
IX. TRUYỆN.....	40
1. Đặc trưng của truyện.....	40
2. Các kiểu loại truyện.....	41
X. CHI TIẾT NGHỆ THUẬT TRONG TÁC PHẨM VĂN CHƯƠNG.....	42
1. Khái niệm.....	42
2. Tầm quan trọng của chi tiết nghệ thuật trong tác phẩm văn chương.....	43
3. Cảm nhận chi tiết nghệ thuật trong tác phẩm văn chương.....	44
XI. TÌNH HUỐNG TRUYỆN.....	47
1. Khái niệm.....	47
2. Phân loại.....	47
XII. GIÁ TRỊ HIỆN THỰC VÀ GIÁ TRỊ NHÂN ĐẠO TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC.....	48
1. Giá trị hiện thực.....	48
2. Giá trị nhân đạo.....	49
XIII. KHUYNH HƯỚNG HIỆN THỰC VÀ LÃNG MẠN TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM.....	51
1. Văn học hiện thực phê phán Việt Nam 1930 – 1945.....	51

2. Văn học lãng mạn Việt Nam.....	54
3. Một số điểm khác biệt trong phương thức phản ánh giữa chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa lãng mạn.....	56
XIV. TÁC PHẨM VĂN HỌC CHÂN CHÍNH.....	62
1. Khái niệm.....	62
2. Yêu cầu của một tác phẩm văn học chân chính.....	62
XV. VAI TRÒ CỦA VĂN HỌC ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI.....	63
1. Văn học làm cho cuộc sống của con người thi vị hơn.....	63
2. Văn học cung cấp những tri thức cần thiết.....	63
3. Tâm tư, tình cảm con người được khơi dậy từ văn học.....	64
4. Văn học tô màu cho các lĩnh vực khác.....	64
5. Văn học là nơi lưu giữ giá trị văn hóa dân tộc.....	65
CHUYÊN ĐỀ 2: CÁCH LÀM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN TRONG ĐỀ THI HSG.....	66
PHẦN I: CÁCH LÀM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI.....	66
I. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÍ.....	66
II. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG.....	73
III. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI ĐƯỢC ĐẶT RA TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC (thơ, văn xuôi).....	77
PHẦN II: CÁCH LÀM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT Ý KIẾN BÀN VỀ VĂN HỌC.....	81
I. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT Ý KIẾN, QUAN ĐIỂM TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC.....	81
II. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT Ý KIẾN BÀN VỀ VĂN HỌC MANG TÍNH LÍ LUẬN.....	83
CHUYÊN ĐỀ 3 : KIẾN THỨC CƠ BẢN CỦA MỘT SỐ TÁC PHẨM TRONG CHƯƠNG TRÌNH.....	85
CHỦ ĐỀ 1: TÔI ĐI HỌC- THANH TỊNH.....	85
I. Vài nét về tác giả.....	85
II. Đôi nét về tác phẩm: Tôi đi học.....	85

CHỦ ĐỀ 2: TRONG LÒNG MẸ(TRÍCH “ NHỮNG NGÀY THƠ ẤU”)- NGUYỄN HỒNG.....	89
I. Đôi nét về tác giả Nguyễn Hồng.....	89
II. Đôi nét về tác phẩm “Trong lòng mẹ”.....	89
CHỦ ĐỀ 3: TỨC NƯỚC VỠ BỜ (TRÍCH “TẮT ĐÈN”) – NGÔ TẮT TỐ.....	93
I. Đôi nét về tác giả Ngô Tất Tố.....	93
II. Đôi nét về đoạn trích “Tức nước vỡ bờ”.....	93
CHỦ ĐỀ 4: LÃO HẠC- NAM CAO.....	97
I. Đôi nét về tác giả Nam Cao.....	97
II. Đôi nét về tác phẩm Lão Hạc.....	97
CHỦ ĐỀ 5: CÔ BÉ BÁN DIÊM- AN- DEC- XEN.....	102
I. Đôi nét về tác giả An - đéc – xen.....	102
II. Đôi nét về tác phẩm “Cô bé bán diêm”.....	102
CHỦ ĐỀ 6: CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG- Ô HEN-RI.....	106
I. Đôi nét về tác giả Ô Hen-ri.....	106
II. Đôi nét về tác phẩm Chiếc lá cuối cùng.....	106
CHỦ ĐỀ 7: HAI CÂY PHONG (TRÍCH NGƯỜI THẦY ĐÀU TIÊN)- AI-MA-TỐP.....	110
I. Đôi nét về tác giả Ai-ma-tốp.....	110
II. Đôi nét về đoạn trích” Hai cây phong”.....	110
CHỦ ĐỀ 8: NHỚ RỪNG- THẾ LỮ.....	114
I. Đôi nét về tác giả Thế Lữ.....	114
II. Đôi nét về bài thơ “Nhớ rừng”.....	114
CHỦ ĐỀ 9: ÔNG ĐỒ- VŨ ĐÌNH LIÊN.....	118
I. Đôi nét về tác giả Vũ Đình Liên.....	118
II. Đôi nét về bài thơ Ông đồ.....	118
CHỦ ĐỀ 10: QUÊ HƯƠNG- TẾ HẠNH.....	121

I. Đôi nét về tác giả Tế Hanh.....	121
II. Đôi nét về bài thơ Quê hương.....	121
CHỦ ĐỀ 11: KHI CON TU HÚ- TỔ HỮU.....	125
I. Đôi nét về tác giả Tố Hữu.....	125
II. Đôi nét về bài thơ Khi con tu hú.....	125
CHỦ ĐỀ 12:TỨC CẢNH PÁC BÓ- HỒ CHÍ MINH.....	128
I. Đôi nét về tác giả Hồ Chí Minh.....	128
II. Đôi nét về bài thơ Tức cảnh Pác Bó.....	129
CHỦ ĐỀ 13: NGẮM TRĂNG (VỌNG NGUYỆT)- HỒ CHÍ MINH.....	132
CHUYÊN ĐỀ 4: THAM KHẢO MỘT SỐ ĐỀ- ĐÁP ÁN TRONG CÁC KÌ THI HỌC SINH GIỎI	135
ĐỀ SỐ 1: Nếu biết trăm năm là hữu hạn - Hạnh phúc giữ trong tay chỉ là hạt, hạnh phúc mang ra san sẻ mới trở hoa - Tôi cho rằng ngay trong văn xuôi, cần phải đượm hồn thơ, có như thế văn xuôi mới trong sáng cất cao, Tôi đi học – Thanh Tịnh, Trong lòng mẹ - Nguyên Hồng.....	135
ĐỀ SỐ 2: Thà một phút huy hoàng rồi chợt tắt/Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm - Nguyên Hồng là nhà văn của phụ nữ và nhi đồng, Trong lòng mẹ.....	142
ĐỀ SỐ 3: Lỗi lầm và sự biết ơn - Những ngày thơ ấu là dòng hồi ức đan xen cay đắng và ngọt ngào của chính nhà văn Nguyên Hồng, Trong lòng mẹ.....	148
ĐỀ SỐ 4: Tiếng chim hót trong bụi mận gai - Bạn đừng nên chờ đợi những quà tặng bất ngờ của cuộc sống mà hãy tự mình làm nên cuộc sống - Hình tượng nước mắt trong văn chương có thể hiểu như thế nào?, Trong lòng mẹ.....	154
ĐỀ SỐ 5: Ông Đồ - Tự học là chìa khóa của thành công – “Trong văn học hiện đại nước ta, có không ít các nhà văn đã thể hiện thành công việc miêu tả tình mẫu tử “, Trong lòng mẹ, Nguyên Hồng.....	159
ĐỀ SỐ 6: Cá chép và con cua - Phân tích chất trữ tình thấm đượm qua đoạn trích" Trong lòng mẹ" (trích Những ngày thơ ấu) của nhà văn Nguyên Hồng.....	166
ĐỀ SỐ 7: Tình mẹ - Sứ mạng của người mẹ không phải là làm chỗ dựa cho con cái mà là làm cho chỗ dựa ấy trở nên không cần thiết – “Tiểu thuyết Tắt đèn của nhà văn Ngô Tất Tố có nhiều nhân vật, nhưng chị Dậu là một hình tượng trung tâm...”, Tắt đèn, Ngô Tất Tố.....	175

- ĐỀ SỐ 8: Ổ khóa và chìa khóa - Cái nào quan trọng hơn? - “Trên cái tôi giờ tôi đất của đồng lúa ngày xưa, hiện lên một cái nhân dung lạc quan của chị Dậu”, Tức nước vỡ bờ, Tắt đèn.....182
- ĐỀ SỐ 9: Lục bát về cha - Suy nghĩ của em về vai trò của người cha trong gia đình - “Trên trang sách cuộc sống tuyệt vời biết bao nhưng cũng bi thảm biết bao. Cái đẹp còn trộn lẫn nỗi niềm sầu muộn. Cái nên thơ còn lóng lánh giọt nước mắt ở đời”, Trong lòng mẹ - Nguyên Hồng, Lão Hạc, Nam Cao.....188
- ĐỀ SỐ 10: Bàn luận về phép học - Vì sao chúng ta cần bảo vệ hòa bình? - “Những điều kì diệu và cảnh huy hoàng cuối cùng không khóa lấp được lòng thương xót đối với số phận cô bé. Cô bé đã chết rồi, nhưng cái chết của em vẫn nhắc lại nhiều điều đối với những ai đang sống”, Cô bé bán diêm, An – đéc – xen.....194
- ĐỀ SỐ 11: Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã/ Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng - Ông đồ, Vũ Đình Liên - Kẻ thù của rừng xanh - : “ Chị Dậu và Lão Hạc là những hình tượng tiêu biểu cho phẩm chất và số phận của người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám.”, Tức nước vỡ bờ (Ngô Tất Tố), Lão Hạc (Nam Cao).....198
- ĐỀ SỐ 12: “Con người sống không có tình thương cũng giống như vườn hoa không có ánh nắng mặt trời: không có gì đẹp đẽ và hữu ích có thể nảy nở trong đó được” - “Người nông dân tuy nghèo khổ, lam lũ, ít học nhưng không ít tấm lòng”, Lão Hạc, Nam Cao.....203
- ĐỀ SỐ 13: Mảnh hồn làng - “Người ta có nhiều nơi để đến nhưng chỉ có một chốn để quay về: gia đình” - Cuối cùng truyện ngắn cũng như tiểu thuyết, điều chính yếu là qua nhân vật mà người viết đàm luận với người đọc về vai trò và số phận con người sống giữa xã hội và cuộc đời, Lão Hạc - Nam Cao, Chiếc lá cuối cùng - O. Hen-ri.....209
- ĐỀ SỐ 14: Hạt giống tâm hồn dành cho tuổi teen - “Để trưởng thành, những thử thách và thất bại bao giờ cũng là điều cần thiết” - “Dựng được một tình huống đặc sắc là vấn đề sống còn với người viết truyện ngắn”, Lão Hạc - Nam Cao, Chiếc lá cuối cùng – O Hen-ri.....215
- ĐỀ SỐ 15: Tiếng thì thầm của sa mạc - Phân tích giá trị nhân đạo trong ngòi bút Nam Cao được thể hiện qua truyện ngắn Lão Hạc223
- ĐỀ SỐ 16: "Bàn tay tặng hoa hồng bao giờ cũng phảng phất hương thơm" - "Mỗi tác phẩm văn học là một bức thông điệp của người nghệ sĩ gửi đến cho bạn đọc", Lão Hạc, Nam Cao.....228
- ĐỀ SỐ 17: Người thầy đầu tiên - “Ở trên đời, mọi chuyện đều không có gì khó khăn nếu ước mơ của mình đủ lớn” - “Một nghệ sĩ chân chính phải là một nhà nhân đạo từ trong cốt tủy”.....233

ĐỀ SỐ 18: Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông - “Truyện ngắn Lão Hạc đã thể hiện một cách chân thực, cảm động số phận đau thương của người nông dân trong xã hội cũ...”, Nam Cao, Lão Hạc.....	240
ĐỀ SỐ 19: Cuộc chạy đua trong rừng - Tình cảm gia đình là mạch nguồn tình cảm không bao giờ vơi cạn trong tâm hồn mỗi con người.....	244
ĐỀ SỐ 20: Qua những thay đổi của Giôn-xi, em hãy viết một bài văn nghị luận thể hiện suy nghĩ về nghị lực sống của con người - Tức nước vỡ bờ, Ngô Tất Tố và Lão Hạc, Nam Cao.....	253
ĐỀ SỐ 21: Gửi con - “Truyện “Chiếc lá cuối cùng” của O. Hen-ri là bức thông điệp màu xanh về tình thương và sự sống con người”	259
ĐỀ SỐ 22: Con người trong xã hội hiện đại đang bị "cắm tù" bởi chính chiếc điện thoại thông minh của họ?- Một kết thúc bất ngờ bao giờ cũng chứa đựng kịch tính và sự thú vị, đặc biệt sẽ gây ấn tượng và sự liên tưởng sâu xa, tạo cho tác phẩm có vang hưởng, Lão Hạc, Nam Cao.....	264
ĐỀ SỐ 23: Suy nghĩ của em về ý nghĩa của sự thay đổi cách nhìn cuộc sống theo hướng tích cực - Văn học đã viết lên những bản tình ca xúc động về tình mẫu tử, tình phụ tử, Trong lòng mẹ, Nguyên Hồng, Lão Hạc, Nam Cao.....	272
ĐỀ SỐ 24: Thương để cũng không biết - “Đoạn trích là bài ca về tình yêu quê hương xứ sở, bài ca về người thầy chân chính”, Hai cây phong, Ai – ma – tốp.....	277
ĐỀ SỐ 25: Những bàn tay công - Cả hai bài thơ đều thể hiện lòng yêu nước và niềm khao khát tự do cháy bỏng của tầng lớp thanh niên trí thức. Tuy nhiên, thái độ đấu tranh cho tự do của mỗi bài lại hoàn toàn khác nhau, Nhớ rừng – Thế Lữ, Khi con tu hú, Tố Hữu.....	283
ĐỀ SỐ 26: Bếp lửa - Tương lai của bạn được xây dựng trên rất nhiều yếu tố, nhưng cái quan trọng nhất là chính bạn - Thơ là thơ, đồng thời là họa, là nhạc, là chạm khắc theo một cách riêng, Nhớ rừng, Thế Lữ.....	290
ĐỀ SỐ 27: Người ăn xin - “Nhớ rừng” của Thế Lữ là một bài thơ hay, tiêu biểu của phong trào Thơ mới và của tác giả trên hai phương diện: tính điều luyện, phóng khoáng, già dặn của Thơ mới và tình cảm yêu nước kín đáo, âm thầm.....	298
ĐỀ SỐ 28: Nếu biết trăm năm là hữu hạn - Cảm hứng chủ đạo của “ Nhớ rừng” là cảm hứng lãng mạn và ý nghĩa tư tưởng của bài thơ trước hết ở vẻ đẹp tâm hồn lãng mạn đó, Có thể coi đây là một áng thơ yêu nước, tiếp nối mạch thơ trữ tình yêu nước trong văn thơ hợp pháp đầu thế kỉ XX, Nhớ rừng, Thế Lữ.....	307
ĐỀ SỐ 29: Người ăn xin - Tình yêu quê hương đất nước một khoảng rộng trong trái tim của Thơ mới, Nhớ rừng - Thế Lữ, Quê hương, Tế Hanh.....	311

- ĐỀ SỐ 30: Lục bát về cha - Bạn sẽ chọn lối đi đã được người ta đi mãi mà thành đường, hay lối đi không có dấu chân người? - Ông đồ có thể coi là một áng thơ toàn bích, là một trong những bài thơ hay nhất trong phong trào Thơ mới, Ông đồ, Vũ Đình Liên.....316
- ĐỀ SỐ 31: Cảm nhận của em về hình ảnh chiếc lá trong truyện ngắn Chiếc lá cuối cùng của nhà văn O. Hen-ri - Tờ giấy trắng - Thơ hay là hay cả hồn lẫn xác, hay cả bài, Ông đồ, Vũ Đình Liên323
- ĐỀ SỐ 32: "Chúng con canh giấc ngủ Bác, Bác Hồ ơi!" – Nơi dựa - Thi nhân Việt Nam", Hoài Thanh có viết: "Hai nguồn thi cảm lớn nhất của người là lòng thương người và tình hoài cổ. Có một lần hai nguồn cảm hứng ấy đã gặp nhau và để lại cho chúng ta một bài thơ kiệt tác: Ông đồ", Ông đồ, Vũ Đình Liên.....330
- ĐỀ SỐ 33: Trở về với mẹ ta thôi - Ai cũng muốn làm điều gì đó lớn lao, nhưng lại không nhận ra rằng cuộc sống được tạo thành từ những điều rất nhỏ - Thơ ca bắt rễ từ lòng người, nở hoa nơi từ ngữ, Ông đồ, Vũ Đình Liên.....336
- ĐỀ SỐ 34: Tình yêu thương, kính trọng cha mẹ là tình cảm thiêng liêng hơn cả. Thật đáng xấu hổ và nhục nhã cho kẻ nào chà đạp lên tình yêu thương đó... - Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người..., Ông đồ, Vũ Đình Liên.....343
- ĐỀ SỐ 35: Theo chân Bác - Mặt trời mọc rồi mặt trời lại lặn, vầng trăng tròn rồi lại khuyết, nhưng ánh sáng mà người thầy rọi vào ta còn mãi trong cuộc đời - Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện những tình cảm ta sẵn có, Ông đồ, Vũ Đình Liên.....348
- ĐỀ SỐ 36: Quán hàng phù thủy - Bạn sinh ra là một nguyên bản. Đừng chết như một bản sao - "Tôi đọc trăm bài trăm ý đẹp/Ánh đèn tỏa rạng mái đầu xanh/Vần thơ của Bác vần thơ thép/Mà vẫn mệnh mông bát ngát tình", Ngắm trăng, Đi đường, Hồ Chí Minh.....354
- ĐỀ SỐ 37: Câu chuyện về cậu bé bị cụt 1 cánh tay nhưng vẫn theo học võ Judo - Đọc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ một tâm hồn con người, Tức cảnh Pác Pó, Ngắm trăng, Hồ Chí Minh.....360
- ĐỀ SỐ 38: Lính đảo hát tình ca trên đảo – Bàn luận về niềm vui trong cuộc sống - Sức hấp dẫn của những vần thơ viết về quê hương của Tế Hanh không chỉ dừng lại ở việc miêu tả cảnh vật vùng biển kì vĩ mà hồn thơ Tế Hanh còn dành tình yêu đặc biệt với những người dân vạn chài nơi đây, Quê hương, Tế Hanh.....366
- ĐỀ SỐ 39: Cuộc chia tay của những con búp bê, Cô bé bán diêm - Đọc một câu thơ hay, người ta không thấy câu thơ, chỉ còn thấy tình người trong đó, Quê hương, Tế Hanh.....371
- ĐỀ SỐ 40: Sự tự nhận thức bản thân và niềm tin vào chính mình - Có ý kiến cho rằng “ Quê hương”của Tế Hanh là bài thơ trữ tình có sử dụng yếu tố miêu tả và tự sự rất hợp lý, nhưng miêu tả

và tự sự ở đây chỉ giúp cho yếu tố trữ tình càng thêm nổi bật. Nhờ có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa ba yếu tố này nên hình ảnh thơ càng chân thực, tinh tế, thể hiện tấm lòng yêu quê hương dạt dào của nhà thơ.....376

ĐỀ SỐ 41: “Bác ơi”, Tố Hữu - Nhận là một hạnh phúc, nhưng cho còn là hạnh phúc lớn hơn - “Tôi thấy Tế Hanh là một người tinh lắm. Tế Hanh đã ghi lại được đôi nét rất thần tình về cảnh sinh hoạt chốn quê hương...”, Quê hương, Tế Hanh.....385

ĐỀ SỐ 42: Muối to, muối bé - Suy nghĩ của em về cách sống của muối Bé - Tuy viết về một đề tài không mới nhưng nhà thơ đã tạo lên nhiều điều hấp dẫn, mới mẻ, Quê hương, Tế Hanh.....393

ĐỀ SỐ 43: Cách nhìn - Nghệ thuật chỉ làm nên câu thơ, trái tim mới làm nên thi sĩ, Quê hương, Tế Hanh.....398

ĐỀ SỐ 44: Câu chuyện về những hạt muối - Suy nghĩ về ý nghĩa của tinh thần lạc quan trong cuộc sống - Thơ là hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống qua những tâm trạng, những cảm xúc dạt dào, những tưởng tượng mạnh mẽ, một ngôn ngữ giàu hình ảnh và nhất là có nhịp điệu rõ ràng”, Quê hương, Tế Hanh.....405

ĐỀ SỐ 45: Từ ấy - vai trò của tình yêu thương đối với mỗi con người trong cuộc sống? - Phân tích hình ảnh người chiến sĩ cách mạng qua hai bài thơ: "Ngắm trăng" (Vọng nguyệt) của Hồ Chí Minh và "Khi con tu hú" của Tố Hữu.....413

ĐỀ SỐ 46: Chiếc lá cuối cùng - Để giàu sang, một người có thể chỉ mất vài ba năm, nhưng để trở thành người có văn hóa có thể phải mất hàng chục năm, có khi cả cuộc đời - Đọc một câu thơ nghĩa là ta gặp gỡ một tâm hồn con người, Ngắm trăng - Hồ Chí Minh, Khi con tu hú - Tố Hữu.....418

ĐỀ SỐ 47: Người có tính tự lập thường gặt hái được nhiều thành công trong cuộc sống, mặc dù phải trải qua nhiều gian khổ, khó khăn - “Thân thể ở trong lao/Tinh thần ở ngoài lao”, “Ngắm trăng” (Vọng nguyệt) của Hồ Chí Minh và “Khi con tu hú” của Tố Hữu.....424

ĐỀ SỐ 48: Phông theo Hạt giống tâm hồn - Bạn khó có thể thành công nếu không có sự chuẩn bị tốt về những kỹ năng và kiến thức nền tảng - Thơ ca Việt Nam hiện đại đã khắc họa thành công hình tượng người chiến sĩ cộng sản. Em hãy làm nổi bật vẻ đẹp của hình tượng này qua bài thơ Khi con tu hú của nhà thơ Tố Hữu.....430

ĐỀ SỐ 49: Nên bị gai đâm - Suy nghĩ của em về lòng vị tha - Nghệ thuật bao giờ cũng là tiếng nói tình cảm của con người, là sự tự giải bày và gửi gắm tâm tư, Khi con tu hú - Tố Hữu, Tiếng gà trưa - Xuân Quỳnh.....438

ĐỀ SỐ 50: Chuyện con mèo dạy hải âu bay – “Thật dễ dàng để chấp nhận và yêu thương một kẻ nào đó giống mình, nhưng để yêu thương một ai đó khác mình thực sự rất khó khăn” - Thơ ca bất rừ từ lòng người, nở hoa nơi từ ngữ, Khi con tu hú, Tố Hữu.....	447
ĐỀ SỐ 51: Nêu cảm nhận của em về nét đặc sắc trong ngòi bút nghệ thuật của Tố Hữu khi khắc họa âm thanh ở 6 câu đầu trong bài “ Khi con tu hú” – Câu chuyện về ý chí, nghị lực, dám đối mặt, chấp nhận khó khăn trong cuộc sống – Quê hương, Khi con tu hú.....	453
ĐỀ SỐ 52: Bầm ơi - Trang bị quý nhất của một người là khiêm tốn và giản dị - Hãy làm sáng tỏ lòng yêu cuộc sống và niềm khát khao tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi trong cảnh tù ngục được thể hiện qua bài thơ Khi con tu hú của Tố Hữu.....	460
CHUYÊN ĐỀ 5: THAM KHẢO NHỮNG BÀI VĂN HAY.....	466
PHẦN I: NHỮNG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI HAY.....	466
ĐỀ SỐ 1: Trong những trang ghi chép cuối cùng của đời mình, nhà văn Nguyễn Minh Châu có kể lại một sự việc ông từng chứng kiến, suy nghĩ về lòng nhân ái và sự vô cảm của con người trong cuộc sống.....	466
ĐỀ SỐ 2: Nghị luận về cống hiến và hưởng thụ.....	471
ĐỀ SỐ 3: Anh/ chị hãy trình bày suy nghĩ của bản thân về câu chuyện sau.....	476
ĐỀ SỐ 4: Nghị luận về câu nói: “Thành công chỉ đến khi chúng ta cố gắng hết sức và không ngừng hoàn thiện bản thân mình”.....	479
ĐỀ SỐ 5 : Bài học rút ra từ câu chuyện sau: Hòn đá và những viên sỏi.....	481
ĐỀ SỐ 6: Nghị luận về tình bạn.....	485
ĐỀ SỐ 7: Trình bày suy nghĩ của em về câu nói: “Học như bơi thuyền ngược nước. Không tiến sẽ phải lùi”.....	489
ĐỀ SỐ 8: Nghị luận về tình mẫu tử.....	491
ĐỀ SỐ 9: Phát biểu suy nghĩ của em về ý nghĩa của sự khác biệt trong cuộc sống.....	494
ĐỀ SỐ 10: Nghị luận về quan niệm: “Sống không mục đích khác nào con thuyền lênh đênh ngoài biển khơi mà không có la bàn”(J.Ruskin).....	496
ĐỀ SỐ 11: Nghị luận xã hội về câu nói: "Chiến thắng bản thân là chiến thắng hiển hách nhất"....	499
ĐỀ SỐ 12: Đọc câu chuyện sau: THƯƠNG ĐỂ CŨNG KHÔNG BIẾT.....	501
ĐỀ SỐ 13: Nghị luận về tình thần lạc quan trong cuộc sống.....	510

ĐỀ SỐ 14: Nghị luận xã hội về lòng nhân ái	514
ĐỀ SỐ 15: Hãy viết bài văn nghị luận xã hội trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa câu chuyện Tờ giấy trắng.....	516
ĐỀ SỐ 16: Nghị luận về người anh hùng trong thời đại ngày nay.....	520
ĐỀ SỐ 17: Nghị luận xã hội về tinh thần tự học.....	523
ĐỀ SỐ 18: Nghị luận về tình yêu quê hương đất nước.....	526
ĐỀ SỐ 19: Nghị luận về vai trò của sự sáng tạo trong cuộc sống.....	528
ĐỀ SỐ 20: Nghị luận về việc rèn luyện kỹ năng sống trong thời đại ngày nay.....	530
PHẦN II: NHỮNG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC HAY.....	534
ĐỀ SỐ 1: Chứng minh rằng "Tôi đi học" của tác giả Thanh Tịnh là một truyện ngắn giàu chất thơ	534
ĐỀ SỐ 2: Phân tích đoạn trích “ Trong lòng mẹ”(Trích Những ngày thơ ấu) của nhà văn Nguyên Hồng.....	537
ĐỀ SỐ 3:	
Đánh giá về đoạn trích “Trong lòng mẹ” (chương IV) của hồi kí “ Những ngày thơ ấu”, Thạch Lam cho rằng: “Nguyên Hồng đã miêu tả thành công những rung động cực điểm của một linh hồn bé dại”. Bằng những hiểu biết của em về đoạn trích “ Trong lòng mẹ”, hãy chứng minh.....	540
ĐỀ SỐ 4: Vẻ đẹp người phụ nữ nông dân trong xã hội cũ trước cách mạng qua nhân vật chị Dậu trong đoạn trích “ Tức nước vỡ bờ” (Tắt đèn) của Ngô Tất Tố.....	546
ĐỀ SỐ 5: Phân tích vẻ đẹp của hình tượng nhân vật Lão Hạc trong tác phẩm cùng tên của nhà văn Nam Cao.....	549
ĐỀ SỐ 6: Có ý kiến cho rằng: Mặc dù gặp nhiều đau khổ bất hạnh, người nông dân trước cách mạng tháng Tám vẫn giữ trọn những phẩm chất tốt đẹp của mình. Qua việc phân tích đoạn trích “ Tức nước vỡ bờ” (Tắt đèn- Ngô Tất Tố) và “Lão Hạc” (Nam Cao), em hãy chứng minh nhận định trên.....	553
ĐỀ SỐ 7: Phân tích bài thơ “Nhớ rừng” của nhà thơ Thế Lữ.....	557
ĐỀ SỐ 8: Phân tích bài thơ "Nhớ rừng" của Thế Lữ để thấy được niềm khao khát tự do mãnh liệt và lòng yêu nước thầm kín mà tác phẩm gợi lên.....	561
ĐỀ SỐ 9: Phân tích bài thơ Ông đồ của Vũ Đình Liên.....	567

ĐỀ SỐ 10: Có ý kiến cho rằng: "Cảm hứng trong thơ Vũ Đình Liên là lòng thương người và niềm hoài cổ". Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ ý kiến đó qua bài thơ Ông đồ.....	571
ĐỀ SỐ 11: Phân tích bài thơ “ Quê hương” của Tế Hanh.....	574
ĐỀ SỐ 12 : Phân tích tình yêu quê hương đất nước qua bài thơ “Quê hương” của nhà thơ Tế Hanh	580
ĐỀ SỐ 13: Phân tích bài thơ “Khi con tu hú” của nhà thơ Tố Hữu.....	584
ĐỀ SỐ 14: Phát biểu cảm nghĩ về truyện ngắn “Chiếc lá cuối cùng” của nhà văn O.Hen-ri.....	589
ĐỀ SỐ 15: Qua một tác phẩm văn học mà em đã đọc, đã học, hãy trình bày tác động của tác phẩm ấy đối với em.....	594
ĐỀ SỐ 16: Nhận xét về một trong những cảm hứng của Thơ mới Việt Nam giai đoạn 1930- 1945, có ý kiến nhận xét: “Tình yêu quê hương đất nước một khoảng rộng trong trái tim của Thơ Mới”. Bằng hiểu biết của mình về hai bài thơ “Nhớ rừng” của Thế Lữ và Quê hương của Tế Hanh em hãy làm sáng tỏ ý kiến đó.....	596
ĐỀ SỐ 17: Phân tích tinh thần lạc quan của Bác qua bài thơ “Tức cảnh Pác Pó”.....	601
ĐỀ SỐ 18: Phân tích bài thơ “ Đi đường”(Tẩu lộ) của nhà thơ- chiến sĩ Hồ Chí Minh.....	604
ĐỀ SỐ 19: Ngắm trăng - một cuộc vượt ngục về tinh thần của nhà thơ- chiến sĩ Hồ Chí Minh.....	607
ĐỀ SỐ 20: Nhà phê bình văn học Hoài Thanh cho rằng: “Thơ Bác đầy trăng”. Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Bằng hiểu biết của mình về những bài thơ của Bác, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên	610
CHUYÊN ĐỀ 6: MỘT SỐ NHẬN ĐỊNH VĂN HỌC.....	618